

anthony grey & nguyên ước



TRĂNG HUYẾT

tập 2

SH

T R Ầ N G H U Y Ệ T

Trăng huyết
anthony grey & nguyên ước
Midway Press

Copyright © anthony grey

anthony grey & nguyên ước

T R A N G
H U Y E T

tập 2



Midway Press 2023

NỘI DUNG

Lời nói đầu của Anthony Grey	11
Lời Giới Thiệu của Nguyễn Minh Diễm	17
Nội Dung Bài Thơ Cảm Đề của Nguyễn Ước	33
TẬP MỘT	35
Phần I. Đòi Thuộc Địa Là Thế! 1925	35
Phần II. Hận Thù Của Triệu Cu-li 1929-1930	257
TẬP HAI	11
Phần III. Sông Hương 1936	11
Phần IV. Chiến Tranh Và Nạn Đói 1941-1945	199
TẬP BA	
Phần V. Điện Biên Phủ 1954	
Phần VI. Thái Bình Kiều Mỹ 1963	
TẬP BỐN	
Phần VII. Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm	

1968-1969

Phần VIII. Chiến Thắng Và Chiến Bại 1972-1975

Tái Bút Thay lời bạt của Hoàng Khởi Phong

Phụ lục:

Tiểu Sử Tác Giả

Phòng văn của Đài Á châu Tự do

Nguyên văn Lời Mở đầu của A. Grey

TẬP II - PHẦN III

SÔNG HƯƠNG

1936

Vào năm 1930, vùng đất thuộc địa Đông Dương được hưởng một kỷ nguyên mới, yên lành và ổn định. Bắt đầu từ năm 1932, Pháp hoàn toàn dẹp tan những phong trào của người An Nam chống đối thực dân đô hộ; đồng thời kinh tế thịnh vượng trở lại. Cũng năm đó, Bảo Đại từ Pháp hồi loan lúc 19 tuổi, ngồi yên trên ngai vàng và đóng đúng vai trò do Pháp đào tạo là làm một hoàng đế nghi lễ, trường giả và vô hại. Tại Bắc kỳ và Nam kỳ, tây thuộc địa tiếp tục được cấp nhiều ruộng đất. Ngoài việc lợi nhuận tăng gần như gấp đôi do các đồn điền cao su mang lại, người Pháp còn ồ ạt kinh doanh các ngành khai thác mỏ, dệt, và đặc biệt, thuốc phiện, rượu và muối. Nhưng trên bề mặt yên tĩnh chừng nào thì ở bề dưới lòng căm thù người Pháp lại càng sâu sắc dữ dội chừng nấy do

những hành động cực kỳ tàn bạo của Pháp khi ra tay đàn áp các cuộc nổi dậy năm 1930 và 1931.

Ngoài Nghệ An và Hà Tĩnh, phong trào “cộng sản dậy” còn diễn ra tại Quảng Ngãi. Ở huyện Đức Phổ và đặc biệt huyện Sơn Tịnh, lính Lê dương bắn thẳng súng máy vào đoàn nông dân biểu tình. Nó cũng lan vào Nam kỳ với các cuộc tuần hành của nông dân ở Bà Hom, Hóc Môn, Đức Hòa cùng ba tỉnh Sa Đéc, Long Xuyên và Long An. Sài Gòn ban đêm tràn ngập truyền đơn dập bằng bàn kềm do công nhân xưởng thủy binh Ba-son in lậu.

Thế giới nói chung ít biết tới các biến cố đó nhưng người An Nam ước tính rằng trong hai năm bạo động vừa kể, có tới hơn mười ngàn đồng bào bị hành quyết, tra tấn tới chết, hoặc bị giết bằng máy chém, bom, súng và lưỡi lê. Cuộc oanh kích những người tuần hành không vũ trang ở Vinh tháng Chín năm 1930 làm chết 217 người, bị thương 125 người, cháy rụi 277 nóc nhà, riêng hai làng Lộc Châu và Lộc Hải bị san thành bình địa. Tiếp đó, thực dân Pháp và Nam triều đưa khoảng 2000 người lên máy chém mà không đem ra tòa án xét xử. Khoảng hai mươi ngàn người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc hoặc theo chủ nghĩa cộng sản bị bắt giam hoặc bị đày biệt xứ ở đảo Côn Lôn, Lao Bảo, Sơn La, v.v. Cuộc đàn áp làm rung động toàn cõi Đông Dương. Khắp nơi chất ngất bầu không

khí khủng bố rừng rợn. Chỉ cần nghe có người ám chỉ xa gần tới ba tiếng “quốc sự phạm” là ai nấy đều xanh mặt, sợ bọn hào lý vu oan giá họa hoặc bọn mã tà lính kín tình nghi, bắt bớ.

Nhưng kích thước thật sự của sự tàn ác ấy chỉ lộ ra khi có những tên lính trong Binh đoàn Lê dương Hải ngoại của Pháp bị đưa ra toà. Tới lúc ấy người ta mới biết rằng lính Lê dương thường bắt bớ bừa bãi mỗi làng mười người rồi giết hết chín, sau đó mới thẩm vấn kẻ sống sót còn lại. Đôi khi chúng tra khảo tù nhân theo từng cặp, chặt đầu người này và bắt người kia cầm chiếc đầu đã chặt đó trong lúc bị chúng tra khảo. Lính Lê dương thường đối xử cực kỳ hung ác với tù nhân ngay trong xà lim mà không cần lý do. Chúng dùng lưỡi lê cắt tai, khoét mắt và để các tù nhân - theo một báo cáo đương thời - “lắm bê bết món nước sốt hổ lớn kinh tởm gồm máu, nước tiểu và các thứ do tù nhân ói mùa ra.”

Tuy nhiên không chỉ có người Pháp mới phạm các hành vi cực kỳ tàn ác như thế, còn có người An Nam cộng sản nữa. Trong một vài tỉnh, đặc biệt tại Nghệ An và Hà Tĩnh, các chi bộ đảng cộng sản và tổ chức Nông hội đỏ dựng lên các “sô-viết” nông thôn. Họ bắt buộc những khu vực nông dân cai trị do Mao Trạch Đông thiết lập đầu tiên ở Hoa Nam, và họ dựa theo những hiểu biết sơ sài về chính quyền xô viết của Nga được họ tiếp thu qua tài liệu huấn luyện và báo

chí của đảng. Các lực lượng “tự vệ” của họ, vũ trang bằng gậy và dao, sử dụng chiến thuật khủng bố để trấn áp kẻ thù của đảng. Nông dân nào không chịu tham gia hoặc ai bị kết tội phản bội sự nghiệp cộng sản thì bị họ ám sát. Quan lại thân Pháp và địa chủ An Nam bị họ treo cổ hoặc thắt cổ trước công chúng hoặc cho vào rọ tre rồi dần dần ném xuống sông lạch hoặc ao hồ. Đồng thời, những nạn nhân họ đặc biệt ghét cay ghét đắng đều bị họ xẻo đứt mũi, nhổ trụi răng và thiêu rụi râu rồi mới bị đem đi giết.

Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ nổi loạn và khó truy bắt của cộng sản, rốt cuộc bị Pháp kết án tử hình vắng mặt vì là kẻ xúi giục và lãnh đạo từ xa các cuộc “cộng sản dậy”. Nhưng dù trải qua một thời gian ngắn ngồi trong nhà tù của người Anh tại Hồng Kông, ông tiếp tục lẩn tránh Liêm Phóng Pháp và vì nhận thấy cơn thủy triều cách mạng đang hồi rút xuống, ông thêm lần nữa biến mất vào bóng tối mịt mù ở Mát-cơ-va. Tại đó, vào năm 1932, ông được báo chí cộng sản chính thức tường thuật là đã chết. Hầu hết các đảng viên hàng đầu của Phong trào Cộng sản do ông thành lập đều bị bắt và những xà lim đông đúc, đặc biệt ở đảo Côn Lôn, ngoài khơi bờ biển Nam kỳ, trở thành đất huấn luyện cho một thế hệ mới của cộng sản An Nam; đúng như lời trong một bài hát thường được tù nhân cộng sản ca vang: “Chốn lao tù là nơi ta rèn tâm

trí; đây cũng là chiến trường mà ta không cần vũ khí!”

Lẽ ra những người tù ấy phải triển miên chờ đợi dài ngày hơn trong ngục tối Côn Lôn nhưng việc Hitler lên cầm quyền tại Đức khiến Đảng Cộng sản Pháp bị buộc lòng phải hợp tác với phe xã hội và phe ôn hòa để thành lập liên minh chống Phát xít ở Paris. Chính quyền Mặt trận Bình Dân mới lên này hợp pháp hoá Đảng Cộng sản Đông Dương. Vào những tháng đầu năm 1936, Pháp tuyên bố ân xá chính trị phạm đang bị giam ở Côn Lôn. Cách thức đàn áp của Pháp tại Đông Dương có thay đổi tùy ba miền, khiến tình hình tương đối thuận tiện cho những hoạt động đấu tranh dưới nhiều hình thái khác nhau.

Tại Hà Nội, vận động cách mạng chuyển sang vận động văn hóa và xã hội, tiếp nối các hoạt động cổ động cho tân học và đổi mới tư duy được phát động và cổ vũ trước đó bởi *Đông Dương tạp chí* của Nguyễn văn Vĩnh và *Nam Phong tạp chí* của Thượng Chi Phạm Quỳnh, nhà văn Nguyễn Bá Học, Nông Sơn Nguyễn Can Mộng, v.v. Báo chí và các cơ sở xuất bản nở rộ: báo *Thanh Nghị* với Vũ Đình Hòe, Dương Đức Hiến, v.v.; *An Nam Tạp Chí* của Nguyễn Khắc Hiếu; *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*... Xuất sắc nhất là Tự Lực Văn đoàn (TLVD) với cơ quan ngôn luận *Phong Hóa* (1933) và *Ngày Nay* (1936) cùng các

cây bút kiệt xuất như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khải Hưng, Tú Mỡ... Họ đã làm được công cuộc cách mạng về văn học, mở đầu lối viết trong sáng và giản dị để truyền bá tư tưởng, khuyến khích thanh niên phải có lý tưởng và đem hết nghị lực tham gia sinh hoạt xã hội, đòi hỏi phá bỏ những cổ tục lỗi thời, nhất là quan niệm trọng nam khinh nữ. Đặc biệt TLVĐ khéo lồng vào các tiểu thuyết tình yêu nam nữ những lời kêu gọi yêu nước, đòi hỏi nhân quyền, nhiệt tình lãng mạn cách mạng. Và như một hệ quả của kỳ vọng “không thành công thì thành nhân” của các liệt sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng, họ đã góp phần bồi đắp con đường sáng cho thế hệ mới, gây được làn sóng ngầm để tạo nên những triển sóng cuộn cuộn chuẩn bị cho các biến động mùa thu 1945.

Tại Huế, nổi bật là Huỳnh Thúc Kháng với tờ *Tiếng Dân* phát hành suốt từ năm 1927 tới 1943. Vợ chồng Đào Duy Anh với Quan Hải từng thư. Tuy thế, chương trình cải cách của nam triều bế tắc với sự từ chức thượng thư đầu triều của Ngô Đình Diệm, và sau đó, người thay thế ông là Phạm Quỳnh với chủ trương Pháp Việt đề huề và quân chủ lập hiến - trước sự lấn lướt thô bạo của người Pháp và tinh thần khiếp nhược của quan lại nam triều - chỉ có giá trị như những tiếng vang cho một niềm ước vọng của những phần tử theo dân tộc chủ nghĩa, chủ trương tranh đấu ôn hòa.

Những đối thay ở Paris làm sinh hoạt chính trị tại Sài Gòn rộn rịp hẳn và trở thành hạt nhân đấu tranh cho cả nước. Nó là nơi qui tụ các thanh niên và trí thức năng động, các tổ chức sinh hoạt trong khung luật pháp thuộc địa, tương đối qui củ, có qui chế báo chí thoáng hơn Hà Nội và Huế. Đợt đầu là 19 sinh viên ở Paris bị Pháp trục xuất vì biểu tình trước điện Elysée đòi ân xá Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí VNQDĐ, trong số người hồi hương ấy, có những khuôn mặt kiệt xuất như Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương, Phan Văn Chánh, Hồ Văn Ngà, Trần Văn Giàu, Nguyễn Văn Tạo... Rồi tới thế hệ đảng viên CS Đông Dương được Liên Xô đào tạo, lấy vùng Hóc Môn Bà Điểm làm địa bàn cho các hoạt động nổi, như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, T.V. Giàu, N.V. Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn Thị Minh Khai... Các đảng Lập Hiến của Bùi Quang Chiêu, VNQDĐ Kỳ bộ Miền nam, Thanh Niên Cao Vọng Đảng của Nguyễn An Ninh và sự manh nha thành lập các giáo phái nhập cuộc chính trị như Cao Đài, Hòa Hảo. Nhưng nổi bật hơn hết là tờ báo *La Lutte* - Tranh Đấu - của khuynh hướng CS Quốc tế Đệ tứ dưới danh xưng Tân tả Phái như Nguyễn An Ninh, T.T. Thâu, Phan văn Hùm, Trần Văn Thạch... kết hợp với một số nhân sĩ độc lập và đảng viên CS Quốc tế Đệ tam. Đây là cuộc kết hợp độc nhất vô nhị trên thế giới của hai quốc tế cộng

sản. Dù khác nhau về khuynh hướng chính trị hoặc phương thức hành động, hoặc đôi khi động cơ cá nhân, nhưng mục tiêu chủ yếu của những nhân vật kiệt xuất ấy là đấu tranh cho công cuộc giải phóng đất nước khỏi nền đô hộ của thực dân Pháp. Những sinh hoạt ấy đưa tới cao điểm là Đông Dương Đại Hội Nghị năm 1937 của các tổ chức chính trị người An Nam từ Sài Gòn lan ra tới miền trung, yêu cầu Pháp cải cách chính trị và phóng thích đại trà các tù nhân chính trị. Bị áp lực của Paris, nhà cầm quyền Pháp tại Sài Gòn đành chấp nhận sửa đổi đường lối đôi chút và thả tù quốc sự phạm.

Khi những người tù chín muồi căm thù và nôn nóng hoạt động ấy bắt đầu trở về Sài Gòn, Hà Nội và Huế, nhân viên mật vụ và mật báo viên của Nha Liêm Phóng lại bị đặt vào tình trạng báo động, âm thầm rình rập, theo dõi những dấu hiệu của một mưu đồ chống Pháp mới, có triển vọng thấm sâu và lan rộng khắp nước.

- 1 -

Bước nhàn tản trên những con đường Sài Gòn đầy bóng mát lần thứ nhất kể từ năm 1925, Joseph tự hỏi phải chăng anh đang bị chính giác quan của mình đánh lừa. Trên đầu anh, hàng me hai bên đường Catinat héo hắt như đang chết rũ trong cái nóng ngột ngạt tháng Tư nhưng ngược lại, không khí thấm đẫm ẩm ướt ừ

động nơi cổ họng dường như tạo ra trong anh một cảm giác ngẩn ngật và kích động, vừa bồn chồn vừa mơ hồ dễ chịu. Cùng lúc ấy, toàn bộ hệ thần kinh trong người cũng có vẻ như đang giãn ra và dàn rộng để hấp thu càng nhiều ấn tượng càng tốt về cái thành phố từng sống quá đổi buốt nhói trong ký ức anh suốt mười một năm nay, kể từ lần ghé lại trước đây.

Ở tuổi hai mươi sáu sung mãn, thân hình cao lớn, vai rộng, vẻ mặt còn đôi nét trẻ thơ nhưng đầy đặn của thanh niên đang thời kỳ trưởng thành, khuôn mặt Joseph thuộc loại đẹp trai như tượng tạc, so ra không kém chút nào vẻ mặt từng được trời ban cho người anh quá cố của mình.

Joseph vừa đi vừa thăm nhủ có lẽ mình cũng từng cảm xúc y như thế này trong một kỷ niệm không thể nào quên. Có thể đó là chuyến đi xe kéo đầu tiên với Chuck chạy qua mấy đại lộ của thành phố dù lúc này, thật ra anh chẳng còn nhớ chính xác cảm giác của mình trong buổi chiều xưa ấy ra sao. Cũng có thể sự đánh thức lại cơn đau đớn anh đã chịu khi nghe tin Chuck tử nạn khiến lúc này, cảm giác và nhận thức của anh bốc lên cao lạ thường.

Sau khi một mình dùng bữa tối tại Khách sạn Continental, Joseph thơ thẩn đi dạo qua những con đường vắng lặng trong khu vực cư dân phía bắc nhà thờ Đức Bà. Anh tưởng chừng mình có

thể phân biệt chính xác trong hương đêm đậm đà những mùi toả ra từ các vườn hoa rậm rạp bên trong vòng rào quanh các biệt thự sang trọng kiểu Pháp - mùi mốc ẩm ướt từ hầm nhà xông lên làm phai bạc những bức tường màu xám nhạt, mùi thối rửa của đất ẩm và lá khô. Những mùi ấy quyến với hương thơm nồng nàn của hoa lài, hoa anh thảo, đu đủ và vô số hoa quả nhiệt đới khác mà anh không bao giờ biết rõ tên từng loại, cùng nhau xông thẳng lên đầu làm ngất ngây trí não.

Joseph nghe văng vẳng bên tai những giọt dương cầm thánh thót và trong trẻo từ một bao lon lạng khuất nào đó, kèm theo là tiếng cười của nhiều người Pháp và tiếng ly cụng vào nhau. Những âm thanh ấy kéo dài trong một lúc và vang lên rõ hơn bởi không khí ẩm ướt chung quanh như làm nổi bật thêm trong anh tính chất nguy hiểm về sứ mạng khai hoá của các tây thuộc địa ở Đông Dương.

Dưới mắt Joseph, tại những đường phố trong khu vực người bản xứ chung quanh chợ Bến Thành, lễ đường dường như ngất ngây sinh động với màu sơn ta mộc mạc và đậm đà. Trong ánh sáng lập loè của những ngọn đèn khí đá, da thịt người nhà quê An Nam ở trần óng ánh như vàng khi họ cúi mình bên những ụ cao rau quả nhiệt đới xanh biếc bóng lưỡng. Tại các tủ cho vay tiền bên lề đường, các phụ nữ Ấn Độ,

quần xà-rông đỏ và vàng loè loẹt quanh thân thể màu nâu khi ẩn khi hiện, mặt đầy vẻ thuần phục. Dọc rãnh nước bên đường, những người An Nam huyền não khác đang chơi cờ bạc bằng hột xí ngầu hoặc bài tây, và các cu-li xe kéo co ro ngồi nghỉ mệt, xúc com đưa lên miệng bằng bàn tay cầm thìa đẩy bụi bặm. Trước các tiệm mặt đường đang mở cửa, những nhà buôn béo phệ người Tàu lấp bắp quảng cáo hàng hoá của mình bằng tiếng Quảng Đông xuyt xoạt.

Giữa tất cả những tiếng đời huyền não và rộn ràng ấy, Joseph bắt gặp thấp thoáng sau cánh cửa hé một bàn thờ lung linh ánh nến, bên trên an vị mấy pho tượng Phật bằng đồng và bài vị tổ tiên. Anh dừng chân nhìn vào và thấy một người An Nam khoác áo thụng bằng lụa màu lam, râu cằm lụa thưa, đang thắp hương rồi bắt đầu tụng thời kinh tối. Vẻ mặt chan hòa an tĩnh và tràn đầy cung kính của ông lão khi phủ phục hình hài mảnh khảnh xuống mặt chiếu khiến tâm trí Joseph bỗng nhớ lại, một cách sống động, cuộc lễ khẩu đầu bày tỏ lòng trung quân trong ngày Tết Nguyên đán thuở nào anh đã cùng mẹ chứng kiến tại Điện Thái Hoà ở cố đô Huế.

Tới lúc này Joseph hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng trí óc non nớt mười lăm tuổi của mình đã chịu ảnh hưởng sâu đậm biết bao bởi những nếm trải trong chuyến đầu tiên ghé lại xứ sở này. Đột nhiên anh nhận ra, một cách sắc nét,

rằng chính đôi ba phút ngắt ngảy bên ngai vàng của Hoàng đế Khải Định đã khiến anh không thể nào chấp nhận cuộc sống quân ngũ theo ý muốn của cha mình. Các cảnh tượng ngoại lai Á Đông tại kinh thành xưa cũ của An Nam đã như những liều thuốc kích thích xông thẳng lên não anh. Rồi chúng lắng xuống và đọng lại trong tâm tư khiến lòng mê say lịch sử trước đó của anh tự nó đặt trọng tâm và cố định vào phương Đông. Có lẽ nhờ thế, anh được tuyển vào đại học Harvard, nối tiếp bước chân người anh đã khuất.

Tối nay Joseph cũng nhận ra rằng việc mình quyết định chọn chuyên đề lịch sử Á Đông chỉ có thể phát xuất từ khoảnh khắc tiếp xúc với một trong những nghi lễ đẹp mắt của nước An Nam có quá khứ nhuộm đầy tinh thần Khổng Mạnh. Anh học ngôn ngữ Trung Hoa để có thể làm việc trên bản nguyên văn của những tài liệu thời cổ và của những hoàng đế vĩ đại thuộc các triều đại Hán Đường Tống Nguyên Minh và Thanh, những người trước đó anh đã đọc rất kỹ. Rõ ràng, tất cả những gì tái hiện trong con mắt tâm trí của Joseph chỉ là các biến thái từ hình ảnh được điểm trang bằng châu ngọc của Khải Định, vị quốc chủ ngồi trên ngai vàng lộng lẫy khi anh vào quan chiêm Điện Thái Hòa mười một năm về trước.

Sau khi ra trường, nỗi ám ảnh dai dẳng về

vấn đề đó đã đẩy Joseph vào một công trình nghiên cứu sâu xa hơn. Anh bảo vệ xong luận án tốt nghiệp tiến sĩ về các quốc gia triều cống “Trung Hoa: nước trung tâm” gồm Triều Tiên, Miến Điện, Xiêm, Mông Cổ, Tây Tạng và An Nam - suốt trong nhiều thế kỷ đều công nhận quyền tối thượng của hoàng đế Trung Hoa qua những cống phẩm thường kỳ bằng bạc và nhiều loại châu báu. Nghiên cứu ấy sắp được xuất bản thành sách.

Khi tiếp tục bước nhàn tản qua trung tâm thành phố Sài Gòn thì Joseph chợt có ý nghĩ rằng chính đề tài ấy đã được quyết định vào năm 1925, trong cuộc thăm viếng lần đầu và có tính định mệnh của anh tại xứ sở An Nam này. Qua sự chọn lựa chuyên đề các chư hầu của Đế quốc Trung Hoa phải chăng chính tiềm thức của anh đã tìm lý do để đưa anh quay lại vùng đất đang sống mãi trong anh bằng những hồi tưởng vừa xót xa vừa cay đắng?

Chính Joseph tự đề xuất ý kiến rằng anh cần tiến hành thêm một số nghiên cứu trong các văn kiện lưu trữ của Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội để có những am hiểu vững vàng và thẩm quyền hơn cho những chương viết về An Nam trong lần xuất bản sắp tới. Sau khi ý kiến ấy cùng các kế hoạch nghiên cứu đề tài được giáo sư bảo trợ tại Đại học Harvard chấp thuận, Joseph mới mơ hồ nhận

ra rằng động cơ của việc anh ao ước quay lại xứ sở này có lẽ không chỉ đơn thuần là nhiệt tâm học thuật.

Trong những tuần lễ trước khi bắt đầu chuyến vượt đại dương dài ngày, Joseph thấy mình càng lúc càng suy nghĩ tới cuộc săn bắn đã kết thúc cực kỳ bi thảm với cái chết của người anh mà mình vừa ganh tị vừa ái mộ. Tuy họa hiem lắm Joseph mới ghé thăm Nhà Bảo Tàng Chuyên Ngành Vạn Vật Học Sherman tại Washington nhưng trước ngày rời Hoa Kỳ anh có tạt ngang đó, ngắm nhóm động vật trâu rừng, hươu và min do Chuck và cha anh bắn hạ. Thấy những con thú ấy được trưng bày như chúng đang sống trong môi trường rừng nguyên sơ, lòng Joseph lại nao nao những xúc động tưởng đã đào sâu chôn kín suốt hơn mười năm qua.

Rồi trong cuộc hành trình dài ngày từ Vancouver đi Hồng Kông trên con tàu khách của hãng Thái Bình Dương Canada, Joseph thấy mình mỗi ngày một thêm băng khuâng. Kế đó, anh đi tiếp đến Sài Gòn trên một con tàu chạy bằng hơi nước của Công ty Vận tải Đường biển của Pháp xuất phát trước đó ở Marseilles. Khi bắt gặp hai ngọn tháp song đôi của Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn thấp thoáng nháy nhót trên các ngọn cây bên dòng sông Lòng Táo khúc khuỷu và lộng gió, Joseph thêm lần nữa cảm nhận về mê hoặc dị thường của xứ nhiệt đới từng làm

ngây ngất tâm trí thơ dại của anh nhiều năm trước đây.

Quang cảnh Rừng Sác xanh thắm ăn tràn ra mé nước hai bên dòng sông mang bỗng bênh trở lại tâm trí Joseph những ký ức lắng đọng lâu năm ở tận đáy sâu tiềm thức. Lệ bắt đầu trào lên mắt khi anh nhớ lại người anh quá cố từng hào hứng sôi nổi biết bao về viễn tượng săn bắn tại đây, trong buổi sáng đầu tiên hai anh em cùng đứng dựa lan can con tàu đi ngược dòng sông này. Kể đó, dù với nụ cười gượng gạo, Joseph vẫn nhớ tới một khoảnh khắc hạnh phúc hơn và cảm giác hưng phấn lớn lao tiếp theo cuộc khai hoàn thâm lặng của bản thân mình nơi sóc Mọi. Cùng với những hoài cảm ấy, Joseph còn cảm thấy có linh cảm bốn chồn bút rứt, như báo hiệu một điểm gỡ có thể lúc này đang lơ lửng đâu đó trên vùng đầy bóng tối bên ngoài ký ức của anh.

Trong thời gian con tàu từ cửa Cần Giờ lần đường cập bến cảng Sài Gòn, Joseph có một giấc mộng không lớp lang, lẫn lộn lung tung các hình ảnh đầy xáo lộn của những gã tây thuộc địa người Pháp hung ác, con trâu rừng bị bắn gục, những ông quan khẩu đầu trong cung điện bằng vàng, Và vật vờ giữa cảnh tượng hỗn mang đó là hình ảnh của Chuck cùng cha mẹ anh như những bóng ma hồn lìa khỏi xác, không thể hoặc không muốn thấy anh hoặc không giao cảm được với anh.

Chơi với và hoàn toàn bị bỏ lại cô đơn trong giấc mộng, Joseph thêm lần nữa ném trái cảm giác choáng váng cực độ và hoang mang hiu quạnh anh từng phải chịu trong cơn bão nửa đêm nơi trại săn trong rừng. Rồi anh choàng tỉnh trên giường, toàn thân đầm mồ hôi lạnh. Vừa tới Sài Gòn Joseph ngạc nhiên thấy chuyến ghé lại thứ nhất đầy bất hạnh của gia đình Sherman không bị người đời hoàn toàn quên lãng. Một nhà báo Pháp lanh lợi thường để ý khách mới đến, nhớ ra danh tính gia đình người Mỹ nổi tiếng với thảm kịch được đăng trên trang nhất năm 1925. Joseph liền bị phỏng vấn và chụp hình ngay trong phòng mình ở Khách sạn Continental Palace cho một tờ báo thuộc địa.

Bài phóng sự đó kèm theo hình của Joseph xuất hiện trên ấn bản buổi tối, viết đại khái những nét chính về chuyến viếng thăm hiện nay của anh và đề cập tới những con thú do cha và người anh quá cố của anh đã bắn được ở An Nam thuở ấy, nay là những vật triển lãm chủ yếu tại Nhà Bảo tàng Sherman ở thủ đô Washington.

Joseph mang theo mình một tờ khi đi dạo. Lúc về lại khách sạn, anh thả người xuống chiếc ghế mây kê sát cửa sổ nơi tầng trệt, đưa mắt đọc lướt bài báo lần nữa trong khi chờ người hầu bàn bung thức uống ra.

- Thì ra anh đã trở về đây để xem nàng công chúa Mọi nhỏ bé có còn mong ngóng mình nơi cung điện âm khói trong rừng, phải không Joseph?

Có giọng nói bằng thứ tiếng Anh chưa đủ trọng âm sát bên tai làm Joseph giật nảy người. Anh quay lại, thấy trước mắt mình bộ mặt tươi cười hớn hở của một đại úy Bộ binh Thuộc địa Pháp. Trong một thoáng Joseph ngơ ngác nhìn khuôn mặt đẹp trai rậm rắng, dí dỏm với bộ ria cắt tỉa gọn ghẽ, đôi ủng cao cùng búp nịt bóng loáng và bộ quân phục ủi thẳng nếp, không một tí vết.

- Chớ nói với tôi là “chàng thanh niên Mỹ đa tình” không nhận ra kẻ tháp tùng anh ta trong chuyến đầu tiên lên đi gặp đàn bà.

Viên đại úy vừa nói vừa làm bộ tức tối giờ chiếc mũ màu trắng xuống để lộ mái tóc quần dày và sẫm màu.

- Cũng chớ nói với tôi là lần này anh không chịu đi. Tôi đã chuẩn bị sẵn ô-tô cùng ngựa. “Già làng” đã mở sẵn nắp ché “rượu cần”...

Tiếng cười sang sảng của người Pháp ấy khiến mọi người đang có mặt trong tầng trệt ngoảnh đầu về phía hai người. Joseph tần ngần kéo ghế đứng lên, rồi chìa tay. Anh nói ấp úng:

- Tôi khó mà tin nổi! Thật Paul Devraux đây sao?

Viên sĩ quan Pháp nồng nhiệt đưa cả hai tay mình ra chụp lấy bàn tay của Joseph:

- Thật, thật đấy. Vừa thấy hình ảnh trên báo tối nay, tôi đi thẳng một mạch tới đây ngay.

Vẫn toét miệng cười Paul nghiêng đầu sát hơn, nói vô tai Joseph, làm bộ như thẩm thi:

- Có lẽ tôi phải báo động cho anh trước khi tụi mình rời chỗ này đi lên bản Mọi - đàn bà ở đó mau già lắm. Nàng béo rất lẹ và lúc này tóc bạc phơ, không ít hơn “già làng” một sợi. Nhưng nàng vẫn đợi chờ anh trong cái lều thơm phưng phức đó, không bao giờ quên anh, không bao giờ yêu người khác. Nàng nói với già làng rằng chưa từng có ai hợp ý và vừa với bụng nàng hơn “chàng Mỹ đa tình” của nàng.

Paul lại khoái chí rộ lên cười còn Joseph cảm thấy bút rút dưới tia mắt của những người chung quanh, không cười theo. Việc nhìn thấy mặt Paul lần đầu tiên từ khi rời trại săn trong rừng làm Joseph bối, cực chẳng đã, nhớ lại buổi sáng đẩy tủ thân sau đêm mưa bão. Đột nhiên, mặt nóng bừng bối rối, Joseph âm thầm tự hỏi không biết Paul có ý niệm mơ hồ nào về những gì xảy ra trong đêm ấy không.

Paul tiếp tục nói, cũng với cái giọng giả vờ thẩm thi nhưng cố ý cho người ngoài nghe rõ từng tiếng. Và anh cười tươi rói vỗ vỗ tờ báo trên bàn:

- Tôi cho rằng ba cái thứ tào lao nói trong tờ báo này về việc anh sắp đi Hà Nội để nghiên cứu lịch sử, chỉ là cái vỏ che đậy thôi. Anh không

thể thừa nhận trắng trợn với báo chí rằng anh vượt Thái Bình Dương tới đây cốt chỉ để thăm cô bạn Mọi năm xưa.

Nét hồn nhiên sung sướng chào đón cùng với vẻ tươi cười rạng rỡ không tan biến chút nào trên khuôn mặt đôn hậu và rám nắng của Paul lập tức xua tan những nghi ngại trong lòng Joseph. Anh nói, cố ý giữ bộ mặt rất nghiêm trang:

- Tôi biết anh vẫn ghen tức hơn bao giờ hết dù đã mười một năm rồi, phải không Paul?

Nụ cười của người Pháp thoáng chút mờ đi:

- Ghen? Anh có ý nói gì vậy Joseph?

- Rằng tôi đã xót mất cô nàng xinh đẹp nhất!

Cả hai cùng rộ lên cười ngặt nghẽo. Paul vừa nồng nhiệt vỗ vai Joseph vừa thả người xuống chiếc ghế bên cạnh. Ngay lúc ấy người hầu bàn bước tới với ly bia đậm bạc trước đó Joseph đã gọi. Thấy vậy Paul xua tay, mặt tỏ vẻ gờm ghiếc và chế giễu. Anh lớn tiếng ra lệnh bằng tiếng Pháp:

- “Xin anh bồi vui lòng” mang ra cho chúng tôi một chai sâm-banh! Chúng tôi uống mừng một biến cố lịch sử - chuyến trở lại Sài Gòn của một trong những người tinh vĩ đại nhất thế giới! Trong lúc Paul và Joseph cười rữ rượi nhắc lại và thêm mắm dặm muối cho chuyến cả hai ghé bàn Mọi, người hầu bàn trở ra với chai sâm-banh Perrier-Jouet và hai chiếc ly. Cả hai nhìn

nhau, cùng ngạc nhiên và cùng sung sướng chẳng kém gì nhau khi thấy thời gian trôi qua không làm suy yếu chút nào tình bạn của họ dù sợi dây bằng hữu ấy chỉ được đan kết trong đôi ba ngày niên thiếu và suốt hơn mười năm nay chẳng còn được người nào nhắc nhở. Ngồi bên nhau khi đã quá đôi mươi, Joseph và Paul vẫn cảm thấy khoan khoái dễ chịu không thua gì thuở mới mười mấy tuổi.

Dần dần những bốn cột bóng đèn qua đi, nhường chỗ cho lời thăm hỏi đứng đắn về những năm cả hai không gặp nhau. Paul vừa rót rượu vào ly lần thứ hai vừa nhoèn miệng cười triu mến rồi nói với Joseph:

- Joseph này, anh biết không, vẻ ngoài của anh thay đổi quá nhiều. So với lúc anh còn là một cậu bé, tôi thấy lúc này anh giống hệt ông anh Chuck của anh - nhưng anh đẹp trai hơn. Vừa thấy anh tôi cứ tưởng...

Paul chợt ngừng nói, chờ cho sâm-banh đầy ly rồi liếc thật nhanh người bạn Mỹ:

- Tôi xin lỗi - mình đã không gặp nhau kể từ tai nạn khủng khiếp ấy. Anh rời cuộc săn trước ngày xảy ra chuyện đó, đúng không?

Joseph lệ làng gạt đầu và xua tay:

- Không sao đâu Paul. Chuyện xảy ra đó ai cũng biết hết.

Rồi đang nâng ly rượu đầy áp lên môi anh bỗng ngừng lại:

- Nhưng thú thật, việc trở lại nơi này làm tôi nghĩ tới anh Chuck nhiều hơn những năm vừa qua. Hẳn anh hoàn toàn hiểu rõ anh ấy trong mấy tuần lễ hai người đi săn với nhau, phải không?

Trong một thoáng trầm ngâm nhìn xuống đám đông đang đi dạo buổi tối dưới những hàng me trên vỉa hè đại lộ Catinat sát thêm khách sạn, Paul trả lời:

- Vâng, đúng vậy. Anh của anh là một thanh niên rất gan dạ và bắn giỏi. Cũng là một người bạn đồng hành cực kỳ hoà nhã. Cái chết của anh ấy làm ba tôi và tôi bị sốc rất nặng.

Lần đầu tiên Paul và Joseph im lặng. Trong một hai phút cả hai ngồi yên nhấp rượu, không ai nói với ai lời nào. Sau cùng Paul nói tiếp:

- Những buổi tối ở trại săn chúng tôi chuyện trò rất nhiều. Có một đêm Chuck nói tới một điều mà về sau nó bám riết trí óc tôi rất lâu.

- Điều gì vậy?

- Chuck nói cha anh kỳ vọng rằng anh ấy sẽ là một chính khách và còn có cao vọng rằng một ngày nào đó anh ấy có thể trở thành tổng thống Mỹ. Khi nói với tôi như thế, anh ấy nhe răng cười và thú thật rằng mình không quan tâm chút nào tới chính trị - tôi nghĩ có lẽ chính vì thế tôi nhớ mãi điều đó. Những gì xảy ra vào mấy ngày sau dường như làm cho điều đó hoá ra buồn bã vô cùng.

Thoáng chút ngần ngại, Paul nhìn thẳng vào mặt Joseph ở bên kia bàn:

- Ba anh có chuyển kỳ vọng đó qua cho anh không? Anh có sắp đi vào chính trường không?

- Tôi nghĩ là không.

Joseph trả lời thật lẹ, gần như trước khi người bạn hỏi xong câu. Anh từng mơ hồ nhận ra cái chết của Chuck khiến anh sinh lòng thêm muốn được sáng chói trong mắt cha để điền vào chỗ của anh mình và việc nhận ra ấy làm anh bối rối.

Tại đại học Harvard, Joseph lao vào hoạt động thể thao để cố chứng tỏ thể chất mình kiên cường, đó là cái anh thường nghi ngờ sẽ không bao giờ tự nó bộc lộ dưới cái bóng tài giỏi về thể thao và điển kinh của Chuck. Trong những năm học ở đó, anh trở thành cầu thủ ngoại hạng của đội bóng bầu dục và là một tay bơi lội hàng đầu, tuyển thủ quần vợt hàng đầu. Khi cha anh rũ anh tham gia những chuyến đi săn thường lệ, Joseph kinh ngạc thấy mình có thể nổ súng vào con mồi với lòng không chút băn khoăn. Nhưng kết quả những việc đó không làm thay đổi nhiều lắm bản chất mối quan hệ giữa hai cha con, và vì một lý do nào đó, anh không ngạc nhiên, cũng không đặc biệt thất vọng về mức độ quan hệ ấy. Cuối cùng anh nhận thấy thật vô ích khi nỗ lực tái tạo một hình ảnh phản chiếu các tài nghệ của Chuck - nhưng thật trái ngược,

sự nhận biết ấy không cất bỏ hoàn toàn tình trạng chính anh tự mình thúc ép mình, một cách phi lý, phải tiếp tục những nỗ lực như thế.

Cuối cùng, Joseph nói với Paul bằng giọng nhẹ nhàng, cố che giấu cảm xúc của mình về vấn đề đó:

- Cũng y như anh Chuck, tôi nghĩ mình không có phẩm chất và khả năng thích hợp với chính trị. Và dù sao chú em của tôi có vẻ sẽ là người được cha tôi yêu thương hơn bất cứ ai trong nhà. Cặp lông mày Paul nhíu lại thành một vết nhăn dò hỏi:

- Anh có em trai sao Joseph?

Joseph nói thật nhanh, mắt nhìn xuống ly rượu:

- Tên nó là Guy, đứa không ngờ mà có. Lúc này nó lên mười. Nó sinh vào cuối cái năm anh Chuck qua đời. Tôi nghĩ nó giúp rất nhiều cho cha tôi trong thời gian ông cố gắng vượt qua tấn thảm kịch; nó làm cho cha tôi bớt phần nào suy nghĩ ừ ừ.

Nói xong, anh vội vàng liếc về mặt của viên sĩ quan Pháp nhưng không thấy có dấu hiệu nào chứng tỏ Paul đọc được ý nghĩa đặc biệt trong thông tin ấy.

- Và ông ấy có hoàn toàn bình phục không? - ý tôi muốn nói tới cha anh đấy. Joseph gật đầu, mặt vẫn không ngược lên:

- Ông ấy mất một cánh tay, tôi tưởng anh

biết rồi. Nhưng cha tôi là người rất quyết tâm - tôi giả dụ anh có thể nói là thậm chí ngoan cố nữa. Ông vẫn đi săn bằng một tay còn mạnh - và không tệ chút nào. Dĩ nhiên dùng súng trường loại rất nhẹ và không bao giờ còn bắn hạ con gì lớn hơn con nai. Tôi nghĩ, ban đầu cha tôi cảm thấy phiền muộn rằng ông đã chẳng làm được gì hơn nữa để cứu Chuck. Rồi thì dường như cái làm cho ông bức bối là Chuck đã không hành động đúng với tính cách của anh ấy. Anh tôi là một người gan dạ, đúng như anh nói, nhưng anh ấy không bao giờ liều lĩnh dại dột. Suốt một thời gian dài, cha tôi gần như tự trách mình rằng chính ông là người có lỗi vì đã không phản ứng nhanh nhạy hơn khi Chuck cứ nhất quyết đuổi theo con mìn bị thương ấy vào trong lùm tre gai, trái với mệnh lệnh của ông.

Paul nhóm người lên trên ghế, hít một hơi thật nhẹ như thể sắp nói điều gì đó nhưng rồi đổi ý. Thay vào đó, anh cầm ly rượu đưa lên miệng. Đang vừa nói vừa bút rút bóp bóp chiếc ly của mình, Joseph nhìn lên và kịp thấy vẻ tấn ngôn trên mặt viên sĩ quan Pháp. Giữa cả hai thoáng chút lẩn cấn rồi Joseph hỏi để phá tan bầu khí im lặng:

- Còn anh thì sao Paul? Kể từ lần cuối mình gặp nhau, anh đã trải qua những gì?

Người Pháp nhún vai và nhăn mặt để che lấp tình trạng không thoải mái của mình:

- Nhiều và ít - cuộc sống khá buồn nản của một quân nhân ở thuộc địa. Chẳng bao lâu sau khi anh đi, tôi rời Sài Gòn trở về Pháp - vào St. Cyr. Sau ba năm ở đó, đơn vị bổ nhiệm đầu tiên của tôi là về lại đây, ở Bắc kỳ, tại một cứ điểm có tên là Yên Bái. Tới năm ba mươi hai tôi đi châu Phi cho một nhiệm kỳ ba năm rồi quay lại Sài Gòn theo đơn xin của mình - chỉ mới sáu tháng nay thôi. Joseph háo hức hỏi và nhún lông mày cố nhớ:

- Vậy ra anh ở đây vào lúc xảy ra những biến động hồi năm ba mươi và ba mươi mốt? Báo chí bên chúng tôi có một số bài tường thuật về các cuộc nổi dậy đó. Phải chăng đã có một loại khởi nghĩa nào đó ở Yên Bái?

Paul chậm chậm gật đầu nhưng không đưa ra chi tiết. Joseph nói tiếp:

- Trên chuyến tàu tới đây tôi có hỏi một người đồng hương về chuyện đó. Ông ta nói đó chỉ là một cơn bão trong tách trà: “Vài gã bôn-sê-vich của Joseph Stalin tính chuyện thừa cơ lợi dụng đôi ba vụ mất mùa.” Tôi cho rằng đó chỉ là cách diễn tả của ông ta thôi. Ông ta còn nói họ cố lén lút đưa một ít công thức cách mạng rỗng tuếch cho những người bản xứ nhẹ dạ nhưng không tiến xa lắm. Nói như vậy có đúng không?

Lắc đầu và nhóm hăn người tới trước, Paul hạ thấp giọng để không ai có thể nghe lén:

- Joseph này, nó còn tệ hại hơn bất cứ ai ở thế

giới bên ngoài có thể biết tới. Máu đổ rất nhiều và không cần thiết. Đối với tôi, nó xuất hiện hoàn toàn như một cú sốc cực kỳ. Tại Yên Bái, cuộc nổi dậy gần như sắp thành công. Những kẻ nổi dậy bầm nát năm sáu sĩ quan đồng đội của tôi. Và lần đầu tiên tôi tận mắt thấy chính xác rằng trong nhiều người An Nam lòng căm thù người Pháp quả thật sâu xa, không bờ bến.

Joseph khắc khoải hỏi:

- Anh có dính líu trực tiếp không Paul?

Paul gật đầu:

- Chẳng may là có Joseph ạ.

Paul lại đưa mắt xem xét kỹ lưỡng vỉa hè Catinat đông đúc sát mé dưới tầng trệt khách sạn. Anh nói và bất giác xoa xoa vai bên mặt làm Joseph nhớ lại cử chỉ cần cái của Paul anh từng nhận ra mỗi khi Paul nhắc ly rượu lên.

- Tôi nghĩ mình may mắn thoát chết. Tôi lãnh một vết thương trên vai nay thỉnh thoảng còn bị nó hành. Nhưng có lẽ cái tệ hại nhất là thấy những người An Nam mình từng đối xử như bạn thiết nay bỗng chốc trở thành kẻ căm thù mình dữ dội.

- Anh có ý nói tới lính bản xứ của anh?

- Không - còn tệ hại hơn nữa.

Ngừng một chút Paul quay lại nhìn Joseph:

- Anh còn nhớ Ngô Văn Lộc, người “bồi” trại săn của chúng ta không?

Joseph gật đầu.

- Chính việc đó. Lộc và hai con trai của anh ta xuất hiện trong số những người nổi dậy ấy. Cả ba vùng gươm và mác lên, thét lớn đòi máu của tôi, cùng với những người khác... Joseph giật mình không tin nổi:

- Anh có ý nói hai đứa nhỏ đùa giỡn với chúng ta nơi trại săn?

Paul gạt đầu cay đắng:

- Té ra suốt trong những năm đó Lộc cùng vợ anh ta hoạt động cho phong trào chống đối này nọ. Anh biết không, vào lúc chúng tôi gặp gia đình anh, ba tôi thỉnh thoảng có phụ trách một ít công tác mật cho Liêm Phóng, còn vợ chồng Lộc được gài vào nằm vùng để theo dõi chúng tôi. Trong thời gian xảy ra các biến động ấy, ba tôi đang là viên chức làm việc thường trực cho Nha Liêm Phóng. Hiện ông là phó tổng chỉ huy cơ quan đó, kiêm nhiệm phân sở Trung kỳ tại Huế.

- Rồi sau đó Lộc và hai con trai của anh ta ra sao?

Trong một thoáng Paul nhìn Joseph với vẻ mặt đau đớn:

- Học, chú bé nhỏ nhất, bị bắt và sau đó bị hành quyết công khai bằng máy chém cùng với mười hai người nổi dậy khác.

Nghe đến đây, Joseph kinh hoàng, chậm chậm lúc lắc đầu:

- Thật không tin nổi Paul ạ.

Người bạn Pháp xoa một bên hàm, cử chỉ tỏ vẻ khích động:

- Chuyện không chỉ có vậy. Nói ra nghe buồn lắm. Trước đó, vào một ngày nọ, ba tôi để ý thấy trên bàn viết mất một số giấy tờ, rồi ông tìm thấy chúng trong nhà của người giúp việc. Lúc ấy Lộc đi xa vì vợ của anh ta bị hiến binh bắt giam để điều tra.

Paul ngừng lại, rõ ràng đang đau lòng vì những gì mình nói, và thêm lần nữa anh đưa mắt xem xét đường phố:

- Chị ta sau đó chết trong tù... theo lời của công an là “trúng gió”. Vậy anh thấy, rốt cuộc của tất cả những cái đó... gia đình Ngô văn Lộc có cơ sở để không thương mến gì chúng tôi.

- Rồi xảy tới chuyện gì nữa cho người cha với cậu con lớn ấy?

- Sau đó, Lộc gia nhập Đảng Cộng sản và cuối cùng, nghe nói anh ta bị thương trong một cuộc nổi loạn đầu đó ở mạn bắc Trung kỳ. Và rồi hình như anh ta lại tham gia những vụ “cộng sản dậy” ở Bắc kỳ hoặc ở lục tỉnh Nam kỳ. Nhưng tôi biết chắc rằng khoảng bốn năm trước đây, anh ta bị bắt và bị cho lên tàu chở ra làm tù khổ sai ở đảo Côn Lôn cùng với cả ngàn đảng viên cộng sản khác. Ngoài ra, tôi không biết chuyện gì xảy tới cho Đồng.

Người bạn Mỹ trầm giọng hỏi:

- Có phải những việc ấy để lại trong anh cảm giác cay đắng về người An Nam?

Viên sĩ quan Pháp chậm chậm nhấp rượu. Và anh ngả lưng ra ghế với tia nhìn xa xăm trong mắt:

- Cũng khá lạ lùng là nó tác động ngược lại. Cuối năm ba mươi mốt, sau khi mọi biến động ấy lắng xuống, tôi muốn rời nơi đây đi thật xa - nhưng tại châu Phi tôi lại thấy mình thường xuyên nghĩ tới người An Nam hơn là nghĩ tới người châu Phi.

Mặt Paul hằn nét suy tư trong khi anh tìm cách diễn đạt những cảm xúc phức tạp có lẽ chính anh cũng không thể hiểu cặn kẽ:

- Tôi khám phá ra rằng xứ sở này và dân tộc này dù sao cũng đã lậm vào máu của tôi. Tôi quả thật không thể giải thích nổi điều đó. Dù đó là cái gì đi nữa, nó cũng khiến tôi xin thượng cấp được chuyển chuyển về lại đây.

Anh nhìn Joseph, mỉm cười rầu rĩ:

- Đối với anh thì có vẻ điên rồ khi một sĩ quan quân đội lại suy nghĩ theo cách đó, nhưng giả dụ tôi cảm thấy nước Pháp, bằng nhiều cách thức khác nhau, đã làm nhiều điều sai trái ở đây - người ta đã có thể và nên ứng xử tốt hơn. Dĩ nhiên, đang có nhiều cải tiến. Liên minh Mặt Trận Bình Dân ở Paris đã hợp pháp hoá Đảng Cộng Sản ở đây và người ta bắt đầu phóng thích các tù nhân chính trị hiện bị giam ở đảo Côn Lôn. Lúc này, thậm chí có tới bốn người cộng sản trong hội đồng thành phố Sài Gòn; không

khí chính trị tương đối khoan nhượng tới độ người của Trotsky và người của Stalin hợp tác được với nhau. Đó chỉ là mới bắt đầu, tôi biết...

Paul nhún vai như thể thừa nhận rằng anh không có khả năng giải thích cảm xúc của mình một cách tỉ mỉ hơn:

- Có lẽ tự tay mình tôi không làm được gì nhiều - nhưng dù sao tôi cũng đang ở đây...

Joseph mỉm cười, cảm thấy ấm lòng vì sự chân thành và thẳng thắn của người sĩ quan ấy:

- Paul ạ, tôi nghĩ là tôi hiểu. Lúc này tôi cũng đang ở đây. Tôi có thể thấy sâu trong tiềm thức mình rằng tôi lúc nào cũng muốn trở lại đây. Dù không dính líu theo cách hiện nay của anh, tôi vẫn cảm thấy xứ sở này và dân tộc này có điều gì đó làm mình say mê.

Nghe vậy, Paul nhoẻn miệng cười trở lại và nói:

- Thì ra tôi nói giỡn lại trùng y chóc hơn tôi tưởng. Này, nói tóm lại, có phải thật ra anh bị lôi trở lại đây là vì nhớ tới bộ ngực trần của mấy nàng Mọi đó? Hay là anh đã lập gia đình?

Joseph lắc đầu, tới lượt anh nhoẻn miệng cười:

- Chưa. Tôi chưa có vợ.

- Sao lại chưa? Một chàng tuổi trẻ độc thân đẹp trai con nhà giàu như anh đương nhiên bị các người đẹp Mỹ quốc săn đuổi ráo riết, đúng không?

Joseph hơi ngượng vì câu hỏi thẳng thừng đó. Thoảng chút lưỡng lự, anh cố làm cho rõ tâm trạng của mình nhưng không nổi:

- Nói thật Paul ạ, tôi thấy hầu hết phụ nữ đều không thật lòng. Tôi nghĩ mình chưa gặp được thiếu nữ nào mình hoàn toàn tin tưởng để có thể kết hôn.

Viên sĩ quan Pháp lại vừa căn vặn vừa cười:

- A, té ra bên Mỹ, phụ nữ bạc bẽo cũng là một chủng loại thông thường, phải không?

- Nó không là một hiện tượng toàn cầu sao?

Paul lại quay nhìn xuống đường phố, ngắm hai thiếu nữ An Nam mảnh mai đang bước đi tha thướt trong chiếc áo dài cao cổ nhẹ như tơ:

- Có thể... có thể... cho dù các tiểu thư Sài Gòn con nhà gia giáo dĩ nhiên vẫn thích mang trình tiết của mình bước tới bàn thờ.

Joseph nhìn theo mắt Paul, mỉm cười:

- Các chú rể ở đây có còn chơi cái trò trải vuông lụa trắng trong đêm động phòng không đấy?

Người Pháp cười lớn:

- A, Joseph, trí nhớ của anh tuyệt vời. Anh nhớ không sót một tí gì tôi đã dạy cho anh. Vâng, đúng đấy, người An Nam vẫn đánh giá rất cao trình tiết và thủy chung.

Paul quay bộ mặt tinh quái lại ngó người bạn Mỹ:

- Có lẽ tôi nên thú nhận sự thật, tuyên bố chính xác và thành thật khai báo với anh rằng

lý do duy nhất khiến tôi quay lại nhận nhiệm sở ở xứ này là để ngắm những tạo vật bằng vàng và thú vị ấy ngày nào cũng lướt bễnh bông qua mắt tôi trong gió Sài Gòn phiêu diêu thổi.

Người Mỹ trả lời hóm hỉnh:

- Căn cứ vào những gì chính anh đã kể về anh khi tôi ghé lại đây lần trước, tôi không ngạc nhiên chút nào về chuyện đó.

Háo hức rướn người qua bàn vỗ vỗ cánh tay Joseph, viên đại úy Pháp nói:

- Tôi chỉ nói giỡn một nửa thôi Joseph. Hãy nhận lời khuyên này của một người bạn già hơn anh ba tuổi đời - nếu anh có thể mang được một trong những người đẹp An Nam kia về làm phụ nhân thì tốt hơn rất nhiều so với hết thảy mọi đại sự anh đang dự tính làm ở đây. Bản thân tôi suy nghĩ chuyện đó hoàn toàn nghiêm túc.

Paul lại hoác miệng ra cười trong khi dốc hết phần sâm-banh còn lại trong chai vô hai chiếc ly vừa cạn:

- Tôi sẽ để cho anh tự mình nhận ra điều tôi có ý nói, nếu anh muốn. Chiều mai, tại Câu lạc bộ Thể thao, người ta đấu trận chung kết giải vô địch quần vợt hàng năm của chúng tôi. Lúc này nó là cuộc thi đấu hỗn hợp, đúng với tinh thần thời đại. Và lần đầu tiên có một tay vợt An Nam vô chung kết đơn nam. Anh ta có một cô em gái đẹp tuyệt trần và tôi được hân hạnh tháp tùng cô ấy xem trận đấu. Tại sao

anh không cùng đi với tôi? Anh sẽ thấy cách chúng tôi thực thi công cuộc “sứ mạng khai hoá” của mình bằng tác phong hiện đại - cùng lúc ấy, anh sẽ được gặp một trong các thiếu nữ đáng yêu nhất Sài Gòn.

Joseph đồng ý, cười và đưa ly lên môi:

- Được thôi. Chúng ta uống mừng chuyện đó.

Khi cả hai cạn xong ly, Paul mỉm cười đưa một ngón tay lên cảnh cáo:

- Nhưng lần này, tôi nhất định rằng “Người Mỹ Đa Tình” cần giữ ý tứ hơn. Tôi biết tình bạn của chúng ta vì cái khởi đầu độc đáo của nó - tuy vậy cách riêng dịp này, chớ có tính chuyện chia chung cái ngăn chuồng của tôi.

Nói xong anh đứng dậy và cười vang, vỗ vai Joseph:

- Nghe rõ chưa?

- Nghe rõ!

Joseph đáp lại, nồng nhiệt bắt tay bạn. Rồi anh đứng nhìn theo Paul với cảm giác trù ối đến chân thật khi vóc dáng nhà binh vai ngang ấy khuất dần trong đám đông đang dạo tới dạo lui tấp nập đường Catinat vào buổi tối. Thân hình thẳng đứng của người sĩ quan Pháp khiến Joseph nhận ra Paul càng ngày càng giống hệt cha.

Bỗng dưng Joseph lại thấy thêm lần nữa trong tâm trí mình hình dáng anh hùng kỳ bí và im lặng đầy kính sợ thuở nào, trước đôi mắt của cậu bé Joseph mười lăm tuổi, đang lác lác

cứng cỏi và thẳng lưng trên yên dẫn đầu đoàn kỵ mã trong chuyến đi đầu tiên và ngắt ngày của họ vào rừng xanh. Ký ức ấy lại nhen nhúm một chuỗi hồi tưởng khác, cuối cùng dẫn trở lại những khoảnh khắc kinh hoàng bên ngoài túp lều của Devraux, trong cơn mưa bão.

Sau khi không còn đám đông đi lại tập nập trên đại lộ bên ngoài cửa sổ, Joseph nằm thao thức rất lâu trong phòng khách sạn Continental, vật vờ thêm lần nữa với những âm vang xao xuyến và lệ làng của quá khứ.

- 2 -

Vào buổi chiều chung kết giải quần vợt, đại úy Paul Devraux thay y phục nhà binh bằng một bộ vét-tông dân sự vải bông trắng và chiếc mũ cũng màu trắng. Joseph không dễ tìm ra bạn mình trong đám đông tây thuộc địa mặc quần áo cùng kiểu với Paul và y hết nhau, đang tụ tập đông đảo bên những bãi cỏ cắt xén gọn gàng và trên các bậc thềm cao của Câu lạc bộ Thể thao Sài Gòn.

Tọa lạc trong công viên thành phố, còn gọi là vườn Ông Thượng hay vườn bờ-rô rợp bóng cây và tiếp giáp với khuôn viên Dinh Toàn quyền Đông Dương hùng vĩ xây bằng đá cẩm thạch, bình thường Câu lạc bộ chỉ dành riêng cho giới tinh hoa da trắng sinh sống tại thuộc địa. Nhưng vào dịp tranh giải quần vợt này,

những qui định thường lệ ấy được nói lỏng, cho phép người không phải hội viên vào dự. Dù vậy, khi đi loanh quanh tìm Paul trong đám đông, Joseph nhận thấy các thanh niên thiếu nữ An Nam đến đây vẫn chỉ gồm những người y phục chỉnh tề, phong thái hoà nhã, tỏ cho thấy họ là con cháu các gia đình giàu có người An Nam và người Hoa.

Vợ và con gái của người Pháp hội viên đều mặc áo đầm trắng tươi mát, đội mũ trắng loại rộng vành hoặc che dù để bảo vệ làn da màu trắng nhạt của mình, chống lại ánh nắng buổi chiều chói chang và ran rát. Khi đi lại giữa những người ấy Joseph bỗng dừng tự thâm hỏi chẳng biết phụ nữ Pháp có đang chung diện theo một qui định bất thành văn nào đó hay không nhằm tự phân biệt rõ nét họ với các thiếu nữ An Nam nước da màu như vàng trong những chiếc áo dài tươi vui và nhiều màu sắc.

Muốn lựa cho ra Paul, Joseph phải nhìn thật kỹ bên dưới các vành mũ cối hoặc mũ nỉ đàn ông Pháp đang đội. Cuối cùng chính người sĩ quan mặt mày tươi rói ấy tìm ra anh trước. Paul ranh mãnh nhíu mày, liếc thật nhanh các đám đông đang đứng chung quanh hai người, rồi nói:

- Joseph này, tôi sung sướng thấy anh đang chú ý kỹ lưỡng tới thực trạng rằng lúc này xã hội Sài Gòn đã trở nên hoàn toàn dân chủ.

Cuộc tụ tập này dù hỗn hợp đa chủng, vẫn

không che đậy nổi nếp độc quyền và ưu thế của người da trắng và Joseph nhoen miệng cười, hơi có vẻ dí dỏm, như để tán thưởng nhận xét ấy của mình. Anh nhìn kỹ nét mặt các thiếu nữ An Nam đang khép nép đứng gần đó. Cô nào cũng có người cùng chủng tộc đi kèm:

- Càng đi tìm anh tôi càng cố nhìn lăm lét để tự mắt mình tìm cho ra tạo vật phương đông nào đang yêu anh say đắm. Nàng đâu?

Paul cười, đặt bàn tay cánh cáo lên vai Joseph:

- Chờ chút, ông bạn, đừng nóng ruột! Nhưng anh nói như thế hơi quá đáng. Có lẽ đêm qua tôi quá hấp tấp. Tôi không có ý nói rằng trái tim nàng đã bị chinh phục, đã khuất phục và chẳng còn gì để bàn tới nói lui nữa. Ở đây Má-mì và Đát-đi, như cách gọi bên Mỹ của anh, vẫn có rất nhiều quyền ăn nói về kẻ sẽ kết hôn với con cái của họ. Cha nàng, theo tôi, có ý thích tôi - ông ấy rất thân Pháp. Nhưng ý tưởng đó có lẽ chưa nhập vô đầu nàng. Tôi chỉ có thể nói nó mới nhập vô cái đầu của tôi thôi. Ở đây, thời gian trai gái tìm hiểu nhau vẫn còn theo tục lệ cứng như đá - rồi mình còn phải phá cho tan cái rào cản thường kèm cặp các nàng. Cho tới nay, lúc nào đi theo nàng cũng có bà mẹ - hoặc một cô bạn gái.

Paul chạm nhẹ cánh tay Joseph để hướng sự chú ý của bạn tới một thanh niên và một thiếu nữ Á Đông tuổi mới ngoài hai mươi đang di chuyển qua đám đông, đi về phía hai anh:

- Trong trường hợp này là ông anh của nàng!

Joseph ngược mắt, thấy một thiếu nữ mảnh mai trong chiếc áo dài cao cổ bằng lụa phon phớt màu lam ngọc đang khép nép đi bên cạnh một người An Nam mặc âu phục. Nàng đội nón lá buông, mái tóc kẹp giản dị, gọn gàng thả qua vai trái, rủ dài ra đằng trước làm thành một sợi tóc đen tuyền mượt mà chảy xuống một bên ngực. Từ xa xa, vẻ đẹp nổi bật trên khuôn mặt như vàng của nàng đã hiển hiện trước mắt chàng thanh niên Mỹ.

Trên môi Joseph lập tức thoát ra tiếng thở rất dài và rất nhẹ, đẩy ngưỡng mộ. Anh nức nở thì thào trước khi hai anh em ấy tới trong tầm nghe:

- Paul ơi, anh chẳng nói quá một tí nào. Nàng ấy đẹp quá!

Paul sung sướng, phơi phới bước tới một bước, miệng cười nồng ấm và tươi rói. Nàng bàn tay thiếu nữ lên môi, anh thì thầm lời chào hỏi bằng tiếng Pháp rồi thân thiện bắt tay anh của nàng. Tiếp tục nói bằng tiếng Pháp, Paul vừa cười vừa nhìn vào mắt nàng, rồi hướng về Joseph:

- Tôi xin được giới thiệu, Joseph Sherman, một người bạn tốt của tôi vừa từ Mỹ sang. Và đây là Trần Thị Kiều Lan... và đây là ông anh của cô ấy, Trần Văn Tâm.

- Rất hân hạnh, thưa cô.

Những ngón tay con gái nhỏ bé mỏng mảnh như học trò của Lan đặt vào lòng bàn tay Joseph và so ra anh bỗng thấy tay mình có vẻ kệnh càng to lớn quá. Hai má Lan phơn phớt hồng, có thể vì thoa chút phấn nhật hoặc chỉ do màu da tự nhiên. Nhưng trái với những phụ nữ Pháp chung quanh, nàng không chút điểm trang.

Vẻ tươi mát thơ ngây trên khuôn mặt trẻ trung của Lan khiến Joseph ngó lâu hơn thông lệ một chút. Và nàng nhẹ khép đôi mắt, nhìn xuống. Lo lắng cứu vãn thái độ đường đột của mình, Joseph bắt tay người anh của nàng rất nồng nhiệt. Anh gào lên vui vẻ, vừa lắc lắc bàn tay vừa bóp bóp khuỷu tay của người An Nam:

- Monsieur Tâm, chúc mừng anh vô tới chung kết!

Tâm trả lời với tiếng cười khúc khích:

- Chẳng may tôi không có cơ hội chiến thắng! Chính Kim, chú em tôi, mới là tay quần vợt đỏ chóe không phải tôi. Nó đang lo đậu xe ngoài kia, chỉ chút nữa thôi nó vô tới.

Paul và thiếu nữ em của Tâm cùng bật lên cười trước vẻ tên tò của Joseph. Nhưng chỉ ngượng ngịu một thoáng, Joseph bỗng hết bối rối. Anh sừng người nhìn hai anh em:

- Có phải anh vừa nói tên người em của anh là Kim?

Người An Nam gật đầu, tiếp tục cười khúc khích. Joseph tần ngần hỏi:

- Vậy nếu anh là Trần Văn Tâm...

Anh dừng một chút, quay sang người thiếu nữ đang hé miệng cười:

- ... và nếu cô là Kiều Lan... là Lan, thì thân phụ của hai người hẳn là Monsieur Trần Văn Hiếu, quan sứ thần.

Thiếu nữ An Nam lại gật đầu, mỉm cười nhìn Joseph với vẻ mặt dè dặt.

- Thế thì trước đây tất cả chúng ta đều đã gặp nhau! Cô còn nhớ cái ngày con khi nhỏ của cô suýt làm vỡ chiếc độc bình của ông thống đốc?

Chậm chậm, trên mặt Lan hiện một nụ cười. Nàng đưa tay lên miệng như thể đã nhận ra:

- Có phải ông là cậu bé Mỹ mang trở lại con khi nhỏ cho chúng tôi?

Joseph gật đầu vui sướng:

- Đúng. Lúc đó cô chỉ là cô bé Lan.

Paul đập mạnh vào vai Joseph, rú lên cười:

- Trời ơi là trời! Dĩ nhiên rồi! Thế tại làm sao tôi lại quên lừng cái trò cừu khi của anh - một kẻ đi săn ưa dùng độc bình đời Minh để đoạt giải thưởng tuổi sống hơn là dùng tới súng ống! Cả bốn người lại rộ lên cười. Nhưng khi tiếng cười lắng xuống, người đầu tiên cất tiếng nói là Lan:

- Monsieur Sherman ạ, có thể hôm nay nhớ lại thấy nó có vẻ buồn cười nhưng thuở đó cha tôi giận lắm. Chúng tôi bị quở trách một trận nên thân, phải quì thẳng lưng hơn một tiếng đồng hồ. Cha tôi thường nói nếu không có cậu bé Mỹ

cứu chiếc độc bình chúng tôi còn bị phạt nặng hơn thế nữa. Vậy ông thấy đó, chúng tôi rất biết ơn việc ông đã làm cho ba đứa bé ngộ nghịch...

Đúng lúc đó, đằng sau họ xuất hiện một thanh niên An Nam tay xách túi thể thao tay cầm áo bọc vợt đánh banh. So với dáng người tầm thước và đầy đà của Tâm, người này thân hình nhỏ con hơn một chút nhưng chắc nịch. Mặt anh khó đảm đảm, gần như lúc nào cũng cau có giận dữ. Anh hồ hững bắt tay Paul. Khoa tay về phía Joseph, Tâm háo hức hỏi:

- Chú Kim có đoán ra ai đây không?

Người An Nam trẻ tuổi hơn ấy mặt nguội ngắt, lướt mắt ngó Joseph từ đầu tới chân rồi nhún vai. Tâm nói tiếp:

- Chính là Joseph Sherman, con trai của Thượng nghị sĩ Sherman, nhớ không - người Mỹ đã cứu con khi nhỏ bị chú lén đem vô khuôn viên dinh thống đốc. Lúc này là dịp tốt để chú cảm ơn ông ấy đấy.

Trong một lúc Kim chăm chú nhìn kỹ bộ mặt của Joseph rồi chìa bàn tay, cố tỏ vẻ nhã nhặn:

- Monsieur Sherman, không có sự can thiệp của ông chắc chắn chiếc độc bình quý giá của quan thống đốc ấy bị bể tan bể nát, không cứu vãn nổi. Và chắc chắn tôi với cha tôi cùng cả nhà tôi bị đày chung thân khổ sai vô hãm tới nơi đảo Côn Lôn rồi.

Nói ngang đó, mặt người An Nam thoáng chút mỉm cười nhưng giọng vẫn đầy vẻ châm biếm:

- Nếu không nhờ ông, giờ này chắc chắn chúng tôi còn ở trong đó, không làm sao có trận đấu hôm nay và một cuộc tái ngộ như thế này.

Tâm đưa mắt áy náy nhìn về phía Paul, cố rặn cho ra một nụ cười:

- Kim này, giả dụ có tệ hại đến như thế đi nữa, rõ ràng thế nào cũng có cuộc gặp gỡ hôm nay. Chúng ta thế nào cũng được trả tự do trong đợt khoan hồng này. Không phải chuyến tàu phóng thích đầu tiên đã về tới Sài Gòn tối qua sao? Và một chuyến nữa sẽ cập bến tối nay. Như vậy, rốt cuộc mọi sự sẽ hoàn toàn đầu vào đó.

Nói xong, Tâm cười bứt rứt. Paul lịch sự cười đáp trả và vỗ vai Tâm, nhưng mặt Kim vẫn lạnh tanh. Không nhìn viên sĩ quan Pháp, Kim nghiêng đầu thêm lần nữa về phía Joseph:

- Monsieur Sherman, xin cảm ơn ông lần nữa. Bây giờ xin bỏ qua cho, tôi phải đi thay quần áo để ra sân đấu. Tạm biệt.

Anh xoay người đi thẳng tới phòng thay áo, làm như không biết tới sự có mặt của Paul. Lan nói, giọng thật thấp, ngay lúc Kim vừa đi:

- Monsieur Sherman, tôi phải xin lỗi ông về khuynh hướng hài hước không giống ai của ông anh tôi. Thỉnh thoảng anh ấy nói mà không cân nhắc kỹ lời mình nói. Với lại tôi nghĩ có lẽ hôm nay anh ấy căng thẳng quá. Trận đấu này đối với anh Kim rất quan trọng.

Cảm động trước vẻ mặt áy náy của nàng, Joseph mỉm cười trấn an:

- Cô Lan ạ, có gì đâu mà lỗi với xin. Tôi hiểu.

Tâm lại bút rút đưa mắt liếc viên sĩ quan Pháp và giải thích:

- Monsieur Sherman, chú em tôi cũng như tôi đây, cả hai đều được cho hưởng ưu đãi đi du học ở Paris. Hai anh em chúng tôi đều theo ngành luật nhưng có lẽ nó dùng không đúng lắm một số thì giờ với những kẻ làm cho đầu óc của nó xáo trộn lung tung. Những kẻ đó học đòi các lý thuyết bất nhân của Karl Marx, của Lênin và thậm chí của Nguyễn Ái Quốc nữa. Tôi không chắc nó bị nhiễm nặng tới mức nào vì xem ra lúc này nó vẫn thích hưởng thụ những thú vui của cuộc sống tư bản. Nhưng khác xa với tôi, việc nó nghiên cứu chủ nghĩa Marx đôi khi làm nó suy nghĩ lệch lạc.

Anh ta lại quay qua Paul, cười nheo nhỏ và căng thẳng:

- Anh cũng hiểu rõ như vậy phải không, quan ba Devraux?

Viên đại úy Pháp mỉm cười:

- Dĩ nhiên tôi hiểu. Tâm đừng lo. Lúc này tại Sài Gòn, mọi người đều được phép tin những gì mình thích - và việc nghiên cứu chủ nghĩa Marx đâu có gì là bất hợp pháp.

Liếc chung quanh, Paul thấy đám đông bắt đầu đi tới các khán đài ở bốn phía quanh sân cỏ quần vợt được chuẩn bị cho trận đấu, anh thúc giục:

- Nào, lẹ lên. Tôi nghĩ đã tới lúc chúng ta vào chỗ ngồi.

Trên đường đi tới sân đấu Tâm lại bứt rứt ngó quanh, nhìn kỹ mặt những người An Nam khác. Trong khi cả bốn người bước vào một hàng ghế, anh ta nói thấp giọng:

- Tôi biết Kim lại bừa bãi, mời nhiều người làm tờ La Lutte. Tôi hi vọng họ không dự tính gây lộn xộn ở đây.

Khi cả bốn người ngồi yên chỗ Joseph hỏi nhỏ:

- La Lutte là cái gì vậy Paul?

- Một tờ báo cánh tả xuất bản ở Sài Gòn. Hầu hết những người viết cho nó là thanh niên trí thức An Nam có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa không kiểu này thì kiểu nọ. Một số theo Trotsky như Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch...

Joseph nhìn quanh các khán đài lúc này đã nhanh chóng ngồi đầy các tây thuộc địa và rải rác vài nhóm người An Nam. Ở hàng ghế đằng sau anh có khoảng ba chục thanh niên An Nam. Cũng giống các đồng bào của mình đang có mặt trong một môi trường xa lạ, họ giữ thái độ nhẵn nhụi đồng thời không có ý chuyện trò với những người Pháp ngồi chung quanh. Lúc hai đấu thủ bước ra sân, họ nồng nhiệt cổ vũ Kim nhưng không gây ồn ào.

Khi hai đấu thủ đứng vào vị trí ở vạch cuối

phần sân của mỗi người, trong khán giả Pháp có ý kiến rì rào và thích thú về tầm vóc của mỗi tay quần vợt. Jules Pinot, nhà quán quân Pháp, trợ tá một chủ đồn điền trà gần Sài Gòn, có tác người cao lớn vạm vỡ. Còn Kim chỉ có chiều cao của một người An Nam trung bình nên so với đối thủ, anh có vẻ nhỏ nhắn ẻo lả.

Trận đấu gồm nhiều nhất là ba “sét” nếu hai sét đấu hòa nhau. Khi đôi bên chỉ mới bắt đầu vượt banh làm nóng người, tay quần vợt Pháp đã tỏ rõ không tính tới chuyện sẽ nhường đối thủ nhỏ con của mình một điểm nhỏ nào. Anh ta giao banh và đánh banh dài, xuôi tay rồi ngược tay, khai thác hết sức mạnh của hai vai đồ sộ. Còn Kim giao banh ngắn và xoáy mạnh, chạy lẹ làng khắp sân để đánh trả bằng những cú xoay cổ tay nhuyển và khéo léo hơn.

Sau đôi ba phút quan sát, Joseph nêu ý kiến:

- Người của anh coi bộ rất tự tin đó Paul. Anh ta đánh rất chắc banh.

Paul gật đầu rồi nhìn Lan, cười gầy cảm tình:

- Chẳng may Kim gặp một đối thủ không dễ nuốt. Pinot hiện giữ chức vô địch giải ba năm liên tục. Anh có thể thấy hẳn không nghĩ là hẳn sẽ thua.

Lan ngấm khuôn mặt cương nghị của anh mình trong một lúc. Dù điểm hơn thua chưa cách biệt lắm nhưng vẻ mặt Kim quyết liệt, tập trung hết tinh thần, với những di chuyển lao tới

và vọt lui khắp sân, vọt các đường banh dài và chéo của người Pháp. Lan thở ra nhè nhẹ, nói nhỏ nhỏ:

- Đúng vậy. Tôi e rằng so với anh Kim, Monsieur Pinot cho thấy có sức vóc hơn. Nhưng anh Kim biết rõ anh là người An Nam đầu tiên vào chung kết - anh ấy sẽ chống chọi tới cùng.

Sét thứ nhất với các ván khai trận đúng y lời Lan đoán trước. Thịnh thoảng giữa hai điểm số của một ván, nàng cười cam chịu với Paul và Joseph. Ở set thứ nhất, người Pháp dẫn trước ba không.

Cú giao banh rất nhanh và những cú đánh banh sát đất phá vỡ thế phòng ngự của Kim. Khắp chung quanh Joseph và các bạn anh, đám tây thuộc địa vỗ tay hoan hô Pinot, tung bùng bày tỏ thiện cảm. Chỉ trong những dịp hiếm hoi Kim kiếm được một điểm họ mới vỗ tay một cách lịch sự để tỏ ra cũng có cảm tình với kẻ yếu thế. Tuy nhiên, người thanh niên tuyển thủ An Nam cực kỳ ngoan cường, tiếp tục tranh từng điểm một. Anh nhanh nhẹn lao mình từ đường biên mé bên này sang tới đường biên mé bên kia sân cỏ, đuổi theo banh không biết mệt dù không mấy kết quả. Tới lúc vào trận sâu hơn, anh bắt đầu nhập mình tốt hơn theo tốc độ và các hướng banh của đối thủ. Dù đã bắt kịp đều điểm, Kim vẫn thua liên tiếp bốn ván. Nhưng sang ván thứ năm, hai người dằng

co đều điểm một lúc lâu và Kim thoát ra khỏi tình thế bị dẫn điểm trước bằng những cú cắt banh khéo léo, thả banh rơi vào điểm chết sát mé lưới bên phía đối thủ. Vẻ mặt của tay quần vợt Pháp tối sầm lại khi phải từ vạch cuối sân liên tiếp lao người lên gần lưới để đón đỡ những cú bỏ nhỏ trên người của Kim. Và bằng việc đổi qua chiến thuật khôn ngoan đó, Kim có thể gài bẫy đối thủ to con hơn mình với nhịp độ càng lúc càng tăng.

Trong khi cố gắng ngăn không cho Kim thắng ván này bằng một cú đánh ngược tay hiểm hóc nhưng không thành công, Pinot cúi tiết lao người lên phần sân trên và bị trượt, té chuối cả người vô chân lưới. Khi gỡ được mình ra và đứng lên, chiếc áo thun trắng của anh ta lấm bết màu cỏ xanh lem luốc. Nhóm người An Nam ngồi đằng sau Paul lập tức đứng thẳng người lên, vỗ tay và lớn tiếng hoan quả thắng điểm đầy mưu trí và đầu tiên ấy của Kim. Vài người vẫy vẫy trên đầu mình tờ báo La Lutte cuộn tròn. Thấy vậy, những người An Nam ngồi trong các lô khác cũng đứng hẳn dậy, nhập cuộc hoan hô ầm ĩ.

Joseph liếc về phía Lan, thấy nụ cười rạng rỡ của nàng mờ dần và biến thành vẻ lo lắng khi tiếng hoan hô mừng rỡ của những người An Nam khác vẫn tiếp tục. Đầu và vai Lan giữ thật thẳng, không nhúc nhích, cho thấy lòng

nàng đang căng thẳng. Nhận ra điều đó Paul đưa tay nắm tay Lan, nhẹ nhẹ trấn an. Nhưng chỉ chút sau, Joseph thấy nàng rút tay ra, ngồi yên lặng giữa Paul và Joseph, đắm đắm nhìn sân đấu trong khi các ủng hộ viên Pháp lạnh lùng ngó các ủng hộ viên của Kim đang vui sướng hoan hô.

Thắng ván ấy khiến Kim thêm tự tin trong khi cú té nặng vừa rồi làm đối thủ Pháp rung động. Khi trận đấu tiếp tục, người An Nam bắt đầu đánh banh chính xác hơn trước. Hễ Kim thắng được một điểm, đồng bào của anh lại bùng lên hoan nghênh bằng những tiếng khen nức nở. Nhiều tây thuộc địa bắt đầu quắc mắt, cảm râm cáu kỉnh với nhau. Kim thắng ván kế đó rồi thắng thêm hai ván nữa một cách dễ dàng, đạt tới bốn đều. Và thêm lần nữa, những người ủng hộ Kim lại hò hét vang rền.

Tới ván thứ chín của set đầu, Kim thận trọng giao banh ngắn và mạnh, mặt đầy vẻ tập trung. Không biết bao nhiêu lần anh bỏ nhỏ sát lưới rồi lại lố những đường banh cao và khéo léo khiến người Pháp cuống cuống lao ngược từ giữa sân xuống cuối sân. Với nhịp nhảy dấy xáo trộn ấy, trận đấu vỡ, Pinot bắt đầu phạm hết sai lầm này tới sai lầm khác. Những đường banh nhanh, qua lại đều đều liên tục rồi bỗng dưng giạt ngắn theo kiểu đột nhiên bỏ nhỏ, phá tan lối đánh giập giờn bay bướm của châu Âu. Kim

thắng ván đó và ván kế tiếp một cách dễ dàng, lấy được set đầu với tỉ số sáu-bốn giữa tiếng hoan hô như vũ bão của những người An Nam cuồng nhiệt.

Vào set thứ hai, diễn biến so với set đầu hoàn toàn đảo ngược. Trước cơn tung bùng như mê như sáng của đồng bào mình, Kim dẫn trước năm-không. Anh nhảy nhót lanh lẹ khắp sân, đánh banh rất tài tình về những hướng không đoán nổi, làm đối thủ Pháp toát mồ hôi đầm đìa, chân nặng như chì và nổi khùng. Mặt càng lúc càng đỏ gay, Pinot bắt đầu lúc lắc đầu và lảo đảo giữa hai điểm số.

Các tây thuộc địa nhìn chăm chăm rồi rơi vào im lặng, rõ ràng đang chia xẻ sự bẽ bàng của nhà quán quân Pháp. Nhảy cảm trước tình hình càng lúc càng căng thẳng của khán giả, Lan và Tâm thôi không còn hoan hô người anh em của mình mỗi khi Kim thắng điểm. Cả hai ngồi nín lặng bên Paul và Joseph. Về mặt hai anh em vừa trầm trọng vừa e ngại.

Lúc bắt đầu ván thứ sáu của set hai, Pinot càng lúc càng tuyệt vọng khi thấy thế trận bị nghiêng nát. Thêm lần nữa, trong khi phóng người không kết quả để vớt một cú gậy nhẹ và khéo léo sát lưới của Kim, Pinot lại ngã. Khi đứng lên, chân anh ta bước khập khểnh rất nặng và rõ ràng thất bại chỉ còn là vấn đề thời gian.

Khai thác triệt để lợi thế địch thủ bị chấn

thương Kim tiếp tục lẹ làng nhảy nhót khắp sân, đập nhẹ và vuốt nhẹ banh với độ chính xác điên người, chỉ cách một chút ngoài tầm với của đối thủ Pháp đã què sấn. Và khi Kim thắng bằng một cú bỏ nhỏ khéo léo khác để vào điểm kết liễu trận đấu, người An Nam trong các đám đông lại tung bùng hò reo náo nhiệt hơn bao giờ hết.

Ra sức dứt điểm trận đấu, Kim chuẩn bị giao banh cực hiểm. Anh tung banh lên rất cao với dự tính giạt cổ tay đập mạnh để đường banh bay xoáy thật nhanh, rơi sát vạch giữa và nảy xéo lên vượt ngoài tầm tay của đối thủ Pháp. Khán giả im lặng căng thẳng chờ. Thành linh phía trước Joseph, một người Pháp mang kính một mắt đứng bật dậy, khoát tay về phía trọng tài. Ông ta hét lớn với giọng điên tiết giận dữ:

- Thật xấu hổ! Phải loại hẳn ra! Hẳn chơi xấu, phản thể thao.

Những người Pháp còn lại trong đám đông trên các khán đài như thể nhẹ nhõm cả mình mấy khi có ai đó đưa ra một lối giải vây, cũng nhảy nhồm lên hét lớn, khiêu nại với trọng tài về sự “không có tinh thần thể thao” của Kim khi dùng những “đường banh bỏ nhỏ” và những “cú giao banh cụt ngùn, nặng tay”.

Những tiếng hét: “Loại hẳn ra!” từ cổ họng của người Pháp vang lên khắp mọi góc khán đài. Trên sân đấu, ngay lúc Kim vừa tung banh

lên cao để giao banh, Pinot đột nhiên đứng yên, đưa bộ mặt thảm nảo ngó về phía trọng tài.

Với vẻ mặt căng thẳng tập trung, Kim bùng người lên quật vào banh thật mạnh và thật chính xác. Banh qua lưới, rơi đúng vạch giữa, nảy xoáy lên vượt ngoài tầm tay trái của đối thủ Pháp đang bất động. Kim ngậy ngất ném vợt lên trời, dang hai tay chạy tới một nhóm người An Nam đông đảo đang ngồi một bên sân. Thế nhưng viên trọng tài người Pháp lại hô lớn trên đầu đám đông đang hỗn loạn: “Giao banh lại!” Và cố ra lệnh cho Kim trở ra sân để chơi lại điểm đó.

Đột nhiên một người An Nam ngồi ngay sau lưng Joseph và Lan thét lớn bằng tiếng Pháp:

- “Tây bắn thiêu! Tây bắn thiêu!” Tụi bây không có quyền bắt ngừng hoặc chơi lại trận đấu chỉ vì tụi bây bị đánh bại bởi một trong những “tên nô lệ” của tụi bây!

Joseph quay đầu ngó, kịp thấy hai người Pháp nổi khùng đứng bật dậy đâm gục người An Nam ấy.

Một thanh niên khác gần đó vươn tay qua ghế đỡ người bạn đang ngã xuống và la lên:

- Tụi Tây chó cả bấy. Ngay cả trên sân quần vợt tụi bây cũng chỉ muốn áp bức người An Nam!

Khấp các khán đài, nữ giới hốt hoảng rú lên, vùng vẫy thoát thân. Trên chỗ ngồi đằng sau Joseph, một người Pháp động vô mặt một

người An Nam. Máu từ chiếc mũi bể của anh ta vọt ra bắn trúng áo vét-tông trắng của Joseph. Một khán giả Pháp ngồi cùng hàng ghế xông tới chụp cổ họng Tâm. Thấy vậy, Paul vừa lao người qua giúp Tâm gỡ tay kẻ tấn công vừa thét ngược ra đằng sau:

- Joseph, đem Lan đi khỏi đây! Mau! Đưa cô ấy về nhà!

Cung tay hoa quanh mình để bảo vệ Lan, Joseph xông vào đám đông mở đường đưa người thiếu nữ đang run rẩy ấy ra phía cổng.

Tới được bên ngoài, Joseph vẫy một xe thổ mộ đang chạy ngang. Kế đó, anh ngồi im lặng bên Lan trong khoang xe chật hẹp bằng gỗ khi ngựa phi nước kiệu, chạy khoan thai qua những đường phố buổi chiều yên ắng, hướng về cư sở có tường thành bao quanh của quan sứ thần ở Tân Định, phía bắc quảng trường nhà thờ Đức Bà.

Trong một lúc lâu Lan ngồi im, mắt nhìn thẳng tới trước. Các ngón tay của nàng run run bấu lấy vành chiếc nón đang úp trên đùi. Sau cùng nàng quay sang Joseph, thở ra và cố mỉm cười rất nhẹ:

- Monsieur Sherman, cảm ơn ông từ tởm lo cho tôi. Rất tiếc là đã xảy ra chuyện ghê sợ đến thế, ngay trước mắt ông.

Lan cẩn môi nhìn qua chỗ khác rồi nói tiếp:

- Thật chẳng may có nhiều người An Nam lòng tràn đầy thù hận.

Ngồi bệt trên sàn xe, sát một bên người thiếu nữ Á Đông tươi mát trong lòng xe chật hẹp, Joseph cảm thấy lòng xao xuyến mon man. Trong khi xoay xở trên con đường dần xóc và buộc lòng phải quàng cánh tay mình qua đôi vai mảnh mai, anh xúc động bởi hồi trước vẻ mỏng manh của Lan. Vừa rồi, khi Joseph vùng vẫy đưa Lan thoát qua những chỗ mắc kẹt vì người ta say máu đánh nhau, nàng khi giữ ý cố gỡ khỏi tay anh khi tin tưởng chúi người vào ngực anh tìm sự bảo vệ. Lúc này, trên xe thổ mộ, Joseph nhìn thật gần đáng nghiêng nghiêng mềm mại của Lan, thấy trên khuôn mặt màu vàng êm dịu của nàng những đường nét xinh đẹp, dịu dàng gợi cảm và dường như bất chợt nổi bật thêm lên nhờ sự thân cận không ngờ của hai người. Joseph nói thật đầm thắm:

- Tôi sung sướng thấy mình có thể hữu ích cho một thiếu nữ xinh đẹp như cô. Phải thú thật tôi rất ganh tị với Paul.

Lan quay sang nhìn anh, mắt ánh vẻ kỳ quặc:

- Monsieur Sherman, quan ba Devraux là một người bạn tốt... chỉ vậy thôi.

Mỉm cười với nàng thêm lần nữa Joseph nói:

- Nhưng anh ấy rất mến yêu cô... anh ấy nói với tôi như vậy.

- Cha tôi trọng nề anh ấy. Cha tôi tin rằng quan ba Devraux là một sĩ quan tốt, đồng thời cũng hết sức ngưỡng mộ thân phụ của anh ấy lúc này làm phó tổng giám đốc Nha Liêm Phóng.

Nét mặt Joseph thoáng sần lại khi nghe nhắc tới tên Jacques Devraux, rồi anh lại mỉm cười:

- Tôi chắc chắn Paul là một sĩ quan ưu tú. Nếu có nhiều người Pháp giống như Paul có lẽ đã tránh được chuyện xảy ra chiều nay ở Câu lạc bộ Thể thao.

Trên vầng trán Lan lập tức lại hiện lên nét âu lo khi nghe Joseph nhắc tới cuộc rối loạn. Nàng cất tiếng, gần như tự nói với mình:

- Cha tôi sẽ rất bức mình. Cha không muốn anh Kim dự giải này chút nào.

Joseph nói nhẹ nhàng, cố lái ý nghĩ của nàng ra khỏi tâm trạng khắc khoải về cuộc hỗn chiến:

- Xin cô vui lòng chuyển lời thăm hỏi của tôi tới thân phụ cô. Tôi không bao giờ quên sự tử tế thân phụ cô đã dành cho tôi tại hoàng cung Huế.

Luống lự một chút, Joseph nồn nao nói tiếp:

- Cô Lan ạ, hẳn tôi sẽ vui mừng được trân trọng mời thân phụ cô. Tôi đang viết về lịch sử đất nước cô và tôi sẽ rất vui khi có dịp được đàm đạo với ông.

- Ông ở lại Sài Gòn trong bao lâu?

- Tôi đang trên đường ra Hà Nội để tra cứu tại tàng thư ở đó - nhưng tôi có thể ở lại Sài Gòn thêm một hai ngày.

Lan cười có vẻ như xin lỗi:

- Vậy e rằng ông không thể gặp cha tôi. Sáng mai, việc đầu tiên của cả nhà chúng tôi là lên

đường ra Huế. Hoàng đế Bảo Đại sắp làm lễ Tế Trời ba năm một kỳ vào cuối tuần này. Cha tôi phải dự cuộc tế lễ ấy.

Joseph ngạc nhiên nhìn Lan. Trên mặt anh bỗng rạng một nụ cười vui sướng:

- Thật vô cùng may mắn! Tôi không nhận ra là sắp tới thời điểm cử hành lễ đó. Tôi không thể bỏ lỡ dịp may này - đã hơn hai mươi lăm năm tính từ ngày vị hoàng đế Trung Hoa cuối cùng làm lễ Tế Trời ở Bắc Kinh trước cuộc cách mạng Tân Hợi - tôi có thể đi Huế ngay, không gặp trở ngại nào.

Joseph ngừng nói, nôn nao nhìn Lan. Đột nhiên trong không gian tù túng của lòng xe nhỏ hẹp, anh tưởng chừng mình có thể phân biệt được mùi hương thơm ngát hoa hồng trên da nàng hay trong tóc nàng. Xe đang lướt đi dưới con đường lổm đổm bóng lá các hàng sao. Bên trong xe thở mội, ánh nắng phản chiếu loang loáng như đang đùa giỡn trên mặt Lan, làm đậm màu và rực rỡ thêm đôi mắt đen tuyền cùng những đường nét Á Đông mềm mại, say đắm trên hai gò má màu hồng phách của nàng khiến giác quan Joseph lẫn đàng như ngây như ngất. Anh hồi hộp hỏi, không kềm nổi những âm vang run rẩy trong giọng nói của mình:

- Cô Lan ạ, tôi có thể cùng cô quan chiêm cuộc tế lễ ấy không?

Trong một thoáng Lan đắm đắm nhìn lại

Joseph. Bộ mặt đẹp trai của chàng thanh niên Mỹ với quai hàm mạnh mẽ và mái tóc hung vàng kỳ dị cũng thật lạ lùng và gợi cảm đối với nàng, chẳng kém chút nào dáng vẻ của nàng đối với anh. Vẻ chân chất trong đôi mắt xanh nhạt và sự ngưỡng mộ không che giấu trong hai con mắt ấy khiến nàng, không hiểu tại sao, cảm thấy hai má mình ửng hồng và ấm áp. Lan quay nhìn nơi khác trước khi trả lời ngại ngùng:

- Monsieur Sherman, tôi cũng sẽ đi Huế, theo cha mẹ mình.

Joseph dai dẳng:

- Nhưng biết đâu trong thời gian đó tôi có thể được đi chung với cô, không nhiều thì ít. Tôi còn có thể đến trước cuộc lễ một ngày và chúng ta có thể cùng nhau ngắm hoàng cung thêm lần nữa. Tôi chưa bao giờ quên lần ghé thăm trước đây, cách nay mười một năm. Cô biết không? Lúc đó, tôi được đứng sát ngai vàng của đức vua Khải Định! Và Hoàng đế Khải Định bắt tay tôi trước khi chúng tôi ra về. Hễ mỗi lần đọc về các hoàng đế Trung Hoa, tôi lại thấy ông ấy trong tâm trí mình - và hễ mỗi lần hình dung một ông quan, tôi lại nhớ tới nội tổ và thân phụ của cô đang cử hành nghi lễ “làm lạy” trên sân Điện Thái Hoà.

Những lời háo hức tuôn ra dồn dập từ cửa miệng Joseph và vẻ nhiệt tình như trẻ thơ của anh làm Lan mỉm cười. Rồi nụ cười ấy chậm chậm tan dần và nàng lưỡng lự:

- Tôi yêu thích những cuộc lễ cổ truyền của xứ sở tôi và tôi cũng sẽ sung sướng nếu được giải thích với ông. Nhưng chỉ có cha tôi mới là người có quyền mời.

Joseph sung sướng nhoén miệng cười thêm lần nữa:

- Cô Lan đừng lo. Tôi sẽ ra Huế bằng mọi cách. Và cô có thể làm cho tôi một việc này không? Cứ gọi tôi là Joseph. “Monsieur Sherman” nghe trịnh trọng quá, phải không, vì hai chúng ta biết nhau đã mười một năm.

- Tôi sẽ thử...

Nở nụ cười bối rối Lan quay đầu nhìn qua vai người xà ích lúc xe thổ mộ rẽ vào con đường toa lạc cư sở của quan Sứ Thần. Khi nàng bảo người xà ích dừng xe trước lối đi dẫn vào chiếc cổng sơn son có hình trắng rầm đầy đặn ở mặt ngoài tường thành cao, Joseph nhảy xuống đường trước. Anh lại lần nữa cảm thấy bàn tay nàng mỏng mảnh như tay một bé gái giữa lòng bàn tay to lớn của anh.

Bước đi bên Lan thanh nhã trong trang phục gọn sóng màu ngọc lam và lụa trắng giữa buổi chiều có nắng gió và bóng mát của Sài Gòn, hốt nhiên đối với Joseph, người thiếu nữ Á Đông ấy gần như hiện thân của một nữ tính thiêng liêng, chân thật và thuần khiết bao năm nay tiềm thức anh hằng chờ đợi, trong lãnh đạm và nghi hoặc mọi người nữ từ sau đêm mưa bão nơi trại săn.

Tối cố, khi Lan quay mình cảm ơn Joseph, trên môi anh bất giác vọt ra những lời lẽ bốc đồng. Càng nói anh càng ấp úng và vấp vấp:

- Lan ạ, từ khi tôi tới Sài Gòn này... tôi cảm thấy có cái gì như định mệnh mang mình trở lại đây...

Tôi không quên cuộc gặp gỡ cô và hai anh của cô tại dinh ấy... Nhưng có lẽ... có lẽ chúng ta được định phận gặp lại nhau...

Lần này mặt Lan bừng đỏ hỏn. Và Joseph nhận ra những lời mình vừa nói nghe điên rồ biết mấy. Anh lại buột miệng nói khi nàng nghiêng mình mở then cổng:

- Cô Lan, tôi xin lỗi. Nói như vậy quá quá nhưng quả thật tôi hy vọng chúng ta còn có thể gặp nhau nữa.

Trước khi khép cổng, nàng ngưng lại một chút rồi thêm lần nữa mỉm cười e lệ, và nói dịu dàng: - Anh Joseph ạ, que sera sera - cái gì tới thì sẽ tới. Tạm biệt!

- 3 -

- Cha, tại sao cha có thể nói rằng con làm xấu hổ gia đình mình - cha không biết con đã đánh bại thằng Tây vô địch đó một cách ngay thẳng sao?

Từ trong thư phòng của Trần Văn Hiếu, qua khung cửa sổ mở, giọng Kim sang sảng vang ra tới chỗ Lan đang ngồi bên cạnh hồ sen, nghe rõ

tùng tiếng. Suốt nửa giờ vừa qua, Lan không thể nào gạt khỏi tâm trí hình ảnh cậu bé Mỹ nhiệt tình và gan dạ ngày xưa nay là người thanh niên tuấn tú và chân thật đã đưa nàng về nhà chiều nay. Nàng cảm thấy lòng băng khuâng lạ thường mỗi lần nhớ lại lúc đôi mắt xanh ấy nhìn vào mắt mình với vẻ ngưỡng mộ và nồng ấm. Nhưng rồi giọng Kim cất lên càng lúc càng cao đưa Lan về với thực tại, làm nàng thấp thỏm thu mình lại. Tay giữ mái tóc, tay ôm ngực nàng ngồi yên trên ghế đá và nghiêng đầu về hướng thu phòng, lắng tai nghe ngóng.

Với giọng quyết liệt Kim nói tiếp:

- Con đã chơi đúng luật và con thắng. Đúng lẽ công bằng chiếc cúp bạc phải thuộc về con! Kể đó, nghe lời nói chậm rãi, thận trọng đầy cân nhắc của cha, Lan biết ông đang nén giận:

- Nhưng cách chơi của con xúc phạm nặng nề người Pháp. Nó phản thể thao và khiêu khích - không đúng với cách chơi quần vợt truyền thống của họ. Họ có lý khi ra lệnh cho con chơi lại trận chung kết. Còn cha, cha cấm con không được chơi theo kiểu đó thêm lần nữa.

Kim nói, giọng thì thầm ngò vức khiến Lan phải nín thở mới nghe ra:

- Cha! Con không tin nổi hai tai mình. Có phải cha đang có ý ra lệnh cho con “hợp tác” với bọn Tây để tự đánh bại mình?

Trần Văn Hiếu nói lạnh lùng:

- Sự nhiễu loạn đó của đám đông là do bởi thái độ của con và vì vậy gây thành dư luận xấu kinh khủng cho gia đình ta! Cha cho con quyết định làm cách nào tốt nhất để bảo đảm không tái diễn sự xấu hổ ấy.

Kim phản đối:

- Con không chịu trách nhiệm về việc người trong các đám đông đó đã làm. Người ta chỉ phản ứng trước sự bất công trắng trợn của bọn Tây. Con không chấp nhận chơi lại! Con đã thắng sòng phẳng. Và con đã đồng ý với ông Nguyễn An Ninh rằng con sẽ viết một bài báo ký tên mình trên tờ La Lutte, công kích việc bọn Tây áp bức luôn cả cái sân quần vợt!

- Con lúc nào cũng ngoan cố không nghe lời cha. Con đã tham dự giải quần vợt trái với lời khuyên của cha. Trên tất cả mọi sự, con chỉ muốn thách thức cha và chỉ muốn gây rắc rối.

Sự giận dữ trong cung giọng cất cao của cha làm Lan như mất thở. Nàng hồi hộp, cực lòng trong khi chờ nghe câu trả lời của anh. Sau cùng, Kim nói với tiếng cười nho nhỏ và giọng gào:

- Lúc này con đã thấy ra! Từ đầu tới cuối chắc chắn cha chỉ mong sao cho con bị đánh bại! Đó là lý do cha từ chối đi xem. Con thật điên rồ khi nghĩ cha có thể hãnh diện về con - hãnh diện rằng rốt cuộc con đã tìm kiếm được một sự tôn trọng và ngưỡng mộ chân thành nào đó giữa dân tộc mình! Lúc này con đã biết rất rõ! Dù

con có làm gì đi nữa cha cũng không bao giờ hãnh diện về con. Ngay cả việc dành được một chiến thắng nhỏ nhoi trên bọn Tây chúa tể của chúng ta cũng làm cha thất vọng, có đúng như vậy không?

- Đúng! Vì bản tính của con bao giờ cũng mưu sự thành công bằng thách thức và đối đầu. Cha đã nhiều lần dạy con rằng nếu mình lùi một bước, tự nhiên sẽ yên ổn, sẽ sống êm thấm với mọi người. Cha luôn luôn ra sức hướng dẫn con và Tâm như thân phụ của cha đã hướng dẫn cha - để có sự tôn trọng thích đáng và đầy tinh thần Khổng Mạnh đối với người lớn tuổi, đối với đức vua và đối với các bậc quan quyền. Thành Tâm học thuộc bài học đó, còn con, con lúc nào cũng chọn con đường làm loạn - đó là lý do cha xấu hổ về con!

Kim nói lớn, giọng như thể gào lên:

- Cái luân lý được Khổng tử cổ võ đó chính xác là loại tinh thần nô lệ ngoan ngoãn chính bọn Tây chủ nhân ông muốn chúng ta có. Chúng ta sẽ mãi mãi làm thân trâu ngựa cho bọn chúng nếu chúng ta chỉ nghe theo những lời giảng dạy đó.

Trước lời phê bình bất kính và vô lễ lộ liễu ấy tiếng hơi thở rít vào đột ngột của cha làm Lan đứng bật dậy, tim đập rộn ràng. Dù trong khu vườn chỉ lờ mờ sáng nhưng qua khung cửa sổ nàng vẫn thấy rõ cha đang ngồi sau bàn

viết, trước hai bức tường bằng lụa đỏ treo trên vách trong đó thêu chỉ vàng hai chữ nhỏ “Nhân” và “Hoà”.

Chứng chạc, tóc hai bên thái dương lốm đốm bạc theo số tuổi ngoài năm mươi, ông mặc chiếc áo thụng màu lam vẫn thường mặc buổi tối để thấp nhang và vái lạy trước bàn thờ tổ tiên. Đầu và vai rung rung cho thấy ông đang cố dần mình để làm chủ cơn thịnh nộ. Tâm đứng sát bên ông còn Kim đứng phía bên kia bàn. Anh vẫn mặc bộ quần áo chơi quần vợt, đăm đăm nhìn cha và Tâm. Sợ cha và hai anh có thể quay ra thấy mình đang nghe lén, Lan lùi lại nép sau cánh mạn bên ngoài cửa sổ.

Trần Văn Hiếu cất tiếng, rất điềm đạm:

- Con lại xúc phạm nặng nề thêm khi nói với cha theo kiểu đó. Cha yêu cầu con về phòng mình, chuẩn bị cho chuyến đi Huế ngày mai. Có lẽ việc quan chiêm cuộc tế lễ cổ truyền sẽ nhắc cho con nhớ di sản kế thừa đáng hãnh diện của chúng ta, khiến từ đó con không còn cư xử rồ dại hoặc phi lý nữa. Con hãy ngẫm nghĩ về những lời lẽ và hành động của mình trong thời gian vừa qua. Vài ngày tới, cha sẽ nói chuyện với con thêm.

Kim đáp trả ngay, giọng run run:

- Con không đi Huế với cha! Sau khi nghe những lời cha vừa nói tối nay, con thấy con không còn lý do để tiếp tục giấu giếm cha quan điểm thật sự của con.

Lan thấy cha ngược lên nhìn Kim, mặt lộ vẻ choáng váng. Rồi ông nói với giọng si nhục, lạnh như nước đá:

- Như vậy, bằng sự dâng hiến mình cho những lý thuyết điên cuồng của chủ nghĩa bôn-sê-vich con không chỉ làm ô danh cha của con, tổ tiên của con - con còn sẵn sàng quay lưng với đất nước từng sinh ra con và với tất cả những giá trị đất nước ấy đang cổ võ.

- Không! Cha nói như vậy không đúng! Để yêu đất nước của cha, cha không cần phải yêu cái hình nộm giá áo mạ vàng chuyên trình diễn nghi lễ cổ xưa và đánh mất toàn bộ ý nghĩa của nghi lễ đó! Cha không cần phải bỏ ra hàng giờ đứng ngó các ông quan cử động như những cái giá móc những chiếc áo bào đủ màu sắc. Nhân dân ghét cay ghét đắng sự tội bại của quan lại, cha không thấy sao? Nếu thực dân Pháp không tới đây, con thủy triều lịch sử cũng đã cuốn phăng từ lâu rồi nhà vua và triều đình thối nát của ông ta - đúng như nó đã làm bên Trung Hoa hai mươi lăm năm trước đây.

Mặt Kim tái nhợt, hai bàn tay hết nắm chặt lại xòe ra hai bên hông trong khi miệng anh tiếp tục tuôn những lời lẽ nóng bỏng:

- Nhân dân biết rằng ông vua này và đám triều thần của ông ta chỉ là những con rối ngoan ngoãn nhảy múa khi Toàn quyền Đông Dương hoặc Thống đốc Nam kỳ hoặc Khâm sứ ở Huế

hoặc Thống sứ ở Hà Nội giạt sợi dây. Họ biết rằng những kẻ đó không có quyền hành thật sự trong Hội đồng Thuộc địa hoặc Cơ mật viện. Họ biết khá rõ rằng những “kẻ hợp tác” được tưởng thưởng hào phóng vì sự phản bội dân tộc của chúng. Nông dân căm ghét các địa chủ không cư trú tại nơi có ruộng đất của mình như chúng ta, cha không hiểu sao? Sống kiểu như cha “thối nhất bộ tự nhiên an”, chỉ có nghĩa là làm bù nhìn nhẵn nhụi bọn tây để được làm kẻ cho vay nặng lãi và kẻ đầu cơ tích trữ ăn bám vào sự bất hạnh của người dân...

Tâm chuyển người lạ như chớp làm Lan sùng sốt. Tiếng bàn tay Tâm tát bóp vào mặt Kim làm nàng dội người lùi lại ngay nơi đang núp. Kim lao đảo rồi lạ làng lấy lại thăng bằng và đứng yên tại chỗ, mắt rực lửa nhìn anh. Trong một chốc có vẻ Kim sắp trả đòn nhưng trấn tĩnh được. Tâm nói, thờ hồn hèn:

- Tao biết đó là cái người cha kính mến của tao muốn làm cho mày nhưng cha kiên quyết giữ đúng nguyên tắc danh dự và ghê tởm sự mất tự chủ. Vậy tao rất hân hạnh được thay thế cha làm cái việc đó.

- Tôi đổ anh dám làm như vậy ở bên ngoài phòng này.

Kim nói gần từng tiếng. Tâm ngán ngại, chấp chờn đưa mắt nhìn về phía cha. Trần Văn Hiếu vẫy người con trai lớn qua một bên:

- Đủ rồi, Tâm! Em của con quên rằng cái tài sản và địa vị bị nó cực kỳ khinh bỉ này đã giúp nó có khả năng sang Pháp du học. Nó quên rằng ngay chính trên đất Pháp, nó đã khám phá “đức tin” mới ấy. Nó quên hoặc nó quá nông nổi và điên rồ tới độ không thấy rằng đối với một xứ sở nhược tiểu như xứ sở này, chúng ta phải tiến từng bước một cách rất thận trọng. Về mặt chính trị, trong lúc dân chúng chưa trưởng thành được như nó thì sự bảo hộ và hướng dẫn của người Pháp là hết sức thích hợp, so với những nhà cai trị thiếu thận trọng xuất thân từ quân phiệt Trung Hoa - hoặc thậm chí từ phát xít Nhật.

Kim đáp trả, giọng lúc này khinh mạn thấy rõ:

- Nếu cha là thân phụ của Bình Định Vương Lê Lợi, con chắc chắn rằng cha sẽ khuyên con “tôn kính” bọn Tàu xâm lược mà sau đó đã bị ngài oanh liệt đánh bại trong thế kỷ mười lăm. Nếu cha là thân phụ của Quan Nội Hầu Phạm Ngũ Lão, con chắc chắn cha cấm con không được dùng chiến thuật “lấy đoản binh chống với trường binh” để đánh quân Mông Cổ vì đó không phải là cách đánh của đối thủ! Cha từng dạy con tôn kính những anh hùng liệt sĩ của chúng ta nhưng cha vẫn cấm con tích cực noi gương họ. Tự thâm tâm con, con biết rằng ngày nay con đường độc nhất cho người yêu nước chân chính là phải trở thành người làm cách mạng.

- Và cha giả dụ rằng con sẽ đơn thương độc mã trở thành vị cứu tinh đất nước của chúng ta.

Kim trả lời tự tin:

- Kẻ cứu tinh không chỉ một người mà là nhiều người. Đảng Cộng sản Đông Dương được sự ủng hộ của hết thảy các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới và được lãnh đạo bởi Nguyễn Ái Quốc sẽ giải phóng chúng ta. Con hy vọng mình sẽ đóng vai trò của mình - bằng cách đó, đúng, bằng cách đó con sẽ trở thành một trong những kẻ cứu tinh đất nước mình.

Tâm nói dứt khoát:

- Nguyễn Ái Quốc đã chết. Chính báo chí cộng sản ở Mát-cơ-va và Paris tường thuật như vậy.

- Họ lầm. Ông ấy còn sống và đang đang phục hồi.

- Vậy lúc này ông ta ở đâu?

- Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là ông ấy sẽ không ở Huế để cùng tham dự trò chơi Tế Trời vô ích và vô bổ. Ông ấy vẫn đang làm việc với nhiều đồng chí khác để bảo đảm rằng những lý thuyết hiện đại cực kỳ ưu việt của Marx và Lênin, hơn hẳn và khống chế các ý tưởng lạc hậu của Khổng tử.

Lan thấy cha ngắc đầu. Về mặt ông đột nhiên đau đớn và buồn thảm hơn giận dữ. Trong một lúc Trần Văn Hiếu nhìn lần lượt từng đứa con trai của mình. Rồi ông nói với giọng trầm tĩnh:

- Không có gì nguy hiểm hơn việc hoàn toàn phủ định quá khứ. Ngày nay, hoàng đế vẫn còn quan trọng như một trọng điểm biểu tượng cho nền văn hoá của chúng ta và một đặc điểm của dân tộc chúng ta. Nếu muốn quốc gia của chúng ta tồn tại, chúng ta phải phối hợp cái tốt nhất trong những lý tưởng có tính tín ngưỡng của chúng ta với cái tốt nhất trong những lời giảng dạy khoa học mới của phương tây. Chúng ta phải hoà hợp những cái cũ với những cái mới và để cho quá khứ và hiện tại gặp gỡ nhau một cách cân bằng. Kim ạ, con đang bị lôi kéo bởi những lời nói huênh hoang rỗng tuếch và phóng túng của cậu Lật con. Cậu ấy bị ám ảnh bởi các tư tưởng ngoại lai - nhưng nếu chúng ta để mặc cho lương tri dân tộc bị nhận chìm trong đại dương các kiến thức ngoại lai, chúng ta sẽ đánh mất quốc túy và đặc biệt quốc hồn.

Vị quan dùng một từ ngữ An Nam đầy xúc động: “quốc hồn”, để diễn tả linh hồn đất nước với sự trân trọng và đầy âm vang:

- Chúng ta lúc nào cũng giữ truyền thống của mình dù nhiều phen bị mất độc lập - ban đầu vào tay Trung Hoa và bây giờ vào tay Pháp. Con thừa biết rằng người ta không thể sống nếu mất linh hồn thì dân tộc cũng thế. Với quốc hồn, dân tộc sống theo chiều dọc, vượt thời gian và không gian, làm một cùng hương linh tổ tiên và khí hùng sông núi. Nếu con và cậu Lật hy sinh

“quốc hồn” cho chủ nghĩa bôn-sê-vích để đổi lấy độc lập thì sau đó con sẽ thấy không tồn tại một dân tộc thật sự để cho mình làm hồi sinh. Trong Cuộc Khủng Bố Đỏ năm 1931 tại bắc Trung Kỳ, các “bạn” của con phạm những hành động hung ác. Khi giới hạn con người trong quan hệ kinh tế và chính trị, tại chỗ và nhất thời, các “bạn” ấy đã phủ nhận cuộc sống tâm linh. Tiếp tục hành động theo quan điểm không tưởng đó sẽ làm hư hoại tình tự và đạo lý của dân tộc vì khiến người dân chỉ còn quan hệ với nhau bởi các giá trị trần tục, thời cơ và giai đoạn.

Nhìn lên bàn thờ, nơi khói nhang đang bốc lên theo hình xoắn ốc, Trần Văn Hiếu trầm ngâm một chốc. Rồi ông nhìn lần lượt vào mặt từng đứa con trai:

- Tây học dạy các con phải chọn cái này hoặc cái kia nên dễ bị thiếu cái nhìn toàn bộ và vì thế, nóng vội với lối giải quyết cục bộ. Chúng ta dựa vào lời giảng huấn của Đức Khổng để củng cố gia đình, tổ chức xã hội, sống hữu trách và tích cực. Chúng ta dựa vào lời thuyết pháp của Đức Phật để nguôi ngoai khi đau khổ, sống từ bi cho tới bên kia cái chết. Chúng ta dựa vào đạo học của Lão Trang để hòa hợp với thiên nhiên và thanh thoát giữa cuộc thế. Chúng ta sắc phong các anh hùng liệt sĩ làm thần nhân và thờ cúng chư vị tại các đền miếu, đình làng để quốc được

hộ, dân được an, để tri ân và giáo dưỡng. Những cái đó hiệp với cuộc cộng sinh mấy ngàn năm nay của một dân tộc thuần chủng, chung ngôn ngữ khiến chúng ta tin mình thừa khả năng dung hợp, với một tâm linh kim cương bất hoại. Quốc gia có suy có thịnh, lịch sử hết trăm lại thăng, nhân tâm khi đồng khi dị nhưng dân tộc phải như một gia đình, lấy bao dung đoàn kết làm phương châm. Sự phân chia dân tộc ra những thành phần đối nghịch và khẳng định rằng chúng đang loại trừ nhau khiến các “bạn” của con không chùn tay khi tàn sát đồng bào của mình. Họ từng chứng tỏ rằng họ không ngần ngại xé tan nát các bộ phận của dân tộc để “cứu nguy dân tộc”.

Trong một hồi lâu Kim im lặng đắm chiêu nhìn với vẻ mặt đần đờ. Như thể có phần rất nhỏ nào đó trong anh vẫn theo bản năng, kính trọng sự khôn ngoan trong những lời cha vừa nói. Kể đó, bất chợt nét mặt Kim vắn vẹo với vẻ quau quọ như sôi máu theo một cơn thịnh nộ phi lý. Anh chồm người tới trước, nắm tay thật mạnh lên mặt bàn viết của cha:

- Cha và anh Tâm mù quáng, không thấy ra hoặc nói một đường làm một ngả. Trong giai đoạn lịch sử này, ưu tiên tối thượng là thu hồi nền độc lập và tự do cho dân tộc. Muốn thế, phải có một chủ nghĩa chính trị đầy khoa học và đạt tới đỉnh cao trí tuệ. Phải có một đảng cách

mạng có tổ chức, sinh hoạt chặt chẽ và đấu tranh chuyên nghiệp. Bên ngoài, đảng đó phải có chỗ dựa quốc tế. Bên trong, đảng đó phải có các đảng viên hiểu biết kỹ thuật đấu tranh, suốt ngày đêm chỉ nghĩ tới việc đảng, triệt để chấp hành lệnh đảng, xem đảng còn hơn mạng sống của mình. Nghĩa là phải có một đảng cách mạng thường trực. Đi theo chủ nghĩa bôn-sê-vich là đáp ứng đầy đủ cả hai yêu cầu thu hồi độc lập dân tộc và thiết lập công bằng xã hội. Trước mắt, chỉ một mình học thuyết của Lênin thôi cũng đủ để có thể giải phóng các dân tộc thuộc địa như chúng ta. Sâu xa hơn, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lê mới có khả năng giải thoát chúng ta khỏi sự sỉ nhục suốt đời nô lệ và nghèo đói trước mặt bọn ngoại nhân đáng kinh tởm!

Trần Văn Hiếu nhìn con trai, mặt không để lộ cảm xúc:

- Con cũng biết khá rõ ràng có những người Tây tốt - như quan ba Devraux - họ có lòng thương mến sâu xa xứ sở chúng ta. Tình trạng quá lệ thuộc vào người Pháp là một thực tế kéo dài sáu bảy chục năm nay, đã ăn thành nếp trong trí óc con người và phần thành giai tầng xã hội nên không dễ chấm dứt hay xóa sạch trong một thời gian ngắn. Nhưng lúc này mọi sự đang thay đổi. Nếu chúng ta hoạt động bình tĩnh và có phương pháp thì Hoàng đế Bảo Đại có thể trở thành vị quốc chủ hiện đại đầu tiên -

được người Pháp cố vấn nhưng do mình cai trị với quyền hành độc lập rộng rãi hơn. Phải tránh bạo động hoặc gây quá nhiều xung động trong dân tộc, đưa tới cảnh nội chiến, máu đổ thịt rơi. Thà chấp nhận đường lối Pháp-Việt để huê để phục hưng đất nước, nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, cải thiện dân sinh. Bước đầu tiên mà cha đang cùng với đồng liêu ở Trung kỳ cũng như các nhân sĩ ở Nam kỳ vận động là yêu cầu người Pháp tái cứu xét, thực hiện đúng theo các điều khoản được qui định trong Hiệp ước Patenôtre năm 1884, tăng quyền cho Hoàng đế, từ đó tiến tới một chế độ quân chủ lập hiến.

Kim khịt mũi chế nhạo:

- Thật ảo tưởng và thơ ngây khi trông chờ lũ thực dân đế quốc giúp dân tộc bị đô hộ thu hồi độc lập, tự lực cánh sinh! Cũng thật không tưởng và tham lam khi vừa muốn làm một nhà cải cách vừa muốn ôm riết những đặc quyền đặc lợi bất chính của dòng họ mình, của giai cấp mình! Bọn Tây sẽ chỉ mãi mãi sử dụng chúng ta như chúng ta sử dụng con trâu con ngựa. Chúng chỉ thương mến những tài nguyên phong phú chúng có thể moi móc từ đất đai của chúng ta.

Mất Kim bỗng nhiên bốc lửa khi anh nhìn xuống cha. Rồi anh thọc tay vào túi quần soóc móc ra một tờ giấy bạc nhăn nhúm. Anh kẹp tờ năm đồng ấy giữa hai ngón tay, vuốt cho thẳng rồi ve vẩy nó trước mặt:

- Đây là cái độc nhất mà bọn tây thuộc địa có lòng thương mến sâu xa. Và cha cũng có lòng thương mến sâu xa nó. Ngoài cái này ra, tất cả những cái khác chỉ là đạo đức giả!

Kim xoay tờ giấy bạc trong tay rồi chỉ vào tấm hình nổi in chân dung Bà Mẹ Pháp đang dang đôi tay nhân ái che chở trên vai hai người An Nam bản xứ:

- Cha có biết tấm hình này có ý truyền đạt cái gì không? Nó cho thấy một bà mẹ lời những gã con trai An Nam khốn khổ ra nơi chợ búa - để bán chúng như những tên nô lệ! Và con là thằng con trai của những tên môi giới càng ngày càng mập ú nhờ tiền lãi đó.

Kim dừng lại một chút rồi đột ngột vung tay ném tờ giấy bạc thẳng vào mặt cha:

- Cha có thể không sẵn sàng chấm dứt việc bán nhân dân chúng ta cho bọn Tây vì lợi ích riêng tư, còn con, con sẵn sàng - con không còn là kẻ tham dự vào những hành động đáng xấu hổ như vậy nữa.

Trần Văn Hiếu rúm người lại và nhắm mắt khi tờ giấy bạc giập giòn đậu xuống trên bàn trước mặt ông. Khi ông mở mắt ra, ánh mắt ông rơi thẳng lên tấm hình in nổi. Sau cùng ông mở miệng, giữ mắt không nhìn con trai. Ông nói bằng giọng siết chặt giữa hai hàm răng:

- Con đi khỏi nhà này ngay. Chừng nào ta còn sống thì chờ bao giờ trở về.

Từ bên ngoài cửa sổ Lan nghe rõ ràng hơi thở Kim hít vào thật nhanh. Bên cạnh cha, Tâm đứng bất động như một hình nhân bằng sáp, mặt không còn sắc máu. Trần Văn Hiếu tiếp tục nói với giọng trầm tĩnh:

- Trong bất cứ hoàn cảnh lịch sử nào, gia đình và dân tộc phải là một. Nếu gia đình mất dân tộc cũng sẽ mất. Kim ạ, cuối cùng, giả dụ chủ nghĩa bôn-sê-vich thành công, con sẽ đem sự tan nát tới cho đất nước con, cho gia đình con và cho chính bản thân con! Đi ngay!

Lan không kềm nổi tiếng thốn thúc khe khe thoát ra trên môi. Khi Kim bước rất lẹ ra khỏi phòng, nàng lật đật nhảy lên các tầng cấp chạy theo vào nhà. Lan gặp anh trong phòng khách lớn đầy bóng tối nhưng Kim lướt qua rất nhanh, không biết tới sự có mặt của em gái.

Oà khóc nức nở, Lan chạy vào thư phòng của cha, thấy ông gục mặt ảm đạm nhìn thật sâu lòng ghế. Quì xuống bên cha, nàng nắm bàn tay ông hôn lấy hôn để. Trên ngưỡng cửa, mẹ nàng im lặng xuất hiện; lúc ở nhà sau bà đã nghe rõ từ đầu tới cuối cuộc cãi vã và xô xát. Tâm đến bên mẹ. Bà vòng tay ôm con trai và kéo sát vào mình. Trên mặt bà nước mắt đang chảy thành suối.

- 4 -

Khi những người tù An Nam tiểu tụy kế tiếp nhau xuất hiện và lần lượt đặt chân lên tấm

ván dài bắc từ kè đá xuống con tàu chờ họ từ đảo Côn Lôn trở về, người ta thấy ai nấy đều mang chung một bộ mặt hốc hác và xanh xao vàng vọt. Có một số kẹp nách vài miếng giẻ cuộn thành bó, có người không mang theo gì cả. Trong hai con mắt rừng rực căm hờn của họ ánh lên tia nhìn cảnh giác như một ám ảnh thường trực của những kẻ bị áp bức tới độ phải chịu đầy ải, giam cầm đằng sau chấn song sắt trong một thời gian rất dài.

Cầu ván oằn xuống dưới sức nặng của các tù nhân trong khi Joseph Sherman đứng trên kè đá, chăm chú xem xét cận kề mặt từng người một. Dù tâm trí anh vẫn lưu giữ rõ nét hình ảnh của Ngô Văn Lộc nơi trại săn trong rừng nhưng khi hàng chục người tù bước cao bước thấp đặt chân lên bờ, anh bắt đầu nghi ngờ khả năng nhận diện của mình. Mười một năm trước, Lộc mang vẻ mặt thường thấy của một người giúp việc trong nhà, lúc nào cũng sẵn sàng nở nụ cười sẵn đón và vâng phục. Nhưng lúc này, trên những bộ mặt cay đắng và đầy uất hận kia, Joseph không tìm thấy đôi chút phản ánh nào đó hợp với trí nhớ của anh.

Con tàu nhỏ này, chiếc thứ hai cập bến Sài Gòn, chở khoảng năm chục người tù cộng sản và quốc dân đảng được phóng thích theo lệnh ân xá. Cùng lúc đó, cũng khoảng chừng ấy con số hiến binh Pháp và An Nam mặc cảnh phục

rầm rộ đóng chốt trên bến tàu, giám sát việc lên bờ. Để việc thực hiện công tác thêm phần dễ dàng, họ gắn đèn hồ quang cháy sáng quắc dọc chỗ tàu cập bến.

Trong lúc những người tù vừa được phóng thích rời cầu tàu với đôi mắt quáng gà nheo nheo chập chờn, ngay bên kia con đường thênh thang chạy dọc theo bờ sông, từ hàng hiên quán Cà phê La Rotonde cuối đường Catinat, một nhóm người mặc thường phục, hỗn hợp Pháp có An Nam có, đang ló mắt âm thầm theo dõi họ. Thịnh thoảng có người trong nhóm thông thả đứng lên tách khỏi đồng bọn, lật đặt bước xuống những đường phố tối tăm, âm trầm đi theo một tù nhân lẻ loi hoặc một tốp tù nhân nào đó. Các nhân viên mật thám ấy của Liêm Phóng bao giờ cũng cẩn thận giữ một khoảng cách an toàn giữa mình và kẻ bị theo dõi để bảo đảm không bị phát hiện.

Joseph vừa nhìn tỉ mỉ từng bộ mặt tiêu tụy nối tiếp nhau đi qua vừa cảm thấy tức ngực và khó thở, y hết cái cảm giác trong người lúc anh mới trở lại Sài Gòn hai hôm trước. Đêm lại thêm lần nữa nóng bức, nham nháp và ẩm. Theo phản ứng tự nhiên của một người không quen với cái nóng ngấy ngật của xứ nhiệt đới, anh cố xua đuổi cảm giác đó nhưng đồng thời lại ngỡ ngợ rằng chính các biến cố xảy ra hôm nay và sự kiện anh bốc đồng quyết định ra bến tàu này đang làm thần kinh anh căng thẳng.

Cuộc rối loạn ở Câu lạc bộ Thể thao và tiếp đó, chuyến ngồi chung khoang xe thổ mộ với Lan làm Joseph cảm thấy lòng mình sôi nổi lạ thường, tới độ anh không còn biết đói và không thể một mình ngồi trước bàn ăn tối trong khách sạn. Paul điện thoại tới cảm ơn anh đã hộ tống Lan về nhà bình an và kể rằng cuộc rối loạn đã được dẹp yên, không người nào bị thương nặng. Vì đêm nay Paul phải trực nên cả hai hẹn sẽ gặp nhau ngày mai, cùng dùng cơm trưa.

Lúc mặt trời sắp lặn, Joseph đang ngồi một mình nơi tầng trệt của khách sạn bỗng thấy trong tờ báo buổi chiều bức ảnh chụp nhóm tù nhân đầu tiên từ đảo Côn Lôn trở về. Nhìn thật gần các bộ mặt nhoe vết mực in ấy một hồi rất lâu, anh bỗng giật mình nhận ra mình đang bắt giác tìm kiếm Ngô Văn Lộc. Nơi phần cuối bài phóng sự, tờ báo loan tin rằng hy vọng nhóm thứ hai sẽ về tới vào một lúc nào đó tối nay. Anh liền đứng lên, lật đặt ra bến tàu.

Tiếp theo là hai tiếng đồng hồ trôi qua trong tẻ nhạt và bức bối. Trong khi bốn chồn đi tới đi lui dọc mé nước tối tăm và ngấm tàu vào tàu ra, Joseph có cảm tưởng trí óc mình đang chia làm hai phần trái ngược nhau, liên miên xung đột nhau tùy theo từng thôi thúc và từng cảm xúc. Một phần của trí óc - cái tôi lý trí - cứ thôi thúc anh bỏ đi, đừng chờ tàu cập bến. Liệu việc tìm kiếm người “bồi” trại sẵn ngày cũ có ích lợi

gì không? Dù sao đi nữa quá khứ ấy cũng qua hẳn rồi - liệu có thu lượm được thành quả nào không hay chỉ mở ra những vết thương ngày cũ? Và liệu khi tìm thấy Ngô Văn Lộc mình có đủ can đảm phóng những câu hỏi đau xót vào một người mình gần như không biết rõ, lại là người vừa thoát cảnh tù khổ sai đầy khắc nghiệt và lâu năm? Anh tự đặt cho mình những câu hỏi ấy cả trăm lần rồi nhưng vẫn không chịu rời bờ sông Sài Gòn oi ả.

Suốt thời gian chờ đợi dài đằng dặc, tâm trí Joseph lại bị ám ảnh bởi vẻ ngoài cứng cỏi khắc nghiệt của Jacques Devraux, hình ảnh bà vợ của Lộc trần truồng ôm manh quần áo che ngực vừa khóc tẩm tức vừa lao mình vào cơn mưa bão, quỵệt với âm thanh những tiếng rên rỉ nghèn nghét xuất thần của mẹ anh. Thêm lần nữa, trong dữ dội và điên đảo, Joseph nhớ lại cơn rối loạn choáng váng và hoang mang do các biến cố đó gây ra trong anh lúc anh mới mười lăm tuổi. Từ đó, trong khi anh càng ngày càng khôn lớn và càng hiểu thêm về cuộc đời, cảm giác mơ hồ của anh trong cơn mưa bão rừng khuya đó về sự bất định, khả năng phản bội và sức mạnh của bản năng con người, theo với thời gian, đã ăn sâu vào tiềm thức anh, đồng thời để lại trong anh một di sản đầy hoài nghi và cảnh giác đối với con người, đặc biệt đối với phụ nữ.

Nhưng tối nay, trên bến cảng bên sông này,

Joseph nhận ra mình chưa bao giờ hoàn toàn buông bỏ niềm hi vọng rằng ở bên kia trí tưởng tượng của anh có thể hiện hữu một giải thích nào đó về những gì đã xảy ra, một giải thích dù thế nào đi nữa, cũng có thể giải toả nỗi băn khoăn khắc khoải đã và đang in hằn tâm trí anh suốt mười một năm nay, kể từ phút giây mưa bão ghê rợn ấy.

Joseph mơ hồ nhận ra rằng một hy vọng như thế là cực kỳ mong manh nhưng anh hiểu rõ, chính khả năng hắt hui đó đang níu giữ anh tiếp tục có mặt trên bến tàu trong bóng đêm nóng và ẩm này, chân bước sai đi tới đi lui, áo sơ mi đầm mồ hôi dán sát lưng.

Cuối cùng, vừa thấy con tàu xuất hiện Joseph vội vàng chạy tới đứng chung với nhóm người An Nam ít ỏi, hình như là thân nhân ra đón tù trở về. Đúng lúc ấy, một nhân viên mật vụ Liêm Phóng băng ngang đại lộ lần đầu tiên để ý tới sự có mặt của Joseph. Và khi anh bước tới gần cầu ván để nhìn cho rõ hơn các tù nhân đang rời tàu, từ đằng sau quán cà phê La Rotonde, viên thanh tra chỉ huy chiến dịch bí mật này âm thầm ra lệnh cho một người Pháp vạm vỡ giám sát anh ngay lập tức.

Sau khi số lượng người tù rời tàu được hơn một nửa, Joseph mới thấy có kẻ hao hao giống Ngô Văn Lộc. Tuy vậy thật khó nhận diện vì cũng giống mọi tù nhân khác, về mặt người ấy

lờ mờ xanh xao vàng vọt do bị giam hãm lâu ngày. Người ấy khoác trên thân hình trơ xương chiếc áo vải bông màu đen xác xơ mòn trơ chỉ với chiếc quần ống thấp ống cao. Joseph để ý thấy cạnh sườn anh ta lắt léo một cánh tay tàn phế. Vừa đặt chân lên bờ, anh ta thờ ơ nhìn bộ mặt của người Mỹ rồi sắp lưng đi thẳng.

Trong một giây, Joseph nghĩ mình lắm. Rồi bỗng nổi cơn thôi thúc, anh bước tới sau lưng người ấy, chạm tay vào vai anh ta. Joseph thấp giọng hỏi bằng tiếng Pháp:

- Xin lỗi, có phải anh là Ngô Văn Lộc?

Người tù vừa được thả ấy quay lại nhìn Joseph, có vẻ giật mình, mắt ánh lên tia nhìn e ngại lẫn nghi kỵ và không trả lời. Anh ta thận trọng liếc xéo bộ mặt của các hiến binh mặc cảnh phục đang tụ tập đông đảo quanh bờ và trên bến tàu rồi quay lại nhìn Joseph thêm lần nữa. Cảm thấy thất vọng, Joseph hỏi tiếp:

- Có phải anh từng là người “bồi” trại săn của Jacques Devraux?

Trong một chớp mắt phù du Joseph tưởng chừng bộ mặt hốc hác của người An Nam nhá lên vẻ sùng sốt. Nhưng anh ta không nói và quay lưng bước thật lẹ, bắt cho kịp một người tù khác vừa được thả chung chuyển. Joseph đứng ngó theo hai người bằng ngang đại lộ rồi lại quay nhìn con tàu. Nhưng trong số những người còn lại chẳng có bộ mặt nào đáng cho

anh để ý. Anh bất chợt quyết định và vội vã băng qua bến tàu, lật đặt bước theo hướng đi của người An Nam có cánh tay bại liệt.

Đường phố tấp nập. Sợ mình có thể mất dấu, Joseph nhắc chân chạy. Mắt anh thoáng bắt gặp anh ta và người bạn đồng hành khi cả hai rẽ sang con đường dẫn thẳng tới chợ Bến Thành. Nhưng tiếng bước chân chạy của Joseph làm hai người An Nam ngoái đầu nhìn lui. Và đáp ứng cơn hót hời của anh, cả hai thấy mình đang bị theo dõi cũng bắt đầu co chân chạy.

Trước một vòm cửa hình vòng cung của nhà lồng chợ, họ lại gay cấn ngoái đầu về phía Joseph thêm lần nữa rồi biến mất vào bên trong. Không chút ngần ngại Joseph vào theo. Dù khung cảnh tù mù tối tăm rồi đen đặc, anh vẫn nghe rõ tiếng chân đang chạy và hơi thở phì phò của hai người An Nam. Joseph hồi hả nói lớn bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Lộc, xin đứng lại. Tôi chỉ muốn hỏi anh một hai câu thôi.

Tiếng của Joseph vang lên, dội ồm ồm trong nhà lồng với bốn phía vách chỗ lồi chỗ lõm của ngôi chợ về đêm vắng lặng, nhưng hai người ấy không dừng bước. Anh lao mình về hướng có tiếng chân của họ. Khi đứng lại lần nữa, lắng tai, anh sừng sốt thấy chẳng nghe ra được gì ngoài tiếng thở hổn hển của chính mình.

Cảnh giác hơn, Joseph tiếp tục bước xuyên

qua bóng tối vắng lặng đang bốc lên mùi trái cây nhũn và mùi cá ươn. Thịnh thoảng anh gọi tên Lộc nhưng vẫn không có tiếng trả lời. Rồi anh sừng người khi có cánh tay ai đó kẹp chặt cuống họng mình đồng thời anh cảm thấy từ đằng sau, mũi nhọn của một con dao dí ngang hông mình. Giọng của một người thì thầm bằng tiếng Pháp sát tai anh:

- Mấy là ai? Tại sao đi theo tui tao?

Người Mỹ thờ hồn hển, vùng vẫy để làm lỏng cánh tay đang siết cứng cần cổ mình:

- Tôi tên là Joseph Sherman. Jacques Devraux từng hướng dẫn gia đình tôi trong một chuyến đi săn, lúc đó Ngô Văn Lộc làm việc cho ông ta.

Joseph nghe hai giọng đàn ông thì thầm liên thoảng với nhau bằng ngôn ngữ của họ nhưng sức ép trên cần cổ anh vẫn không giảm và thêm một lưỡi dao nữa chọc mạnh vào mạng mỡ anh:

- Có phải thằng Devraux hiện sống tại Sài Gòn?

- Không. Ông ấy đang chỉ huy Sở Liêm Phóng ở Huế. Có phải anh là Ngô Văn Lộc?

- Phải!

Đèn một chiếc xe hơi chạy ngang cửa nhà lồng chợ hắt vào chút ánh sáng le lói và ngay lúc ấy cần cổ anh được thả ra. Joseph quay lại thấy Lộc vẫn cầm con dao trong bàn tay còn lạnh lặn, đứng thủ thế. Bên cạnh anh, một người An Nam

khác đang trong tư thế khom lưng lấy đà, sẵn sàng nhảy xổ vào người Joseph để khống chế lần nữa. Giọng nói của Lộc vẫn đầy hăm dọa nhưng pha chút tò mò:

- Tại sao anh biết chỗ tìm tôi? Tại sao anh biết tôi ở tù?

Joseph trả lời, tay xoa cổ họng:

- Tôi nói chuyện với Paul Devraux. Anh ấy ở trong quân đội tại đây. Paul nói với tôi rằng anh ấy nghĩ anh đang ở tại đảo Côn Lôn.

Joseph lại nắn nắn cổ mình rồi lưỡng lự:

- Paul cũng kể tôi nghe chuyện bi thảm về cậu Học con trai anh. Tôi rất buồn khi nghe chuyện cậu ấy chết.

- Thằng Học không “chết” - nó bị bọn Tây sát hại bằng máy chém! Bộ thằng Paul không kể với anh rằng chúng nó giết cả vợ tôi nữa sao? Và rằng một cánh tay của tôi trở thành vô dụng khi tội phi công gan dạ của bọn chúng bỏ bom và quật súng máy xuống những nông dân không có gì tự vệ ở Vinh sao? Hắn không kể cho anh nghe rằng bọn Tây giết mười ngàn người An Nam vì họ dám thách thức sự cai trị tham tàn bạo ngược của bọn chúng sao?

Joseph nói một cách tuyệt vọng:

- Paul cảm thấy ân hận sâu xa về tất cả những chuyện xảy ra đó. Anh ấy xem anh và các con của anh là bạn thiết.

Lộc khịt mũi khinh bỉ:

- Có phải chính hẳn sai anh tới đây để kể cho tôi nghe những lời láo khoét đó?

- Không, anh ấy không biết tôi đi gặp anh.

- Vậy anh muốn nói với tôi chuyện gì?

Đột nhiên Joseph cảm thấy không thể diễn tả thành lời như mình muốn. Anh nói một cách ngắn gọn:

- Anh Lộc ạ, đây chỉ là chuyện riêng. Tôi chỉ muốn nói với một mình anh.

Hai người An Nam thì thầm với nhau vài lời rất nhanh bằng tiếng bản xứ. Joseph chờ cho tới khi hình dáng đen đui của người đi chung với Lộc bước ra khỏi chỗ tối, tới đứng cạnh phía trong vòm cửa chợ gần nhất, anh mới cất tiếng, giọng run run:

- Anh Lộc ạ, anh có nhớ cái đêm mưa bão thật lớn nơi trại sản lúc mới bắt đầu cuộc thám hiểm của gia đình tôi không? Anh còn nhớ chuyện gì xảy ra đêm đó không?

Trong bóng tối không vang lên tiếng trả lời nào nhưng Joseph nghĩ mình có thể cảm giác được vẻ căng thẳng trên mặt người nghe tuy anh không thấy rõ. Anh tiếp:

- Tôi không ngủ được và ra ngoài đi lang thang trong mưa. Tôi đi ngang lều của Monsieur Devraux thì thấy vợ anh từ trong đó lao ra, vừa chạy vừa bung mặt khóc.

Nói tới đây bỗng dưng Joseph cảm thấy trái tim trương lên trong lồng ngực làm anh sắp

nghet thờ. Cùng lúc ấy anh nhận ra mùi hôi nồng nặc, buồn mửa, của những thứ thối rữa trong nhà lồng chợ tối thui:

- Tôi muốn hỏi...

- Không được hỏi gì về đêm đó!

Sự hung tợn trong trong cung giọng ré lên của Lộc làm Joseph rùng mình. Anh cảm giác sát bên anh, trong bóng tối, người An Nam ấy đang run lẩy bẩy:

- Năm năm trời trong xà lim đảo Côn Lôn, ngày nào tôi cũng phải ăn nằm với sự khốn khổ của chính mình. Và trong giấc mơ tôi thường thấy người vợ đã chết hiện ra với bộ mặt lên án tôi!

Trong một lúc lâu, Joseph và Lộc yên lặng đứng đối mặt nhau trong bóng tối nồng nặc mùi hôi ác liệt. Sau cùng Joseph thì thầm:

- Anh có ý nói gì vậy anh Lộc?

- Tôi ép buộc bà ấy phải làm chuyện đó. Rốt cuộc chính vì lỗi của tôi mà bà ấy rơi vào tay bọn Tây hiếu sát.

Lộc ngưng nói, hơi thở rối loạn, rồi giọng anh thấp xuống thành tiếng thì thào:

- Như thế, ông thượng nghị sĩ và tôi có chung một cái với nhau, phải không? Có phải ông ta cũng có những cơn ác mộng?

Joseph giật mình khi bất ngờ nghe nhắc tới cha:

- Anh Lộc, tại sao cha tôi lại phải như vậy?

- Chính sự ngu xuẩn của tôi đưa tới cái chết của vợ tôi - và cũng chính sự ngu xuẩn của cha anh gây ra cái chết cho người anh của anh, không đúng sao?

Joseph nói, cao giọng ngơ vực:

- Cha tôi đã cố cứu Chuck. Trong khi ra sức cứu anh tôi, ông bị thương rất nặng. Ông mất một cánh tay.

Tiếng cười của Lộc rộ lên không một chút khôì hài làm Joseph giật nảy người:

- Có phải chính ông ta kể với anh như vậy?

- Đúng.

- Chuyện xảy ra hoàn toàn khác hẳn.

Joseph khắc khoải chúi người tới trước. Đột nhiên anh nhớ lại vẻ lưỡng lự trên mặt Paul khi anh nhắc tới tai nạn đó:

- Anh giả thuyết ra sao anh Lộc?

- Monsieur Sherman, tôi không “giả thuyết, giả dụ” gì cả. Chuyện xảy ra đúng một trăm phần trăm như thế này. Anh của anh bị giết trong khi ra sức cứu ông thượng nghị sĩ. Lúc đó cha anh bị sốt rét - ông bệnh không đủ sức đi săn. Ông nốc rượu kèm với thuốc tây ông mang theo và ông ngu xuẩn rượt theo con mìn bị thương vô bụi tre gai rậm rạp đó trái với lệnh của thằng Devraux. Anh của anh bỏ mạng trong khi cố cứu mạng cha anh.

Miệng Joseph vọt ra một câu nói trước khi anh kịp cân nhắc mình có ý nói gì:

- Chắc chắn anh nói dối!

Người An Nam hỏi bằng giọng lạnh lùng:

- Tại sao tôi lại phải nói dối?

Thêm một chiếc xe chạy ngang cửa vòm. Dưới ánh sáng của đèn xe phản chiếu trong nhà lồng chợ, Joseph thấy người An Nam kia quay mình chạy rất lẹ về phía hai người. Trong một thoáng Lộc lắng nghe tiếng thì thẩm báo động của đồng bạn rồi quay người qua phía Joseph, Lộc xảng giọng kết án:

- Có hai thằng mã tà Liêm Phóng đang canh mấy cửa chợ. Vậy tóm lại, mấy cũng chung một bè một lũ với bọn chúng nó.

Joseph giật mình phản đối nhưng người An Nam không chịu đứng yên nghe. Sau khi văng tục mắng chửi anh thậm tệ bằng tiếng An Nam, họ bỏ chạy theo hai hướng ngược nhau, còn lại Joseph một mình trong bóng tối ngập ngụa mùi thối rữa. Trong vài phút anh đứng chôn chân tại chỗ, vật vã với hành động khủng khiếp của cha do Ngô Văn Lộc vừa tiết lộ. Rồi anh bàng hoàng rời nhà lồng chợ, chậm chậm quay về khách sạn Continental.

Joseph lảo lồi bước, không nhìn hai bên đường phố mình đi qua và không để ý hai nhân viên mật thám Liêm Phóng đang làm cái bóng của anh. Hai phút sau khi Joseph lên phòng khách sạn, họ ngang nhiên bước vào phòng lễ tân. Thấy bộ mặt lăm lè ngụy ngất của họ,

người thư ký lo việc tiếp tân đưa cho họ danh sách khách trọ, không một chút thắc mắc. Qua kinh nghiệm trước đây, anh đã biết họ muốn gì nơi anh.

Anh quay mình vội đầu vào một công việc tẻ nhạt nào đó trong khi nhân viên mật vụ có thân hình vạm vỡ chép vào sổ tay tên và địa chỉ của Joseph Theodore Sherman, Đồn điền Sherman, Hạt Charles, Virginia, H.K.

- 5 -

- Vì dòng sông này quá đổi êm đềm và vô cùng tịch lặng nên các bậc hiền giả bảo rằng có thể nghe ra nhịp đập của trái tim An Nam trên hai bờ của nó. Lan nở nụ cười đầm ấm rồi quay sang nhìn Joseph khi thuyền lướt nhẹ trên mặt nước sông Hương lấp lánh, ngược dòng lên hướng tây của Huế. Nàng nói tiếp:

- Đó là lý do khiến liệt vị hoàng đế chọn những vùng đồi cỏ mọc đáng yêu bên ngoài kinh thành để làm nơi an nghỉ sau cùng.

Joseph cười đáp lại lời nàng và đưa mắt nhìn chung quanh, lòng sững sờ trước cảnh vật thiên nhiên dư dật màu sắc. Dưới bầu trời xanh trong vắt dòng sông cũng xanh như chiếc áo dài lụa màu xanh Lan mặc trên người và những hàng dương liễu xanh xanh hai bên bờ như tỏ lòng khiêm cung, nghiêng mình rũ lá cùng tơ tóc lướt thướt xuống triển nước rồi mềm mại xòa

thành những gợn sóng lăn tăn. Cuối trời tây, dòng sông nướng náu trong dãy Trường Sơn, nơi có mái lá ngọc bích choàng lớp áo xanh biếc đậm đà lên vai những núi cùng non đang dồn dập đuổi theo nhau trên những cạnh sườn mơ màng, vượt qua các thung lũng xanh thắm rồi trườn xuống bãi bờ xanh ngát ven sông.

Từ chỗ ngồi một bên mạn thuyền Trần Văn Tâm nói nhả nhai:

- Monsieur Sherman ạ, chắc chắn anh đã biết người An Nam chúng tôi tin rằng hương hồn tổ tiên vẫn tiếp tục sống giữa con cháu sau khi chui vị khuất núi. Thêm nữa, chúng tôi còn tin rằng phúc ải của dòng họ hoàn toàn tùy thuộc vào sự an hưởng của hương linh tổ tiên, vì thế chúng tôi có nghĩa vụ phải làm sao để mọi hương hồn thoả nguyện. Đồng thời chúng tôi cũng phải cư xử giống y như thế đối với dân tộc mình. Đó là lý do tại sao vùng đất này, nơi có lăng tẩm của liệt vị hoàng đế, là nơi xinh đẹp nhất và thiêng liêng nhất trên đất nước chúng tôi.

Joseph gật đầu cười cảm tạ. Trong chuyến viếng thăm lăng tẩm các vua này Tâm có nhiệm vụ tháp tùng Lan. Và để cho nhiệm vụ ấy bớt vẻ đường đột, Tâm đem theo người thiếu nữ anh ta vâng ý sẽ thành hôn theo lệnh song thân. Một mạc và e lệ, đức hạnh chủ yếu của nàng là tiểu thư của một gia đình quan lại giàu có và nàng

chỉ mở miệng khi nào có lời Tâm bảo. So sánh thiếu nữ ấy với Lan, dường như vẻ đẹp của Lan quyến rũ hơn bao giờ hết trong mắt nhìn đắm đuối và nồn nao của Joseph. Vừa tới Huế vào buổi sáng, Joseph lập tức đi gặp Lan và ngay lúc ấy, anh bỗng thấy đôi má nàng chột ửng hồng phơn phớt. Lan không thể giấu vẻ xao xuyến khi thấy Joseph xuất hiện nơi cư sở chính thức của thân phụ nàng cạnh hồ sen gần cửa Hữu, bên trong vòng thành cao bằng gạch đỏ đất của Kinh Thành. Và qua cử chỉ xúc động của Lan khi anh đến đón để cùng nhau đi dạo chiều nay, Joseph thấy trong nàng vẫn còn nguyên tâm trạng ấy. Nhưng sau khi đặt chân xuống thuyền, ánh mắt Lan bắt đầu long lanh. Tới lúc trạo phu chèo cho thuyền đi xa dần thành phố, Lan háo hức chỉ tới những hình bóng cổ kính đang lung linh hiện ra rồi dần dần rõ nét trên các vùng đồi chung quanh:

- Thuyền vừa rời khỏi bến Văn Lâu, đi qua cầu Bạch Hổ và các bến nước Kim Long. Kia là Chùa Thiên Mụ... Tháp Phúc Duyên... và Joseph này, anh có thấy miếu Đức Khổng tử nhỏ xiu, gần như ẩn mình trong vùng cây xanh ngát đàng kia không? Đó là Văn Thánh, đền thờ nho học và là nơi đặt bia tiến sĩ nhà Nguyễn.

Mỗi lần như thế Joseph chỉ biết mỉm cười hưởng ứng và dĩ nhiên trí óc anh không thể nào hoàn toàn hiểu hết những lời Lan đang nói. Điều

quan trọng nhất là anh cảm thấy mình sung sướng khi được thêm lần nữa sớm ở bên Lan và anh đang cố hết sức giữ cho mắt mình khỏi nhìn nàng chăm chăm. Suối tóc đen tuyền mượt mà chảy xuống lưng thỉnh thoảng nhẹ nhẹ vờn bay trong gió chiều khiến Lan phải lúc lắc đầu một cách dễ thương và duyên dáng khi đưa tay rẽ mấy sợi tóc vương trên mắt. Những cù chỉ ấy, đối với Joseph, dường như cực kỳ đáng yêu và thanh nhã tuyệt vời. Thỉnh thoảng Lan mỉm miệng cười ý nhị với Joseph như tỏ vẻ không hài lòng trước làn gió đang nhẹ nhàng đùa giỡn mái tóc nàng, Và Joseph chợt nhận ra tâm hồn anh lúc này ấp ủ một cảm giác ấm cúng, đơn sơ và hạnh phúc.

Trong đêm khuya thao thức sau lần gặp Ngô Văn Lộc, Joseph quyết định đi Huế bằng chuyến xe lửa sớm nhất có thể được. Cuộc trò chuyện với Lộc làm phát sinh những hình ảnh dần vạt mới về một thời đã qua. Suốt đêm dài dằng dặc, trong khi trí não chấp chờn những hình ảnh u uất ấy, ký ức về khuôn mặt màu vàng xinh đẹp và tươi thắm của Lan trong lòng xe thổ mộ bắt đầu tái hiện. Và càng lúc càng thường xuyên hơn, cho tới khi nó hoàn toàn chế ngự anh và biến thành một sức mạnh đầy ám ảnh. Trong tâm trí anh, giữa cơn xáo trộn của đối trá và ngờ vực, Lan bỗng dường như hiện thân cho sự đậm thắm và thanh khiết mà thiên hướng

Joseph hằng khao khát. Trước lúc trời rạng sáng, Joseph chỗi dậy sửa soạn hành lý, sẵn sàng lên đường đi phương bắc. Anh để lại cho Paul Devraux mấy chữ giải thích chuyến đi vội vã của mình, rằng không người nghiên cứu lịch sử Á Đông nào đành lòng để vượt mất cuộc tế lễ của hoàng đế. Sự thật chỉ mới một nửa đó làm Joseph cảm thấy đắc tội và áy náy khi lật đật ra ga xe lửa nằm xéo bên tay phải chợ Bến Thành. Rời Sài Gòn trước giờ ăn sáng, con tàu nhỏ chạy bằng củi đốt phải mất gần ba ngày mới nuốt hết tám trăm cây số đường sắt ra Huế. Mỗi đêm tàu đều dừng lại để hành khách xuống ngủ ở quán trọ bên đường. Đã chịu đựng một cuộc hành trình dài và chậm, Joseph lại thấy khổ sở hơn nữa vì ý nghĩ mình đang phản bội lòng tin của Paul. Nhưng khi con tàu càng tới gần Huế, lòng Joseph càng nôn nóng. Viễn ảnh sẽ gặp Lan thêm lần nữa làm ý nghĩ đắc tội đó chìm dần, cuối cùng nó được hoàn toàn thay thế bởi lòng lo lắng mỗi lúc một tăng rằng không biết mình sẽ được tiếp đãi như thế nào tại kinh đô của An Nam. Rồi Joseph cảm thấy nhẹ nhõm. Trần Văn Hiếu, thân phụ của Lan, lịch sự chào đón anh tại ngôi nhà từ đường của ông trong thành nội ngào ngạt hương sen, kế bên đàn Xã Tắc, nơi nhà vua tế đất đai sông núi, dù anh đến không báo trước và chưa được mời. Sau khi vấn tắt thăm hỏi sức khỏe của gia đình Joseph và thêm

lần nữa hết lòng cảm ơn anh đã cứu con khi nhỏ mười một năm về trước, chính Trần Văn Hiếu gợi ý rằng có lẽ mối quan tâm đặc biệt của bất cứ ai nghiên cứu lịch sử Á Đông là được ít nhất một lần viếng thăm các lăng tẩm. Ông vừa mỉm cười vừa cảnh giác:

- Đùng tường đó chỉ là những ngôi mộ cổ ảm đạm và buồn hiu hắt. Vì các đức vua đích thân trông nom việc xây lăng cho mình, và lúc còn sống thường dùng lăng làm nơi để tới trăm tư trong an hòa tịch lặng và gần gũi với thiên nhiên. Nên tại những nơi đó anh sẽ khám phá các công trình điêu khắc và mỹ thuật phương đông được kết hợp hài hoà với vẻ thiên nhiên tuyệt mỹ, cũng như được an bài theo đúng các nguyên tắc về phong thủy.

Sau cùng, người phu chèo cầm sào và buộc con thuyền bên rừng cây đa linh thiêng và già cỗi. Joseph nhớ lại những lời cảnh giác của Trần Văn Hiếu khi bốn người sắp viếng thăm lăng tẩm đẹp nhất, đó là của vua Minh Mạng, người thừa hưởng giang sơn và kế vị ngai vàng của Hoàng đế Gia Long. Một không khí tịch lặng nín thở dường như treo lơ lửng bên trên những đỉnh tạ với dãy cột sơn son bắc qua chính giữa mặt nước dàn trải theo hình lưỡi liềm của hồ Trùng Minh. Giữa lòng hồ, những đoá sen vươn lên từng cụm phủ kín mặt hồ, tươi tắn và trinh nguyên như hoa tuyết mới từ lưng chừng trời

roi xuống phủ thành một lớp dày đặc và tinh tuyền. Xa xa hiện rõ những đỉnh nhọn của núi đồi, xanh thắm với rừng cây, được bao bọc đậm đà bởi màu lục chan hòa và trùng điệp của cỏ cây mọc lan ra tận bờ hồ.

Khi cùng Lan đặt chân trên những bậc đá cẩm thạch xanh dẫn lên một cửa điện, Joseph nói với giọng run rẩy:

- Lan ạ, tôi nghĩ từ nay tới hết đời mình sẽ chẳng bao giờ còn được thấy cảnh sắc nào đẹp hơn thế này nữa. Nó dường như không có thật.

- Khi tôi còn nhỏ, hằng mỗi lần cảm thấy trong lòng có điều gì bứt rứt, tôi liền đến viếng lăng này với bà bảo mẫu - và rồi những bứt rứt ấy trước sau gì cũng tan biến. Nhưng anh Joseph ạ, sao giờ đây lòng tôi không tìm thấy thanh thản, và tôi đang tự hỏi phải chăng nơi này không còn cái sức mạnh huyền bí ấy nữa.

Nói tới đây, vẻ mặt đầm thắm của Lan bỗng rười rượi buồn. Trong đôi mắt đen trong sáng của nàng chột thấp thoáng tia nhìn rất xa vắng. Đưa mắt ngó quanh, Joseph thấy Tâm và cô vợ tương lai đang bước xuống các bậc đá đằng trước, cách khá xa Lan và anh. Joseph thấp giọng hỏi:

- Có phải Lan đang có chuyện gì buồn?

Lan vội vàng lắc đầu và mỉm cười:

- Không - nhưng có phải hằng mình càng lớn khôn thì càng có nhiều cái bị thay đổi, tựa như

mình được cái này thì phải mất cái nọ. Đã biết như thế nhưng tôi vẫn bùi ngùi tiếc nuối, cảm thấy mình không sống lại được những cảm xúc ngày trước. Nhất là khi tôi có cảm giác những người thân thương ruột thịt cứ bị cuộc đời đẩy cho xa nhau dần; những bình an và hạnh phúc chung quanh mình ngày càng ngắn ngủi và mong manh. Tâm hồn tôi quá yếu đuối và bàn tay tôi quá nhỏ bé, biết lấy gì để nắm giữ và làm sao để cứu vãn.

Lời tâm sự chân thật, ngậm ngùi và đầy tin nhiệm của Lan làm Joseph cảm động thấm thía. Anh đi sát nàng hơn. Mắt Lan lẳng đọng và nàng đưa tay hoa nhẹ qua hướng bên kia hồ như cố xua tan những lời vừa nói. Kể đó, Lan đưa Joseph đi dọc chiếc đài rộng chạy qua chính giữa mặt hồ:

- Anh có thấy khoảnh đất an táng ngay chỗ đồi xanh ngắt với cỏ cây rậm rạp và giăng mắc lộn xộn với nhau ở đằng kia không? Để tới chỗ đó, chúng ta phải đi qua cửa Hiên Đức. Bên trong ngôi đền kia, chúng ta sẽ thấy những tấm bia ghi công đức của đức vua và hoàng hậu. Hai vườn hoa ở hai bên mé dưới kia được lập theo hình chữ Thọ viết lối triện... Lan ngưng bật khi nhận ra Joseph đang chăm chú ngắm nàng thay vì nhìn theo ngón tay nàng. Về ngưng đọng trong đôi mắt xanh biếc của anh làm mặt nàng ửng đỏ. Joseph thêm lần nữa nói thật tha thiết:

- Chắc chắn chưa từng có hoàng hậu nào xinh đẹp hơn Lan. Nhìn cô ở đây, giữa những đèn đài cổ kính và xinh đẹp này, tôi chợt có ý nghĩ rằng song thân cô khi đặt cô tên Kiều Lan hẳn lấy ý từ nhân vật nữ chính trong ‘Truyện Kiều’. Anh dừng lại và thêm lần nữa cười với Lan:

- Cô có nhớ mấy câu thơ tả Vương Thúy Kiều tôi được đọc trong một bản dịch tiếng Pháp, có ý nghĩa như thế này...

Trong khi Joseph đọc bằng tiếng Pháp, Lan chớp mắt. Những dòng thơ lục bát ấy hiện lên trên tấm màn hình trong tâm trí nàng, từng chữ Việt, chậm chậm, xôn xao. Và hai mắt Lan khép lại, hơi thở lơ lửng một nhịp:

“Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Một hai nghiêng nước nghiêng thành...”

Dứt mấy câu thơ Kiều, Joseph tiếp tục đắm đắm nhìn Lan, mắt ngây ngất về ngưỡng mộ:

- Lan ạ, hình như những câu thơ ấy được viết ra để rõ ràng nói đến cô...

Trong một chốc Lan sững sờ nhìn Joseph rồi quay mình gần như bỏ chạy xuống các bậc đá. Sợ nàng té Joseph lật đật bước theo, đưa tay giữ khuỷu tay nàng. Anh nói như nín thở:

- Lan ạ, từ lần gặp Lan vừa qua ở Sài Gòn, tôi lúc nào cũng nghĩ tới Lan. Đêm nào tôi cũng mơ thấy Lan.

Lan không trả lời cũng chẳng nhìn Joseph.

Khi hai người xuống tới bậc đá dưới cùng, anh bỗng chồm nhìn ra đằng trước để chắc chắn lời của mình không lọt tới tai Tâm:

- Đường như tôi không thể nào gạt được hình ảnh Lan ra khỏi tâm trí mình, dù chỉ một phút.

Mặt Lan chợt đỏ bừng:

- Joseph, anh nói những lời như vậy đối với tôi là không phải. Chúng ta gần như không biết nhau.

- Nhưng chúng ta quen nhau đã mười một năm!

Joseph lại mỉm cười, một nụ cười hân hoan rạng rỡ và đối với Lan, nó mạnh như thể một vòng tay kéo nàng vào lòng anh. Nàng xao xuyến nhìn hai hoa viên cân đối sòng đôi nhau. Lãng vắng vẻ trừ mấy thị vệ áo đỏ đang đi tuần trên các bậc thềm cao. Thỉnh thoảng xuất hiện một quan hộ lãng mặc áo bào xanh, bước đi cung kính giữa đền đài và trang trọng làm những việc lật vạt cho người ngoai các hương hồn vương giả. Còn ngoài ra, đình Diếu Ngư cổ kính vẫn đứng yên lặng bên mặt hồ mơ màng như thể đang ủ kín từng lời nói của nàng và Joseph. Lan nói rồi:

- Joseph ạ, anh phải hứa với tôi rằng sẽ không nói những lời như thế nữa. Bằng không, chúng ta sẽ không còn đi riêng với nhau và phải có anh Tâm đi kèm.

Joseph cảm thấy tiếc nuối và tuyệt vọng:

- Xin thứ lỗi cho tôi! Được gặp lại cô tôi sung sướng quá nên không giữ nổi mình. Lan đột ngột quay người và bước lên, đi trước Joseph mấy bước. Giữa không khí trầm lắng này, nàng sợ Joseph có thể nghe ra tiếng tim đang đập dồn dập trong lồng ngực nàng. Phút giây này Lan tưởng chừng bàn tay anh vẫn còn chạm vào người nàng và vỗ về nàng như có lần cánh tay ấy đã quàng qua vai nàng trong những khoảnh khắc bất chợt run rẩy tại Câu lạc bộ Thể thao hỗn loạn hay trong lòng xe thổ mộ êm đềm đầy bóng lá. Từ lúc nơi lòng thuyền, Lan đã bắt giác cảm thấy an tâm khi có mặt Joseph. Nàng thấy mình rung động sâu xa trước bộ mặt rám nắng mạnh khoẻ, nụ cười đôn hậu và đôi vai thanh thang. Tất cả tạo cho Joseph dáng vẻ dôi dào sức sống so với vóc người nhỏ bé của Tâm anh nàng. Tình trạng gần gũi Joseph lúc này làm Lan có lại cảm giác mơ hồ về một sự cường tráng thể lực, y như cảm giác lần đầu ngồi sát bên anh trong lòng xe thổ mộ. Thêm nữa, chính nụ cười rất dịu dàng của Joseph khi đọc mấy câu thơ chan chứa tâm thức Việt tính của Nguyễn Du khiến Lan cảm thấy rộn ràng trong từng mạch máu. Và vì thế nàng lại càng quyết tâm giữ cho mình đừng đi gần Joseph nữa, để làm im lặng những xao xuyến trong lòng.

Lan cúi xuống, làm như thể đang tập trung tinh thần đọc kỹ những dòng chữ khắc trên tấm

bia công đức dựng giữa những hàng cột lim trong Điện Sùng Ân. Rồi nàng giả vờ kinh ngạc khi đặt ngón tay mình lên những con hạc đồng cao lêu khêu trước một bàn thờ khác, và cố ý nhìn thật gần những cây kiểng lá ngọc cành vàng, những lu hương đỉnh trầm bằng đồng đen và chóa sứ bá hoa tôn trong các phòng trưng bày đồ đặc, như thể trước đây chưa bao giờ nàng trông thấy chúng. Nhưng từ đầu tới cuối, Lan lúc nào cũng biết Joseph đang ở bên mình và nàng cảm nhận bén nhạy từng bước chân của anh.

Còn Joseph vì sợ làm tổn thương Lan thêm lần nữa nên anh cẩn thận giữ một khoảng cách đằng sau nàng khi lang thang qua các hoa viên và đình tạ. Anh cũng giả vờ xem xét tỉ mỉ các bảo vật trong lăng, những ông quan cao ngang người sống đứng thành hàng bất động, những con voi tạc bằng đá trắng dật dờ trước ánh mắt nhìn mà không thấy của anh. Những con rồng chạm trổ và những con thú thần thoại khác đang uốn mình trên mái điện và quần quanh các lan can, trong thực tế, chỉ được anh đưa mắt liếc sơ qua. Khi Joseph theo Lan chậm chậm băng ngang lòng hồ đi về phía vùng vương mộ cây mọc như rừng, được gọi là Bảo Thành, nơi nương náu êm đềm và cổ kính của di thể lẫn linh hồn vương giả, anh vẫn không để ý mình đang đi đâu. Đối với anh, những đình tạ ấy chỉ là hậu cảnh tuyệt vời cho vóc dáng mềm mại và

gợi cảm đang di chuyển đằng trước anh với mái tóc thể đen tuyền mượt mà rủ xuống lưng và những bước đi uyển chuyển nao nao lòng người. Rồi trong nội điện u trầm, nghĩ rằng không ai nhìn mình, Lan vội vàng quì xuống trước bàn thờ và bắt đầu khấn vái. Từ hoa viên bên ngoài Joseph chột nhìn vào, bắt gặp cảnh tượng ấy và tim anh chao đảo lạ kỳ. Úp mặt giữa hai lòng bàn tay, vóc dáng mỹ miều thỉnh thoảng quì ấy như toả bát ngát lòng mộ đạo chất phác cùng tinh chân thiện mộc mạc. Và ngay lúc ấy Joseph biết rằng mình yêu nàng.

Sự nhận biết đó làm rung động toàn thân Joseph. Anh thêm biết mấy được chạy tới bên Lan, kể cho nàng nghe những gì lòng anh đang cảm xúc ngất ngây. Nhưng nhớ lại vẻ thảng thốt và bút rút trong mắt Lan mấy phút trước đây, anh dần lòng nôn nao xuống và ở yên chờ bên ngoài cho tới khi nàng đứng lên. Rồi Joseph lặng lẽ bước đến bên Lan, thấy trong gần gũi nhau này một cảm xúc mới. Và bên nhau, cả hai cùng ngắm những vật dụng thiết thân của vua Minh Mạng - long sàng gỗ tếp với chiếc gối sứ dài có hoa văn; các vũ khí và đồ châu báu được ông ái mộ nhất; các bàn thờ sáng nào quan giữ lăng cũng phải đặt lên đó những đĩa thức ăn mới nấu cùng với thức uống thuở sinh tiền nhà vua thích ngự hưởng nhất. Cả hai không nói thêm lời nào cho tới khi cùng đứng giữa hai hoa

viên chữ Thọ, nơi những cây đổ quỳên, cây sứ, phượng màu da cam đua nhau đâm hoa kết lá quanh hai hồ sen nằm kế bên nhau. Nắng đâm ấm và cảnh tịch mịch, thỉnh thoảng chỉ xôn xao tiếng thăm lặng của một con le le từ mặt hồ phía dưới. Joseph nói thì thâm kính sợ:

- Thiên đường cũng chỉ thế này thôi Lan ạ. Lãng này không mất đi chút nào sức mạnh huyền bí của nó, phải không?

Lan lắc đầu. Trong nụ cười của nàng vẫn còn dấu vết phiền muộn:

- Nó vẫn còn là chốn đầy quyến rũ - nhưng có lẽ khi chúng ta càng lớn lên lòng lo âu lại lớn hơn gấp bội. Lần này thật ra tôi không trông mong lời cầu khẩn của mình được chấp nhận.

Joseph cau mày, nhắc lại ý của câu đã hỏi một lần:

- Có chuyện gì đang làm bận lòng cô vậy? Lần này Lan gật đầu và không mỉm cười:

- Có...

Lan bỏ lửng câu nói, bắn khoản nhìn theo những bậc thềm điện đài cho tới khi thấy rõ Tâm và hôn thê đang theo hướng khác, bước lên các tầng cấp của Hiên Đức:

- Tôi đang cố gắng đừng nghĩ tới chuyện đó nữa... nhưng... cha tôi rất lo ngại về chuyện rối loạn ở Câu lạc bộ Thể thao hôm nọ. Tính sôi nổi của anh Kim đã từng gây ra những trục trặc trước đó giữa cha tôi và anh ấy. Rồi sau trận đấu

quần vợt, anh Kim và cha tôi cãi nhau dữ dội. Anh Kim sỉ nhục ông và thể sẽ trở thành một người cách mạng bôn-sê-vich. Cuối cùng cha tôi ra lệnh anh ấy đừng bao giờ trở về ngôi nhà của chúng tôi nữa.

Việc nhắc lại chuyện đó làm Lan thêm bồn chồn. Nàng xúc động vuốt mạnh chiếc vòng ngọc thạch màu lý trên cườm tay trái:

- Chuyện đó dĩ nhiên làm cả nhà chúng tôi cảm thấy lo ngại.

- Tôi có thấy sáng nay hình như cha cô không giấu nổi vẻ tư lự.

Lan gật đầu, tay vẫn bất giác tiếp tục vuốt vuốt chiếc vòng, mạnh hơn:

- Nó ảnh hưởng lên cha tôi nhiều nhất. Tôi nghe kể rằng những vụ lộn xộn của cộng sản sáu năm trước đây là cái gì đó rất tệ hại cho xứ sở chúng tôi. Có lần tôi hy vọng những vụ ấy đã qua hẳn nhưng nay rõ ràng là chưa. Cha tôi sợ rằng tới một ngày nào đó sẽ có nội chiến.

Lan thở dài, mắt đắm chiêu nhìn lên những mái đèn màu vàng lung linh trong nắng:

- Tại chốn xinh đẹp như thế này mà cứ lo âu mãi thì có vẻ như đang tưởng tượng một chuyện không có thật. Khi thuyền sắp cập bến lãng này, tôi đã ao ước rằng vào đây mình sẽ thoát khỏi những ám ảnh ấy và lòng thanh thản trở lại.

Cầm bàn tay Lan bỗng nhiên Joseph nói một hơi:

- Lan ạ, tôi muốn cho Lan thấy xứ sở của tôi. Lan có muốn thấy nước Mỹ không?

Anh nói trước khi kịp nhận ra mình đang nói gì. Thêm lần nữa Lan giật mình thảng thốt, mặt lộ vẻ bút rút. Nàng rút tay về và nói thật nhỏ:

- Joseph, anh bỏ tay ra. Anh Tâm có thể thấy đấy.

Joseph miễn cưỡng buông tay Lan. Nàng quay mình, bắt đầu bỏ đi lên một trong ba chiếc cầu nhỏ dẫn trở lại Điện Sùng Ân. Nhận ra chỉ ít phút nữa thôi cả hai phải theo Tâm về thuyền, Joseph vội giữ Lan lại giữa cầu, dịu dàng nắm cánh tay nàng:

- Lan ạ, tôi nghĩ là Lan cũng có tình cảm đối với tôi. Tôi tự tin mình có thể đọc được tình ý ấy trong mắt Lan. Tôi biết Lan cần thời gian... nhưng tôi có thể quay lại Sài Gòn làm việc trong ít lâu. Đó là cách chúng ta có dịp tìm hiểu nhau nhiều hơn. Lan có muốn tôi làm như vậy không?

- Cha tôi sẽ không bao giờ chấp nhận việc đó.

Lan nghiêng người lách khỏi anh, nhìn qua bên kia hồ. Joseph thấy nàng lại bút rút vuốt mạnh vòng cẩm thạch.

- Tại sao không?

- Vì anh Kim! Có thể anh không hiểu - nhưng lúc này cha tôi cần tới lòng hiếu thảo của anh Tâm và tôi hơn bao giờ hết. Trong hoàn cảnh như thế này tôi không thể ích kỷ chỉ nghĩ cho riêng mình. - Nhưng tôi thấy...

Đột nhiên Lan kêu lên thất thanh. Nàng nhào người ra ngoài lan can cầu, hốt hải ngó xuống mặt hồ bên dưới. Sợ nàng có thể lọt xuống nước, Joseph níu vai nàng:

- Lan, chuyện gì vậy?

Lan quay lại nhìn anh. Mặt trắng bệch, nước mắt ràn rụa, nàng đưa cổ tay lên cho anh xem:

- Chiếc vòng của tôi! Nó rơi xuống hồ rồi!

Joseph dỗ dành:

- Lan đừng lo. Tôi sẽ mua tặng Lan chiếc khác.

- Anh không thể.

- Tại sao không?

- Chiếc vòng ấy là một vật không thể thay thế. Mẹ tôi đưa cho tôi vào ngày tôi hai mươi mốt tuổi. Nó vốn là của chúa Nguyễn ban tặng cho một tổ phụ của tôi và trở thành bảo vật của dòng họ, truyền từ người mẹ qua con gái, đã hơn hai trăm năm nay.

Joseph bắt lực nhìn về mặt rạn vỡ của Lan:

- Tôi sẽ cố tìm một chiếc y hệt như vậy. Lan thì thâm khiếp sợ:

- Lại thêm một điểm gờ!

Cả hai nghe có tiếng chân, Lan ngược lên thấy anh nàng. Rõ ràng Tâm đã nghe tiếng thét của Lan và đang vội vã chạy tới. Lan ứa nước mắt năn nỉ:

- Joseph này, xin anh đừng kể với anh Tâm nhé. Xin anh chớ để cha mẹ tôi hay biết chút nào việc mất chiếc vòng.

Joseph nao nao gật đầu. Khi Tâm tới nơi Lan cười gương gạo, nói mình cảm thấy chóng mặt muốn té, như vừa bị trúng gió. Tâm bảo hôn thê diu nàng đi suốt chặng đường trở về thuyền. Từ đầu đến cuối chuyến đi về lại để đó nàng là người ngồi yên không nói. Joseph đành phải chuyện trò lan man với Tâm về lăng tẩm, cảnh sắc và phong tục xứ Huế. Sông Hương vẫn êm đềm và xinh đẹp không kém trước đây nhưng khi ánh sáng dần dần phai, bóng tối bắt đầu len vào các thung lũng, Joseph với tâm trạng chán nản cảm thấy trên những núi non lờ mờ chồm kia có cái gì đó dường như đáng ngại mà trong ánh nắng chói chang trên chuyến đi khởi hành chiều nay anh đã không nhận ra.

- 6 -

Vào buổi sáng bắt đầu cuộc Lễ Tế Trời, Joseph thoát đầu chỉ cảm thấy có chút lơ mơ quen nào đó trên nét mặt của người Pháp đang nhìn anh với ánh mắt chăm chú và nghi hoặc khi hắn bước vào phòng lễ tân của khách sạn Morin nơi anh trọ. Rồi với sự linh hoạt của ký ức, anh bỗng dừng nhớ tới người lạ lưng khòm anh từng gặp trên đường phố Sài Gòn mười một năm trước, ngay khi vừa chứng kiến cảnh những người tù An Nam kéo xe chở đá thái, chân tay xiềng xích và bị đánh đập tàn tệ. Kẻ trong phòng đợi sáng nay cũng có nước da giống y như thế, tựa

thứ da khô khan và bệnh hoạn, dính hờ hững trên khuôn mặt xương xẩu. Đôi mắt vàng khè chìm sâu trong hai hốc mắt u tối. Khi hắn tới gần, Joseph có cảm giác mình ngửi ra cái mùi kéo ngược mình lùi trở lại mười một năm về trước, cũng một mùi xin mồi y như thế trong y phục của hắn, để lộ cho thấy hắn là kẻ ghiền á phiện. Kể đó, với cảm giác choáng váng thấy rõ, Joseph biết ra mình lầm. Bộ mặt già nua, hư hao cằn cỗi này và cái mùi đó không phải là của gã tây thuộc địa khinh khinh từng cao giọng lên lớp Chuck và anh trong một thoáng chiều tà trên đường phố Sài Gòn vào năm 1925, vì kẻ anh hiện thấy tại Huế trước mắt mình lúc này chính là Jacques Devraux.

Người Pháp ấy không hạ ánh mắt dò xét xuống cho tới khi Joseph dừng chân trước mặt hắn. Rồi hắn đưa tay ra và cười như thể xin lỗi:

- Bỏ qua cho việc tôi đã nhìn anh như thế. Nhưng khi anh vừa bước vô cửa, tôi thấy giống hệt người anh ruột của anh. Trong một lúc tôi cứ tưởng mình nhìn lầm.

Joseph ngần ngại, không muốn có bất cứ sự đụng chạm thân thể nào với người đàn ông đứng trước mặt. Anh đã kỳ vọng một cách vô lý rằng Jacques Devraux vẫn y nguyên như ngày cũ - để anh còn soi thấy trong hắn một hình ảnh anh hùng và im lặng, ngay mấy ngày đầu mới gặp, đã tự nó ghi khắc sâu đậm vào tâm trí mười lăm tuổi

đẩy nhảy cảm của anh, đặc biệt trong chuyến dong ngựa đầu tiên vào rừng. Dù ý tưởng thấy lại con người ấy thêm lần nữa gây cho Joseph tâm trạng phiền muộn và chua xót nhưng sự sa sút đáng ngạc nhiên trong diện mạo của kẻ từng có thời là người hướng dẫn săn bắn tinh mắt làm nảy sinh và tràn ngập trong anh một cảm giác mới: khinh miệt. Theo sự dồn ép của bản năng, Joseph định phớt lờ cử chỉ chào đón ấy của người Pháp nhưng rốt cuộc quán tính đã thắng. Anh miễn cưỡng chia bàn tay và nói:

- Việc đó chẳng thành vấn đề. Tôi đã quá quen với chuyện người ta nói tôi giống anh Chuck. Paul cũng nói y như vậy.

Trong không khí im lặng ngưng đọng tiếp đó, Joseph thấy đôi mắt của Devraux bám lơ lửng trên bộ đồ lặn còn ướt đầm, quần trong chiếc khăn tắm anh cặp dưới nách, rồi vờn lên mái tóc chưa khô hẳn của anh:

- Dù sao Joseph ạ, đó cũng là một trải nghiệm không mấy thích thú. Tôi xin lỗi.

- Chẳng có gì quan trọng. Xin phép cho tôi hỏi, làm thế nào ông biết tôi đang ở Huế.

- Paul đánh điện từ Sài Gòn ra cho tôi. Nó bảo tôi rằng anh đang viết một cuốn sách.

Devraux nói bằng thứ tiếng Anh lơ lơ trước đây nhưng với giọng đều đều chậm chạp như thể lúc này hẳn không muốn hao hơi tốn sức. Thỉnh thoảng lời của hắn vấp vấp:

- Paul năn nỉ tôi phải bảo đảm kiểm cho anh một chỗ thuận lợi nhất để xem thật rõ cuộc tế lễ. Hôm qua tôi có để lại đây mấy chữ, nói rằng tôi có thể sắp xếp một chỗ như vậy cho anh. Tôi tin anh đã nhận được.

- Vâng, tôi có thấy nó. Cảm ơn ông.

Tờ giấy đánh máy hôm qua chuyển cho Joseph lúc anh vừa từ làng Minh Mạng trở về, đại ý ghi rằng: “Chỉ huy trưởng Liêm Phóng Trung kỳ đã chờ anh tối qua và sẽ gọi lại sau bữa ăn sáng nay”. Joseph đã quyết định nếu không thể tránh gặp mặt, anh sẽ cố chỉ giữ về lịch sự, không hơn không kém.

Bên ngoài khách sạn, đường phố Huế treo đầy cờ long tinh và các biểu ngữ với những câu chúc tụng và loan báo điềm lành, đang nhanh chóng tràn ngập các đám đông dân bản xứ nuồn nượp kéo tới để có thể xem cảnh đám rước và chiêm ngưỡng long nhan thấp thoáng của Hoàng đế Bảo Đại. Joseph hoa tay về phía cửa sổ, theo hướng những đoàn người đang đi:

- Đã khá trễ. Tôi tới đó bằng cách riêng của mình có lẽ tiện hơn; chỉ cần đôi ba phút sửa soạn.

Devraux nhún vai:

- Xin tùy anh. Nhưng theo lời yêu cầu của Paul, tôi có chuẩn bị phương tiện đặc biệt cho gia đình họ Trần, và thật sung sướng nếu được đưa anh vào chung nhóm với họ. Nếu đi riêng anh chỉ có thể thấy khoảnh khắc rước vua với

một chút nghi lễ và quang cảnh vĩ đại ở Ngọ Môn khi nhà vua rời Kinh Thành thôi. Còn nữa, nếu đi một mình qua bên kia sông Hương anh không thể nào theo đám rước quay về bờ nam sông bên này vì trước khi nhà vua qua sông và ngay sau đó, cầu Tràng Tiền bị cấm đi lại suốt hai tiếng đồng hồ. Tôi đã sắp sẵn một chiếc thuyền để đưa gia đình họ Trần và tôi về lại bên này sông. Sau đó, có xe của Sở Liêm Phóng chờ sẵn, chở chúng ta tới quan chiêm ở Nam Giao. Tôi cũng đã dành sẵn chỗ cho anh và gia đình họ Trần bên trong tầng thứ nhất trên tể đàn để đêm nay xem giai đoạn cao điểm của chính lễ.

Joseph chỉ lưỡng lự một giây - rồi viễn ảnh được gặp lại Lan làm rung chuyển quyết định của anh. Tại Trung Hoa, nghi lễ Tế Trời có từ ba ngàn năm trước và đã không còn được cử hành từ sau cuộc cách mạng lật đổ chế độ quân chủ ở Bắc Kinh vào năm 1911. Như vậy, Huế là nơi độc nhất trên thế giới còn cử hành lễ tế thái cổ vốn được thừa hưởng từ các hoàng đế Trung Hoa ấy. Dường như chẳng bao lâu nữa chắc chắn truyền thống này cũng sẽ tàn lụi.

Thêm nữa, vì những nghi lễ công phu và phức tạp này chỉ cử hành ba năm một lần nên Joseph hiểu đây là cơ hội có một không hai trong đời mình. Việc ngắm nhìn đám rước long trọng ra khỏi Tử cấm thành và đi theo nó qua sông Hương tới đàn Nam Giao chắc chắn là một niềm trải không thể nào quên.

Đối xứng với Xã Tắc ở nội thành là đàn tế đất, Nam Giao, đàn tế trời, là một quần thể thiêng liêng có tường đá bao quanh, tương tự Tế Thiên Đàn mái xanh ở Bắc Kinh, nơi Hoàng Đế phải trải qua trọn một ngày trăm tư mặc tường trước giờ cử hành các nghi lễ thiêng liêng. Joseph quyết định rằng họa có diện mới bỏ qua cơ hội hiếm hoi này để được chứng kiến trọn vẹn quang cảnh lộng lẫy ấy từ một vị trí quan sát ưu tiên. Anh vừa nói thật lẹ vừa chạy tới chân cầu thang:

- Vâng, nếu ông không phiền lòng chờ tôi một chút hoặc có thể lâu hơn một chút. Tôi rất sung sướng nhận lời mời của ông.

Thành quách kinh đô rực màu đỏ thắm dưới ánh mặt trời đang mọc khi mười lăm phút sau đó, Joseph và Devraux đặt chân lên cây cầu Tràng Tiễn hiện đại sáu vài mười hai nhịp bằng sắt đan vào nhau, trông xa như thể hơn chục chiếc lưới cùng tung lên, thấp thoáng giăng ngang và uốn lượn mơ màng trên mặt nước sông Hương êm đềm.

Mỗi đầu cầu đứng sẵn một thớt voi của nhà vua, phủ bành vàng và che lọng vàng, được điều khiển bởi hai quân tượng người An Nam mặc triều phục màu xanh dài tới cổ chân. Người và voi đang chuẩn bị cắt đường lưu thông ngay khi có tiếng nổ của chín khẩu thần công bên trong Hoàng Thành báo hiệu đức vua sẵn sàng rời

hoàng cung. Tuy thế, còn mười phút nữa mới có dấu hiệu ấy. Và lúc này, bốn phía chung quanh Joseph và chỉ huy trưởng Liêm Phóng, đông đảo dân chúng nao nức, náo nhiệt và lũ lượt kéo nhau đi qua cầu sang bờ bắc.

Trong các đám đông chen chúc ấy có một chiếc xe kéo tồi tàn, không gây chú ý cho ai, đang chở con người tiểu tụy của Ngô Văn Lộc. Khuôn mặt anh núp dưới chiếc mũ ni rộng vành. Anh khoác trên thân thể còm cõi của mình chiếc áo cộc trắng và quần dài đen của một thư ký sở tư người An Nam bị anh và Đồng, con trai anh, phục kích và trấn lột đêm qua trong một con đường chật hẹp bên rìa khu dân cư bên kia cầu An Cựu.

Đồng ở trên, ung dung nhảy nhót giữa hai càng xe kéo. Trên đầu anh quấn chiếc khăn rằn mớ quạ kiểu người lao động từ trong Quảng ra Huế kiếm sống. Nếu người Pháp và Joseph có quay lại nhìn cũng không nhận ra đó chính là cậu bé mười ba tuổi từng nô đùa huyền ảo nơi trại săn trong rừng. Đồng ngày nay đã thành một thanh niên hai mươi bốn tuổi, cao lêu khêu nên phải làm ra vẻ lưng còng để giữ cho càng xe kéo nằm ngang hông. Dù đang sắm vai cu-li xe kéo với đôi mắt đầy cảnh giác và nhẫn nhục, Đồng vẫn tỏ ra rất tự tin vào thể lực và chiều cao quá cỡ của mình. Từ trên ghế xe, Lộc cúi người tới trước nói nhỏ bên tai con:

- Cha chắc chắn nó chính là thằng Mỹ đã nói cho cha nghe chuyện thằng Devraux lúc này đang ở Huế. Có vẻ cả hai thằng đang trên đường đi tới Ngõ Môn. Đừng tới gần, đừng làm gì hết. Chung quanh chỗ này đông người ta quá.

Đồng gật đầu vâng lời, chân bước chậm lại. Sáng nay, trước khi hai cha con bắt đầu theo dõi Devraux từ nhà của hắn, Đồng có hứa hoàn toàn làm theo lời cha vì chính cha là người quyết định thời điểm tốt nhất để ra tay hành động. Đằng sau anh, Ngô Văn Lộc sửa lại thế ngồi trên xe kéo, dùng bàn tay lạnh lặn nâng cườm tay bại liệt lên đặt thoải mái trên đùi. Khi hai cha con tiếp tục qua cầu Tràng Tiền, nhiều lần Lộc nhìn về bờ nam nơi trước đó cả hai đã thấy Devraux cho đậu hai chiếc ô-tô Renault của Sở Liêm Phóng trước khi hắn tạt vào khách sạn Morin gặp người Mỹ. Trong một lúc, Lộc nhúu lông mày suy tính. Rồi anh chạm nhẹ báng thép khẩu súng lục Beretta lặn nơi lưng quần và đưa mắt tìm kiếm chờn vờn trong đám đông phía trước, cho tới khi ánh mắt của anh yên chí đậu lại và bám riết chiếc lưng lúc này hơi khòm, phủ bằng áo vét-tông trắng của Devraux.

- Không giao hợp... không ăn tởi... không uống rượu... tắm nước nóng nhiều lần và cầu nguyện - Đó là những phép tắc “Đại Trai Giới” buộc nhà vua phải giữ từ ba hôm nay, hoặc ít nhất lý ra phải giữ.

Bộ mặt tàn tạ của Devraux vắn vẹo thành một nét cười châm biếm khi hắt liếc người thanh niên Mỹ đi bên cạnh:

- Sau khi đã trải qua thời gian mười năm trẻ tuổi sống phóng túng tại Paris, đức vua bị nhiều phe nhóm trong tôn nhân phủ và triều đình nghi ngờ vợ vẫn rằng chẳng biết hoàng thượng có giữ nổi “Đại Trai Giới” hay không - dù chỉ vồn vện có ba ngày!

Joseph nghe nhưng không trả lời. Devraux nói tiếp:

- Dù gì cũng phải giữ thôi. Đó là nhiệm vụ căn bản và tối thiểu mà các chủ nhân cần ông ta thi hành: thỉnh thoảng thực hiện vai trò tư tế của một đảng quốc chủ. Dù sao đi nữa, những kẻ viết vở tuồng quân vương cho ông ta đóng đã dự kiến rằng ông ta có khả năng đáp ứng nhu cầu đông phương huyền bí của thân dân.

Đang bực mình tự hỏi không hiểu tại sao lúc này Devraux lại nói nhiều đến thế, Joseph mừng rỡ khi thấy hiện ra quang cảnh chiếc cầu đá bắc ngang hào thành dẫn vào cửa Thượng Tứ. Trước tiên, mắt Joseph bắt gặp thấp thoáng những mái hoàng cung màu vàng từng làm anh mê mẩn khi còn là một cậu bé. Từ hôm qua đến nay, tâm trí anh vẫn nguyên vẹn cảm giác ngất ngây trước vẻ đẹp thanh nhã u trầm đầy quyến rũ của lăng Minh Mạng và lúc này, lời chế giễu của Devraux đào sâu thêm sự thương tổn anh đang cảm thấy khi ở cạnh hắn:

- Monsieur Devraux ạ, ông nói vậy nghe có vẻ như nước Pháp có lý do để hãnh diện về sự hư hoại do chính nó đem tới cho người An Nam.

Joseph không màng giấu sự thù nghịch trong lòng mình và Devraux liếc anh thật sắc. Thêm lần nữa, Joseph thoáng thấy trên vẻ mặt của người Pháp có dấu vết ngạo nghễ dữ dằn của một người lính, cái ngạo nghễ từng có thời làm hấn nổi bật trong mắt anh và mọi người.

Liền đó, Devraux nhún vai, quay mặt qua chỗ khác:

- Joseph ạ, thời đại đang thay đổi. Sớm muộn gì mọi sự cũng thay đổi.

Joseph nói sôi nổi:

- Ông có biết rằng suốt mấy ngàn năm nay, sức mạnh của Lễ Tế Trời mang tới cho dân tộc này ý nghĩa của sự sống. Đối với họ, trong cuộc sinh tồn, Trời luôn luôn là cha và Đất lúc nào cũng là mẹ. Họ bao giờ cũng tin tưởng rằng ân phúc của những thần linh vĩ đại cai quản vũ trụ có thể được ban xuống cho họ qua công đức của hoàng đế và các tiên vương - đó là lý do khiến nhà vua phải được nhìn như một nhân vật thần bí và tách biệt khi ông ấy cứ ba năm một lần làm chủ tế tiến dâng các lễ vật thiêng liêng. Nếu nước Pháp làm cho niềm tin ấy bị lâm nguy bằng cách giữ đức vua của họ ở Paris suốt một nửa cuộc đời thanh xuân của ông ấy, theo tôi, thật khó có thể hãnh diện về một việc làm như thế.

Devraux cảm thấy càng lúc càng giận Joseph nhưng vẫn thêm lần nữa mỉm cười:

- Có thể anh có lý. Nhưng bản thân nhà vua hình như không phản đối việc đó. Tôi nghi ngờ rằng vào giờ này hẳn ông ta thích ngồi đánh xì dách hoặc chơi xì phé hơn. Ông rất yêu chuộng các lá bài - và ông cũng là một thanh niên hai mươi bốn tuổi đánh gôn rất cừ. Ông phóng quanh đồi núi vùng này trên chiếc xe thể thao đắt tiền của Pháp, mặc áo thun quần soóc và cố gắng vượt lên trên Huế.

Devraux hoa tay như muốn chỉ vòng qua tường thành cao sáu thước, nói với giọng dung tục:

- Hình như ông ta muốn tìm cách quên lãng một điều gì đó. Vì cũng như các thâm cung đầy bí sự của bậc vua chúa, trong tôn nhân phủ người ta rỉ tai nhau rằng tiên vương Khải Định không có khả năng “đi lại” với phụ nữ nên Bảo Đại là đứa con gây giống của một hoàng thân chữ Hường, thứ bậc cách hai đời trưởng thượng so với Khải Định vốn thuộc hàng chữ Bửu. Có lần gã hoàng thân chữ Hường ấy say rượu, đòi nhập cung thăm con, bị thị vệ chặn lại, đuổi về. Người ta còn bảo tên thật của đức vua lý ra phải là Ung Thụy...

Cảm thấy bùng giận vì lối nói của Devraux, Joseph cắt ngang:

- Thì ra gia phả hoàng tộc cũng thuộc tầm

ngiên cứu đặc biệt của Nha Liêm Phóng! Nhưng thâm cung bí sử không là chuyện độc quyền của các dân tộc phương đông. Theo chỗ tôi biết, ở bất cứ nước nào và bất cứ thời nào, thần dân không bao giờ xem hoàng đế, hoàng gia và hoàng tộc là những kiểu mẫu đạo đức. Họ cần đáng quân vương như một biểu tượng công đức, một giá trị truyền thống, một kênh giao tiếp với đất trời và tượng trưng cho sự ổn định của quốc gia để họ yên tâm sinh hoạt. Giả dụ điều ông vừa nói là chính xác, tôi thấy, đó không phải là điều gây hổ thẹn cho cá nhân đức vua, ngược lại, nó còn cho thấy vị quốc chủ An Nam này quả thật rất bất hạnh.

Devraux nín lặng. Hắn chạm nhẹ cánh tay Joseph, có ý bảo rẽ đường vào cổng thành, rồi dịu giọng:

- Kể cũng đáng thương thật nếu nhìn theo con mắt người cha. Bảy tuổi bị phụ vương bắt sang làm con nuôi của Khâm sứ, có lẽ như một cách ủy thác tín vật nhằm củng cố ngai vàng. Chín tuổi phải sang ở xứ người, gọi là du học. Mười năm chịu sự uốn nắn dạy bảo theo ý người ta, thành quả chuối ngoài vàng trong trắng. Tôi không biết khi hồi loan cách đây bốn năm, ông ta có thấy mình lạ lẫm với dân tộc không. Nhưng tôi biết chắc ông ta là người ham hoạt động và thông minh. Cũng là người có óc thực tế. Ông ta hiểu rõ rằng người ta thật ra không thể sống trong quá khứ.

Joseph không trả lời. Khi cả hai đi vào quảng đường trống giữa Kinh thành và Hoàng thành Đại Nội, Joseph bắt gặp đông đảo triều thần y bào lộng lẫy, đứng thành hàng ngũ chỉnh tề bên ngoài Ngọ Môn đang khiêm cung ngóng đợi hoàng thượng.

Mái lầu Ngũ Phụng trên Ngọ Môn lợp ngói hoàng lưu ly, kiến trúc y theo kiểu Thiên An Môn tại Bắc Kinh, lấp lánh như chim phượng rung cánh trong nắng sớm. Lính thị vệ đội nón chóp cắm que nhọn màu vàng đang đứng xen kẽ với các quan mặc lễ phục, các nhạc công và những người khiêng án và kiệu. Giữa họ là những tướng lãnh An Nam mặc võ phục bằng gấm thêu lông lánh kim tuyến màu lục màu tím, cỡi trên những con ngựa nhỏ chân ngắn và khoẻ.

Từ bên trong thành Đại Nội, Joseph nghe vọng ra tiếng chiếc kèn nghi lễ dài ngoằng kiểu Tây Tạng bắt đầu đột ngột cất lên, rất cao và rền rĩ vượt trên tiếng trống và đồng bát. Theo bản năng, anh cất bước thật lẹ và nói háo hức:

- Đức vua đã sẵn sàng lên đường. Chúng ta tới vừa kịp.

Vào lúc Joseph và Devraux biến mất trong bóng tối vòm cửa Thượng Tứ, Ngô Văn Lộc chồm người tới mé trước xe kéo, đập tay lên vai con trai:

- Chạy lẹ về lại cầu Tràng Tiền, trước khi

nó bị cắt không cho ai qua. Chúng nó phải đi thuyền về lại bờ nam để lên ô-tô. Cha con mình sẽ ra tay ngay chỗ đó.

Đồng lập tức trở đầu xe, phóng nước đại. Anh tới đầu cầu kịp lúc tiếng súng thần công từ trong thành lũy kiên cố bắt đầu vang ra. Xe kéo của anh là chiếc cuối cùng được phép qua cầu sang bờ nam. Vài giây sau, hai quân tượng An Nam nài thốt voi của mình vào vị trí chặn hai đầu cầu lại.

- 7 -

Tiếng chiếc chuông đồng độc nhất từ lan can thiếp vàng của lầu Ngũ Phụng trên cửa Ngọ Môn ngân vang báo hiệu đoàn hộ giá của đức vua ra tới. Joseph thấy tiền đội xuất hiện từ bóng tối sâu thẳm dưới vòm cong hai bên Ngọ Môn. Cùng với tiếng chuông ngân vang ấy, sáu người mặc triều phục, lưng đeo cân đai, đầu đội mũ nhỏ và đi chân trần, khiêng kiệu long liễn dưới mắt canh chừng của lính thị vệ. Tiếp đó, một số tướng lãnh ngồi trên lưng ngựa, di chuyển chậm chậm, theo sau ngự giá những chiếc long đình khác bên trong đặt lễ phục và lễ vật cá nhân của nhà vua: áo cổn, trầm hương, chung rượu bằng vàng, gương và đèn lồng.

Một đoàn người dài gánh chiêng trống và các nhạc công tấu nhã nhạc nỉ non réo rắt bằng đàn đá. Rồi trong nắng mai chói lọi chập chờn hiện

ra những người vẽ mặt trịnh trọng, tay cầm phướn loan điểm lành; cờ ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, vũ, phong, lôi; cờ nhị thập bát tú, nhật quang, nguyệt quang, thất tinh; án “Phúc Từ” bên trên che hai lọng vàng; v.v.

Từ các hương án bên đường, khói trầm và nhựa thơm xông lên ngào ngạt, xoáy tròn rồi lan tỏa lừng lờ thơm ngát trong gió nhẹ sớm mai. Các đội ngũ triều thần áo bào lộng lẫy lần lượt hiện ra nơi cổng thành Đại Nội trong tiếng nhạc inh ỏi của đồng bát và chiêng làm Joseph cảm thấy mình bênh bồng trôi dạt về một thời quá khứ huyền bí của Á Đông.

Kế đó, Long Xa được kéo bởi tám con ngựa đực và Long Kỳ - cả hai đều để trống trong cuộc hành trình từ nội cung ra ngoại thành. Theo sau có đàn ngựa trắng đông đảo được nuôi trong chuồng ngựa của đức vua, không người cỡi. Đi bên chúng là những lính giữ ngựa mặc đồng phục, tay giơ cao lọng vàng che lưng ngựa không yên, chỉ phủ vải vàng. Xong, lại tới nhiều vũ công, nhạc công và người khiêng kè gánh đi lượn lờ qua cổng môn quan, chuyển động thành một làn thủy triều sắc màu loè loẹt.

Rồi bỗng rền lên tiếng chiêng tiếng trống. Nghe âm thanh báo hiệu đó, các đám đông khán giả đang chờ vội vàng nghênh cổ tìm bóng dáng đấng quân vương dù biết rằng chỉ có thể thấy thấp thoáng long nhan.

Trong bầu không khí yên lặng và trịnh trọng trông ngóng ấy, Joseph không cưỡng nổi cảm dỗ, quay đầu về phía Lan. Nàng đứng với Tâm và mẹ chỉ cách Joseph một hai thước trong cùng một lô bốn phía có rào ngăn, dành cho viên chức cao cấp Pháp và các gia đình thượng quan An Nam.

Nhón gót và đang cố giữ thăng bằng, Lan đưa tay che mắt, chăm chú nhìn về hướng Ngọ Môn, chờ đấng quốc chủ An Nam và thân phụ nàng trong số các quan tháp tùng. Sáng nay, nàng mặc áo dài bằng tơ màu tím Huế đài trang, trên ngực và nơi chéo áo điểm hoa văn cẩm chương sắc hoa cà tao nhã. Joseph nghe như mọi giác quan của mình bùng lên rộn ràng khi thấy làn vải sa mỏng manh và nhẹ nhàng ấy theo ngọn gió nhẹ dán sát lên cơ thể mảnh mai của nàng.

Bàn tay của Joseph thọc sẵn trong túi áo vét đang nắm vuông khăn lụa gói chiếc vòng ngọc thạch và anh tự hỏi không biết bao giờ mới có cơ hội trao cho Lan. Lúc vừa tới nơi này Lan chào anh, chân phương và trang trọng không kém cái chào của mẹ nàng và Tâm. Rồi trong khi chờ đám rước xuất phát, tuy anh ngóng mãi và chưa một lần bắt gặp ánh mắt Lan nhìn lại, Joseph vẫn có cảm tưởng nàng chưa dứt khỏi tâm trạng rã rượi chiều hôm qua. Anh dự định bằng cách nào đó sẽ âm thầm dúm thật nhanh chiếc vòng ngọc vào tay Lan để thấy trên mặt

nàng ánh lại vẻ cười - nhưng rồi anh vẫn chưa dám vì sợ không khéo mình chỉ làm nàng giật mình thảng thốt.

Tiếng thì thầm háo hức truyền rì rào qua đám đông kéo sự chú ý của Joseph về lễ môn. Anh quay người lại, kịp thấy xuất hiện từ bóng tối của chính giữa Ngọ Môn, ngự liễn - kiệu đức vua ngồi - đặt trên vai khiêng của mười hai ngự lâm quân cao lớn. Kiệu là phẩm vật của vua Louis XVIII tặng Hoàng đế Gia Long, khung thiếp đen bóng loáng, chạm lộng bằng vàng lộng lẫy và hai bên che bốn lọng vàng. Thỉnh thoảng tia nắng mặt trời chói lọi lọt qua tàn lọng làm kiệu chớp ánh hào quang rực rỡ.

Lúc ngự liễn đi ngang Joseph, anh thấy thấp thoáng vóc dáng thanh tú của Bảo Đại trong hoàng bào rực rỡ, khi ẩn khi hiện nơi bóng tối trong lòng kiệu. Đầu nhà vua chít khăn lụa trang nhã cùng màu và ông ngồi bất động trên ngự kỷ. Không khí im lặng sâu lắng bao phủ đám đông, chỉ nghe tiếng bước chân nhẹ nhẹ của lính khiêng kiệu đang đi rón rén trên mặt đường lát đá.

Những thành viên trưởng thượng của tôn nhân phủ và các quan thượng phẩm triều đình theo sau kiệu nhà vua, trên những chiếc xe có mui do gia nhân kéo, trân trọng giữ một khoảng cách tôn kính. Joseph thấy Lan kín đáo kéo tay áo mẹ lúc Trần văn Hiếu đỉnh đạc và ngồi yên lướt qua, đầu đội mũ cánh chuồn.

Khi quay sang phía Joseph đứng, mặt Lan vẫn nguyên vẻ hân hoan với nụ cười rạng rỡ. Thừa dịp may mắn ấy, anh vừa cười lại thật tươi vừa bước vội tới bên Lan:

- Tôi có thể nói chuyện riêng với Lan một chút không?

Nói xong và trong khi chờ câu trả lời, thêm lần nữa Joseph nắm chặt chiếc vòng ngọc thạch trong túi áo. Hai người đứng bên nhau khá lâu, lưng dựa về phía mẹ nàng và Tâm, cùng nhìn hậu đạo chậm chậm đi qua hết và đang ở nửa quãng đường giữa Ngọ Môn và cửa Thượng Tứ. Khi tiếng chiêng trống nổi lên báo hiệu tiền đạo đã tới đầu cầu Tràng Tiễn và bắt đầu sang sông, Lan vẫn không trả lời.

Rồi đột nhiên vang tới tai Joseph tiếng động cơ xăng dầu nổ chát chúa và lạch lạch. Anh nhìn quanh, thấy một đoàn xe hơi Citroën đen bóng loáng từ Ngọ Môn phóng ra; trên xe chở Toàn quyền Đông Dương với đoàn tùy tùng. Bên trong những chiếc xe thùng dài ấy, các quan chức người Pháp ngồi im lặng, không nhúc nhích, chỉ có hai con mắt là nhìn thẳng tới trước y như hoàng đế. Nhưng trên da mặt trắng nhợt của họ tỏ rõ nét kiêu căng ngạo mạn, tương phản với vẻ bản khoản bút rút trên khuôn mặt màu ô liu của vị quốc chủ An Nam.

Đột nhiên Jacques Devraux xuất hiện bên khuỷu tay Joseph và nói:

- Nếu anh muốn có mặt ở Nam Giao cho kịp nhìn lúc đám rước tới nơi, chúng ta phải rời khỏi đây ngay để qua sông.

Vài giây sau Lan cũng cất bước, đi giữa mẹ và Tâm. Joseph chỉ còn biết cố ra về tự nhiên đi theo sau với Devraux.

Dưới bóng râm của một cây me xương xẩu trên bờ nam sông Hương, Ngô Văn Lộc vươn thẳng lưng trên ghế lót nệm của xe kéo khi anh bắt gặp con thuyền của Jacques Devraux đang hướng mũi ra giữa sông. Hình dáng mặc vét-tông trắng của viên chỉ huy Sở Liêm Phóng nổi bật bên mạn thuyền khi hắn ngồi cạnh người thanh niên Mỹ. Cách khoảng hai trăm thước trên con đường dọc bờ sông, Lộc có thể thấy hai tài xế Liêm Phóng đang đứng canh chừng kế bên hai chiếc xe du lịch đen hiệu Renault. Sau khi thận trọng liếc chung quanh xem có ai chú ý tới mình không, Lộc lộn ngược lưng quần lấy khẩu Beretta ra, nhét xuống dưới nệm xe. Rồi gật đầu đẩy ý nghĩa với con trai đang ngồi chồm hổm trên bãi cỏ cạnh gốc me, Lộc leo xuống xe, cất bước chầm chậm như đang thơ thẩn dạo mát dưới hàng me bên sông, đi về phía hai chiếc xe Renault của Sở Liêm Phóng. Chờ cha đi khá xa, Đồng đứng dậy, khoác lên mình chiếc sơ-mi sờn rách rồi tới nâng hai càng xe lên và bắt đầu kéo xe nước kiệu, cũng chạy về phía hai chiếc ô-tô ấy.

Dưới thuyền, Joseph có thấy chiếc xe kéo đang chạy men theo bờ sông nhưng không để ý. Đôi mắt lẳng đàng của anh tiếp tục hướng tới vóc dáng mảnh mai của Lan đang ngồi bên mẹ ở gần đầu mũi thuyền. Tuy vẫn nghe tiếng chiêng và tiếng đồng bát chới tai lan trên mặt nước sông xanh nhưng vào lúc này, lòng Joseph không còn háo hức với đoàn người y trang lộng lẫy đang bước đi như một luồng hoa giấy lễ hội ở chốn xa xa kia. Anh đang để đầu óc mình xiêu lạc trong những nghĩ tưởng về Lan.

Lan ngồi nhìn tới đằng trước thuyền. Trời chưa thật nóng nên chiếc nón bài thơ vẫn úp trên tà áo. Trong dịp lễ hội này, nàng trang trọng búi tóc lên, cài ngang búi tóc chiếc trâm ngọc. Joseph lặng người ngắm mấy sợi tóc buông lơi, bay lòa xoà trong gió nhẹ làm Lan cứ phải đưa ngón tay lên vuốt lại, nhưng chỉ được một thoáng rồi tóc nàng lại lỏng lơi bay. Thấy vậy, Lan cúi thấp đầu và nghiêng đôi má ra đằng sau xuôi theo chiều gió, có lẽ cố ý chờ cho những sợi tóc mây lòa xoà ấy cùng theo nhau rủ xuống một lượt để nàng tiện hất ngược lên chỉ một lần. Đúng lúc ấy Lan thoáng bắt gặp ánh mắt của Joseph. Anh liền mau mắn mỉm cười như có ý hỏi han nhưng rồi lại thất vọng, vì có vẻ như không thấy anh, Lan nhẹ nhàng xoay mặt về hướng cũ.

- Cha anh xoay sở thế nào với thương tật ông ấy phải chịu sau tai nạn?

Joseph giật thót người vì tiếng nói của Jacques Devraux vang lên bên tai. Anh trả lời dè dặt:

- Cha tôi không bao giờ chịu gấn cánh tay giả. Ông rất ngoan cường, không để cho nó ảnh hưởng nhiều tới cuộc sống hằng ngày. Với chỉ một tay, ông làm hầu hết những công việc đòi hỏi hai tay.

Người Pháp gật đầu:

- Cha anh là người rất cương quyết.

Đăm đăm nhìn viên chỉ huy Sở Liêm Phóng trong một lúc, Joseph nói thật điềm tĩnh, cố giấu sự quan tâm đang bùng lên mãnh liệt trong lòng mình:

- Monsieur Devraux ạ, thật ra tôi không kỳ vọng gặp lại ông. Nhưng dù sao cũng đã gặp nhau, xin ông vui lòng kể cho tôi nghe chính xác trong hôm tai nạn đã xảy ra những gì?

Thay cho câu trả lời, người Pháp quay đầu nhìn xuống mặt sông rồi ngo tới hướng có đám rước và dành thì giờ chăm một điệu xì-gà nhỏ, loại hai đầu cắt bằng nhau. Sau cùng, hắn thở khói chậm chậm ra đằng mũi và nói:

- Tôi hi vọng cha anh đã duyệt xét kỹ lưỡng toàn bộ việc đó rồi, đúng không? Tôi không trực tiếp liên can.

- Nhưng không phải chính ông là người chịu trách nhiệm về sự an toàn của cha tôi sao?

Thêm lần nữa người Pháp không trả lời thẳng:

- Chỉ đúng như thế nếu trong hoàn cảnh bình thường. Nhưng trưa hôm đó, cha anh đã công khai quyết định tự một mình ông ấy chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Tại sao?

- Cha anh đang bị sốt rét hành. Tôi đã cố hết sức khuyên ông ngưng việc đi săn trong cái nóng ban trưa. Ông quyết định bỏ ngoài tai lời khuyên của tôi.

- Và có phải đó là lý do gây ra tai nạn?

Giọng Joseph run run khi anh đặt câu hỏi ấy, và lần đầu tiên Jacques Devraux quay mặt lại nhìn anh. Hắn hỏi lại, thận trọng:

- Anh có từng thảo luận việc này với Paul không?

- Không - hoàn toàn không.

Người chèo thuyền chậm chậm điều chỉnh mũi thuyền khi tới gần bến đá. Trong một lúc lâu người Pháp nhìn thật kỹ bộ mặt căng thẳng của Joseph:

- Cha anh và Chuck, anh của anh, tiếp tục tự mình đi trước... Khi tôi theo kịp thì đã trễ. Hắn lại rít mạnh điều xì gà rồi ném nó xuống nước:

- Tôi chỉ có thể kể với anh thế thôi.

Cách đó năm mươi thước dọc theo mé nước ở hướng ngược lại, theo chân cha đang bước đi đằng trước từng bước dài tuy vẫn có vẻ như thơ thẩn, Đồng kéo xe chạy về phía hai chiếc ô-tô Renault của Sở Liêm Phóng. Thấy chiếc thuyền

chờ Devraux sắp cặp bến, anh dùng chân xoay lưng cúi mình lặn tay vào nệm xe kéo. Khi Đồng đứng thẳng người lại, áo sơ-mi của anh phồng lên ngang chỗ thắt lưng nơi lặn khẩu súng lục. Lúc thấy Devraux đỡ người đàn bà An Nam lớn tuổi bước lên bậc đá sát mé nước, Đồng bắt đầu kéo chiếc xe không người chạy đều bước và khởi sự tăng tốc độ khi viên thanh tra Liêm Phóng dẫn nhóm người đi theo hần tới chỗ đậu ô-tô. Trong một thoáng, Đồng tưởng mình tính sai khoảng cách nhưng anh nhẹ người khi thấy Devraux ra hiệu cho hai người An Nam trẻ và mẹ họ lên ghế sau của chiếc xe thứ nhất rồi đứng giữ cánh cửa trước cho Joseph chui vào. Đồng nghe Devraux ra lệnh cho tài xế chở cả bốn người đi theo con đường đất gùn dưới chân núi Ba Tầng, bên cạnh đàn Nam Giao, để lên thẳng chỗ dự khán. Tới lúc chiếc Renault ấy rồ máy chạy, Đồng cũng bắt đầu chạy hết tốc lực rồi chuẩn bị quành chiếc xe kéo để vọt xéo qua đại lộ rộng lớn, chạy qua mé đường đậu chiếc ô-tô còn lại của Sở Liêm Phóng đang chờ Devraux bước lên.

Ngay lúc ấy, có một tài xế người Pháp đang lái chiếc Citroën phóng nhanh ở giữa đường, ngay sau chiếc xe kéo của Đồng. Thấy có gã cu-li xe kéo thỉnh linh vọt ra choán ngay trước mặt mình để quành xe, y lập tức gập người bóp còi inh ỏi. Tuy có thể thắng ô-tô lại dễ dàng nhưng

hình như y nổi cáu vì sự đổi hướng điên cuồng của gã cu-li xe kéo. Nghe tiếng còi, Đồng liếc ngoài thật nhanh, cố hết sức phóng thật lẹ cả người lẫn xe qua bên kia đường, nhưng không còn kịp.

Chiếc đèn мая kên bên trái đầu xe Citroën móc trúng gờ sau của chiếc xe kéo, húc nó lật nghiêng. Trong chớp mắt, càng trước của chiếc ô-tô tông vào chiếc xe kéo, nghe rắc một tiếng thật lớn. Sức va chạm mạnh tới độ hất Đồng văng qua mé đường bên kia, té lộn ngược. Khẩu súng lục nhét nơi lưng quần dưới lớp áo sơ-mi tung lên không rồi rớt xuống, kêu rổn rảng trên mặt đường nhựa trong bầu không khí chùng lại im lặng sau tai nạn. Súng văng tới gần bên chân của Devraux. Người tài xế súng sốt lượm lên, đưa cho hắn.

Choáng váng vì bị húc nặng, Đồng lao đảo đứng dậy. Vai anh bị rách một lần dài và sâu. Máu ứa ra ướt đầm mảnh áo rách còn lại trên người. Thấy Devraux giận dữ chỉ chỗ về hướng mình và thét bảo tài xế của hắn tới tóm bắt, Đồng quay người cất chân bỏ chạy ngược trở lại hướng vừa rồi. Ngay khi ấy, một đám đông dân chúng đổ dồn tới, trở mắt nhìn kết quả của cái họ tưởng chỉ là một tai nạn giao thông đơn giản. Ngô Văn Lộc tê cóng, nín thở, im lặng lẫn vào đám đông trong lúc người tài xế rượt kịp Đồng đang chạy cà nhắc, tóm chặt hai tay anh, đẩy

về phía chiếc Renault. Ngô Văn Lộc đứng khá gần, đủ để nghe Jacques Devraux ra lệnh gọn lỏn cho người tài xế còng tay Đồng, mang thẳng về trụ sở Liêm Phóng để thẩm vấn. Và khi chiếc ô-tô của mật vụ lăn bánh chạy khuất, Lộc quay mình chờ đợi bỏ đi. Anh thất thểu bước dọc con đường nhỏ men theo bờ sông, cổ nuốt những giọt nước mắt thương cảm và thất vọng, uất hận và chua xót.

- 8 -

Ngàn chiếc lồng đèn nhỏ treo cao bên trên vòng thành bằng đá bọc quanh đàn Nam Giao lung linh sáng như những vì sao giữa bầu trời đen nửa đêm. Bên trong tế đàn thiêng liêng, một ca đoàn gồm quan xướng lễ và những ca nhân cung đình cất tiếng loan báo và truyền bảo vạn vật thịnh lặng. Tiếng hát của họ vang lên trong trời đêm mát dịu, vượt qua bên kia vòng tường đá, nghe rõ từng âm thanh, lan xa trên những con đường thành phố đang im ngủ.

Đàn có bốn cổng vào. Trên mỗi cổng treo một lá cờ đuôi nheo lấp lánh chữ nho thêu vàng, đánh dấu rõ rệt bốn phương đất trời: cờ màu đen xác định phương bắc, màu trắng phương tây, màu xanh phương đông. Ba cổng ấy đều đóng kín. Chỉ riêng lá cờ đỏ như màu máu lay động uể oải trong gió nhẹ trên cổng phương nam đang mở sẵn mà theo lý thuyết thờ phượng thời thái cổ, cổng này dẫn thẳng tới Thiên đình.

Ngay chính giữa đàn, những chiếc đèn dầu dùng làm đèn canh thức, đặt trên mũi các ngọn sào cao, đã được thắp sẵn, toả ánh sáng màu da cam lung linh và tràn ngập các bậc cấp dẫn lên đàn.

Đàn có ba tầng. Trên tầng thứ ba, cao nhất, hình tròn là Thanh Đàn, các án thờ dành cho Hiệu Thiên Thượng Đế là Trời, Hoàng Địa Kỳ là Đất và Liệt Tiên Vương nhà Nguyễn, được bày biện bên trong màn trướng làm bằng da thú nhuộm màu xanh đậm, cho thấy việc thờ cúng từ thời thái cổ này có những phát tích giữa các dân du mục trong hoang mạc vùng Trung Á. Từ khe hở độc nhất nơi đàn trướng thiêng liêng rọi ra một chùm ánh sáng lớn, thoát về phương nam trong đêm tối. Thấp một chút ở phía dưới, vô số vũ công và ca công im lặng đứng dọc theo các bậc cấp của tầng thấp nhất, kéo dài xuống cổng nam đang mở và tràn ra chỗ bóng tối bên ngoài.

Joseph và Lan đứng chung với nhóm quan khách đặc biệt gồm những kẻ tham gia đoàn tùy tùng của Toàn quyền Đông Dương ở tầng thứ nhất hình tròn, sơn màu đỏ, gọi là Viên Đàn, ngay bên dưới tầng thứ hai, hình vuông, sơn màu vàng gọi là Phương Đàn. Joseph thuộc trong số những người vào đàn sau cùng nhưng khi tiếng hát của ca đoàn xướng lễ chưa kịp cất lên, anh đã lách mình len lỏi qua đám đông chật

ních, tới cho bằng được phía trên các bậc cấp để đứng bên cạnh người thiếu nữ An Nam và Tâm, anh nàng.

Trong bầu không khí im lặng sâu lắng tiếp đó, mọi con mắt đều dồn về Trai Cung, nơi đức vua sống một mình từ mười bốn giờ trước. Lúc đám đông kiểng chân lên nhìn, Joseph cảm thấy bờ vai áo lụa mượt mà của Lan, trong khi nhón gót, vô tình chạm nhẹ cánh tay anh. Anh nhìn xuống nàng thật nhanh, thấy vì lúc này ban đêm nên Lan dính trên đầu chiếc khăn lụa màu xanh nhạt. Và trong ánh đuốc chập chờn, đôi má nàng lóng lánh màu hổ phách mịn màng.

Từ hương án bên cạnh, khói hương trầm toả lên thành vòng xoắn ốc như những đám mây nhỏ rồi quyện vào nhau dập dềnh trong không khí vốn đã làm Joseph ngây ngất chơi vui, nay cộng thêm cái nhìn mới mẻ của anh về nhan sắc của Lan cùng với sự mềm mại và kích thích trong khoảnh khắc phù du da thịt cọ xát đó làm lòng anh lại càng nao nao mê đắm hơn nữa.

- “Chuông! Trống! Thiên tử giá lâm!”

Giọng quan xướng lễ lại thêm lần nữa cất cao lanh lảnh. Rồi tiếng nhạc khí của đông đảo nhạc công vang lên réo rắt nghênh đón trong khi một hàng đuốc bập bùng xuất hiện, chập chờn trong gió, lượn lờ qua những hàng cây thông làm thành Rừng Thông Công quanh Trai Cung. Khi kiệu vàng của đức vua hiện lên trong

tầm mắt, Joseph nghe Lan thở ra thành tiếng, khe khẽ dồn dập và đầy kính ngưỡng.

Joseph nhìn lên thấy Hoàng đế Bảo Đại lộng lẫy trong phẩm phục đại lễ cổ kính và trang nhã theo kiểu thức đã có từ mấy nghìn năm trước. Bên ngoài hoàng bào, ông khoác áo Cổn màu tía, tay áo rộng và dài, thân áo có thêu hình mặt trời, mặt trăng, sông núi, bát quái và chim trĩ - những hình này biểu trưng cho vũ trụ, chỉ có đẳng quốc chủ mới có quyền mặc.

Dưới áo Cổn là xiêm giáp khảm ngọc và thêu chỉ bằng vàng. Nhà vua quần quanh hông chiếc đai lưng tô điểm bằng châu ngọc với vàng bạc, và theo nhịp điệu di chuyển, đai rung tiếng leng keng để yểm tà thần. Trên mũ Miện hình vuông nạm ngọc, đóng đưa dưới vành trước và vành sau mỗi hàng mười hai tua kết bằng ngọc, tượng trưng cho điểm lành kéo dài suốt mười hai tháng trong năm. Hia màu tía, đế dày, ống cao. Hốt bằng ngà nạm ngọc Trân quế.

Khuôn mặt trái xoan của nhà vua trẻ xanh xao và căng thẳng nhưng trong khoảnh khắc đầy vẻ tôn nghiêm này, đám đông vẫn cảm thấy sùng sờ kính sợ. Nhân cơ hội trang trọng ấy, Joseph rút chiếc vòng cẩm thạch ra khỏi túi. Thấy không ai để ý, anh chuôi nó vào tay Lan rồi cẩn thận khép các ngón tay của nàng lại để giữ chặt nó trước khi nàng kịp nhận ra việc anh anh vừa làm.

Chiếc vòng ngọc vẫn gói kín trong vuông khăn lụa; Lan ngước mắt hoang mang lên nhìn Joseph rồi đưa khăn lên sát một bên mắt. Kể đó, có lẽ đoán ra vật bên trong, nàng dè dặt quay mặt sang hướng khác, để tránh cho Tâm khỏi chú ý.

- “Tiền nhập lễ! Khởi chiêng! Khởi trống!”

Đức vua được kiệu chậm chậm lên tầng đàn thứ hai, nơi bày sẵn các án thờ phụng. Nét mặt Lan sôi nổi hẳn. Nàng chạm nhẹ cánh tay Joseph để hướng sự chú ý của anh tới hình dáng của thân phụng nàng mặc áo bào và đi hia, đang cùng những thượng phẩm triều thần khác bước từng bước lên bậc cấp thêm đàn. Tất cả đều phẩm phục lộng lẫy y như nhau với lễ bào màu xanh, lục hoặc xám, quanh lưng đeo dây đai có các tua bằng vàng bạc rung leng keng theo mỗi bước chân đi.

Tiếng xướng lễ và tiếng nhạc khí tiếp tục hòa theo cho tới khi nhà vua và triều thần tháp tùng cùng vào bên trong màn trướng màu xanh trên Thanh Đàn. Kể đó, khắp ba tầng tế đàn Nam Giao chìm trong tịch lặng. Chỉ riêng các quan chức người Pháp đứng chung quanh Joseph và Lan bắt đầu ngọ nguậy và lập tức cất tiếng trò chuyện xì xào.

Người thiếu nữ đang cầm chiếc khăn gói kín vòng ngọc quay sang anh nàng, thì thầm:

- Anh Tâm ạ, trước khi bắt đầu các nghi lễ

sau cùng em muốn chỉ cho Monsieur Sherman xem cây thông của dòng họ mình nơi Rừng Thông Công trong khuôn viên đàn Nam Giao. Được không anh?

Tâm hoan hỉ gật đầu. Lan quay qua cười với Joseph:

- Thật hết sức vinh hạnh cho dòng họ nào được trồng một cây thông trong rừng thiêng Nam Giao - nó giống như huy hiệu gia tộc do Hoàng đế nước Pháp ban cho một dòng họ vậy.

Lan chỉ về hướng một trong các lò thui bằng củi vừa dùng để chuẩn bị thịt nghé tế lễ. Lúc này, lửa bập bùng như thể sắp tắt nhưng vẫn còn le lói trên hậu cảnh đen thẫm của những hàng thông kế cận:

- Cây ở đằng kia, anh có muốn tôi chỉ cho xem không?

Josep rạo rức gật đầu rồi sung sướng dò từng bước đi theo Lan trong khi nàng dẫn anh len lỏi qua đám đông vũ công và ca công, lần về phía rừng thiêng. Tới nơi, Lan dừng chân, chỉ vào một thân cây mờ mờ sát bên nàng:

- Đây là cây thông có đeo thẻ danh tánh dòng họ Trần. Cụ cố của tôi trồng nó vâng ý thánh chỉ khâm ban của Hoàng đế Đồng Khánh... Nhưng... xin anh chờ chút.

Lan ngoái nhìn xem Tâm có ngó theo hai người không rồi vội vàng mở vương lụa và thấy chiếc vòng ngọc. Khi ngược lên, mắt nàng phản chiếu ánh lửa lấp lánh:

- Joseph ạ, vòng này trông có vẻ giống với cái của tôi. Anh mua nó lúc nào vậy?

- Tôi không mua. Đó chính là chiếc vòng ngọc của Lan.

Lan đưa vòng ngọc về phía có ánh lửa lò thui. Nàng xem xét thật kỹ những vân huyết dụ long lạnh trên nền cẩm thạch màu lý mịn màng, rồi đắm đắm nhìn Joseph với ánh mắt nghi hoặc:

- Nhưng làm thế nào anh có thể lấy lại nó?

Joseph cười thật tươi:

- Hôm nay, tôi thuê ca-nô của Câu lạc bộ Thể thao Huế và lái chạy ngược sông Hương, lên ngã ba Tuần rồi lên vào lảng trước khi trời rạng sáng. Vừa lúc mặt trời mọc, tôi bơi qua hồ, tới đúng phía dưới chiếc cầu ngay chỗ Lan đánh rơi chiếc vòng. Tôi gặp may - đáy hồ không nhiều bùn và đặc, chỉ lặn năm sáu lần là tay tôi chạm trúng nó.

Lan lúc lắc đầu kinh ngạc:

- Joseph ạ, thật tôi không dám tin anh đã làm một chuyện quá tử tế như thế.

Joseph cầm lên chiếc vòng trong bàn tay Lan và đeo vào cổ tay trái nàng:

- Tôi rất sung sướng khi được góp phần làm cho Lan mỉm cười trở lại.

Lan đưa cườm tay ra xa, ngắm nghía vòng ngọc. Nàng xoay rất nhẹ chiếc vòng và trên môi tự nhiên toả sáng nụ cười hạnh phúc:

- Joseph ạ, em không biết phải cảm ơn anh

bao nhiêu lần và trong bao nhiêu lâu mới đủ. Hình như mỗi lần em gặp chuyện không may đều có anh xuất hiện và em được cứu. Lần đầu tiên tại dinh thống đốc Nam kỳ rồi tới trận đấu quần vợt ở Sài Gòn và bây giờ tại Huế.

Thêm lần nữa Joseph cảm thấy bồi hồi, lòng rung rung se thắt như hôm qua khi nghe nàng thắm thì nấn nỉ. Đột nhiên anh nắm tay nàng:

- Lan ạ, anh làm như vậy chỉ vì anh yêu em. Anh yêu em rất nhiều. Anh biết anh bắt đầu yêu em lúc thấy em lặng yên qui gối khăn vái trong lăng Minh Mạng... Em thuần khiết quá, rất chân thật, thiện hảo và đẹp tuyệt vời. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên em... để cùng săn sóc và bảo vệ nhau. Chẳng bao giờ anh muốn chúng mình xa nhau.

Những lời ấy từ đáy lòng Joseph trào lên ấp úng nhưng dồn đẩy nhau cơ hồ thành một dòng nước chảy xiết. Bỗng dừng Joseph lại sợ Lan cảm thấy nỗi đam mê của anh làm tổn thương nàng nhưng rồi anh kinh ngạc thấy Lan im lặng. Joseph tưởng chừng nhận ra Lan đang rung mình như chớm lạnh. Rồi nàng dịu dàng rút bàn tay ra khỏi lòng tay anh, cúi người tới trước, tay ôm ngực, tay tì vào thân cây thông như để giữ cho mình đứng vững. Kế đó, Lan đưa cườm tay lên day day lông mày với vẻ khổ sở và nói trong hơi thở:

- Joseph ạ, em cảm thấy chóng mặt và tức ngực. Có lẽ tại khói và mùi nhang...

Joseph nắm cánh tay nàng, mặt đầm chiêu lo lắng:

- Tại sao chúng ta không đi ra thở chút không khí trong lành nơi con đường bên ngoài.

Lan lặng lẽ gật đầu. Cả hai cùng đi về phía cửa nam đang mở sẵn để chờ đón ân phúc trên Thiên đình tuôn xuống.

Vào lúc Joseph và Lan bước ra con đường nhỏ hai bên mượt mà cỏ cây dẫn xuống sông Hương, Jacques Devraux cũng lần thứ hai bước xuống hầm nhà ẩm ướt dưới bán doanh Sở Liêm Phóng ở mạn đông thành phố, cách đàn Nam Giao gần ba cây số.

Trên vách hầm quét vôi trắng bong vừa lâu năm, vẫn còn loang lỗ vết tay cào bầu lên vách, xước thành từng vệt lấm tấm màu thâm đen lâu năm của máu bầm và màu lục của rêu xanh. Mới đặt chân vào Devraux bất giác nhăn mũi tỏ vẻ kinh tởm mùi mồ hôi chua nồng quặng với mùi nước tiểu tởm lợm lâu ngày và hơi đất ngai ngái thắm đẫm không khí.

Nhà hầm gần mé sông, sát bên Đập Đá, nền sàn xi-măng nứt nẻ và không bao giờ khô ráo, lúc nào cũng sền sệt những vũng nước sóng sánh dưới ánh sáng của một ngọn điện duy nhất không có chụp đèn. Một cây xà gỗ xuyên ngang hai bức vách và sát trần hầm, trên đó đang treo ngược hai gót chân của Đồng, trói bằng dây gai sần sùi. Hai ống quyển của Đồng sưng bầm

vết roi, hai tay bị cột quặt ngược ra sau lưng, đầu và vai chà sát sàn nhà, chịu được phần nào sức nặng của thân thể gầy ốm và dài ngoằng. Nhưng cứ mỗi lần gã cai tù chà-và lại quặt cây đoản côn bằng mây lớn như cây ba toong vào hai bàn chân đầm máu và sung vù của Đồng, thân thể anh lại rung động, oằn người co giật quằn quại làm đầu anh nảy lên đập xuống mặt sàn kêu bình bịch.

Devraux cởi áo vét để lại trong phòng làm việc ở tầng trên nhưng vẫn mang trên mình chiếc quần màu trắng của bộ vét-tông hần mặc lúc xem đám rước nhà vua rời Kinh Thành sáng nay. Còn cách người tù đôi ba thước, hần đứng lại. Kinh nghiệm dạy cho hần rằng với khoảng cách đó, người hần không bị máu vọt trúng.

Vẻ mặt cứng trừng và cần cỗi của Devraux không để lộ dấu hiệu xúc động nào mỗi khi thấy cây đoản côn của gã lai hoa lên quặt xuống. Nhưng tới cú nện thứ mười hai, hần bước tới, vỗ vỗ cánh tay tên chà-và, ra hiệu ngưng lại. Lập tức những tiếng thét đau đớn của Đồng lắng xuống thành tiếng rên rỉ liên tục. Khi Devraux đi vòng tới bên người bị tra tấn, Đồng mở mắt ngóc đầu ngó lên mặt hần. Devraux vung mũi giày nhọn lên quặt một cú đá tạt ngang quất trúng cạnh sườn của Đồng:

- Mấy là ai? Ai sai mấy? Bọn cộng sản phải không?

Vết thương trên vai Đồng do chiếc Citroën gây ra khi húc trúng sáng nay chỉ được băng bó sơ sài, lúc này cú đá lại làm nó bị động, hoác miệng, ứa máu loang ra ngoài lớp vải băng. Mất Devraux nhìn không chút xót thương thân thể bị trói và treo ngược của Đồng rồi đá mạnh hơn nữa vào mạng mỡ anh:

- Bọn đồng lõa với mày là ai?

Đồng cắn răng, ngậm miệng, như anh đã ngậm miệng suốt mười bốn giờ qua. Thành linh người Pháp mất kiên nhẫn, bước tới gần Đồng, lặp lại mấy câu hỏi đó với giọng hăm dọa hơn. Nhưng thay cho câu trả lời, người vừa bị Devraux đá lạng đầu qua một bên, nhổ toẹt một bãi nước bọt lổm đổm máu lên chiếc quần trắng tinh của hắn.

Viên chỉ huy Sở Liêm Phóng đứng yên không nói. Trong một lúc lâu hắn ngoảnh chăm bẳm kẻ lão xược đang vịn vẹo cằm chậm đầu sợi dây treo. Kế đó hắn quay sang nói với gã lai bằng giọng nguội ngất:

- Bây giờ cho nó tí nước.

Gã lai nói đầu dây treo rồi kéo thật căng, rút hai gót chân Đồng lên sát xà gỗ hơn. Sau khi gút thật chặt, gã đi lấy thau nước và một miếng giẻ lớn ướt sũng, để sẵn trên chiếc bàn cuối góc hầm. Xách nước và giẻ tới, gã quì xuống sát bên người bị tra khảo. Gã nhúng giẻ vào thau nước rồi lấy ra, đưa giẻ vào mặt Đồng,

trám lên miệng anh rồi đẽ thật chặt để ép nước trong giẻ ra. Nước giẻ chảy như suối vào hai lỗ mũi lộn ngược của Đồng.

Cử động của gã lai nhanh nhẹn, thành thạo. Một tay đẽ chặt trên mặt, một tay túm gáy người An Nam kẽm cứng. Trong khi đó Đồng ngộp thở vùng vẫy quần quai trên sợi dây treo. Sau hai lần trấn nước như thế gã lai lặp lại câu hỏi nhưng Đồng vẫn nín thính. Devraux thần nhiên ra lệnh:

- Cho nó thêm tí nước nữa.

Gã tra tấn len lét nhìn cấp trên và nói:

- Em nghĩ là nó không chịu khai đâu. Chắc nó thà bị chết đuối.

Devraux trả lời với giọng uể oải:

- Không thằng nào không chịu khai. Tao từng thấy cả trăm đứa không hé răng cho tới khi bị trấn nước như thế. Cho nó thêm tí nước.

Người Pháp đứng xem thêm một lúc rồi sốt ruột ngó đồng hồ, hẳn nói giọng cáu kỉnh:

Tao phải đi dự tiệc có chiêu đãi rượu sâm-banh của quan Toàn quyền ở Nam Giao. Khi về lại đây, tao sẽ thẩm vấn nó nữa. Nhớ chỉ việc trấn nước nó thôi.

Lúc Devraux lật đặt bước lên các bậc cấp hầm nhà hẳn nghe tiếng nước vỗ trong thau khi gã lai nhúng miếng giẻ. Chỉ chớp mắt sau, Đồng lại bắt đầu ngộp thở.

Những chiếc đèn lồng treo nơi cạnh cây phía

trên các hương án bên đường rọi những vệt bóng nhảy múa khi mờ khi tỏ trên mặt Joseph và Lan lúc cả hai khoan thai đi về phía bờ sông trong trời đêm dịu dịu và thơm ngát. Sắp tới mé nước Bến Ngự, Lan dừng bước bên một hương án, đưa tay chỉ hai chữ nho màu vàng trên một vuông vải viền lụa. Nàng thì thầm:

- Vạn Tuế! Joseph ạ, chẳng biết đức vua có thật sự sống khang an được tới mười ngàn năm không nhưng dù sao đây cũng là một lời chúc tụng tuyệt đẹp, phải không anh?

Đi sát bên Lan trong bóng đêm ngan ngát hương trầm, Joseph đáp lại:

- Mình cũng có thể tiếp nhận mỹ ý ấy. Đêm nay, anh có cảm tưởng như thể chúng mình sống tới một vạn năm.

Đưa tay chạm nhẹ cây thông mọc bên hương án, mắt Lan long lanh:

- Anh biết không, thông là loại cây tượng trưng cho trường cửu.

Joseph cũng sờ tay vào thân cây đó:

- Vậy đêm nay anh cầu mong cho chúng mình có chung một cuộc sống hạnh phúc và bền vững.

Hai người nhìn nhau và cười vào mắt nhau. Joseph sung sướng thấy trong đôi mắt Lan long lanh ánh rạo rực, một biểu lộ quá đối mặt thiết, như có ý bày tỏ rõ ràng với anh rằng nàng cũng đang rung cảm mãnh liệt trước vẻ ngây ngất

của đêm. Trong trời đêm tĩnh mịch từng chuỗi âm thanh trong trẻo của những chiếc chuông bằng bạc từ tầng Thanh Đàn trên cùng ngân tới chỗ hai người đang đứng. Joseph ngược mặt lên nghe và nói dịu dàng:

- Lan ạ, lại bắt đầu các nghi lễ. Vậy lúc này mình có quay về tế đàn không?

Lan nghiêng đầu lắng nghe trong một lúc rồi nằng khê nhún vai và nhíu mày:

- Người ta đang chôn lông và huyết của con ghé tế phẩm. Được khỏi thấy việc đó là em sung sướng rồi. Vẫn còn phải làm vài loại nghi lễ nữa trước khi đức vua bắt đầu cử hành Chính Tế.

Hai người rẽ qua một con đường lớn ra tới bờ sông Hương, và bước chầm chậm bên hàng phượng. Lan nhắm mắt ngửa mặt đón gió từ sông nước thổi lên vờn nhẹ đôi má:

- Joseph ạ, lúc này trời dịu hơn. Và dòng sông đẹp tuyệt vời. Có phải trong không khí nơi đây đang có điều gì đó quá đối huyền diệu?

Joseph gật đầu rất hạnh phúc:

- Thanh long và bạch hổ rõ ràng đang hoà hợp nhau trong đêm nay.

Joseph nhìn xuống và thấy Lan đang ngược mặt nhìn lên anh với nụ cười đầm ấm không ngờ. Xa cách mọi cấm kỵ và không còn chút ngại ngùng nào, nàng đi sát vào người anh hơn và anh đưa tay quàng lên đôi vai mảnh mai của nàng.

Đò đậu ven bờ thành từng cụm nhỏ. Một số treo đèn lồng hình bánh ú tù mù, soi le lói khoang đò chật hẹp. Bên trong sàn đò lót gỗ nện màu nâu phơn phớt đỏ và giữa sàn có trải chiếu hoa. Có mấy con đò đậu khuất trong chỗ tối. Mũi Joseph nhăn lại khi ngửi ra một mùi thơm vừa ngai ngái vừa nồng ngọt lãng đãng quyến với hương cỏ cây. Một chủ đò lí nhí nói điều gì đó bằng tiếng bản xứ khi Joseph và Lan đi ngang. Lan cười ngượng nghịu.

- Anh ta nói gì vậy Lan?

- Anh ta hỏi không biết monsieur có muốn hút một hai điếu thuốc phiện trong khi chờ nghe tiếp nghi lễ không. Anh ta nói monsieur có thể thuê đò của anh ta, rất sạch sẽ. Chỉ năm cắc thôi.

Joseph cười. Rồi anh đứng lại, chạy lui nói chuyện bằng tay với chủ đò và hai bên trao đổi tiền lẻ. Khi quay lại bên Lan, Joseph hớn hờ hoác miệng ra cười, vừa nói vừa dang tay:

- Lan này, em có muốn một chuyến dạo mát trên sông không? Dứt khoát không đụng tới á phiện. Anh hứa.

Mặt Lan ám bóng mây ngại ngùng:

- Joseph ạ, em một mình đi thuyền với anh trên sông thật không hợp thể giá chút nào. Thật ra, việc đó chẳng trở ngại gì nếu có anh Tâm cùng ở đây với mình.

Joseph cầm tay Lan, nhìn vào mắt nàng và cười:

- Chỉ vài phút thôi. Trước khi chúng ta quay về Nam Giao. Biết đâu gió nhẹ trên sông sẽ thổi tan những tơ nhện hương khói đang giăng lưới trong đầu em.

Nàng cười tần ngần:

- Thôi được, vì anh là khách ghé Huế nên em phải đóng vai nữ chủ nhân hiếu khách. Mình chỉ đi thuyền một lát thôi nhé.

Lan để cho Joseph đỡ nàng xuống đò. Anh chờ nàng vào ngồi yên trong khoang rồi bước ra sau lái. Người chủ đò sung sướng cười tươi rói khi Joseph nhét thêm tờ năm đồng vào tay anh ta, và phụ anh ta chống đò ra xa bờ. Không thấy Joseph quay vào khoang, Lan ngoảnh đầu nhìn lui. Thấy anh đang đứng sau lái, mặt nàng bỗng lộ vẻ hoảng hốt:

- Joseph anh đang làm gì vậy? Anh có từng một mình chèo thuyền chưa?

Joseph vừa cười áo vét vừa sung sướng cười lớn. Tiếng cười anh rền theo sóng nước:

- Chưa - nhưng có vẻ như không đáng sợ lắm. Anh đang để ý xem người ta chèo và anh thèm muốn chết được chính tay mình chèo thử, để chở em đi. Có lẽ chẳng khó lắm đâu.

Kế đó, Joseph cạy mái chèo cho con đò dài xoay sang trái, mũi hướng về nam. Và đò chuyển mình:

- Đó! Thấy chưa!

Tiếng cười tự tin của Joseph làm Lan an tâm.

Nàng dời người ra mé sau khoang, ngồi xuống chiếu, mặt nhìn thẳng mặt Joseph. Người Joseph nghiêng nghiêng in bóng trên bầu trời đầy sao, tay anh khoan thai đưa mái chèo càng lúc càng nhịp nhàng. Lan lặng yên ngắm Joseph, lòng kinh ngạc trước vẻ uyển chuyển và cường tráng của anh. Trong mấy phút, Joseph chèo đò ngược dòng sông và dò lướt đi êm đềm dưới mấy hàng liễu bên bờ đang nghiêng mình soi bóng nước. Khi con sông uốn mình theo một vòng cung mềm mại về hướng đông nam, Joseph chỉ tay vào đất liền:

- Lan nhìn kia, em có thấy nơi phương nam ánh sáng đang ngời lên từ Thanh Đàn không?

Joseph nao nức đưa tay nắm tơ tóc của một cành liễu rũ, níu cho thuyền dừng lại. Lan rời khoang, ra đứng bên anh, nhìn theo ngón tay thon dài và lấp lánh sáng của anh chỉ tới bầu trời phương nam. Có tiếng chiêng nghe như văng vẳng bên tai hòa cùng tiếng trống tiếng kèn xa xa vọng tới. Lan nói theo âm thanh xôn xao của đoàn nữ ca đang lướt trên tiếng nhạc và vang lên hân hoan:

- Người ta đang hát “Triệu Thành Chi Chương”: Khúc ca báo điềm lành.

Chung quanh hai người liễu dương xào xạc thì thâm trong gió nhẹ. Joseph nói chẳng đành lòng:

- Anh nghĩ đã tới lúc chúng ta quay về.

Lan không trả lời. Joseph nhìn xuống. Anh thấy khuôn mặt đẹp tuyệt vời của nàng khi rõ nét khi mờ ảo dưới ánh sáng của muôn ngàn ngôi sao, dường như chưa kịp tan loãng đã tái hiện và chập chờn không ngừng giữa trập trùng tơ liễu. Từ đàn Nam Giao xa xa, tiếng đoàn nữ ca lại nỉ non cất lên một khúc hát nữa. Lan mơ màng thì thầm:

- Đó là “Mỹ Thành Chi Chương”: Khúc ca tuyệt vời. Đang tiến dâng ngọc và lụa.

Con thuyền đang đưa êm đềm theo nhịp sóng. Joseph nhẹ nhàng vòng tay qua vai Lan để giữ cho nàng thăng bằng. Anh cũng thì thầm:

- Chúng ta phải đi ngay nếu muốn nhìn cao điểm của cuộc tế.

Vừa nói xong, Joseph giật mình sững sốt khi thấy Lan quay lại nhìn anh và đặt bàn tay nàng lên bàn tay anh đang níu cành dương liễu. Tiếng Lan thật êm:

- Joseph ạ, từ chỗ này chúng ta vẫn có thể theo dõi nghi lễ thiêng liêng ấy. Những vị thần của dòng sông tuyệt đẹp này dường như cũng đang tiếp thụ cuộc tiến dâng đó.

Trong một lúc Joseph chỉ biết đứng yên đắm đắm ngắm khuôn mặt nàng mờ mờ khuất trong bóng tối. Rồi anh lẹ làng quấn sợi dây thuyền quanh gốc liễu:

- Được, nếu chắc chắn đó là ý muốn của em.
- Chúng ta có thể nghe không sót một tiếng

nhạc lời ca nào. Em biết rõ toàn bộ nghi lễ ấy. Để em cất nghĩa cho anh.

Khi Joseph nâng bàn tay Lan và hôn lên từng ngón, nàng im lặng để yên. Môi anh nồng ấm chạm nhẹ vào làn da nàng làm nàng có cảm tưởng linh hồn đang chảy tan trong lòng mình. Toàn thân nàng run rẩy một nỗi niềm bơ vơ và ngọt ngào. Nàng thêm được cảm giác sức mạnh đôi cánh tay anh vòng quanh người nàng, thêm được vui mật vào ngực anh. Anh vừa thì thầm vừa kéo nàng vào lòng mình:

- Lan ạ, anh yêu em, anh yêu em. Em có cảm thấy như vậy không?

Ban đầu anh tự hỏi không biết có phải mình đang có ảo giác bởi nhịp chuyển động êm đềm của con thuyền hiệp với ánh sao khi mờ khi tỏ hòa cùng những cảnh liễu đong đưa. Nhưng sau đó không còn nghi ngờ gì nữa. Dù không bày tỏ một lời, rõ ràng nàng đang nhẹ nhẹ gặt đầu như một cử chỉ hiệp ý và ngắt ngảy.

Bên trong màn trướng tầng Thanh Đàn cao nhất, không khí nóng lên dần. Khói trầm hương sục nức, tràn ngập rồi bỗng bồng bềnh trong ánh sáng ngàn ngọn đèn sáp ong khi đức vua, lần thứ ba và cũng là lần sau cùng, tiến lên phủ phục trước án thờ Hiệu Thiên Thượng Đế. Cùng lúc ấy, các quan thượng phẩm, các thị lập, các chấp sự hiện diện trên đàn và tất cả những quan viên phục dịch ở hai tầng đàn bên dưới và

trên các bậc cấp đều sắp mặt xuống chiếu tế lễ của mình.

Khi quan xướng lễ hô lớn: “Tâu... Thụ... Hồng... Ân...!” nhà vua chậm chậm đứng lên đón khay phần thịt ghé được chia cho mình. Ông nâng khay lên ngang trán rồi giữ yên và nhắm mắt trong vài giây trước khi trao cho quan chấp sự.

Rồi quan xướng lễ cất tiếng hô sau cùng, kéo dài và ngân nga âm cuối: “Tâu... Thụ... Phúc... Tữu...!”

Nhà vua tiếp nhận chung rượu do một quan thị lập cực kỳ cung kính tiến dâng và ông nâng chung lên cao. Khắp Thanh Đàn chìm lắng trong yên lặng và sự yên lặng ấy lan đi xa hơn, vượt quá bên kia vòng tường bằng đá, phủ lên toàn bộ đế đô đang dường như nín thở. Trong quãng thời gian huyền nhiệm ấy, hoàng đế, kết hiệp với những đức tin đã được thử thách từ lúc có lịch sử, được tiếp dẫn vào cuộc hiệp thông trang trọng vô ngần với Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chí Tôn.

Trong bóng tối nơi lòng khoang nhỏ hẹp, sàn gỗ nạm trái chiếu hoa của con đà đậu gần tế đàn và khá xa bờ sông Hương, Lan run rẩy khi Joseph xao xuyến nắm tay nàng. Nét khóa thân vô cùng thanh tú của nàng làm khắp châu thân Joseph bùng lên rừng rực một sức mạnh rừng rực huyết quản. Nhưng đồng thời

vẻ đẹp mong manh của nàng lại khiến trong lòng anh xôn xao một cơn bão nhỏ dịu dàng, ngăn bớt sức mạnh ấy và giữ nó trong giới hạn thuần phục.

Dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn nhỏ, đôi mắt hai người sưng sờ gặp nhau. Không biết bao nhiêu lần, cả hai miên man thì thầm những lời tình tự. Rồi cơn rung động đầm thắm ấy dần dần dâng cao và tràn bờ. Joseph và Lan say đắm quỵên vào nhau và cùng kêu lên hân hoan trong trạng thái hoà hợp.

Sau cùng, khi hơi thở về lại nhịp bình thường, Joseph nằm nhìn lên và chợt thấy có con nhện đỏ như lửa đang chầm chậm bò theo hình chữ chi phía bên trong mũi đồ. Lan vẫn gối đầu lên cánh tay anh, quay mặt ra ngoài, nong nàn và ẩm cứng. Mái tóc huyền buông lơ lửng thành một y trang sống động như tơ lụa đen tuyền đắp lên nửa thân thể mượt mà của nàng.

Đò vẫn dong đưa nhẹ nhàng theo dòng sông Hương êm đềm. Trên đầu Joseph và Lan, liễu dương vẫn tiếp tục rũ cành, buông lá xanh và xoả tóc tơ mơn trớn những thân dừa. Và sau cùng, Joseph thở ra nhẹ nhõm khi con nhện lửa leo chầm chậm lên hết mũi đồ bằng tre, bò ra khỏi bức màn trúc và biến mất trong đêm đen mượt như nhung.

Nơi màn trướng trên Thanh Đàn, người ta thiêu các só lễ và tế phẩm. Khoảnh khắc huyền

nhiệm đã qua. Đứng thiên tử chậm chậm lên kiệu trở lại Trai Cung.

- 9 -

Suốt tuần lễ thứ nhất ở Hà Nội, nhiều lúc Joseph cảm thấy anh có lý do để tự hỏi phải chăng đang có người nào đó cố ý đi theo mình. Đã mấy lần, anh để ý thấy cũng vẫn chỉ một gã thanh niên Pháp ấy. Người gã lừ đừ, bước thơ thẩn dọc vỉa hè sau lưng anh khi anh đi đi về về giữa Khách sạn Métropole và thư khố của Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bắc Cổ. Trong khi dạo qua những con đường rải sỏi trong các hàng phố tiểu công nghiệp nơi khu vực cổ vùng bắc thủ đô, quanh hai chợ Đồng Xuân và Bắc Qua, anh cũng xác định ra gã thanh niên đó. Gã mang kính râm, khoác áo măng tô đen dài ngang đầu gối, đội mũ nỉ mềm, và rõ ràng đang giả vờ đi lang thang không mục đích trong cùng một khu vực anh lai vãng.

Nhưng sự ngờ vực ấy còn mơ hồ và nửa nghi nửa không. Chẳng bao giờ Joseph nghĩ rằng việc mình có mặt tại chốn kinh kỳ này lại có thể trở thành một mối quan tâm nào đó cho giới hữu trách an ninh của Pháp. Hơn nữa, vì tâm trí lúc này quay cuồng với những ý nghĩ rạo rực về Lan và những gì anh mới phát hiện trong các hồ sơ lưu trữ, Joseph chưa bao giờ tập trung toàn bộ chú ý vào việc mình có thể đang bị giám sát.

Từ lúc Joseph rời Huế, hình ảnh Lan choáng ngợp đầu óc anh, khi thức cũng như khi ngủ. Với những hình ảnh được ghi khắc đậm nét và lưu dấu vĩnh viễn trong tâm thức, anh thấy lại không biết bao nhiêu lần nụ cười hạnh phúc của Lan tại Rừng Thông Công ở tế đàn Nam Giao khi nàng xoay nhẹ chiếc vòng ngọc vừa tìm lại được. Anh miên man nhớ tưởng vóc dáng Lan khóa thân gối đầu lên cánh tay anh trong giây phút ngất ngây trên dòng sông Hương, thấy lại Lan e lệ bên anh hôm sau, giữa khu vườn thoang thoảng hương sen, nơi tọa lạc ngôi nhà từ đường của thân phụ nàng, bên hồ sen trước cổng đàn Xã Tắc trong nội thành màu đỏ của kinh thành. Và lòng anh nao nao ngậm ngùi khi hình dung lại bàn tay Lan như một búp sen trắng, sau cùng, đưa lên vẫy chào tạm biệt dưới vòm cổng có giàn ti-gôn khi cả hai phải đành lòng xa nhau để anh đi Hà Nội.

Vào những ngày tiếp theo đêm trên sông nước, trong bầu không khí lễ giáo của gia đình, Lan trở lại thái độ cẩn trọng giữ ý tứ với Joseph. Nàng dứt khoát rằng anh phải luôn luôn theo đúng qui cách đặc biệt của người An Nam trong giai đoạn nam nữ chưa chính thức được cha mẹ hứa hôn cho, thậm chí cả những lúc chỉ có riêng hai người với nhau.

Tuy không nói rõ nhưng qua lối cư xử cố tỏ ra chừng mực, cũng là một cách biểu lộ với ngu

ý tâm tư Lan đang dần vật vờ thái độ nhẹ dạ dè dặt ấy, có điều nỗi ray rứt đó không đủ mạnh để làm lắng xuống những rung cảm nàng dành cho Joseph. Hơn một lần, Lan nhìn Joseph với ánh mắt rạo rực, tỏ cho thấy lòng nàng vẫn đang xao xuyến không kém đêm ấy chút nào. Và bên ao sen nhỏ trong vườn nhà nàng, khi không ai nhìn thấy, Lan để cho Joseph cầm tay nàng một chút. Trong những lúc như thế, anh muốn lập tức thừa chuyệh hôn ước với cha nàng nhưng Lan cứ nhất quyết rằng cả hai phải để cho ông có thời gian lấy lại tinh thần sau biến cố Kim bỏ nhà ra đi. Cuối cùng, Joseph miễn cưỡng thuận theo khi nàng đề nghị hãy đợi cho tới lúc anh xong công việc ở Hà Nội, vào lại Sài Gòn.

Trong lần gặp gỡ chót, Joseph lo lắng hỏi hộp khi Lan nghiêm trang tuyên bố rằng nàng phải hỏi anh một vấn đề vô cùng trọng đại, đó là các thời điểm chào đời của anh. Thấy mặt Lan giữ mãi vẻ nghiêm trọng, Joseph không dám can vạy lý do, cũng không dám bông đùa để làm nhẹ vấn đề. Nghe anh nói cho biết anh sinh vào giờ đó ngày đó tháng đó năm đó dương lịch, nàng lẩm nhẩm bấm mười đầu ngón tay một lúc rồi tiết lộ rằng anh sinh đúng vào năm Canh Tuất, tuổi con chó. Lan bảo anh:

- Tại xứ sở em, điều quan trọng nhất là phải biết người dự tính ăn đời ở kiếp với nhau sinh vào năm âm lịch nào. Trước khi cân nhắc

chuyện cưới xin, hai bên cha mẹ đều tính xem con trai con gái của họ có hợp tuổi nhau không.

Joseph thấp thòm hỏi:

- Em sinh năm nào vậy Lan?

- Năm 1915 - Ất Mão, tuổi con mèo.

Anh lặp lại và hoảng hốt:

- Em con mèo? Vậy chó người sinh năm con Mèo và người sinh năm con Chó có sống hoà thuận nổi với nhau không?

Trong một lúc thật lâu, Lan để nguyên vẻ mặt nghiêm trọng làm trái tim Joseph không dám nhúc nhích. Rồi nàng cười thật tươi, vừa kể vừa giải thích cho anh nghe:

- Joseph biết không, khi Ngọc Hoàng Thượng Đế triệu tập hết thầy loài vật tới trước mặt ngài để ngài lấy tên chúng đặt cho các năm, chỉ có mười hai con vật tới trình diện. Nhưng trong tứ vi của người An Nam, các con vật ấy không cư xử với nhau giống như ngoài đời. Ở ngoài đời, chó và mèo có thể cắn nhau - nhưng các nhà chiêm tinh nói rằng nếu “Mèo” là âm thì nó có thể mang yên ổn và thanh nhàn tới cho cuộc đời của “Chó” là dương.

Joseph thở phào và bóp chặt tay Lan hơn. Đột nhiên anh cảm thấy mình có yêu nàng tới mấy cũng còn thiếu, và Lan sung sướng nhoén miệng cười với anh.

- Như vậy con mèo của em và con chó của anh, cả hai cầm tinh của chúng ta có triển vọng sống với nhau tốt!

- Nó mới có vẻ như vậy thôi Joseph ạ... Muốn biết chắc chắn, phải chuyển các thời điểm chào đời của anh qua âm lịch để có một lá số chi tiết, an cả trăm ngôi sao, chính có phụ có, do một thầy giỏi tử vi chấm và giải.

Gia đình Lan đang chuẩn bị về Sài Gòn cùng một ngày với Joseph đi Hà Nội nhưng muộn hơn. Nàng và anh chia tay nhau dưới vòm đầy hoa li ti hình trái tim màu tím nhạt phủ lên chiếc cổng bằng đá có chạm trổ, thẳng lối vào vườn cây. Joseph lại đắm thắm hôn lên những ngón tay Lan như anh từng hôn trên sông nước đêm nào. Trong một thoáng, mắt Lan mờ và hoen những giọt lệ hạnh phúc. Joseph nao nức hứa:

- Từ Hà Nội anh sẽ viết thư cho em mỗi ngày.

Rồi khi Joseph vội vã lên đường ra ga xe lửa, người thiếu nữ An Nam vẫn đứng dưới vòm cổng đẹp màu hoa ti-gôn, bên hàng rào xanh đậm lá, tay giữ mái tóc tay đưa lên vẫy và môi cười nhìn theo cho tới khi bóng dáng người thanh niên Mỹ khuất tầm mắt.

Trên đường ra phương bắc, Joseph tưởng như tình yêu anh dành cho Lan sâu đậm thêm từng giờ. Chưa đặt chân xuống Hà Nội, lòng anh đã nhói đau nhớ tưởng và ngất ngây khát khao nàng. Hội ngộ kinh kỳ phương bắc trong nhiệt độ oi ả với cái nóng trái mùa khiến ban ngày khó tập trung tinh thần và ban đêm gần như ngủ không yên giấc, nhưng thời tiết khắc nghiệt

đó không ảnh hưởng lên thể lý của Joseph. Nó chỉ làm tâm lý của kẻ đang xa người mới yêu thêm quay quắt.

Vì ý nghĩ của Joseph chỉ quanh quẩn bên Lan, anh thấy mình thường đưa mắt nhìn theo các thiếu nữ An Nam bước đi uyển chuyển và duyên dáng giữa các đám đông trong thành phố. Hồng hạp quyến rũ, bờ nghiêng thanh tú của gò ngực nhỏ, giọng nói nhiều âm điệu như chim hót, tiếng bước rất êm của đôi chân trần trên vỉa hè, tất cả như gọi lên những biểu hiện giống nhau và cùng kích động tâm não Joseph.

Nhiều khi Joseph bước chân đi với tiếng nhuyển âm ầm ừ trong cổ họng như thể anh gật gù tự hỏi phải chăng mình đang lang thang tìm kiếm Lan trong từng thiếu nữ An Nam ấy? Tuy thế, xa cách và nhớ nhung cũng là khoảng thời gian thuận tiện để Joseph có phần nào lắng đọng cảm xúc, nhìn thật kỹ tâm tư mình.

Tình anh yêu nàng có quả thật rất mực thuần khiết, chân chính và tôn trọng, hay đó chỉ là cơn sốt bùng bùng của giác quan nơi miền đất nhiệt đới kích động nhục cảm như anh từng chứng kiến hơn mười năm trước, và ngày nay, chính anh đang biến thành cơn mồi cho những thèm muốn nhục dục không kềm chế nổi? Có phải từ ngày ngồi bên Lan trong lòng xe thổ mộ ở Sài Gòn, thành kiến hoài nghi phụ nữ trong anh tự nhiên vơi dần, và vì thế về sau, tại Huế, anh

bắt đầu yêu Lan, như yêu một người nữ hiện thân cho chân thiện mỹ mà tiềm thức anh hằng khao khát? Có phải từ tình yêu của Lan, anh như người được vớt lên khỏi vùng bóng tối ở đó quá trình thành toàn nhân cách bị khập khểnh giữa nhu cầu phải có một nhân sinh quan hài hòa và tâm trạng triển miên ngờ vực khả năng của con người, đặc biệt của phụ nữ, khi chế ngự khía cạnh hủy diệt của bản năng để sống vị tha và chung thủy.

Giữa đam mê của một người tình sôi nổi và tỉnh táo của một kẻ quen sinh hoạt hàn lâm, Joseph thấy mình khó có câu trả lời khách quan và thấu đáo cho các vấn nạn tự nêu đó. Nhưng nhìn sâu vào tâm tư, anh thấy Lan và tình yêu của nàng đang khôi phục trong anh hình ảnh của người nữ chân chính từng bị nhạt nhòa kể từ đêm mưa bão trong trại săn. Và dần dà, anh cảm thấy bao dung khi nghĩ về mẹ, hướng thượng khi nhớ tới Lan, đồng thời nhận ra mình đang vui sống hồn nhiên và độ lượng, yêu người và yêu đời hơn. Trong thư hằng ngày viết cho Lan, anh nao nức kể với nàng những khám phá, những cảm xúc đó. Có lần anh hân hoan nắn nót mấy hàng chữ: “Đêm cùng em dự lễ tế trời ở Nam Giao cũng chính là đêm phục sinh niềm vui sống tươi trẻ từng bị héo úa trong cuộc đời anh. Đêm đó, bên em, anh biết đời mình vừa được cứu chuộc.”

Nỗi ám ảnh tình yêu Lan cũng ảnh hưởng sâu xa lên công việc của Joseph. Thay vì tập trung vào chuyên đề lịch sử bang giao giữa An Nam với Bắc Kinh, Joseph thấy mình ngày càng bị cuốn hút vào sâu hơn các hồ sơ đầy bụi của thư khố như một nỗ lực mở rộng thêm tầm hiểu biết về đất nước và dân tộc của Lan. Anh bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ cố sức khám phá các nguồn gốc của chủng tộc nàg và ngôn ngữ của nó trong vô số bộ lạc bản địa và các bộ lạc phương bắc đã tràn xuống phía nam bán đảo Hoa Ấn trong buổi bình minh của lịch sử.

Joseph phát hiện rằng: sau khi dõi theo những mắt xích mơ hồ liên quan tới các dân tộc thuộc chủng tộc mê-la-nê-diên gồm những kẻ định cư tại vùng đa đảo Thái Bình Dương, các học giả Pháp không thể minh định những gốc rễ thật sự của người An Nam và văn hóa của giống người này. Theo những dữ kiện văn bản và di chỉ khảo cổ thu thập được cho tới nay, giả thuyết tương đối hợp lý và có căn cứ nhất cho rằng người An Nam là sự kết hợp chủng tộc giữa dân bản địa mã lai đa đảo và một tộc trong Bách Việt ở Hoa Nam, bên này sông Dương Tử. Thế nhưng các nhà nhân chủng học Trung Hoa, có lẽ vì động cơ nhất thống chính trị, lại liệt Bách Việt vào tộc Hoa để làm thành năm tộc được tiêu biểu trên lá cờ ngũ tinh là Hoa, Tạng, Mãn, Hồi và Mông. Joseph thấy mình có thể chấp nhận

giả thuyết sự kết hợp chủng tộc từ thời tiền sử, như đã phát hiện ở trên, làm thành giống Việt Giao Chỉ, tổ tiên của người An Nam ngày nay. Họ từng lập nên nước Văn Lang của người Giao Chỉ hơn bốn ngàn năm trước. Với vật tổ là chim Lạc, thời thái bình an lạc Hồng Bàng của họ, theo truyền thuyết, kéo dài hai ngàn năm. Họ cũng đã từng cùng với một số Bách Việt, thiết lập một quốc gia riêng biệt - Nam Việt - tại Luồng Quảng và vùng duyên hải phía nam Trung Hoa. Sau đó, họ lại lập quốc riêng cho nòi Giao Chỉ của mình, với nhiều quốc hiệu khác nhau, tại dải đất duyên hải dài và hẹp đông bắc bán đảo Hoa-Ấn trong hơn ngàn năm, trước lúc người Pháp đặt chân đến.

Tiếp đó, suốt dòng lịch sử dài đằng đẵng và đầy xáo trộn của mình, dân tộc này đã chiến đấu không mệt mỏi để lật đổ ách thống trị của Trung Hoa. Ưu thế của họ là thuần chủng, và từ nam chí bắc, họ nói chung một ngôn ngữ. Nhìn bề nổi, họ có vẻ chung một nền văn hóa với Trung Hoa do bị ảnh hưởng phương bắc đô hộ cả ngàn năm. Nhưng nhìn thật sâu vào lối sống dân dã và những phong tục tập quán có dấu vết cổ đại, người ta phải công nhận họ có một nguồn mạch văn hóa riêng biệt với những nét đặc thù rất sâu và rất khác với văn hóa Trung Hoa. Có lẽ vì thế, ưu tiên tối thượng của họ là độc lập dân tộc. Họ sẵn sàng hy sinh tính mạng

và tài sản, quyết chiến với các đạo quân viễn chinh phương bắc để bảo vệ văn hoá của dân tộc và giữ gìn độc lập của tổ quốc. Chính Quang Trung, vị đại đế đệ nhất anh hùng của họ, cách đây 150 năm đã khẳng định chân lý ấy trong bài hịch tướng sĩ của ông trước khi ra trận: đánh cho để dài tóc, đánh cho để đen răng, đánh cho sử sách biết nước nam anh hùng này có chủ! Trong lịch sử thế giới từ trước tới nay, chưa có dân tộc nào nhạy cảm với vấn đề ngoại xâm cho bằng dân An Nam. Cuộc tranh đấu ấy kéo dài tới hơn ngàn năm nhưng trong thời gian đó, họ cũng mở rộng lãnh thổ xuống phương nam bằng những cuộc chiến tranh chinh phục tới độ hủy diệt một dân tộc yếu hơn và hiếu hòa, được biết tới là Chăm hoặc Champa.

Joseph ngạc nhiên nhận thấy mặc dù các hoàng đế An Nam tự ý nạp cống vật cho Bắc Kinh suốt nhiều thế kỷ liên tục nhưng trong thời gian đó họ vẫn xây dựng được ưu thế quyền lực của mình trên bán đảo này khiến tới lượt họ đòi buộc các vua chúa của Lào và Khmer phải nạp cống vật cho họ. Riêng về cống vật được các vua An Nam nạp cho Bắc Kinh, chúng chỉ có giá trị tượng trưng, như một tiêu biểu cho tinh thần hoà hiếu và thần phục “thiên triều”. Nó như một hình thức thể hiện châm ngôn của tổ tiên để lại cho hậu duệ một nước nhỏ mà định mệnh bắt buộc phải ở kề một nước khổng lồ có

máu bành trướng: không tin cậy Trung Hoa như bằng hữu, cũng chẳng đối đầu với Trung Hoa như kẻ thù. Cống vật không hào phóng tới mức gây thiệt hại nhiều cho công khổ. Ngược lại, hễ mỗi lần sứ bộ An Nam sang triều cống, Trung Hoa phải chịu phí tổn gấp mấy lần cống vật vì việc đón tiếp và chiêu đãi sứ bộ cả trăm người tại các dịch quán, trên lộ trình dài vạn dặm từ Hà Nội tới Bắc Kinh. Tất cả chỉ là những hình thức tạo cơ hội cho “thiên triều” khẳng định và phô trương thanh thế của mình lên các tiểu lân bang phen dậu. Khi người Pháp từ phía bên kia địa cầu đến vào giữa thế kỷ mười chín để xâm lăng rồi đô hộ họ, nước Đại Nam ngoan cường lúc ấy đang ở tư thế vững vàng trong cuộc bành trướng lãnh thổ của mình ra xa hơn qua những lần xâm lăng bằng quân sự hai dân tộc láng giềng là Lào và Khmer.

Joseph cũng tìm được nhiều tài liệu và văn kiện cho thấy chính quyền bảo hộ Pháp bị lôi kéo như thế nào bởi những tay thương buôn mạo hiểm và các quân nhân, những kẻ trước tiên tìm kiếm đất đai và quyền lực cho chính họ rồi sau đó mới thuyết phục Paris ủng hộ họ, như công nhận “sự đã rồi”. Một văn thư quan trọng được viết vào năm 1790 bởi một trong các lính đánh thuê, thúc giục Pháp nắm lấy Hoa-Ấn vì kẻ thù lớn của nước Pháp là Anh đã làm chủ Ấn độ và Miến điện. Văn thư ấy quả quyết rằng nếu

nước Pháp muốn tránh sự sỉ nhục và vẫn tồn tại là một đối thủ tranh đoạt quyền lực và tranh giành ảnh hưởng trên thế giới, nó phải nắm lấy một lãnh thổ nào đó tại Á Đông. Joseph ghi chú: “Không để cập gì tới lý tưởng cao nhả ‘sứ mạng khai hóa’ cho tới rất lâu về sau, khi nước Pháp đã dựng lên Đông Dương vì những lý do có tính cách quyền lực hèn hạ hơn rất nhiều”.

Các thư tịch lưu trữ cũng vén lộ rằng chưa bao giờ có được một kế hoạch lâu dài, trước sau như một, và cũng chưa bao giờ hình thành trước tại Paris một phương thức điều hành thuộc địa này. Các sách lược bị bám víu và biến hóa một cách may rủi với sự bổ nhiệm các Toàn quyền Đông Dương kế tiếp nhau. Và hình ảnh nổi bật qua hàng trăm tài liệu được Joseph nghiên cứu là một hình ảnh ngẫu nhiên và lộn xộn, được dẫn dắt dần dà bằng những biện pháp tự chúng không đối phó nổi sự bóc lột thô bỉ một dân tộc vốn có một quá khứ văn học và đạo lý mà chỉ có các nước tiên tiến của châu Âu may ra mới có thể sánh bằng.

Joseph cũng tìm thấy những nghiên cứu của các học giả Pháp phân tích những giai đoạn tàn bạo và khát máu trong lịch sử An Nam hiện đại và các hồ sơ về vấn đề này được cập nhật hóa nhờ những tài liệu do Nha Liêm Phóng Đông Dương cung cấp về Cuộc Khủng Bố Đỏ được gọi là “phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh” các năm

1930-1931. Những nguyên bản cung khai trong các cuộc thẩm vấn của Liêm Phóng, đính kèm thành những tập sách nhỏ, kể chi tiết những cách thức đâm máu được cộng sản dùng để tàn sát và hành hạ các địa chủ, quan lại và thậm chí những người từng ủng hộ họ nay quay ra phản bội. Và Joseph rung mình khi đọc những tài liệu đó.

Nội dung những cung khai ấy cho thấy đàn ông đàn bà bị thiêu, chặt, chôn sống và trấn nước với tình trạng say máu kéo dài, có tính chất dã man thời trung cổ. Và bằng cách nào đó, những kinh hoàng Joseph đọc ấy mang trở lại tâm trí anh âm thanh kinh khiếp rừng rợn trong cung giọng của Ngô Văn Lộc khi anh ta ré lên với Joseph giữa khung cảnh tối tăm nơi nhà lồng chợ Bến Thành về cách người Pháp đã giết hai ngàn đồng bào của anh ta trong các cuộc nổi dậy năm 1930 và năm 1931 và đem tù đầy phát văng gần hai chục ngàn người.

Qua những tài liệu đọc được đó, thâm tâm Joseph càng lúc càng xác tín rằng người An Nam là một dân tộc bất hạnh, có số mệnh phải gánh chịu hết bạo lực này tới thảm kịch khác suốt chiều dài lịch sử của họ. Và những ý nghĩ đó đè nặng trĩu tâm tư anh.

Tới cuối tuần lễ thứ hai, để gây hưng phấn cho tinh thần mình, vào một buổi xế chiều, Joseph quyết định đi tìm yên tĩnh trong khung

cánh tịch lặng của Đền Quạ, một miếu đền Nho giáo nổi tiếng, do vua Lý Thánh Tông khởi công xây dựng vào năm 1070 để đặc biệt dâng hiến cho sự nghiệp văn học, được gọi là Văn Miếu Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của những người theo học đạo thánh hiền và văn chương cử nghiệp. Miếu được xây dựng bên một hồ lớn của thủ đô và bốn bề vắng vẻ khi Joseph đến. Một đàn quạ đông đảo, cánh đen bóng lưỡng - từ ngàn năm nay đêm nào cũng tá túc nơi rừng muồm trong khuôn viên miếu - lúc này đang hoạt động bằng cách say mê lượn những vòng cuối cùng trước khi đậu lại và yên nghỉ qua đêm. Nhưng dù đang ở bên trong những vòng tường cổ xưa ấy, Joseph vẫn không được yên thân.

Khi Joseph chậm chậm đi qua năm chiếc sân nối tiếp nhau trong khuôn viên miếu, anh nhận ra có ai đó đang đi theo mình. Lúc dừng lại xem xét các bia đá ghi tên và quê quán hơn 1.300 nhà nho thi đậu tiến sĩ trong suốt ba trăm năm vinh quang của triều đại nhà Lê, dù sau khi thi đậu họ ra làm quan hay quay về quê sống đời ẩn sĩ. Nhưng ngay từ thuở nhỏ sinh vừa lầu thông kinh sử, tham dự vào hàng ngũ kẻ sĩ của dân tộc, mắt họ đã hướng về Văn Miếu kinh đô. Đó đền miếu kinh đô của nho giáo, chốn linh địa của giới sĩ phu An Nam và là nơi ẩn chứa hiên tài, bồi đắp nguyên khí của quốc gia. Họ gồm

hàng vạn nhà nho, đấng khoa hay lỗ vận, sống rải rác và hòa mình với dân chúng từ thành thị đông đúc tới thôn làng heo hút. Họ làm thầy đồ dạy dỗ con em, làm kiểu mẫu đạo đức cho làng nước và là lương tri của dân tộc.

Đang ngẫm nghĩ Joseph giật mình nghe sột soạt tiếng chân đi rón rén sát sau lưng. Anh đột ngột quay lại và bắt gặp cũng chính gã thanh niên hình dung tiêu tụy đã làm chiếc bóng của anh từ hôm đầu tiên anh ghé lại Hà Nội. Trong cùng một lúc, mắt Joseph và mắt gã gặp nhau. Và gã thanh niên Pháp ấy móc túi lấy kính đeo mắt, nhìn Joseph cười mỉm, gần như tỏ vẻ chế nhạo trước khi bỏ đi khuất tầm mắt anh rồi mất dạng sau những chiếc cột lớn sơn son thiếp vàng ở sân bên trong.

Bên kia các cửa sổ đang mở, hình dáng đen đui của lũ quạ liệng rất nhanh và kêu quang quác trong trời tối lơ mờ. Joseph bỗng cảm thấy mất tinh thần - vừa do không khí ảm đạm nơi miếu cổ vừa bởi gã thanh niên rõ ràng đã tới lúc theo dõi anh không thềm lén lút. Việc đọc các biên bản thẩm vấn của Liêm Phóng suốt chiều nay để lại ấn tượng dữ dội trong tâm trí Joseph về sự âm trầm tàn độc của guồng máy mật thám. Và bỗng nhiên Joseph chắc chắn rằng vì những lý do nào đó anh không hiểu, anh hiện bị theo dõi sát nút bởi một trong các nhân viên an ninh của nó.

Nhón gót đi thật chậm về phía Khuê Văn Các, Joseph đột ngột quay lui, bước vòng quanh cột, chỗ anh vừa thấy gã thanh niên lẩn vào. Anh hỏi thẳng thùng bằng tiếng Pháp:

- Tại sao anh theo dõi tôi?

Gã thanh niên Pháp không tỏ vẻ kinh ngạc cũng không tính chuyện trả lời hoặc bỏ đi. Thay vào đó gã lại kéo kính đeo mắt lệch xuống sống mũi, chăm chăm nhìn lại Joseph, không chớp mắt, với vẻ mặt ngang nhiên xác xược. Bất lực, người Mỹ quay gót đi thật lẹ ra khỏi Văn Miếu. Tới lưng chừng con đường dọc theo một đại lộ hai bên có hàng cây dẫn tới cổng miếu, Joseph quay mình nhìn lui. Gã mặt thám cũng đã ra khỏi hàng cột nơi cổng miếu, đang đứng ngang nhiên ngó theo anh, lắc các và lộ liễu.

Lát sau, một chiếc xe Citroën đen trông có vẻ kiểu quan chức từ một hướng khác chạy trôi tới trước sân miếu. Gã mặt vụ rón rén bước tới gần xe. Cửa sổ sau bên hông xe đã hạ sẵn kính xuống và gã khom lưng cúi xuống cửa xe ấy. Trời không đủ sáng cho Joseph nhìn rõ mặt người đang ngồi nơi ghế sau nhưng anh thấy gã mặt thám trong khi nói, hất đầu một hai lần về phía anh. Rồi gã rón rén bước lui và kính xe lại được quây lên. Chiếc xe chậm chậm chạy cùng hướng với Joseph.

Xe vừa chạy quá người Joseph bỗng tấp vào lề. Cửa sau xe thình lình bung ra chặn ngang

lối anh đi và anh sùng sốt thấy trước mắt mình hiện lên bộ mặt cần cỗi hốc hác của Jacques Devraux.

- Joseph, chúng ta có thể tránh được sự hiểu lầm không cần thiết nếu anh nhận lời tôi đề nghị chở anh về khách sạn.

Giọng của Jacques Devraux đều đều, trống rỗng. Hắn đưa hai con mắt âm u nhìn qua vai người Mỹ trong khi chờ câu trả lời. Joseph quắc mắt giận dữ nhìn viên chỉ huy Liêm Phóng:

- Lý ra tôi phải biết chính ông là người chịu trách nhiệm việc theo dõi tôi. Có phải đây là một sự bắt giữ chính thức?

- Tôi chỉ muốn nói chuyện với anh.

- Để xin lỗi về việc theo dõi tôi mà không có lý do?

- Anh kết luận như vậy có vẻ hơi quá sớm.

Joseph nhìn hắn một cách sắc bén:

- Ông muốn nói với tôi chuyện gì?

- Vào xe rồi hãy nói!

Joseph miễn cưỡng leo lên ghế sau. Devraux ra hiệu tài xế tiếp tục cho xe chạy. Viên thanh tra Liêm Phóng dựa ngửa người ra ghế, mắt vẫn nhìn thẳng tới trước và nói:

- Tôi sẽ không phí chút thì giờ nào. Tôi muốn biết tại sao ở Sài Gòn anh gặp và nói chuyện với tên tù mới được thả Ngô Văn Lộc?

Joseph quay qua, nghi ngại nhìn đăm đăm bộ mặt không cảm giác của người Pháp:

- Ông theo dõi cả lúc đó nữa phải không?

- Anh gặp một tên cộng sản có tiếng, từng can dự vào các âm mưu lật đổ chính quyền ở đây. Anh thảo luận với hắn về vấn đề gì?

Joseph vẫn nhìn chằm chặp:

- Đó là chuyện của tôi. Tại sao nó làm ông quan tâm?

Giọng Devraux lạnh lùng xa vắng như thể hắn không màng tới câu hỏi của Joseph lẫn sự kiện người Mỹ đòi hỏi phải tôn trọng quyền riêng tư của con người.

- Có phải hôm đó anh không thảo luận về chính trị?

- Tôi từ chối trả lời câu hỏi đó. Nó hoàn toàn không phải việc của ông.

Devraux uể oải ngã lưng ra nệm ghế da, châm một điếu xì gà rồi hạ cửa kính, ném que diêm vào bóng tối. Khi hắn kẹp điếu thuốc giữa các ngón tay Joseph để ý thấy bàn tay hắn run nhè nhẹ:

- Nếu tôi kể với anh rằng có kẻ âm mưu lấy mạng tôi ở Huế, liệu điều đó có đủ để khiến anh nghĩ rằng tôi có quyền đặt cho anh một số câu hỏi?

Joseph lặp lại mấy tiếng ấy với vẻ không tin:

- Một âm mưu lấy mạng ông? Ông có biết kẻ đó là ai không?

- Ngô văn Đồng - con trai của thằng Lộc.

- Nhưng tại sao việc đó lại liên can tới tôi?

- Trong cuộc thẩm vấn, thành Đồng khai rằng cha hắn và hắn biết được hành tung của tôi ở Huế là do anh nói, đúng không?

Chiếc xe thùng dài chạy dọc Kè Clémanceau, hướng mũi về Hồ Guom. Joseph ngó ra cửa sổ, nhìn vào bóng đêm đang tụ về trong im lặng hãi hùng. Cuối cùng anh nói, nhỏ giọng:

- Đúng, tôi giả dụ là đúng... nhưng đó chỉ là tình cờ - chỉ là một phát biểu ngây tình.

- Nhân viên của chúng tôi thấy anh chờ trên bến cảng Sài Gòn suốt hai tiếng đồng hồ. Phải chăng anh kỳ vọng chúng tôi tin rằng chỉ vì tình cờ mà anh đến xứ thuộc địa này của chúng tôi đúng vào thời điểm có đồng đảo tù nhân cộng sản được tha về?

Devraux rít một hơi dài xì gà trong khi chờ câu trả lời. Đằng sau đốm lửa loé lên sáng rực, hắn lại liếc Joseph thật lẹ với con mắt dữ dội của một người hướng dẫn săn bắn, kẻ từng hướng dẫn đoàn thám hiểm của Joseph mười một năm trước.

- Đúng, đó chỉ là tình cờ. Paul kể với tôi rằng anh ấy nghĩ là Lộc đang ở đảo Côn Lôn - và tôi thấy trên báo tin tức về một chuyến tàu sắp cập bến.

- Nhưng tại sao anh muốn gặp thằng Lộc?

Người Pháp đặt câu hỏi đó với giọng đều đều, không quay sang nhìn anh. Joseph lưỡng lự rồi trả lời chậm chạp:

- Tôi muốn hỏi anh ta về một việc riêng.

Bên cạnh Joseph hình như người Pháp ngồi không nhúc nhích:

- Ý anh muốn nói tới cái chết của người anh của anh?

Cổ họng Joseph bỗng khô rang. Anh ngạc nhiên thấy mình gật đầu thừa nhận:

- Đúng. Chính Lộc đã kể với tôi rằng anh Chuck chết trong khi cố cứu cha tôi. Devraux nhường người trên ghế rồi hạ mình xuống:

- Tôi nghĩ rằng lúc này mình đã hiểu.

Trong một lúc, cả hai ngồi im lặng. Rồi Joseph lại cúi mình tới trước ghế:

- Nhưng có phải ông thật sự tin rằng tôi dự vào âm mưu giết người? Và tôi giả dụ các nhân viên mật thám của ông tại Hà Nội kỳ vọng sẽ tìm thấy tôi ở đâu đó trong Văn Miếu đang âm mưu lật đổ nền cai trị của nước Pháp tại Đông Dương.

Devraux nhắm mắt lại như thể mỗi một:

- Tôi không muốn tin điều đó. Nhưng đã xuất hiện những ý tưởng quá khích không kém ý tưởng đó. Các phái viên nguy trang của Quốc tế Đỏ tam đang hoạt động khắp Á Đông - trong số họ có nhiều kẻ là người Âu. Vậy tại sao lại không có người Mỹ? Ở đâu và thời nào cũng thế, hầu hết những tên có lý tưởng Mác-xít đều xuất thân từ các gia đình trung lưu hoặc giàu có. Chúng tôi không dám đoán chắc rằng hết thảy các vị khách da trắng tới Đông Dương

đều là những kẻ cảm phục và hiến thân cho nước Pháp.

Joseph nói chua chát:

- Giá như chính quyền của ông đừng bóc lột dân tộc này tàn tệ quá thì họ đã không muốn nổi dậy chống lại các ông. Giá như đồng bào của ông không bòn rút đất đai để lấy hết cao su, than đá, lúa gạo, những thứ mà họ có thể sờ tay vào được, và không đánh đập cu-li xe kéo trên đường phố thì Ngô Văn Lộc và những người giống như anh ta đã không tính tới chuyện giết ông.

Devraux mở mắt, trầm ngâm rít điệu xì gà:

- Joseph ạ, anh đã biết qua những hồ sơ mà anh đọc trong thư khố của chúng tôi, rằng lịch sử của An Nam đầy máu đổ và tàn bạo. Có một tính chất tàn bạo trong con người của dân chúng xứ này. Hẳn ngừng nói, chầm chậm thổi khói ra phía cửa sổ:

- Nhưng đồng thời, chúng cũng là một chủng tộc bịp bợm. Chúng thích làm ra vẻ thụ động ngoài mặt để đánh lạc hướng người khác.

Joseph rung động tâm can, nhận ra rằng cả trong việc anh nghiên cứu loại văn bản nào cũng bị Liêm Phóng giám sát. Trên môi anh bỗng trào lên lời phản kháng nhưng anh kịp thời nuốt xuống.

- Thành Ngô văn Lộc và vợ hẳn do thám tôi nhiều năm trước khi chúng bị tôi phát hiện.

Thằng Học, con trai thứ hai của chúng, vô cớ giết một quân đốc đồn điền cao su - kẻ đó ba cha con chúng nổi loạn ở Yên Bái và ra sức làm chuyện sát nhân giống y như thế đối với Paul. Đường như chúng đang theo đuổi một cuộc trả thù cá nhân đẫm máu và vô nghĩa đối với cha con tôi.

Devraux ngừng nói, và lần đầu tiên hắn quay sang nhìn Joseph chăm chú:

- Thằng Đồng bị bắt không có nghĩa làm cho chúng nó dịu xuống. Từ khi thằng đó bị biệt giam, người của tôi nhận ra có một hai âm mưu nhằm giám sát việc đi lại của tôi. Những tên giúp việc trong nhà tôi bị hăm dọa và bị dò hỏi tin tức...

Giọng Devraux kéo rề rề như thể không thêm quan tâm rồi hắn bỏ lưng, nhún vai và lại quay mặt ngo qua chỗ khác.

Xe vào tới đại lộ Beauchamp chạy dài sát một bên Hồ Hoàn Kiếm. Nhìn qua cửa sổ xe, Joseph thấy trăng bắt đầu lên. Một luồng ánh sáng trắng menh mang chan hòa mặt nước hồ bao la và yên lặng. Joseph bỗng chỉ muốn lập tức ra khỏi xe. Anh nói cụt ngắn:

- Monsieur Devraux, nếu ông không bắt giữ tôi... tôi muốn xuống xe. Tôi muốn thở chút không khí trong lành trước khi ăn tối.

Lập tức Devraux ra hiệu tài xế dừng xe rồi mở cửa. Hắn để cho Joseph ra khỏi xe nhưng

khi người Mỹ quay lại chào từ giả, anh thấy người chỉ huy Liêm Phóng cũng theo chân anh bước xuống. Sau khi ra lệnh thật lẹ cho tài xế bằng tiếng Pháp, Devraux bước tới bên Joseph. Hắn vừa châm một điếu xì-gà vừa liếc Joseph qua luồng khói lửa mới ấy và nói:

- Anh kể với tôi rằng anh nói chuyện với thằng Ngô Văn Lộc là hoàn toàn ngay tình. Được, vậy tôi cảnh cáo anh rằng tại Đông Dương này, sự ngay tình hay ngây thơ vô hại có thể đưa tới nhiều nguy hiểm. Người An Nam không “ngây thơ”, chúng nó là một dân tộc cực kỳ qui quyết. Joseph cảm thấy không thích trả lời. Cả hai yên lặng bước chậm chậm dưới những hàng cây xương xẩu mọc sát mé nước. Người Pháp nói dịu giọng:

- Khái niệm của anh về chủ nghĩa thực dân cũng khá ngây thơ, nếu anh bỏ qua cho việc tôi dùng từ ngữ đó. Có thể những ứng xử của người da trắng đối với phương đông luôn luôn bị thúc đẩy bởi một động cơ căn bản và không thể bào chữa, đó là lòng tham lam; và có thể tới một ngày nào đó, chúng tôi phải trả giá cho cái đó. Nhưng tại đây, nước Pháp không bao giờ hoạch định một chương trình độc dữ và có tính toán. Quản trị xứ thuộc địa bao giờ cũng là loại công việc phức tạp nhưng nó cũng hoàn toàn không phải là con đường một chiều. Với phần công chính của linh hồn mình, người

Pháp lúc nào cũng cảm thấy mình bị thúc bách phải cố gắng, một cách vị tha, cho người bản xứ sự khai sáng và nền giáo dục tại chính quốc. Kết quả là những người An Nam có trí óc minh mẫn nhất được xuất dương sang Pháp du học, thấy rõ văn minh của nước Pháp, thấm nhuần kiến thức của chúng tôi, rồi hồi hương tổ chức cách mạng bạo động chống lại chúng tôi. Thậm chí có người còn mỉa mai rằng con đường sang Pháp du học cũng chính là con đường chống lại nước Pháp.

Cảm thấy động lòng quan tâm và không còn phân biệt đâu là chuyện của ai nữa, Joseph hỏi:

- Nhưng tại sao tới lượt mình, dường như chúng ta không tự mình học được cái gì ở đây?

- Anh có mặt ở xứ sở này đây là lần thứ hai phải không? Anh từng ở trong rừng, thăm viếng các miếu đền, bước đi trên những đường phố tấp nập. Anh từng cảm thấy sức mạnh kỳ bí của phương đông làm máu anh sôi bọt như rượu sâm-banh, phải không? Người phương tây nào tới đây cũng cảm thấy như thế. Đây là vùng đất của những cái đối nghịch nhau vô cùng sâu xa và cực kỳ khác biệt với Virginia Mỹ của anh hoặc Normandy Pháp nơi sinh trưởng của tôi, tới độ chúng ta không bao giờ học được cách thích ứng. Núi non và rừng rú mang tính thù nghịch, các đồng lúa bất tận - cái nóng dữ dội và khí hậu ẩm ướt lúc nào cũng thúc bách cho vạn vật

tăng trưởng tới tận cùng giới hạn của chúng và kích động quá độ hệ thần kinh và cảm xúc của chúng ta. Đất đai phong phú với quá nhiều sức sống khiến cái chết dường như không thành vấn đề. Thú vật giết thú vật, người giết thú vật, và thậm chí người giết người. Nó hoàn toàn nằm trong một diễn tiến tàn bạo. Bạo lực là chuyện bình thường, chuyện xảy ra hàng ngày, và các giác quan của chúng ta lúc nào cũng ngày ngày say với toàn bộ sức sống rộn ràng này. Chúng ta đáp ứng cái nóng này giống như những con thiêu thân đáp ứng ánh đèn. Đây là đất làm giác quan rực cháy chứ không làm trí tuệ bùng sáng. Đó là lý do tại sao chúng ta không học được gì. Đây là đất có quá nhiều sức mạnh thiên nhiên tới độ không sớm thì muộn mọi người đều để lòi thú tính của mình ra. Không người nào được miễn trừ.

Giọng nói của Devraux ngắn ngật và cay đắng, gần như nhức nhối và thù hận, như thể trong khi nói hắn đang sống lại quá khứ của chính hắn. Bàn tay Devraux càng lúc càng run rẩy thấy rõ trong khi hắn tiếp tục rít xì-gà. Và Joseph tưởng chừng mình đang cảm nhận được sự căng thẳng mỗi lúc một tăng trong con người hắn.

- Tới lúc ấy lũ dân này làm anh tức tối. Vì chúng nó nhỏ nhắn uyển chuyển và dường như chúng sở hữu cái hay cái đẹp sâu xa hơn

chúng ta. Dường như chúng nó khéo tay quá, tinh tế quá, phải không, và khiến cho chúng ta có cảm tưởng rằng bên cạnh chúng nó chúng ta thô thiển và vụng về, phải không? Vì chúng triển miên là nạn nhân của những sức mạnh thiên nhiên hết đời này sang đời nọ nên chúng tu dưỡng con người nội tâm tới mức thượng thừa. Những lời giảng của Phật Thích Ca có vẻ như chứng minh sự phù phiếm của cả tham lam lẫn sám hối. Và những nghi lễ bí nhiệm chúng thường cử hành dường như cho chúng sự tiếp cận các bí mật của linh hồn, còn chúng ta thì bị chặn lại tại chỗ. Toàn bộ sự tận hiến cho tịch lặng, sống đời dung dị thuận với thiên nhiên và hòa hợp tâm linh này mang tính quyến rũ cực kỳ đối với những linh hồn bất an mới đặt chân tới nơi này, từ châu Âu và châu Mỹ là nơi thân xác được ngưỡng mộ trên tất cả mọi thứ khác. Nhưng có lẽ cái nổi bật nhất ở đây là vóc dáng màu vàng và mỏng manh của phụ nữ, phải không? Họ gần như thể món đồ chơi dễ thương và thích mắt, với bàn tay và bàn chân quá nhỏ nhắn. Về đẹp thụ động của họ cũng thế, nó làm ta bốc máu, trong khi đàn bà các xứ khác không làm được như vậy.

Người Pháp ngừng nói, nhướn cặp lông mày ngạo mạn lên ngó Joseph:

- Điều tôi vừa nói đó có làm tổn thương tình cảm của anh không?

Joseph chăm chăm nhìn hắn, sùng sốt vì câu hỏi đầy dụng ý của người Pháp:

- Thì ra ông cũng theo dõi tôi suốt đêm hôm ấy ở Huế?

Người Pháp lơ câu hỏi đó. Joseph cảm thấy giận bùng mặt:

- Monsieur Devraux, có lẽ ông nên giải thích rõ ràng tại sao ông lại nói với tôi tất cả những điều vừa rồi.

- Tôi cho anh cơ hội suy nghĩ về việc anh đang làm. Mê mẩn các ấn tượng đầu tiên thì chưa hết đâu. Tại phương đông, tình yêu quá đáng đối với nhục cảm có thể hủy diệt một người da trắng phương tây. Nhiều người tưởng rằng họ sẽ rời khỏi nơi đây với linh hồn còn nguyên vẹn - nhưng sau đó, ngay tại quê hương mình, họ thấy bản thân bị biến đổi sâu xa bởi những ném trái ở xứ sở này mà chính họ cũng không biết. Họ trở thành kẻ sống bên lề dân tộc mình vì tại đất nước họ mọi sự dường như vô cùng tẻ nhạt so với phương đông. Rồi thông thường, họ bị quyến rũ trở lại đây thêm lần nữa bởi tiếng gọi mê đắm của những cái trước đó đã hủy hoại họ. Hãy cố nhìn mọi sự như chúng thật sự là chúng. Hãy ở lại đây lâu như tôi ở và anh sẽ thấy rằng sự ngắt ngảy đầu tiên đó chuyển hoá thành sự bạc nhược và cái kinh nhiệt đới. Toàn bộ sự tự chế và kỷ luật tự giác của anh có thể bị tan tành ở đây. Xứ nhiệt đới cũng thường làm khô kiệt

ngại lực và làm thói rửa mọi cơ năng đạo đức của những người tốt lành. Rồi càng ngày họ sẽ càng khinh miệt sự tinh tế bản xứ mà lúc ban đầu họ thấy rất quyến rũ, chỉ vì họ không thể nào làm cho bản thân mình hòa hợp với nó.

Dừng một chút, Devraux hít vào một hơi dài:

- Joseph này, đối với những người mang nước da trắng, đất này cực kỳ không mến khách - và cái đó cũng dồn ép khiến họ rất thường phạm phải những hành động mà họ không thể tự hào về chúng.

Cả hai đã tới sát chiếc Citroën do tài xế tuân lệnh trước, đậu chờ sẵn Devraux bên đường. Hắn dừng lại cạnh xe, tay dí bẹp nát đầu mẫu xì-gà vào một thân cây bên hồ. Tàn thuốc lấp lánh rơi xuống đất như một chùm đốm sáng. Sau một giây đắm chiêu nhìn tro tàn, Devraux đưa chân hất hất mẫu thuốc thừa rồi bất giác ngoáy ngoáy thật mạnh để giày trên mặt đất mềm. Joseph nói, cố ý thấp giọng mình xuống:

- Có phải ông có ý nói giống như đêm mưa bão nơi trại săn trong rừng của chúng ta? Devraux đã mở cửa xe nhưng hắn chừng người, chầm chậm quay lại đối diện với Joseph. Dưới ánh trăng chiếu thẳng vào người, mặt hắn trông như một xác chết. Joseph vừa nói tiếp vừa quan sát Devraux thật gần:

- Đêm đó tôi không ngủ được. Và có lẽ ông cũng nên biết rằng tôi có một thằng em - lúc

này nó mười tuổi. Cuối năm đó mẹ tôi sinh con trai. Devraux nhìn chăm chặp người Mỹ. Về sừng sốt làm bộ mặt tái xám của hắn chậm chậm vặn vẹo. Hắn nói gần như thì thào:

- Tôi xin lỗi. Nói với bà ấy tôi xin lỗi. Dứt câu, hắn vội vàng quay mình, chui vào xe, không một tiếng từ giả.

Ánh sáng đỏ rực của đèn sau chiếc Citroën xa dần theo đại lộ dọc bờ hồ và viên chỉ huy Liêm Phóng chỉ còn là chiếc bóng nhỏ lơ lơ ở ghế sau. Nhưng Joseph có thể thấy hắn ngồi rụt cổ xuống, hai tai ngang với hai vai. Trong thái độ của hắn có điều gì đó hình như gọi ra một tâm trạng vô vọng và tuyệt vọng.

Vào lúc chiếc xe biến mất, một cơn khác khoải mơ hồ và cấp bách bao phủ lấy Joseph. Trong hồi lâu, anh đứng bất động, nhìn một cách khốn quẫn qua phía mặt hồ bên kia. Nơi có hòn đảo nhỏ với tháp bút viết lên trời xanh bên cạnh cây cầu vòng cung bằng gỗ, đỏ như son; và chính giữa hồ có cồn đất thấp thoáng màu cỏ lục. Đến cũ và tháp xưa, những biểu tượng của một Á Đông cổ sơ và bí nhiệm, đứng nghiêng nghiêng rõ nét trên vầng trăng đang lên như một chiếc đĩa màu vàng nhạt.

Joseph sốt ruột kéo dây chiếc chuông đồng nhỏ gắn dưới vòm mái cong bên trên chiếc cổng

sơn son khép lại thành hình trăng rằm trước cửa sổ của quan sứ thần ở Sài Gòn. Đôi cánh cổng mở ra lần thứ hai và thêm lần nữa xuất hiện chị giúp việc người An Nam, kẻ trước đó trong ngày đã không để cho anh vào.

Chị khép nép mỉm cười chào Joseph, cũng với nụ cười khôn dò y như sáng nay khi báo với anh rằng Mademoiselle Lan và thân phụ nàng không thể tiếp khách đến thăm. Lần này, anh lo sợ chị cũng sẽ chuyển cho anh một lời nhắn y như vậy. Nhưng rồi, anh nhẹ người khi chị lùi mấy bước và ra hiệu mời anh vào bên trong.

Tọa lạc cuối con đường đầy bóng dừa và im mát nhờ những hàng sao cao vút, ngôi nhà của quan sứ thần được xây theo kiểu cổ truyền An Nam. Tường quét vôi màu nhạt, tô vữa. Trên đầu tường là mái ngói màu đỏ lộng lẫy. Nền nhà cao với hàng hiên mái cong có hai dãy cột sơn son chống đỡ. Vừa theo chân chị người làm bước vào vườn, Joseph nôn nóng tìm kiếm dấu hiệu tỏ cho thấy Lan đang đi ra chào đón anh. Nhưng các bậc cấp bên dưới hàng hiên vẫn không vang lên tiếng chân nào. Tới cuối hàng hiên, anh được dẫn đi qua sân nhà bằng gỗ tếp bóng lưỡng, ngang một dãy phòng dịu mát bên trong trưng bày trang trọng đồ mạ vàng hoặc chạm bạc đời nay của Pháp chung với những vật trang trí phương đông bằng điêu khắc gỗ hoặc những hoành phi đối xứng bằng lụa.

Trong phòng chính, đồ đạc thưa thớt, nổi bật là bàn thờ gia tiên bên trên đặt các bài vị màu vàng, các bức ảnh đóng khung và nhang đèn. Ở đó, Joseph thấy một người giúp việc đang trang trọng cắm hoa tươi vào đũa bình và còn một người nữa đang kính cẩn chum lên bàn thờ các khay trái cây mới hái.

Sau cùng, chị người làm đưa Joseph vào một căn phòng bày biện ngay ngắn nhiều ki trà bằng gỗ chạm lộng; bên cạnh mỗi ki trà có kê một chiếc đôn sứ. Anh bị để lại đó một mình trong vài phút. Khắp toà nhà tràn ngập không khí im lìm sâu lắng khiến trong khi chờ đợi, Joseph càng lúc càng linh cảm rõ nét một điềm gở.

Chuyến xe lửa dài năm ngày khởi hành từ Hà Nội hầu như bò chậm rì và thờ phỉ phò một cách khốn khổ. Vừa đặt chân xuống đất Sài Gòn sáng nay, Joseph lật đật đi thẳng tới nhà Lan, không một lời báo trước. Sự cự tuyệt của chị giúp việc và lời chị yêu cầu anh quay lại chiều nay lập tức làm tăng thêm cảm giác thấp thòm và phiền muộn vốn bắt đầu hành hạ anh từ sau cuộc nói chuyện với Jacques Devraux bên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Đêm đó, mỗi khi nhớ tới từng lời chì chiết của Devraux, anh lại thấy hình ảnh con nhện đỏ như lửa bò chầm chậm phía trong mũi thuyền trên sông Hương khi anh đang hạnh phúc bên hơi ấm của Lan.

Vì tâm trạng khắc khoải không chịu nổi,

Joseph kết thúc cuộc nghiên cứu ngay sau hôm gặp Devraux và thu xếp vào nam lần nữa bằng chuyến xe lửa sớm nhất có thể được. Trên con tàu, anh không thể gạt khỏi trí tưởng mình ý nghĩ về một điểm bất tường nào đó dù anh đã lý luận và phân tích cặn kẽ rằng nỗi hân hoan rộn ràng và niềm hạnh phúc ngất ngây anh từng bất chợt bắt gặp tại Huế hoàn toàn không có triệu chứng thay đổi nào. Và hiện tại, lòng khát khao được hứa hôn với Lan rồi gấp rút mang nàng tới một xứ sở nào đó an toàn và quen thuộc với anh hơn đã trở thành một ám ảnh không nguôi.

Trong khi một mình ngồi đợi nơi căn phòng tịch mịch này, sắp sẵn lời lẽ để trình bày dự tính ấy với thân phụ của Lan, Joseph biết rằng mình đang ở rất gần phút giây quyết định. Và anh cảm thấy lòng bàn tay ướt đẫm mồ hôi. Vì tâm trạng đang quá căng thẳng nên thoát đầu anh không để ý thấy Lan và Trần Văn Hiếu thâm lặng xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Khi ngược lên, Joseph giật mình bắt gặp đứng ngay trước mặt là vị quan An Nam đang trang trọng cúi đầu chào trong y phục giản dị gồm chiếc áo thụng bằng lụa đen và mũ tròn đầu cũng màu đen. Joseph lật đật đứng lên chào đáp lễ. Đứng kế bên, Lan có vẻ ngập ngừng rồi nghiêm trang mỉm cười trước khi đặt mình ngồi xuống chiếc đôn sứ cạnh cha.

- Tôi tin chắc chuyến đi Hà Nội của anh thế

nào cũng thu lượm rất nhiều kết quả tốt đẹp.

Trần văn Hiếu mỉm cười lịch sự, lên tiếng trước bằng thứ tiếng Pháp nhiều hơi gió nhưng Joseph lập tức nhận thấy thái độ của ông có vẻ như đang co mình lại. Anh đáp:

- Thưa, hai tuần lễ cũng khá đủ. Đất kinh kỳ ấy thật quyến rũ.

Người An Nam từ tốn gật đầu. Joseph liếc Lan thật lẹ. Anh dự tính nói với Lan rằng xa cách nàng trong chùng ấy ngày như thế là dài đằng đẵng. Anh sẽ cầm tay Lan, gọi cho nàng kể hết những cảm xúc thương nhớ anh. Anh biết rõ đối với một thiếu nữ An Nam, lại có tâm tánh như Lan, nếu có cục lòng không kém gì anh vì phải xa nhau trong quãng thời gian lâu đến thế, nàng cũng chẳng để lộ thành lời nếu anh không gợi chuyện.

Chiều nay, Lan mặc chiếc áo dài màu tối bằng lụa nâu, mặt không trang điểm. Trong mắt Joseph, chính vẻ ảm đạm đó lại khiến sắc đẹp nàng tăng thêm phần tươi mát. Dù biết thế nào Lan cũng cảm nhận được tia nhìn quẩn quít của mình, Joseph thấy mắt Lan vẫn tiếp tục nhìn cha, làm như thể con mê luyện quẩn quít dụ dằng giữa nàng và anh đêm nào trên sông Hương chỉ xảy ra trong trí tưởng tượng nóng bỏng của anh.

Vị quan An Nam nói giọng ngậm ngùi:

- Monsieur Sherman, xin anh bỏ qua cho tôi

về việc không tiếp anh sớm hơn nhưng tin tức bị thảm từ Huế về thân phụ của quan ba Devraux làm cá nhân chúng tôi vô cùng đau đớn - tôi chắc rằng anh cũng thế.

Joseph bỗng ngồi thẳng người:

- Tin gì vậy?

Trần văn Hiếu trông có vẻ giật mình:

- Monsieur Sherman, xin tha lỗi cho tôi, tôi nghĩ là anh đã biết...

- Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Đêm qua cộng sản sát hại thân phụ của quan ba Devraux.

Nói tới đây nét mặt người An Nam thoáng bừng lên vẻ bút rút:

- Một tội ác khủng khiếp và vô nghĩa! Nó làm cho tất cả những người An Nam có danh dự đều cảm thấy cực kỳ hổ thẹn.

Lan môi run run, nhìn xuống sàn nhà. Joseph thấy mặt nàng tái nhợt. Đúng lúc ấy chị người làm đi vào, đặt lên trên chiếc ki cạnh mỗi người một tách trà bốc khói, dậy hương thơm ngát. Joseph hỏi, giọng thì thào choáng váng:

- Ông ấy bị giết như thế nào?

- Ông ấy bị bắn nhiều phát ngay trên giường. Không có dấu vết chống cự nào. Chắc lũ sát nhân đột nhập vào phòng lúc ông đang ngủ.

Vị quan ngưng một chút rồi nói tiếp, giọng đều đều như tuyên bố một điều đã sắp sẵn, trong khi Joseph kinh hoàng nhìn ông không chớp mắt:

- Gia đình tôi và tôi buồn bã cách riêng vì chỉ mới hai ba hôm trước đây, quan ba Devraux bày tỏ với tôi những tình cảm anh ấy dành cho Lan, con gái tôi. Nhưng chẳng may thân phụ của anh ấy qua đời trước khi hay biết hai gia đình chúng tôi chẳng bao lâu nữa sẽ kết thành thông gia. Nói xong những lời ấy Trần Văn Hiếu nhìn Joseph bằng ánh mắt sắc bén rồi nâng tách sứ lên nhấp một ngụm trà đang bốc khói. Bên cạnh cha, Lan ngồi cúi đầu yên lặng, mắt vẫn nhìn thẳng xuống sàn nhà. Một bàn tay nàng đặt lên áo, năm ngón tay cùng quần rút đi rút lại một sợi chỉ lỏng trên tà áo. Nhưng ngược lại mặt Lan không lộ chút cảm xúc nào.

Joseph nói giọng trống rỗng:

- Cháu không biết phải bày tỏ như thế nào. Thật choáng váng kinh khủng khi nghe tin như thế vào lúc lý ra cháu nên đưa lời chúc mừng Paul và Lan.

Nói xong, Joseph cố hớp một ngụm nước trà nóng bỏng nhưng bàn tay bắt đầu run lấy bầy, anh phải đặt tách trà xuống. Trần Văn Hiếu đáp lại, giọng tự tin:

- Monsieur Sherman ạ, dĩ nhiên tôi sẽ cùng với toàn gia quyến ra Huế dự tang lễ. Chẳng may chuyện xảy ra như vậy khiến tôi không có thì giờ giúp anh trong việc nghiên cứu lịch sử. Ông mỉm cười điềm đạm nhìn con gái rồi nói ý nhị:

- Lan đã tự ý kể hết cho tôi về đề tài anh dự tính nêu ra với tôi hôm nay.

Joseph vội vàng liếc Lan nhưng lần này anh thấy mắt nàng đã chuyển từ nhìn đắm đắm xuống sàn nhà sang nhìn đắm đắm xuống vạt áo. Joseph đột nhiên cảm thấy người ớn lạnh và buồn nôn. Như bị siết chặt bởi một cơn bốc đồng điên tiết, anh chỉ muốn đá tung mấy chiếc kỉ trà nhỏ chạm trổ này và nổi cơn thịnh nộ với vị quan An Nam điềm đạm kia và cô con gái đang im lặng ngồi sát bên ông. Anh muốn đập vỡ sự tĩnh lặng của họ bằng những tiếng thét thật lớn bất chấp tất cả những luật lệ gò bó về phép tắc xã giao của người An Nam.

Mới đêm nào trên sông nước sông Hương, trước hôm nay chỉ vừa đúng hai tuần, anh và Lan cùng nhau cam kết và thành toàn tình yêu sâu thẳm của hai người. Cả hai vẫn yêu nhau thắm thiết và anh đang quyết tâm mang nàng sang Mỹ để thành hôn với anh! Nàng không chút nào yêu Paul Devraux. Và anh, Joseph Sherman, anh sẽ không để nàng làm đám cưới với một sĩ quan Pháp chỉ vì lòng hiếu thảo lầm lạc với cha nàng, một “kẻ hợp tác” với người Pháp!

Joseph muốn phá tan thành đồ đạc, đập nát tách trà và kéo Lan ra khỏi ngôi nhà này. Nhưng sự trầm tĩnh kiên định trên khuôn mặt Trần Văn Hiếu khi ông ngồi yên trên chiếc đôn sứ chỉ cách anh trong gang tấc và đang thỉnh thoảng

nhìn anh làm tê liệt ý muốn hành động của anh. Sau cùng Joseph hỏi lạc lõng:

- Thưa, đại úy Devraux vẫn còn ở Sài Gòn không ạ?

Vị quan An Nam đáp với giọng đều đều:

- Quan ba Devraux đã đi Huế sáng nay để lo liệu việc tang lễ cho thân phụ. Nếu anh có lời nào muốn nhắn với anh ấy, tôi xin được hân hạnh chuyển dùm.

Joseph khốn quẩn nhìn tới nhìn lui hết người cha sang người con nhưng Lan vẫn cố tình lảng tránh ánh mắt anh. Anh nói bằng giọng không âm sắc:

- Xin ông vui lòng nói với Paul rằng cháu buồn bã sâu xa biết mấy khi hay tin thân phụ của anh ấy qua đời. Cháu mới gặp Monsieur Devraux tại Hà Nội ngay trước hôm cháu vào nam. Và xin ông nói thêm với Paul rằng cháu sẽ viết thư cho anh ấy.

Giọng của Trần Văn Hiếu bỗng trở nên linh hoạt và có lớp lang, như tuần tự nói thành lời những ý tưởng sắp xếp đã lâu:

- Thế nào chúng tôi cũng sẽ chuyển những lời ấy. Tôi nghĩ chắc chắn con gái tôi đã kể với anh rằng Kim, anh của nó, đã chọn sự tự sỉ nhục mình bằng việc công khai gia nhập phong trào bôn-sê-vich của cộng sản quốc tế. Không cần phải nói, nó làm hết thảy chúng tôi cực kỳ đau lòng. Gia đình chúng tôi vốn có truyền

thống theo chủ nghĩa dân tộc và chống lại mọi hình thức bạo động. Hiện nay, tôi là người của nam triều, theo đường lối quân chủ lập hiến với phương châm Pháp-Việt để huê để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Lúc này, qua hành động ám sát Monsieur Devraux, từ phía bọn cộng sản đã khởi động mối đe dọa đến sự ổn định của đất nước chúng tôi. Đây chính là lúc tất cả những người An Nam yêu nước nên dành hết tâm trí để làm nổi bật tinh thần hoà hiếu và trách nhiệm của mình đối với nước Pháp đang bảo hộ. Và đó là lý do, ngoài những cân nhắc riêng tư, tôi đặc biệt cảm thấy hân hạnh rằng qua cuộc hôn nhân này, gia đình chúng tôi giờ đây được nối kết với một gia đình đáng trọng của nước Pháp.

Trong khi nói những lời biện giải có vẻ khập khểnh như thế, mắt của Trần Văn Hiếu an vị không chút nao núng trên khuôn mặt Joseph. Trong lối nói đầy cân nhắc thận trọng của ông có điều gì đó làm Joseph nghĩ rằng ông đã biết lý do thật sự của việc hôm nay anh đến viếng thăm ngôi nhà này. Vị quan tiếp tục, cũng với giọng hoạt bát không kém:

- Monsieur Sherman ạ, chẳng may vụ ám sát này tạo thêm cho tôi những công việc cần phải làm trong vai trò đại diện chính thức của triều đình Huế tại Nam kỳ. Do đó, tôi không thể bỏ ra nhiều thì giờ như mình từng mong muốn để

đàm đạo với anh. Tôi hy vọng anh cho tôi gởi lời vắn an vị thân phụ đáng kính cùng toàn gia đình của anh tại Hoa Kỳ.

Trần Văn Hiếu đứng lên, rõ ràng có ý nói không muốn gặp lại anh nữa, và sẵn sàng rời phòng. Trong một thoáng Joseph nghĩ rằng Lan sẽ ở lại một mình trò chuyện với anh. Nhưng người An Nam đã chạm tay vào cô con gái đang ngồi yên với một dấu hiệu không thể nào cắt nghĩa khác. Và Lan tuân lệnh đứng lên bên cha.

Joseph cũng đứng lên, vừa tuyệt vọng nhìn Lan vừa cảm thấy trong lòng mình đang dấy động điều gì đó gần như kinh hoàng vì sự bất lực, không thể nào bẻ gãy cái rào cản vô hình ngăn cách anh với Lan. Đột nhiên Joseph quyết định tại chỗ và nói:

- Cháu hy vọng mình sẽ lên đường trong chuyến tàu thủy đầu tiên vào ngày mai, vậy lúc này cháu cũng xin chào từ giã.

Trần Văn Hiếu cúi đầu xuống một chút tỏ ý đáp tạ rồi quay qua cô con gái đang ngẩng đầu lên chỉ vừa đủ để chào vĩnh biệt Joseph bằng một nụ cười đúng phép xã giao:

- Monsieur Sherman, tôi cùng với Lan xin chúc anh một chuyến về nhà bình an. Nếu anh có dịp viếng xứ sở này lần nữa, xin mời anh ghé lại thăm chúng tôi.

Ông đứng qua một bên. Và như thể có một mệnh lệnh không ai thấy, chị người làm dẫn

Joseph vào nhà lúc này nay lại xuất hiện để đưa anh ra cổng. Joseph đưa mắt nhìn Lan lần cuối, thấy trong đôi mắt nàng cũng vẫn chỉ một vẻ xa cách ấy. Anh khổ sở quay ngoắt người, đi theo chị giúp việc ra cửa.

Khi con tàu chạy bằng hơi nước mang Joseph ra khỏi Sài Gòn trườn mình xuôi theo dòng sông Lòng Tảo lộng gió vào rạng sáng hôm sau, anh đứng trên boong đắm đắm nhìn trở lại hai ngọn tháp xám nhạt của Nhà thờ Đức Bà cho tới lúc không còn có thể thấy chúng nữa. Sau cùng, khi hai đỉnh tháp nhọn và song đôi ấy chìm lìm dưới quang cảnh một đại dương bao la cỏ cây, Joseph đi về buồng, vật mình nằm dài ra giường.

Bên trong tâm trí của Joseph buông xuống một bức màn quạnh hiu và đen đúa. Toàn bộ sức sống dường như vừa thoát sạch khỏi người anh. Bên ngoài, Rừng Sác bùng sáng lung linh vươn mình ra tận bờ sông, xâm thực thêm nữa và đang ngẫu nhiên thức ăn hàng ngày của nó là cái chết dữ dội. Dần dần, ánh sáng tự chuyển sang màu xanh kỳ quái rồi tới lượt cái xứ sở vừa làm Joseph mê đắm vừa khiến anh kinh hãi ấy cũng bắt đầu trôi đi. Đối với Joseph, dường như anh đang được mang sâu hơn vào một đường hầm xanh biếc, đậm đà và rất hẹp, hẹp tới độ chính nó siết chặt quanh thân tàu khi con tàu cố sức ép mình làm một chuyến hải hành ra biển cả đang thênh thang rộng mở.

TẬP II - PHẦN IV CHIẾN TRANH VÀ NẠN ĐÓI 1941-1945

Mùa xuân năm 1940, Đức tràn quân qua Đan-mạch, Na-uy, Hà-lan, Bỉ và tới tháng Sáu, buộc được nước Pháp đầu hàng. Tại Á Đông, quân đội Thiên hoàng Nhật lúc ấy đang tung ra những cuộc tấn công nhằm mở rộng phạm vi kiểm soát tại Trung Hoa và phối hợp nhịp nhàng với những chiến thắng của Đức Quốc xã tại châu Âu. Việc chính quyền Vichy của Pháp hợp tác với Đức đưa tới hậu quả Toàn quyền Pháp tại Đông Dương - cách nước Pháp hai mươi ngàn cây số - gần như mất liên lạc với Paris, và noi gương chính quốc, phải tự mình xoay sở.

Tháng 8.1940, Pháp và Nhật Bản ký hiệp định Tokyo trong đó Pháp cho Nhật dùng các sân bay để tiến công miền Nam Trung Quốc, và đem nền kinh tế Đông Dương phục vụ cho

guồng máy chiến tranh của Nhật. Tuy thế, chỉ hơn hai mươi ngày sau, Nhật vẫn vượt biên giới vào Bắc kỳ, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn, bắt đầu cho sự có mặt của lính Nhật trên toàn cõi Đông Dương.

Sau đó, chiến tranh ngày càng kéo dài. Chính quyền Pháp tại Đông Dương hợp tác êm thấm với Nhật, cung cấp cho Nhật lúa gạo, than đá, cao su và các nguyên liệu khác. Sự kiện một nước Á Đông buộc được nước Đại Pháp phải gánh chịu nhục nhã đưa tới hậu quả hủy diệt hoàn toàn hình ảnh bất khả chiến bại của thực dân da trắng - một hình ảnh từng kéo dài suốt gần một thế kỷ - đồng thời tạo niềm khích lệ mới mẻ cho các nhóm chống Pháp ở Nam kỳ, Trung kỳ lẫn Bắc kỳ, và cách riêng, cho người cộng sản bản xứ.

Sau một thập niên phân tán, những người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc qui tụ lại để chống Pháp trong các đảng phái thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu vận dụng các phương pháp đấu tranh một cách triệt để và khoa học. Họ nương theo quân đội Nhật Bản để từ Trung Hoa nhập Việt. Thế nhưng, sau khi điều đình xong với Pháp và nắm quyền chủ động ở Đông Dương, người Nhật không thật tâm ủng hộ các phong trào đòi độc lập dân tộc. Phục Quốc Quân của Trần Trung Lập vừa theo Nhật đặt chân về nước liền bị Nhật để cho Pháp đánh tan ở Lạng Sơn; chủ

tướng bị bắt và bị xử bắn cùng với hàng trăm đồng chí.

Trước đó, lại thêm một cuộc “cộng sản dậy” tại Nam kỳ vào tháng 11.1940. Nhiều tổng xã trong một số tỉnh và huyện ở Nam kỳ đồng loạt nổi dậy. Đa số những người lãnh đạo cuộc nổi dậy ấy theo bôn-sê-vich, xuất thân Học Viện Thợ Thuyền Đông Phương KUTV của Stalin, đã chọn phương pháp đấu tranh chẳng khác gì Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930. Cán bộ cộng sản sát hại bằng cách mổ bụng đồn trấu thả trôi sông, chém giết nhiều viên chức chính quyền tổng xã, đại diện chủ thân Pháp, các hương chức có thành tích bắt bớ hoặc từng đánh đập những ai bị nghi ngờ hoặc thật sự có hoạt động quốc sự, và những trí thức nông thôn thường phê bình cộng sản qua thông tin của tôn giáo hay tài liệu họ có được... Ngoài ra, đảng viên cộng sản còn diễn thuyết, xách động nông dân đốt phá trụ sở làng, đốt phá hồ sơ, sổ sách... Sự dùng dằng và lúng túng giữa Trung ương Đảng ở miền bắc và Xứ bộ Nam kỳ khiến hàng chục đảng viên lãnh đạo cấp cao bị Pháp bắt và xử tử, trong đó có cả Nguyễn Văn Cừ, tổng bí thư đảng, và hàng ngàn đảng viên trung ương lẫn địa phương bị đưa đi đày ở đảo Côn Lôn, khiến cơ sở đảng tại xứ Nam kỳ thuộc địa gần như tê liệt.

Ngoài ra, còn có cuộc nổi dậy lẻ tẻ tại Bắc kỳ ở Bắc Sơn và binh biến Đô Lương ở Nghệ An,

nhưng đều bị dập tắt nhanh chóng vì thiếu sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Trên khắp An Nam, tình thế rối ren hơn bao giờ hết. Dân chúng cực kỳ khốn khổ vì phải nạp thóc vừa cho quân đội Nhật sử dụng trong khi đánh Đồng Minh, vừa cho chính phủ Đông Pháp dự trữ để chờ sự đổ bộ của quân đội Đồng Minh. Một phần lớn ruộng đất bị trưng dụng để trồng thầu dầu, đay, gai, hầu cung ứng cho kỹ nghệ chiến tranh của Nhật. Quan lại nam triều thừa dịp ấy bóc lột nhiều thêm khiến dân chúng từ thôn quê tới thành thị đều bị đói kém, cơ hồ hết sức chịu đựng.

Những người An Nam làm cách mạng chịu hai tầng trấn áp. Một mặt, trong khi nhân nhượng quân Nhật và để phòng người bản xứ nổi loạn, người Pháp lùng bắt và đưa đi an trí hàng chục ngàn người bị họ xét thấy là nguy hiểm cho nền cai trị đang lúc yếu thế của họ. Một mặt, người Nhật và các quan lại nam triều, trên thực tế hầu hết chỉ là tay sai của Pháp và khiếp sợ Nhật, muốn dẹp yên những phần tử kích động quần chúng chống lại chính sách vơ vét tài nguyên bản địa của Nhật và Pháp. Các đảng phái có gốc từ hậu duệ Quốc Dân Đảng như Đại Việt Dân Chính hoặc Đại Việt Dân Xã, Việt Nam Ái Quốc Đảng, đều được thành lập nhân chiêu bài “châu Á của người châu Á” và “Đại Đông Á” của quân phiệt Nhật với đa số đảng viên là trí thức, công

chức và sinh viên chưa già dặn thủ đoạn chính trị. Họ cũng bị Nhật để mặc cho Pháp tha hồ lùng bắt khắp nước nên hầu hết các lãnh tụ phải lưu vong sang “thánh địa” Quảng Châu và Côn Minh.

Tháng Sáu năm 1941, Hitler xé bỏ Hiệp Ước Bất Tương Xâm từng ký kết hai năm trước đó với Liên bang Xô viết và xâm lăng Liên Xô. Hành động ấy biện minh cho việc quay ngoắt quan trọng về chiến tuyến của người cộng sản An Nam, vì chỉ qua một đêm và đi theo lập trường mới của Mát-cơ-va, họ biến thành đồng minh của các đạo quân Âu Mỹ đánh lại lực lượng khối Trục.

Lúc này địa bàn hoạt động chủ yếu của đảng Cộng Sản Đông Dương chuyển từ Nam kỳ ra Bắc kỳ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc tại Pắc Bó, một sào huyệt ở Cao Bằng, nằm kề biên giới Trung Hoa. Ông về Pắc Bó lần thứ nhất vào tháng 2.1941 với tính cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản. Ông chủ trì đại hội bầu Trường Chinh làm tân tổng bí thư, đồng thời đích thân phục hoạt Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh), một tổ chức của những người theo dân tộc chủ nghĩa, do hai chiến hữu cũ của Phan Bội Châu là Nguyễn Hải Thần và Hồ Học Lãm thành lập ở Nam Kinh năm 1936, và từng được Quốc Dân Đảng Trung Hoa thừa nhận. Tổ chức Việt Minh ấy hầu như

đã bị rơi vào quên lãng từ lâu, nhưng nay dưới sự phục hoạt của Nguyễn Ái Quốc, nó là tổ chức duy nhất trong nước có quan hệ với các tướng lĩnh Trung Hoa. Tháng 8.1942, Nguyễn Ái Quốc sang Tàu cốt để gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông nhưng ông bị phe Tưởng Giới Thạch bắt giam cho tới tháng 9.1943. Ở trong tù, ông thuyết phục được tướng Trương Phát Khuê là ông có khả năng huy động Việt Minh hợp tác tích cực với Trung Hoa.

Một năm sau khi ra khỏi nhà tù và sinh hoạt với các thành phần dân tộc chủ nghĩa tại Liễu Châu, Nguyễn Ái Quốc lại về Pắc Bó lần thứ hai vào tháng 10.1944, với danh xưng mới là Hồ Chí Minh, một cái tên xa lạ với quần chúng quốc nội. Mục đích chính của họ Hồ là dương cao khẩu hiệu “Đánh Nhật và đuổi Pháp”, sử dụng Mặt trận Việt Minh để che giấu nguồn gốc cộng sản của những thành viên và cơ sở chủ chốt, đồng thời ngụy trang với diện mạo của người theo chủ nghĩa dân tộc để dễ dàng tiếp cận quần chúng trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng đồng minh phương tây. Trong khi đó, thành phần chủ lực của các đảng phái theo dân tộc chủ nghĩa đang lưu vong ở Trung Hoa không có liên hệ chặt chẽ với quốc nội và lúng túng trong thái độ đối với Đồng Minh vì e rằng ủng hộ tích cực Đồng Minh tức là gián tiếp mở đường cho Pháp trở lại đô hộ như cũ. Một vài

tổ chức chính trị mới được thành lập ở trong nước, nương theo sự hiện diện của quân Nhật, chỉ phát triển hạn hẹp trong giới nhân sĩ, trí thức, sinh viên. Các nhân sĩ và giáo phái cũng như tổ chức thanh niên tiên phong ở Nam kỳ có quan hệ mật thiết với Nhật, nhất là sau ngày Nhật đảo chánh Pháp.

Trước đó, suốt những tháng cuối năm 1941, Nhật dùng Đông Dương làm bàn đạp để tập trung sức mạnh trên đất liền và biển cả; rồi trong tuần lễ đầu tiên của tháng Mười Hai, họ tiến quân ồ ạt và dữ dội vào Mã Lai, Hồng Kông, Guam, quần đảo Phi Luật Tân, Indonesia thuộc Hà Lan và các đảo vùng Nam Thái Bình Dương.

Vào đêm mồng 6 tháng Mười Hai, oanh tạc cơ Nhật ồ ạt bay tới Hawaii, tập kích căn cứ hải quân Hoa Kỳ tại Pearl Harbour (Trần Châu cảng), cùng lúc ấy, các đơn vị bộ binh Nhật bao vây tất cả những binh đoàn đã qui thuận sẵn của Pháp tại Đông Dương để đề phòng bạo loạn; và các binh sĩ Pháp không để kháng chút nào.

Ngày chiều hôm sau, Thứ Hai 8.12.1941, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt yêu cầu họp khoáng đại Thượng nghị viện Hoa Kỳ tại thủ đô Washington để tuyên chiến với Nhật Bản - một hành động đưa tới việc nhiều người Mỹ can dự vào các sự vụ tại Á Đông trong những năm tiếp đó.

- 1 -

Khi tám mươi hai thượng nghị sĩ - thể theo lời yêu cầu của Franklin D. Roosevelt họp để tuyên chiến với Nhật Bản - từng người một từ tiền sảnh Toà nhà Quốc Hội bước vào nghị trường ở cánh bắc Điện Capitol với vẻ mặt quyết liệt, kim chiếc đồng hồ mặt vàng trên tường đằng sau ghế của Phó Tổng Thống Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ kiêm Chủ tịch Thượng nghị viện chỉ đúng mười hai giờ bốn mươi bảy phút trưa Thứ Hai ngày 8 tháng Mười hai năm 1941.

Trên bao lon bao quanh ba mé nghị trường, các hàng ghế dành cho công chúng Mỹ chật ních những người mất tinh thần. Họ vừa lũ lượt kéo nhau vào Điện Capitol để chứng kiến thời điểm long trọng công bố việc tổ quốc mình can dự vào cuộc khủng hoảng đang lan rộng khắp thế giới. Trong hàng ghế dành cho gia đình nghị sĩ, Joseph Sherman ngồi giữa Temperance, vợ anh, và Guy, cậu em mười sáu tuổi của anh, yên lặng quan sát cha đang chống cây gậy làm bằng cành cọ, đầu bịt bạc, khắp khểnh đi tới chỗ ngồi của ông, sát bên chiếc bục cao dành cho phó Tổng Thống.

Tuổi lục tuần với đầu tóc xù cùng bộ ria rậm bạc trắng như tuyết, nhưng đó không là vẻ độc nhất làm vị thượng nghị sĩ lâu năm của đảng Dân Chủ ấy nổi bật giữa các chính khách đồng viện. Một bên bộ mặt hồng hào của Nathaniel

Sherman nhăn nhó vì những lần sẹo mờ nhạt. Cổ tay áo trái nhét vào túi áo vét theo cách cố ý phô ra cho người ta thấy. Bả vai phía trên cánh tay vốn bị cắt cụt ở Sài Gòn mười sáu năm trước, lẹm vào rất sâu. Phải khó nhọc lắm ông mới buông được thân mình xuống lòng ghế đằng sau chiếc kệ nhỏ bằng gỗ màu nâu đỏ dành cho mỗi thượng nghị sĩ.

Tuy bị thương tật đến thể thượng nghị sĩ Nathaniel vẫn thích mặc y phục hào nhoáng. Vào dịp nghiêm trọng này ông chọn cho mình chiếc cà-vạt lụa màu sẫm, áo sơ mi cổ cồn trắng cùng áo vét mặc buổi sáng, kiểu thời Hoàng đế Edward nước Anh bốn mươi năm trước.

Trong khi nghe xướng danh, Nathaniel tỉ lệch một bên người lên mép kệ, ghi chú nguệch ngoạc và không ngược mắt nhìn cho tới khi thư ký Quốc Hội đọc xong lần thứ hai bản dự thảo nghị quyết của Quốc Hội có nội dung chính thức tuyên bố xác nhận Hiệp Chủng Quốc Hoa Kỳ đang lâm vào tình trạng chiến tranh với chính quyền Thiên Hoàng Nhật Bản.

Tiếp đó, Phó Tổng Thống kiêm Chủ tọa hỏi:

- Quý đồng viện nào có ý kiến phản bác bản dự thảo nghị quyết khoáng đại vừa đọc xin vui lòng phát biểu?

Không một tiếng đáp lại. Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại của Thượng nghị viện đứng lên và lập tức cất tiếng:

- Thưa Chủ tọa, tôi xin yêu cầu không một chút trì hoãn rằng những phiếu thuận và phiếu chống...

Phát biểu chưa hết câu ông bỗng chừng lại khi bất chợt thấy Nathaniel Sherman vừa lóng cồng đứng dậy vừa nói thật chậm rãi:

- Nếu vị thượng nghị sĩ Texas đáng kính có lòng quảng đại nhường lời cho tôi... tôi xin trình bày ngắn gọn ý kiến của mình về bản nghị quyết khoáng đại...

Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại lập tức đáp lại, không màng giấu vè bực bội:

- Thưa Chủ tọa, vào thời điểm lịch sử này, cả hai phía đối lập của nghị trường đều đã cùng thông hiểu nhau tới độ không phía nào bảo lưu những ý kiến không cần thiết. Tôi hy vọng sẽ không có ý kiến nào...

Hướng nụ cười đầy tôn kính về phía Chủ tọa, Nathaniel Sherman tiếp tục đứng:

- Thưa Chủ tọa, nhưng nếu vị Chủ tịch Ủy ban chịu nhường lời trong chốc lát thôi, tôi đoan chắc rằng mình sẽ không đối lập sâu sắc với những gì vị ấy đang có trong tâm trí.

Trên hàng ghế tham quan Guy toét miệng cười với anh và háo hức chồm người tới trước. Kế vai bên kia của Joseph, Temperance cũng nhìn xuống nhạc phụ với vẻ ngưỡng mộ. Năm năm trước, nàng mê mẩn phong thái miền nam đầy quyến rũ của Nathaniel ngay hôm đầu tiên

Joseph mời nàng tới thăm gia đình anh ở ngôi nhà đồn điền Queen Anne bên bờ sông James. Và vì thái độ hoà nhã ông đã tỏ ra với nàng từ lúc đó, nàng càng ngày càng quý mến ông.

Tuy thế, đối với Joseph, giọng nói miền nam phong phú âm điệu của cha vang lên giữa nghị trường Thượng viện lại khiến lòng anh phát sinh một phản ứng khác. Hiếm khi anh tham dự những sinh hoạt chính trị của gia đình vì anh khó gạt khỏi tâm trí mình cái ấn tượng rằng động lực chính của cha không hẳn là duy trì sâu xa những xác tín chính trị mà chỉ là khát vọng làm dáng cùng với lòng khao khát được nổi bật trước công chúng.

Một đôi lần Joseph tự hỏi phải chăng mình có thái độ quá cay nghiệt đối với cha, thế nhưng ấn tượng ngò vục ấy vẫn dai dẳng mãi trong lòng anh. Và lúc này, quan sát kỹ tất cả những dãy ghế xếp thành hai phía rạch ròi trong nghị trường bên dưới, phân theo con số nghị sĩ của hai đảng đối lập, anh tưởng chừng có thể thấy rõ hết thấy các thượng nghị sĩ của cả hai phía đều cau mặt như nhau. Tuy thế, cha anh vẫn bướng bỉnh đứng yên bên chiếc kệ của ông. Và Joseph tin chắc ông hiểu rất rõ rằng chính những thương tật của tai nạn năm xưa giờ đây làm cho bộ mặt ông mang đầy vẻ gay gắt và khích động.

Thượng nghị sĩ Chủ tịch Ủy ban nói lạnh nhạt:

- Dĩ nhiên vị thượng nghị sĩ Virginia có quyền phát biểu nếu ông ấy cứ nhất quyết yêu cầu được lên tiếng. Nếu ông ấy từ chối việc không bảo lưu ý kiến như mọi đồng viện khác, tôi chẳng còn chọn lựa nào khác hơn nhường lời.

Nathaniel Sherman đáp trả bằng một nụ cười nong ảm rồi cúi đầu thật sâu về phía phó Tổng Thống, tỏ ý biết ơn:

- Thưa Chủ tọa, tôi biết ơn về việc đã cho tôi được đưa ra những ý kiến sau đây. Lúc này, đột nhiên tôi nhận ra rằng Thượng nghị viện Hoa Kỳ là một bộ phận vĩ đại nhất, qui tụ những người không dễ tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên địa cầu – và cũng là một bộ phận tập hợp những con người trung thực nhất, hơn bất cứ nơi nào trên thế giới. Đó là lý do hôm nay, trong khi lập quyết định có tính lịch sử này, chúng ta phải hết sức minh bạch tỏ rõ những cảm xúc chân chính của mình.

Nathaniel dừng lại, ngửa người ra sau một chút để gây tác động rồi đưa mắt nhìn chăm chặp khắp hội trường:

- Thưa Chủ tọa, từ bầu trời xanh thanh bình ngày Chúa Nhật và không một lời cảnh báo, Nhật Bản đã phóng ra một cuộc tấn công bỉ ổi nhất và hèn nhất nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại. Nhật Bản đã xâm phạm chủ quyền của chúng ta, tàn sát công dân của chúng ta, và hành động đê hèn ấy phơi bày một tham

vọng điên cuồng sắc mùi ô nhục. Đối với Nhật Bản, thưa Chủ tọa, chúng ta nên trả lời một câu như thế này: “Các người đã tuốt gươm ra, các người sẽ chết bởi chính lưỡi gươm ấy!” Và đối với Tổng Thống của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, câu trả lời của chúng ta nên như thế này: “Để bảo vệ những gì chúng ta đã và đang gìn giữ một cách thiêng liêng, chúng ta trịnh trọng đứng lên chào màu cờ tổ quốc và sẵn sàng tiến bước!”

Dừng lại thêm lần nữa, Nathaniel đặt bàn tay độc nhất lên mặt kệ và bạnh hàm một cách hùng hổ:

- Chúng ta sắp bỏ lá phiếu quan trọng nhất, lá phiếu mà từ trước tới nay chúng ta chưa bao giờ được yêu cầu sử dụng tới. Chúng ta sắp làm điều mà không một ngành nào khác của chính quyền có thể làm, đó là tuyên chiến. Hiến pháp trao cho Quốc Hội quyền hành lớn lao ấy và hôm nay, chúng ta phải tỏ rõ cảm xúc của mình một cách cực kỳ minh bạch. Trong mấy tuần lễ vừa qua, tại nghị trường này đã nhiều lần vang lên tiếng nói bất đồng ý kiến đầy tai hại. Những tiếng nói “Hoa Kỳ phải lo cho mình trước đã” từng được cất lên rất thường xuyên bởi những kẻ chủ trương cô lập. Và tôi tin rằng chính ý kiến đó chịu trách nhiệm trực tiếp việc khuyến khích kẻ thù thực hiện những hành động đáng khinh bỉ của chúng. Chúng đang trông mong nội bộ của chúng ta suy yếu - chính vì thế,

hôm nay chúng ta phải tỏ ra cho chúng thấy rõ rằng, trên tất cả mọi sự, chúng ta cương quyết siết chặt hàng ngũ của quốc gia chúng ta và chúng ta phải biểu lộ sức mạnh ý chí và quyết tâm của chúng ta. Đó là hai hòn đá nền tảng và song sinh, trên hai tảng đá ấy lập nên sự thắng lợi của chúng ta. Trong giờ phút đen tối này, chúng ta loan báo cho toàn cả địa cầu biết rằng một trăm ba mươi triệu người Mỹ hiện đang đoàn kết và kiên quyết chiến đấu. Thế giới phải biết rằng Hoa Kỳ ghét chiến tranh nhưng Hoa Kỳ sẵn sàng và luôn luôn chiến đấu một khi tổ quốc của mình bị xâm phạm...

Giọng thượng nghị sĩ ăm ắp xúc động khi ông hâm nóng đề tài của mình. Trong lô khán giả, Temperance rõ ràng đang bối rối, nhích sát hơn vào người Joseph và đưa tay bóp bóp tay chồng.

Thân thể Temperance vốn thon thả và trông rất thể thao lúc cả hai mới gặp nhau, giờ đây đầy đặn và chín muồi do hậu quả lần mang thai thứ hai. Mái tóc nâu màu hạt dẻ với những gợn sóng óng mượt vẫn mịn màng ôm đôi má trong thời kỳ rực rỡ nhất của chức năng làm mẹ. Khi Joseph quay qua nhìn vợ, anh thấy dù đang để hết tâm trí vào vấn đề, nàng vẫn chan chứa vẻ thanh thần định tĩnh của một người nữ vừa qua kỳ sinh nở và trên bộ mặt không một vết nhăn của nàng tràn trề mãn nguyện. Anh cảm thấy

lòng nao nao thương cảm, và đáp ứng lại, anh dịu dàng triu mến siết chặt tay vợ.

Joseph và Temperance gặp nhau tại Baltimore trong một cuộc triển lãm nghệ thuật phương đông, chỉ một hai tuần sau ngày Joseph từ Sài Gòn trở về. Anh tìm thấy nơi nàng một bản sắc Mỹ nồng nhiệt và đơn giản, làm lòng anh dịu lại sau cơn xúc động và rối loạn anh vừa chịu ở Á Đông. Temperance là con gái của một luật sư mộ đạo. Ông đặt tên cho hai người chị của nàng là Faith: Đức tin, và Charity: Bác ái, còn tên nàng Temperance: Trung dung.

Mới ghé thăm hạt Charles lần đầu, Temperance đã mê thích tòa nhà của dòng họ Sherman nơi đồn điền Queen Anne. Nàng thờ hắt trước vẻ vĩ đại của tiền sảnh và chiếc cầu thang chạm trổ, bóng loáng, làm bằng gỗ óc chó. Nàng tuyên bố có thể nhận ra hai tai và mũi của Joseph trong những bức chân dung đóng khung mạ vàng vẽ chín thế hệ dòng họ Sherman treo trên các bức vách dán pa-nô. Và Temperance còn dẫn dụ được thân phụ của Joseph cho phép nàng ngủ đêm đầu tiên ấy trong chiếc giường lớn thường kêu kè kệt, bốn góc cắm bốn cọc cao dùng để mắc rèm. Đó là chiếc giường đặc biệt, được gia đình Joseph trịnh trọng xác nhận rằng chính Robert E. Lee, vị đại tướng lừng danh thời nội chiến Nam Bắc một trăm năm trước, khi còn trẻ từng ngủ ở đó trong không biết bao nhiêu lần ông ghé thăm.

Dù Joseph chưa bao giờ thừa nhận nhưng anh biết rằng quyết định cầu hôn của mình bị tác động sâu xa bởi chính mối thiện cảm mộc mạc và say đắm Temperance dành cho thuở vàng son của Virginia, một thời đại từng phai nhạt rất nhanh trong tâm trí Joseph khi lòng anh ngày càng mê mẩn phương đông cổ đại.

Vào tháng Sáu năm 1936, trong thời kỳ rảnh rỗi sau khi hoàn tất bản thảo cuốn sách về các nước triều cống Trung Hoa, Joseph cực chẳng đã phải chấp nhận phụ trách quản lý nhà cửa và đất đai của đồn điền theo lời cha yêu cầu: “chỉ một vài năm thôi”, để thượng nghị sĩ có thể dần thân trọn vẹn hơn cho những nghĩa vụ chính trị tại Washington.

Tempe, tên thân mật gia đình dùng để gọi Temperance, vừa học luật xong và rùng mình trước viễn ảnh trở thành đệ nhất phu nhân của một trong các toà nhà trang nhã nhất và nổi tiếng nhất Virginia. Cả hai kết hôn mùa thu năm đó với một đám cưới trọng thể diễn ra trên các bãi cỏ nhìn xuống dòng sông James xinh đẹp.

Vì thiện cảm đặc biệt với Tempe, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman biến hôn lễ ấy thành một biến cố xã hội lớn nhất trong năm. Ông thuê hai ban nhạc và mời nhiều nhân vật chính trị hàng đầu từ Washington đến dự. Và ngay lúc đó Joseph bút rứt nhận ra rằng chính những khổ

đau thấm thía anh đã chịu khi từ Đông Dương trở về đã ảnh hưởng lên việc anh hấp tấp lập gia đình. Tuy thế, không bao giờ anh kể cho Tempe nghe chuyện tình quá khứ, và theo năm tháng trôi qua, tâm tư Joseph phôi pha dần những ký ức buồn nhói ấy.

Một năm sau, Gary, đứa con trai đầu lòng chào đời. Nó là nam nhi Sherman thứ ba mươi lăm của dòng họ nội, kế tục nhau bắt đầu cuộc đời nơi toà nhà đồn điền cổ kính này. Trong khi nghị lực của Joseph bị cuốn hút hết ngày này sang ngày nọ vào việc nắm vững những vấn đề anh chưa quen thuộc như quản trị bất động sản và mùa màng của đồn điền, Tempe cho phép mình thưởng thức mùi vị của công tác tổ chức “đạo quân” nhỏ bé gồm những người giúp việc da đen vẫn giữ lối sống theo phẩm trật gia đình và xã hội của người Virginia thuộc giai cấp của họ.

Giữa cuộc sống gia đình xuôi theo năm tháng hình thành những lễ thói không thay đổi, Joseph thỉnh thoảng vẫn cảm thấy lòng nao nao một nỗi ngậm ngùi nào đó nhưng nói chung, năm năm hôn nhân đánh dấu một tình trạng mãn nguyện và bình lặng. Cả anh lẫn Tempe đều sung sướng khi Mark, đứa con trai thứ hai, chào đời vào đầu mùa thu năm 1941 này.

Những tường thuật đầu tiên về lực lượng quân sự trấn áp của Nhật Bản đóng chung

quanh Sài Gòn tới Hoa Kỳ vào đầu tháng Mười. Một khiến Joseph chợt nhận ra rằng từ một hai năm nay, anh hoàn toàn không nghĩ tới người thiếu nữ An Nam xinh đẹp cùng với cuộc tình đã tàn lụi.

Rồi hình ảnh một nước Nhật điên cuồng đang diễu hành những binh đoàn hiện đại của nó khắp xứ sở cổ đại ấy, nơi Joseph từng mê mẩn vì quá khứ của nó, làm anh tự hỏi không biết Lan và gia đình nàng đang trong tình trạng như thế nào. Rốt cuộc nàng có thành hôn với Paul Devraux không? Và nếu cả hai còn ở đó, tình trạng của Paul lúc này ra sao? Anh ấy có còn là quân nhân dưới sự giám hộ chặt chẽ của người Nhật không?

Những ý nghĩ như thế vọt vờ lui tới trong tâm trí Joseph suốt mùa thu nhưng thời gian trôi qua đã hầu như làm phai nhạt mối quan tâm của anh. Anh tự nhủ rằng những gì mình đang cảm thấy thật ra chỉ có tính cách hiếu kỳ về những con người và những biến cố không bao giờ còn tác động lên thực tế cuộc sống của mình nữa.

Tuy nhiên, cũng y như mọi người, Joseph choáng váng trước các biến cố trọng đại xảy ra hôm Chúa Nhật đầu tháng Mười Hai. Tin tức về những con tàu rực cháy, vỡ nát và những người lính thương vong được đài phát thanh loan báo lúc anh và cả nhà vừa thoải mái dùng

xong bữa ăn trưa trong phòng ăn vách dán pa-nô. Chúng làm anh và hết thấy những người Mỹ khác bỗng chốc nhận ra rằng Thái Bình Dương bao la, hoang vu và trống trải kia không còn có thể che chắn cho họ tránh được những hỗn loạn của cuộc chiến tranh đang lan tràn khắp Á Đông. Suốt Chúa nhật đó, Joseph và Tempe thì thăm thảo luận về những gì cả hai vừa ghi nhận, để tiếng nói của họ không lọt tới tai cậu con trai nhỏ Gary. Nhưng không phải đợi tới lúc ngồi lắng nghe cha phát biểu hùng hồn trên diễn đàn của Thượng nghị viện về việc trả đũa Joseph mới nhận biết trọn vẹn phản ứng của anh từ đầu chí cuối thật ra là gì: đó là cảm giác hào hứng đang bị dồn nén!

Trận oanh kích Trân Châu Cảng cũng sẽ buộc Hoa Kỳ dẫn sâu vào trận chiến ở Á Đông. Và xét theo bản năng của mình, Joseph biết rằng trước sau gì anh cũng sẽ tham dự. Thế nào cuộc chiến này cũng sẽ mang anh trở lại vùng đất nơi thiên nhiên và lịch sử của nó đã mê hoặc anh trong một thời gian rất lâu.

Lòng Joseph lâng lâng khoan khoái trước viễn ảnh đó. Đây là lần đầu tiên anh hiểu tận tường rằng cuộc sống thôn dã đang làm mình cảm thấy tù túng biết bao. Ngượng ngùng về sự bất chợt nhận ra những cảm xúc thật sự ấy, Joseph liếc Tempe thật lẹ. Anh sợ mình đang để lộ ra mặt phần nào ý nghĩ đắc tội đó nhưng

rồi anh cảm thấy nhẹ nhõm vì vợ vẫn không chú ý tới anh. Tempe đang dồn hết tâm trí vào cha chồng lúc này vẫn phát biểu ở nghị trường bên dưới.

- ... Suốt một thời gian rất dài, Nhật Bản nghênh ngang tung hoành gây chiến khắp cõi Á Đông nhưng lúc này, thưa Chủ tọa, hãy cho Nhật Bản thấy rõ rệt rằng nó đang lâm phải một cuộc chiến tranh chân chính trong tầm tay! Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẵn sàng cùng cố lực lượng hải quân để khống chế hữu hiệu cả Đại Tây Dương lẫn Thái Bình Dương và cùng cố lực lượng không quân để tiến hành thắng lợi mọi trận không chiến trên khắp các bầu trời châu Âu và châu Á. Bằng hành động tấn công Trân Châu Cảng, có thể Nhật Bản hy vọng kềm chân chúng ta để chúng ta chỉ phòng ngự nội trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhưng, thưa Chủ tọa, hôm nay, từ nghị trường này, chúng ta có thể đồng thanh nói rõ và nói thẳng với Nhật Bản rằng: “Chúng tôi sẽ không quanh quẩn bên trong ngôi nhà của mình - và chúng tôi sẽ không cố thủ!”

Nathaniel Sherman thêm lần nữa dừng lại khá lâu để đẩy lên thật cao tác động của lời ông nói. Trong sự đột ngột im ắng tiếp đó, rõ ràng toàn thể Quốc Hội và công chúng trên các hàng ghế tham quan đều bị mê hoặc bởi khả năng hùng biện điêu luyện của ông. Rồi sau

cùng, ông tiếp tục phát biểu với giọng trầm tĩnh hơn trước:

- Thưa Chủ tọa, không còn nghi ngờ gì nữa và đã hoàn toàn rõ ràng rằng cuộc chiến tranh này giờ đây là cuộc chiến tranh của chúng ta – và rằng chúng ta không những chỉ chiến đấu tại châu Á, chúng ta cũng sẽ phải chiến đấu tại châu Âu – và trên khắp cả hai đấu trường đó, chúng ta sẽ chiến thắng. Hôm nay, chúng ta tuyên bố rằng: “Nhân dân Hoa Kỳ sẽ chủ động và khi dứt điểm xong bọn xâm lược, thế giới sẽ có một trật tự mới. Và trật tự đó đặc biệt dành cho các quốc gia cướp bóc, nghĩa là: Các người hãy tôn trọng công pháp quốc tế! Hãy duy trì hoà bình thế giới! Hãy giải tán các tập đoàn cướp bóc! Hãy quay về biên giới của chính xứ sở các người – và hãy ở lại bên trong ranh giới đó.”

Vừa dứt câu nói, Nathaniel ngồi xuống ngay, đưa mắt ứng chiến ngược lên nhìn lá cờ Hoa Kỳ cắm đằng sau Phó Tổng Thống. Tuy việc vỗ tay bị cấm nơi nghị trường nhưng từ khu vực tham quan của công chúng vẫn có tiếng vỗ tay lác đác. Thậm chí vị thượng nghị sĩ Texas, kẻ vừa miễn cưỡng nhường diễn đàn cho Nathaniel, cũng nhìn về phía ông gật đầu tán thưởng. Bốn phía nghị trường râm ran tiếng thì thầm ủng hộ cho tới khi Phó Tổng Thống ra lệnh đọc lại bản dự thảo nghị quyết thêm một lần nữa rồi trịnh trọng đặt câu hỏi:

- Quý đồng viện có thuận thông qua nghị quyết này không?

Không có thêm ý kiến nào. Khi thượng nghị sĩ Sherman vừa bỏ phiếu “thuận” xong, chính ông cũng là người đầu tiên đứng bật lên, rời khỏi chỗ ngồi.

Trong lúc Nathaniel khập khiễng bước giữa hai dãy ghế để đi ra cửa, toàn thể hội trường im phăng phắc, như thể hình dáng xiêu lệch của ông đang tác động và thôi miên hết thảy những người có mặt.

Ông đi qua rồi nhưng hai lá cửa tự động vẫn bật vào bật ra trong vài ba giây trên bàn lễ của chúng. Tiếng gõ lọc cọc của cây gậy Nathaniel chống dội lại rõ mồn một trong nghị trường tĩnh lặng, hoà nhịp với tiếng bước chân ông chậm chậm xa dần dọc theo hành lang lát gạch bên ngoài.

- 2 -

Gió chiều lạnh buốt quét dọc sân thêm Mặt Đông Điện Capitol, thốc từng cơn như cổ chích cho thùng, xuyên cho qua mấy lớp quần áo chống rét dày cộm của Tempe, Joseph và Guy khi cả ba đứng chờ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Lơ lửng và nổi bật giữa bầu trời xám nhạt là nóc điện lộng lẫy xây bằng đá màu kem trắng với ánh đèn sáng rực và huy hoàng từ bên trong vòm chiếu ra.

Chiều mùa đông còn hiu hắt sáng đôi ba giờ nữa nhưng dọc bao lon đối diện Khu Thương mãi, dãy đèn lồng trên các cột thép màu đen đã lung linh tỏa ánh sáng vào cuộc đời. Guy vừa nhảy cẫng tung cho ấm người vừa háo hức nói:

- Chắc chắn bố biết cách nói một bài diễn văn sao cho thật tuyệt diệu, đúng không?

Joseph trả lời chua chát:

- Không những bố biết cách làm như thế nào - ông ấy còn biết rằng làm ở đâu và làm lúc nào để có thể gây ảnh hưởng tối đa cho bản thân. Ông luôn luôn cân nhắc cái đó trên tất cả những cái khác. Guy nhìn thật kỹ nét mặt anh, và cậu bần khoản cau bộ mặt mười sáu tuổi của mình lại. Cậu hỏi với giọng bứt rứt:

- Anh Joseph này, tại sao anh hình như lúc nào cũng tìm cách làm giảm giá trị của bố? Joseph vẫn đắm chiều nhìn dọc theo Khu Thương mãi cho tới phía đài tưởng niệm Tổng Thống. Gió chích vào mặt làm anh nheo mắt.

- Guy ạ, chỉ nên nói rằng anh không có cái như em có, một nhiệt tình lãng mạn không tưởng nói chung về chính trị và người làm chính trị.

Cậu bé vẫn kinh ngạc nhìn chằm chặp anh một lúc, rồi nghe tiếng gậy gõ碌碌 cộc trên thảm đá, cậu nhún vai, quay ra sau. Có tiếng nói của Nathaniel Sherman cùng một nhịp với bàn tay ông âu yếm vỗ vỗ lưng Guy. Ông nháy tí mắt với cậu:

- Nay cậu út, cậu có thích bài diễn văn chiến đấu ấy của con chiến mã già đang thở phì phò này không? Con nghĩ là mình đã làm khá rõ quan điểm của dòng họ Sherman chưa?

- Thật tuyệt vời bố ạ.

Cậu bé mười sáu tuổi trả lời rồi đi sánh bước bên Nathaniel khi bốn cha con bắt đầu bước xuống vùng đất cỏ mọc xanh rì và mênh mông quanh Khu Thương mại.

Liếc Joseph với ánh mắt thận trọng hơn, thượng nghị sĩ nhận ra sự im lặng của anh có ngụ ý phê bình. Ông nói trầm lặng:

- Joseph ạ, bố thật thích thú khi thấy con lại có mặt trên khu vực dành cho người dự khán. Mấy năm rồi con mới trở lại chỗ đó, phải không?

Joseph nghiêm nghị gật đầu nhưng không nhìn cha. Nathaniel nói tiếp:

- Bố nghĩ rằng hôm nay là cơ hội khá đặc biệt để đập tan lễ xưa thói cũ cho dù nó có thể là cái gì đi nữa.

Tempe nhích sát người vào thượng nghị sĩ hơn, hôn lên má ông và vội vàng góp ý:

- Hết thầy chúng con đều rất ngưỡng mộ lời phát biểu của bố. Thật lạ lòng hết sức - như thể bố nói trúng ý chóc những gì đang ở trên chót lưỡi của mọi người.

Nathaniel dừng chân. Ông triu mến vỗ vỗ bàn tay con dâu:

- Cảm ơn con gái của bố. Con bao giờ cũng cố

làm cho trái tim già nua đang đập dồn dập này có cảm tưởng mình trẻ lại.

Trong lúc cả bốn cha con bước vội vàng xuống mấy bậc thêm rộng, Joseph âm thầm liếc cha thật nhanh. Đôi mắt ông vẫn còn rực sáng, long lanh vẻ háo hức khi ông phát biểu trong Thượng nghị viện và Joseph lại thấy thêm lần nữa nao nao tự hỏi phải chăng ông vẫn còn niềm hứng khởi thuở thanh xuân khi cố nắm bắt mọi cơ hội để chiếm lĩnh ánh đèn sân khấu.

Joseph ngẫm nghĩ, người khác nếu có những thương tật lồ lộ và hải hùng như ông đã chịu trong tai nạn đi săn, hẳn họ nhụt chí, tìm cách lánh xa cuộc sống công cộng, nhưng đối với cha anh thì khác. Lúc này anh chắc chắn ông biết rất rõ rằng ngoại hình thương tật ấy luôn luôn gợi lên những thiện cảm bất biến của người khác. Và ông không ân hận chút nào về việc khai thác những vết thương ấy nhằm phục vụ cho cứu cánh riêng của mình.

Năm năm trước đây, khi vừa từ Sài Gòn trở về Mỹ, Joseph cảm thấy lòng sôi giận và có nỗi thôi thúc phải đối chất với ông về tai nạn đã gây ra cái chết của Chuck. Nhưng rồi dù sao đi nữa, hình ảnh những vết thương đang hủy hoại thân thể của cha tự chúng lúc nào cũng làm anh cảm thấy nản lòng. Cuối cùng, anh không bao giờ tự động đề cập tới những gì anh đã nghe Ngô Văn Lộc và Jacques Devraux nói.

Khi cả bốn người im lặng đi xuống gần tới Quảng trường Union, trong tâm trí Joseph vẫn chờn vờn câu hỏi khó trả lời của Guy. Anh bứt rứt kết luận rằng có lẽ chính sự thiếu can đảm đối chất ấy khiến thái độ thù nghịch của anh đối với cha càng ngày càng nghiệt ngã và làm cho anh có khuynh hướng tránh gần gũi ông. Khi anh và Tempe vừa đồng ý phụ trách việc cai quản ngôi nhà và đồn điền, mẹ anh mừng rỡ quá, vội vàng dọn tới ở hẳn tại Georgetown. Kể từ đó, mỗi năm anh chỉ có đôi ba dịp gặp gỡ cha mẹ.

Có tiếng Guy cất lên làm dòng suy nghĩ của Joseph bị chùng lại, lời tuột anh về với thực tại:

- Bố có nghĩ quân Nhật sẽ thật sự xâm chiếm California không? Con nghe đài phát thanh nói có dư luận lòng vòng ở miền Tây là bọn chúng đang làm như vậy.

Họ đang đi ngang bức tượng cỡi chiến mã của Ulysses S. Grant trong Quảng trường Union. Cả bốn cha con đều có vẻ nhỏ bé trước những hình nhân bằng đồng kích thước giống y người thật của Grant và một toán quân thời nội chiến trong phút giây sùng người thắng thốt khi đối mặt những khẩu đại bác có bánh xe và bầy chiến mã đang lao tới.

Đột nhiên Nathaniel đứng lại bên các bức tượng khổng lồ ấy rồi quay nhìn về Điện Capitol. Trên đỉnh cột cờ lơ lửng giữa trời, lá quốc kỳ

đỏ, trắng và xanh của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phát phới bay trong gió lộng, khi uốn lại thành gợn sóng khi bung ra thẳng cánh trông thật đẹp mắt, nổi bật lên trên hậu cảnh vòm điện với những thanh trụ nhỏ và tròn. Joseph thấy cha mỉm môi xúc động. Sau một chút trầm ngâm, ông nói:

- Guy ạ, không ai biết trước một cách chính xác rằng cuộc chiến này sẽ đưa tới những cái gì. Trước khi cuộc chiến kết thúc, nó có thể làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của chúng ta. Bố hy vọng rằng cuộc chiến này sẽ chấm dứt hẳn trước ngày con tới tuổi tham chiến - nếu không được như thế, con chớ bao giờ quên rằng chúng ta là những kẻ thừa kế nhiều truyền thống cao cả.

Nathaniel quay mình sang hướng đông, nhìn dọc Khu Thương mại rồi nhìn tới ngọn bút tháp bằng đá, nhọn và mảnh mai của Đài Washington:

- Trước đây, chúng ta từng bị thử thách nhiều lần và chưa bao giờ chúng ta thấy rõ ràng ý chí của mình như thế nào. Giờ đây, có lẽ cuộc thử nghiệm vĩ đại nhất đang đến. Con hãy nhớ rằng hết thảy mọi biểu tượng chung quanh chúng ta đây, ngay tại con tim này của thủ đô, chắc chắn sẽ góp phần kích động chúng ta bảo vệ những di sản đáng tự hào.

Nói xong Nathaniel lập tức nhắc chân đi rất

nhanh. Ông bước thật dài, khắp khểnh và lộp cộp với sức đỡ của cây gậy, dưới những cành tiêu huyền đang lay động. Trong gió mạnh, đầu ông vươn tới trước, hai vai khòm xuống. Tempe và hai con trai của ông phải sải chân mới bắt kịp ông.

Rồi Nathaniel đi chậm lại cho tới khi cả bốn người tới Nhà Bảo tàng Chuyên ngành Vạn vật học Sherman đang nằm im dưới bóng những chiếc tháp sa thạch của toà lâu đài vĩ đại kiểu gô-tic dùng làm trụ sở của Viện Smithsonian Institution chuyên nghiên cứu lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Nhà Bảo tàng Sherman được kiến trúc theo mô hình dinh thự thời Phục hưng Florence và hoàn tất vào đầu năm 1923, với các vòm cung tròn và những hàng chấn song bao lon mộc mạc bằng đá cẩm thạch trắng phơn phớt hồng vùng Tennessee, tiếp với màu đá hoa cương hồng của Trung tâm Triển lãm Nghệ thuật Freer Gallery of Art kế bên. Dù được tài trợ biệt lập bởi quỹ tài trợ của dòng họ Sherman, Nhà Bảo tàng này cũng giống mọi toà nhà khác tọa lạc dọc theo Khu Thương mại, đều thuộc quyền quản trị của Viện Smithsonian Institution.

Lúc này nơi cánh đông của Nhà Bảo tàng có một khu vực xây bằng đá còn nguyên vẻ bóng loáng và tươi rói cho thấy nó mới được chấp thêm cho dài hơn.

Khi thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và các con vô tới bên trong Nhà Bảo tàng, họ thấy đã có mặt sáu thành viên nổi tiếng của Hội đồng Quản trị Viện đang đứng chung với đông đảo các quan khách đặc biệt. Nathaniel thân mật chào hỏi từng người bằng tên riêng. Rồi khi đi qua đám đông, ông vội vã bắt tay ông Chánh Thẩm Tối cao Pháp viện, ba bốn thượng nghị sĩ và năm sáu dân biểu Quốc Hội, như một dấu hiệu chứng tỏ ông có nhận biết và ông ghi nhớ sự có mặt của họ.

Bên một lối đi có giăng ngang một băng vải đỏ dẫn tới cánh đông nơi khu vực mới chấp thêm của Nhà Bảo tàng, kê sẵn chiếc bục diễn thuyết nhỏ. Và ở mé bên kia là hình dáng đồ sộ của một con voi đen châu Phi trông rõ từng nét, đứng ngay chính giữa bệ, thân mình và hai chân trước chồm lên trong tư thế hùng hổ thịnh nộ. Ngay trên vòm cửa ra vào nơi khu vực triển lãm mới chấp thêm có một hàng chữ mạ vàng khắc theo kiểu gô-tic: “Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman.”

Một người tham dự giúp Nathaniel Sherman cởi áo khoác mùa đông. Có tiếng vỗ tay lấp lóp khi thượng nghị sĩ bước lên bục thuyết trình. Ông cất tiếng với nét mặt kiên quyết và trang trọng:

- Thưa quý vị, sáu tháng trước đây, khi chúng tôi quyết định chọn hôm nay làm ngày khánh thành khu vực trưng bày mới được chấp thêm

này của Nhà Bảo tàng, lúc ấy không ai trong chúng ta biết rằng hôm nay lại trở thành một ngày ảm đạm cho Hoa Kỳ. Tuy thế, tôi thấy không có vấn đề hoãn lại lễ khánh thành nhỏ bé này và chúng tôi cảm ơn tất cả quý vị đã đến tham dự vào lúc đất nước chúng ta đang lâm phải một cuộc khủng hoảng rất sâu xa... Như hầu hết quý vị đã biết, khi phụ thân tôi qua đời năm 1922, cụ để lại di chúc trong đó có việc thành lập Nhà Bảo tàng Sherman. Từ đó đến nay, Nhà Bảo tàng này tự nó đã có thể chứng tỏ giá trị hỗ trợ của nó cho một cơ sở lớn lao hơn, đó là Viện Bảo tàng Vạn vật học Smithsonian tọa lạc đối diện nó trong khuôn viên Khu Thương mại này. Để bảo đảm đặc tính môi trường của nhà bảo tàng này, chúng tôi luôn luôn chú tâm sưu tập và trưng bày các loại dã thú quý hiếm – và có lẽ nhiều người trong quý vị đã biết rằng khi tiến hành việc sưu tập các bộ dã thú đầu tiên, gia đình chúng tôi đã chịu một tổn thất bi thảm tại rừng thẳm Đông Dương...

Nathaniel dừng lại một chút rồi đưa mắt nhìn xuống bục diễn thuyết dù vẫn nói với giọng đều đều:

- Thưa quý vị, đó là lý do khu vực trưng bày mới chấp thêm này được đặc biệt dành để tưởng nhớ Charles, đứa con trai đã qua đời của tôi. Khoảng thời gian trước ngày từ trần trên ngưỡng cửa đời mình, Charles đang biểu lộ

một tương lai đầy hứa hẹn. Và tôi tin rằng cái chết không đúng lúc của nó không chỉ là một tổn thất cho gia đình của chúng tôi mà còn là một mất mát cho xứ sở của chúng ta. Charles mang nhiều hoài bão lớn lao về chính trị và niềm khát khao mãnh liệt được phụng sự đất nước chúng ta. Nhưng trước hết và trên hết, Charles là một thanh niên cực kỳ can đảm và cũng là một người đi săn tuyệt vời. Nó đã đảm trách việc sưu tập nhiều dã thú mà suốt mười sáu năm qua, khách tham quan nhà bảo tàng này thích thú thưởng lãm.

Ông dừng lại thêm lần nữa. Và khi ông ngược mắt lên, những người đứng gần bức diễn thuyết có thể thấy hai mắt ông bỗng đắm lẹ.

- Hẳn nhiều người trong quý vị đang có mặt tại đây cũng từng biết rằng bản thân tôi chịu những vết thương này trong tai nạn đã lấy đi cuộc đời của Chuck và thua quý vị, thời gian trôi qua không làm lòng tôi nguôi ngoai nỗi nhớ thương đứa con ấy. Chính cảm xúc triền miên mất mát đó đưa tôi tới quyết định bày tỏ thêm lòng tiếc nuối - dưới hình thức một hoạt cảnh hỗn hợp những dã thú tuyệt vời nhất mà con tôi đã bắn hạ ở Đông Dương. Đây là lần đầu tiên những con thú trưng bày ấy được gom lại trong một khu vực mang tên Charles và chúng lập thành một đài kỷ niệm công cộng về lòng dũng cảm và tài năng của nó.

Nathaniel thêm lần nữa dừng lại rồi sung sướng hướng nụ cười thật tươi về phía gia đình mình đang đứng, gồm Joseph và Tempe, mẹ anh, Guy và cô em gái Susannah của anh.

- Thưa quý vị, nhân đây tôi xin nói thêm là, để tạo một ngạc nhiên nho nhỏ, cho tới lúc này tôi vẫn giấu không cho gia đình mình hay biết về hoạt cảnh trưng bày mới mẻ này. Nhưng toàn thể gia đình tôi đều yêu thương và hãnh diện về Chuck không kém gì tôi. Và tôi hy vọng cả nhà cũng muốn chia sẻ với tôi niềm tự hào về việc thành lập một khu tưởng niệm cách riêng và thường trực để tưởng nhớ Charles.

Tới đây, thượng nghị sĩ cầm lên chiếc kéo nghi lễ và bước xuống bục diễn thuyết: -

Như thế, tôi xin được vô cùng hân hạnh tuyên bố khánh thành Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman mới lập nên trong Nhà Bảo tàng này.

Tiếng vỗ tay lịch sự vang lên khắp đám đông tụ họp khi Nathaniel Sherman cắt băng khánh thành. Ngay sau đó, mấy người phục vụ mặc đồng phục xuất hiện, tay nâng khay thức uống và bánh ngọt. Joseph lướt qua họ thật lẹ, không đưa tay lên cầm một thức gì. Anh vội vàng vượt qua đám đông, đi vào khu vực trưng bày mới.

Joseph dừng chân trước hoạt cảnh tưởng nhớ và lặng người nhìn chăm chú con mìn đen khổng lồ đã giết anh mình. Cặp sừng dài tàn sát

của trâu hạ xuống trong tư thế tấn công. Chân trụ bám chặt nền đất rừng. Xuyên qua đám cỏ dưới chân, hai mắt trâu xanh biếc hung tợn nhìn thốc lên giận dữ. Rồi tới con trâu rừng đỏ mà cách hai trăm thước Chuck đã hạ bằng chỉ một viên đạn vào hôm trước ngày tử nạn, đang hất đầu vĩnh qua một bên, đầy thịnh nộ. Và ở mé bên kia, con trâu đen do Joseph định vị khi leo lên cây, đang dữ dằn hạ thấp cặp sừng xuống như hai lưỡi mã tấu, nghênh chiến và sẵn sàng lao tới.

Chung quanh những con thú ấy, dàn dựng một hậu cảnh đồng cỏ và rừng xanh ven sông y như thật. Dưới vạt cỏ sát chân con min có một tấm bảng đồng nhỏ với mấy dòng chữ: “Charles Sherman, lúc hai mươi mốt tuổi đã can trường hy sinh đời mình để giết mẫu nguyên sinh của con min đực này khi sưu tập dã thú triển lãm cho Nhà Bảo tàng Môi trường Vạn vật học Sherman, tại rừng thẳm Nam kỳ năm 1925. Con trâu đen và con trâu đỏ được trưng bày trong hoạt cảnh đặc biệt tưởng nhớ này đều là hai con thú toàn vẹn trong mẫu nguyên sinh của chúng và bị bắn hạ bởi cùng một người đi săn ấy.”

Đôi mắt Joseph đăm đăm nhìn con min, tâm trí choáng ngợp với hình ảnh ghê rợn của anh mình đang bị quật tới chết dưới cặp sừng của nó. Anh nhắm mắt để làm mờ tan hình ảnh của con thú. Ngay lúc ấy, Joseph cảm thấy có một

bàn tay đặt lên cườm tay áo mình. Quay sang, anh thấy mẹ đang đứng kế bên, mặt bà trắng bệch. Joseph hỏi mẹ với giọng thì thầm ngỡ vực:

- Sao ông ấy lại làm một việc như thế này?

Trong một lúc, Flavia Sherman không trả lời. Với năm mươi lăm tuổi đời, bà chỉ còn lại đôi chút dấu vết nhan sắc rực rỡ từng sở hữu thuở thăm viếng Sài Gòn. Việc sinh hạ Guy lúc tuổi trung niên đã cướp đi phần lớn sức lực của Flavia. Thân hình thanh mảnh của bà không bao giờ lấy lại được vẻ uyển chuyển duyên dáng trước đó. Vẻ mặt Flavia ngày càng uể oải, mang đường nét thần thờ của người lâu ngày giấu mặt và thu mình vào lối sống trú ẩn bên trong những suy tư thầm kín của đời mình.

Trong khi mắt đắm đắm nhìn hoạt cảnh trưng bày ấy, môi Flavia mím lại với vẻ kinh tởm. Và Joseph thấy mẹ sắp trào nước mắt. Bà thì thầm với giọng hầu như không nghe rõ:

- Joseph ạ, đây là miếng đòn dành cho sự bạo động của đàn ông và cho sự kiêu hãnh nam nhi điên khùng của bố con – nó không có chút gì là tưởng nhớ Chuck cả.

Joseph dịu dàng nắm tay mẹ an ủi. Nhường mắt lên, anh thấy cô em Susannah đang lật đặt bước tới, trên tay cầm hai ly nước. Cũng y như mẹ thuở còn trẻ, Susannah nay đã trưởng thành với nước da sáng, mịn màng và đáng yêu. Nàng cũng chăm chú nhìn các con thú nhồi

bông nhưng mặt nhú lại, ám vẻ lo lắng. Qua nét mặt của mẹ và anh, Susannah cảm nhận được điều gì làm hai người xúc động khi nhìn hoạt cảnh trưng bày này.

Thấy lệ doanh tròn mắt mẹ, Susannah bốn chồn ngoái đầu ngo về hướng cha. Đứng giữa Guy và người chồng lịch thiệp ân cần của Susannah, Nathaniel Sherman đang múa gậy, chỉ chỗ con voi châu Phi trên bệ chính giữa rồi sung sướng mỉm cười quay đầu về phía ba mẹ con. Ấn ly nước vào tay Flavia, Susannah vừa nâng khuỷu tay mẹ kéo qua chỗ khác vừa xuống giọng năn nỉ Joseph:

- Anh Joseph, vì danh dự chung xin anh đừng nói gì với ông ấy trước mặt mọi người. Chúng ta phải nhịn một chút vì bố. Bố không có gì tệ đâu.

Joseph lùi mấy bước trong khu vực trưng bày mới, giữ một khoảng cách vừa tầm và theo mắt chăm chú nhìn hoạt cảnh. Rồi anh quan sát cha đang dẫn Guy và chồng của Susannah tới gần lồng kính. Nathaniel bắt đầu nói sõi nổi về những con thú đã chết ấy. Thỉnh thoảng ông vung gậy lên hạ gậy xuống. Guy đứng thật sát thượng nghị sĩ và rõ ràng đang nuốt chửng từng lời nói của ông. Cả ba người nổi bật rõ nét trên hậu cảnh rừng xanh sinh động trong khi Joseph đứng nhìn chòng chọc.

Trong một lúc, Joseph không hiểu tại sao

minh lại nhìn như thế, rồi anh nhận ra chính vì thân hình cao lớn và thẳng lưng của cậu em trai. Bên cạnh vẻ người lòng không của thượng nghị sĩ, Guy có dáng đứng thật thẳng như cây thông nòng sùng. Joseph bỗng thấy thêm lần nữa vóc dáng vai vuông của Paul Devraux đang lướt qua đám đông trên đường Catinat Sài Gòn trong bộ quân phục đại úy, và cũng thêm lần nữa, thấy Jacques Devraux đang kiêu hãnh ngẩng cao đầu dẫn trước đoàn kỵ mã khi họ vào rừng xanh Đồng Nai. Mái tóc đen tuyền của cậu em tương phản sống động với mái tóc trắng như bông của thượng nghị sĩ.

Bỗng dung trong lòng Joseph, mối uất hận cũ bốc lên và đẩy ứ với một sức mạnh mới. Anh bước vội vào đám đông tìm Tempe rồi lật đặt túm tay nàng. Không một lời giải thích, Joseph lẹ làng kéo Tempe ra khỏi Nhà Bảo tàng, đi vào buổi chiều tháng Mười Hai lồng lộng gió.

- 3 -

Trên chiếc limousine dài có tài xế lái chờ ra nhà ga trung tâm Union Station, hai vợ chồng tuy ngồi chung băng ghế sau nhưng Joseph thu mình tách biệt trong một góc xe, đưa đôi mắt trống rỗng miên man nhìn những công thự hùng vĩ của thủ đô Washington. Thậm chí khi đã cùng Tempe lên chuyến xe lửa về Richmond và ngồi yên trong lòng toa, Joseph vẫn không nói một tiếng.

Cảm thấy chồng muốn được một mình với những nghĩ tưởng riêng tư, Tempe không dám đánh bạo hỏi chuyện. Thay vào đó, nàng im lặng đan tiếp chiếc khăn len cho đứa con vừa chào đời. Trong lúc đan, Tempe thỉnh thoảng bắt gặp chồng nhìn mông lung cặp que ngà. Hễ lần nào ánh mắt của hai vợ chồng gặp nhau nàng đều thắm lặng mỉm cười với chồng nhưng cử chỉ triu mến ấy không làm cho tâm trạng của Joseph nguôi ngoai chút nào. Anh vẫn cầm nín cho tới lúc con tàu xuyên qua bóng tối đang hội về trong buổi chiều mùa đông lạnh giá, chạy gần tới Richmond.

Sau cùng, Joseph đưa tay cầm tay Tempe như một cử chỉ ân hận rồi nói:

- Tempe ạ, anh xin lỗi. Quả thật anh không thể ở lại trong khu vực trưng bày đó thêm chút nào nữa. Tempe âu yếm mỉm cười, ngừng tay đan:

- Em biết. Anh không bao giờ thích nhà bảo tàng đó, đúng vậy không? Có phải nó làm anh nhớ lại quá nhiều điều bất hạnh?

Joseph đắm đắm nhìn Tempe, ngạc nhiên nhận ra rằng hình như bằng trực giác nàng đã nhìn thấu suốt cảm xúc của chồng:

- Làm sao em biết như vậy? Chưa bao giờ mình nói với nhau về điều đó.

- Trước đây, mình chỉ ghé qua đó có một lần. Sau ngày anh và em mới quen nhau, anh nhớ không, khi em khám phá ra anh là người thuộc

dòng họ Sherman của cái nhà bảo tàng nổi tiếng ấy, em liền yêu cầu anh đưa em tới đó. Anh giải thích mọi sự một cách lịch sự nhưng lúc ấy em thấy anh có vẻ bút rút – y hệt cái vẻ bút rút của anh chiều nay khi chúng ta vừa đặt chân vô đó.

- Anh nghĩ nó làm anh nhớ rõ nét cái chết của anh Chuck – nhưng anh không biết rằng mình đã để lộ ra mặt quá như vậy.

Tempe ấp bàn tay của Joseph trong hai tay nàng:

- Anh không để lộ ra mặt chút nào – anh chỉ đánh giá thấp khả năng trực cảm của phụ nữ. Em có cảm giác rằng cái làm cho anh hôm nay cảm thấy ảm đạm không phải chỉ là chiến tranh và sự thiếu tế nhị của bố...

Tempe ngáp ngừng, đưa mắt nhìn xuống:

- Joseph ạ, em nghĩ có lẽ con thú ấy còn làm anh nhớ tới cái gì khác nữa, phải không?

- Em có ý nói gì vậy?

- Em gặp anh lần đầu tiên vào lúc anh vừa từ Đông Dương trở về. Thuở ấy, anh căng thẳng, bút rút trong một thời gian rất dài – kể cả sau khi mình đã thành hôn ít lâu.

Joseph trả lời thật lẹ:

- Một người Pháp hướng dẫn gia đình anh đi săn chuyển đầu tiên bị giết ở đây. Mỗi lần nghĩ tới sự việc đó, anh cảm thấy bức bối hơn mình đã tưởng vào lúc nó vừa xảy ra. Càng suy nghĩ tới nó, vết thương cũ về việc anh Chuck tử nạn lại càng làm anh đau đớn – chỉ vậy thôi.

Tempe buông tay chống và đan tiếp:

- Joseph ạ, đôi khi em tự hỏi biết đâu tại xứ sở đó anh đã có một mối tình bất hạnh.

Trong một hai giây Joseph sừng người nhìn Tempe chăm chặp:

- Tại sao em lại đoán như vậy?

Tempe nhúu mày và đột nhiên cúi xuống gỡ đoạn chỉ len lòi ra một bên mé khăn đan:

- Joseph ạ, chỉ có chuyện như thế mới có thể khiến cho đàn ông có thái độ giống như của anh. Thuở ấy, em không hỏi anh về chuyện đó vì những gì xảy ra trước khi chúng mình quen nhau đều không phải là việc của em, tuy em thường cảm thấy anh hay nghĩ ngợi xa xăm. Và chiều nay, từ lúc chúng ta rời nhà bảo tàng, nó lại xảy ra giống y như vậy – như thể bằng một cách nào đó, em lạc mất anh.

Joseph đắm đắm nhìn Tempe và bối rối nhận ra nàng đang đặt tay lên một sự thật trước đây anh không chịu thừa nhận, kể cả đối với chính mình. Tempe bỗng hỏi:

- Nói về cô ấy có phiền lòng anh không?

Joseph vội vàng quay mặt, ngó ra cửa sổ con tàu:

- Tất cả đã thuộc về một thời rất xa.

- Cô ấy là ai vậy?

- Một thiếu nữ An Nam - con của một vị quan ở Sài Gòn.

- Cô ấy yêu anh chứ?

Joseph tần ngần rồi lắc đầu. Anh tiếp tục đưa mắt trống rỗng nhìn qua khung cửa sổ đầy bóng tối như đang phản chiếu tâm tư u uất của mình:

- Không... anh nghĩ là cô ấy... không yêu anh.
- Nhưng anh yêu cô ấy?

Joseph lại lắc đầu, thở dài thành tiếng:

- Có thể anh đã yêu... anh thật chẳng biết nó như thế nào nữa. Nhưng anh nghĩ em có lý, anh đã ấp ủ hình ảnh cô ấy trong một thời gian.

Tempe vừa chỉnh xong một mũi đan bị lệch. Joseph quan sát bàn tay nàng tiếp tục chuyển động nhịp nhàng trên đui.

- Anh có từng ăn nằm với cô ấy không?

Tempe hỏi câu đó với giọng hầu như thì thầm. Trong một lúc, như thể bị thôi miên, mắt Joseph vẫn nhìn không rời hai bàn tay thoăn thoắt đan của vợ. Rồi anh nói chậm chậm:

- Không. Không có. Các gia đình quan lại người An Nam rất nghiêm khắc về các sự việc thuộc loại như vậy.

Tempe không ngược lên. Joseph cảm thấy chuyển động đong đưa của thân tàu bắt đầu đổi nhịp khi tàu chạy chậm dần, gần tới Richmond. Anh vừa đứng lên mặc áo lạnh vào vừa nói:

- Mình quên hết chuyện đó đi, được không Tempe? Tất cả đã thuộc về quá khứ. Lúc này, chuyện Trân Châu Cảng cũng đủ làm mình lo nghĩ rồi.

Sau khi xuống tàu, hai vợ chồng đi bộ một đoạn đường dài hơn cây số giữa hai hàng bạch dương cao vút trồng dọc bên đường. Qua màn đêm sương phủ họ thấy rõ ánh sáng toả ra từ toà nhà nơi đồn điền Queen Anne. Lúc Joseph và Tempe bước vào tiền sảnh, bà vú da đen chào lại cả hai với nụ cười mang vẻ trấn an rằng con của họ đang ngủ ngon. Dù vậy, Tempe vẫn lật đật chạy lên chiếc cầu thang xoắn ốc làm bằng gỗ óc chó, nhìn vào phòng của con trẻ.

Khi trở xuống ngồi với Joseph trong phòng ăn vách dán pa-nô, đôi mắt Tempe nhoà lệ. Nàng cất tiếng, rất dịu dàng:

- Anh Joseph ạ, em nghĩ rằng âm thanh êm đềm nhất thế gian là tiếng thở thì thầm của đứa con mình đang ngủ. Nghĩ tới hạnh phúc của chúng ta có thể bị hư hoại vì chiến tranh, em thấy mình không chịu đựng nổi.

Vừa rồi, trong khi Tempe còn ở tầng trên, Joseph đã mở máy phát thanh nơi phòng sách. Lúc này anh lơ đãng gật đầu với nàng trong khi lắng nghe phát thanh viên đọc bản tin tường thuật chi tiết những cuộc xâm chiếm mới của quân Nhật ở Hồng Kông và Mã Lai. Tại châu Âu, người Nga tuyên bố đang đẩy lùi các đạo quân của Hitler chung quanh Rostock nhưng năm chục sư đoàn của Đức vẫn được tường thuật hiện đang gây sức ép chung quanh Mát-cơ-va.

Mãi tới khi vai Tempe rung động Joseph mới

nhận ra vợ mình đang khóc. Anh quàng tay ôm nàng an ủi. Trong vài phút, Joseph và Tempe cùng im lặng lắng nghe tin tức rồi ra hiệu chuẩn bị bữa ăn khuya. Nhưng lúc thức ăn được dọn lên, hai vợ chồng không ăn được mấy chút.

Khi người giúp việc dọn xong chiếc đĩa cuối cùng, Joseph nói giọng đều đều:

- Dĩ nhiên anh phải đi. Từ đầu bàn đằng kia, Tempe đồ dẫn gặt đầu, nhận ra chẳng còn chọn lựa nào khác:

- Anh chọn binh chủng nào?

- Anh nghĩ là không quân - nếu người ta chấp nhận anh.

Sau đó, trong khi Joseph ngồi đằng sau chiếc bàn giấy mặt phủ da thú trong phòng sách viết đơn ghi danh vào không lực và xin thụ huấn phi hành, Tempe tới sau lưng ghế, choàng tay qua vai chồng. Vừa ấn một vật mềm mại vào lòng bàn tay phải của Joseph nàng vừa thì thầm:

- Mark mới nói với em rằng nó muốn tặng anh cái này để giữ cho bố được an toàn ở bất cứ nơi nào bố đi.

Joseph mỉm cười khi nhìn xuống thấy chiếc chân thỏ cầu may nhỏ xíu móc vào sợi dây chuyền vàng, được cha của Tempe đưa cho hai vợ chồng, làm quà của ông ngoại tặng đứa con trai thứ hai của họ nhân dịp rửa tội. Và vì lễ rửa tội mới cử hành cách đây sáu tuần nên bùa hên này vẫn còn treo trên tao nôi của chú bé. Joseph khẽ cười và hỏi:

- Em có chắc chắn Mark chịu nhường cái này cho bố không đó?

Tempe chớp chớp mắt cố nuốt nước mắt:

- Nó cứ nhất quyết đòi là phải đưa cho anh. Nó nói nó cảm thấy có một đất-đi tốt lành như bố là đủ may mắn cho nó rồi – và bố cần tới vật này hơn nó.

Joseph nhét chân thò vô túi:

- Xong ngay. Anh biết tốt nhất chó có cái nhau với một gã nam nhi Sherman hai tháng tuổi. Nếu anh làm nó tức mình khóc oé lên, nhà này thế nào cũng sập.

Sau khi Tempe rời phòng sách, Joseph ngồi lại bên lò sưởi, nghe trong lòng lò vang ra tiếng nổ lách tách và đọc lại lá đơn mới viết. Đọc xong, anh cảm thấy thêm lần nữa khắp châu thân lâng lâng niềm hứng khởi. Dù sao đi nữa chiến tranh cũng hứa hẹn nhiều điều. Nó sẽ mang anh đi thật xa, xa khuất cuộc sống tối ngày triển miên quanh quẩn nơi hạt Charles này. Và vì cái đó, cuối cùng anh biết ơn các tay quân phiệt Nhật Bản.

Joseph gấp lá đơn, cho vào phong bì và dán lại. Đột nhiên có tiếng động dồn dập trong ống khói làm anh giật nảy người. Kế đó, một trận mưa bồ hóng tuôn như thác xuống vĩ lò làm lửa tắt ngúm và căn phòng ngập ngụa khói. Từ bên trong ống thông hơi cũ kỹ vang ra một tràng tiếng rít nghèn nghẹt. Joseph phóng mình ra sân, nhìn lên mái nhà.

Ngay trên miệng ống khói nổi bật bóng dáng một vật hình cái nêm, đen đũi và rõ nét giữa ánh sáng trời đêm lơ mờ. Khi Joseph nhìn kỹ, cái bóng ấy hình như mỗi lúc một phình to hơn. Lại một tràng tiếng rít nữa vang lên rộn ràng khắp vùng đồng quê Virginia tĩnh mịch. Tim Joseph bỗng đập thật nhanh khi anh nhận ra đó là một con công đồng bằng. Nó vừa bay tới đậu giữa mái nhà anh và đang xoe đuôi múa trên ống khói. Cuống cuống, Joseph hốt sùi. Anh ném hết nắm này tới nắm khác lên nóc nhà cho đến khi con công hoảng hốt kêu rít lên, vỗ cánh bay vào bóng đêm.

Sau khi tắt lò sưởi trong phòng đọc sách, lên tầng trên Joseph thấy Tempe đang ngồi trên chiếc ghế vù em trong phòng nuôi trẻ. Đứa con trai mới sinh đang sung sướng bú một bên vú mẹ còn mẹ nó mặt tái mét vì lo lắng:

- Joseph, em ngửi ra mùi gì cháy - tiếng gì kêu dễ sợ vậy?

Joseph cố giữ giọng tự nhiên:

- Một con công tới đậu trên ống khói. Nó làm rơi một ít bồ hóng xuống phòng đọc sách của anh, chỉ vậy thôi.

- Nhưng, có phải anh từng kể với em rằng dòng họ anh luôn luôn gặp điềm không may khi có chim công bay tới đậu trên mái nhà?

Tempe hỏi như lú lười. Và đột nhiên tròn xoe mắt sợ hãi, người nàng rướn thẳng lên trên

ghế. Cử động ấy khiến đầu vú tuột khỏi miệng đứa nhỏ làm thằng bé ré lên khóc. Joseph liền quì xuống cạnh hai mẹ con, vỗ về mái tóc của Tempe trong khi nàng sữa con lại cho ngay ngực mình. Anh thì thầm:

- Cả mẹ lẫn con thư thả nào. Hình như có một lần anh có nói với em chuyện đó – nhưng đó chỉ là chuyện điên khùng của mấy bà già. Em đừng lo.

Mấy phút sau, Mark thiếp ngủ. Tempe chuyển nó cho Joseph. Anh nhẹ nhàng đặt thằng bé vào nôi. Khi Tempe với Joseph cùng ở trong chiếc giường bốn góc có cột treo rèm đã được nàng tân trang cho hai vợ chồng dùng từ đêm tân hôn, nàng vẫn đầm đìa nước mắt, ôm chặt chồng trong bóng tối. Tuy Joseph vẫn nghe trong đầu mình tiếng rít nghèn nghẹt của con công trên mái nhà nhưng cơ thể làm mẹ mọng chín và ấm áp của Tempe ép chặt vào người anh làm cơn hưng khởi trong anh nổi lên và càng lúc càng bốc cao. Trước khi ngủ, Joseph làm tình với nàng. Lúc nào cũng thì thầm những lời dịu dàng bày tỏ lòng yêu thương và dâng hiến, tuy tự trong chốn sâu thẳm của tâm hồn, Joseph biết rằng mình không thật sự cảm thấy.

Từ không phận Trung Hoa, chiếc máy bay oanh kích Curtis P.40 Warhawk của Không

đoàn Mười bốn Hoa Kỳ vọt lên cao và lướt tới trong gió mạnh thảng Chạp rồi chao cánh trên đoàn tàu tiếp tế của Nhật đang gan lì rẽ nước băng qua Vịnh Bắc Việt để vào bến Hải Phòng.

Hai con tàu bị đánh trúng bốc cháy phừng phực. Đoàn máy bay Phi đội 308 lao qua màn khói, dội bom và bắn phá những chiếc còn lại. Đúng vào lúc từ cự ly cao nhất đại úy Joseph Sherman chúc đầu chiếc P.40, quanh mũi máy bay thêm lần nữa để lao xuống, con tàu thứ ba, rõ ràng chở đạn, bỗng nổ tung, phụt lên trời cao một cột ánh sáng màu da cam rồi lửa văng tung toé ra mọi hướng.

Bay là đà trên bờ biển và quan sát những đám lửa khổng lồ đang đốt cháy con tàu, Joseph thấy rõ từng chút một các thủy thủ Nhật như những con kiến li ti lao mình xuống nước. Chỉ trong mấy chớp mắt những bóng hình lơ lửng ấy chao nghiêng, nổi bật trên nền lửa rồi biến mất trong biển cả.

Chẳng chút mùi lòng, Joseph đẩy cần lái ra đằng trước để thêm lần nữa chúc mũi chiếc P.40 vào biên độ tấn công. Rồi anh kềm chặt tay lái cho máy bay lao tới những con tàu đang dẫn đầu cuộc chạy đua tàn khốc với mục tiêu duy nhất là làm sao về tới bến cảng an lành.

Các ụ súng cao xạ của Nhật từ những chốt ven bờ biển phụt lên trời những lưỡi lửa đỏ rực, cổ liếm cho trúng đàn máy bay Warhawk của

phi đội lúc các phi công sà xuống lượn vòng theo những con tàu đang chúi mũi chạy. Đối với Joseph, đã từ lâu anh không còn cảm thấy căng thẳng khi ở quá gần lưới lửa phòng không. Trong một hai giây anh thận trọng quan sát rồi điều chỉnh độ bay, nhích cần lái từng chút một, lấy độ dốc để lao xuống. Anh tính toán, thả xong hai trái bom, mỗi trái nặng một trăm ki-lô, đeo hai bên cánh phi cơ, mình sẽ vọt lên, kịp thời thoát khỏi làn đạn của súng cao xạ Nhật từ trên bờ bắn theo.

Đúng lúc chiếc P.40 của Joseph vừa tập trung tốc độ, một quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay làm rung chuyển thân tàu nhưng không chặn nổi đà lao xuống của nó. Joseph trút cả hai trái bom xuống một con tàu đã trúng đạn sẵn và kịp thời quét sạch đài chỉ huy của chiếc chạy đằng trước nó bằng mấy hòng súng đại liên Browning 12.7 li gần nơi cánh máy bay.

Trong khi phi cơ của Joseph vọt lên cao, từ đằng sau đuôi tàu có một đám lửa rực cháy, chiếu ngược vào khoang lái, chứng tỏ hai trái bom anh vừa thả đã rót trúng mục tiêu. Ra ngoài tầm đạn phòng không của bến cảng, anh liền ngoái mặt lui, thấy con tàu ấy bốc cháy dữ dội.

Joseph nhìn lửa cháy với cảm giác dửng dưng và hài lòng, như thường lệ. Con tàu đang phát hoả ấy trông không khác lắm những con

tàu anh từng chứng kiến trong gần ba năm lái máy bay chiến đấu. Lúc này anh ngó nó như thể ngắm những ngọn đèn lồng xuất hiện và lung linh lướt qua vòm kính chắn gió của máy bay. Đạn bom nổ ì ùng. Các con tàu, xe bọc sắt, xe tải, v.v. làm mồi cho lửa. Khói và lửa sặc sụa mùi dầu quyện vào nhau, bốc lên dữ dội, và chỉ khoảnh khắc sau, chúng biến dạng rất nhanh không kém khi xuất hiện. Vòm kính chắn gió của chiếc máy bay oanh kích Warhawk lại lập tức bị bao quanh bởi da trời tươi mát màu xanh nhạt, mặt biển xanh thẳm và thậm chí có thể cả chiếc áo choàng đen thẳm của đêm đang trùm kín cảnh tượng mặt đất bên dưới.

Cảm giác dửng dưng ấy khiến Joseph thường có ấn tượng như thể anh đã tham chiến trong một quãng thời gian dài hơn ba năm. Đôi khi anh chẳng nhớ nổi ngoài việc bỏ bom và bắn phá mình có còn làm thêm việc nào khác nữa không.

Cuối tháng Năm 1942, vừa thụ huấn xong phi hành Joseph liền được điều tới Midway để lái chiến đấu cơ P.40 thuộc Phi đội 495. Vì tình hình khẩn trương, các giai đoạn học tập sơ cấp, căn bản và chuyên ngành thay vì bảy tháng như thường lệ, bị rút ngắn còn chưa tới sáu tháng. Lúc này thật khó cho anh xác định nguyên cơ nào đưa đẩy một thiếu úy mới ra trường lập được chiến công đầu là “hạ sát” một hộ tống hạm trong hạm đội khổng lồ của Nhật khi

chúng kéo đến Midway với ý đồ nghiền nát đối phương để rồi bị đánh tan tác trong trận hỗn chiến nổi tiếng vào đầu tháng Sáu.

Joseph kinh ngạc thấy trong những ngày đầu tiên ấy mình tình nguyện xung phong lái chiến đấu cơ, để rồi sau đó, hể lúc nào chạm tay vào cơ bả của súng đại liên gắn hai bên cánh hoặc vào cần nhả bom, anh ném trái trở lại cái cảm giác tàn sát gớm ghiếc từng cảm thấy một cách sâu xa khi cầm khẩu súng săn trong tay vào những ngày niên thiếu nơi rừng xanh Đồng Nai gần hai chục năm trước. Nhưng sau cùng, sự quyết chí mãnh liệt phát sinh trong lòng

Joseph từ sau ngày Chuck qua đời đã khắc phục thiên hướng đó, biến anh thành một trong những phi công chiến đấu lập nhiều chiến công nhất vùng Thái Bình Dương.

Trận không tập tàn khốc ở Midway đập tan huyền thoại bất khả chiến bại của hải quân Nhật và là bước đầu chuyển làn nước thủy triều Thái Bình Dương thành lợi thế cho Hoa Kỳ. Nó còn là một cuộc thanh tẩy Joseph bằng lửa để sau cùng, khi Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đánh bật lực lượng bộ binh của kẻ thù ra khỏi đảo Guadalcanal vào đầu năm 1943, phi đội của Joseph được điều tới đó để tiếp tay dồn quân Nhật vào thế thủ.

Những phi vụ cất cánh liên tục từ đảo Salomon làm Joseph quen với việc oanh tạc. Gần

như ngày nào anh với các phi công đồng đội cũng giáng bom đạn xuống các mục tiêu của Nhật trên đất liền và trên biển cả. Tiếng tăm của Joseph ngày càng vang xa nên khi Nhật phóng ra cuộc tấn công ào ạt tại Trung Hoa vào mùa hè năm 1944, anh được vinh thăng đại úy, tăng phái cho Phi đội 308 thuộc Không đoàn Mười bốn. Đó là một binh đoàn không quân đóng căn cứ tại Côn Minh ở mạn Nam Trung Hoa. Với danh xưng là đoàn “Phi Hổ”, nó được thành lập từ một nhóm từng có tiếng tăm lừng lẫy từ thời tiền chiến gồm những phi công tình nguyện chung quanh hạt nhân là thiếu tướng Claire Lee Chennault.

Nhật tung hai triệu quân vào các mặt trận trên đất Trung Hoa. Trong nhiều tháng trời suốt ngày đêm chạy đua với kim đồng hồ, phi công thuộc các phi đội “Phi Hổ” tiến hành phi vụ oanh kích những mục tiêu trên không và dưới đất, đánh phá các tuyến đường tiếp tế huyết mạch dẫn tới Trung Hoa và Đông Dương. Joseph từng bay vài chuyến trên vùng trời Bắc kỳ và Hoa Nam để oanh kích cầu cống, đường xe lửa, kho tàng tiếp liệu dành cho Quân đội Thiên Hoàng. Những vách núi đá vôi cheo leo ở Bắc kỳ, được che phủ bởi rừng già rậm rạp, trở thành cảnh tượng quen thuộc với Joseph lúc anh tung cánh bay đi bay về căn cứ của mình tại Côn Minh.

Trong đêm trung tuần tháng Mười hai năm 1944 này, lúc Joseph quành mũi chiếc P.40 qua hướng tây bắc nhắm phía biên giới Trung Hoa, bầu trời không trăng và bóng tối lẹ làng phủ xuống một vùng rừng núi trải dài trên ba trăm hai mươi cây số, khoảng cách giữa Phi đội 308 đang bay với địa điểm căn cứ hạ cánh. Trong cơn mưa đầu mùa rơi nặng hạt và gió thổi quần quật, phi đội tái lập đội hình chậm hơn thường lệ. Trong khi đó sau lưng họ ánh lửa bốc lên từ những con tàu ngoài cảng Hải Phòng càng lúc càng xa và leo lét dần.

Joseph cẩn thận lắng nghe từng phi công lần lượt báo cáo sự có mặt của mình với phi đội trưởng. Sau khi nắm vững phi vụ này không gây tổn thất nhân mạng nào, trong máy truyền tin liền rộ lên lời các phi công đùa giỡn châm chọc nhau. Vài phút kể đó, Joseph thấy kim báo tình trạng động cơ chiếc Warhawk của mình bắt đầu dao động nhưng thoát đầu anh không cảm thấy lo ngại nhiều. Trước đây Joseph từng nhiều lần lái phi cơ bay khắp khênh về căn cứ với tiếng máy nổ cà rịch cà tang và sau khi đáp xuống bình yên anh mới phát hiện cánh và thân máy bay lở chỗ vết đạn. Nhưng lúc này, khi động cơ ngập ngừng rồi khục khặc, tự nhiên Joseph có cảm giác da trên cổ đang cọ vào mấy sợi lông của chiếc chân thỏ được anh móc chung vào sợi dây chuyền đeo thẻ bài. Mỗi lần cất cánh,

Joseph đều nhớ mang theo chiếc bùa hên ấy. Và suốt ba năm qua, anh ngày càng gắn chặt vào nó với một lòng mê tín cực kỳ.

Giờ đây, chiếc chân thỏ cọ vào da cổ khiến Joseph bỗng nghĩ tới Tempe và các con sau hơn một năm không gặp nhau. Và anh chợt nhớ trong quãng thời gian rất dài ấy, mình đã quên lửng cả ba mẹ con. Tính từng đứa, lúc này Gary lên bảy, còn Mark được ba tuổi. Cả hai biết rất ít về bố. Những thời kỳ dài xa cách cùng những mệt nhọc do bởi vô số trận oanh kích liên miên dường như đã làm mù mắt mọi cảm giác. Tình trạng vô cảm ấy khiến Joseph nhiều lần tự hỏi chẳng biết bây giờ mình có còn lo lắng cho ai không, kể cả bản thân.

Với ba mươi tư tuổi đời, Joseph già hơn hầu hết các phi công trong phi đội, nhưng sau giờ quân vụ, anh uống nhiều rượu, không thua bất cứ phi công nào nhỏ tuổi hơn, dù anh chưa bao giờ say trước mặt họ. Lập trường của anh là tránh những cuộc rong chơi tìm của lạ xác thịt và anh cố giữ vững nó. Nhưng những căng thẳng do từng ngày đối mặt với cái chết và nguy cơ suýt chết đôi lúc làm Joseph kín đáo buông xuôi theo những mời gọi của nhục dục. Thế rồi sau đó, anh cảm thấy mình nhầy nhụa, với cảm giác nhờm tởm không nguôi, vì nó gây cho anh ấn tượng rằng mình không tôn trọng vợ và tình cảm của mình dành cho Tempe không đủ mạnh.

Gần đây, trong những lần về phép hiếm hoi, việc làm tình giữa Joseph và Tempe đã hoá ra gương gạo, không còn hứng thú tự nhiên. Và dù vẫn giữ tình nghĩa vợ chồng với nhau, hình như mỗi người đang tự thu mình lại. Vì lý do ấy, chuyển đi phép vừa rồi thay vì về nhà, Joseph tới nghỉ dưỡng sức ở Hawaii suốt mười ngày. Tại đó, anh uống rất nhiều rượu, và sáng nào cũng thức dậy với một khuôn mặt trên chiếc gối bên cạnh, khác với khuôn mặt hôm qua nhưng giống hệt nhau ở nét lơ mơ và vẻ vô tình vô cảm.

Joseph lại bóp mạnh chân thỏ. Chỉ lát sau, động cơ chiếc Warhawk ổn định trở lại với tiếng máy nổ bình thường. Trong bóng tối khoảng lái anh gương gạo mỉm cười với ý nghĩ ít ra chiếc bùa hên vẫn còn nguyên phép mầu nhiệm của nó. Rồi gần như ngay lúc ấy, giữa những mặt số dạ quang màu lục nằm trước mặt Joseph, ngọn đèn nhỏ màu xanh lại bắt đầu sáng rực lên từng đợt báo hiệu máy đang nóng quá sức chịu đựng. Và lần đầu tiên, anh cảm thấy rừng mình ớn lạnh với cơn kinh hãi từ mé dưới thắt lưng bò dọc lên theo từng đốt xương sống.

Joseph chợt nhớ tới quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay khi anh bắt đầu lao xuống lần thứ hai. Anh đoán chắc là mảnh sắc của quả đạn đã xuyên thủng nắp động cơ và có lẽ làm hỏng cánh quạt. Hơn mười lăm phút kể đó, vận tốc chiếc P. 40 tụt thật lẹ

xuống dưới hai trăm năm mươi cây số một giờ. Và dần dần, các máy bay khác chung phi đội lướt qua anh, rồi từng chiếc một theo nhau mất dạng trong đêm đen lộng gió.

Bấm nhẹ nút truyền tin trên máy liên lạc, Joseph báo cáo ngắn gọn với phi đội trưởng tình cảnh hiện nay của mình. Rồi anh hoàn toàn tập trung tâm trí, cố tìm cách đưa chiếc máy bay hỏng hóc của mình về căn cứ. Chẳng bao lâu, việc rán sức giữ cho máy bay thăng bằng giữa trời đêm đang nổi lên từng đợt gió mạnh, làm mồ hôi anh và ra ướt đẫm bên trong áo bay.

Lúc này, ngọn đèn đỏ chớp nháy khi mờ khi tỏ bắt đầu rực sáng liên tục. Một hai giây sau, Joseph nhận thấy có lưỡi lửa nhỏ liếm quanh nắp động cơ. Anh dự tính thả lỏng cánh quạt trong một thời gian ngắn, chờ tới khi lửa may ra tắt lụi, sẽ cho máy nổ lại. Nhưng tiếng máy lại lần nữa khục khặc khiến Joseph biết chắc chắn chính mảnh của quả đạn phát nổ đã phá hỏng chiếc P.40.

Joseph cũng biết dứt khoát rằng, với những cơn gió trên cao này, tới khi máy bị liệt hẳn, phi cơ sẽ đâm xoáy đầu xuống đất, tự biến thành chiếc quan tài ngùn ngụt lửa và anh không thể nào thoát thân ra ngoài. Lúc này, đang nằm trên độ cao thăng bằng, máy bay chỉ còn có thể chuổi tới trước vài giây nữa. Joseph hiểu rõ nếu muốn sống sót mình phải mở vòm kính, leo ra

một bên thân máy bay, nhảy dù xuống khoảng không đen ngòm đang gào rú bên dưới.

Xét theo bản đồ, Joseph biết dưới đáy của khoảng không đen ngòm kia chỉ toàn núi rừng lờm chờm bị cắt ngang bởi những khe cùng suối chảy xiết, phát tích từ sông Kỳ Cùng. Anh ước tính mình đang ở tọa độ xa khoảng hơn ba chục cây số phía nam biên giới Trung Hoa và có lẽ xa khoảng một trăm sáu chục cây số phía bắc Hà Nội, nơi hình như cách đây một triệu năm anh đã trải qua hai tuần lễ miệt mài nghiên cứu các tài liệu cổ trình bày cặn kẽ việc cống nạp Bắc Kinh của các hoàng đế An Nam thuở xưa.

Nhìn vòm kính đang bảo vệ mình khỏi đêm đen thù nghịch bên ngoài, Joseph choáng người chới với khi nghĩ tới việc phải lừa nó ra đằng sau. Nhưng phút giây này, lửa cháy lan quá lẹ, tiến độ của phi cơ chậm lại, gần như đứng yên một chỗ. Cảm thấy mũi máy bay bắt đầu chúc xuống, anh chụp lẹ tay nắm vòm kính, giật mạnh. Bộ phận mở vòm kính kẹt cứng, không nhúc nhích. Joseph ngồi ngó sừng bàn tay của mình đang túm chặt tay nắm, với những đốt ngón tay trắng bệch, không tin nổi mắt mình. Bằng cả hai tay, Joseph vận hết hơi sức, cố giật thêm lần nữa nhưng vòm kính vẫn kẹt cứng. Và rồi chỉ trong chớp mắt, chiếc P.40 lật ngửa, rơi lao đảo.

Thân máy bay xoay chậm chậm như con

cá thoi thóp sắp phơi bụng chờ giờ chết, đang chìm dần xuống mặt nước đêm đen như màu mực. Trong vòng xoáy của thân tàu, các giác quan trong người Joseph sủi lên thành một lớp bọt nhận thức dần vụt và khổ sở tới ngáy ngất.

Rõ ràng số phận nghiệt ngã đang xé nát chiếc P.40 của anh ngay trên bầu trời và trên mặt đất An Nam với một sự tính toán hơn thiệt tột cùng. Tại xứ sở này và chỉ trong một đêm, sự phản bội không hiểu nổi của người mẹ đã biến niềm hưng phấn thanh xuân đầu đời của anh thành nỗi tuyệt vọng thê thảm. Rồi hơn mười năm sau đó, khi anh thôi không còn hoài nghi lòng dạ phụ nữ và buông mình thuần phục tín nhiệm với nỗi hân hoan rạng ngời của một tình yêu chân thành và chất ngất, thì tới lượt chính Kiều Lan, người anh yêu tha thiết và anh nghĩ cũng yêu anh không kém, lại là kẻ đột nhiên phản bội anh. Trong trạng thái vừa chơi vơi vừa sáng suốt giữa cơn lâm nạn này, Joseph nhận ra cái cảm giác trống trải và hiu quạnh chưa một lần buông tha anh kể từ giờ khắc bị Lan làm mất lạ, giờ đây lại trỗi lên từ rừng già núi thẳm bên dưới.

Bỗng dưng Joseph thấy rõ rằng việc cuộc đời anh bị kết liễu nơi đây và việc rừng già này nuốt chửng xác thân anh cùng chiếc Warhawk đều hoàn toàn thích đáng. Anh chắc chắn mình sẽ chết. Ruột anh quặn thắt với cảm giác điên

cuồng hối tiếc rằng mình sẽ chẳng bao giờ được thấy lại Lan thêm lần nữa. Và lúc này, trong khi máy bay xoáy đầu rơi xuống kéo những ngọn lửa ở một bên cánh bay theo nó, cảm giác ấy dần trải thật rộng cho tới khi dường như nó tràn ngập châu thân anh.

Dù tâm trí bị hoàn toàn khống chế bởi những nghĩ tưởng cay đắng ấy chân tay Joseph vẫn theo phản xạ vật lộn với các cần kiểm soát, cố điều chỉnh cơn rơi xoáy ốc của chiếc Warhawk.

Anh tự động giật mạnh cần lái ra sau hết tầm tay. Vì máy bay vẫn xoáy về bên phải, anh đập cần lái bên phải tới đằng trước hết cỡ. Joseph biết mình phải giữ sao cho chiếc P.40 lẩn như thế này ít nhất bốn vòng nhưng trong bóng tối đen đặc anh không biết mặt đất đang ở cách mình bao xa, nên sau vòng xoáy thứ ba, anh đẩy mạnh cần lái tới trước, đồng thời co chân tống hết sức vào chiếc cần phía bên kia. Kết quả, chiếc chiến đấu cơ thăng bằng trở lại trong khi lao tới một trong các mỏm núi cao nhất vùng. Và nó lướt êm vài giây trước khi đâm sầm vào các ngọn cây làm thành một góc chệnh chênh.

Cánh máy bay đang đỏ rực lập tức vỡ tan. Xăng trong thùng nhiên liệu phụt cháy, lửa văng tung toé như mưa làm sáng rực một dải rừng rộng lớn. Cánh thứ hai của máy bay đứt lìa, văng ra xa, vỡ thành từng mảnh trên một triền núi cách đó khoảng trăm thước. Khoang

lái với vòm kính bị kẹt cứng giờ đây bể nát, gác trên một thân cổ thụ. Và trong khoảnh khắc ấy, tâm thần Joseph bùng vỡ thành một vòng đai ánh sáng trắng. Vài giây sau, những gì còn lại của thân chiếc máy bay P.40 nằm an nghỉ trên một sườn đồi thấp hơn, mũi cắm xuống mặt đất ẩm ướt và đuôi gác trên một cành cây cao đầy những dây leo chằng chịt.

- 5 -

Dưới ánh lửa bập bùng phát ra từ những bó đuốc kết bằng cỏ, một toán người sắc tộc Nùng thân hình lùn và mập, nhướng mắt kinh hãi ngó chiếc Warhawk tan nát. Ngó chưa đã mắt, đám người sơn cước ấy đã vội vàng rút chân, thụt lùi và nói líu lo với nhau.

Họ thấy thân thể một phi công da trắng trong chiếc ghế lái có buộc dây an toàn, treo lắt lẻo ngay bên dưới khoang lái bể nát. Gió thổi mạnh làm người anh ta xoay tròn và đông đưa chậm chậm. Khi hình nhân ấy xoay về phía họ, họ nhận ra một bộ mặt trắng bệch, máu dính bết thành từng bết trông rất dễ sợ, và một cánh tay co quắp cứng trũng, quặt ngược nơi cạnh sườn làm thành một góc lệch.

Đứng đằng sau toán dân sơn cước ấy có một thầy Mo, kẻ cùng đi với họ từ bản làng nhà sàn cách chỗ máy bay rớt gần hai cây số. Ông đang trình trọng làm lễ đúng với nghi thức cổ truyền.

Cứ đôi ba giây, ông lại đưa dao quắm lên cao chém chém vào không khí bên trên đầu mình để xua đuổi lũ ma quỷ đang bu quanh chiếc máy bay lâm nạn. Thấy vậy, đám người Nùng tự động lùi ra xa hơn, đứng như xếp hàng ngay sau lưng ông để được ông bảo vệ.

Một dân bản làng đưa mắt nhìn lăm lét chiếc Warhawk rồi nói thật nhỏ, giọng như thì thào:

- Chắc hẳn về với thần núi thần mây rồi. Mình đi thôi.

Hạ thấp con dao rừng, thầy Mo đứng yên một lát, nghe ngóng. Tiếng động của sáu tên lính biên phòng Nhật đang đi tuần càng lúc càng vọng tới rõ hơn, cho biết chúng đang tiến đến gần khu vực máy bay lâm nạn và như thế, chứng tỏ chúng cũng đã thấy chiếc Warhawk cháy đỏ rực, rơi xuống như một bó đuốc. Thấy Mo nói chậm chậm:

- Chết cũng được, sống cũng được. Có nhớ cái ông già ròm ở Pắc Bó hứa sẽ giải phóng chúng ta không. Cái ông già ké đó đã nói rằng muốn chúng ta giao cho ông hết thầy những người bay da trắng. Mau cắt dây đưa nó xuống.

Giọng nói đầy quyền phép của thầy Mo làm đám người Nùng vững bụng. Nhanh như chớp, họ leo thoăn thoắt lên cây, vung dao quắm chặt đứt sợi dây an toàn gần quanh ghế phi hành. Phải cần tới sáu người dân sơn cước vạm vỡ mới gánh nổi thân xác kẻ lâm nạn về khu nhà sàn

của bản làng. Trong lúc họ oằn lưng dưới gánh nặng và bước loạng choạng, thấy Mo đi một bên, rầm rì đọc thần chú để làm nguôi giận thần lửa, thần trời, thần sấm sét... những vị thần đầy uy lực được họ tin là các đấng tạo dựng đất đai cùng sông núi.

Khi đoàn người về tới bản, dân làng ủa nhau chạy tới bu đầy ngôi nhà sàn ám khói của thầy Mo. Họ đứng im lặng, mắt xoe tròn kính sợ ngó ông sửa soạn chiếc đĩa nhỏ bày mấy ngọn lá trầu và mấy hạt gạo, để đặt vào miệng thi hài, đúng với nghi lễ tiễn đưa người chết của sắc tộc Nùng. Trước khi cử hành nghi thức tẩn liệm, thầy Mo ra hiệu đem tới cho ông một chohé nước trong vắt, múc về từ một lòng suối bên sườn núi. Kế đó, ông lấy dao rạch bộ đồ bay bê bết máu, cời hết ra và vứt bỏ. Đang rửa máu nơi bụng và lưng của thầy ma, thầy Mo bỗng ngừng tay. Ông lẩm bẩm mấy tiếng thật lạ rồi cúi xuống, áp đầu sát lồng ngực kẻ chết.

Lúc ngẩng lên, ông liền thoảng ra lệnh cho người phụ việc:

- Sửa soạn cang tre lập tức. Người da trắng này tim còn đập. Mau sai người chạy thật lẹ qua Pắc Bó, nói với họ bên đó ra chờ sẵn nơi bờ suối.

Dân bản cùng nhau ồ lên mừng rỡ. Chen chúc nhau vây quanh thầy Mo, họ đưa nhau múa máy chân tay nói cười, trong khi ông bắt đầu rít cỏ, đập lá và bó những chỗ Joseph bị

thương lúc máy bay rớt. Cùng với cánh tay mặt lật lèo, một chân của anh gãy thấy rõ. Cấp cứu xong các vết thương, thầy Mo lấy một chiếc áo tể lễ của mình quấn quanh người Mỹ, rồi dùng dây rừng bó hai chân Joseph lại và cột chặt người anh vào cằng tre. Sáu sơn dân lực lưỡng lúc này gánh Joseph từ chỗ bị nạn về bản làng nay lại nhắc bổng chiếc cằng lên vai. Cùng với hơn chục dân bản làng cầm dao quắm đi theo hộ tống, họ kéo nhau hồi hả tuột xuống mé núi.

Sau đó nửa giờ, toán lính biên phòng Nhật đi tuần tiểu rớt cuộc cũng lần theo dấu máu tới được bản làng ấy. Tìm mãi không thấy thi thể hoặc dấu vết của viên phi công, bọn chúng nổi giận, bóp cò súng. Thấy Mo và hai dân làng chết tại chỗ. Mười người khác bị thương. Trước khi bỏ đi, lính Nhật thiêu rụi tất cả nhà cửa và lòi xềnh xệch theo chúng năm sáu thiếu nữ trong bản, mặc cho các cô khóc la giãy giụa.

Mãi hơn một giờ sau, toán quân Pháp biệt lập từ đồn biên phòng Sóc Giang cách đó khoảng năm cây số, mới cỡi ngựa đi tuần tới chỗ chiếc Warhawk lâm nạn. Cũng như mọi binh sĩ Pháp trú đóng tại Đông Dương, họ có lệnh của Nhật phải tìm bắt và giải giao tất cả những phi công Mỹ bị bắn rớt trên khắp lãnh thổ. Vì nhận lệnh ấy với lòng căm ghét nên khi khám thấy khoang lái trống rỗng, lính Pháp chỉ nhún vai vài lần rồi trở đầu ngựa, quay về đồn.

Trong lúc đó, Joseph đang nằm lênh đênh trên chiếc bè nứa do Đào Văn Lật và hai thanh niên du kích quân cộng sản chèo chống. Bè nhắm hướng tây, đi dọc theo một nhánh chênh vênh dốc đứng của sông Kỳ Cùng.

Khi được dân Nùng báo tin vừa cứu về một phi công Mỹ, từ căn cứ của Đảng Cộng sản Đông Dương tại một nơi bí mật và hiểm trở có tên là Pắc Bó, Đào Văn Lật, con người cách mạng sôi sục nhiệt tình, kẻ từng cầm đầu cuộc tuần hành bất hạnh tại Vinh năm 1930, tắt tuôi chống bè nứa ngược dòng suối đi đón.

Sau khi tiếp nhận người lâm nạn, Lật vội vã chống bè trở về Pắc Bó. Trên chiếc bè mỏng mảnh, một trong hai dân quân trẻ tuổi đi chung với anh qui đàng mũi, tay đưa cao bó đuốc sáng bập bùng để soi lối chỉ đường chống bè qua thác xuống ghềnh sỏi đầy bọt nước. Trong khi ấy, người dân quân thứ hai lom khom bên chiếc cáng cột Joseph, hai tay ôm chặt khẩu súng kíp cổ lỗ.

Dòng suối bắt đầu chảy xiết hơn khi bè sắp ra sông cái. Tiếng nước kêu rào rạt bắt đầu thấm từ từ vào óc não ngẩn ngật của Joseph nhưng anh chỉ mới tỉnh lại đôi chút. Hình ảnh lơ mơ của chiếc bè lao vun vút trong tiếng nước, tiếng gió và bóng tối chập chờn bọc kín chung quanh khiến Joseph kinh hoảng. Anh thét lên mấy tiếng thật lớn, rời rạc, và vùng vẫy rất mạnh, cố

quẩy cho đứt mấy sợi dây rừng. Thấy thế, Lật sợ bè lật, vội vã ra lệnh cho anh du kích đang lom khom bên chiếc cang trở báng súng, đập vô đầu Joseph.

Joseph lập tức lại rơi vào cơn hôn mê. Nhưng những tiếng thét quá lớn của anh đã vang tới tai toán tuần phòng thứ nhì của Nhật lúc này đang ở mép cao trên sườn núi đá vôi sát bên bờ suối. Chỉ chớp mắt sau, lính Nhật nổ súng. Đạn bắn như vãi xuống lòng suối làm nước văng lên tung toé quanh bè nữa. Lật cuống cuống chống cây sào dài vào các mỏm đá, thúc cho bè lao như điên để quật lẹ vào một khúc suối rộng hơn đang sủi bọt trắng xóa giữa hai vách đá lởm chởm.

Đồng thời Lật hối hả quát lớn, ra lệnh cho anh du kích đang canh giữ Joseph nổ súng bắn trả quân Nhật. Nhưng chưa kịp lên đạn và kê báng khẩu súng lên vai, người thanh niên ấy đã bị đạn bắn trúng ngực. Anh chúi mũi, văng cả người xuống lòng suối, không kêu lên được một tiếng. Trong chỉ vài giây ngắn ngủi, thi thể người dân quân trẻ tuổi trôi lên trên mặt nước sủi bọt, cách bè nửa một quãng ngắn, rồi thỉnh linh bị dòng nước cuốn cuộn nuốt chửng. Lần này chìm hẳn.

Lát sau, khi bè ra hẳn sông cái, Lật hạ lệnh cho người dân quân còn lại tắt đuốc. Lập tức đằng sau họ tiếng súng im bật. Thất thần,

mặt trắng bệch vì vừa mất một người bạn, anh thanh niên du kích đi lom khom ra đằng sau bè, tới gần chiếc cáng để kiểm soát xem người nằm trong đó có bị trúng đạn hay không. Bè nửa trôi chậm chậm trên mặt sông rộng, mát và êm ả. Thở ra nhẹ nhõm, Lật nhấc sào lên quá mặt nước, thì người nghỉ mệt trong khi ngực vẫn cảm thấy tung túc. Khi hơi thở đều trở lại, Lật nghe người du kích trẻ tuổi hỏi với giọng thều thào run rẩy:

- Tại sao mình phải chịu nguy hiểm quá như thế này để cứu một phi công người nước khác?

Lật nhẩn nại trả lời:

- Vì nước Mỹ rất hùng mạnh. Họ dẫn đầu các nước đánh nhau với Nhật. Và quân đội của họ sắp thắng trận giặc thế giới này.

Người thanh niên đỏ mặt suy nghĩ và lại hỏi:

- Nếu nước Mỹ hùng mạnh nhất như đồng chí nói, tại sao họ lại cần chúng ta giúp đỡ. Chúng ta ít người quá, với lại súng ống của chúng ta thô sơ quá.

Lật chậm rãi cắt nghĩa:

- Nước Mỹ không cần chúng ta chút nào. Nhưng tới khi quân Mỹ đuổi được bọn Nhật ra khỏi xứ sở của chúng ta thì đối với nhân dân chúng ta, người Mỹ là anh hùng chiến thắng – và nếu nhân dân thấy chúng ta chiến đấu bên cạnh người Mỹ thì họ cũng xem chúng ta là anh hùng chiến thắng. Đồng chí hiểu chưa. Khi bọn

Nhật về nước rồi, chúng ta có thể quay trở lại cuộc chiến đấu thật sự của mình là đánh nhau với bọn Tây. Việc chúng ta cứu sống phi công Mỹ thoát khỏi tay bọn Nhật, hoặc cho dù chúng ta chỉ lấy được xác mà thôi, cũng sẽ góp phần giúp chúng ta chiếm được cảm tình bè bạn của nước Mỹ – đó là lý do đêm nay chúng ta liều chết để cứu anh phi công Mỹ này. Đồng chí hiểu rồi chứ.

Người thanh niên chậm chậm gạt đầu trong khi Lật lại bắt đầu chống sào xuống lòng sông, lái bè nửa rẽ qua một nhánh sông nhỏ. Khi bè cập bến, trên bờ có một toán chừng năm sáu du kích quân võ trang súng kíp và dao quắm đứng sẵn, đón họ. Các du kích quân tự động quấy chiếc cáng lên vai. Lật dẫn đường đi lên, qua liên tiếp nhiều thửa ruộng bậc thang rồi đi vào một lũng nhỏ, bọc kín chung quanh là các vách đá vôi cao ngất, dựng đứng và lởm chởm, với những dòng suối chảy xiết qua nhiều thế kỷ khiến đá vôi lởm thành hang động. Sau cùng, họ khiêng cáng tre đi vào một kẽ nứt sâu hoắm làm thành một hang tối. Qua khỏi miệng hang khuất sau một thác nước, họ hạ cáng xuống sàn cát.

Thấy Josep bắt đầu lên cơn sốt và run lẩy bẩy, Lật ra lệnh các dân quân khác nhóm một đống lửa kế bên cáng trong khi anh lấy quần áo cũ xếp thành gối và dùng hai chiếc mền rách

đắp lên thân người Mỹ. Anh làm chưa xong công việc đó đã thấy một người đàn ông gầy gò, lưng tuổi, xuất hiện thẫm lặng nơi mé bên ngoài vòng ánh sáng hắt ra từ đồng lửa.

Trong bóng tối, người tuổi đã lưng ấy trông có vẻ lom khom yếu ớt nhưng khi đi tới cẳng tre, bước chân ông dài và lẹ. Lửa hắt lên cho thấy một chòm râu lua thưa màu xám và mái tóc thưa lấm tấm bạc. Trên bộ mặt dài và tiêu tụy long lanh hai con mắt sáng quắc kỳ lạ. Trong phong thái của ông có một vẻ định tĩnh tự chế khác thường khiến mọi người đứng trong hang đều im lặng kính cẩn, tự động rẽ ra hai bên nhường lối cho ông đi vào.

Joseph thoát tiên mở mắt và thấy ông lão An Nam gầy gò ấy cúi xuống trên người mình. Vì trạng thái mê sảng do cơn sốt gây ra cùng những đau đớn cực độ do các vết thương hành hạ nên đối với anh, trong ánh sáng chập chờn màu da cam phát ra từ đồng lửa, bộ mặt hốc hác với chòm râu lua thưa ấy dường như không thật. Nhưng khi người ấy đưa cái ca sắt đựng nước dừa âm ỉm ấn vào môi Joseph, anh nốc ừng ực hết hớp này tới hớp khác.

Nằm nghỉ ngơi trong đêm đầu tiên lạnh lẽo và dài dằng dặc nơi rừng núi, cứ mỗi lần lơ mơ tỉnh lại đôi chút, Joseph lại thấy cũng chính bàn tay ấy đưa lên môi anh chất nước dịu ngọt hoặc lau mồ hôi trán cho anh. Và cũng chính bộ

mặt ấy, với vẻ định tĩnh đáng kinh ngạc của nó và tia nhìn đăm đăm đầy thông cảm, có vẻ như liên tục hiện ra rồi tan biến rồi lại hiện ra trước đôi mắt bùng bùng sốt của Joseph. Tay ấy, bộ mặt ấy và tia nhìn ấy như thể thuộc về một vị thần núi phúc hậu và đầy tình phụ tử. Và khi Joseph chập chờn lơ lửng bên bờ tử sinh, đối với anh, hình ảnh ấy trở thành một niềm an ủi khiến lòng anh yên tĩnh lạ thường.

- 6 -

Người An Nam cất giọng xuyt xoạt, đầy tự tin dù ông phát âm tiếng Anh chưa đủ độ nhấn:

- Đại úy Sherman ạ, cá nhân tôi bao giờ cũng ngưỡng mộ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Trong thế giới hiện đại, đó là xứ thuộc địa đầu tiên giành được độc lập bằng một cuộc cách mạng. Tôi hy vọng tới ngày nào đó, đất nước nhỏ bé của chúng tôi cũng có thể thi đua thành tích can trường và nhẫn nại với quý quốc. Hết thấy chúng tôi đây đều phải học hỏi rất nhiều về sự chịu đựng ngoan cường của người Mỹ. Và đó chính là lý do khiến chúng tôi liều mạng sống của mình để cứu anh thoát khỏi nanh vuốt của bọn Nhật.

Đối với Joseph, suốt ba ngày vừa qua, bộ mặt có chòm râu lua thưa vốn chỉ xuất hiện lơ mờ qua màn sương mù mê sáng lúc này định hình rõ nét. Lần đầu tiên bộ mặt ấy nở nụ cười với

anh; vẻ biếu lộ đó làm những chỗ hốc hác tiêu tụy của nó sáng lên. Đối với Joseph trong tình trạng người rã rời vì đau nhức khắp mình mẩy, nó truyền cho anh cảm giác ấm cúng hiếm hoi và lòng quan tâm quý báu.

Người ấy lại nhìn lên, miệng mỉm cười hóm hỉnh:

- Có thể anh cho rằng hai xứ sở của chúng ta chỉ giống nhau đôi chút - nhưng có lẽ anh không biết rằng cách đây tám mươi năm, khi nước Pháp bắt đầu xâm lăng xứ sở của chúng tôi, hoàng đế nước An Nam thời đó đã cầu viện chính phủ của quý quốc. Sự thật là thế, tin hay không xin tùy anh. Triều đình Huế đã gửi quốc thư cho Tổng Thống Abraham Lincoln, đề nghị một hiệp ước hữu nghị - nhưng tôi cho rằng không thể trách ông Lincoln về việc bỏ qua lời kêu cứu nhỏ nhoi ấy. Tôi tin rằng vào lúc đó ông ấy đang để toàn tâm toàn trí vào việc đối phó với các vấn đề cấp bách hơn trong cuộc nội chiến của quý quốc.

Người An Nam đi chân trần và nghiêng mình bên đống lửa. Ông mặc áo bốn túi bằng vải ka-ki bạc màu và quần rộng thùng thình. Thỉnh thoảng ông cầm lên cành cây nhỏ, trầm ngâm cời than hồng. Rõ ràng ông không trông chờ phản ứng nào của Joseph vì lúc này anh nằm trên chiếc giường làm bằng lá gồi và đang là người kiệt sức với những cơn sốt dai dẳng.

Trong lúc bị cơn sốt hành Joseph lơ mờ nhận biết có một người An Nam nữa thường hay vô ra hang động này. Đào Văn Lật lo liệu việc chăm sóc anh suốt ngày suốt đêm. Một bác sĩ bị quân du kích bắt cóc gần tỉnh lỵ Cao Bằng rồi bịt mắt dẫn về sào huyệt, đã bó nẹp chân tay gãy của Joseph và khâu những vết rách trầm trọng nhất trên đầu và thân thể anh. Lấy một loại rễ cây rừng được gọi là nụ áo, họ nướng cho hơi cháy rồi sắc thành một thứ thuốc nam. Cứ mỗi giờ họ lại đổ nước thuốc ấy vào miệng anh, qua hai môi sưng vù vì phỏng nặng.

Cuối cùng, tới đêm thứ ba, cơn sốt đạt tới điểm tột đỉnh của nó. Lúc trời vừa rạng sáng người lưỡng tuổi gầy gò tắt tả bước vào hang. Bung trên tay một đĩa nhỏ đựng bắp và chuối nghiền, ông bảo mọi người đi nơi khác còn mình tự tay dùng muỗng đút cho anh. Kế đó, ông ngồi xồm bên ống lửa, bắt đầu gọi chuyện. Ông nói, mắt vẫn nhìn ống lửa với vẻ trầm ngâm:

- Bản thân tôi từng viếng thăm quý quốc cách đây rất nhiều năm. Tôi rời Đông Dương lúc hai mươi tuổi, làm một chân phụ bếp trên tàu viễn dương đi châu Âu và châu Mỹ. Tôi cũng đã kiếm sống bằng công việc đốt lò sưởi và xúc tuyết tại Luân Đôn. Tôi cũng từng làm phụ bếp hoặc mấy lần làm bồi bàn ở Boston và khu da đen Harlem. Tôi rất buồn khi thấy cuộc sống tương phản trong các khách sạn giữa những khách giàu có

và đám dân nghèo phải làm nô dịch trong nhà bếp để chuẩn bị bữa ăn sang trọng cho họ. Tôi cũng đã thấy vô số người da đen nghèo sống chật hẹp ở khu Harlem.

Vừa nhìn đăm đăm đồng lửa ông vừa thở dài:

- Đại úy Sherman ạ, tôi rất ngưỡng mộ lý tưởng dân chủ cao cả của Hoa Kỳ nhưng rủi thay, ánh sáng chiếu ra từ ngọn đuốc Tượng Nữ thần Tự do của quý quốc không toả đều lên hết thảy nhân dân Mỹ, phải vậy không?

Joseph chống tay nhóm dậy một cách khó nhọc. Anh vẫn cảm thấy yếu ớt và đầu vầng vất khi vừa trải qua một cơn sốt hành. Việc rán sức nhẹ nhàng nhất ấy cũng làm giác quan của Joseph choáng váng. Anh hỏi, giọng run run:

- Tôi đang ở đâu đây? Làm sao tôi lại tới đây?

Người An Nam nở thêm một nụ cười, trông như thể tiên ông:

- Đại úy chớ bận tâm. Anh đang ở giữa bè bạn. Tôi đích thân tới đây để đảm bảo với anh điều đó. Đây là vùng hang động Pắc Bó ở phía cực bắc Bắc kỳ. Chúng ta chỉ cách biên giới Trung Hoa một cây số. Anh được người sơn cước thuộc dân tộc Nùng kéo ra khỏi chiếc máy bay vỡ nát. Họ cứu anh thoát cuộc tuần tiễu của bọn Nhật - và của quân Pháp, những kẻ cũng được lệnh bắt giữ anh để trao cho bọn Nhật. Người Nùng liên lạc với chúng tôi và tiếp tay với chúng tôi đem anh về đây. Tới khi nào anh đủ sức khoẻ

lên đường, chúng tôi sẽ lên lút mang anh qua mặt lính biên phòng Nhật để vào Trung Hoa. Và người của chúng tôi sẽ đưa anh an toàn trở về với tướng Chennault cùng các bạn “Phi Hổ” lừng danh của anh.

Ông lại mỉm cười khi thấy mắt của Joseph ánh lên vẻ sùng sốt:

- Đại úy ạ, tôi biết tên anh vì tôi đã đọc “thẻ bài” trên cổ anh.

Ông uốn lưỡi phát âm hai chữ tiếng lóng “dog tag” của Mỹ dùng để chỉ thẻ bài với vé hóm hình thấy rõ, rồi nói tiếp:

- Và những chiếc răng nhe ra dữ dằn đầu mũi chiếc Warhawk lâm nạn của anh nói cho chúng tôi biết anh là một “Phi Hổ”.

Joseph ngẩng đầu nhìn chăm chặp người An Nam ngồi bên ánh lửa chập chờn, rồi anh thả lưng xuống mặt giường lá gỏi:

- Ông là ai? Và tại sao ông giúp tôi?

- Hết thầy chúng tôi đây đều ở trong Mặt Trận Việt Minh. Chúng tôi là những người quốc gia, theo chủ nghĩa dân tộc. Cũng y như Hoa Kỳ, chúng tôi chiến đấu chống bọn Nhật hiếu chiến và xâm lăng. Chúng tôi đang tiến hành chiến tranh du kích, đánh các đồn bót của chúng trong xứ này.

- Việt Minh là cái gì vậy?

- Việt Minh là tên gọi tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội được những người theo

dân tộc chủ nghĩa thành lập tám năm trước đây tại Quảng Châu. Hiện nay, nó là một liên minh của những người yêu nước đang chiến đấu giải phóng tổ quốc chúng tôi. Trước tiên chúng tôi đánh đuổi bọn Nhật – rồi tới một ngày nào đó, đánh đuổi luôn cả người Pháp. Pắc Bó là bộ chỉ huy tạm thời của chúng tôi.

Joseph nhăn mặt và nhắm mắt. Sự rần sức tập trung chú ý vào thông tin đơn giản với quá nhiều danh xưng đó đủ làm anh thấm mệt. Khi gượng người trở mình đôi chút trên giường, anh rên nhức khắp mình mẩy. Thấy vậy, từ mé bên kia đóng lửa, người An Nam vội vàng bước qua và lật đặt quì xuống bên Joseph. Dù trông ông có vẻ éo lá nhưng khi ông giúp Joseph sửa lại thế nằm cho thoải mái hơn, anh cảm thấy bàn tay ông nắm vai mình vững và mạnh. Ông kéo mền lên đắp ngang vai Joseph và dỗ dành:

- Đại úy cứ nằm nghỉ. Tôi thấy chúng ta còn rất nhiều ngày giờ để chuyện trò với nhau cho thỏa lòng. Tôi chỉ muốn bảo đảm với anh một điều, rằng anh đang an toàn trong vòng tay bằng hữu.

Sáng hôm sau, Joseph lại sức đôi chút và được mang ra khỏi hang. Anh rên thành tiếng khi Đào Văn Lật và ba người khác nâng chiếc cáng lên. Tới bên ngoài, phải mất mấy phút mắt Joseph mới quen với ánh mặt trời ban mai chói lọi. Sát bên thác nước, một lớp lau sậy mọc rậm

rap che kín mít lối vào hang. Rồi khi được đặt trên tảng đá lớn kế bên cửa hang, Joseph sùng sờ ngắm các mỏm đá cao vời vợi vượt hẳn lên trên rừng rậm nhiệt đới dày đặc. Xa xa bên kia biên giới Trung Hoa, những dãy núi cong cong và đẹp tuyệt vời, trông như hình vòi ố bánh mì ngọt, càng lúc càng hiện rõ trong sương buổi sớm đang tan.

Joseph thở ra:

- Thì ra đây là nơi tôi rơi cánh. Chấn chấn quý vị đã chọn địa điểm tuyệt đẹp này để ẩn tránh quân Nhật.

Đứng bên Joseph, Lật cũng đắm đắm nhìn – nhưng không phải để ngắm cảnh sắc ngoạn mục kia. Dưới ánh nắng chan hoà, Lật thấy rõ nét mặt của Joseph hơn trước đây lúc còn ở trong hang. Người An Nam nhỏ thó đưa đôi mắt sáng quắc nhìn Joseph chòng chọc rồi hỏi với giọng ngập ngừng, bằng một thứ tiếng Anh rất sỏi:

- Trước đây đại úy đã từng ở trong xứ sở của chúng tôi, đúng vậy không?

Joseph quay lại nhìn Lật, lòng phát sinh thêm một tò mò mới:

- Đúng. Tôi biết Sài Gòn và Huế – và có lần tôi ở Hà Nội. Tại sao anh lại hỏi như vậy?

Lật trả lời háo hức:

- Rất nhiều năm trước đây, tôi có gặp tại Huế một thiếu niên Mỹ. Tôi thấy trông anh hình như khá giống cậu ấy.

Kế đó, cả hai cùng lặng yên trong ít phút. Tâm trí Joseph cũng bắt đầu loé sáng, anh nói chậm chậm:

- Tôi có mặt tại hoàng cung lúc cử hành lễ Tết năm 1925. Rồi tới năm 1936 tôi có quay lại thăm viếng Huế và Hà Nội. Có thể chúng ta từng gặp nhau tại một trong hai nơi đó. Lật reo lên hoan hỉ:

- Vậy, tôi nhớ ra rồi. Mình từng gặp nhau ở Huế. Lúc ấy anh đi với mẹ.

Joseph sùng sốt gật đầu. Lật nói ngay:

- Tên tôi là Lật – Đào Văn Lật. Anh nhớ không. Tôi là người viết báo đừng trò chuyện với mẹ anh và anh sau cuộc lễ “làm lay”.

Tình trạng thiếu thốn phải chịu trong những năm dài tù đầy nơi đảo Côn Lôn còn ghi dấu trên hình hài của Lật cộng thêm hành vi tự thiện trước đó của anh tạo cho anh nét mặt khắc khổ khác thường. Trông anh lúc nào cũng căng thẳng, nhưng qua đôi lông mày của một người học rộng và tia nhìn long lanh dữ dội trong cặp mắt ấy, Joseph vẫn có thể nhận ra anh. Người An Nam này đúng là Đào Văn Lật năm xưa, một người chỉ biết sống cho lý tưởng, kẻ đã phát biểu với Joseph và mẹ anh những câu nói ngàn ngạt cảm hờn nơi khách sảnh trong cung điện của hoàng đế Khải Định.

Sau khi nhúu mày lục lợi quá khứ và thấy ra kết quả, người Mỹ nói:

- Tôi nhớ ra anh rồi. Tôi nhớ lúc ấy anh nổi cơn thịnh nộ về tính đạo đức giả của nghi lễ bày tỏ lòng trung quân. Tôi còn nhớ anh có kể với chúng tôi rằng anh không được phép viết ra những gì anh muốn.

Lật mỉm cười ngậm ngùi rồi nghiêng mình xuống bên Joseph, nồng nhiệt bắt tay người Mỹ:

- Có thể anh có lý. Lúc ấy tôi non trẻ và bồng bột. Giờ đây tôi sung sướng hơn bao giờ hết vì giúp được người Mỹ, lại là một bạn cũ.

Tới lượt Joseph mỉm cười và lúc lắc đầu, rất lấy làm lạ về sự trùng hợp ngẫu nhiên này:

- Anh Lật ạ, anh thôi làm nhà báo và trở thành chiến sĩ du kích từ lúc nào vậy?

Đào Văn Lật nghiêm nét mặt, càng nói càng tỏ vẻ trầm trọng:

- Vào dịp Tết năm 1930, tôi quyết định dâng hiến trọn đời mình cho cuộc chiến đấu giải phóng tổ quốc khỏi bàn tay bọn Pháp. Sau đó tôi bị bắt trong cuộc nổi dậy ở mạn bắc Trung kỳ và trải qua năm năm trong ngục tối nơi đảo Côn Lôn. Sự huấn nhục đó càng khiến tôi không thể nào để yên cho nước Pháp tiếp tục đô hộ dân tộc tôi. Sau khi được phóng thích, dù gian khổ tới mấy đi nữa, tôi tiếp tục cuộc chiến đấu.

Lật dừng lại, hít vào một hơi thật sâu để lấy lại điềm tĩnh:

- Chắc anh cũng biết, những năm tháng này thật cam go. Lúc mới bắt đầu cuộc chiến tranh

thế giới lần thứ hai, dù bọn Pháp đã dâng nộp Đông Dương cho bọn Nhật nhưng Tokyo vẫn cho phép bọn Pháp tiếp tục đàn áp những người đấu tranh cho quốc gia dân tộc. Chúng tàn sát sáu ngàn đồng bào chúng tôi trong các cuộc hành quân giết chóc ở Nam bộ và đốt cháy nhiều làng mạc ra tro than. Trong khi quý quốc và phần còn lại của thế giới bên ngoài lâm chiến với Nhật và Đức thì tại đây, các chủ nhân ông thực dân Pháp vẫn tiếp tục đối xử với chúng tôi theo cung cách họ từng đối xử suốt tám mươi năm qua. Thực tế, một cổ chúng tôi chịu tới hai tròng Pháp và Nhật. Đó là lý do tại sao Việt Minh được phục hoạt từ năm 1941, chỉ để thực hiện hữu hiệu lý tưởng đánh Nhật và đuổi Pháp.

Trong khi Lật nói, Joseph trông thấy người An Nam gầy gò thường đến thăm anh mỗi tối, lúc này từ một hang động đang nhô mình ra chỗ đất trống bên dưới tảng đá anh nằm. Ông đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, mặc bộ quần áo dày bằng vải ka-ki nâu bạc màu, tay cầm gậy trúc. Joseph nhìn ông lần bước tới bên bờ một con suối nhỏ chảy ngang sào huyết và bắt đầu cởi áo xắn quần.

Nhìn theo ánh mắt của Joseph, Lật nói:

- Sáng nào cụ cũng tắm trong nước suối lạnh như nước đá và tập thể dục mười phút trước khi ngồi vào bàn làm việc. Khí hậu và đời sống nơi rừng núi này rất khắc nghiệt. Bằng kỷ luật tự giác, cụ làm gương cho tất cả chúng tôi.

Ngay dưới chân tảng đá, lòng suối phình ra thành một chuỗi ao nhỏ. Dọc hai bên bờ suối, nhiều phiến đá tuyệt đẹp nổi lên chênh vênh và buông xuống những thạch nhũ lơ lửng trên mặt nước. Lật chỉ mấy phiến đá bằng phẳng nhất rồi nói:

- Đó, chỗ dưới đó là bàn viết của cụ. Cụ làm việc suốt ngày, lo tổ chức cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật và thực dân Pháp. Sáng nay, cụ đang viết bài cho tờ báo nhỏ của chúng tôi, tờ Việt Lập – Việt Nam Độc lập.

Ngay lúc ấy người An Nam gầy gò nhường mắt nhìn lên phía trên tảng đá và vẩy gậy trúc lên chào. Rồi với vẻ cường tráng đáng kinh ngạc, ông bước xuống lòng suối và khoát nước suối lạnh buốt lên cơ thể mảnh khảnh của mình, hết vốc này tới vốc khác.

- Ông ấy là ai vậy?

Lật sừng sốt, nhìn chằm chặp người Mỹ:

- Tôi tưởng anh biết rõ cụ. Cụ là lãnh tụ của chúng tôi. Trong nhiều năm trời cụ có danh xưng là Nguyễn Ái Quốc - nhưng giờ đây cụ lấy tên mới, một bí danh thời chiến: Hồ Chí Minh. Tên ấy có nghĩa là “Người vô cùng sáng suốt, họ Hồ”.

- Anh biết ông ấy bao lâu rồi?

- Lần đầu tiên tôi gặp cụ là ở Hà Nội năm 1930. Dịp đó, cụ cải trang làm cu-li xe kéo để đánh lừa Sở Liêm Phóng Pháp – và ngay cả tôi

lúc đó cũng không biết chắc chắn cụ là ai. Cụ là người lỗi lạc. Thân phụ thi đỗ tiến sĩ và từng làm quan. Cụ từng đi khắp thế giới. Cụ nói được nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Nga, Đức, Nhật, Tiệp - và ba phương ngữ Trung Hoa. Cụ người cùng quê hương bản quán với tôi, tỉnh Nghệ An, Trung kỳ.

Lật ngừng lại một chút rồi mỉm cười kiêu hãnh:

- Có một nạn ngữ rằng: “Dân xứ Nghệ lệ gì cũng chống!”

- Và lúc này anh cũng là một thủ lãnh của Việt Minh, phải không anh Lật?

Về mặt Lật lập tức nghiêm trang trở lại:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hãnh diện khi nói rằng tôi là một trong những đồng chí gần gũi nhất của cụ Hồ. Đã có thời tôi khá điên rồ khi nghĩ rằng mình biết rành rẽ hơn cụ về phương cách lãnh đạo phong trào quần chúng. Đã có thời tôi cho rằng một người có ý chí sắt thép và có đầy đủ nghị lực, sẵn sàng dâng hiến trọn cả tâm hồn và thể xác cho chính nghĩa, trước sau gì anh ta cũng hoàn toàn đạt được kết quả như ý. Chính cụ đã cảnh cáo tôi rằng một thủ lãnh chính trị phải bén nhạy với tâm trạng và nhu cầu của quần chúng, nhưng thời đó tôi không đủ khôn ngoan để nghe theo lời cụ.

Ngừng một chút, Lật không nhìn Joseph, và quay mặt qua chỗ khác:

- Hết thấy các biến cố xảy ra đã chứng minh rằng cụ đúng còn tôi sai. Tôi không bao giờ quên bài học đó. Và kể từ lúc ấy, tôi học thêm được nhiều bài khác nữa. Thông thường, khi chúng tôi đi ngang một làng mạc nghèo khổ, cụ dừng lại, bỏ ra nửa giờ tắm cho một em bé có bà mẹ quá bận bịu – hoặc chất dùm một đồng củi lớn cho kẻ bị đau lưng không thể cúi xuống. Cụ quan tâm hết sức sâu xa tới nhân dân – đó là lý do ai trong chúng tôi đi theo cụ cũng gọi cụ là Cụ Hồ. Họ biết cụ chăm lo cho họ như thể họ chính là người trong gia đình của cụ.

Cảm thấy lòng hiếu kỳ càng lúc càng tăng, Joseph hỏi:

- Ông ấy bao nhiêu tuổi? Ban đầu tôi tưởng ông già lắm nhưng lúc này...

Lật nói với giọng cung kính:

- Không, cụ chưa già, cụ năm mươi tư tuổi. Nhưng mới đây những khổ sở cùng cực cụ vừa chịu trong các nhà tù bên Trung Hoa làm cụ già trước tuổi. Cụ vượt biên giới sang Tàu năm 1941 để đề nghị Tưởng Giới Thạch liên kết với Mặt Trận Việt Minh đánh bọn Nhật. Nhưng tên tổng tư lệnh xảo quyệt ấy tống cụ thẳng vô nhà ngục. Chúng lấy cớ sắt xiềng cả hai chân cụ, tròn gông vô cổ cụ, giải cụ đi bộ hàng trăm cây số trên đất Trung Hoa. Chỉ nội một năm, cụ bị nhốt trong ba chục nhà tù khác nhau. Cụ lâm bệnh nặng tới nỗi khắp người phù thũng

và rừng nhiều răng. Ban đêm trong xà lim lạnh cóng, nhiều tù nhân nằm kề bên cụ bị chết. Rồi tới một ngày kinh hoàng nọ, chúng tôi nhận được tin cụ đã lìa đời. Chúng tôi tổ chức lễ tang tại Pắc Bó này và để tang cụ. Ai nấy đều tê dại vì đau đớn.

Trong khi hồi tưởng, trên mặt Lật toát ra vẻ khổ sở. Anh nói tiếp:

- Rồi tới nhiều tháng sau đó chúng tôi nhận được một tờ báo xuất bản bên Tàu. Bên lễ trang báo có một bài thơ viết tay. Đó chính là nét chữ của cụ. Xét theo ngày tháng phát hành tờ báo, chúng tôi có thể đề quyết rằng cụ còn sống. Hết thấy chúng tôi đều vui mừng không tả xiết. Đại úy Sherman ạ, để kỷ niệm ngày đó, chúng tôi học thuộc lòng bài thơ viết tay ấy. Anh có muốn tôi đọc bản tôi dịch sang tiếng Anh cho anh nghe không?

Joseph lơ đãng gật đầu, mắt vẫn dõi theo người An Nam gầy gò khi ông leo lên bờ suối. Lật đọc:

MỚI RA TỪ, TẬP LEO NÚI

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi

Lòng sông gương sáng, bụi không mờ

Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh

Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa

[Nguyên văn phiên âm ra Việt Hán]

TÂN XUẤT NGỤC HỌC ĐĂNG SƠN

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân

*Giang tâm nhu kính tịnh vô trần
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh
Dao vọng Nam Thiên ức cố nhân.]*

Joseph ngược lên nhìn Lật. Anh thấy trong khi đọc bài thơ ấy mắt Lật mờ dần. Lật nói, giọng khản đặc vì xúc động:

- Biết được cụ vẫn “Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa” là tin vui nhất mà chúng tôi hằng khao khát. Trong ngục tù, cụ còn sáng tác nhiều bài thơ nữa để tự giúp mình sống sót trong cuộc thách đố dài dằng dặc ấy – bài nào cũng viết bằng chữ nho và làm theo lối cổ thi. Tôi đã dịch tất cả các bài thơ ấy ra tiếng Anh và tiếng Pháp.

Anh dừng lại và rút từ túi áo trên ngực ra một tập giấy có nhiều nếp nhăn:

- Đây là một bài thơ khác của cụ viết về những kinh hoàng trong cuộc tù đầy dài ngày ấy...

BỐN THÁNG RỒI

“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”.

Lời nói người xưa đâu có sai...

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TỨ CÁ NGUYỆT LIÊU

“Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại”.

Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa...]

Joseph nhắm mắt, thả người nằm xuống trong ánh nắng ấm áp. Ngoài tiếng Lật nhịp nhàng đọc thơ, âm thanh duy nhất là tiếng

nước thác đang rơi rì rào và chảy tràn mặt đá như vỡ về môn trốn. Dần dần, không khí tĩnh lặng u tịch của núi cao hiệp với tình trạng đuối người mệt lã do thân đau và cơn sốt gây nên, tất cả đem lại trong anh cảm giác bình an và thanh thản sâu lắng.

Đột nhiên, những chuyển vào sinh ra tử và những cuộc oanh kích trong ba năm qua giờ đây dường như thuộc về một thế giới nào khác, rất xa xăm và quá đổi diệu vợi. Lòng Joseph càng lúc càng cảm thấy biết ơn sâu nặng những kẻ cứu thoát mình. Anh thấy rõ mình chừng như đang bị cuốn hút cách riêng vào người An Nam gầy gò và phúc hậu như một người cha, đang đứng ở khoảng đất trống dưới kia.

Từ người ông toát ra sự ấm áp và mộc mạc, rõ ràng đang ràng buộc toàn du kích quân Việt Minh ít ỏi này vào với ông bằng một sợi dây mạnh mẽ như một gia đình ruột thịt. Trong chốc lát, Joseph tưởng như thấy mơ hồ trong tâm trí anh cảm giác ân hận rằng mình đã không yêu thương người cha ruột nhiều hơn. Nhưng cảm giác ấy không đủ mạnh để làm xáo trộn những xúc động canh tân và hạnh phúc lúc này đang lan tỏa và tràn ngập châu thân anh. Anh trôi trong nắng ấm bênh bồng vào một giấc ngủ yên bình và tươi mát.

Tới xế chiều, cùng với mặt trời đang xuống, Joseph bắt đầu ra khỏi giấc ngủ. Ban đầu anh

tuồng mình nghe hàng loạt tiếng súng máy nổ ran trong một cơn mơ. Rồi cảm thấy Lật nhè nhẹ lay vai mình, Joseph nhận ra tiếng súng nổ chát chúa từng phát một. Và tiếng bắn trả hàng loạt của nhiều khẩu súng máy ấy là âm vang của một trận đánh thật sự từ một nơi gần đó vọng lại. Vẫy tay gọi mấy người lo việc khiêng cáng tới gần, Lật nói thật gấp với Joseph:

- Vòng đai bảo vệ bên ngoài đang đụng độ bọn lính tuần tiểu Pháp. Chúng tôi phải dời đi ngay.

Joseph ngó xuống thấy bãi đất trống sống động hẳn với các dân quân Việt Minh chạy lúp xúp.

Ngay lúc ấy, thân hình đội mũ cối của Hồ Chí Minh nhô ra khỏi bàn đá chỗ ông ngồi làm việc. Ông truyền hết lệnh này tới lệnh khác bằng giọng dứt khoát và đĩnh đạc. Rồi chỉ nội trong vài phút, toàn trại lên đường.

Joseph được cáng đi men theo một khe núi cao. Qua những ghềnh đá lởm chồm kế tiếp nhau rồi tới một bìa rừng âm u mọc đầy những lùm cây rậm rạp và đan nhau chằng chịt. Bên dưới vòm lá rừng sinh động đã dựng sẵn năm sáu túp lều trú ẩn làm bằng mây đan với lá gồi. Lập tức các du kích quân bố trí đầu vào đó và lại bắt tay ngay vào việc.

Xa xa, tiếng súng vang lên từng chập trong khoảng nửa giờ rồi cuối cùng im bật. Về sau, Lật kể cho Joseph biết có hai lính Pháp bị quân du

kích giết trong cuộc chạm trán kịch liệt và khá dầy dụa nhằm kéo dài thời gian cho căn cứ nơi hang động kịp thời sơ tán.

Sau khi hoàn thành công tác chặn địch, các du kích bảo vệ ấy lẫn vào núi đồi trùng điệp và chờ lúc đêm xuống mới kéo nhau về khu trại mới này.

Joseph trải qua đêm ấy nghỉ ngơi thoải mái trong một túp lều lá gồi. Hôm sau, anh thức giấc lúc trời vừa rạng sáng và thấy một đám du kích quân đông hơn số người hôm qua, đã tập hợp sẵn trên bãi đất trống để chuẩn bị thao diễn theo đúng quân cách. Họ được trang bị bằng nhiều loại vũ khí cổ lỗ.

Một người An Nam khôi ngô và linh hoạt đang di chuyển lanh lẹ giữa các du kích quân, khi điều chỉnh tư thế cho người này khi sửa lại y phục cho người nọ. Người ấy mang bên hông một khẩu súng lục để yên trong bao. Chân đi giày quăn xà cạp trắng. Đầu đội mũ phớt đen. Mỗi lần lấy mũ xuống, để lộ một mái tóc đen nhánh chải không thành nếp và rù lòa xoa xuống trán, Lật ngời xồm xuống bên cạnh Joseph, thấp giọng kể:

- Đó là đồng chí Võ Nguyên Giáp. Anh tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố và là chỉ huy trưởng quân sự của chúng tôi. Tuy anh ấy là cựu sinh viên luật Đại học Hà Nội, phải bỏ dở sau năm thứ hai, nhưng lại thích nghiên cứu các

trận đánh lừng danh trong lịch sử thế giới. Anh có thể vẽ theo trí nhớ các kế hoạch hành quân tất cả những trận đánh của Napoléon. Anh cảm thù Pháp cực độ vì chị dâu của anh bị Pháp xử tử và vợ anh chết trong nhà tù của Pháp.

Joseph quan sát lực lượng ít ỏi ấy. Trong khi họ xếp thành đội ngũ anh đếm được ba mươi bốn người, trong đó có ba người nữ. Một nửa nắm chặt những khẩu súng kíp cổ lỗ còn hầu hết những người khác được trang bị bằng súng trường lỗi thời, loại bật cơ bấm nạp từng viên đạn rồi bắn từng phát một. Có hai người đeo súng lục ngang thắt lưng. Chỉ có một người hãnh diện ôm chặt khẩu tiểu liên độc nhất vào ngực. Áo chèn và quần ka-ki màu phân ngựa hay màu xanh đậm của họ đều sờn và bạc màu. Nhiều người là dân sơn cước thuộc sắc tộc Tày hoặc Nùng trong vùng và đi chân đất. Ai nấy đều khoác chéo qua thân trên một ruột tượng, có lẽ để chứa lương thực và vật dụng cá nhân khi đi rừng.

Đằng sau họ, trong ánh nắng ban mai chói lọi, giập giòn trên đầu một chiếc cột là lá cờ đỏ chính giữa điểm ngôi sao vàng. Lật đưa tay chỉ và nói:

- Đó là ngọn cờ của chúng tôi - lá cờ Việt Minh. Lá cờ này xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa của nhân dân Nam bộ cách đây bốn năm. Chúng tôi quyết định rằng

đã tới thời điểm bắt đầu xây dựng quân đội để một ngày nào đó sẽ giải phóng toàn bộ xứ sở. Chúng tôi tập hợp lại đây những chiến sĩ xuất sắc nhất từ các nhóm rải rác khắp vùng đồi núi Bắc kỳ. Đại úy Sherman ạ, hết thấy những người anh thấy đằng kia, tới một lúc nào đó họ sẽ là thủ lĩnh các toán võ trang cứu quốc quân của chính họ – họ đều là những chiến sĩ dũng cảm, những kẻ khẳng định mình bằng hành động.

Joseph ngo ngoáy, co người ngồi lên và xem xét thật kỹ đám đông đang tập hợp đó. Tuy tất cả ba mươi bốn du kích quân đều hãnh diện đứng thẳng người dưới tia mắt chăm chặp của vị chỉ huy trường nhỏ thó nhưng nếu bảo rằng đó là một lực lượng chiến đấu thì họ mong manh quá. Joseph cảm thấy kinh ngạc về tinh thần cực kỳ kiên quyết, rõ ràng đang làm sinh động đám người vừa ít ỏi vừa xộc xệch này.

Trong khi anh quan sát, hình dáng gầy gò của Hồ Chí Minh từ một lều cỏ bước ra. Joseph đoán ông xuất hiện để duyệt binh. Lúc này ông vẫn đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, một tay vẫn cầm gậy trúc còn tay kia cầm ngọn cờ đỏ sao vàng có cán dài.

Sau khi trình trọng trao ngọn cờ ấy cho một người đứng ở hàng đầu – Đào Văn Lật nói với Joseph rằng đó là chính trị viên của đội – ông nghiêm trang đi qua đi lại trước hàng quân. Kế đó, ông bước tới đứng cạnh cột cờ, bắt đầu nói

chuyện với họ với giọng chậm rãi và thân tình. Joseph lắng nghe lời dịch của Lật.

Hồ Chí Minh vừa nói vừa lần lượt nhìn chiếu cổ vào mặt từng du kích quân:

- Ngay từ lúc mới bắt đầu, tất cả mọi người đều phải hành động kiên quyết và hành động lẻ làng. Chúng ta phải động viên hết thầy nhân dân cả nước, kêu gọi họ cùng nổi dậy với chúng ta - vì thế, chúng ta phải tập trung tâm trí, chú ý tối đa và ưu tiên cho các hoạt động chính trị tuyên truyền hơn là các chiến dịch quân sự. Nhưng hễ đã tấn công kẻ thù thì phải đảm bảo rằng ta ra tay cú đầu là thắng ngay! Xuất hiện bất ngờ - rồi biến đi nhanh như chớp, không để lại dấu vết nào cả!

Ông ngừng lại một chút. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, một nụ cười rạng rỡ toả sáng khắp bộ mặt hốc hác của ông:

- Hôm nay là ngày 22 tháng Mười hai năm 1944. Tất cả các chú các cô trong đơn vị này là những thành phần lâu năm của một gia đình mà càng ngày sẽ càng lớn mạnh. Tới một ngày nào đó chiến trường hành quân của nó sẽ là cả nước Việt Nam - từ phương bắc xa xôi xuống sâu tới tận phương nam bao la. Các chú các cô phải bảo đảm rằng tác phong phục vụ của mỗi người sẽ là gương mẫu cho hết thầy những người đi theo mình!

Nói xong những lời ấy, ông đứng yên bên cột

cờ tiếp nhận “Muời lời thể danh dự” của toàn đội do chính trị viên tuyên đọc. Các du kích quân quì xuống. Sau mỗi lời thể, họ đưa nắm tay quả quyết lên trời, đồng thanh lớn tiếng hô thể hứa.

Kế đó, không thêm một nghi thức nào, Võ Nguyên Giáp, kẻ tổ chức và lãnh đạo toán quân ấy, nhanh nhẹn dẫn đầu họ đi đều bước theo lá cờ trên tay chính trị viên, ra khỏi bãi đất trống.

Người mà họ gọi là “Cụ Hồ” đứng chăm chú nhìn theo bước chân của họ. Họ vừa biến mất trong rừng rậm, Hồ Chí Minh thả bộ tới bên lều của Joseph, mỉm cười với anh rồi ngồi lên một gốc cây cụt cạnh cửa. Nâng cao sắt cùng uống chung nước dừa với người Mỹ và Lật, ông lên tiếng trước:

- Đại úy ạ, hôm nay anh được ưu tiên lớn lao, đó là chứng kiến sự ra đời của “Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân” đấy.

Ông dừng lại, nở một nụ cười hóm hỉnh và nói tiếp:

- Cái tên to tát cho một lực lượng còn con, có lẽ vậy – nhưng chúng tôi có cao vọng rằng phát xuất từ những khiêm tốn này nó sẽ lớn mạnh rất nhanh. Lúc này chiến lược của chúng tôi là làm công tác tuyên truyền khắp nơi và đoạt lấy vũ khí tốt hơn của bọn Pháp và bọn Nhật. Anh thấy đó, chúng tôi cần vũ khí, cần ghê gớm.

Hồ Chí Minh trầm ngâm nhấp từng hớp nước dừa. Trong một lúc, ông không nhìn Joseph:

- Chúng tôi đã tranh thủ được các dân tộc miền núi. Người Nùng và người Tày thuộc trong số những chiến sĩ giỏi nhất của chúng tôi. Việt Minh hứa cho họ tự trị khi đất nước được giải phóng và vì thế họ lũ lượt kéo tới tham gia đại nghĩa.

Nói tới đó ông ngược mắt nhìn Joseph và mỉm cười:

- Đại úy Sherman ạ, họ giữ đúng lời hứa của họ và anh thật may mắn. Chính người Nùng đã cứu mạng anh.

Joseph nở nụ cười ấm áp với vị cao niên hơn mình:

- Tôi hết lòng biết ơn sự giúp đỡ của ông. Tôi hy vọng có một lúc nào đó và bằng cách thức nào đó tôi có thể đền đáp.

Hồ Chí Minh nghiêng mình về phía chiếc cang, dịu dàng vỗ vai Joseph:

- Đại úy không cần phải nghĩ tới việc đền đáp chúng tôi. Việc giúp được một người Mỹ trở lại cuộc chiến đấu với bọn Nhật tự nó là phần thưởng đầy đủ cho chúng tôi rồi.

Và thêm lần nữa ông nở nụ cười rạng rỡ:

- Chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ đưa anh về lại đơn vị. Đồng chí Lật đã cho tôi biết hai người là bạn cũ. Và đồng chí ấy nghĩ rằng anh đã khá mạnh để có thể bắt đầu chuyến đi sang đất Tàu ngay sáng nay. Tôi muốn đi bộ với đại úy tới biên giới, để được nói lời tạm biệt anh

bằng câu chúc “lên đường bình an”, có phiền anh không?

Joseph lúc lắc đầu, cười hóm hỉnh:

- Không -nhưng hầu như tôi luyện tiếc phải rời khỏi nơi này. Tôi bắt đầu thích sự bình an và tĩnh lặng tại chốn mật khu rừng núi của ông.

- Thế thì đại úy cứ trở lại đây thêm lần nữa - nhưng lần tới mình hãy đừng có đau nhức nữa. Hồ Chí Minh vừa nói vừa cười khúc khích và đứng lên:

- Tôi phải đích thân đi kiểm tra những thứ tiếp liệu đang được chuẩn bị, để bảo đảm anh có đủ lương thực đi đường.

Vị lãnh tụ Việt Minh đi sát bên chiếc cang của Joseph, leo trèo suốt quãng đường dài dẫn tới điểm vượt biên. Đích thân đeo túi xách đựng lương khô cho Joseph, ông còn tiếp tay với Lật cùng những người khiêng cang khác đang đỡ mồ hôi nhễ nhại những lúc họ vấp vấp hoặc trượt chân khi băng qua hẻm núi đá lởm chởm.

Lúc nào Hồ Chí Minh cũng gợi chuyện để làm Joseph quên cơn đau xóc mỗi lần chiếc cang nảy lên dần xuống. Ông nói về những kinh nghiệm của mình tại Mỹ, về lịch sử của đất nước ông và của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Ông hỏi han Joseph về gia đình anh, chăm chú lắng nghe khi anh, qua hai hàm răng cắn chặt nhin đau, nói tới nghề nghiệp chính trị của cha mình và về công trình nghiên cứu lịch sử Á Đông của mình.

Khi đoàn người tới điểm vượt biên trên đỉnh một ngọn núi và dừng lại trong hơi thở hỗn hển, Hồ Chí Minh nhìn sang đất Trung Hoa. Ông phát biểu với giọng đầy vẻ thán phục:

- Đại úy ạ, đối với tôi, nghe như thể anh biết cận kề hơn tất cả chúng tôi đây về mảnh đất này của thế giới. Anh cũng biết rất rõ rằng chúng tôi đã chịu biết bao nhiêu thất bại trong cuộc đấu tranh giành tự do. Thật đáng tiếc anh không thể ở lại đây lâu hơn để phụ tôi giảng dạy lịch sử cho các thành viên mới tuyển mộ của Việt Minh.

- Có lẽ phải chờ tới lúc xong cuộc thế chiến này.

Joseph mỉm cười đáp lại trong lúc những người vừa khiêng cáng lên núi chuyển nó cho sáu du kích quân võ trang khác đang chờ sẵn để mang anh xuống thung lũng đi sang đất Tàu.

Khi Đào Văn Lật chìa tay chào từ giã, Joseph bắt bằng cả hai bàn tay của mình và niềm nở cảm ơn. Lật nói đầm ấm:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hy vọng tới ngày giải phóng chúng mình lại gặp nhau nữa.

Vẫn ấp bàn tay người An Nam trong tay mình Joseph ngập ngừng hỏi:

- Anh Lật ạ, thuở đó, lúc chúng ta gặp nhau, anh cùng đi với quan sứ thần ở Sài Gòn, anh còn nhớ không?

Lật gật đầu:

- Làm sao quên được. Ông ấy là anh rể của tôi.

Joseph cố giữ cho giọng mình như thể buột miệng mà nói:

- Anh có biết hiện nay Monsieur Trần Văn Hiếu và gia đình ông ấy ra sao không? Trong lần ghé lại trước đây, tôi có gặp hai con trai của ông ấy và Lan, cô con út.

- Trần Văn Kim hiện là thành viên xuất sắc của Việt Minh. Cậu ấy đang hoạt động chìm ở Phúc Yên, phía nam nơi này.

Joseph gợi thêm:

- Còn Tâm và Lan, cả hai ra sao?

Lật nhún vai, mắt nhìn xuống đất, bối rối:

- Đại úy ạ, tôi e mình chẳng biết gì về hai anh em ấy. Đã nhiều năm nay tôi không liên lạc gì với chị tôi và các cháu – cả đồng chí Kim cũng thế. Thời gian này thật khó khăn cho tất cả chúng tôi.

Joseph lệ làng gật đầu:

- Hiển nhiên là vậy, tôi biết.

Tới lượt Hồ Chí Minh cầm tay Joseph và nói:

- Đại úy ạ, khi anh đã an toàn về tới Côn Minh, xin vui lòng trình bày với các sĩ quan cao cấp rằng Hoa Kỳ đang có tại vùng rừng núi Bắc kỳ những đồng minh sẵn sàng tiếp tay với mình. Việt Minh rất hân hạnh sát cánh với người Mỹ để đánh bọn Nhật. Bằng việc phá hoại các đường tiếp liệu và các kho vũ khí, ta sẽ đạt được rất nhiều kết quả tốt.

Joseph vừa siết chặt bàn tay người An Nam vừa hứa:

- Tôi sẽ trình lên cấp trên. Họ sẽ biết ơn những gì ông đã làm cho tôi.

Trên khuôn mặt của Hồ Chí Minh toả sáng một nụ cười triu mến và chân tình:

- Chúng tôi giúp bất cứ phi công nào lỡ bị bắn hạ trong vùng rừng núi này và quý vị có thể trông cậy vào chúng tôi. Anh là vị khách Mỹ đầu tiên nên anh luôn luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong lòng chúng tôi. Tại Côn Minh, nếu người của Nước Pháp Tự Do hoặc của Tưởng Giới Thạch vẫn cứ tiếp tục ngoan cố qui kết chúng tôi là cộng sản bôn-sê-vich, xin anh chớ bao giờ tin vào lời của họ. Xin anh vui lòng nói với họ rằng Việt Minh là một liên minh của những người yêu nước, lập ra cách đây tám năm, từng được Trung Hoa Quốc Dân Đảng công nhận. Và Việt Nam của chúng tôi hôm nay cũng y hệt Hoa Kỳ của quý vị năm 1775 vậy. Đối với dân tộc chúng tôi, không có gì quý hơn độc lập tự do. Và chúng tôi hoan nghênh sự tham gia của tất cả những ai muốn chiến đấu cho độc lập và tự do của dân tộc.

Joseph hỏi, và nhìn thẳng vào mắt người An Nam ấy:

- Ông có bao giờ là người cộng sản?

Hồ Chí Minh cười thật tươi:

- Đại úy ạ, nếu có người nào thắc mắc về hoạt động chính trị của tôi, xin anh cứ giản dị nói với người ấy như thế này: “Đảng phái của ông ta là

đất nước của ông ta, chương trình của ông ta là nền độc lập.” Dù có xảy tới điều gì đi nữa, chúng tôi vẫn tiếp tục chiến đấu cho nền độc lập - và nếu cần, con cháu chúng tôi sẽ kế tục chúng tôi chiến đấu. Chúc anh “lên đường bình an”.

Trong khi các du kích quân trăm trảy trăm trật khiêng chiếc cang của Joseph xuống núi, vấp chân trên những lối mòn đá lởm chởm và chênh vênh dẫn sang đất Tàu, Joseph nhắm nghiền mắt, nghiền chặt răng nhin đau. Đoàn người khấn trương đi tới chỗ kín đáo trong rừng nơi mé dưới sườn núi.

Thình thoảng Joseph không nín được, phải thét lên đau đớn. Khi họ xuống tới vùng cây cối rậm rạp, Joseph ngoái đầu nhìn lui. Anh bắt gặp hình dáng lơ mờ sau cùng của người An Nam đang đứng nghiêng bóng trên bầu trời xanh ban mai đầy ánh nắng chói lọi. Joseph đưa tay lên vẫy. Ở đỉnh núi trên cao, hình dáng gầy gò ấy cũng đưa chiếc mũ cối và nâng cây gậy trúc lên quá đầu mình làm thành một cử chỉ giã biệt nhau lần cuối.

- 7 -

Tới cuối tháng Hai năm 1945, mặt ngoài lớp bột bó từ hông xuống mắt cá chân phải của Joseph chi chít chữ ký và những câu đùa giỡn tục tĩu. Chúng được viết nguệch ngoạc lên đó bởi các “Phi Hồ” khác cũng bị thương và cùng

nằm điều trị với anh tại quân y viện của căn cứ Côn Minh. Trong số đó có cả chữ ký của thiếu tướng Claire Lee Chennault, vị tư lệnh mặt ó lừng danh của Không đoàn. Ông tạm ngưng một chút việc chạy theo kim đồng hồ chỉ huy cuộc không chiến suốt ngày suốt đêm với quân Nhật để đích thân tới thăm Joseph và nghe anh kể chuyện làm thế nào một trong các phi công tài ba nhất của ông đã từ cõi chết trở về như một phép lạ.

Sau gần ba tuần lễ mất tích, đúng đêm giao thừa Tết Tây, Joseph được một chiếc xe tải ọp ẹp, không mui không ghế, chở tới thả xuống trước cổng bộ tư lệnh Không đoàn Mười Bốn. Và để làm cho chuyến trở về của Joseph tăng thêm vẻ kỳ bí, hai du kích quân tháp tùng anh từ biên giới tới đây đã âm thầm lên đi thật nhanh để bắt đầu cuộc hành trình dài về lại Bắc kỳ.

Chiếc cáng nằm đó trước con mắt sừng sốt của lính gác cổng. Họ hè nhau khiêng Joseph vô căn cứ. Và chuyến trở về kỳ thú của anh khiến cho cuộc liên hoan mừng năm mới của Phi đội 308 vốn âm ỉ sẵn lại náo nhiệt thêm. Tuy vậy, bản thân Joseph lại không thể tham dự cuộc vui đó vì y sĩ không đoàn đã vội vàng bắt tay ngay vào việc khám lại anh, bó bột xương bảp đùi bị gãy và những chỗ xương nứt nơi ống quyển chưa được phát hiện trước đây.

Sáng hôm sau, khi tướng Claire trong bộ đồ

bay bạc màu trần mạc và trên vai lấp lánh hai ngôi sao bạc cấp thiếu tướng, sải bước vào khu điều trị, các phi công bị thương khác vỗ tay rào rào hoan hô Joseph và hè nhau cất giọng vịnh đực hát ông ổng bài đồng ca triu mến: “Why Was He Born So Beautiful! - Sao Sinh Ra Hấn Tuyệt Vời Đến Thế!”

Nét mặt sẵn sùì của vị tướng không quân vốn nổi tiếng là một chiến binh Mỹ lừng danh nhất tại châu Á dịu xuống thành một nụ cười hài lòng khi Joseph kể làm thế nào quân du kích An Nam che giấu anh thoát khỏi tay quân Nhật và chăm sóc anh tại một khu trên núi của họ rồi sau đó, lén lút đưa anh an toàn vượt biên giới sang đất Trung Hoa. Bằng giọng trọ trẹ đặc sệt miền nam in đậm dấu vết sinh trưởng vùng Louisiana, tướng Chennault nói rõ rề:

- Chắc chắn chúng ta cần tới loại giúp đỡ ấy. Lúc này tại chiến trường Miến Điện-Ấn Độ, mạng của phi công Đồng Minh trị giá ngang với trọng lượng số vàng cân theo người anh ta. Joseph ạ, chúng tôi ai nấy đều vui sướng thấy anh trở về nguyên vẹn - và chúng tôi còn vui sướng hơn nữa khi thấy anh lại tung cánh giữa trời.

Trong khi thương tích của Joseph ngày càng thuyên giảm, bên ngoài khu điều dưỡng, tiếng gầm rú của phi cơ vận tải hạng nặng, oanh tạc cơ và chiến đấu cơ bay lên đáp xuống liên tục

suốt ngày suốt đêm. Đạo quân xâm lược khổng lồ của Nhật vẫn băng ngang Trung Hoa, tiến về hướng tây, đe dọa luôn cả Côn Minh. Đồ quân nhu huyết mạch Đồng minh tiếp liệu cho binh lính Trung Hoa vẫn được chở bằng máy bay từ Ấn Độ vượt qua “Đỉnh Bướu” Hi Mã Lạp Sơn để xuyên thủng vòng vây phong tỏa của quân thù.

Trên chiến trường châu Âu, các đạo quân Anh Mỹ và Nga từ hai cánh tây và đông tràn vào nước Đức không chút xót thương. Có vẻ cuộc xung đột toàn cầu đang đi tới giai đoạn cực điểm của nó. Joseph ngạc nhiên thấy mình không còn cảm thấy nôn nóng muốn được ra trận lần nữa như trước đây anh thường cảm thấy. Anh nhận ra rằng sau lần có cảm giác mình chắc chắn sẽ chết ấy nay anh đang cân nhắc một cơ hội nào đó để bảo đảm mình sống sót.

Hình ảnh những ngày chung đụng với quân du kích An Nam chòn vòn trong tâm tư Joseph và kéo trí óc anh về lại những thoáng gặp gỡ thuở nào với xứ sở ấy. Với lòng cảm mến không nguôi anh vẫn nhớ tới vị lãnh tụ du kích bí hiểm, kẻ đã tỏ ra tận tình săn sóc anh tại Pắc Bó. Nhưng khi một y công đưa vào cho Joseph mảnh giấy nhỏ trên đó người viết ghi ngắn gọn là xin được tới thăm anh hôm nay, vào tuần lễ đầu tháng Ba này, anh nhướng mắt nhìn chằm chặp chữ ký và phân vân.

Joseph xem xét nét chữ loằng ngoằng như

con nhện trên mảnh giấy màu lục làm bằng bột dó rồi nhúu mảy nhìn người y công, dò hỏi:

- C.M. Hoo? Tôi không quen người nào có tên này. Ai đưa anh mảnh giấy này vậy?

Anh y công nhún vai:

- Một ông Tàu lớn tuổi. Trông lão giống một loại hành khất nào đó. Lão nói chúc anh mau lành mạnh và kể là lão từng gặp anh một lần ở một chỗ nào đó. Lão nói tên chỗ đó bằng tiếng Tàu nhưng tôi không nhại lại nổi.

- Tốt nhất là anh đưa ông ta vào đây.

Joseph nói hờ hững. Nhưng một phút sau đó, anh giật nảy người trên giường khi thấy một hình dáng quen thuộc trong bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ cối móp méo, đang nghiêng mình chống gậy trúc đi khắp khênh xuống khu điều dưỡng. Khi người An Nam ấy bắt tay Joseph, ông cười hóm hỉnh:

- Thật mừng khi thấy ở đây anh được chữa trị tốt hơn ở Pắc Bó rất nhiều, đại úy Sherman ạ. Tôi hy vọng lúc này anh sắp lành hẳn.

Joseph nhìn ông, không tin nổi mắt mình. Anh nói:

- Tôi không nhận ra cái tên ông ghi trên tờ nhắn.

- À, đúng rồi, tôi viết tên mình theo lối người Mỹ thích viết - ghi tắt tên và để nguyên họ, có thêm một chữ o. Tôi quên lửng anh là người rất quen thuộc các lễ thời phương đông.

- Nhưng ông Hồ ạ, ông đang làm gì ở Côn Minh này vậy?

Trước vẻ mặt băn khoăn của Joseph, người An Nam tiếp tục mỉm cười:

- Đại úy ạ, đối với Côn Minh tôi không phải là người lạ. Vì ở gần biên giới Bắc kỳ nên “Thành phố mùa xuân bất tận” này suốt nhiều năm nay thường được người theo chủ nghĩa dân tộc của nước tôi dùng làm nơi lưu vong tị nạn.

- Và ông sang đây tị nạn sao?

Người An Nam lúc lắc đầu, mặt vẫn cười tươi rói:

- Không. Thỉnh thoảng tôi tới đây để tìm hiểu những gì xảy ra trên các vùng đất còn lại của thế giới. Tôi thích đọc các số báo *Time* cũ, một tạp chí xuất sắc của quý vị, tại phòng đọc sách của Cơ quan Thông tin Chiến sự Hoa Kỳ – nhờ đọc chúng, tôi cập nhật hoá được tin tức.

- Và làm thế nào ông tới được đây?

- Tôi đi bộ qua biên giới tới Tỉnh Tây.

Miệng Joseph há hốc:

- Nhưng đoạn đường đó dài ít ra cũng ba trăm hai chục cây số!

Người An Nam nói giản dị:

- Đúng đấy, có thể hơn nữa. Nó làm tôi đi mất hai tuần lễ. Chân tôi bây giờ hơi sưng nhưng tôi đã quen đi bộ lúc bị tù ở Trung Hoa rồi.

Joseph phản bác:

- Có điều ông không đi hết quãng đường xa xôi như thế chỉ để đọc các số báo *Time* cũ.

Đôi mắt đen sồi nổi đang nhìn người Mỹ bỗng lấp lánh hơn, Hồ Chí Minh gật đầu đồng ý:

- Đại úy ạ, dĩ nhiên anh có lý. Tôi tới đây để hiến cho tướng Chennault những công tác Việt Minh làm được. Tôi nghĩ rằng chúng tôi có khả năng cứu thoát thêm nhiều phi công nếu chúng tôi có vũ khí tốt hơn và vài ba chiếc máy truyền tin, nhưng Cục Công Tác Chiến Lược OSS của quý vị tỏ ra không quan tâm. Họ nói rằng không thể trao vũ khí cho chúng tôi trong tình trạng chúng tôi dùng chúng để đánh Pháp, một đồng minh của quý quốc tại châu Âu. Họ sẽ không cho tôi, dù chỉ một khẩu súng lục Colt .45 thôi – và cũng không để cho tôi tiếp xúc với thiếu tướng của anh.

- Ông không nói cho họ biết là ông từng cứu thoát một phi công Mỹ sao?

Người An Nam gật đầu:

- Tôi có nói nhưng tôi nghĩ là họ không tin.

Hồ Chí Minh vẩy vẩy bàn tay bất mãn lên bộ quần áo lấm lem bụi đường của mình và mỉm cười rầu rì:

- Có lẽ anh không nên trách họ. Ngó tôi như thể tự cứu thân mình còn không xong làm sao cứu nổi ai.

Khi Joseph phá lên cười và người An Nam cười theo. Sự chân chất duyên dáng của ông làm dâng tràn trong lòng người Mỹ một niềm mến cảm mới. Hồ Chí Minh tiếp tục nói, mắt vẫn lấp lánh:

- Anh thấy đó, đầu óc của các viên chức OSS đầy đầy thành kiến rằng có thể chúng tôi là cộng sản. Họ chỉ nghe lời của Tưởng Giới Thạch và đám tình báo của Nước Pháp Tự Do. Không phải chính tôi đã từng cảnh giác anh về điều đó sao?

- Rồi ông nói với họ như thế nào?

- Tôi nói rằng người Pháp thích kết án cộng sản hết thảy những ai muốn Đông Dương được độc lập. Và vì Tưởng Giới Thạch đang bỏ công chống Mao Trạch Đông nhiều hơn chống bọn Nhật nên ông ta cũng nóng vội kết án Việt Minh là cộng sản.

Joseph buột miệng nói:

- Tôi sẽ đích thân trình lên tướng Chennault. Tôi có kể với ông ấy về những gì người của ông đã làm cho tôi. Lời ông yêu cầu gặp tướng Chennault có thể sẽ không bao giờ lọt qua các sĩ quan phụ tá của ông ấy.

Hồ Chí Minh cau mày, đặt bàn tay mình lên cánh tay Joseph. Ông nói với vẻ can ngăn:

- Xin anh đừng vì tôi mà rước rắc rối vô mình. Anh phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Tôi tới đây không phải để làm rộn anh.

Joseph vỗ vỗ bàn tay người An Nam và mỉm cười quả quyết:

- Sau những gì ông đã làm cho tôi, đối với tôi chẳng còn gì gọi là rắc rối nữa. Hồ Chí Minh nói thật gấp:

- Nếu có được một cuộc gặp gỡ như vậy với thiếu tướng hẳn tôi sẽ rất sung sướng khi nhận được một vật kỷ niệm giản dị của ông ấy. Tôi nghe nói thiếu tướng có dành sẵn các bức ảnh chân dung in trên giấy láng dùng để tặng cho những ai ngưỡng mộ tài năng lãnh đạo của ông ấy. Tôi thật rất biết ơn nếu anh có thể thuyết phục được thiếu tướng ký tặng tôi một tấm.

Joseph cười lớn:

- Một tấm ảnh giấy láng là cái hết sức tối thiểu ông sẽ nhận được, ông Hồ ạ. Tôi xin hứa như vậy. Riêng cá nhân tôi, như một lời cảm tạ, tôi sẽ kiếm cho ông vài khẩu Colt .45 với một hai thùng đạn. Thêm nữa, tôi nghĩ tướng Chennault sẽ đồng ý gặp ông khi tôi trình lên ông ấy rằng ông là ai và cả những việc ông đang làm. Ông còn ở Côn Minh bao lâu nữa?

- Một hoặc hai tuần. Tôi thuê phòng nhỏ bên trên một tiệm làm đèn cây.

- Vậy tuần sau, xin ông trở lại đây gặp tôi.

Người An Nam đứng lên và mặt bỗng lộ vẻ nghĩ ngợi:

- Cảm ơn đại úy... Thật vui mừng hết sức về những khẩu Colt .45 đại úy vừa nói tới. Đặc biệt nếu anh có thể cho tôi tiếp nhận loại súng chưa hề khai ra, còn trong vỏ và nguyên xi bao bì. Giờ đây tôi phải đi trước khi làm anh thất vọng vì trò chuyện quá nhiều.

Hồ Chí Minh bắt tay Joseph thật chặt và dậm

chân đi thẳng. Nhưng rồi ông tần ngần quay mình lại, mở nút một trong những túi áo ka-ki bạc màu. Bộ mặt nhăn nheo của ông thoáng một nụ cười ngượng ngịu:

- Đại úy Sherman, xin anh đừng chấp lão già đa cảm này nếu tới lượt mình đến đáp lòng từ tế của anh, già xin tặng anh một bài thơ mọn già vừa làm.

Hồ Chí Minh đưa về phía người Mỹ một tờ giấy dó màu lục gấp làm tư. Xúc động trước cử chỉ đó, Joseph trả lời:

- Tôi rất sung sướng tiếp nhận. Ở Pắc Bó, anh Đào Văn Lật có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ của ông. Lúc đó, tôi rất ngưỡng mộ.

- Tôi làm bài thơ này trên đường băng núi đi bộ từ Bắc kỳ sang đây. Trong khi làm, tôi nghĩ tới anh và cầu mong anh chóng bình phục. Trong chiếc máy bay lâm nạn, anh đã kề cận cái chết và anh sống sót. Điều đó làm tôi nhớ lại bản thân mình cũng từng thoát khỏi bàn tay của tử thần – tôi gần như sắp lìa đời lúc ở trong nhà ngục tại Trung Hoa.

Joseph mở tờ giấy, thấy bài thơ có tám câu, viết với nét chữ loằng ngoằng như chân nhện từng được anh xem xét trong tờ nhấn lúc nãy. Bài thơ ghi bằng tiếng Anh, và rõ ràng được dịch từ một nguyên bản chữ nho. Anh đọc thấy:

TRÒI HÙNG

Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:

*Hết mưa là nắng hừng lên thôi;
 Đất trời một thoáng thu màn ướt,
 Sông núi muôn trùng trái gấm phơi;
 Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
 Cây cao, chim hót rộn cành tươi,
 Người cùng vạn vật đều phơi phới:
 Hết khổ là vui, vốn lẽ đời.*

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TÌNH THIÊN

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
 Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
 Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,
 Vạn lý sơn hà sái cảm chiên;
 Nhật noãn phong thanh hoa đới tiểu,
 Thụ cao chi nhuận điệu tranh ngôn;
 Nhân hoà vạn vật đô hưng phấn,
 Khổ tận cam lai lý tự nhiên.]*

Xúc động vì tính lạc quan mộc mạc của bài thơ, mắt Joseph rời trang giấy ngược lên định cảm ơn kẻ sáng tác. Nhưng người An Nam ấy đang khập khểnh đi ra khỏi khu điều dưỡng. Dù mắt Joseph vẫn mãi miết ngó theo Hồ Chí Minh suốt quãng đường dẫn ra tới cổng, ông đi thẳng không ngoái đầu nhìn lui.

Vị khách xuất hiện kế tiếp bên giường bệnh của Joseph năm ngày sau là người anh chưa

từng quen biết, một đại tá tóc đỏ tuổi mới ngoài bốn mươi. Ông cho quây quanh giường bệnh một vòng bình phong che chắn cẩn mật rồi đưa mắt nửa đùa nửa thật, ngó chăm chăm những lần mực nguệch ngoạc trên lớp bột bó chân Joseph. Sau khi ngó đã đời, ông nhăn nhó cười gần và chìa bàn tay:

- Đại úy này, khi cái chân khỏi hẳn, anh nên giữ lại phần bó bột này, đưa cho viện bảo tàng quân đội. Nó là bằng chứng tuyệt vời giúp các thế hệ mai sau biết rõ những ám ảnh tình dục của người lính Mỹ bình thường trong thế kỷ hai mươi. Tôi là đại tá John Trench. Anh không biết tôi, còn tôi, tôi biết nhiều về anh – hầu hết qua ông bạn già người An Nam của anh. Ông ta nói với tôi rằng ông đã thật sự lết từ Bắc kỳ tới đây bằng cả hai chân lẫn hai tay.

Joseph cười thú vị:

- Đại tá gặp ông ấy ở đâu vậy?

- Kẻ thích tự xưng là C.M. Hoo đó mấy tháng nay thường lui tới phòng đọc sách của Cơ Quan Thông Tin Chiến Sự. Mãi cho tới lúc tướng Chennault chuyển cho tôi mảnh giấy của anh viết về ông ta, chúng tôi vẫn thường đem chuyện ông ra đùa giỡn, cho rằng ông là một thứ người An Nam quái đản cứ thích vẽ vời nói đi nói lại chuyện cứu phi công Mỹ nơi rừng sâu núi thẳm. Nhưng khi bọn Nhật thỉnh linh phong tỏa Đông Dương, ngay sau hôm chúng tôi thấy mảnh giấy

của anh, chúng tôi lật đật chạy tới tiệm làm đèn cây được anh ghi trong giấy. Và chúng tôi trò chuyện với ông ta rất lâu.

Ngừng một chút, viên đại tá nhượng cặp lông mày dò hỏi:

- Đại úy có theo dõi tin tức không?

Joseph gật đầu. Suốt ba ngày nay, các bản tin loan qua đài phát thanh đều tường thuật đầy đủ chi tiết việc Nhật bắt thần đảo chánh Pháp tại Đông Dương. Vào ngày 9 tháng Ba, lực lượng Nhật gồm sáu mươi ngàn lính thiện chiến tấn công các binh đoàn thuộc địa có quân số tổng cộng chỉ bằng một nửa. Tất cả các cơ sở chính quyền, đài phát thanh, xưởng máy và ngân hàng đều bị chiếm đóng. Quân Pháp tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội có kháng cự lẻ tẻ nhưng bị dập tắt ngay. Hết thầy binh lính Pháp, sĩ quan và hàng trăm công chức cao cấp đều bị nhốt trong các doanh trại và các trại tập trung đặc biệt. Vài đơn vị Pháp bỏ trốn. Và theo các bản tin mới nhất, phần đoạn hậu của các đơn vị ấy vẫn chống trả vô vọng với quân Nhật trên đường rút sang Lào. Joseph hỏi:

- Đại tá nghĩ lý do nào khiến Tokyo đột nhiên trở mặt với Pháp lẽ như vậy?

- Chưa biết ra sao nhưng theo tôi, có vẻ như thể bọn Nhật nghĩ rằng lúc này Chú Sam sẵn sàng đổ bộ vào bất cứ lúc nào lên bờ biển Đông Dương dài trên ba ngàn hai trăm cây số. Có lẽ

bọn Nhật cho rằng người Pháp cũng đang sẵn sàng đá vào đít chúng.

- Và cái gì gọi cho họ có ý tưởng đó?

Viên đại tá lại nhăn mặt cười, tỏ dấu hoài nghi:

- Sau năm năm hợp tác chặt chẽ với bọn lùn da vàng, nay người Pháp khá nóng ruột. Họ muốn quất roi ngựa để tỏ ra rằng từ đầu chí cuối họ vẫn là kẻ trung thành và ủng hộ Nước Pháp Tự Do của De Gaulle. Kể từ lúc Paris được giải phóng, khắp Đông Dương họ dán hình De Gaulle lên vách tường và vẽ lung tung các khẩu hiệu ủng hộ Nước Pháp Tự Do trên mọi đường phố.

- Nhưng phải chăng chúng ta đang có dự tính đổ bộ lên Đông Dương?

Trong một chốc viên đại tá đưa mắt ngó xuyên qua các tấm bình phong quay chung quanh giường bệnh rồi thấp giọng:

- Đại úy ạ, nếu nước Mỹ có tính tới chuyện đó thì cũng chẳng ai bỏ công nói cho tôi hoặc cho bất cứ nhân viên nào trong bộ phận Tình báo Đặc Biệt ở Côn Minh này biết.

Ông lại toét miệng cười với Joseph khi buột miệng nhắc tới Cục Công tác Chiến lược OSS (Office of Strategic Services). Là phi công, Joseph biết rất ít về vai trò của OSS tại Trung Hoa. Anh cho rằng các phái viên cải trang của OSS đang tổ chức những toán kháng chiến tại bất cứ địa điểm nào có thể, ở đằng sau phòng tuyến của Nhật, đúng theo loại hoạt động

thông thường của OSS. Và ngoài những công tác ấy, các hoạt động khác của cơ quan đó được bảo mật tối đa.

Joseph vừa nói vừa thăm dò thật kỹ vẻ mặt của viên đại tá tình báo:

- Ông Hồ có nói với tôi rằng OSS không để ý mấy chút tới ông ấy hoặc tới Đông Dương. Ông ấy nói rằng quý vị quá bận khoản về những liên hệ có thể dính dáng tới cộng sản - và quý vị không cứu xét việc đưa vũ khí hoặc đồ thiết bị cho nhóm của ông ấy vì ngại rằng họ sẽ dùng chúng để chống lại người Pháp, đồng minh của chúng ta.

Trench gật đầu:

- Đúng vậy đó đại úy, nhưng chỉ đúng cách đây một tuần thôi.

- Vậy cái gì làm quý vị đổi ý?

- Cuộc đảo chánh của Nhật ở Đông Dương! Nguồn tin tình báo chìm đang dồi dào bỗng tắt tịt như có tay ai khoá vòi nước. Thành linh chúng tôi chẳng nhận được chút tin tức nào về những gì mình cần biết như mục tiêu đội bom, căn cứ phòng không, những vụ chuyển quân... Với hơn sáu chục ngàn lính Nhật đang trụ chân sau, chồm người tới trước trong tư thế ứng chiến ở đồng bằng châu thổ thì điểm nổi bật lúc này là mạn ngược thượng du. Ngày nào cũng phải tăng thêm các cuộc oanh kích, và giờ đây bộ chỉ huy OSS ở Trùng Khánh ra mệnh

lệnh ưu tiên số một: “Hãy thiết lập lên một loại hệ thống tình báo khẩn cấp nào đó ở miệt dưới đó.” Vì thế chúng tôi tuyển mộ ông Hoo bạn anh làm một trong các cụm tiểu tổ tình báo của chúng ta. Mã danh công tác của ông ta là “Lucius”. Tối nay, chúng tôi sẽ cho máy bay chở ông ta về biên giới với một máy truyền tin thu phát hai chiều và một chuyên viên điện đài người Mỹ gốc Hoa. Nếu ông ta có một tổ chức chính trị gồm mấy trăm người rải khắp Bắc kỳ như anh nói và biết điều động hợp lý, hẳn ông ta có khả năng cung cấp những tin tức tình báo chúng ta đang cần.

Cười thật tươi, viên đại tá đột nhiên từ người vào thành giường bệnh, đưa ngón tay trở gồ nhẹ nhẹ lên ngực Joseph:

- Và đó chính là địa điểm đại úy Joseph T. Sherman, cựu phi công Không đoàn Mười Bốn Hoa Kỳ, sẽ được biệt phái tới – để giúp xử lý công tác. Cho tới khi ông già An Nam ấy mở mắt cho chúng tôi, không ai ở đây nhận ra rằng chúng ta đang sử dụng một người am hiểu lịch sử Á Đông, thông thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Tàu để làm phi công dội bom và nã súng vào bọn Nhật. Rồi khi đọc lý lịch của anh và biết ra rằng anh có xuất bản một cuốn sách mỏng về người An Nam, tôi vội vàng chạy tới gặp Đại Bàng của Phi Hồ để xốt anh cho các chiến dịch của OSS tại Đông Dương. Ông ấy giao tôi quyền

thuyết phục anh cho tới khi nào anh gật đầu thì thôi. Anh nói gì, đại úy?

Joseph cảm thấy hốt nhiên ở đâu đó sâu trong lòng mình vang lên rộn ràng những tiếng đập háo hức:

- Thừa đại tá, chính xác ông muốn đề nghị tôi làm loại công tác nào?

- Bắt đầu với việc tiến hành nghiên cứu và phân tích tin tức dự trữ tại Côn Minh. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thả người nhảy dù xuống Bắc kỳ.

Ngừng nói, ông gật gù đầu nhìn xuống chỗ chân bó bột của Joseph:

- Khi anh bỏ hẳn được cái bộ sưu tập loãng ngoằn ngoèo những nét vẽ này, có thể chúng tôi sẽ phái anh tới đó với một toán đầy đủ nhân viên để anh vùng vẫy ngang dọc khắp chốn núi cao rừng sâu đó. Có thể là tổ chức huấn luyện và phá hoại kiểu biệt kích. Ông bạn già An Nam của anh ca ngợi anh hết lời. Ông ta coi anh là Người Số Một và nói sẽ rất vui mừng được sớm nghênh đón anh ở chốn đồi núi đó. Anh thấy việc đó có hấp dẫn không?

Joseph bật cười, đáp lại:

- Ăn đạn dưới đất có thể là một thay đổi đáng hoan nghênh hơn ăn đạn trên trời, lúc này tôi chỉ nghĩ thế thôi.

Đại tá Trench cười theo, vỗ vai Joseph:

- Tốt. Anh có thể chống nạng đi tập tễnh được

rồi phải không? Trước lúc ông Hoo lên đường, tôi có sắp xếp cho anh đi với ông ta chiều nay đến gặp thiếu tướng. Tôi cũng sẽ có mặt tại đó. Trong khi viên đại tá OSS khởi sự dọn dẹp các tấm bình phong chung quanh giường bệnh, Joseph nói thật lẹ:

- Tôi có một điều kiện tối hậu.

- Điều kiện gì?

- Tôi cần nửa tá súng Colt .45 còn nguyên xi trong bao bì với một hoặc hai thùng đạn - và cần ngay hôm nay.

Cặp lông mày của Trench nhướng nhướng trêu chọc:

- Đại úy ạ, chuyện vùng vẫy dọc ngang là để cho về sau. Người trong tình trạng như anh lúc này muốn ba cái thứ đó để làm gì chứ?

- Tôi muốn làm quà tặng cho ông Hồ bạn già của chúng ta - như một loại đền đáp riêng tư của Phi đội 308.

Với vẻ mặt cực kỳ trầm trọng Trench làm bộ cừu xét lời thỉnh cầu của Joseph rồi nói:

- Thôi đành vậy, đại úy, tôi thua anh. Nhưng về phần anh, anh phải ra sức bảo đảm rằng trước khi cuộc chiến này chấm dứt, sáu khẩu Colt đó đáng giá với công tác của OSS.

Chiều hôm đó cả ba người bị giữ ngồi chờ bên ngoài phòng làm việc của tướng Chennault nửa tiếng đồng hồ trong lúc các sĩ quan Mỹ và Hoa với vẻ mặt khẩn trương, tất bật ra vào hội ý cấp

tốc với vị tư lệnh của mình. Nơi phòng khách, người An Nam chào hỏi Joseph bằng cái bắt tay nồng nhiệt và nụ cười rạng rỡ như thường lệ. Joseph để ý thấy vào dịp này chiếc áo bốn túi bạc màu của ông được mang và ủi thẳng nếp. Đại tá Trench khi vào có xách theo một xác-cốt kéo phեc-mơ-tuya lên kín miệng. Ông nháy nhó làm bộ làm tịch về hướng Joseph rồi đặt xác-cốt xuống sát chân ghế mình ngồi.

Dù vách tường thuộc loại cách âm người ngồi trong phòng vẫn nghe vọng vào tiếng gầm rú của máy bay cất cánh và hạ cánh nơi phi đạo bên ngoài. Cuối cùng, cả ba được đưa vào văn phòng của Chennault. Họ thấy vị tướng tư lệnh đang ngồi làm việc đằng sau chiếc bàn to tướng với giấy má bẻ bộn trên mặt bàn. Sát bức vách sau lưng ông, cắm lá cờ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Mé trên túi áo ngực bên trái của chiếc áo khoác nhà binh lấp lánh ba dây tua huy chương sáng loáng.

Chennault lập tức đứng dậy, chìa bàn tay chào đón người An Nam, và nói nhả nhận:

- Mừng được gặp ông, ông Hoo ạ. Đây là cơ hội cho tôi được nói lời cảm ơn cách riêng của mình về việc cứu thoát một trong các phi công xuất sắc nhất của tôi.

Trên bộ mặt khoằm khoằm của vị tướng nhá lên một nụ cười. Nhưng thái độ của ông vẫn trầm ngâm như thể tâm trí đang phân vân cân

nhắc làm cách nào mưu trí nhất để sử dụng số nhân sự, súng ống và đồ tiếp liệu hữu hạn trong tay mình mà đánh bại quân Nhật.

Người An Nam nghiêng đầu đầy vẻ tôn kính:

- Thưa thiếu tướng, chính tôi mới là kẻ được đặc ân cực độ. Chưa bao giờ tôi dám có ý nghĩ rằng mình có đủ may mắn được bắt tay một chiến binh Hoa Kỳ lừng danh như thế này. Tôi ngưỡng mộ thiếu tướng từ nhiều năm nay, ngay từ thuở số lượng các “Phi Hổ” tình nguyện chưa được bao nhiêu người, ông đã cùng họ dũng cảm đánh đuổi các oanh tạc cơ của Nhật ra khỏi bầu trời đầy mây đen vần vũ trên các thành phố Trung Hoa.

Lối nói tiếng Anh văn vẻ không ngờ của vị khách mặc quần áo tối tàn và sự nồng ấm chân tình trong lời lẽ của khách lập tức khiến bộ mặt của vị tướng Mỹ bùng nở thật tươi một nụ cười thú vị và khoáng đạt. Ông lật đật kéo ghế, ra đứng hẳn một bên bàn giấy và trả lời một cách sáng khoái:

- Thưa ông, tôi xin cảm ơn lời khen ngợi đầy thiện ý của ông. Tôi ngạc nhiên khi thấy nơi xứ sở của ông lại có người biết tới những chuyện như thế.

Liếc thật lẹ tăm bản đồ Trung Hoa và Đông Nam Á trên vách phía sau người Mỹ, Hồ Chí Minh nhìn thẳng vào mắt vị tướng, miệng mỉm cười:

- Thừa thiếu tướng, hầu như khắp Á Đông không ai không nghe nói tới một con người đã và đang chứng tỏ mình là trở ngại độc nhất và lớn nhất cho cuộc xâm lăng Trung Hoa của bọn Nhật. Nay gặp thiếu tướng tôi mới hiểu tại sao một số phi công dưới quyền ông đã nói về ông như là “kẻ thân cận nhất của Chúa mà tới nay người ta mới biết.”

Mọi người Mỹ có mặt đều bật cười hể hả và thân thiện trước việc Hồ Chí Minh sử dụng tinh tế tiếng mẹ đẻ của họ. Và khi một nữ thư ký xinh đẹp trong bộ quân phục ka-ki bung vào các tách trà có đậy nắp theo kiểu Tàu, cả chủ lẫn khách cùng ngồi xuống, trò chuyện bông đùa tỏ mở về việc cứu thoát Joseph và chuyển trở về Côn Minh đây kinh ngạc của anh.

Họ cũng đề cập tới khả năng giải cứu phi công trong tương lai. Nhưng người An Nam giữ đúng lời khuyến cáo của đại tá Trench, thận trọng né tránh những ngõ ngách có thể dẫn tới việc thảo luận về chính trị. Khi viên đại tá OSS thấy Chennault liếc đồng hồ, ông liền đứng dậy tỏ dấu rằng đã tới lúc từ giả.

Thêm lần nữa Hồ Chí Minh mỉm cười duyên dáng và nói:

- Thừa thiếu tướng, tôi xin hạ mình cảm ơn ông đã bỏ chút thì giờ tiếp kiến tôi. Nhưng trước khi ra về liệu tôi có thể xin ông một chút đặc ân không ạ?

Chennault nôn nóng ngó xấp giấy tờ thư ký vừa đặt lên bàn trước mặt ông và lơ đãng gật đầu. Hồ Chí Minh nói thêm thật nhanh:

- Thừa thiếu tướng, đây chỉ là lời thỉnh cầu có vẻ như của một học sinh đang trên ghế nhà trường. Nhưng tôi muốn có một vật kỷ niệm lần được diện kiến ông hôm nay. Khi kể lại với kẻ khác việc mình từng gặp người Mỹ đã xây dựng Phi Hổ thành một lực lượng không quân vũ bão và hiện đại, tôi muốn mình có thể trưng ra cho họ thấy một tấm ảnh của thiếu tướng.

Chennault mỉm cười nhẹ nhõm với một chút ngượng ngịu. Ông ra hiệu thư ký mang tới chiếc cặp hồ sơ trong đó đựng một xấp ảnh giấy láng. Khi cầm tấm ảnh từ nữ thư ký trao, Hồ Chí Minh bước tới bàn giấy, đặt tấm ảnh lên tờ giấy thấm:

- Và thưa thiếu tướng, nếu ông vui lòng ký tặng thì thật hân hạnh gấp bội cho tôi.

Chennault mở nắp bút máy, viết nguệch ngoạc ngay phía dưới tấm ảnh: “Người bạn chân thành - Claire L. Chennault”, và trao lại cho người An Nam. Xong, ông nói với giọng dứt điểm:

- Ông Hoo ạ, nắm vững công tác nhé.

Khi các vị khách theo nhau chưa bước ra khỏi văn phòng, ông đã quay trở lại với đồng hồ sơ của mình.

Ở phòng đợi bên ngoài, Joseph trao chiếc xác-cốt đựng sáu khẩu Colt .45 và một ngàn

viên đạn cho Hồ Chí Minh. Bộ mặt của người An Nam sáng lên rạng rỡ với vẻ biết ơn. Ông siết chặt tay Joseph bằng cả hai bàn tay mình và nói:

- Đại úy Sherman ạ, anh trả cho tôi gấp bao nhiêu lần cái việc nhỏ nhoi tôi đã làm cho anh. Đại tá Trench có nói với tôi rằng tôi có thể hi vọng một ngày nào đó sẽ được gặp lại anh khi anh hoàn toàn bình phục. Tôi vô cùng sung sướng trông mong mau tới ngày ấy.

Hai giờ sau, chiếc máy bay chuẩn chuẩn nhỏ L-5, loại có thể đáp xuống chỗ đất trống và hẹp trong rừng, cất cánh rời Côn Minh bay về phương nam, vượt qua vùng đồi vòng đai xanh của thành phố Tĩnh Tây, mang theo "C.M Hoo", một máy truyền tin hai chiều của OSS và một kỹ thuật viên điện đài người Mỹ gốc Hoa. Khi máy bay vừa đáp xuống, cả hai hành khách liền thay quần áo kiểu dân Nùng sơn cước, giả dạng làm kẻ buôn lậu vùng biên giới và lao mình vào cơn mưa, lội bộ xuyên qua bóng đêm tìm đường về Bắc kỳ. Người Mỹ gốc Hoa đeo chiếc ba lô to tướng chứa cơ phận máy truyền tin, còn người An Nam gầy gò tự mình vác xắc-cốt đựng những chiến lợi phẩm quý báu, biểu hiện cho sự sở đắc đầy mưu trí lập trường ủng hộ của Hoa Kỳ: mấy khẩu súng lục còn nguyên si trong bao và tấm ảnh có chữ ký của Chennault.

Vì kể từ ngày đảo chánh, Tokyo đặt các su

đoàn Nhật tại Đông Dương trong tình trạng báo động biên phòng suốt ngày suốt đêm nên cả hai buộc lòng đêm đi ngày núp, làm chuyển trở về Pắc Bó phải mất gần hai tuần lễ. Nhưng kể từ khi đặt xong máy truyền tin, những tin tức tình báo nhanh nhạy và chính xác về các mục tiêu quân sự và các cuộc chuyển quân của Nhật bắt đầu được chuyển dồi dào về Côn Minh và được mau lẹ phân phối cho các đồng minh của Mỹ.

Hai tháng sau, đại úy Joseph Sherman hoàn toàn bình phục. Vào lúc anh được chính thức chuyển từ Phi đội 308 sang văn phòng của bộ chỉ huy OSS tại Côn Minh, các máy truyền tin, vũ khí và đồ tiếp liệu được thả dù đều đặn xuống rừng già Bắc kỳ. Đồng thời phái viên người An Nam, mã danh “Lucius”, kẻ tự xưng là Hồ Chí Minh, trở thành đầu não của một trong những mạng lưới tình báo quân sự hữu hiệu nhất của Mỹ tại Á Đông.

- 9 -

Qua khung cửa sổ bên hông chiếc máy bay chuẩn chuẩn nhỏ bé một động cơ, trung úy David Hawke chăm chú nhìn theo tám đồng đội OSS vừa tung người ra khỏi chiếc máy bay vận tải C-46, nhảy xuống ngay bên trên các thửa ruộng bậc thang nằm theo một sườn núi vùng Bắc kỳ, cách Hà Nội khoảng một trăm ba mươi cây số hướng tây bắc. Hawke nín thở chờ

cho tới lúc tám cánh dù bung đủ hết mới ngồi lại ngay ngắn, nhìn qua vai phi công, ngó thẳng vào tấm kính chắn gió khi chiếc L-5 liệng vòng. Trước mũi máy bay hiện lên và trải dài những ngọn đồi đá vôi lởm chởm với những rừng sâu phủ một màu rừng xanh mượt. Đưa hai con mắt lo lắng nhìn thật kỹ cảnh núi rừng hoang dã cố tìm dấu hiệu của một bãi đất trống và bằng phẳng, Hawke quay sang Joseph, cười nhún vai và nói:

- Đại úy ạ, lúc dự dõ tôi gia nhập đơn vị này người ta nói với tôi rằng họ muốn có những chàng trai “coi thường nguy hiểm một cách có tính toán”. Nhưng nếu ông hỏi quan điểm của tôi lúc này, tôi sẽ thừa thốt rằng chốn này liều mạng có thừa nhưng tính toán mấy cũng không đủ. Nếu không chính mắt mình chứng kiến, tôi không tin nổi cái bao diêm biết bay này có thể đáp xuống đó không bị sứt mẻ chút nào, rồi lại có thể cất cánh bay về.

Joseph cười mỉm. Anh đang quan sát các thùng chứa súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, các-bin, súng phóng lựu được tống ra khỏi cửa chiếc C-46 bay đằng sau và rơi thẳng xuống đất.

- Đừng lo Dave. Người của Không đoàn Mười Bốn có nhắm mắt cũng vô ra lên xuống chốn này như đi dạo mát.

Nghe lời tán tụng ấy, viên phi công trẻ tuổi đang lái máy bay toét miệng cười trong khi ung

dung lượn chiếc phi cơ nhỏ của mình bay là đà ngọn cây. Mắt anh ta nhìn chăm chú đường trước, tìm dấu vết vật đất trống vừa được du kích quân Việt Minh âm thầm phát quang để làm bãi đáp.

Hôm đó là ngày sau cùng của tháng Bảy năm 1945. Đường sau ba người, mặt trời đang xuống ngang đỉnh núi phương tây. Trong vùng rừng nhiệt đới rậm rạp bên dưới, đầu đó ẩn kín sào huyết mới của Mặt Trận Việt Minh, mục tiêu tìm đến của mười quân nhân toán đặc nhiệm Phòng Hành Quân Đặc Biệt OSS do Joseph Sherman làm trưởng toán. Với mã danh “Đoàn Huơu”, toán đặc nhiệm này phụ trách công tác huấn luyện và trang bị cho Việt Minh để đánh phá ngầm theo kiểu biệt kích các đường lộ và đường xe lửa nối liền Hà Nội với các cứ điểm quân sự của Nhật tại mạn nam Trung Hoa.

Kể từ tháng Ba năm nay, quân Đồng Minh càng ngày càng dồn Quân đội Thiên Hoàng vào thế thủ nhưng cho tới lúc này đối phương chưa có dấu hiệu sụp đổ như các đạo quân của Hitler tại châu Âu đã rút cuộc phải buông súng đầu hàng vào đầu tháng Năm vừa qua. Như thế, cuộc chiến đấu của Đồng Minh để khuất phục quân Nhật vẫn nằm trong viễn ảnh gian nan và dài ngày. Từ Nhà Trắng đã phát đi một mệnh lệnh tối thượng: “Hỗ trợ cho bất cứ ai có khả năng giúp đỡ chúng ta bắn vào bọn Nhật.”

Bên dưới máy bay bỗng lộ ra một bãi đất trống tự nhiên, tuy nhỏ nhưng đã được phát rộng, dài gần trăm rưỡi thước. Khi xác định có nhóm nhỏ quân du kích đang tụ tập ở một đầu bãi, trung úy Hawke bật ra lời thở than ngao ngán:

- Bãi đáp gì khốn nạn, không lớn hơn sân bóng chày mấy tí.

Trong lúc phi công sà cánh bắt đầu lượn vòng tìm cách đáp xuống, Hawke thở dồn dập:

- Đại úy ơi, tôi thấy thà mình nhảy dù còn sướng hơn – trong máy bay có dù không đấy?

Bộ mặt trẻ thơ của chàng thanh niên hai mươi ba tuổi tốt nghiệp khoa luật Đại học Boston hồi hộp đỏ gay. Nụ cười tự trấn an của anh ta không tương xứng với vẻ khẩn trương quá đáng đang toát ra đầy mặt. Sáu tháng sau khi hoàn tất khóa học tiếng An Nam cấp tốc của Đại học California tại Berkeley và còn đang tiếp tục theo học ở đó, Hawke được tuyển làm thông dịch viên cho OSS. Thêm lần nữa anh nôn nóng quay qua Joseph và nói:

- Đại úy có nhận ra “Lucius” trong số những người đang ra đón mình ở dưới đó không. Tôi đang căng hai con mắt chờ coi ông ta đây.

- Tôi không thấy có ông ấy. Công điện truyền tin vừa nhận được nói ông lại ngã sốt rét. Ông làm việc cật lực, sức khoẻ lại kém.

- Có phải ông già đó đúng là một câu đố bí hiểm kiểu Tàu không? Mấy tháng nay, người Mỹ

nào được thả xuống làm việc chung với ông ta cũng đều ca ngợi như điên về sự “dịu dàng” và “bản tính mềm mỏng” của ông ta. Nhưng việc ông ta không để cho lính tráng Nước Pháp Tự Do lén phéng tới Bắc kỳ thì chẳng mềm mỏng chút nào. Việc áp tải trở lại biên giới một người Pháp do chúng ta phái tới và hăm dọa bắn tia hoặc bỏ đói bất cứ người Pháp nào lò mò sang đây, theo tôi, những hành động ấy chẳng giống chút nào tác phong của một ông già “dịu dàng”.

Joseph nói điềm tỉnh:

- David ạ, người An Nam ghét người Pháp là có lý do chính đáng. Tôi nghĩ rằng anh sẽ thấy mình dễ dàng thông cảm họ khi anh chuyện trò với “Lucius” và một số người theo ông ấy. Khi chiếc L-5 bay qua khỏi các ngọn cây sát mép bãi đất trống, phi công cho nó rơi thẳng như một trái banh. Máy bay chạm mặt đất, nảy lên, lăn bánh một quãng chừng hai mươi thước rồi dừng yên. Joseph leo ra ngoài. Anh lập tức nhận ra người An Nam nhỏ thó linh hoạt với mái tóc lòa xoà đang lẹ làng bước hẳn ra đằng trước toán du kích quân để nghênh đón anh. Võ Nguyên Giáp tươi cười chìa bàn tay và nói bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman, hoan nghênh anh trở lại với chúng tôi lần nữa. Chắc anh đã hoàn toàn bình phục. Joseph trả lời, gọi Võ Nguyên Giáp bằng mã danh của OSS:

- Cám ơn Monsieur Văn, lúc này tôi đã khá. Chân cử động còn hơi cần cái nhưng thật thoải mái khi trở lại đây với anh, đi đứng bằng hai chân của mình. Mọi sự ở đây ra sao rồi?

- Máy người Mỹ nhảy dù xuống đều an toàn. Người của tôi đang xuống thung lũng giúp họ gom đồ tiếp liệu rồi dẫn họ về trại.

- Riêng Monsieur Hồ thế nào?

Bộ mặt Võ Nguyên Giáp chợt tối sầm lại với vẻ lo lắng:

- Đại úy ạ, cụ Hồ bệnh nặng lắm. Chuyển đi bộ tới Tỉnh Tây rồi lại lợi bộ về đây dưới trời mưa làm sức lực cụ cạn kiệt. Anh mang theo bác sĩ chứ?

Joseph lắc đầu:

- Không. Nhưng trong số những người nhảy dù có một y tá. Anh ta có đem theo thuốc men.

- Có lẽ khi anh ấy tới ta bắt tay vô khám bệnh ngay.

Nói xong, người An Nam quay mình cất bước, lẹ làng dẫn đường ra khỏi bãi đất trống rồi đi dọc theo một lối mòn nhỏ trong rừng.

Trại của quân du kích gồm những túp lều lợp lá gồi, cột sần sùi, dựng lộn xộn bên sườn đồi trong một rừng tre rậm rạp bên đèo Kim Lũng. Khi toán nhảy dù tới nơi, Võ Nguyên Giáp lập tức dẫn Joseph và người lính y tá trẻ tuổi vô một túp lều. Ở đó họ thấy Hồ Chí Minh đang nằm trong góc lều, run rẩy dữ dội. Lúc này ông

gây trơ xương, nước da vàng vồ bệnh hoạn. Ông rên rĩ, la hét trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh và rõ ràng ông không còn nhận ra ai nữa. Trong khi người y tá Mỹ cúi cúi đếm nhịp tim và cặp nhiệt người An Nam, Võ Nguyên Giáp thì thắm vào tai Joseph:

- Suốt đêm qua tôi ở bên cụ. Hễ mỗi khi hơi tỉnh được đôi chút, cụ chỉ cực kỳ khẩn trương nói tới những việc Mặt Trận Việt Minh cần làm ngay. Cứ mỗi lần nghĩ ra một điều gì đó, cụ vội vàng thúc giục chúng tôi chớ quên điều ấy. Tôi e cụ tin rằng đó là những ý nghĩ trời trăng của mình. Cả hai nhìn chăm chăm vẻ gay cấn của y tá khi anh chẩn bệnh. Lúc anh đứng lên, bộ mặt anh chùng xuống. Joseph hỏi gọn lỏn:

- Bệnh ra sao?

- Chắc chắn sốt rét và kiết lỵ. Theo như tôi biết, có thể ông ta mắc hết một nửa các loại bệnh nhiệt đới. Tôi nghĩ chắc ông ta không qua khỏi.

- Liệu anh có làm được gì cho ông ấy không?

- Tôi có thể cho ông ta ký-ninh và lưu huỳnh nếu ông ta còn đủ sức cầm cự – nhưng tôi không hứa sẽ có phép lạ...

Joseph nhìn xuống bộ mặt xanh mét hốc hác ấy và ngắt lời:

- Được. Làm đi.

Khi y tá sửa soạn xong ống chích, anh cúi xuống tiêm thuốc vào mé trên cánh tay của Hồ

Chí Minh nhưng đột nhiên người An Nam vùng vẫy dữ dội làm mũi kim trượt ra ngoài.

- Để tôi làm cho! Sửa soạn ống chích khác.

Joseph nóng nảy ra lệnh và quì xuống. Túm chặt vai người An Nam đang quằn quại, anh cúi sát mặt người bệnh, miệng nói chậm chậm, gần từng tiếng bằng Anh ngữ và giữ cho khuôn mặt mình yên một chỗ, thẳng và ngay chính giữa hai con mắt nhìn của người hấp hối:

- Xin nghe kỹ đây. Tôi là Joseph Sherman. Tôi đem thuốc của Mỹ từ Côn Minh tới. Ông không chết đâu. Cứ để tôi giúp ông.

Gần như ngay lúc ấy đôi mắt đang trợn ngược bỗng dần dần nhắm xuống và người An Nam thôi không lăn lộn trên giường. Joseph ra hiệu đưa ống chích cho mình. Anh đặt nó giữa lòng bàn tay còn lại, tiêm thuốc vào cánh tay của Hồ Chí Minh, đúng chỗ bắp thịt tiếp giáp y tá vừa chỉ. Trong một hai phút, Joseph tiếp tục quì bên giường, giữ yên hai bàn tay ướt đẫm mồ hôi lạnh đang rối loạn bấu chặt tay anh. Rồi khi hai bàn tay ấy lịm hẳn, Joseph đứng lên. Anh bảo y tá:

- Anh trực bên ông ấy cho tới hết đêm nay. Thịnh thoảng tôi vào thăm chừng. Bên ngoài lều, Võ Nguyên Giáp đưa mắt lo lắng dò hỏi về mặt của Joseph:

- Đại úy Sherman, anh thấy liệu cụ có khoẻ trở lại không?

Joseph trả lời:

- Chúng ta chỉ có thể hy vọng và cầu nguyện cho ông ấy chịu thuốc. Nhưng nhân viên của tôi nghĩ rằng anh nên chuẩn bị cho khả năng xấu nhất có thể xảy tới.

Khắp chung quanh họ, du kích quân An Nam ì ạch kéo vào trại những thùng vũ khí và chất nổ vừa theo chân các lính nhảy dù OSS rơi rải rác khắp các thửa ruộng. Võ Nguyên Giáp xin phép rút lui để ra lệnh cất giấu những vũ khí ấy. Một phụ tá của Võ Nguyên Giáp đưa toán OSS tới mấy chiếc lều mới cất, sàn lót tre và dựng sát nhau, phía trước đã nhóm sẵn một đống lửa. Sau khi tắm trong lòng suối chảy xiết gần đó, Joseph quay về lều của mình. Anh ngồi ra mùi thịt nướng từ một bãi đất trống đầy bóng tối thoáng tới, thơm phưng phức. Thoáng thấy có bóng người An Nam đứng nơi ngưỡng cửa, Joseph ngược lên. Người ấy vội vàng nói bằng tiếng Pháp, giọng thân mật:

- Chúng tôi có mỡ bò ăn mừng các anh tới đây. Chúng tôi mong ước những chiến hữu Mỹ mới tới sẽ thưởng thức thịt bò thui, món ăn ưa chuộng của các anh, ngay trong đêm đầu tiên các anh sống chung với chúng tôi.

Joseph nhìn khuôn mặt của người ấy và sùng sờ. Dù đã ngoài ba mươi tuổi, vẻ thanh tú của anh ta vẫn không chút biến đổi, trông giống như trẻ thơ và mang nét của một người nữ. Bên ánh lửa trại bập bùng ấm cúng, những dấu vết

ấy phảng phất vẻ đẹp Lan và hai anh nàng thừa hưởng của mẹ, và lúc này, chúng khuấy động trong lòng Joseph một nỗi nao nao nhớ tưởng. Trong chớp nhoáng, qua con mắt tâm trí của mình, anh chợt thấy loé lên hình ảnh Lan với đôi mắt e lệ nhìn xuống và hai gò má cao ửng hồng như mặt ấm phản chiếu ánh lửa hắt ra từ các giàn thiêu tế bên đền Nam Giao. Joseph lật đật bước ra và bất giác nồng nàn siết chặt bàn tay Trần Văn Kim:

- Anh Kim, thật lâu ngày quá. Lần cuối tôi thấy anh là ở Sài Gòn, lúc anh đánh bại tay vô địch quần vợt người Pháp.

Nét mặt Kim rạng lên một nụ cười luyến tiếc:

- Đại úy ạ, chuyện đó lúc này có vẻ như thuộc về một phần đời nào khác. Từ khi cậu Lật kể với tôi rằng có gặp lại anh ở Pắc Bó; kể mỗi lần nhớ tới anh tôi lại ân hận mình đã cư xử không lịch sự lắm ở Câu lạc bộ Thể thao.

Joseph cười lớn, vỗ vai Kim:

- Đừng nghĩ tới chuyện đó nữa. Tôi có hỏi anh Lật cả nhà anh ra sao nhưng anh ấy nói nhiều năm rồi cả hai cậu cháu không liên lạc gì với gia đình.

Kim gật đầu xác nhận, mặt thoáng buồn:

- Đúng vậy. Chẳng may cha tôi với tôi không hợp ý nhau. Ông ấy tin rằng tương lai của xứ sở chúng tôi tùy thuộc vào người Pháp - có lẽ lúc này vẫn còn tin như vậy. Vì thế, tôi phải hy sinh

mối quan hệ gia đình để chiến đấu cho độc lập tự do của tổ quốc.

- Vậy anh không hay biết Lan ra sao ư? Chẳng hạn cô ấy đã lập gia đình chưa?

- Bạn bè ở Sài Gòn có nói với tôi rằng Lan đã lập gia đình với một người Pháp.

- Có phải đại úy Devraux?

Kim lắc đầu, tỏ vẻ vội vã:

- Tôi xin lỗi. Thật tình tôi không biết. Tôi nghĩ nó chấp nhận đám cưới đó chỉ để làm vừa lòng cha tôi.

Kim nắm cánh tay Joseph và đưa tay mời mấy người Mỹ khác rồi dẫn họ ra một chiếc bàn tre sàl đặt cạnh đồng lửa, trên bàn bày sẵn thức ăn. Anh ra hiệu lấy thịt mời người Mỹ còn mình chỉ dùng cơm với muối mè và giá. Trong khi mọi người ăn, Kim nói:

- Đại úy Sherman ạ, bảy tháng vừa qua kể từ lần đầu tiên anh tới đây, lực lượng của chúng tôi mỗi ngày một lớn mạnh. Cách đây hai tháng rồi, chúng tôi đã thành lập được hạt nhân lực lượng Giải Phóng Quân ở các tỉnh từ nam ra bắc. Hiện nay chúng tôi có ba ngàn dân quân du kích được trang bị súng ống. Kể từ lúc bọn Pháp bị bọn Nhật giam giữ, chúng tôi kiểm soát được sáu tỉnh cực bắc Bắc kỳ. Toàn miền này là “vùng giải phóng” và Hà Nội chỉ cách nơi đây chừng một trăm ba chục cây số thôi. Chúng tôi cũng tịch thu được nhiều quân trang quân

dụng tốt hơn trong các kho tàng của bọn Pháp bỏ lại, có điều chúng tôi đang nôn nóng muốn học cách sử dụng những vũ khí tối tân anh vừa mang tới.

Ngay lúc đó Võ Nguyên Giáp đến ngồi vào bàn ăn. Có Hawke thỉnh thoảng góp phần thông dịch, Võ Nguyên Giáp bắt đầu thảo luận về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí do nhân viên OSS phụ trách việc hướng dẫn. Cuối bữa ăn, người ta mang ra những chai bia vừa tịch thu được của quân Nhật và cùng nhau tổ mở cụng ly uống mừng ngày đánh bại cái xứ sở đã sản xuất thứ bia đó.

Khi toán đặc nhiệm chia nhau ai về lều nấy, Joseph cầm tay Trần Văn Kim kéo qua một bên:

- Kim ạ, thời gian thắng trận chung kết ở Sài Gòn anh là người tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa cộng sản. Nay anh có còn như vậy không?

Người An Nam lắc đầu quầy quậy:

- Tôi hiện nay là người Việt Minh. Chỉ có bọn Pháp và tụi Tàu Tưởng mới tuyên truyền khắp nơi rằng Mặt Trận Việt Minh là cộng sản – vì bọn Pháp vẫn mơ có ngày đô hộ trở lại chúng tôi. Còn bọn Tàu thì đang cố dựng lên ở đây một thứ đảng phái gọi là quốc gia nhưng thực chất chỉ là bù nhìn của chúng. Cụ Hồ đã nói nhiều lần rằng cụ không còn có khuynh hướng làm cách mạng khuynh đảo. Cụ Hồ từng có lần tin vào chủ nghĩa cộng sản nhưng cụ sẽ đích thân nói

cho anh biết lúc này cụ đã nhận ra rằng đối với xứ sở chúng tôi lý tưởng đó không thực tế chút nào. Tôi chia sẻ với cụ niềm tin mới mẻ ấy. Giờ đây, chính nhân dân là kẻ quyết định lựa chọn thể chế chính trị hợp với nguyện vọng của họ. Anh có thể gọi chúng tôi là người cộng hoà theo chủ nghĩa dân tộc, nếu anh muốn. Nếu nhân dân muốn theo thể chế quân chủ lập hiến, giữ lại một nhà vua chỉ có tính cách tượng trưng, chúng tôi sẽ không chống.

- Nhưng những thành phần khác của Mặt Trận Việt Minh thì sao? Quý vị hiện có bao nhiêu thành viên là cộng sản?

Kim cau mặt rồi cười chầm chậm:

- Đại úy ạ, lúc người Mỹ chiến đấu chống người Anh để giành độc lập, tại Hoa Kỳ có bao nhiêu đảng phái khác nhau? Lúc này, chín mươi phần trăm nhân dân Bắc kỳ ủng hộ chúng tôi. Họ hầu hết là nông dân thất học, chẳng hiểu chút gì về chính trị. Nhưng vì là người yêu nước, họ hiểu rất rõ hai tiếng “tự do” và “độc lập” - và vì cả hai cái đó mà hết thảy chúng tôi chiến đấu, cho dân tộc.

Joseph gật đầu:

- Hẳn nhiên rồi, tôi có thể hiểu điều đó. Xin cảm ơn đã làm thịt con bê béo chiêu đãi chúng tôi. Anh vào lều, viết gấp bản báo cáo hạ cánh để truyền tin về Côn Minh. Nội dung như sau:

“Đoàn Hươu đáp an toàn với đầy đủ đồ tiếp

liệu. ‘Lucius’ bệnh rất nặng, ngoài ra mọi sự tốt đẹp. Ngày mai bắt đầu huấn luyện sử dụng vũ khí. Hãy quên ngay con ngoáo ộp cộng sản. Mặt Trần Việt Minh đấu tranh cho tự do và nhằm cải cách những khiếm khuyết do người Pháp gây ra. Việt Minh là một tập hợp của hết thảy các đảng phái đang sinh hoạt. Lúc này, nó tuyên bố có dưới quyền ba ngàn người và sự ủng hộ của chín mươi phần trăm dân số Bắc kỳ. Việt Minh không phải - xin lặp lại, nó không phải - là cộng sản, hoặc bị cộng sản kiểm soát, hoặc bị cộng sản lãnh đạo. ‘Lucius’ không phải là một gã say máu cách mạng, nhưng theo quan điểm của tôi, ông ta là một lãnh tụ thành thật và có năng lực; ông ta muốn một chế độ tự trị vì nhân dân, và ông ta phát biểu trung thực cho nhân dân.”

Vừa mã hoá xong bức điện trên loại giấy chỉ dùng một lần, Joseph nghe có tiếng chân bên ngoài lều. Ngước mắt lên, anh thấy Kim cười bối rối, đưa tay chỉ về phía bãi đất trống. Joseph bước ra ngoài lều. Anh thấy có hai thiếu nữ An Nam mảnh mai đang nghiêng mình trên những thanh củi leo lét cháy nơi đồng lửa tàn và nhẹ tay khuấy một chiếc nồi. Kim nói ngưng ngập:

- Đại úy ạ, chúng tôi chỉ muốn anh ở đây được thoải mái. Sợ rừng già làm anh cảm thấy khó ngủ, chúng tôi có chuẩn bị cho anh dùng một loại thức uống cổ truyền của các dân tộc miền núi.

Ánh lửa hắt lên soi rõ hai thiếu nữ còn trẻ, có lẽ chỉ mới ngoài đôi mươi. Cả hai đều mặc áo dài cao cổ màu sậm, loại dân chúng miền bắc thường mặc. Mái tóc đen tuyền và mượt mà buông lơ lửng xuống vai. Kim nói giọng thật thấp:

- Cả hai làm nghề chiêu đãi viên ở Hà Nội. Hôm qua, chúng tôi mang họ vượt phòng tuyến Nhật để kịp lúc các anh tới đây.

Nghe giọng nói của Kim, trung úy Hawke từ một chiếc lều xé đó vọt ra. Anh cười miệng hoác tạt mang tai và nhìn chăm chập đồng lửa, giọng thì thảo đầy vẻ ngờ vực:

- Thiệt không tin nổi!

Rồi Hawke bắt đầu tuôn một tràng những câu thật nhanh hỏi Kim bằng tiếng An Nam. Lúc quay lại nhìn Joseph, anh cười thêm lần nữa, miệng rộng hơn bao giờ hết:

- Họ đang sắc một liều thuốc cường dương bằng củ ngải rừng và đủ thứ – trong đó có cả lộc nhung và dược thảo nữa. Biết làm sao đây hở trời!

- Này trung úy, xin anh nhớ cho rằng chúng ta có mặt tại đây là để phục vụ Quân đội Hoa Kỳ đương đầu với kẻ thù. Vì thế, bản thân trung úy cần đầu óc thật tỉnh táo và hãy ngủ cho nhiều vào.

Joseph vừa nói vừa cười gằn. Anh túm chặt vai Hawke, đẩy viên trung úy trẻ tuổi vào túp lều lá gồi tối om của anh ta. Quay sang Kim, Joseph cười xin lỗi:

- Cảm ơn lòng tốt của anh - cũng xin anh cảm ơn các cô giùm. Và xin nói với họ rằng chúng tôi ai nấy đều đang quá mệt.

Kim đi rồi, Joseph cho đánh bức điện mã hoá về Côn Minh. Sau đó, anh nằm thao thức lắng nghe âm thanh của đêm trong rừng tre. Việc nhìn thấy hai thiếu nữ An Nam bên đống lửa mang tâm trí anh bỉnh bồng trở lại những nhớ tưởng đầy xao xuyến về Lan, cả cay đắng lẫn ngọt ngào. Anh chợt nhớ mái tóc nàng mềm mại như lụa và thấy lại màu tươi sáng dịu dàng trên cơ thể óng ánh vàng của nàng khi nàng nằm khoả thân, nong nân và ấm áp trong cánh tay anh giữa lời kinh tiếng nhạc văng vẳng theo gió nước sông Hương.

Đêm thượng du phủ kín bốn bề đen mướt như nhung. Càng về khuya Joseph càng trần trọc. Hai lần anh chỗi dậy, thăm lặng đi qua bãi đất trống, vào lều của Hồ Chí Minh. Lần nào anh cũng thấy ông đang ngủ thật bình an. Anh chỉ ở lại vừa đủ để giám sát việc tiêm thêm lưu huỳnh và ki-ninh.

Mãi tới khi trời gần sáng, Joseph mới rơi vào giấc ngủ mệt lã và mơ thấy Lan, một Lan sinh động gấp bội lần anh từng thấy nàng ngoài đời thuở trước. Kể đó, những âm thanh chỗi nhau của lũ chim rừng kêu vang làm tan giấc ngủ thiu thiu. Anh thức dậy, cảm thấy lòng mình được an ủi và khuây khoả lạ thường nhờ những hình

ánh tươi mát của khuôn mặt người rất yêu dấu.

Tới khi hoàn toàn tỉnh ngủ, một cảm giác thú vị hài hoà không cất nghĩa nổi lan toả trong anh kèm với ý tưởng rất giản dị. Rằng mình đang thêm lần nữa về lại xứ sở của nàng, về lại nơi mình từng bất chợt hiểu thế nào là hạnh phúc mê đắm bên người mình thật lòng yêu.

- 10 -

Suốt tuần lễ đầu tiên của tháng Tám năm 1945, hằng ngày Joseph và các toán viên của mình thức dậy khi trời vừa hừng sáng. “Đoàn Huơu” dẫn hai trăm quân du kích Việt Minh xuất sắc nhất tới bãi tác xạ trong khu rừng bên cạnh. Từ năm giờ rưỡi sáng tới năm giờ chiều, các lính Mỹ liên tục hướng dẫn đám người An Nam xộc xệch cách tháo ráp và bắn súng các-bin, súng trung liên, súng chống tăng không giật ba-zô-ca, súng phóng lựu, nghĩa là sử dụng các loại vũ khí họ vừa mang từ Côn Minh sang.

Người của OSS mặc áo đi rừng bốn túi không gắn phù hiệu, quần soóc dài tận đầu gối, chân mang ủng đi rừng và đầu đội mũ tai bèo rằn ri, loại các dân quân du kích Á Đông nhỏ con thường đội. Chẳng bao lâu, các quân nhân Mỹ, những kẻ nhiệt tình với nhiệm vụ của mình, đều nảy sinh lòng mến cảm các học viên. Lòng mến cảm đó càng lúc càng rạt rào, gần như trở thành một loại tình huynh đệ giữa đôi bên.

Trong thời gian tiến hành huấn luyện, Joseph bắt đầu phái các tổ tuần tiểu hỗn hợp Mỹ-Việt ra ngoài thám thính những mục tiêu của Nhật. Từ chỗ ẩn núp, họ quan sát các đoàn xe tải tiếp liệu đang đổ dồn xuống Đường Thuộc địa số 3, và xa hơn, theo quốc lộ chính Hà Nội-Lạng Sơn về hướng bắc, dẫn sang đất Tàu. Sau cùng, họ lên kế hoạch để tuần tới, tung ra vài cuộc phục kích đầu tiên.

Tại mảnh đất núi rừng heo hút nằm đằng sau phòng tuyến của Nhật, nơi cùng nhau chia xẻ hiểm nguy và những bữa ăn đạm bạc chỉ gồm cơm với muối mè và giá, những người lính OSS tinh thần cao độ và các bạn đồng minh An Nam lòng đầy nhiệt huyết nhanh chóng phát triển một tình chiến hữu mật thiết, bất rã sâu xa trong sự kính trọng lẫn nhau. Người An Nam nể sợ sức lực, thân xác to lớn và vũ khí tinh xảo của người Mỹ. Về phần người lính OSS, họ tìm thấy nơi du kích quân những học trò háo hức và không hề biết mệt.

Cuối tuần lễ thứ nhất, huấn luyện viên trưởng môn vũ khí của OSS nói với Joseph rằng đã đạt tiến bộ ngoài mức mơ tưởng của mình. Anh ta lúc lắc đầu nhận xét:

- Khả năng học hỏi của mấy ông bạn nhỏ xíu này thật đáng kinh ngạc. Chỉ cần nhìn người hướng dẫn biểu diễn một lần là họ nắm được ngay. Họ chuyển từ con dao thợ rèn và súng

kíp cổ lỗ sĩ sang súng phóng lựu mà mặt mày tỉnh queo!

Trong hai ngày huấn luyện đầu tiên, thỉnh thoảng Joseph lên về trại để kiểm tra tình trạng đau ốm của vị lãnh tụ Việt Minh. Nhưng chẳng bao lâu, các cuộc thăm bệnh ấy không cần thiết nữa.

Với một tiến độ làm sùng sốt người Mỹ lẫn người An Nam, Hồ Chí Minh bắt đầu hết sốt. Ông thò người ra ngoài lều và đi ngúc ngắc quanh trại. Dù da vẫn vàng vọt, mặt chưa thôi hốc hác và má còn hóp sâu, mắt ông nhanh chóng lấy lại ánh tinh nhanh trước đây. Và khi ông mỉm miệng cười, vẻ nồng ấm lại làm sáng rõ bộ mặt tiêu tụy.

Cuối tuần lễ ấy Hồ Chí Minh làm việc trở lại. Joseph nhận thấy có rất nhiều tốp người An Nam lạ mặt và bất tận, suốt ngày suốt đêm kế tiếp nhau âm thầm tới trại, vào lều của Hồ Chí Minh thảo luận với ông.

Tuy thế, trong những lúc nghỉ giải lao giữa giờ huấn luyện, Hồ Chí Minh phá lệ, đi tới chuyện trò đùa giỡn với hết toán viên OSS này tới toán viên khác. Giữa những lời ân cần hỏi han từng người về gia đình họ, ông chêm vào mấy câu thảo luận hào hứng về chính trị, như thể ông tin rằng cá nhân mỗi người lính ấy đều có khả năng mang thông điệp của ông tới tận Nhà Trắng. Kèm theo nụ cười rất thân thiện, lời

yêu cầu thông thường nhất của Hồ Chí Minh là: “Tôi chỉ yêu cầu một điều độc nhất, xin anh vui lòng nói cho thế giới bên ngoài biết tin tức về Đông Dương.” Trong mọi cuộc trò chuyện ấy, ông không ngừng ca ngợi Hoa Kỳ vì “những lý tưởng chính trị cao cả của quí quốc”.

Rồi tới một ngày vào cuối tuần lễ, khi thấy rõ mình đang dần dần khoẻ lại, Hồ Chí Minh mời Joseph cùng đi dạo tới ven rừng tre mé trên thung lũng, nơi có các thửa ruộng bậc thang được Đoàn Hươu dùng làm bãi đáp nhảy dù mấy ngày trước đó.

Mặt trời xế chiều đang lặn bên kia đồi toả ánh nắng chảy tràn lên phong cảnh một màu vàng đẹp mắt. Hồ Chí Minh ngồi xuống, trên một gốc cây cụt, trầm ngâm ngắm thung lũng và các nông dân đầu đội nón rom rộng vành, chân đi lủng thừng từ ruộng nương về nhà mình, trên vai vác lủng lẳng cuốc cùng cày. Cuối cùng, quay sang Joseph, ông nói với vẻ mặt phơn phớt nụ cười:

- Đại úy Sherman ạ, có phải cuộc đời thật lạ kỳ. Tám tháng trước đây tình cờ tôi góp phần cứu anh thoát khỏi bàn tay của bọn Nhật - rồi giờ đây anh trở lại đây để kéo tôi ra khỏi hàm răng của thần chết.

Nụ cười của Hồ Chí Minh nở rộng hơn. Ông đưa bàn tay lên khi Joseph tỏ vẻ không đồng ý:

- Anh chớ nhún nhường, đại úy ạ. Các đồng

chí của tôi đã kể hết cho tôi nghe chuyện đó như thế nào. Họ đoán chắc rằng tôi đang hấp hối cho tới khi anh tiêm cho tôi mũi thuốc thứ nhất. Joseph nói:

- Khả năng phục hồi của ông rất đặc biệt. Rõ ràng ông có quyết tâm ghê gớm để hoàn thành sứ mạng do ông tự đặt ra cho mình.

Hồ Chí Minh mỉm cười:

- Có thể đúng như thế. Nhưng tôi biết quá thật mình đang chịu một ơn huệ phải trả đối với anh và Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ.

Joseph nói trầm lặng:

- Việc tốt lành nhất người này có thể làm cho người khác là hết lòng giúp đỡ lẫn nhau. Tôi sung sướng khi thấy sự giúp đỡ của mình có thể lan tới nhiều người khác qua tài năng đặc biệt của ông. Tôi có biết ít nhiều về những khổ nạn xứ sở ông phải chịu trong bàn tay của người Pháp, và tôi ngưỡng mộ những gì ông đang ra sức thực hiện.

Người An Nam ngồi yên đắm đắm nhìn xuống thung lũng, không quay đầu lại. Cuối cùng ông hỏi với giọng thật thấp:

- Đại úy lập gia đình chưa?

- Tôi có hai con trai nhỏ.

- Vậy anh kỳ vọng điều gì cho chúng sau khi cuộc chiến tranh này chấm dứt.

Joseph nhú mào, cảm thấy lòng nhói lên ân hận việc mình ít khi nghĩ tới gia đình hoặc tới tương lai lâu dài của con cái:

- Điều duy nhất tôi nghĩ tới lúc này là mong cho chúng được lớn lên trong thanh bình và tự do.

Hồ Chí Minh chậm chậm gật đầu đồng tình:

- Tôi nghĩ chúng ta đang chia xẻ những niềm hy vọng giống nhau theo các cách thức khác nhau đại ủa.

- Ông có gia đình không?

Hồ Chí Minh tiếp tục chăm chăm nhìn mấy tốp dân quê đang đi trên con đường về nhà trong ánh chiều tà. Ông nói với giọng không chút cảm xúc:

- Tôi cố gắng trọn đời mình cho tổ quốc. Tôi xem hết thấy mọi người, cả nam lẫn nữ đang làm lụng vất vả dưới kia, là gia đình của tôi. Bản điều lệ của Việt Minh đã xác định cụ thể chương trình cứu nguy dân tộc của chúng tôi, gồm hai điểm. Một là làm cho đất nước hoàn toàn độc lập. Hai là làm cho nhân dân sống tự do hạnh phúc. Tôi ao ước mọi người dân đều được sống trong thanh bình và tự do, y hết những gì anh mong muốn cho các con của anh.

Hồ Chí Minh chợt chuyển giọng sang ngậm ngùi:

- Cũng may những người dân anh đang thấy ở dưới kia hiện được sống trong vùng giải phóng nên họ bớt cơ cực. Khắp đất nước tôi, từ bao nhiêu năm nay, người dân sống trong đói rét, khổ nhục và kềm kẹp, không bút mực nào tả xiết.

Joseph hỏi ngập ngừng:

- Nhưng tôi nghe nói từ hơn bốn tháng nay, lần đầu tiên nước An Nam ra tuyên ngôn độc lập, tái lập thống nhất cả nam trung bắc và có một chính phủ tự quản của người Việt. Nhiều người bảo đó là một chính phủ nhiều thiện chí và có năng lực.

Bộ mặt khắc khổ và bệnh hoạn của Hồ Chí Minh ánh lên vẻ mai mĩa. Ông đưa đôi mắt long lanh nhìn lên dãy núi xa xa, rồi lại mơ màng ngo xuống làng mạc bên dưới:

- Đại úy ạ, tôi hoàn toàn biết rõ chi tiết sự việc đó. Dư luận nhân dân đánh giá rằng tất cả chỉ là do bọn Nhật đạo diễn, kể cả lời tuyên bố gọi là độc lập và tình trạng gọi là thống nhất ấy. Người hiện nay giữ chức thủ tướng tại Huế là một học giả. Ông ấy làm chính trị như một kẻ nghiệp dư và lạc đường, theo mẫu mực quân tử hủ lậu hoặc kẻ sĩ lỗi thời. Phần lớn các bộ trưởng là những chuyên gia, trí thức tân học ở Pháp về, sống trong tháp ngà từ bao nhiêu năm nay. Thêm nữa, dù họ có nhiệt tình tới mấy đi nữa cũng không thể phục vụ hữu hiệu khi phải mùa may quay cuồng trong lòng bàn tay của bọn Nhật và phải núp dưới cái bóng của một ông vua xem việc đánh bài tây quan trọng gấp bội việc đấu tranh với người Pháp.

Hồ Chí Minh cười chum chim như để làm nhẹ bớt lời kết án của mình:

- Cho tới nay, việc tốt nhất và duy nhất họ

làm được, có lẽ là ngay khi chưa họp hội đồng nội các phiên thứ nhất, họ đã thả hết các chính trị phạm ra khỏi các trại giam cấp tỉnh và các nhà tù lớn. Thành thật mà nói, Mặt Trận Việt Minh được hưởng rất nhiều lợi ích từ hành động ấy. Tuy nhiên, đại úy tin tôi đi, chỉ cần đợi ba ngày sau khi bọn Nhật bại trận, chính phủ ấy bốc hơi ngay.

Nói tới đây, ông lại ngược mắt nhìn Joseph và bỗng nở nụ cười thật tươi:

- Nhân đây, không biết đại úy có thể đọc cho tôi nghe vài dòng về tự do, trích từ bản Tuyên Ngôn Độc Lập của quý quốc không?

Joseph cười tươi rói và niềm nở:

- Tôi có thể trình bày tức khắc với ông những điểm cốt lõi. Ở trường tiểu học, chúng tôi đều được học thuộc lòng bản tuyên ngôn ấy.

Anh nhắm mắt tập trung trí nhớ:

- Chúng tôi tin những chân lý này là hiển nhiên, rằng: tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng; Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...

- Tuyệt vời! Xin anh vui lòng lặp lại đoạn đó một lần nữa, chậm chậm cho tôi có thể chép.

Joseph mở mắt. Anh thấy người An Nam rút từ túi áo trên ra một mảnh giấy dó nhỏ màu xanh lục. Anh lặp lại những câu đó thêm lần

nữa, chậm rãi hơn. Chờ cho người lớn tuổi chép xong, anh hỏi:

- Tôi xin phép hỏi tại sao ông quan tâm tới bản Tuyên Ngôn Độc Lập ấy?

Hồ Chí Minh vừa mỉm cười bí hiểm vừa đút giấy bút vô túi áo:

- Đại úy ạ, tôi hy vọng anh không phải chờ đợi lâu ngày mới khám phá ra.

Mặt trời khuất hẳn đằng sau rặng núi, soi những vệt bóng dài trườn qua thung lũng. Trong đôi ba phút, hai người im lặng ngồi bên nhau, cùng đắm chiêu nhìn ngày đang phai dần. Rồi người An Nam thở ra một hơi thật dài:

- Đại úy ạ, hãy nghĩ tới tương lai tôi lại e rằng anh có nhiều cơ hội đạt ý nguyện hơn tôi.

- Tại sao ông nói như vậy?

- Vì tôi chắc chắn rằng người Pháp sẽ cố sức trở lại xứ sở này và dùng vũ lực để đô hộ dân tộc chúng tôi thêm lần nữa. Tôi biết tâm trí của người Pháp thao tác như thế nào. Người Pháp là một dân tộc cao ngạo nhưng bất định. Chỉ có một hy vọng nhỏ nhoi là họ tôn trọng các quyền của chúng tôi và giải quyết một cách hoà bình. Nhưng nếu họ ra sức tái áp đặt bằng vũ lực thì sẽ có đổ máu ghê gớm.

Hồ Chí Minh đưa cầm về phía thung lũng:

- Những người dân đang ở dưới kia cũng giống như các con trai của anh đang ở Mỹ, họ không muốn có cách mạng. Đó là lý do tôi quyết tâm

vận dụng hết thảy khả năng của mình để điều đình với Pháp một cách hòa bình. Nhưng nếu việc đó tỏ ra không thể tiến hành được, nhân dân sẽ chiến đấu – nếu cần trong mười năm hoặc hai mươi năm – vì độc lập của tổ quốc, vì tự do của bản thân họ và tự do của các thế hệ mai sau.

- Nhưng tại sao ngay lúc này ông lại lo nghĩ tới điều đó?

- Vì chúng tôi cần sự ủng hộ tinh thần của nhân dân Hoa Kỳ yêu chuộng tự do. Chúng tôi biết nhân dân Hoa Kỳ tin rằng quốc gia nào cũng có quyền tự do chọn lựa thể chế chính trị của mình. Quý vị cần nhận biết những sự việc đã thật sự xảy ra ở đây dưới chế độ đô hộ của người Pháp. Nếu người Mỹ hiểu thấu đáo những sự việc đó, tôi cảm thấy chắc chắn rằng chúng tôi sẽ có được sự ủng hộ của họ. Không biết anh có thể giúp cho chúng tôi không?

Joseph nhún vai như một hình thức xin lỗi:

- Xin ông nhớ cho rằng chúng tôi chỉ là quân nhân, không phải nhà ngoại giao. Tôi có thể trình lên bộ chỉ huy những lời ông vừa nói nhưng mọi sự thì...

Nghe có tiếng chân chạy đằng sau mình, Joseph quay ngoắt nhìn quanh, thấy viên trung sĩ phụ trách kỹ thuật điện đài đang từ trong rừng ào ào chạy ra. Khi sắp tới trước mặt họ, anh thở hổn hển, mặt đỏ rần háo hức:

- Bọn Nhật coi bộ cuối cùng chịu hết nổi rồi!

Joseph hỏi, giọng thắc mắc:

- Trung sĩ nói cái gì vậy?

- Trình đại úy, chúng ta động bẻ đầu bọn chúng bằng một thứ vũ khí mới mẻ và bí mật

- thứ gì đó gọi là “bom hạt nhân”! Chúng tôi vừa nhận một điện văn của bộ chỉ huy ở Côn Minh. Trọn cái thành phố khốn nạn đó tan ra từng mảnh. Chỗ đó tên là Hiroshima...

Viên trung sĩ truyền tin chum môi phát âm một cái tên lạ hoắc rồi nói tiếp:

- Người ta nghĩ là đã giết được ít nhất tám chục ngàn người. Đại úy tin nổi không, tám chục ngàn mạng. Côn Minh nói chỉ vài ngày nữa thôi bọn Nhật sẽ đầu hàng.

Khi tỉnh người lại, ra khỏi cơn sùng sốt ban đầu và viên trung sĩ đi rồi, Joseph rầu rĩ mỉm cười nói với Hồ Chí Minh:

- Nếu điện văn ấy quả đúng thật, tôi đoán rằng nơi này sẽ không còn phòng tuyến nào của Nhật để chúng ta cùng hoạt động - và như thế Đoàn Hươu sẽ trở thành thừa.

Hồ Chí Minh cười rạng rỡ, chìa bàn tay:

- Không, không đâu đại úy! Anh và người của anh phải huấn luyện cho xong và cùng đi với chúng tôi xuống Hà Nội. Vì dù sao đi nữa, lúc này Hà Nội ở gần các anh hơn Côn Minh.

- 11 -

Vào hôm thứ mười sau ngày Hiroshima bị thành bình địa, Võ Nguyên Giáp dẫn đoàn dân quân du kích thứ nhất ra khỏi trại, hăm hồ tiến bước về Hà Nội. Là toán tiên phong hạ sơn của Lực Lượng Giải Phóng Quân, họ kiêu hãnh vác trên vai các vũ khí mới nguyên xi của Mỹ: súng phóng lựu, súng ba-zô-ca và súng máy và các-bin, v.v. Cùng tiến bước bên họ có đại úy Joseph Sherman và các toán viên khác của Đoàn Hươu OSS.

Khi đoàn quân xuyên qua vùng thung lũng đầy đặc cây rừng đi dần xuống, họ được đón chào khắp nơi, bởi các đám đông tay phất cao lá cờ lâm thời của Việt Minh, màu đỏ thắm chính giữa điểm ngôi sao vàng tươi. Tại các bản làng lưu cư của các sắc tộc thiểu số miền núi, phụ nữ thượng du mặc y phục cổ truyền thổ cẩm nhiều màu sắc và đồ nữ trang bằng bạc mang hoa giúi vào vào tay, cắm vào ngực những người Mỹ cao lớn.

Tại các làng xã nghèo mạn trung du, dân quân địa phương cầm dao mác mã tấu hoặc súng trường han gỉ kéo nhau ra xếp hàng đi theo họ. Người ta nhét vô tay họ mấy món quà đơn sơ như trứng, chuối hoặc khoai, sắn. Tại một số thôn xóm, khi họ đi qua, có các toán nhi đồng hợp nhau ca vang những bài hát yêu nước và ngợi ca tự do, mừng giải phóng.

Trong không khí tung bùng liên hoan ấy, các toán du kích được nhiệt liệt chào đón như một đạo quân chiến thắng. Joseph và các quân nhân Mỹ trong Đoàn Hươu thở ra nhẹ nhõm vì trên hết mọi sự, cuối cùng những ngày dài chiến tranh đã chấm dứt. Lây lan niềm vui, họ cũng vừa đi vừa huýt sáo, miêng ca vang những bài hát của người Mỹ và tay vung vẩy theo nhịp quân hành.

Trên các ngã đường họ đi qua, có đôi nơi còn lỗ chỗ hầm hố hay mô đất, và hầu hết cầu cống đều bị đánh sập. Giữa các giao lộ trọng yếu, người ta thấy còn y nguyên những thân cây to lớn trước đây bị đốn ngã để làm ụ cản trở lưu thông. Đi bên cạnh Joseph, Trần Văn Kim đưa tay chỉ những các chướng ngại vật ấy, mặt tỏ rõ vẻ hãnh diện. Anh giải thích:

- Hết thấy những thành tích này đều do các toán đặc công của chúng tôi ra tay trước đây. Chỉ với hai bàn hai tay, chúng tôi đào hầm đắp mô, giật sập cầu cống để ngăn không cho bọn Nhật sử dụng đường sá.

Qua máy truyền tin, các mật báo viên nằm vùng ở Hà Nội đánh điện văn báo cáo rằng lực lượng Nhật ở thủ đô dường như bàng hoàng vì sự đầu hàng đột ngột của các nhà lãnh đạo nước họ. Họ chấp nhận đầu hàng và hiện đang giữ thái độ trung lập thụ động. Kết quả là –theo báo cáo của các mật báo viên – thủ đô rất yên tĩnh.

Trong ngày xuất quân đầu tiên, đoàn dân quân du kích không gặp cuộc tuần tiễu nào của lính Nhật. Đội hình tiếp tục nhanh nhẹn tiến bước, di chuyển công khai, ngang qua những cánh đồng ngập nước ở vùng châu thổ nơi lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh bay phất phới trên những cột điện thoại hai bên đường.

Cũng có đôi lần đoàn quân an lành ấy đi ngang những làng mạc đổ nát với các đồng tro tàn còn âm ỉ cháy và nhiều xác chết nằm rải rác trên đường quê. Joseph ngạc nhiên thấy Võ Nguyên Giáp không hề ra lệnh dừng quân để điều tra ai là thủ phạm, dù chỉ một lần. Sau cùng, Joseph nhận thấy đoàn quân hạ sơn cả An Nam lẫn Mỹ được dẫn đi vòng sang một bên mỗi khi thấy xa xa có một thôn xóm đang bốc khói, tựa như vừa bị đốt. Anh hỏi:

- Chuyện gì xảy ra ở những làng vừa đi ngang vậy? Ngó họ như thế mới bị ai tấn công.

Trần Văn Kim vừa lật đặt đi lên đầu đội hình vừa ngoái cổ trả lời cụt ngủn:

- Bọn Nhật đấy. Chúng trả thù khi rút quân.

Đang bước đều nhịp với Joseph, trung úy Hawke nhướng cặp lông mày thắc mắc lên nhìn đại úy chỉ huy rồi hất đầu về phía sau. Joseph gạt đầu và Hawke đi chậm lại. Chọn một khoảnh khắc thích hợp không ai để ý hay nghi ngờ, anh lẻ làng tách mình ra khỏi hàng, làm như mắc đại tiện, để tìm cách đi ngược đường, rẽ vào xóm nhà tranh lúp xúp đang bốc khói.

Nửa giờ sau, Hawke bắt kịp Joseph. Mặt anh đánh lại, giọng lạc hẳn:

- Trình đại úy, suốt mấy tuần nay chẳng có một mống lính Nhật nào lui tới vùng này. Tôi gặp một ông lão An Nam đang đi quanh các đồng đồ nát trong làng. Ông ta kể rằng hôm qua một toán dân quân tiền trạm của các du kích quân bằng hữu với chúng ta đã đi tới làng này, mang theo cờ đỏ sao vàng - và làng ấy không chịu hợp tác với họ. Ông lão nói với tôi rằng bắn phá làng xong họ đốt cháy ra tro để khủng bố các làng khác trong vùng, bắt phải ủng hộ họ. Con trai và cháu trai của ông lão đều bị giết sạch.

Dừng lại mấy giây, Hawke hít vào một hơi thật sâu:

- Còn nữa, ông lão không đề cập gì tới Mặt Trận Việt Minh. Khi nghe tôi hỏi ai làm ra chuyện khủng khiếp này, ông chửi rủa không biết bao nhiêu mà kể, rồi la lớn: “Cộng sản Đảng! Cộng sản Đảng!”

Thông tin ấy làm Joseph choáng váng. Lúc đội hình du kích quân dừng lại bên ngoài tỉnh lỵ Thái Nguyên, anh đi kiếm Trần Văn Kim và hỏi liệu lúc này mình có thể tìm thấy Hồ Chí Minh ở chỗ nào. Kim nói với giọng xin lỗi:

- Đại úy ạ, tôi e rằng lúc này cụ Hồ bận rộn lắm. Cụ phải sắp xếp nhiều công chuyện lớn lao - nhưng tôi sẽ chuyển lời nhắn của anh rằng anh mong muốn được nói chuyện với cụ.

Khi Joseph đề cập bóng gió tới những nghi ngại của anh trong điện văn báo cáo đánh về Côn Minh, bộ chỉ huy OSS liền ra lệnh cho anh dừng Đoàn Hươu lại tại Thái Nguyên, không đi thêm nữa. Thượng cấp cho anh biết rằng vì tình hình chính trị bất ổn trong đó có những xáo trộn mang mầm mống chiến tranh nên một toán OSS mới, mã danh là “Đoàn Chim Cút” đang được phái từ Côn Minh qua Hà Nội, do đại tá John Trench đích thân chỉ huy. Nhiệm vụ ưu tiên của Đoàn Chim Cút là xác định địa điểm và giải thoát các quân nhân Đồng Minh bị bắt làm tù binh đang nằm trong tay quân Nhật, và chuẩn bị cho ngày đến của Ủy Ban Đồng Minh Tiếp Nhận Đầu Hàng nhưng đồng thời nó cũng thu thập tin tức tình báo. Côn Minh còn nói rằng một toán OSS tương tự cũng đang được phái từ Calcutta tới Sài Gòn. Khi Joseph hỏi liệu Đoàn Hươu có thể tiếp nhận sự đầu hàng của lính Nhật tại địa phương không, anh chỉ được trả lời gọn lỏn:

- Không tiếp nhận đầu hàng - ở yên tại chỗ. Nhiệm vụ của Đoàn Hươu đã chấm dứt theo với cuộc thế chiến.

Sau một khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, đoàn dân quân du kích xuất phát từ Pắc Bó chia làm hai. Joseph đứng nhìn theo Võ Nguyên Giáp dẫn đầu lực lượng xung kích nhỏ bé ra khỏi tỉnh lỵ Thái Nguyên tiến về Hà Nội

với những vũ khí Mỹ chiếu lập loè trên vai. Số dân quân còn lại lập vòng vây bao quanh một doanh trại kiên cố, bên trong có đơn vị đồn trú địa phương của Nhật đang thu mình. Thỉnh thoảng vài dân quân nổ súng vào quân đồn trú ấy, chỉ để thử vũ khí mới tinh của mình hoặc đỡ ngứa ngáy tay chân.

Joseph xin được sử dụng một ngôi nhà lớn ở khu vực ngoại ô làm nơi tạm trú cho mình và các đoàn viên OSS. Trong khi binh sĩ thuộc quyền nằm tắm nắng sau vườn, anh nôn nóng và cáu kỉnh vì đã hai ngày trôi qua vẫn không nghe tin tức gì về Hồ Chí Minh.

Tối ngày thứ ba, vào lúc chạng vạng tối, đột nhiên Trần Văn Kim xuất hiện trong ngôi nhà toán OSS ở. Mặt sung sướng rạng rỡ Kim hăm hở nói:

- Đại úy Sherman ơi, chắc chắn lịch sử sẽ công nhận hôm nay là ngày vĩ đại của dân tộc chúng tôi. Chúng tôi vừa nhận được điện văn của Võ Nguyên Giáp báo rằng lực lượng xung kích của chúng tôi đã nắm quyền kiểm soát tất cả các cơ sở chính quyền ở Hà Nội. Bọn Nhật sùng sờ khi thấy dân quân Việt Minh tiến vào thủ đô với những vũ khí mới tinh và tối tân. Chúng giao nạp gần như không một chút kháng cự. Chúng tôi chỉ phải nổ vài phát súng thị oai. Bây giờ thủ đô Hà Nội là của chúng tôi. Dân chúng đang ào ra đường như thác đổ. Tay người

nào cũng vẫy cờ Việt Minh!

Joseph yên lặng đón nhận tin đó. Nỗi hoài nghi ray rứt rằng anh và Đoàn Hươu bị lợi dụng và bị lừa dối nay càng lúc càng trở nên chắc chắn. Kim tiếp tục cười phôi phôi, nói tiếp:

- Dân chúng Hà Nội cực kỳ hồ hởi. Chỉ một cú độc nhất thôi, họ được giải phóng, được thoát khỏi cả bọn Nhật lẫn bọn Pháp. Thấy bộ đội chúng tôi mang vũ khí Mỹ, họ vui mừng không sao tả xiết, vì họ cũng thấy sức mạnh của Hoa Kỳ đang ở về phía những người giải phóng họ.

Bị xâu xé giữa lòng cảm mến dành cho Hồ Chí Minh cùng những người đi theo ông và cơn thịnh nộ vì bị họ lừa dối, Joseph chỉ nói chậm rãi:

- Quả thật là một ngày trọng đại cho dân tộc An Nam.

Kim trả lời, với giọng trách móc nhẹ nhàng:

- Đại úy có lý, chỉ trừ một chi tiết nhỏ nhưng cực kỳ quan trọng – đây là ngày trọng đại cho dân tộc “Việt Nam”. Chúng tôi nay không còn là người An Nam nữa. Đất nước của chúng tôi nay không còn bị chia cắt thành ba kỳ bắc trung nam, hai “bảo hộ” và một “thuộc địa” nữa. Lúc này, xứ sở của chúng tôi lại là “Việt Nam”. Cuối cùng, tám mươi năm bạo quyền đã chấm dứt! Các lực lượng của chúng tôi từ nay được đổi thành danh xưng là “Việt Nam Giải Phóng Quân”!

Joseph nói với giọng tự chế:

- Tôi thật sự chúc mừng anh và toàn thể dân

tộc anh nhưng tôi vẫn muốn nói chuyện với Hồ Chí Minh càng sớm càng tốt.

Kim nắm cánh tay người Mỹ, dẫn ra cửa:

- Chính vì lý do đó tôi tới đây, để đem anh đi gặp cụ Hồ. Cụ đặt bản doanh bí mật tại một chỗ ở bìa rừng cách đây không xa, vì cụ lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc khi được ở nơi giản dị nhất. Nửa giờ sau, Kim đưa Joseph vào một túp lều mái tranh, vách nứa và cột tre trong một khu vực đồn điền Cát Hanh Long bên ngoài tỉnh lỵ. Từ sau chiếc bàn vương vãi giấy tờ, Hồ Chí Minh đứng lên, chào đón anh với nụ cười tươi rói. Bằng cử chỉ thân tình, ông tóm lấy cánh tay Joseph và nói:

- Đại úy Sherman ạ, thật mát lòng thoả dạ cho tôi khi được gặp lại anh thêm lần nữa. Tình hình mười ngày vừa qua chuyển động dồn dập, nhanh như cơn bão đầu mùa. Cuối cùng, tôi hy vọng anh đã nghe tin vui từ Hà Nội.

Mặt không ánh lên một vẻ cười, Joseph nói:

- Ông đã lừa chúng tôi một quả tới nơi tới chốn. Ông sử dụng vũ khí của chúng tôi và dùng sự có mặt của chúng tôi bên cạnh ông đằng sau phòng tuyến Nhật để làm ra vẻ như thể Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ đứng đằng sau cú cướp chính quyền của ông. Theo như những gì tôi biết, ông đã lạm dụng thiện chí của chúng tôi.

Nụ cười thân thiện của Hồ Chí Minh không nhạt đi chút nào:

- Đại úy ạ, uống bát nước chè xanh Thái Nguyên ngon nhất Việt Nam đã nào. Nó là thức uống làm người ta hạ nhiệt đấy.

Quay lưng lại, ông quì xuống cầm chiếc ấm khói ám đen sì đang sôi lèo xèo trên cái bếp kê bằng mấy cục đá:

- Tôi lúc nào cũng hết lòng ngưỡng mộ xứ sở của đại úy. Rồi nhờ quen biết anh và người của anh mà lòng ngưỡng mộ đó biến thành tình mến cảm. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng khi anh không hiểu cho điều đó.

- Có phải đó là lý do khiến ông cũng cảm thấy buộc lòng phải lừa dối chúng tôi? Ông không thể nói mình chẳng biết chút gì. Người của tôi và tôi không thể không thấy ở trong rừng ông đã tiếp xúc với rất nhiều người lạ suốt cả tuần lễ huấn luyện vũ khí. Có phải từ đầu tới cuối ông đã sắp mưu tính kế như thế để qua mặt chúng tôi?

- Đại úy ạ, nhưng tôi làm sao biết trước bọn Nhật đầu hàng quá nhanh như vậy. Cũng giống như anh thôi, tôi chẳng biết chút gì về bom hạt nhân. Chúng tôi đã chuẩn bị để cùng anh đánh bọn Nhật trong một năm, hai năm - và nếu cần thì lâu năm hơn nữa.

Hồ Chí Minh đứng lên, rót nước chè vào hai bát nhỏ bằng sứ men lam Huế. Ông trao Joseph một bát và trầm ngâm hớp nước chè trong bát mình:

- Đại úy Sherman ạ, có phải tôi từng nói với anh rằng đảng của tôi là xứ sở của tôi? Đúng như thế, lời nói đó quả thật không lừa dối chút nào. Ba mươi lăm năm trước đây, tôi rời quê hương trên một con tàu viễn dương để ra đi tìm đường cứu nước. Tôi đã lê gót chân đi hầu như khắp nơi trên thế giới. Khi dừng lại ở Paris, tôi xông xáo, loay hoay, và thật sự bế tắc sau những ngày hoạt động hết mình bên cạnh các nhà đại trí thức người Việt, kể cả với một người rất nổi tiếng, bạn đồ tiến sĩ đồng khoa với thân phụ tôi. Chúng tôi làm báo, vận động kiều bào, đệ nạp thỉnh nguyện thư lên các tổ chức quốc tế để lên án thực dân Pháp và khẩn cầu họ hỗ trợ chúng tôi thoát khỏi thân phận làm một dân tộc thuộc địa.

Hồ Chí Minh dừng lại, châm một điếu thuốc quăn sẵn và nói theo hơi khói thở ra:

- Thực tế, gần như không một nhà nước phương tây nào chú ý tới các văn bản và lời thỉnh cầu đó, kể cả hội Quốc Liên, kể cả Tổng Thống của quý quốc. Không một chính quyền tự nhận là văn minh nào giúp chúng tôi có điều kiện thu hồi độc lập. Bỗng chốc tôi nhận ra rằng vừa làm vừa tự học trên hai chân mình hoặc bằng các kiến nghị, với các sĩ phu lỗi thời và các trí thức thuần lý thuyết, sẽ không bao giờ đạt được ý nguyện của mình. Trong khi đó, người dân tiếp tục bị vắt kiệt trên đồng ruộng,

trong nhà máy, và những người có tâm huyết tiếp tục bị đày ải trong ngục tù. Tôi cần phương thức mới, cần ghê gớm. Tôi cần học hỏi những khả năng đấu tranh chính trị có tính khoa học và hiện đại, cũng ghê gớm không kém. Tôi cần sự hỗ trợ cụ thể của quốc tế, cần kinh khủng.

Ông nhấp một ngụm nước chè, nhìn ra xa quá hàng cau bên kia chiếc sân đất, đắm chìm trong hồi tưởng:

- Rồi cũng tại Paris trong những ngày bế tắc ấy, tôi gặp Lênin, đúng hơn, tôi bắt gặp những dòng chữ của ông ấy. Tôi khởi sự ngưỡng mộ Lênin vì tôi khám phá ra Lênin là một nhà yêu nước vĩ đại muốn giải phóng những đồng bào nghèo khổ của ông ấy. Khi lần đầu tiên đọc “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, tôi quá đỗi vui mừng, tới độ phát khóc. Dù chỉ ngồi lồm bồm đọc nó một mình trong căn buồng tôi trọ ở Đường Bonaparte, tôi vẫn phải nhảy dựng lên và kêu lớn: “Hỡi tiền nhân liệt sĩ! Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta! Đây là con đường giải phóng dân tộc chúng ta!”

Ông ngừng nói một chút, mỉm cười nhớ lại:

- Như thế, tôi trở thành một trong các đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp. Rồi vài năm sau, tôi được Quốc tế Đệ tam huấn luyện và hỗ trợ để xây dựng cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương, một tổ chức đấu tranh chính trị

chuyên nghiệp, có huấn luyện và hơn hẳn các đảng phái, các phe nhóm chia rẽ và dửng dăng ở trong nước. Đại úy ạ, hết thảy các hành động ấy của tôi được thúc đẩy bởi chỉ một động cơ duy nhất: tôi tin chắc rằng đất nước chúng tôi yếu nhược; nếu muốn lật đổ nền đô hộ mạnh mẽ của Pháp, chúng tôi phải cần tới sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ngài George Washington của anh đã chấp nhận sự hỗ trợ của Pháp để đánh bại người Anh, đúng không? Đối với tôi, cái mà anh gọi “Phong trào Cộng sản Quốc tế Đệ tam” chỉ là cái đã dạy cho chúng tôi, những người bị áp bức tự tổ chức và tự huấn luyện để chống lại những kẻ áp bức mình. Bài học đó đáng giá. Và hiệu nghiệm. Rồi chót hết, sự hỗ trợ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ suốt năm sáu tháng vừa qua, cũng chứng minh rằng nó có tầm quan trọng lớn lao bậc nhất cho chúng tôi. Chúng tôi tán thưởng tinh thần quảng đại Hoa Kỳ đã và đang cống hiến cho chúng tôi. Nhưng đại úy ạ, đồng thời tôi cũng không vì thế phản bội chính nghĩa của mình - đảng của tôi, như anh thấy, nó quả thật là xứ sở của tôi.

Joseph hơi ngần ngại, rồi hỏi thẳng:

- Còn về tấm ảnh của tướng Chennault và những khẩu súng tôi đã biếu ông thì sao? Chúng được dùng vào việc gì?

Đôi mắt của Hồ Chí Minh có vẻ như cười:

- Đại úy ạ, vào thời điểm đó, những người Việt

Nam lưu vong ở Liễu Châu vừa thành lập chính phủ Cộng hòa Việt Nam lâm thời do Trung Hoa Quốc Dân Đảng ủng hộ, đang tranh chấp với Mặt Trận Việt Minh do tôi phục hoạt. Khi trở về với tám anh có ký tặng đó và đưa sáu khẩu súng lục cho những người đang kỳ vọng chính phủ lâm thời thấy, tôi chỉ để yên cho họ có cảm tưởng rằng Việt Minh được sự ủng hộ mật thiết của vị tướng lãnh Hoa Kỳ lừng danh ấy và rằng các khẩu súng lục là đặc ân của ông ấy dành riêng cho cá nhân tôi. Sự nhập nhằng nhỏ nhoi ấy cho phép Việt Minh phô trương thanh thế và bản thân tôi nắm trọn quyền kiểm soát phong trào Việt Minh trong thời điểm quan trọng đó, chẳng còn ai dám thách đố chúng tôi nữa.

Nói tới đây, bộ mặt của Hồ Chí Minh sáng lên một cách cực kỳ tinh quái tới độ Joseph đang bực mình cũng phải bật cười. Ông vuốt chòm râu thưa thưa, mặt bỗng lộ vẻ cực lòng:

- Đại úy ạ, tôi lấy làm tiếc là anh cảm thấy thiện chí của anh bị lạm dụng. Những sự việc như thế này có lẽ khó nói, nhưng không phải tất cả chúng ta, không cách này thì cách nọ, đều không ít thì nhiều, phải dùng tới những kẻ có cảm tình với mình sao? Và việc anh biết ra điều chúng tôi đã làm đó có thật sự gây trở ngại tới độ chúng ta chẳng còn có thể tiếp tục mến cảm nhau một cách sâu xa không? Tôi có cảm tưởng rằng anh đang bị lôi cuốn vào đất nước và dân

tộc chúng tôi; và tôi hy vọng rằng trong những việc tôi làm, sẽ không có điều gì làm thay đổi sự lôi cuốn đó. Tôi muốn giữa hai xứ sở chúng ta có tình thân hữu bền chặt – và tôi cũng muốn tình thân hữu giữa hai con người chúng ta tiếp tục càng ngày càng thêm thâm thiết.

Joseph nói nghiêm giọng:

- Để sự hợp tác hoặc tình thân hữu ngày càng lớn mạnh, cả đôi bên đều phải có sự tín nhiệm lẫn nhau. Lý ra trước đây ông nên báo với chúng tôi hoặc có thể kể cho tôi nghe những bí mật ấy của ông!

Trong một chốc, vị lãnh tụ người An Nam nhìn Joseph chằm chặp. Dù cơn bạo bệnh vừa qua tàn phá gương mặt ông ra hốc hác thê thảm nhưng bộ mặt ấy vẫn hằn vè quyết tâm và định tĩnh. Joseph lại thấy rõ hơn nữa rằng mình bất lực trước cái cá tính mạnh mẽ và hiểm hoi đang giữ vững ông. Hồ Chí Minh nói điềm đạm:

- Đại úy ạ, không phải bất cứ lúc nào ta cũng có thể làm được những gì mình muốn. Vì tôi đánh giá cao tình thân hữu của anh, và mong ước rằng thông qua những bằng hữu quý báu như anh, quan hệ giữa quý quốc và chúng tôi sẽ tiến những bước tích cực hơn nữa, nên tôi sắp kể cho anh nghe chính xác những gì xảy ra nơi mặt khu trong rừng suốt mấy ngày gay gắt vừa qua.

Hồ Chí Minh dừng lại như để chuẩn bị sự chú ý cho Joseph, rồi ông nói tiếp:

- Đó là khoảng thời gian chúng tôi bận túi bụi lo việc tổ chức cho tương lai của quốc gia mình. Chúng tôi biết rõ dân chúng chỉ nghe nói tới Mặt Trận Việt Minh một cách mơ hồ và chúng tôi chỉ có vài ngàn cán bộ được huấn luyện. Tình huống đó có nghĩa chúng tôi phải làm việc thật gấp và không để lỡ một cơ hội, không bỏ phí một giây một phút nào. Sự đầu hàng đột ngột của quân Nhật tạo ra một lỗ trống vì các chủ nhân ông người Pháp của chúng tôi vẫn còn ở trong các trại giam. Khối Đồng Minh họp ở Potsdam đã quyết định rằng Đông Dương sẽ bị Trung Hoa và Anh cùng chiếm đóng - nhưng phải mất vài tuần nữa, quân đội của hai nước đó mới tới. Trong khoảng thời gian ấy tổ chức ít ỏi của chúng tôi phải thực hiện một mưu chước ảo thuật vĩ đại. Phải làm sao cho Mặt Trận Việt Minh xuất hiện trước dân chúng và trước khối Đồng Minh như một tổ chức lớn rộng và mạnh mẽ, một tổ chức của những người yêu nước, tha thiết với độc lập dân tộc và có năng lực tự cai quản xứ sở của mình. Chẳng bao lâu nữa Việt Minh sẽ như thế nhưng cho đến ngày xảy tới điều đó chúng tôi phải tạo ra một ảo giác. Chúng tôi phải số cán bộ ít ỏi của mình đi khắp mọi miền đất nước để xách động quần chúng, in cờ và khẩu hiệu, tổ chức biểu tình. Trước khi chúng tôi bắt tay vào việc, thật khó có thể giải thích mọi sự với anh - nhưng lúc này anh đã

thấy một số thành quả trong những làng mạc anh vừa đi qua, đúng không?

Joseph gật đầu:

- Vậy có phải tất cả những cái đó đều do bởi cán bộ tuyên truyền của ông bịa ra? Hồ Chí Minh mỉm cười, chậm chậm lắc đầu:

- Không đúng như vậy đâu đại úy. Không “bịa ra” chút nào. Chắc chắn nội dung các diễn tiến, không ít thì nhiều, không lọt qua nổi tai mắt đoàn quân báo của đại úy. Như tôi đã nói, vì tình bạn giữa anh và tôi, tôi sẽ kể sơ lược một số chi tiết, như một lời tâm sự đầy thiện chí và riêng tư của một người bạn chân tình đối với một người bạn thân thiết.

Đưa tay đề lên nắp ấm còn nóng, Hồ Chí Minh châm thêm vào hai bát nước chè rồi nhìn thẳng vào mắt người Mỹ:

- Năm ngày sau khi quả bom hạt nhân của quí quốc biến Hiroshima thành bình địa, chúng tôi lập tức họp đại hội toàn quốc ở Tân Trào và ra lệnh tổng khởi nghĩa trên cả nước. Như đại úy đã biết, ngày 14 tháng Tám Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng. Hôm sau, các nước đồng minh quyết định duy trì nội các của nhà học giả, mà tôi có lần nặng lời phê bình với anh, để làm chính phủ chuyển tiếp, nhưng hành động ấy của họ chậm mất một bước. Trong tuần lễ đó, người của chúng tôi đã tranh thủ quần chúng hoặc cướp chính quyền tại nhiều tổng huyện trên toàn quốc.

Cuộc tranh thủ quân chúng ấy đạt tới điểm cao nhất vào ngày 17 tháng Tám vừa qua tại Hà Nội. Hồ Chí Minh ngừng lại một chút, rồi mắt lại long lanh như đang cười hóm hỉnh:

- Hôm đó, hưởng ứng lời kêu gọi của thủ tướng học giả họ Trần và Khâm sai Bắc Việt họ Phan, Tổng hội Công chức hô hào dân chúng lũ lượt kéo tới Nhà Hát Lớn để ủng hộ chính phủ. Khí thế dân chúng sôi nổi với khát vọng độc lập tự do. Và ngay lúc ấy, trước con mắt ngạc nhiên của 15 vạn người tham dự, cờ đỏ sao vàng xuất hiện phát phới và cán bộ Việt Minh chiếm diễn đàn. Chúng tôi đọc Bản Hiệu Triệu của Việt Minh, trình bày khát vọng của đồng bào là muốn được Đồng Minh giúp đỡ để Việt Nam hoàn toàn độc lập. Đồng thời chúng tôi hứa hẹn một viễn ảnh nếu Việt Minh lên cầm quyền, dân không phải đóng thuế nữa, được hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc. Sung sướng quá, dân chúng hoan hô, nhất là thanh niên, tiếng rền vang như sấm dậy. Hai hôm sau, cũng ngay tại Hà Nội, Mặt trận Việt Minh tổ chức một cuộc mít-tinh còn lớn gấp bội, với hàng vạn nông dân và nhân dân nội ngoại thành cùng các đoàn tự vệ cứu quốc hô hào thành lập chính quyền nhân dân, rồi kéo nhau đi chiếm các cơ quan của chính phủ.

Châm thêm điều thuốc, Hồ Chí Minh cười mẫn nguyền:

- Giờ đây dân chúng khắp nơi tự động chấp nhận quyền lãnh đạo của chúng tôi. Không có cuộc biểu tình nào ủng hộ Việt Minh là bịa đặt. Và chắc chắn đại úy cũng đồng ý với tôi rằng không thể nào thành tựu được thực tế đó nếu không đi đúng với khát vọng của quần chúng, vận dụng cơ hội, quyết tâm cao độ và tổ chức khoa học. Ngay lúc này, nếu anh có mặt ở Hà Nội, trái tim của Việt Nam, anh sẽ thấy cờ đỏ sao vàng bay rợp phố phường, còn rộn ràng tung bừng gấp bội những cảnh tượng anh vừa thấy trên đường từ Cao Bằng tới Thái Nguyên này.

Đặt tay lên cườm tay của Joseph, Hồ Chí Minh trầm giọng:

- Là người từng nghiên cứu lịch sử và xuất thân từ một gia đình có truyền thống làm chính trị, đại úy ạ, anh thừa biết rằng việc truyền bá sâu rộng chính nghĩa trong quần chúng đòi hỏi phải tổ chức kỹ lưỡng và hoạt động gian khổ – nhưng những cái đó sẽ không đưa tới đâu nếu tập thể quần chúng không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ.

Joseph rút tay về, buống bình phản bác:

- Như vậy, phải chăng dân chúng trong các làng mạc tan hoang đã không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ. Người của tôi khám phá ra rằng ông sát hại đàn ông con trai của họ và đốt cháy nhà cửa của họ chỉ vì họ không chịu tham gia với ông.

Hồ Chí Minh nói thẳng thừng:

- Chẳng may những thí dụ như thế thì hiếm, đại úy ạ. Không ích lợi gì khi cứ nói đi nói lại mãi chuyện đó. Nếu đồng bào của anh bị làm nô lệ cho cường quyền ngoại bang trong suốt một trăm năm, rồi đột nhiên, anh thấy trước mắt mình đang mở ra một thời cơ để giải phóng họ, phản ứng của anh sẽ như thế nào? Liệu anh có để cho vài kẻ nghi hoặc đứng yên trên lối đi của anh không? Liệu anh có dám tuyên bố rằng mình yếu nhược và mình chẳng có ai là bạn hữu đầy sức mạnh? Liệu anh có chịu lùi bước, ngồi xuống và cam chịu rằng: “Tổ chức của mình không đủ mạnh”? Hoặc phải chăng anh cũng hành động y hệt như tôi đã hành động?

Trong một chốc, Joseph đắm đắm nhìn mấy cục than hồng trong bếp lửa. Anh nói chậm chậm:

- Tôi cho rằng hẳn mình cũng làm những gì ông đã làm.

Một nụ cười rạng rỡ làm sáng lên vẻ mặt tiêu tụy của Hồ Chí Minh. Ông tóm cả hai bàn tay của Joseph:

- Đại úy, cảm ơn anh. Hãy để tôi mời anh thêm một bát nước chè nữa.

Vẫn mỉm cười tươi rói, ông quay mình và thêm lần nữa cúi húi với chiếc ấm khói ám đen sì.

- 12 -

Trời tờ mờ sáng, trên cánh đồng Hương Trà còn ướt đầm sương đêm, số người tụ tập để tuần hành vào Huế đã lên đến trên mười ngàn. Bộ quần áo bà ba màu lam hoặc nâu lạnh lặn nhất trên mình của người may mắn nào đó cũng không khỏi bị giặm đôi ba chỗ vá. Họ gồm những nông dân đứng tuổi khắc khổ, khuôn mặt hốc hác, nước da tái tái; các thanh niên hai mắt long lanh, tay chân không ngớt mùa men; và các thiếu nữ má hây hây đỏ, tóc cột gọn gàng thả xuống sau lưng hay một bên ngực. Từ các tổng làng xa cả chục cây số, họ thức dậy lúc ba bốn giờ sáng, ăn qua loa vài củ khoai sắn và ém vôi mo cơm độn, kèm theo muối ruốc, rồi nườm nượp kéo nhau về đây tập trung theo lời kêu gọi của Ủy Ban Khởi Nghĩa. Từ chỗ này, họ sẽ cùng nhau đi bộ tới Sân Vận Động Huế tham dự buổi mít-tinh đón tiếp phái đoàn đại biểu Việt Minh từ Hà Nội vào tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại.

Hôm đó là ngày 29 tháng Tám. Cuộc nổi dậy cướp chính quyền bùng lên từ huyện Phong Điền mười một ngày trước, tới nay đã lan khắp các huyện trong tỉnh. Khí thế cách mạng đêm ngày cuộn cuộn như nước nguồn từ dãy Trường Sơn hàng năm đổ về. Tên Hồ Chí Minh xuất hiện và mang đầy vẻ bí ẩn trên cửa miệng thì thâm của những người có hoạt động quốc sự, làm lòng họ thêm nôn nao hy vọng. Tuy thế, nhiều

người vẫn tự hỏi có quả thật ông ấy là Nguyễn Ái Quốc, một người chống Pháp đòi độc lập tự do cho dân tộc, mà tên tuổi đã đi vào truyền thuyết. Hầu như không người nào trong họ biết rõ “cách mạng” là gì nhưng không hiểu sao âm thanh của hai tiếng ấy làm tim họ đập rộn ràng. Nó như hiệu lệnh thúc họ đứng lên chiến đấu, để chấm dứt những ngày dài nô lệ đói rét, để mọi người được ăn no mặc ấm, và để đất nước từ nay sạch bóng bọn tây đô hộ cùng đám tham quan ô lại và cường hào ác bá.

Trong lúc lằng lằng với những ý nghĩ đó, họ cảm thấy rung mình, như có linh cảm mơ hồ về những gian nan sắp tới. Là người sống bằng mồ hôi của chính mình, họ biết việc gì trên đời cũng có cái giá của nó. Cách mạng, nếu như thế, cũng có thể đưa tới chiến địa, tù ngục và huyết mội dành cho con cái họ, thậm chí bản thân họ. Riêng với thanh niên, hai tiếng “cách mạng” nghe rất nồn nao, như thể sắp có một cuộc đổi đời, say sưa và tích cực. Đầu họ ngẩng cao thách thức. Chân đi trên thửa ruộng còn đầy gốc đay mới đay bị trồng thay lúa, mà máu huyết cứ rần rạt sôi trong người. Sợi gân sau cổ chân cứ co giật, muốn bung lên về phía trước, xung phong lao tới một đối phương đang đợi sẵn. Cách mạng, nghe rất quốc sự và đầy ước vọng, như thể cuộc đời họ sắp được kéo lên từ chốn hiện tại mịt mù nhất, đem họ đi thật xa,

ra khỏi nơi thôn làng tù túng và cơ cực. Họ sẵn sàng hiến dâng tâm hồn, thể xác và tuổi xuân cho cách mạng. Họ hân hoan chấp nhận cuối con đường quang vinh đó có thể là huyết mội. Nhưng được chết giữa mặt trời vũ khí trong tay còn hơn chết bần bật tù đầy hoặc sống đầy đọa với sưu cao thuế nặng. Và họ tin tưởng, như đinh đóng cột, rằng những kẻ đang kêu gọi họ đứng lên đấu tranh kia là người cùng chung thân phận, cùng da vàng máu đỏ, và hơn nữa, đồng một bào thai dân tộc, nên sẽ không bao giờ lường gạt hoặc phản bội họ.

Hôm nay ngọn gió sớm mai mùa thu từ phương đông thổi tới cánh đồng phơi phới lạ thường. Tới bảy giờ, cả vạn người ấy vào hàng ngũ chỉnh tề, xuất phát theo hiệu lệnh. Lá cờ đỏ sao vàng lớn như mái nhà đi dẫn đầu, được cầm cứng cỏi bằng cả hai tay của những thanh niên lực lưỡng luân phiên nhau. Kế đó, một biểu ngữ đỏ thắm giăng ngang mặt đường do đôi trai gái rạng rỡ dương cao, với hàng chữ màu vàng: “Nhân Dân Tỉnh Nguyễn Tri Phương Nhiệt Liệt Tham Gia Cách Mạng”. Từ mấy ngày qua, danh xưng tỉnh Thừa Thiên – nghe đầy vẻ phong kiến và thần phục – đã được Ủy ban Cách mạng đổi thành tên của vị danh tướng sinh trưởng ở tỉnh nhà. Ông từng chống giữ hai thành Gia Định và Hà Nội vào những ngày đầu cuộc xâm lược của thực dân Pháp.

Chẳng may bị bắt, ông chọn cái chết như một hình thức tuần tiết để bày tỏ lòng yêu nước và không đội chung trời với giặc tây dương.

Đi sau biểu ngữ đỏ thắm ấy là hàng trăm thanh niên nam nữ cứu quốc. Quần xắn cao, một tay cầm vũ khí tự trang bị gồm mác, hoặc lỗ ô vót nhọn, giáo và gươm, một tay cầm cờ đỏ sao vàng do gia đình hoặc thôn xóm tự may. Thịnh thoàng có vài thanh niên hoa mã tấu theo thể tả hữu hoành đao mới học. Tiếp đó là những nông dân đứng tuổi, đàn ông đàn bà và các thiếu niên, đi theo sau biểu ngữ ghi rõ tên tổng xã của mình. Đoàn người cờ xí ợp trời kéo dài tới mấy cây số, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu theo giọng xướng oang oang từ những chiếc loa làm bằng lá nhôm mỏng hoặc mo cau cuộn lại:

- Đả đảo phát-xít!
- Quét sạch giặc Tây!
- Triệt để ủng hộ Việt Minh!
- Cương quyết tham gia cách mạng!
- v.v.

Tiếng họ gào lên thật lớn, rền vang tường thành kinh đô và dội lại trên sông nước Vạn Xuân khi đi ngang bãi hành quyết bên kia cầu An Hoà rồi tiếp bước dọc con hào nép sát tường thành cao vời vợi.

Qua cửa Chánh Tây rồi cửa Hữu, dưới hàng ngàn dây cờ đỏ sao vàng bay phất phới và các biểu ngữ có cùng nội dung với các khẩu hiệu,

đoàn người dừng chân gần cầu Bạch Hổ. Tại đây, họ nhập chung một đoàn hàng ngàn người dân khác cũng đang tung bừng khí thế, từ Văn Thánh Kim Long kéo xuống. Thay vì chọn con đường ngắn nhất qua cầu Bạch Hổ, đoàn người rẽ về hướng đông, tiến bước trên con đường rộng thênh thang giữa sông Hương và hoàng thành, dẫn tới cầu Tràng Tiền.

Tiếng hô khẩu hiệu lại tràn lên tường thành và dội xuống, lan xa mặt nước khiến dòng sông Hương thường ngày trầm lặng hôm nay bỗng như rừng mình, nghiêm trọng chứng kiến những giờ phút đổi thay của lịch sử. Ngang Phú Văn Lâu, các thanh niên thiếu nữ phẩn chấn hô khẩu hiệu to hơn khi thấy trên kỳ đài đã phất phới lá cờ đỏ sao vàng thay cho cờ vàng của nhà vua và chính phủ. Từ mấy ngày nay, Ủy ban Khởi nghĩa đã hạ cờ vàng xuống, kéo cờ đỏ lên trước khí thế dũng mãnh của dân chúng kinh đô và sự hoang mang co rút của nhà vua cùng nội các. Lính Nhật đang đóng cửa trại chờ quân Trung Hoa tới giải giới. Lính Pháp vẫn bị cầm giữ trong Mang Cá từ ngày Nhật đảo chánh. Lính khố đỏ rã ngũ từ năm tháng trước. Lính khố xanh, khố vàng và lính hộ thành đã ngã theo cách mạng.

Phố xá Huế hôm nay không mua bán nhưng nhộn nhịp khác thường với cờ xí đỏ rợp trời. Nhà nhà đua nhau may cờ, may biểu ngữ. Đường phố tấp nập người đi lại. Có kẻ cầm trên tay thanh

đại đao sáng quắc. Có kẻ cầm khẩu súng müt-co-tông dài thông thường bị dân địa phương gọi đùa là “đùi giữ vịt”. Không một ai ra đường hôm nay với thẻ ngà đeo trước ngực. Cầu Tràng Tiền rung lên theo nhịp chân đi. Hai bên thành cầu, những bức tranh cổ động trên đó vẽ cánh tay cầm búa vung lên đập tan xiềng xích cũng rung theo như có hàng chục chiếc búa quật mạnh trong nắng mai dập dờn sóng nước.

Vừa qua khỏi cầu đoàn người đã thấy rộn rịp từ xa thêm ba đoàn người nữa cũng đang rầm rập kéo đến như họ. Một từ Hương Thủy tập trung ở cánh đồng Dạ Lê kéo ra, qua cầu An Cựu. Một từ Nam Giao và Long Thọ tập trung ở Ga Huế kéo xuống. Một từ Phú Vang tập trung ở cánh đồng Nam Phổ kéo lên qua ngã Đập Đá; đoàn thứ tư này khí thế oai mãnh nhất. Đi đầu đoàn là cả trăm nam nữ thanh niên tay cầm dao phay hoặc trường côn, chân bước rầm rập như tiêu biểu cho khí thế và tinh thần chuộng võ của thanh niên xứ thần kinh. Họ là môn sinh võ phái gốc Việt chính tông Bạch Hổ Sơn Quân của dòng họ Nguyễn Hữu từng sản sinh nhiều danh tướng bảo vệ xứ Đàng Trong. Về sau, một môn sinh ưu tú là Giáo Hiến đã mang vào dạy cho anh em Tây Sơn, làm thành võ Bình Định. Nó cũng theo chân Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và đoàn lưu dân vào nam lập nên võ học Tân Khánh Đồng Nai.

Bốn đoàn nông dân gồm trên bốn vạn người, như bốn dòng nước nguồn chảy cuộn cuộn về Sân Vận Động. Ở đó, cả bốn nhập làm một trong tiếng loa, tiếng máy phóng thanh oang oang giọng của chủ tịch Ủy ban Khởi Nghĩa, đồng thời cũng là Ủy ban Nhân dân Cách mạng, một thanh niên thi sĩ mới ngoài hai mươi tuổi. Anh say sưa báo tin từng giờ từng phút bước chân của phái đoàn đại diện Việt Minh đang theo con đường cái quan vào gần tới Huế.

Hai giờ chiều hôm đó, tại Thế Miếu thờ vua Gia Long và các tiên đế, tọa lạc bên hữu điện Thái Hòa, sau nửa giờ chờ đợi “văn võ bá quan” nhưng cuối cùng chỉ có mặt bốn cận thần nội cung, hoàng đế Bảo Đại ra hiệu cho quan nghi lễ đại thần đốt trăm rỗi thắp nhang đưa cho mình. Ông cầm lên nắm nhang, vái ba vái và quì xuống, lâm râm cáo yết liệt tiên đế về dự tính thoái vị. Sau khi đê đầu xuống chiếu bốn lần, ông đứng dậy và vái ba vái. Thay vì trao nắm nhang cho quan chấp sự, ông đích thân lần lượt cầm từng cây nhang vào lư hương trên bầy án thờ. Rơm rớm nước mắt, không biết vì xúc động hay vì không quen nhang khói, ông đưa lưng bàn tay lên chà xát đôi mắt. Lòng âm thầm tự hỏi phải chăng đây là lần cuối được làm lễ tại tôn miếu của các đấng tiên vương.

Bước ra khỏi Thế Miếu, nhà vua tần ngần đứng nhìn chín cái đỉnh đồng chạm hình mặt

trời, mặt trăng, núi sông hoa cỏ, các giống động vật, thực vật và đồ binh khí, xe thuyền của nước Việt. Mỗi cái đỉnh lấy chữ trong miếu hiệu của một tiên vương. Cửu đỉnh tượng trưng cho tính chính thống của thiên mệnh. Sức nặng của chúng tượng trưng cho trường trị. Đưa tay rà theo lưng chiếc đỉnh chạm hình núi sông, nhà vua hít vào thật sâu và tự hỏi, lúc này câu “Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân” chẳng còn linh nghiệm, liệu rằng Ất Dậu năm nay có ứng với câu “Thân Dậu niên lai kiến thái bình” không, hay lời sấm ấy mãi mãi chỉ là nỗi hoài mong để làm nguôi ngoai những điều linh của một dân tộc mấy trăm năm nay sống trong chia lìa, loạn lạc?

Hoàn tất lễ cáo yết, Bảo Đại quay về lầu Kiến Trung trong Tử cấm thành. Ở đó cùng hoàng hậu Nam Phương và thái tử Bảo Long, ông ngồi cho bốn cận thần làm lễ cáo biệt như một thể thức bày tỏ lòng trung quân sau cùng, thay mặt “văn võ bá quan” lúc này hoang mang lo sợ tới độ không dám đặt chân vào Đại Nội. Hoàng đế cố giữ nét mặt thản nhiên trong khi hoàng hậu có vẻ cảm động rome nước mắt. Nhìn viên Tổng lý ngự tiền văn phòng Phạm Khắc Hòe cúi mình vái thật thấp Ngài Ngự rồi Ngài Hoàng trong khi Nam Phương không muốn ngó thẳng mặt kẻ vái biệt mình, Bảo Đại tự hỏi không biết họ Phạm kia là người thành tâm với vận nước

hay chỉ là kẻ đón gió. Qua những lần đi lại như thoi đưa với Việt Minh, suốt mười ngày nay họ Phạm dai dẳng thúc giục đức vua thoái vị, trao quyền cho Mặt trận Việt Minh. Dẫn chứng câu sấm bảo là của Trạng Trình cách đây 300 năm: “Đụn Sơn phân giải, Bò Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh”, nghĩa là: “Khi nào núi Đụn Sơn tự tách ra, khe Bò Đái mất tiếng kêu, thì có thánh nhân ra đời tại huyện Nam Đàn”, họ Phạm thuyết phục rằng chính Hồ Chí Minh, người Nam Đàn, là vị thánh nhân đó. Khi thấy họ Phạm đích thân kiểm tra từng chút một tài sản trong Đại Nội, Bảo Đại đã hỏi thấp giọng:

- Thầy nói cho Trẫm biết việc tài kiểm kê các thứ tài sản để chuẩn bị giao cho chính quyền cách mạng tới đâu rồi?

- Tàu đã hoàn tất. Chỉ là xác nhận bản kiểm kê lập mỗi dịp lễ Phất thức hàng năm. Quý giá nhất vẫn là các đồ vật bằng vàng bạc ngọc ngà châu báu của liệt tiên vương, hiện cất trong hầm lớn dưới mái sau của điện Càn Thành. Chờ tới lúc Ngài Ngự ban xong Chiếu Thoái vị là trao ngay danh sách cho đoàn đại biểu chính phủ Việt Minh.

Lưỡng lự đôi chút rồi đức vua hỏi bằng quơ:

- Không biết những bảo vật này rồi sẽ ra sao nhỉ?

Phạm Khắc Hòe trả lời tươi tỉnh:

- Tàu, đại diện Việt Minh đã cam kết với

thần rằng chúng là tài sản văn hóa của dân tộc. Chúng sẽ được chính quyền cộng hòa bảo quản nghiêm minh và đưa hết vào viện bảo tàng.

Thụ lễ cáo biệt xong, Bảo Đại ra lệnh bí thư họ Phạm ở lại để cùng ông duyệt lần chót Chiếu Thoái vị. Nam Phương hoàng hậu rời lầu Kiến Trung, bắt đầu dạo Ngự Viên như mọi ngày. Bà đi thơ thẩn ngắm các hòn giả sơn. Ánh nắng xiên khoai buổi chiều mùa thu không chói chang nhưng cũng đủ làm lấm tấm mấy giọt mồ hôi hai bên thái dương dưới mái tóc búi. Hoàng hậu thở dài, đặt chân xuống con đường sạn dẫn tới chiếc cầu nhỏ bắc qua Tiểu Ngự hà. Những hạt sỏi trên mặt đường cồm cộm dưới đế giày cườm như nhắc nhở Nam Phương rằng đây hẳn là lần cuối cùng còn bước đi giữa khu vườn xinh đẹp này. Chỉ ngày kia thôi, hoàng gia sẽ dời sang cung An Định, bên bờ sông An Cựu.

Trong nắng chiều vàng nhạt, màu trắng của chiếc quần sa tanh và màu đỏ của chiếc áo vóc làm bà nổi bật lên giữa màu tía của Tử cấm thành, màu vàng của Đại nội và màu của ngàn hoa vẫn khoe sắc trong Ngự Uyển. Bỗng dưng hoàng hậu lắc lắc đầu như muốn xua đi giấc mơ đêm qua. Ở một nơi rất xa, trong trời tờ mờ sáng tại một làng nhỏ vùng bắc nước Pháp, và từ một góc thật sâu đâu đó, hình như bà hoặc linh hồn của bà thấy người ta khiêng chiếc quan tài màu đen vào ngôi nhà thờ nhỏ. Những

ngọn nến đỏ lung linh. Cha sờ mặc áo đen. Bài kinh Requiem đã cũ được ca đoàn áo đen, khăn quàng cổ trắng, hát lên bằng tiếng la-tinh nghe thật luyến tiếc. Chung quanh di thể bà chỉ có mặt mấy người con, hai người hầu và các phụ nữ Pháp. Phải chăng đó là viễn tượng ngày lia đời của một người không thật sự muốn làm hoàng hậu. Bà không biết. Nhưng trong nắng quái chiều nay, những chiếc áo đen và điệu nhạc cầu hôn ấy nhắc bà nhớ tới chiếc áo thiên thanh và điệu nhạc khiêu vũ mười hai năm trước.

Khi Marie Thérèse Nguyễn Hữu Thị Lan cùng người cậu ruột vượt qua mấy đoạn tầng cấp hai bên xếp dọc những chậu cây thiên tuế, đặt chân lên thềm Khách sạn Langbian Palace, buổi dạ vũ đã bắt đầu từ lâu; tua vũ nhạc vừa sang vòng thứ hai. Gió hồ Xuân Hương thổi lên lành lạnh, tỏa vào sương đêm mùi hương hoa cỏ Đà Lạt lan xa từ vườn hoa thành phố dưới chân đồi cù, mé bên kia mặt hồ. Viên đốc lý người Pháp – thị trưởng Đà Lạt – mừng rỡ chạy ra đón hai cậu cháu và vội vàng dẫn vào trình diện nhà vua trẻ đang ngồi hờ hững trong chiếc ghế bành-tô một đầu sảnh đường.

Đó là một đêm mùa hạ năm 1933, thời khắc mở đầu cho cuộc hôn nhân vương giả. Nguyễn Hữu Thị Lan khép nép qui một gối, cúi đầu sát sàn nhà, vái chào nhà vua chỉ hơn mình một tuổi. Bảo Đại xao xuyến nhìn vị tiểu thư miền

Nam với vẻ đẹp sắc sảo phương tây và nét đơn sơ trong chiếc áo dài màu xanh da trời mộc mạc. Cách đây một năm, hai người chung chuyến tàu hồi hương nhưng không có cơ hội quen nhau. Một đảng là quốc chủ một nước. Một đảng là tiểu thư vừa tốt nghiệp trường nữ trung học Couvent des Oiseaux nổi tiếng của Paris, thích thể thao và cuộc sống ngoài trời. Nàng lại thuộc một dòng họ giàu sang nhất miền nam, cháu ngoại vị huyện quan từng bỏ tiền xây một thánh đường tuy không lớn nhưng thuộc loại đẹp nhất Sài Gòn. Cô tiểu thư ấy không bao giờ có ý nghĩ mình sẽ là hoàng hậu. Tối nay, nể lời người cậu lỡ hứa với thị trưởng, nàng dự tính chỉ ghé qua cuộc dạ vũ, vái chào đức vua rồi ra về. Vừa lúc người cậu nàng Marie Thérèse đứng lên và nhạc trời tango, nhà vua trẻ hào hoa đưa tay mời ra sàn nhảy. Từ đó, tiếng nhạc dập dìu ấy đi vào cuộc đời của hai người, và mãi mấy năm sau hoàng hậu mới biết tất cả đều do sự dàn dựng của Toàn quyền Đông Dương và triều đình. Qua năm sau, Nguyễn Hữu Thị Lan nhận lời cầu hôn với điều kiện đám cưới cử hành theo nghi lễ Công giáo, được phong làm hoàng hậu, để ràng buộc nhà vua sống đời một vợ một chồng. Bảo Đại hân hoan đồng ý và ban tặng danh hiệu Nam Phương, bà hoàng miền nam có nhan sắc phương tây.

Về với hoàng triều khi vừa hai mươi tuổi,

khoác áo chim trĩ lên người để làm nữ chủ nhân Từ cấm thành, bà dần dà thu phục được lòng mến cảm của tôn nhân phủ vốn sùng bái đạo Phật cùng đạo Tổ tiên, đa nghi đạo Công giáo, và cảm thấy “điểm gò” của hai tiếng “hoàng hậu.” Từ thời Minh Mạng, các tiên vương đã tuân theo di ngôn ngũ bất lập: không lập hoàng hậu, không lập đông cung, không lập tể tướng, không lập trạng nguyên và không phong tước vương. Chỉ tới triều Khải Định, nhà vua mới phong cho hoàng tử Vĩnh Thụy làm đông cung. Và sang triều này, Nam Phương mới được phong hoàng hậu.

Mười một năm làm hoàng hậu, Nam Phương sinh cho đức vua hai hoàng tử và ba công chúa. Thường ngày, ngoài việc giáo dưỡng các con bà thỉnh thoảng phải cùng quan chức bộ Lễ bàn thảo các lễ lạc trong cung đình, lo việc cúng giỗ liệt tiên đế, vấn an các bà Tiên cung và mẹ chồng, bà Từ Cung Hoàng thái hậu. Dần dà, dáng đi uyển chuyển, khuôn mặt thùy mị và giọng nói miền Nam mềm mại như chim hót của bà chinh phục được hầu hết triều thần, đặc biệt khi họ thấy bà tuyển cho nhà vua những cận thần chính trực để làm quan nghi lễ hay quan ngự tiền. Họ hiểu ra rằng hoàng hậu muốn nhà vua hành xử đúng với đế hiệu Bảo Đại là xây dựng một “triều đại huy hoàng vĩ đại.”

Nhưng rồi khi thấy những khích lệ của mình

không cùng cố nổi người chồng thiếu bản lãnh quân vương, bà bắt đầu can thiệp tích cực hơn và có những hoạt động riêng của mình. Bà hiện diện nhiều hơn trong các buổi đón tiếp quốc khách, tham dự công tác xã hội, thăm các trường học, hội nam nữ hướng đạo, v.v. Bà vận động đưa môn nữ công gia chánh vào học đường và khích lệ các nữ sinh sánh vai với nam giới. Bà cổ vũ tinh thần yêu nước, xem ba miền đất nước cũng chỉ thuộc về một dân tộc. Bà là hoàng hậu đầu tiên của nhà Nguyễn có những hoạt động văn hóa xã hội bên ngoài hoàng thành và tạo được sự trọng nể của đám tây thuộc địa kiểu cách. Khi học giả Trần Trọng Kim thành lập nội các, chính Nam Phương là người gợi ý cho ông đưa nhiều phụ nữ vào các hội đồng chính phủ.

Hai ngày sau khi Nhật đảo chánh chính quyền Pháp ở Đông Dương và muốn Bảo Đại thành lập thể chế quân chủ lập hiến theo kiểu Thiên Hoàng, đức vua đã cùng các thượng thư trong nội các Nam triều đồng ký Bản Tuyên ngôn Độc lập do Phạm Quỳnh soạn; tuyên bố nước Việt Nam đã thoát khỏi sự đô hộ của người Pháp; thống nhất nam trung bắc; và hủy bỏ tất cả các hiệp ước Pháp Việt trước đây. Nhà vua trao cho nhà giáo kiêm học giả Trần Trọng Kim chức thủ tướng và quyền lập chính phủ của Việt Nam. Đây là một chính phủ đa nguyên, với thành phần bộ trưởng hầu hết là trí thức, chuyên gia

yêu nước, phát xuất từ các địa phương và các khuynh hướng chính trị khác nhau. Ngày trình diện nội các ở điện Cần Chánh, vị thủ tướng đầu tiên của Việt Nam mừng rỡ khi nghe nhà vua nhắc đi nhắc lại ba chữ “Dân Vi Quý” kèm theo lời hứa từ nay Trẫm đích thân lo việc nước. Chỉ một tháng sau, lời hứa ấy chìm dần vào những cuộc đi săn và những trò tiêu khiển phóng túng quen thuộc của nhà vua.

Nội các của họ Trần bề ngoài gồm những người đủ tài đức nhưng sâu bên trong họ là những trí thức theo chủ nghĩa dân tộc, không làm chính trị theo lối thủ đoạn và họ thật bụng tin người đồng chủng. Trong bốn tháng chấp chánh ngắn ngủi, họ gây được mầm hứng khởi cho trí thức, thanh niên và dân chúng. Họ làm được khá nhiều việc, như phóng thích tất cả chính trị phạm, cải tổ và Việt hóa giáo dục, cổ động và tiến hành bài trừ quan lại tham ô, phát động phong trào thanh niên dẫn thân và phục vụ, cổ vũ nữ quyền, xóa nạn mù chữ, v.v. Nhưng đó chỉ là một nội các thời bình, không biết tới hai chữ thời cơ. Họ chưa có kinh nghiệm để có những cái nhìn chính trị thực tế và sâu sắc cùng những biện pháp uyển chuyển trước một Hồ Chí Minh đầy quyền biến mưu lược và là kẻ tự động chọn họ làm đối thủ.

Chỉ mới nghe Mặt trận Việt Minh cam kết đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc và dù

chưa biết rõ Hồ Chí Minh là ai, nhưng khi thấy quần chúng tung bùng ủng hộ cờ đỏ sao vàng họ đã cảm thấy mình ở thế yếu. Chưa đầy một tuần sau vụ cướp diễn đàn của Việt Minh tại Nhà Hát lớn Hà Nội, họ phần vì e ngại viễn ảnh một cuộc nội chiến Bắc Nam, phần vì mặc cảm có xuất xứ từ ảnh hưởng của Nhật, đã vội vàng chuẩn bị từ chức. Họ vừa thụ động vừa yên chí chờ Hồ Chí Minh vào Huế lập chính phủ để bàn giao, cũng trong khuôn khổ thể chế quân chủ lập hiến với Bảo Đại tiếp tục làm hoàng đế.

Sau đó, không khí Từ cấm thành chết lặng khi biết ra Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, một phái viên quốc tế bôn-sê-vich, và thể chế sắp tới sẽ là Dân chủ Cộng hòa. Bảo Đại và hoàng gia lo lắng chờ đợi cái chết chắc chắn sẽ xảy tới như của gia đình Nga Hoàng Nicholas II sau năm 1917 hoặc vua Louis XVI cùng hoàng hậu sau cuộc cách mạng Pháp 1789. Cách đây bốn ngày, sau khi đánh điện cho hai Khâm sai Bắc Việt Phan Kế Toại và Nam Việt Nguyễn Văn Sâm bàn giao chính quyền cho Việt Minh, nội các Trần Trọng Kim từ chức. Và mãi tới sáng nay, tại lầu Kiến Trung, nhà vua mới thở ra nhẹ nhõm khi nhận được sự bảo đảm chính thức của chính quyền cách mạng địa phương rằng sẽ không xâm phạm tính mệnh và tài sản của hoàng gia, giữ gìn lăng tẩm, cung điện, đền miếu của các vua nhà Nguyễn. Như vậy có nghĩa, ngay

sau khi làm lễ thoái vị, ông phải ra khỏi Đại Nội; những của cải thật sự của cá nhân ông, hoàng hậu và hoàng thái hậu thì được mang theo và tự do sử dụng; còn tất cả các tài sản của Hoàng đế và Triều đình đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Cách mạng.

Trong khi ngồi nghe họ Phạm đọc từng chữ trong Chiếu thoái vị, Bảo Đại như thấy lại quãng thời gian hai mươi năm làm vua mà thật ra chỉ có mười ba năm trên ngai vàng. Ông tự đánh giá mình không làm lợi gì cho dân cũng chẳng làm hại người nào. Hầu hết tiên vương trước khi làm vua đều được quan thái bảo dạy cho thuật trị quốc an dân, còn ông chỉ là kẻ lớn lên và làm vua trong lòng bàn tay của người Pháp, như một thành phẩm cao cấp nhất của “sứ mạng khai hóa” của họ. Người ta kèm cặp ông, sử dụng ông làm quân bài thì ông lấy việc săn bắn và những lá bài làm vui. Nói cho cùng, ông sống sót.

Không còn đóng vai quân vương, tương lai của ông vẫn ung dung hơn hai huynh đệ khác thuộc chi Hoàng tử Cảnh. Kỳ Ngoại Hầu Cường Để tận tâm tận lực bốn ba cách mạng phục quốc từ ba chục năm nay. Chiêu Thánh, thơ hay học giỏi, ngạo khí cao, mộng lớn nhiều, được Pháp đào tạo cùng lượt với ông như chuẩn bị sẵn hai quân bài trong cuộc cờ vua; cuối cùng, lá bài vua rơi vào tay Bảo Đại. Giờ đây, Kỳ Ngoại Hầu

long đông ở Nhật còn Chiêu Thánh cũng đang xung vương với triều đình văn võ nhỏ như một gánh hát đình miếu, ở vùng Hòa Hưng, Sài Gòn, và sống bằng trợ cấp chính phủ Pháp dành cho kẻ được phong tước “Hoàng tử Thi ca” của Viện Hàn lâm Văn chương Pháp.

Phần mình, ông đã tính toán kỹ lưỡng với viên quan Tổng lý họ Phạm rằng cả hai sẽ lui về đồn điền trồng chè của riêng ông ở Blao. Tại đó ông vui sống điền viên với Nam Phương và các con. Ông sẽ giải quyết sinh kế bằng sản xuất trà và sản bán, vui thú những bữa ăn có thịt rừng. Và biết đâu, thỉnh thoảng còn bán được cộp. Sau khi đã bán cao giá các món da hổ, thịt hổ, răng hổ, móng chân hổ... bộ xương hổ sẽ đặc biệt dành cho gia đình của viên quan họ Phạm kia nấu cao hổ cốt. Giã từ vương miện và hài hốt, ông sẽ khinh khoái đuổi theo những con thú trong rừng trên đôi dép râu làm bằng lốp xe và ruột xe được ông cùng tay thanh niên thiện xạ Hồ Gióng ở Đốc Sơ sáng chế, và cả hai thú vị đặt cho nó cái tên là “dép Bình Trị Thiên”.

Dưới mái lầu Ngũ Phụng lợp ngói thanh lưu ly im mát, chạy dài năm cánh suốt chiều ngang bên trên Ngọ Môn đang mở rộng cửa, Hoàng đế Bảo Đại đứng bên cạnh chiếc long kỷ đặt nơi chính giữa, bốn chôn ngóng đợi. Ông đưa mắt nhìn ra khi hai chiếc xe cắm đầy cờ đỏ chờ Trần Văn Kim và phái đoàn Việt Minh vừa xuất

hiện khởi vòm cửa Thượng Tứ trong tiếng hoan hô nhiệt liệt của đồng bào và chạy giữa một rừng cờ đỏ sao vàng vẫy phất phới. Khắp các ngã đường, dân chúng kéo về đây từ lúc hai giờ chiều ngày 30 tháng Tám. Họ đến càng lúc càng đông, lúc này lên tới khoảng một vạn người, đứng chen nhau trên bãi đất thênh thang giữa Ngọ Môn và Kỳ đài.

Từ trên cao nhìn xuống, người ta thấy cả một biển người với đầy đủ màu sắc. Những tà áo tím áo xanh thuốt tha giữa những thầy giáo quần đen áo trắng. Những nông dân mặc bộ bà ba sồn mồn năm ba miếng vá đứng giữa những kẻ cổ cồn cà vạt mới toanh và những người khăn đóng áo dài tề chỉnh. Những nam nữ học sinh tuổi xuân môn môn sát cánh các cụ già bà lão tóc bạc phơ và râu cũng bạc phơ... Rõ ràng mọi tầng lớp xã hội đều có mặt đầy đủ. Đoàn ông chọn bộ quần áo mới giặt và thơm tất nhất. Phụ nữ giữ đúng phong tục xứ thần kinh, hở ra đường là mặc áo dài, dù đi gồng gánh bán buôn. Người nào mặt cũng tươi, mắt phấn khởi long lanh như say men, tấm mình trong bầu không khí cách mạng.

Cột cao ba khúc kỳ đài không còn treo cờ đỏ sao vàng. Sáng nay, Ủy ban Khởi nghĩa đồng ý cho treo lại lá cờ trước đó, để làm lễ thoái vị của nhà vua. Lá cờ vàng này ở giữa có ba vạch đỏ: hai vạch bên ngoài liền lạc còn vạch ở giữa bị

ngắt đều thành hai, theo hình quẻ Li, và theo cái nhìn dân giả, nó đứt đoạn như một điểm gỗ. Màu vàng biểu hiệu cho dân tộc. Màu đỏ và quẻ Li biểu hiệu cho phương nam, thuộc Hỏa. Đây là lá cờ mới xuất hiện từ tháng Tư năm nay, sản phẩm của chính phủ Trần Trọng Kim và được công nhận là quốc kỳ, thay cho lá cờ long tinh của nhà vua. Cùng với lá quốc kỳ mới là bản quốc ca mới, trưng dụng đoàn ca của Tổng Hội Sinh viên Hà Nội, bài “Tiếng gọi thanh niên” của Lưu Hữu Phước, một nhạc sĩ người miền nam có tinh thần chống Pháp.

Khi Trần Văn Kim và phái đoàn tới trước cửa Ngọ Môn, đồng hồ điểm bốn giờ. Hai chiếc xe chạy thẳng vào cửa chính giữa của Ngọ Môn rồi dừng lại dưới chân tường thành Đại Nội, sát mé ngoài của cầu Trung Đạo. Phái đoàn vừa xuống xe, một hoàng thân đứng tuổi cùng Tổng lý ngự tiền họ Phạm trình trọng bước tới, dẫn đường lên lầu. Bảo Đại ra tận đầu cầu thang đón Trần Văn Kim. Ông đứng trong khi nói mấy câu chào hỏi và suốt buổi lễ, ông vẫn đứng cạnh long kỷ. Trái ngược với y phục thứ dân của phái đoàn Việt Minh, vị quốc chủ mặc áo bào vàng thêu kim tuyến, quần trắng, đầu chít khăn đóng màu vàng và chân đi hài vàng có thêu rồng.

Bên cạnh ông, một thượng quan lạnh lợi, phụ trách nghi lễ cung đình, vận hết hơi sức bê chiếc gối nhung bên trên đặt sẵn các báu vật

tiêu biểu cho sức mạnh của vương quyền phát tích từ thời cổ đại: quốc ấn bằng vàng nặng mười ki-lô, và quốc kiếm cắm trong vỏ bằng vàng nạm ngọc. Ông đặt chiếc gối lên một mặt bàn phủ khăn đỏ rồi lui ra. Còn Trần Văn Kim, khi đưa mắt nhìn và bắt gặp vẻ căng thẳng trên bộ mặt của nhà vua cùng ánh lấp lánh của quốc kiếm, anh cảm thấy tim mình đập rộn ràng.

Phái đoàn Việt Minh đến Sân Vận Động Huế lúc hai giờ chiều hôm qua trong cờ xí rợp trời và tiếng reo hò của bốn chục ngàn đồng bào. Sau đó, phái đoàn về nghỉ tại Trụ sở Ủy Ban Cách Mạng Tỉnh tại tòa nhà trước đây là Toà Khâm Sứ Pháp, ở mạn nam sông Hương. Từ lúc rời Hà Nội trên chiếc xe tải nhà binh trưng dụng của quân Nhật và vội vã vượt đường trường xuôi nam để vào Huế, tâm trí Kim cứ triển miên ngẫm nghĩ đến giây phút trọng đại này. Con người tượng trưng cho sự hợp tác lâu dài với bè lũ thực dân Pháp, con người tiêu biểu sự sỉ nhục tám chục năm nay tổ quốc gánh chịu, con người đó sắp sửa đầu hàng ngay trước mặt anh và đích thân chuyển giao quyền cai trị. Nhân dân Việt Nam, những kẻ trong thâm tâm bén rễ sâu xa lòng kính ngưỡng “Mệnh Trời” của hoàng đế, chẳng bao lâu nữa sẽ biết rõ rằng chính đức vua đã nhường cái “thiên mệnh” ấy cho Mặt Trận Việt Minh, nghĩa là giao truyền tính chính thống cho chính phủ của Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Riêng Kim, bản thân anh hẳn vô cùng mãn nguyện khi thấy rõ rằng rốt cuộc, trận cãi vã dữ dội với thân phụ đã đi đến một kết luận dứt khoát: anh đúng và cha anh sai! Các biến cố đã chứng minh điều đó. Giá như lúc này cha anh được phép tham dự để tận mắt chứng kiến sự kiện hoàng đế đầu hàng đưa con trai của ông, kẻ chín năm trước bị ông khinh miệt hạ lệnh đuổi cổ ra khỏi nhà!

Dù quyết định thoái vị dễ dàng của Bảo Đại nhằm nghênh đón việc Việt Minh nắm chính quyền ở Hà Nội được dân chúng ca ngợi nhưng nó vẫn làm sững sốt Trần Văn Kim và các thành phần lãnh đạo khác của Mặt Trận. Sự việc ấy bắt đầu khi một chiến dịch tuyên truyền được dàn dựng kỹ lưỡng bằng những cuộc biểu tình tuy nhỏ nhưng rất ồn ào. Chúng được tổ chức chặt chẽ, tuần hành qua các ngã đường treo đầy cờ Việt Minh với các khẩu hiệu vừa được may vội vã. Từ đó, chúng lệ làng bùng nổ thành cuộc liên hoan của nhân dân với số người tham dự càng ngày càng đông đảo thêm lên tại các thị thành và làng mạc suốt chiều dài đất nước.

Những đám đông tung bùng ấy không quan tâm tới màu sắc và lập trường chính trị của những kẻ có vẻ như thể trong cùng một lúc, giải phóng nhân dân thoát khỏi tay cả Nhật lẫn Pháp. Họ chỉ biết lòng mình đang rộn ràng phơi phới với độc lập dân tộc, và họ rũ nhau hàng

triệu người tuôn ra đường. Còn Bảo Đại, trong cuộc gặp gỡ riêng với đại diện của Ủy ban Khởi nghĩa địa phương tại lầu Kiến Trung vào ngày 25 tháng Tám, ông tuyên bố từ bỏ ngai vàng, ngay khi Hà Nội chưa kịp thành lập chính phủ lâm thời. Kết quả, Kim được chỉ định khẩn cấp dẫn đầu một phái đoàn đi Huế để tiếp nhận sự thoái vị của nhà vua.

Trần Văn Kim cân nhắc rất kỹ lưỡng. Anh ra lệnh cho các thành viên trong phái đoàn khi tới hội kiến phải mặc quần soóc, áo sơ-mi, đi xăng-đan theo kiểu họ thường mặc trong rừng. Khi xe lăn bánh qua cửa Ngọ Môn, Kim thấy lòng mình rung động mãnh liệt. Cửa chính giữa của Ngọ Môn nguyên thủy chỉ dành riêng cho một mình Hoàng đế. Sáu mươi năm trước, việc một Thống tướng người Pháp đòi đi qua cửa này bị triều đình xem là hành động sỉ nhục quốc thể, và đó là một trong các lý do gây ra cuộc đụng độ quân sự tại Huế, đưa tới cuộc thất thủ kinh thành năm 1885.

Các thành viên của phái đoàn, trong đó hơn một nửa là đảng viên Cộng sản, cùng theo Kim chân bước ung dung, đầu ngẩng cao, quyết tâm chứng tỏ mình không lệ thuộc vương quyền. Nhưng khi vừa bước lên lầu Ngũ Phụng, nhìn qua bên kia sân Đại Triều Nghi và bất chợt bắt gặp quang cảnh uy nghi của điện Thái Hoà, Kim kinh ngạc nhận thấy trong lòng mình bỗng trở

lên một cảm giác e sợ, có tính phản xạ và tiềm ẩn. Anh đã lớn lên trong đức tin vào sự bí nhiệm của “Mệnh Trời”, được biểu thị trong con người đức vua, đăng cai trị từ Điện Thái Hoà ấy, nơi cọp trắng và rồng xanh cùng trú ngụ trong một trạng thái hoà hợp hoàn hảo.

Lần đầu tiên Kim được lên lầu Ngũ Phụng thuở còn là một cậu bé tuổi rất nhỏ, hồi hộp búi chặt tay cha khi thấy khuôn mặt xanh xao bồn chồn của Ngài Ngự Khải Định trên bộ y bào lộng lẫy trong lúc cha anh hãnh diện và cung kính vì được nhà vua hạ cố hỏi han. Mười ba năm sau, anh xỉ vả người con của vị hoàng đế ấy là hình nộm mạ vàng – khi anh càng ngày càng tin tưởng tuyệt đối rằng chỉ có Chủ nghĩa Cộng sản Lê-ni-nít mới cứu nổi quê hương thoát khỏi bàn tay của thực dân Pháp. Nhưng lúc này, khi Kim đứng trước mặt Bảo Đại, những bản năng thời thơ ấu đó dường như chiếu dội trong anh; anh phải cố giữ tỉnh táo để ngăn không cho mình nghiêng đầu trước một hoàng đế.

Kim có mang theo trong túi quần soóc một huy hiệu Việt Minh nhỏ màu đỏ chính giữa có ngôi sao vàng, với dự tính sẽ gắn lên áo bào của nhà vua như một cử chỉ tối hậu nhằm xác định quyền tối thượng của Việt Minh. Thế nhưng khi nhìn thẳng vào mặt Bảo Đại, anh vẫn giữ thái độ im lặng có tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng, cố ý đẩy nhà vua lâm vào tình trạng cực kỳ bức xúc và khắc khoải.

Mở đầu, phụ tá phó trưởng phái đoàn của Kim bước tới mi-crô tuyên bố với dân chúng ý nghĩa của cuộc lễ, loan báo việc Hồ Chí Minh cùng chính phủ sắp ra mắt tại Hà Nội và đọc danh sách chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Trong tiếng vỗ tay và hô khẩu hiệu kéo dài tới mấy phút của dân chúng, hoàng đế Bảo Đại căng thẳng đưa mắt trống rỗng nhìn người trưởng phái đoàn. Sau khi liếc mắt bốn chôn về phía vị thượng quan mặc áo the đen đứng gần đó, ông tăng hắng rụt rè. Kế đó, ông mở ra một cuộn giấy và bắt đầu đọc với giọng thật trầm:

“Vi hạnh phúc của dân tộc Việt-Nam,

Vi nền độc lập của Việt-Nam,

Để đạt hai mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ quốc.

Nhận định rằng sự đoàn kết toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân là: Ở giờ phút quyết định này của lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết.

Chiều đã tiến dân chủ đang đẩy mạnh ở miền Bắc nước ta, Trẫm e ngại rằng sự tranh chấp giữa miền Bắc với miền Nam khó tránh được, nếu Trẫm đợi sau cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định thoái vị. Trẫm hiểu rằng, nếu có

cuộc tranh chấp đó, đưa cả nước vào sâu hỗn loạn đau thương, thì chỉ có lợi cho kẻ xâm lăng.

Trẫm không thể không ngậm ngùi khi nghĩ đến các tiên đế đã chiến đấu trên bốn trăm năm để mở mang bờ cõi từ Thuận Hóa đến Hà Tiên. Trẫm không khỏi tiếc hận là trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm không thể làm gì đem lại lợi ích đáng kể cho đất nước.

Mặc dầu vậy, và vững mạnh trong sự tin tưởng của mình, Trẫm đã quyết định thoái vị, và Trẫm trao quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa.”

Nhà vua ngừng lại một chút, đưa mắt nhìn thẳng Trần Văn Kim rồi nhìn từng người trong phái đoàn Việt Minh, giọng ông điềm tĩnh và đầy âm sắc:

“Trước khi từ giả ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

Thứ nhất: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lẫm tẩm và miếu mạo của hoàng gia.

Thứ hai: Trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập quốc gia.”

Tới đây, giọng nhà vua bỗng run run nhưng trong khi phát biểu ông cố giữ vẻ điềm tĩnh và đĩnh đạc. Tự nhiên Kim chợt cảm thấy xót xa cho tình thế bẽ bàng của ông. Bảo Đại tiếp tục đọc, giọng ông dần dần lấy lại vẻ quả quyết:

“Riêng về phần Trẫm, trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm đã trải qua bao điều cay đắng. Trẫm muốn làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị. Từ nay, Trẫm lấy làm sung sướng được là dân tự do, trong một nước độc lập. Trẫm không để cho bất cứ ai lợi dụng danh nghĩa Trẫm, hay danh nghĩa hoàng gia để gieo rắc sự chia rẽ trong đồng bào của chúng ta.” Bảo Đại kết thúc với giọng lớn hơn một chút:

- Việt Nam độc lập muôn năm!

Rồi cuối cùng, với giọng nghẹn ngào và căng thẳng, ông thêm:

- Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!

Bảo Đại vừa đọc xong Chiếu thoái vị, trên kỳ đài, lá cờ vàng cũ bị hạ xuống. Lá cờ mới tươi như máu đỏ, long lanh năm cánh sao vàng được một đảng viên Cộng sản trong Mặt trận Việt Minh kéo lên, giữa những tràng khẩu hiệu gào lên như sấm sét và tiếng vỗ tay rào rào như mưa

bão. Kế đó, đám đông lặng yên nghe 21 phát súng lệnh vang lên, như chào từ giã một quá khứ quân chủ và đón tiếp một kỷ nguyên cách mạng. Tiếng súng lệnh vừa dứt, không nhìn Trần Văn Kim, Bảo Đại bệ chiếc gối trên tay vị thượng quan. Bước tới, ông đặt những vật biểu tượng vương quyền xưa cổ đó lên đôi tay của nhà cách mạng trưởng phái đoàn.

Bất giác Kim sùng sốt khi thấy hai bàn tay mình bắt đầu run rẩy dưới sức nặng của quốc ấn; cây quốc kiếm nam ngọc gắn như tuột khỏi chiếc gối, sắp rớt xuống sàn điện. Anh gay cấn xoay khuỷu tay ép thanh kiếm lại, rồi vội vàng chuyển chiếc gối nhường cho người phó trưởng phái đoàn. Bước tới sát micrô, Kim bắt đầu đáp từ. Cố ý giữ giọng sang sảng để che giấu những cảm xúc rối loạn trong lòng mình:

- Công dân Vinh Thụy, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chúng tôi rất vui lòng chấp nhận quyết định và ba điều thỉnh cầu của ông. Sự thoái vị của ông giải thoát cho nhân dân Việt Nam khỏi những sợi dây nô lệ ràng buộc nhân dân với thực dân Pháp suốt tám mươi năm dài và mới đây thôi, với phát xít Nhật. Sự thoái vị của ông cũng giải thoát cho nhân dân khỏi một hệ thống chính quyền sâu mọt mà từ lâu đã ngăn chặn bước tiến hóa của lịch sử.

Nhìn xuống đám đông đang đứng lan ra tới

nhà trưng bày súng thần công gần của Thượng Tứ, rồi nhìn lại Cựu hoàng Bảo Đại, Kim cất cao giọng hơn:

- Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám này là kết quả của hàng chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường và bền bỉ của nhân dân cả nước. Nhân danh chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tôi tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ, và thêm lần nữa, nhấn mạnh chính sách của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là đại đoàn kết mọi tầng lớp quốc dân để giữ nước và dựng nước. Việt Nam độc lập và dân chủ muôn năm!

Bước tới gần nhà vua, Kim thò tay vào túi quần soóc móc ra cái huy hiệu nhỏ. Bảo Đại lặng lẽ ngược nhìn quá trên vai Kim khi anh thọc cây kim vào chiếc áo bào thêu lông lầy. Còn Kim tay run rẩy dữ dội tới độ anh phải mím môi móc lui móc tới mấy lần mới cài được huy hiệu. Và sau cùng, khi Kim lùi lại, huy hiệu lá cờ đỏ có ngôi sao vàng ở giữa lại sút đầu gài, nằm dính lỏng không và lạch lạch trên ngực áo nhà vua.

Trước sự ngạc nhiên của Kim, Bảo Đại đưa bàn tay về phía anh. Trong một thoáng, anh đứng yên ngó bàn tay ấy chăm chăm, sững sờ. Rõ ràng là nó được chia ra cho một cái bắt tay nhưng Kim biết rằng trong lịch sử từ xưa tới nay, chưa hề có vị hoàng đế nước nam nào bắt tay thần dân của mình! Thấy Kim hoang mang,

Bảo Đại mỉm miệng cười. Và Kim cảm thấy hai má nóng bừng bối rối, lật đặt túm bàn tay đang chìa thẳng đó. Khi Kim bắt bàn tay ấy, trong lòng anh những bản năng thời thơ ấu cuối cùng lại thắng thế. Anh chợt bàng hoàng thấy mình cúi thấp đầu về phía đức vua trong một cử chỉ thủy chung và tôn phục.

Sau đó, Kim đứng bên cạnh cựu hoàng, trò chuyện và nhìn xuống cả vạn người dân đang hân hoan ngó lên kỳ đài có lá cờ đỏ thắm lượn sóng trong ánh nắng buổi chiều chiều đỏ rực gạch đá kinh thành. Các cán bộ Việt Minh đang đứng chung với quần chúng lại bắt đầu hô khẩu hiệu cho dân chúng hô theo:

- Hoan hô tinh thần dân chủ của Vĩnh Thụy!

- Hoan hô các đại biểu của Chính phủ Lâm thời!

Kim đưa tay lên quá đầu mình hưởng ứng, mặt nở nụ cười thật tươi tỉnh vì trong lòng đang ngầy ngất cảm giác mãn nguyện sâu xa. Khi ngược mắt nhìn lá cờ đỏ như máu tung bay trên đỉnh kỳ đài, anh vẫn không thể rút mình ra khỏi những cảm xúc trái ngược nhau, vừa buồn bã vừa bàng khuâng ngậm ngùi khi nghĩ tới thế giới quen thuộc của cha mình, nơi anh lớn lên. Thế giới đó đã bị hủy diệt mãi mãi.

Chờ tiếng hoan hô từng bừng của dân chúng lắng xuống một nhịp, Trần Văn Kim chuyển đến Bảo Đại lời của Hồ Chí Minh mời công dân

Vĩnh Thụy ra bắc làm cố vấn tối cao cho chính phủ. Khi nghe Kim dặn dò chuẩn bị ngày đi Hà Nội để ở bên cạnh chính quyền mới, Cự Hoành cảm thấy cay cay nơi góc mắt và khắp người lâng lâng một nỗi niềm khó tả. Cuộc đời ông sắp đi vào một khúc quặt mới, và xem ra đoạn đời trước mặt, bên kia ngã rẽ đó, cũng chẳng có chút nào chủ động, tuy ông vừa thực hiện nghĩa cử quan trọng bậc nhất và đầu tiên trong đời làm vua. Đó là đặt quyền lợi của bản thân và hoàng triều phong kiến dưới quyền lợi của dân tộc đang thời sục sôi cách mạng. Nhưng, thay vì chính thức gọi lời mời đến ông bằng văn bản, vị chủ tịch tự phong ngoài Hà Nội kia chỉ chuyển đến ông một lời mời qua miệng viên phụ tá trưởng phái đoàn. Trần Văn Kim lại không để cho ông kịp trả lời, cũng không mất thời gian trình bày với ông chủ trương đường lối của chính phủ Việt Minh. Anh ta chỉ tự động ấn định ngày đưa ông lên đường. Bỗng dưng Cự Hoành mỉm cười buồn bã khi muông tượng mình trong khúc quặt mới ấy: lại đóng vai trò nghi lễ và đem bản thân làm yếu tố chứng minh tính chính thống của một chế độ!

Bảo Đại đưa mắt hiền lành nhìn xuống những “công dân cự thần dân” đang đứng vẫy cờ và hô khẩu hiệu trên bãi cỏ giữa Kỳ đài và Ngọ môn. Rồi ông liếc thật nhanh viên cựu quan ngự tiền họ Phạm lúc này đang hít mạnh,

ưỡn ngực và không còn nhìn ông bằng ánh mắt tôn kính. Cụu Hoàng nhìn lên trời và chột bâng khuâng tiếc nuối giấc mộng điển viên chốn đồn điền trà Blao. Ông nén tiếng thở dài khi nghĩ rằng kinh kỳ Hà Nội ba mươi sáu phố phường kia rồi cũng chẳng khác gì Cố đô Huế. Mọi con đường là những lần ngang vệt dọc đan ô thành một bàn cờ, cờ tây hay cờ ta cũng thế thôi, vì loanh quanh trên đó ông chỉ là quân cờ. Dù quốc chủ hay cố vấn, dù thông minh nhạy cảm và vô hại tới bao nhiêu đi nữa, cũng mang thân phận một quân cờ, bị tay người đặt lên hay đẩy tới, để sống cho hết một đời thụ động.

- 13 -

Trong thời gian ấy, dù ở yên một chỗ tại Thái Nguyên, Joseph và nhân viên OSS vẫn biết rõ tin tức những gì đang xảy ra tại Hà Nội và các thành thị khác qua máy truyền tin và đài phát thanh. Rốt cuộc, tới sáng mùng 2 tháng Chín, “Đoàn Hươu” được phép cùng với đoàn du kích quân chót hết đi vào thủ đô miền bắc. Họ không khỏi sùng người kinh ngạc trước sự chào đón tung bừng của dân chúng.

Sau khi đi bộ qua khỏi cánh đồng Phù Lỗ và đặt chân tới vùng ngoại ô, toán OSS lên xe hơi và xe tải không mui chạy vào thành phố, len lỏi giữa những đám đông đang reo hò tởm mở. Xe chạy qua những đường phố cấm đầy cờ Việt

Minh và giảng la liệt các biểu ngữ bằng tiếng Việt Nam, Anh, Hoa và Nga, lặp đi lặp lại các khẩu hiệu:

- Nhiệt liệt chào mừng quân đội Đồng Minh!
- Hoan nghênh hòa bình đã tới!
- Nước Việt Nam là của người Việt Nam!
- Thà chết còn hơn làm nô lệ!
- Độc lập hay là chết!
- Cương quyết đào mồ chôn đế quốc Pháp!
- v.v.

Xe kéo tay và xe điện cũng cầm đầy những câu khẩu hiệu cách mạng giống y như vậy. Lũng lảng bên dưới các cửa sổ và đông đưa giữa hai hàng cây dọc đường phố lớn là hàng trăm bức chân dung bằng sơn mộc vẽ thô thiển. Đó là bộ mặt có chòm râu thưa của “Cụ Hồ”, người lần đầu tiên Joseph thấy dật dờ trước mắt mình giữa từng đợt sóng tới mê sáng của tại Pắc Bó tám tháng trước.

Tình cảm dạt dào không bờ bến của quần chúng và sự bất ngờ được bốc lên thành anh hùng dân tộc của những du kích quân xộc xệch từng sống chung với mình gần tháng trời nay trong rừng, làm các toán viên OSS Hoa Kỳ kinh ngạc. Càng đi vào gần trung tâm thành phố Hà Nội họ càng lúc lắc đầu không ngừng, không tin nổi.

Trung úy Hawke nhe răng cười tinh quái với Joseph:

- Có lẽ người ta cũng nên treo hình của đại úy Sherman lên trên đó, kế bên chân dung của Cụ Hồ. Tôi đoán chắc chắn người ta sẽ làm như vậy nếu họ biết chính ông đã cứu cái mạng của cụ ấy bằng một mũi tiêm kịp thời.

Joseph cười lại với vẻ khá hồ hững. Hawke ngược mắt nhìn chăm chặp những biểu ngữ chống Pháp và lấy làm ngạc nhiên:

- Đại úy ạ, tôi nghĩ là lúc này mọi sự đã càng lúc càng sáng tỏ, phải không? Rõ ràng “Lucius” của chúng ta sẽ không để cho bất cứ cuộc tiến quân nào của Nước Pháp Tự Do vào Bắc kỳ khi chính lão ta bày mưu tính kế chi li từ đầu tới cuối những cuộc liên hoan này.

Joseph lơ đãng gật đầu. Khi toán OSS di chuyển chậm chậm qua những đường phố lữ lượt người đi như trẩy hội, anh đang phân chia tâm trí mình ra để cố thấy lại thêm lần nữa trong tiềm thức cái thành phố anh từng thấy chín năm trước đây, trong chuyến viếng thăm với tâm hồn ngất ngây hạnh phúc.

Và Joseph thất vọng vì cũng một nơi chốn đó nay sao hầu như anh không còn nhận ra. Các cửa hàng thanh lịch của người Pháp trên những đại lộ chính giờ đây mặt tiền bị bịt kín bằng ván. Những con đường được đặt tên người Pháp để vinh danh các anh hùng trong cuộc chinh phục thuộc địa nay bằng tên bị hạ xuống, đập tan tành, và thay vào đó bằng bảng tên những anh

hùng cách mạng của Việt Nam thời quá khứ.

Joseph để ý thấy Đại lộ Henri Rivière nay trở thành Đại lộ Phan Bội Châu, để tưởng nhớ một nhân vật vận động quần chúng chống Pháp, mới qua đời năm năm trước đây. Đường Mirabel được đặt tên lại là Đường Trần Nhân Tông, để tưởng nhớ một vị vua của Việt Nam, người đã triệu tập đại hội toàn dân đầu tiên của dân tộc, đó là Hội nghị Diên Hồng.

Trong khu vực ba mươi sáu phố phường, những bảng tên hàng phố màu xanh và trắng bị bôi bỏ phần phụ chú tiếng Pháp, chỉ còn lại phần tên An Nam nguyên thủy viết bằng chữ quốc ngữ, một loại chữ viết đang được cả nước sử dụng, ký âm theo mẫu tự la-tinh mà mắt Joseph không đọc nổi ý nghĩa. Cờ đỏ của Việt Minh phát phới tung bay trong gió nhẹ thảng Chín trên Kỳ đài Hà Nội cao sáu chục thước và những cột cờ trong khuôn viên dinh toàn quyền. Đột nhiên Joseph nhận ra trong hàng ngàn câu khẩu hiệu treo lơ lửng ngang đường phố không có câu nào viết bằng tiếng Pháp.

Hawke hỏi trong tiếng cười gượng gạo:

- Theo như lần trước ông ở đây thì nay cũng khá thay đổi, phải không đại úy? Ngó ông như thể đang muốn quay ngược kim đồng hồ lại. Hay ông vẫn còn băn khoăn về cái lấu cá ma mảnh của lão cáo già “Lucius” có biệt hiệu là “Cụ Hồ”?

Joseph trả lời thoái thác:

- Có lẽ mỗi thứ một chút Dave ạ. Nhưng việc ông ta quyền biến ra sao thì chẳng quan trọng chút nào. Nay đã khá rõ ràng rằng ông ta đang tự nhận mình là kẻ phát biểu cho dân chúng, đúng không? Pháp đã đẩy ả người ta làm thân trâu ngựa trong một thời gian dài dằng dặc. Tôi nghĩ một khi đã đeo đuổi con đường này mà có đôi chút trí xảo thì cũng đáng được tha thứ.

“Đoàn Chim Cút” từ Côn Minh đã bay về Hà Nội mấy ngày trước lúc này đang lập bản doanh trong những lô phòng hạng nhất của Khách sạn Métropole. Chỉ huy trưởng của đoàn, đại tá John Trench, qua máy truyền tin, sau cùng đã chấp nhận cho “Đoàn Hươu” kéo nhau vào Hà Nội.

Khi Joseph và Hawke gõ cửa phòng của Trench, ông đích thân mở cửa. Với tâm trạng vui vẻ, ông cao hứng một tay tóm chặt chai sâm banh nguyên chất Perrier-Jouet, một tay vẩy cả hai ngối xuống quanh chiếc bàn thấp đã bày sẵn ly. Qua cửa hé, họ có thể thấy kỹ thuật viên truyền tin đang dàn linh kiện điện đài trên một chiếc giường trống.

Đại tá Trench vừa hoa tay rót rượu đầy ly vừa nói:

- Chào mừng hai anh tới Hà Nội. Ngay lúc này, có lẽ con mắt của thế giới không ngó ngang gì tới thành phố này – và có lẽ trước đây không

một người Mỹ nào bên ngoài khách sạn này từng nghe nói tới nó. Nhưng sâm banh Pháp quá tuyệt vời, ở đây lại có cả đồng – vậy ta cứ thoải mái nâng ly lên mừng chiến tranh chấm dứt!

- Mừng chiến tranh chấm dứt!

Hawke và đại tá uống cạn còn Joseph bước tới cửa sổ, trầm ngâm nhấp ly rượu của mình và đắm đắm nhìn xuống dưới phố. Từ chỗ này Joseph có thể thấy cái sân thêm nhỏ, trong lần ghé lại trước đây, gần như chiều nào anh cũng viết thư cho Lan khi ngồi thơ thẩn ở đó, bên ly rượu Pernod. Cũng vẫn những chiếc ghế mây và những chiếc bàn mặt đá cẩm thạch đỏ, bày ngay ngắn bên dưới cũng vẫn những tấm vải bạt có sọc che nắng loại đó. Joseph còn có thể chỉ ra chính xác anh đã ngồi ở góc nào. Âm vang niềm hoan lạc đắm say triển miên quần quít anh thuở ấy giờ đây vắng vắng vọng về. Và trong khoảnh khắc, anh nghe tiếng nói của hai sĩ quan đồng ngũ loáng thoáng tới tai mình:

- ... trung úy này, tôi e chừng anh ta chưa nuốt nổi cái sự kiện mật báo viên “Lucius” mà anh ta tìm ra cho chúng ta trong một hang động nằm đằng sau thác nước nay bỗng chốc trở thành kẻ sẽ là chủ tịch nước... đúng vậy không Joseph?

Tiếng cười ròn rả của đại tá Trench cắt ngang dòng nghĩ tưởng của Joseph. Anh quay mình lại, thấy viên sĩ quan cao cấp ấy đã đứng sát sau lưng:

- Tôi có chuyện trò với ông ấy đôi ba lần. Anh biết không, ông ta vẫn đội cái mũ cối móp méo và mặc bộ đồ ka-ki bạc màu như hồi gặp ở Côn Minh. Việt Minh đã chiếm dinh toàn quyền nhưng Hồ Chí Minh vẫn ở trong một nhà trệt nhỏ trong vườn.

Trench lại phá lên cười:

- Lúc này ông ta vẫn cứ khẳng khẳng nhất quyết rằng ông ta không phải là một gã cộng sản bôn-sê vich, và để chứng minh điều đó, ông ta hứa sẽ chung diện đôi chút để đọc bài diễn văn vĩ đại của mình chiều nay tại vườn hoa Ba Đình. Tất cả chúng ta đều được mời thẳng bộ cánh đẹp nhất để đứng chung với ông ta trên khán đài. Joseph này, ông ta có hỏi tôi mấy lần rằng không biết anh có tới đó không.

Joseph cau mày khó xử và hỏi lại:

- Bộ không ai bắn khoản rằng chúng ta tới đó tức là Hoa Kỳ nồng hậu chúc phúc cho cái mưu đồ chính trị lươn lẹo của ông ấy sao?

Trench thân mật vỗ vai Joseph:

- Joseph, thư thả nào. Hãy cứ có thái độ cư xử như người khách danh dự, được chớ? Không phải ai ở đây cũng được người ta trải thảm đỏ ra mời. Toán “Đặc Nhiệm Số Năm” của Nước Pháp Tự Do vừa từ Côn Minh tới đây liền bị lập tức quản thúc tại gia. Hiện họ vẫn còn bị canh giữ trong toà nhà cũ của họ. Anh không nhớ sao, Tổng Thống Roosevelt trước khi qua đời đã nói

với Bộ Chiến Tranh rằng ông nghĩ nước Pháp vất vả Đông Dương đủ lâu rồi. Công việc của chúng ta không phải là giữ lập trường chống lại một chính quyền bản xứ rõ ràng đang có sự ủng hộ của dân chúng. Anh nhìn xuống dưới đó mà coi.

Một đám đông tuần hành vừa đi vừa hô khẩu hiệu và dương cao chân dung của Hồ Chí Minh. Biểu ngữ Việt Minh tràn ngập những con đường dẫn tới vườn hoa Ba Đình. Trong khi đó, dọc theo vệ đường, những đám đông khác đứng hoan hô. Tất cả giống như mọi cuộc biểu tình Joseph đã thấy từ lúc vào đến thành phố. Chúng đều có vẻ tự phát và tự tại.

- Joseph này, mọi sự ở đây rồi sẽ đầu vào đó, vậy anh đừng để cho trí óc bị quấy rầy nữa. Chỉ nội tuần này thôi, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa sẽ tới đây dưới quyền điều động tổng quát của tướng Wedemeyer tại Trùng Khánh. Đang có quyết định rằng người ta sẽ tôn trọng tình trạng hiện nay. Rõ ràng quân Trung Hoa sẽ cướp bóc nhẹ nhàng đôi chút, như họ lúc nào cũng phóng tay như thế, nhưng bù lại, họ sẽ tiến hành việc giải giới và hồi hương bọn Nhật. Nếu anh muốn chăm lo đôi chút cho những người An Nam thân thiết của anh thì có một mảnh đất dư dật cho anh, xa hơn ở phương nam, tại Sài Gòn.

Joseph nhìn thật nhanh viên đại tá khi nghe nhắc tới Sài Gòn:

- Trong đó đang xảy ra cái gì vậy?

- Ngồi xuống đây làm thêm một ly sâm banh nữa rồi tôi nói cho anh nghe về những công việc dành cho anh và trung úy Hawke, hiện đang nằm sẵn trong đầu của tôi.

Joseph sốt ruột chờ trong khi Trench lại múa tay rót thật đầy ba ly rượu. Từ trên mép ghế, anh cúi người tới trước, nồn nóng nghe:

- Các chàng trai OSS của ta vừa từ Calcutta đặt chân xuống Sài Gòn là gọi ngay tín hiệu “cầu cứu” nóng hôi hổi. Các cậu chỉ là một toán ít ỏi có tên “Phân đội 404”, đang tiến hành rất tốt việc xác định vị trí giam giữ các tù binh Đồng Minh nhưng lại điều đứng trên mặt trận quân báo. Trích yếu báo cáo của họ thì tình hình chính trị “lộn tùng phèo và bốc mùi như hủ mắm” và họ dám đánh cược chắc ăn một trăm phần trăm rằng thế nào cũng nổ ra nội chiến.

Joseph ngồi thẳng người trên ghế:

- Tại sao vậy?

- Bắt đầu là như thế này. Khoảng một ngàn rưỡi quân nhân Pháp thuộc Trung đoàn Mười một Bộ binh Thuộc địa vẫn tiếp tục bị nhốt kỹ như cũ còn quân chiếm đóng của Anh thì đang lên đường từ chiến trường Miến Điện-Ấn Độ, phải mất vài tuần lễ nữa mới tới nơi. Lúc này Ủy Ban Nam Bộ của Việt Minh kiểm soát Sài Gòn, nhưng các thành viên của nó đang bần cãi nhau chí chóe. Cách đây vài ngày, họ tổ chức một cuộc biểu tình thật lớn, tuần hành qua

các đường phố để mừng việc thành lập Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ. Rồi, chuyện xảy ra còn hơn một cuộc liên hoan tập thể nữa. Cuộc biểu tình tuần hành ấy biến thành một cuộc dương oai diễu võ của nửa tá các lực lượng võ trang biệt lập nhau, chẳng ai chịu ai.

Trench thở ra, nuốt thêm mấy ngụm sâm-banh:

- Có một gã lãnh tụ cộng sản bôn-sê-vich họ Trần nào đó làm chủ tọa cuộc họp của các phe phái, thay vì để người ta cãi nhau cho hết lý lẽ, hấn lại võ vô bao súng lục dọa người ta. Có vài giáo phái kỳ quái tên là Cao Đài và Hòa Hảo hăm he cắt cổ họng người nào dám trái ý mình, và một hội kín tội ác được gọi là Bình Xuyên cũng đang cố nhúng tay vào mọi việc. Hết thấy bọn họ đều vũ trang vì lính Nhật đào ngũ từng bây đang chịu bán vũ khí cho ai trả tiền nhiều nhất. Nói chung, “bọn lùn da vàng” chẳng chịu bỏ công tốn sức giữ gìn luật pháp và trật tự. Hầu hết bọn chúng chờ cho xong giờ quân vụ, lập tức vọt thật lẹ vào các quán rượu trong phố Tàu Chợ Lớn nốc cho say khuướt. Joseph hỏi:

- Thế thì dân Pháp ở Sài Gòn phản ứng ra sao?

Trench nhún vai:

- Sự kiện nổi bật nhất là một đại tá của Nước Pháp Tự Do vừa nhảy dù xuống và đang cố điều đình với Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời Nam Bộ

để tái lập quyền kiểm soát thuộc địa của Pháp thêm lần nữa. Phân Đội 404 cho biết tình hình tồi tệ hết chỗ nói. Khắp nơi, tượng đài người Pháp bị giật sập. Khoảng hai chục ngàn công dân Pháp lập chướng ngại vật chung quanh nhà ở, và hầu như suốt ngày không dám ra đường. Họ đang cầu nguyện cho quân Anh tới kịp thời, trước khi thầy họ bị vằm nát.

Trench dừng lại một chút và bỗng hoác miệng ra cười tới tận mang tai:

- Cả một thùng thuốc súng khốn nạn đang chờ mỗi lửa. Phân đội 404 không ai biết nói tiếng An Nam, cũng chẳng có người nào am hiểu Sài Gòn. Tôi nghĩ biết đâu hai anh có thể tình nguyện vô trong đó giúp họ.

Viên đại tá nhìn Hawke:

- Trung úy nghĩ thế nào?

Hawke nốc cạn ly, chép chép miệng và đưa ly chờ rót đầy lần nữa:

- Thưa đại tá, sâm banh ở Sài Gòn có ngon như ở đây không ạ?

Đại tá gạt đầu, và rót thật nhiều rượu cho tới khi bọt sủi trào ra vành ly.

- Vậy, tôi sẵn sàng lên đường ngay.

Chàng trai Boston nói xong, cười tươi rói, nâng ly rượu đầy áp lên miệng. Trench đưa chai rượu về phía Joseph, nhường lòng mày dò hỏi:

- Còn đại úy thì sao?

Joseph đặt ly xuống bàn và đẩy tới trước,

mắt không nhìn vị sĩ quan thượng cấp, sợ để lộ ra mặt con hung phần anh cảm thấy đang bùng lên khắp châu thân. Anh nói thật tỉnh:

- Thưa đại tá, tôi cũng sẽ chẳng nói không.

Ba giờ đồng hồ sau, Joseph đứng bên cạnh đại tá Trench và trung úy Hawke nơi một bao lon mé trên vườn hoa Ba Đình, nhìn xuống một biển cả nửa triệu người Việt Nam tụ tập bên dưới. Khi vị chủ tịch mới mẻ và tự bố nhiệm của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà xuất hiện, trong đám đông rền lên tiếng hoan hô. Hồ Chí Minh mặc áo bốn túi cao cổ màu sậm. Chòm râu cầm lua thưa rung rung trong gió chiều khi ông bước tới trước máy vi âm. Mắt liếc xuống xấp giấy ghi chép, Hồ Chí Minh bắt đầu nói. Giọng ông rõ ràng và dứt khoát, bằng tiếng của nước mình:

- Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng... Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Mắt Hồ Chí Minh rời xấp giấy, ngược nhìn lên và trong một khoảnh khắc phù du, bắt gặp ánh mắt của Joseph. Rồi ông nhìn xuống đám đông:

- Lời bất hủ ấy ở trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập năm 1776 của nước Mỹ...

Đằng sau Joseph và viên đại tá, Hawke thấp giọng dịch lại rồi há hốc miệng:

- Sao, nhị vị khoái chí không? Ông ta còn trưng dụng luôn cả bản Tuyên Ngôn Độc Lập của chúng ta để dùng vào việc riêng của mình.

Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách Mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta...

Đám đông vang dậy tiếng gào thét đồng tình. Hồ Chí Minh nhấn nài chờ cho tới khi tiếng gào thét lắng xuống. Rồi ông tiếp tục cất tiếng, giọng thình thoảng run run xúc động:

- Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm

các cuộc khởi nghĩa của ta trong những biển máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân...

Hồ Chí Minh cất cao giọng thành tiếng thét phần nộ khi ông đọc tới đoạn cuối bản liệt kê tội ác của Pháp, và đám đông khổng lồ hưởng ứng bằng tiếng gào la giận dữ.

- Mùa thu năm 1940, phát-xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.

Thấp giọng xuống một cách đầy kịch tính, ông nói tiếp:

- Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Tới đây, Hồ Chí Minh cúi đầu xuống trước máy vi âm và đám đông đăm đăm nhìn ông, thỉnh lặng bàng hoàng.

Hawke vừa dịch xong câu đó, Joseph hỏi ngay:

- Có quả thật ông ta nói tới hai triệu?

- Thật đó - hai triệu! Trong một năm nay xảy ra nạn đói từ các tỉnh miền bắc vào cho tới cao nguyên miền trung.

Joseph và các nhân viên OSS khác trên bao lon lắc đầu kinh hãi. Hawke thì thầm ác liệt:

- Một trong các phụ tá của ông ấy nói với tôi rằng dân chúng tại những vùng đó bị mất mùa liên tiếp – nhưng bọn Nhật và Pháp vẫn đòi buộc phải cung cấp đủ con số lúa gạo do chúng ấn định.

Hồ Chí Minh lại nói, thêm lần nữa cất cao giọng thành tiếng hét:

- ... Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập... Tại đây và lúc này, chúng tôi tuyên bố rằng kể từ hôm nay, chúng tôi thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Thêm lần nữa đám đông dân chúng vang tiếng hoan hô những lời đang cất cao của vị chủ tịch mới mẻ. Trong một hai phút, tiếng hoan hô rền vang khắp nơi. Sau cùng, khi quảng trường lắng xuống trở lại, người ta nghe xa xa vẳng tới tiếng động cơ máy bay, và cùng nhau ngược mắt nhìn lên.

Joseph nhận ra hình dáng quen thuộc của phi đội thám thính P-385 thuộc Không đoàn 14 Quân lực Hoa Kỳ đang băng qua bầu trời buổi chiều nắng chói lọi, trực chỉ hướng bắc

bay về Côn Minh. Chăm chú ngó lên, anh thấy phi đội đột nhiên quành lại, bắt đầu sà xuống thấp để quan sát gần hơn cái đám đông khổng lồ mà lúc nãy, từ cự ly trên cao, phi công đã ghi nhận được.

Ngước mắt lên nhìn các phi cơ đang bay tới gần, Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Hồ Chí Minh ngừng nói và lại ngước mắt nhìn lên. Những nền tròn xanh cùng ngôi sao bạc trên cánh và thân máy bay của phi đội P-385 càng hiện ra rõ nét khi đội hình máy bay tới gần hơn, cho thấy đúng là máy bay của Hoa Kỳ. Và người của OSS nhận ra – có lẽ lúc ấy Hồ Chí Minh cũng nhận ra – rằng đúng vào khoảnh khắc thích hợp nhất, chuyến bay thám thính của các trinh sát cơ Mỹ đã đặt vào lòng bàn tay ông một quả may mắn ngoạn mục nữa. Như vậy đối với toàn thể thế giới, những máy bay ấy xuất hiện là để bay biểu diễn qua khán đài nhằm gián tiếp bày tỏ sự ủng hộ của Đồng Minh, dành cho tân chế độ Việt Minh.

Hồ Chí Minh lại thêm lần nữa cất giọng lên thật cao để được nghe rõ hơn, vượt lên trên những tiếng gầm rú của máy bay:

- Vì những lẽ trên, chúng tôi chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết định đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải, để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Khi tiếng hoan hô lại bắt đầu rộ lên, Hồ Chí Minh lùi khỏi máy vi âm một bước. Nắm chặt bàn tay đưa lên cao quá đầu, ông chào kiên quyết.

Trước sự ngạc nhiên của đám người OSS, ban nhạc trỗi lên bài The Star-Spangled Banner - Ngọn Cờ Điểm Sao, quốc thiều của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Trong khi đó các đoàn dân quân du kích mang vũ khí Mỹ mới toanh, bắt đầu diễn hành qua quảng trường bên dưới. Thấy thế, đại tá Trench tươi cười đưa tay lên lịch sự chào và giữ nguyên bàn tay trong tư thế chào khi các ống kính quay phim chĩa vào ông, thu hình phút giây lịch sử này.

Làm theo vị chỉ huy trưởng, Joseph và các quân nhân OSS cũng đưa tay lên chào. Đám đông cuồng nhiệt vỗ tay khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng nụ cười rất nồng ấm về phía các ân nhân Mỹ đầy sức mạnh của ông, những kẻ vô

tình đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ông và những người ủng hộ ông lên nắm quyền lực.

- 14 -

Dù lúc này Sài Gòn không còn là một thành phố thuộc địa và yên tĩnh như Joseph từng biết tới trước đây nhưng anh vẫn nhận ra vẻ thanh thản thuở nào trên chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đầy đặn nơi mặt ngoài vòng tường bao quanh cư sở của quan sứ thần.

Anh thấy nó vẫn y nguyên như chín năm trước, không một chút thay đổi. Dưới vòm cổng nhỏ mái cong ấy vẫn treo chiếc chuông đồng ngày cũ. Thậm chí từ trên ghế ngồi đằng sau tay lái chiếc xe díp đậu sát lề đường, Joseph còn có thể ngửi ra mùi thơm nồng nàn, ẩm ướt và ngào ngạt xông thẳng lên tận óc của những lùm cây trái nhiệt đới sai quả cùng những bông hoa đang toả hương từ khu vườn bên trong vòng tường.

Trời bắt đầu xâm xẩm tối. Khi Joseph tắt máy xe, con đường dọc theo hai hàng cây ở hướng bắc quảng trường Nhà thờ Đức Bà bỗng thình lạng hẳn. Trong một chốc sự im ắng ấy làm anh hụt hẫng rồi bỗng có tiếng súng nổ lạch tách ở một nơi xa nào đó phá vỡ không khí yên tĩnh và thật kỳ lạ, nhờ thế anh cảm thấy dễ chịu hơn. Anh nhận ra rằng những âm thanh hỗn loạn và xung đột ấy dù sao cũng giúp cho

mình cảm thấy bớt đắc tội về quyết định thực hiện chuyến viếng thăm này.

Hai tuần lễ trước đây, kể từ lúc chấp nhận biệt phái vào Sài Gòn, Joseph biết rằng anh không thể cưỡng nổi cơn cám dỗ phải tìm cách gặp lại Lan một lần. Dù biết gần như chắc chắn rằng nàng đã thành hôn với Paul Devraux và dù nhận thấy rõ rệt rằng hành động cố quay ngược chiều kim đồng hồ là một việc làm điên rồ và chẳng chút lợi ích nhưng anh vẫn không thể không đi gặp nàng. Joseph biết rằng xét theo cả hai mặt tình cảm lẫn lý trí, mình nên quên hẳn quá khứ ấy. Nhưng cảm giác tiếc nuối, đắm đuối và tủi hận từng làm lòng anh quặn thắt trong chiếc máy bay Warhawk đang bốc cháy khi nghĩ rằng mình phải chết mà không bao giờ còn được gặp Lan lần nữa, lúc này đánh dạt mọi lập luận và lý lẽ.

Tại Hà Nội, trong khi sốt ruột chờ lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tới, và tại Côn Minh, trong khi dự những buổi thuyết trình vắn tắt, đúng theo qui định chính thức của OSS, về tình hình mới ở Sài Gòn, tâm trí Joseph đã ném trái trước không biết bao nhiêu lần khoảnh khắc anh sẽ đứng bên ngoài chiếc cổng sơn son này và đưa tay kéo dây chiếc chuông nhỏ kia.

Trước lúc rời Hà Nội, Joseph đã cố tìm cho ra Kim, hỏi anh ta có nhắn gởi gì với gia đình không, hầu tìm cho mình lời biện hộ chính đáng

về việc tự động đến thăm gia đình họ Trần. Kim đỏ mặt, cố giấu vẻ bối rối rồi tránh không nhìn Joseph. Anh ta nói thẳng rằng chẳng có gì nhảm, chỉ cần nói cho gia đình biết anh mạnh khỏe và đang hân hạnh được sát cánh với Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu cho chính nghĩa độc lập tự do của dân tộc.

Nhưng lúc này, khi vừa rút chân khỏi ghế, sắp bước xuống xe díp, Joseph lại lưỡng lự và chợt thấy lòng đầy tràn phân vân lẫn e ngại. Dù chiếc cổng sơn son còn đóng kín, anh tưởng như mình có thể nhìn xuyên qua nó, thấy rõ hai hàng cau kiểng thân thẳng đứng, mọc đều đặn và lá đan vào nhau thành vòm, vẫn y nguyên như lần anh ghé lại chín năm trước.

Anh thấy thêm lần nữa trong tâm trí mình căn phòng im mát thuở nào với đồ đạc sẫm màu bằng gỗ tếch và những hoành phi đối tượng trên tường. Ở đó, bên kỷ trà, anh đã choáng váng khi nghe tin Jacques Devraux chết vì bị ám sát, đồng thời gần như trong cùng khoảnh khắc ấy, thấy rõ sự ruồng rẫy của Lan. Và lúc này lại trào lên trong lòng Joseph điều gì đó tuyệt vọng anh từng cảm thấy trong thời trai trẻ đó. Nỗi tuyệt vọng ấy thêm lần nữa tươi rói với một sức mạnh mới, nhắc cho anh nhớ, một cách cụ thể, rằng cuộc đời của hai người đang đổi thay biết bao trong những năm tháng không gặp nhau vừa qua. Anh giờ đây có vợ và

hai con trai nhỏ ở Virginia và Lan lúc này có lẽ cũng đang xây dựng một gia đình vững chãi.

Dù trí óc sôi nổi với những nghĩ tưởng đó Joseph vẫn không cho xe nổ máy trở lại. Ngồi do dự nhìn đắm đắm chiếc cổng sơn son, anh biết rằng một khi đã vào tới bên trong cổng, dù mình có ngỡ ngàng và thất vọng tới mấy đi nữa cũng không còn là vấn đề. Anh không thể bỏ đi mà không tìm cách gặp lại Lan, dù chỉ một phút một giây. Anh biết rằng mình không thể tiếp tục sống nốt phần đời còn lại với tâm hồn yên ổn nếu không tìm cách khám phá cho ra rằng những ngày yêu thương xa xưa kia là chân tình của cả hai hay chỉ là cơn mơ điên rồ của riêng anh, và rằng cái cảm giác ảm ức và ray rứt triền miên bám riết anh kể từ ngày đánh mất Lan tới nay là một cảm giác có cội nguồn rất thật hay chỉ do anh tưởng tượng.

Một hai phút sau khi kéo chuông, Joseph vẫn không nghe bên trong vắng ra âm thanh nào. Có vẻ ngôi nhà im lìm bất động. Anh bỗng tự hỏi tại sao mình lại tưởng sẽ tìm thấy gia đình họ Trần còn ở yên tại nhà này trong khi Sài Gòn đang diễn ra quá nhiều biến động.

Ngày hôm sau khi quân Nhật ở Đông Dương đầu hàng, ngày 14 tháng Tám, các tổ chức Thanh niên Tiền phong, tôn giáo và đảng phái quốc gia tại Sài Gòn thành lập Mặt trận Quốc gia Thống nhất do Hồ Văn Ngà làm chủ tịch,

để tìm cách điền vào khoảng trống quyền lực. Vì mặc cảm đa số thành viên của mình trước đây thân Nhật trong khi hiện nay cần chuẩn bị đón tiếp quân Đồng Minh, họ cần một thành viên mới để làm phái viên. Họ nghe nói tới Việt Minh, muốn móc nối và mong được hợp tác với tổ chức ấy dù chỉ mới nghe đồn rằng đó là một mặt trận toàn quốc của người Việt Nam “đánh Pháp đuổi Nhật”, đấu tranh cho độc lập tự do. Một tuần sau, họ tổ chức cuộc biểu tình hai chục vạn người tham dự, với cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền Phong bay rợp trời. Mãi tới chiều hôm đó, truyền đơn của Việt Minh mới xuất hiện nhưng có rất nhiều xe cắm cờ đỏ sao vàng, có trang bị loa phóng thanh, chạy khắp Sài Gòn và hô vang khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh.

Thế rồi bốn ngày sau, 25 tháng Tám, đột nhiên xuất hiện một Ủy ban Hành Chánh Lâm thời, gọi tắt là Lâm Ủy Hành Chánh, của Việt Minh tại Bồn Kèn trước Hôtel de Ville – Tòa thị chính cũ – được sự ủng hộ của Thanh niên Tiền phong là lực lượng quần chúng chủ lực của Sài Gòn và sự bảo vệ của Bình Xuyên, một hội kín xã hội đen và hung hãn tàn bạo nhất. Ủy ban này gồm 9 người do Trần Văn Giàu, chủ động Xứ ủy Nam bộ của Đảng Cộng Sản Đông Dương, làm chủ tịch, cùng với Dương Bạch Mai và năm sáu vị trí then chốt nằm trong tay những người từng học ở Liên Xô về.

Các đảng viên Mặt trận Quốc gia vừa mới liên kết với Việt Minh và nhượng bộ Việt Minh đều bị loại trừ. Việt Minh huy động nông dân ngoại thành và các tỉnh phụ cận tràn về Sài Gòn dự cuộc mít-tinh vĩ đại ra mắt Lâm Ủy Hành Chánh. Các ngã đường cắm đầy cờ đỏ sao vàng, treo đầy biểu ngữ “Chính quyền về tay Việt Minh”. Người người trùng điệp đông như kiến, đi lại cười nói ồn ào và hô vang khẩu hiệu dưới một đại dương rợp cờ đỏ sao vàng của Việt Minh, làm thành một quang cảnh từ trước tới nay chưa hề thấy. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm tuân lệnh chính phủ trung ương ở Huế, bàn giao chính quyền Sài Gòn cho Mặt trận Việt Minh qua Lâm Ủy Hành Chánh. Thế là chính quyền về tay Việt Minh.

Dĩ nhiên Lâm Ủy ấy gặp sự chống đối quyết liệt của các đảng phái quốc gia và các giáo phái. Xung khắc quyết liệt, sắp nổ ra nội chiến. Tổng bộ Việt Minh ở Hà Nội phải cử tới hai cán bộ trung ương vào dàn xếp. Sự kiện quân Anh đang trên đường tới Sài Gòn để giải giới quân Nhật khiến mọi phe nhóm quốc gia lẫn cộng sản, đệ tam lẫn đệ tứ đều phải ngồi lại với nhau. Họ cải tổ Lâm ủy Hành chánh thành Ủy ban Nhân dân Nam bộ, đưa một luật sư nhân sĩ lên làm chủ tịch. Tuy trong Ủy ban chỉ còn bốn đảng viên cộng sản nhưng Mặt trận Việt Minh ngày càng chủ động vì họ là những cán bộ có huấn luyện

và lão luyện, có tổ chức chặt chẽ và không chừa một loại thủ đoạn nào.

Cho tới giữa tháng Chín, cờ đỏ sao vàng đã hoàn toàn thay thế cờ vàng sao đỏ. Dưới màu đỏ thắm ấy là những xung đột hằng ngày; một bên là các đảng phái quốc gia, các trí thức cộng sản đệ tứ và các giáo phái vũ trang, một bên là cán bộ cộng sản đệ tam muốn khuynh loát được sự hỗ trợ của các nhân vật Thanh niên Tiền phong trước đây và đồ đảng Bình Xuyên. Nhưng giờ đây, cả hai bên lại phải đoàn kết với nhau vì có nguy cơ người Pháp đang âm mưu đòi lại chủ quyền để tiếp tục làm chủ nhân ông như tám chục năm vừa qua. Lúc này, Việt Minh hoàn toàn thắng lợi vì chiếm được mặt nổi và tính chính thống. Gạt qua một bên những xung khắc nội bộ, người ta dần dần đồng hóa Ủy ban Nhân dân Nam bộ với Mặt trận Việt Minh Nam bộ.

Hôm qua, chiếc xe chở Joseph và trung úy Hawke từ sân bay vào thành phố lẫn bánh bên dưới các biểu ngữ: “Nhiệt liệt hoan nghênh người Anh và người Mỹ – ở đây không có chỗ cho bọn Pháp”. Dọc hai bên đường, những người lính mất tí hí mặt ủ rũ của Quân đội Thiên Hoàng đứng gác trong binh phục bèo nhèo, mũ nhà binh lông thông hai mảnh vải che tai và bấp chân quần xà cạp.

Đằng sau họ, trên vỉa hè, những đám đông dân chúng nồng nhiệt chào đón các toán tiền

phương của Sư đoàn Mười hai Ấn Độ thuộc Quân đội Anh vừa được không vận từ Rangoon Miến Điện tới với mục đích giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận. Trong thời gian chờ đợi lực lượng Đồng Minh tập trung đủ cấp số đảm đương công tác, người ta đành phải trưng dụng bốn mươi ngàn lính Nhật để lo liệu việc tuần tiễu trong thành phố đầy xáo trộn này. Do đó, lính Nhật thực hiện nhiệm vụ bảo an ấy một cách hờ hững và miễn cưỡng.

Không có dấu hiệu màu cờ tam tài của Pháp trong vô số những lá cờ Anh, Mỹ, Trung Hoa và Nga nườm nượp giăng ngang đường phố. Bên ngoài Tòa Thị Chính cũ, tọa lạc đầu Đại lộ Charner, nơi Ủy ban Việt Minh Nam bộ dùng làm đại bản doanh, Joseph thấy dân quân Việt Nam đứng gác với vẻ mặt đầy thách thức. Các đơn vị quân đội thuộc địa Pháp vẫn bị giữ chặt bên trong vòng rào kẽm gai của những trại tập trung, nơi quân Nhật đã gom họ vào đó kể từ cuộc đảo chánh của Nhật hồi tháng Ba.

Trên đường Catinat, lúc này được đổi tên thành “Đường Công Xã Paris”, các cửa tiệm của người Pháp từng có thuở rất thời thượng, giờ đây lem luốc và cửa đóng kín mít. Đã bắt đầu xảy ra chuyện hôi của trong các tư gia người Pháp tọa lạc biệt lập tại những khu vực hẻo lánh. Chuyện đó không hề xảy ra suốt sáu tháng vừa qua, kể từ ngày người Nhật giam giữ

các quân nhân công chức và cảnh binh Pháp. Đã thấy lác đác đôi ba người, trong số hai chục ngàn thường dân Pháp không bị Nhật giam giữ, bình an đi lại trên đường phố trong tình trạng không có lính da trắng bảo vệ họ. Một bộ phận ít ỏi của Quân đội Anh gồm lính Ấn Độ và lính Népal vừa được không vận đến đã tiếp quản và canh gác phi trường, các nhà máy điện, ngân hàng, đồn cảnh sát. Riêng đại bộ phận chủ lực còn lại của lực lượng Anh đang chờ vận chuyển bằng đường biển, phải vào đầu tháng Mười mới tới Sài Gòn.

Sau khi trình diện bộ chỉ huy đơn vị OSS, Joseph và trung úy Hawke bắt đầu lái xe tuần thám khắp thành phố. Cả hai thấy chợ Bến Thành nằm im lìm vắng vẻ vì Việt Minh ra lệnh đình công phản đối việc viên tư lệnh Anh không chịu điều đình với họ. Đã ban hành lệnh giới nghiêm suốt ngày suốt đêm nhưng lính Anh không đủ quân số để thi hành đúng mức. Những trận đụng độ nhỏ giữa các toán võ trang người Việt thuộc các phe phái khác nhau do đó, đang trở thành chuyện thường ngày.

Tiếng súng chạm trán kéo dài từ hướng Nhà Thờ Đức Bà làm Joseph quay đầu lại, nghe ngóng. Anh không để ý đằng sau mình, chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đang thẫm lặng mở ra một bên cánh bán nguyệt. Khi quay người lại, Joseph thấy hiện ra trước mắt mình bộ mặt

vô cảm và trầm trọng của Tâm, anh ruột Lan. Trong một thoáng, cả hai nhìn nhau ngỡ ngàng. Rồi Joseph dò chiếc mũ lưỡi trai nhà binh:

- Tâm, tôi đây, Joseph Sherman đây! Anh có nhớ ra không?

Tâm nhìn chòng chọc bộ mặt đang toét miệng cười và cổ áo mang quân hàm đại úy của người Mỹ nhưng không có ý kéo rộng cửa. Anh ta gượng gạo đáp lại bằng tiếng Pháp:

- Có, đại úy Sherman, tôi nhận ra anh. Nhưng tại sao anh trở lại Sài Gòn?

- Tôi được điều tới đây công tác trong một phái bộ của Hoa Kỳ. Tôi mới đi máy bay vào đây hôm qua. Trước đó, ở Hà Nội, tôi có gặp anh Kim ở ngoài đó. Tôi muốn báo cho anh và cha mẹ anh biết tin anh Kim vẫn mạnh khoẻ.

Mắt Tâm nheo lại khi nghe nhắc tới tên em mình. Còn ngoài ra, mặt anh ta không lộ phản ứng nào và miệng anh ta không thốt một tiếng. Joseph nói, ngập ngừng:

- Tâm ạ, tôi hy vọng song thân anh mạnh khoẻ. Và còn cô Lan em của anh, cô ấy cũng khỏe chứ? Tâm nói với giọng chán chường:

- Ở Sài Gòn lúc này chẳng ai mạnh khoẻ cả. Anh thừa biết trong thành phố này, chỗ nào cũng toàn là sợ hãi.

- Tâm ạ, bỏ qua cho sự đường đột của tôi nhưng tôi nghĩ thế nào quý vị cũng vui mừng khi có tin của anh Kim. Anh ấy nói với tôi rằng đã từ lâu không liên lạc với gia đình.

Tâm tần ngần đôi chút rồi kéo rộng cửa:

- Anh vào bên trong đợi. Để tôi hỏi xem mẹ tôi có muốn tiếp chuyện anh không? Người Việt Nam đóng cổng, gài then cẩn thận xong bước lên trước Joseph, đi về phía ngôi nhà. Trong trời chạng vạng người Mỹ thấy khu vườn ngăn nắp cũ bây giờ như một vườn hoang. Cây cối mọc lung tung, mặt đất đầy cỏ dại và mặt nước hồ sen đầy rêu phủ kín. Joseph chưa đặt chân lên bậc thềm, Tâm đã biến mất vô trong nhà, để lại anh bứt rứt đứng chờ dưới tầng cấp. Vài phút trôi qua. Rồi mẹ của Lan xuất hiện nơi ngưỡng cửa, đi như tựa vào vai con trai mình. Không nhìn vào mặt Joseph, bà nói rất trấn tĩnh, bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman ạ, sau những gì đã xảy ra giữa anh và con gái tôi, tôi rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy anh còn đủ liều lĩnh để quay lại đây. Sở dĩ tôi ra đây tiếp chuyện chỉ vì Tâm bảo với tôi rằng anh có tin tức về đứa con trai của tôi.

Dưới ánh chiều nhạt nhoà Joseph bỗng dưng thấy vóc dáng mảnh mai của người phụ nữ Việt Nam ấy giống với con gái bà lạ lùng. Trong bộ đồ thêu sẫm màu cao kín cổ và ở độ tuổi trung niên, bà vẫn đẹp tuyệt vời. Bà đứng đó, mắt nhìn xuống, hai bàn tay buông trước thân mình và xoắn vào nhau. Đằng sau bà, xuyên qua cửa khép hờ, Joseph có thể nhìn thấy những ngọn nến đang cháy leo lét trên bàn thờ gia tiên như

thể anh vừa làm lỡ dở buổi tụng kinh chiều của bà. Joseph bắt đầu nói, giọng tần ngần:

- Madame, cháu xin lỗi. Cháu không hiểu...

Bà ngược mặt nhìn thẳng giữa hai mắt của Joseph. Lúc đó anh nhận ra nét mặt bà sẵn lại với vẻ thù nghịch không thể che giấu:

- Xin anh vui lòng cho biết anh có tin tức gì về Kim?

Joseph nói thật nhanh:

- Cháu làm việc chung với anh ấy suốt một tuần lễ ở mạn bắc Bắc kỳ. Kim là một phụ tá hàng đầu của Hồ Chí Minh và được đánh giá rất cao. Lúc này anh ấy đang công tác cho chính phủ mới ở Hà Nội.

Đôi mắt người phụ nữ Việt Nam ánh lên vẻ đau đớn. Bà quay đầu sang chỗ khác, im lặng. Joseph vẫn nói nhưng trong giọng nói của anh chớm len vào chút liều lĩnh tuyệt vọng:

- Cháu hy vọng Monsieur Trần Văn Hiếu mạnh khỏe. Còn Lan, thưa bà, lúc này cô ấy ra sao rồi? Cô ấy có kết hôn với người bạn tốt Paul Devraux của cháu không ạ?

Quay lại nhìn Joseph lần nữa, Madame Hiếu cố nén những giọt lệ bắt đầu ứa ra trong góc mắt:

- Có, đại úy, nó đã thành hôn. Cả hai được một cháu trai.

Joseph cố mím miệng cười:

- Thật tốt lành quá! Và cả hai có đang ở Sài Gòn không ạ?

Không còn kèm nổi nước mắt, Madame Hiếu nhắm mắt và quay đầu, áp mặt vào vai con trai. Tâm vừa vòng tay che chở mẹ vừa nói:

- Đại úy ạ, cả nhà chúng tôi hiện sống trong tình trạng cực kỳ căng thẳng. Sau ngày thành hôn, Lan với chồng sống ở Sài Gòn, nhưng sáu tháng trước đây, thiếu tá Devraux cùng hết thầy quân nhân Pháp đều bị người Nhật giam giữ. Lúc này, anh ấy vẫn ở trong tù. Sau ngày chồng bị bắt, Lan và con trai về đây lánh nạn, sống chung với cha mẹ và gia đình tôi.

Cổ dần lòng xúc động, Joseph hỏi:

- Có thể cho phép tôi được gặp Lan không ạ?

- Lan không còn ở đây nữa, đại úy. Nó và cha tôi bị người ta dấn trúng trong cuộc hỗn loạn bạo động hôm mít tinh mừng ngày độc lập.

Joseph hoảng hốt ngó người Việt Nam:

- Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Việt Minh tổ chức một cuộc tuần hành rầm rộ để mừng lễ tuyên bố độc lập ở Hà Nội. Cha tôi và Lan đi xem, rồi hỗn loạn bùng nổ chung quanh Nhà thờ Đức Bà. Một linh mục Pháp bị bắn ngay nơi tầng cấp nhà thờ. Cha tôi và Lan bị đám đông xô lấn, đẩy té xuống đất, rồi bị người ta đạp lên trên khi họ bỏ chạy tán loạn.

- Vậy, lúc này cả hai người đang ở đâu?

- Cha tôi nghỉ ngơi ở đây, tại nhà này, còn Lan vẫn nằm trong nhà thương. Nó bị chấn động não và hôn mê một thời gian.

Joseph lo lắng hỏi:

- Cô ấy ở nhà thương nào vậy?

Madame Hiếu cắt bộ mặt đầm đìa nước mắt khỏi vai con trai mình và ngó thẳng mặt Joseph:

- Tôi cấm anh tìm cách gặp con gái tôi. Nó không muốn gặp lại anh. Anh gây bất hạnh cho nó như vậy đủ rồi. Chỉ mai một thôi nó sẽ xuất viện. Lúc đó, cả nhà chúng tôi đi khỏi thành phố này ngay.

Lời lẽ dữ dội của bà làm Joseph sững người. Anh trở vợ ngó người phụ nữ Việt Nam:

- Madame, cháu không hiểu bà có ý nói gì.

Tâm nghiêm giọng nói:

- Đại úy, em gái tôi không muốn gặp anh. Tôi nói như vậy hẳn đã quá rõ cho anh. Joseph lắp bắp:

- Tôi xin lỗi. Nếu tôi có thể giúp được gì thì...

Giọng anh kéo dài lê thê và anh choáng váng quay mình. Đi được mấy bước, anh nghe đằng sau có tiếng Madame Hiếu gọi nhỏ tên Joseph. Bà hỏi với đôi mắt ràn rụa:

- Đại úy Sherman, con trai tôi có nhận gởi gì cho tôi không?

Joseph lưỡng lự rồi nói thật chậm:

- Anh ấy yêu cầu cháu nói với bà rằng anh ấy sung sướng được góp phần mang lại độc lập và tự do cho dân tộc.

- Nó còn nói gì nữa không?

Bà khắc khoải dò chừng vẻ mặt của Joseph

trong khi môi run run ngóng câu trả lời của anh. Và Joseph trả lời, không biết tại sao mình lại nói dối:

- Kim nói rằng anh ấy rất buồn vì đã lâu năm không được gặp mẹ. Kim nói anh ấy ngày nào cũng nhớ tới bà.

Madame Hiếu đưa hai tay ôm mặt, quay mình trở bước vào nhà, để lại tiếng khóc nức. Tâm ra hiệu cho Joseph đi ra cửa và nói:

- Đại úy ạ, tốt nhất anh nên đi ngay. Và vì mẹ tôi, xin anh đừng bao giờ tới nhà này nữa.

- 15 -

- Chúng tôi không ngần ngại khi vì đạo mà cứu đời và vào đời để hành đạo. Đức Thầy ạ, ngài cũng thừa biết rằng đạo là nguyên lý điều hòa vũ trụ, là bản thể của vạn vật, là khởi điểm và cùng đích của nhân sinh; cứ theo đạo mà vạn hành là đạt cứu cánh. Thời buổi này như trong Phong Thần diễn nghĩa nên phía Xiển giáo sẵn sàng tuân mệnh trời, phò chính nghĩa để đối đầu với bọn Triệt giáo đang tâm nghịch mệnh trời, phò bạo tàn. Chính Đức Thầy cũng thường nhắc câu nói bi trí dũng vô lượng của nhà Phật: Ta không vào địa ngục thì ai vào.

Hộ pháp Phạm Công Tắc nói với người ngồi đối diện bằng giọng chững chạc và trầm tĩnh. Thấy câu chuyện không còn liên quan tới mình, Phan Văn Hùm đứng dậy. Từ một lỗ tò vò sát

mái Đình Ông Cọp gần chợ Phú Nhuận, anh ló đầu ra, ngó xuống mặt đường, xem Trần Văn Thạch tới chưa. Con mưa Sài Gòn chưa hết nặng hạt, lẽ đường còn lênh láng nước nhưng đã xuất hiện cả trăm dân quân võ trang bằng tấm vòng vạt nhọn, giáo sắt và súng trường mua hoặc lấy của Nhật. Họ chia làm ba toán nhìn theo ba hướng. Một ngó dọc con đường vào nội thành chạy quá tới bên kia cầu Kiệu. Một ngó thẳng ra cánh đồng trống tiếp giáp cù lao trũng nước, đối diện với Đa Kao ở mé bên kia kênh Nhiêu Lộc. Toán thứ ba ít hơn, ngó về phía ngã tư Phú Nhuận chạy thẳng tới sân cù. Sau lưng nhà học giả 43 tuổi đời họ Phan, linh hồn của nhóm Tân Tả Phái kể từ ngày Tạ Thu Thâu bị dân quân Việt Minh thảm sát tại Quảng Ngãi, cuộc trao đổi giữa hai vị giáo chủ một già một trẻ tiếp tục; xen kẽ các câu nói điểm đậm là những khoảnh khắc im lặng sâu lắng.

Người già có đài trán cao, sống mũi cương nghị, đôi mắt tinh anh và định tĩnh. Khắp người toát lên vẻ sâu sắc và uy nghi của một vị Hộ Pháp 55 tuổi, kiêm Quyền Giáo tông của một tổ chức có hai triệu tín đồ, qui tụ đông đảo ở vùng Tây Ninh và miệt Tiền Giang. Hai mươi năm trước, Đức Cao Đài giảng khai một tôn giáo mới khi nhận thấy các tôn giáo lâu đời không còn bắt kịp thời nay. Bằng cổ vũ sự tôn thờ Đấng Thượng đế Chí tôn, đạo Cao Đài có

hoài bão khôi phục nền luân lý trên căn bản kết tập những tinh hoa trong các nội dung Phật của Phật giáo, Tiên của Lão giáo, Nhân của Khổng giáo, và thêm vào đó Thánh của Thiên Chúa giáo và Thần của Thần đạo. Mục đích chính nhằm phổ độ chúng sanh trong Đệ tam kỳ Hạ Nguyên này để chuẩn bị Hội Long Hoa, một thời điểm được đề cập tới trong hầu hết kinh sách của các tôn giáo và là lúc những người sùng tín hiển minh đạo đức được sống trong một thế giới tràn đầy hạnh phúc. Với qui pháp cụ thể, đạo qui đạo lệnh nghiêm khắc và những giao tiếp chặt chẽ với thế giới thượng thiên bằng cơ bút, Cao Đài nhanh chóng thu hút được sự tham gia đông đảo của giới điền chủ, hào lý, tá điền, công chức và quan chức phủ huyện. Khi đất nước còn trong tay ngoại nhân thì lòng đạo không thể tách biệt với nỗi đời, nên Cao Đài dẫn thân vào cuộc thế, tham gia tích cực Việt Nam Quang Phục Hội do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ. Và tình trạng chính trị sau ngày Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại lại khiến người ta tìm tới với đạo nhiều hơn.

Người Pháp rồi cũng nhận ra tình yêu nước lai láng trong những bài thơ giảng cơ, lối tổ chức giống Công giáo La mã với Toà Thánh ở Tây Ninh và lồng vào hệ thống hành chánh khắp ba kỳ, nếp sinh hoạt tự xử lý nội bộ như một nhà nước độc lập, nên vào lúc bắt đầu Thế

Chiến Hai, họ ra tay. Năm 1941, Phạm Hộ pháp cùng sáu chức sắc cao cấp bị Pháp đày đi đảo Madagascar ở châu Phi, mãi tới tháng vừa rồi mới được Nhật đưa về. Sự bách hại của Pháp đã đẩy Cao Đài vào thế phải tiếp cận với đạo quân của Thiên Hoàng dù biết rằng chủ nghĩa Đại Đông Á hẳn chỉ là khẩu hiệu đầu môi chót lưỡi của phát-xít Nhật. Cũng nhờ quan hệ ấy, Cao Đài có được hai vạn người được Nhật huấn luyện. Và nay, khi Nhật thua trận, những người ấy trở thành một lực lượng sẵn sàng quyết tử nếu người Pháp đặt trở lại bàn chân thực dân để làm chủ nhân đất nước này.

Người được Phạm Công Tắc gọi Đức Thầy là một thanh niên mà sáu năm trước, lúc mới 19 tuổi đã lập nên Phật giáo Hoà Hảo với hơn hai triệu tín đồ, hầu hết là nông dân vùng Thất Sơn Châu Đốc và miệt Hậu Giang. Chờ cho Phạm Hộ pháp ngưng nói để chiêu một ngụm nước trà còn bốc khói, Huỳnh Phú Sổ đặt ly nước lạnh đang cầm trong tay xuống bàn và trình bày nhỏ nhẹ:

- Tôi cũng thấy trước là những năm sắp tới thế nào cũng xảy ra “khói trùm mặt đất nơi nơi, cửa nhà cây cỏ tôi bởi sạch tan,” nên trước khi tránh không khỏi cảnh thương tâm đó, tôi tâm niệm rằng chúng ta nên đoàn kết giữa người Việt để làm nhạt bớt cảnh máu đổ thịt rơi. Ngài cũng biết rằng đồng bào ta và ta có một liên

quan mật thiết, không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau và chẳng khi nào có ta mà không có đồng bào hay có đồng bào mà không có ta. Việt Minh dù lấn lướt hoặc ác tâm tới mấy đi nữa thì cũng là đồng bào ruột thịt với mình. Họ có sai lầm tới mấy đi nữa thì cũng có thể bàn lui tính tới với nhau. Và chúng ta không còn cách nào khác hơn là ngồi lại chung bàn để cùng ngăn bước chân của bọn tây dương mà chỉ ngày mai ngày mốt là người Anh để cho chúng tìm cách chiếm lại Sài Gòn trong tay của dân mình.

Cổ cao ba ngón, đôi lông mày thường nhíu lại đăm chiêu và khuôn mặt thông minh đỉnh ngộ, Huỳnh Giáo chủ thanh tú trong bộ đồ bà ba đen tương phản với y phục trắng của Phạm Hộ pháp. Mấy tháng trời bị Pháp nhốt trong nhà thương điên ở Chợ Quán không ảnh hưởng chút nào lên trí óc linh mẫn của ông. Ngược lại, ông ngồi viết hàng ngàn câu Sấm Giảng và cải giáo cho viên bác sĩ bị sai tới “chữa bệnh điên” cho mình. Xuất thân từ một gia đình hương chức mà thân sinh nguyên là người Công giáo bỏ đạo, người thanh niên họ Huỳnh này, theo như truyền thuyết, sau những ngày ốm đau tưởng lìa đời, đã được linh hồn của Đức Phật Thầy chuyển vào. Một trăm năm trước đây, trong khung cảnh miền nam khai hoang với những lưu dân tứ tán, sống trong điều kiện phong thổ khắc nghiệt, tính người chưa thuần, quan lại hà

hiếp, trộm cướp chèo ghe đi quanh theo mùa nước nổi, và thường bị người “thổ” Cao Miên cướp phá hãm hiếp, v.v. tu sĩ Đoàn Minh Huyền xuất hiện với khả năng chữa bệnh, tổ chức khẩn hoang lập ấp và thuyết giảng đạo lý. Từ đó xuất hiện Bửu Sơn Kỳ Hương như một tôn giáo hộ quốc và người khai sáng cũng là nhà ái quốc họ Đoàn ấy được dân chúng tôn sùng là Phật Thầy Tây An, với lời lưu truyền rằng hồn của Đức Thầy sẽ liên tục nhập vào các hoạt phật kế tiếp nhau để thường trực ở mãi với chúng sinh cho tới ngày Hội Long Hoa.

Bằng chữa bệnh, trừ tà và những bài thơ mộc mạc đầy đạo tính, Huỳnh Giáo chủ hướng những tín đồ Phật giáo đi theo mình báo đáp Tứ Ân: ân tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân Tam bảo Phật Pháp Tăng; và ân đồng bào nhân loại. Giáo thuyết huyền vi của Phật Thích Ca cũng được giản lược, chỉ nhấn mạnh trên sự bài trừ ba nghiệp chướng Thân, Khẩu và Ý, cùng đi theo Bát Chánh Đạo. Kinh sách là một tập Sấm Giảng gồm hàng trăm bài thơ khuyến giáo và khuyến thiện của Đức Thầy. Không có tầng lớp tăng lữ. Không lập chùa chiền. Chỉ dựng Đốc Giảng Đường nho nhỏ ở mỗi làng xã làm nơi tụ họp và để mỗi sáng mỗi chiều huynh đệ tỉ muội đọc cho nhau nghe lời Sấm Giảng của Đức Thầy. Nghi lễ không dùng tới các hình tượng, không tụng kinh gõ mõ mà chỉ cúng nước lạnh, bông

hoa và nhang. Trên bàn thờ chỉ trang trọng đặt một tấm vải nâu, gọi là trần dãi; thờ Đức Phật, tổ tiên, ông bà cha mẹ và đặc biệt, các vị anh hùng của đất nước. Chỉ trong vài chục năm vui với mùi đạo từ Bửu Sơn tới Hoà Hảo, cuộc sống miễn tây thay đổi hẳn, với những người dân tộc trực, tín nghĩa, không uống rượu, không hút thuốc phiện, không ăn thịt trâu bò, làm ruộng cực giỏi, sống thành đoàn ngũ và tham gia hết mình các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, trong đó có các đạo nghĩa quân của những vị anh hùng như Thiên hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân...

Thế rồi truyền thống nhập thế với ân đất nước và việc thờ anh hùng dân tộc cũng không tránh khỏi con mắt cú vọ của Pháp. Nhất là sau cuộc thất bại của Nam kỳ Khởi nghĩa và sự mất lòng tin vào phương pháp cộng sản cùng các cán bộ cộng sản lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đó, dân chúng hướng về Phật giáo Hoà Hảo. Thế Chiến Hai nổ ra, Pháp lo sợ vì đang ở thế kém Nhật và để phòng ngừa bạo loạn, họ bắt hàng ngàn người, tôn giáo có, dân tộc có, cộng sản có. Khi Phạm Hộ pháp bị đày sang châu Phi, Phan Văn Hùm bị chở ra đảo Côn Lôn thì Pháp đưa Huỳnh Giáo chủ lên nhà thương điên ở Sài Gòn. Sau đó họ đem ông về an trí ở Bạc Liêu. Cách đây ba năm, khi Pháp tính hạ ngục Đức Thầy thì ông được người Nhật bảo trợ. Từ đó,

trong khi buộc lòng phải tiếp nhận sự giúp đỡ của Nhật, tin đồ Hoà Hảo bắt đầu mài dao rèn kiếm tính chuyện cướp chính quyền.

Chờ mãi chưa thấy Trần Văn Thạch tới, Phan Văn Hùm quay mình trở lại bàn họp. Anh mỉm cười khi thấy búi tóc của Huỳnh Phú Sổ. Vị giáo chủ thanh niên thường tự xưng là Đạo Khùng, Đạo Xển ấy để một búi tóc trên đầu, được ông giải thích là có ý giữ kỷ niệm phong tục cũ của tổ tiên và tỏ cho thiên hạ biết mình không chịu ảnh hưởng của tây. Một già một trẻ, một quần áo trắng như tiên ông, một mặc bà ba đen như tu sĩ tại gia ở nông thôn. Nhưng trong cái vẻ siêu thoát mộc mạc và định tĩnh của cả hai hàm chứa một quyết tâm bất hoại, vì đời mà mang đạo đấu tranh cho độc lập của dân tộc, cho quyền được làm người tự do. Người trí thức Phan Văn Hùm chỉ có con tim, khối óc và cây bút, còn hai vị giáo chủ ngồi đây mỗi người làm chủ một đạo quân. Mỗi đạo quân đông đảo, hàng chục ngàn người, có đầy đủ tướng lãnh, sĩ quan chỉ huy và vũ khí trang bị gồm súng ống mua của bọn Nhật hay được chúng tặng từ mấy năm nay. Và trên tất cả những quân khí ấy là lòng yêu nước được nâng cao thành bất tử với một niềm tin vững bền vào giáo chủ và tôn giáo của mình. Mỗi người trong đạo quân ấy đứng ở tâm điểm của chiều ngang là đồng bào đất nước và chiều dọc là tổ tiên và đạo pháp. Cùng chiến

đấu với họ là quốc hồn quốc túy, thần thánh tiên Phật và tiền nhân liệt sĩ. Đối với họ, cái chết chỉ là một bước nhảy từ cõi đời này lên bàn thờ kia trong niềm ân phúc được sinh vi tướng tử vi thần. Sống làm nghĩa dân tận lực khuông phò xã tắc; chết thành thần nhân linh nghiệm phù hộ nhân dân.

Nhìn hai vị giáo chủ đầy quyền uy ấy, bất giác Phan Văn Hùm nghĩ tới bản thân. Những ngày học trường Công Chánh ở Hà Nội, lưu lạc ở Huế sống với vợ chồng Đào Duy Anh và được gần gũi cụ Phan Bội Châu. Bốn năm lưu li sang Pháp học triết ở Đại học Sorbonne rồi ngả theo tư tưởng cộng sản Quốc tế Đệ tứ, sau đó trở về Sài Gòn vừa dạy học vừa hoạt động. Những ngày tù đầy khổ sai, bị sỉ nhục, bị tra tấn, hết Khám Lớn tới đảo Côn Lôn. Anh vượt qua được tất cả những gian nan lưu lạc ấy có lẽ nhờ vào niềm tin sắt đá ghi trong tâm khảm rằng người trí thức của một xứ sở nhược tiểu không thể không thao thức với những vấn đề của đất nước và có nghĩa vụ dẫn thân vào hành động, một cách tinh táo và quyết liệt, để phục vụ đồng bào và dân tộc, để cải tạo môi trường sống thành một chốn tốt đẹp hơn cho mọi người. Cùng với người anh xem như anh em là nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, người bạn thông minh tuyệt luân Tạ Thu Thâu và ngòi bút bình luận sắc sảo Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm đã làm tờ *La*

Lutte, rồi từ đó, được bầu vào Hội đồng Quản hạt Nam kỳ.

Đôi khi anh tự nhủ tại sao mình lại lao vào trường đấu tranh và cứ thế đi miệt mài qua bao năm tháng. Thật sự mà nói, tuy theo Tân Tả Phái nhưng khi đọc sách của Marx, của Trotsky anh thấy có nhiều lần cần. Lý thuyết cộng sản là phó sản của lý thuyết Do-thái-Kitô-giáo qua sự thông giải của các nhà thần học kinh viện và các trí thức, triết gia châu Âu bị ám ảnh bởi giấc mơ cứu thế, quỵen với sự mất niềm tin vào tư bản chủ nghĩa, giáo hội Công giáo La mã và tầng lớp tăng lữ. Nhưng hình như cái giá trị nhất của nó chỉ dừng ở chỗ phê phán rất ráo tư bản chủ nghĩa; những người sản sinh ra chủ nghĩa Marx gần như không có đông phương học, đặc biệt phi tâm linh. Như thế, phải chăng chỉ hữu ích cho người Việt khi biết du nhập nó với một tinh thần phê phán, chất lọc, lấy ra những gì thích hợp với xã hội Việt Nam cổ truyền và đương đại; lúc ấy mới tránh khỏi tình trạng toàn trị và vết xe sắt máu của cuộc đại khủng bố những năm ba mươi tại Nga và những gì xảy ra tại Hoa Nam, Nghệ Tĩnh và trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa.

Thành thật mà nói, anh đọc sách, học hành, nghiên cứu chỉ cốt để nỗ lực tìm kiếm một tổng hợp tư tưởng đông tây cho dân tộc mình. Văn hóa Việt vốn chịu ảnh hưởng của cả hai nền văn

minh Hoa và Ấn, nay nếu bằng các nào đó, dung hợp được những giá trị tích cực của châu Âu, nó sẽ trở thành nền tảng và chìa khóa giải quyết các vấn đề trọng đại lẫn cấp bách của dân tộc. Thế nhưng càng đi sâu vào học thuật anh càng thấy mình thiếu sót, càng suy nghĩ càng thấy chưa thấu đáo vì câu hỏi bao giờ cũng chưa đựng dỗi dào nội dung hơn câu trả lời. Phải tìm tòi thêm nữa để ngấm thật sâu, để chết đi trong tư duy mới có thể phục sinh trong tư tưởng, dù anh đang có trên kệ sách mấy cuốn của mình đã xuất bản, trong đó gồm những công trình nghiên cứu về Biện chứng pháp, Phật giáo, tâm học Vương Dương Minh, v.v.

Trong khi anh đang tù Tân Uyên, Biên Hoà xuống Sài Gòn chữa bệnh phù thũng, di căn ngực tù Côn Lôn, và dự tính trong thời gian này sẽ tiếp tục việc nghiên cứu triết học thì nổ ra chuỗi biến động từ một tháng nay. Nhất là khi Ủy ban Hành chánh Lâm thời của Cộng sản Quốc tế Đệ tam xuất hiện cướp chính quyền, rồi sau đó bị trung ương Mặt trận Việt Minh bắt phải cải tổ thành Ủy ban Hành Chánh Nam bộ. Người ta đã thăm dò mời anh tham gia một ủy viên nhưng anh từ chối vì kinh nghiệm làm tờ La Lutte và những năm ở tù chung nơi đảo Côn Lôn, anh biết rõ rằng khó có thể sinh hoạt chung với những người được đào tạo bởi Học viện Thợ Thuyền Phương Đông của Stalin, một

học viện hầu hết sinh viên của nó chỉ cần trình độ tiểu học là được nhận vào học. Họ chỉ muốn gây mâu thuẫn, khai thác những xung khắc và khích động hận thù giữa các thành phần của dân tộc. Họ hô hào hoà hợp, đoàn kết nhưng thực chất chỉ muốn giành độc quyền lãnh đạo, khuynh loát và trấn áp hết thảy những ai không chấp nhận quan điểm và đường lối của họ. Ở Côn Lôn, chính tù nhân cộng sản đã hại chết Nguyễn An Ninh, người nhiều phen che chở họ tại nhà của mình ở Hóc Môn Bà Điểm và qua Thanh Niên Cao Vọng Đảng, đã tuyển lựa, giới thiệu cho họ những kẻ về sau là đảng viên cộng sản xuất sắc.

Chiều nay, phiên họp giữa hai vị giáo chủ, một có tính thần bí của Phật giáo dân giả, một có tính huyền học của Đạo giáo thời đại cùng với hai trí thức cách mạng hàng đầu của Sài Gòn, thuộc Tân Tả Phái Cộng sản Quốc tế Đệ tứ lại diễn ra trong một ngôi đình la liệt những hoành phi đối trướng, bàn thờ và hình tượng của Khổng giáo cùng linh vị của thần nhân Việt. Nhận xét đó, khiến Phan Văn Hùm mỉm cười. Và trong mơ hồ, hình như anh đang cảm nhận được bằng cách nào mình sẽ tổng hợp thành công một lý thuyết chủ đạo cho công cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc và kiến thiết xứ sở.

Trung úy David Hawke giật mạnh chiếc xắc

máy truyền tin ra khỏi xe díp rồi uể oải xách lên bậc thềm trước ngôi nhà được tạm cấp cho Phân đội OSS làm bộ chỉ huy, ở Phú Nhuận, vùng ngoại ô tây bắc Sài Gòn. Toà nhà này trước đây là tư thất của một người Pháp làm giám đốc Ngân hàng Đông dương, tọa lạc mé trong mép sân cù, và được một đơn vị quân Nhật đảm trách việc canh gác, theo lệnh của tướng Douglas Gracey, tổng tư lệnh lực lượng Anh chiếm đóng.

Joseph dẫn đầu đi lên bậc cấp và Hawke theo sau. Cả hai chào đáp lễ cái chào đầy oán ghét của gã lính Nhật đang đứng gác: tay đưa lên chào và mắt trợn ngó lưng trời. Vô tới bên trong tiền sảnh, Hawke giận dữ ném phịch xác máy truyền tin lên mặt bàn:

- Vì lý do quái đản nào mà tại Hội nghị Potsdam chúng ta lại chịu cho quân Anh tiếp quản nam Đông Dương từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống? Nếu cứ giao việc đó cho tướng Wedemeyer ở Hoa Nam thì chúng ta đã có quân Trung Hoa hiện diện đầy nhóc và các đơn vị quân Mỹ to con tràn ngập chỗ này lâu rồi.

Hawke vừa nói vừa góm ghiếc phui phui bộ đồ trận làm văng tứ tung lớp bụi dày bám suốt cuộc tuần thám kéo dài từ ban chiều qua buổi tối:

- Thay vào đó, chúng ta chỉ mới có mấy ngàn tên lính Ấn với chư vị quý tộc Ảng-lê chỉ huy

bọn chúng chạy lòng vòng ở đây và dùng quân thù làm cảnh sát – còn chúng ta thì thấy nguy cơ dàn ra trước mắt mà chẳng nhúc nhích ngo ngoe gì được.

Đột nhiên cửa một văn phòng ở tầng trệt bật mở, thò ra thân xác có bộ mặt đeo kính và cái miệng cười toe toét của viên thiếu tá chỉ huy phân đội. Thuở còn sống đòi dân sự, anh ta là chuyên viên phân tích đầu tư xuất sắc của Phố Wall. Hiện anh ta vẫn cố sức áp dụng vào công tác quân báo những phương pháp lý luận và điều nghiên chi tiết cực kỳ thận trọng y như trước ngày nhập ngũ. Nhưng rốt cuộc anh ta đành phải thú nhận mình hoa cả mắt trong hoạt cảnh chính trị đầy hoang mang tại Sài Gòn lúc này.

- Bộ chưa ai nói với trung úy rằng vào lúc kết thúc thế chiến, Ngài quý tộc Thống chế Louis Mountbatten đã sửa lại tên của đơn vị ông ta? “SEAC” không còn viết tắt cho South East Asia Command – Bộ Tư lệnh Đông Nam Á nữa, mà là đang viết tắt cho Save England’s Asian Colonies – Cứu lấy các thuộc địa châu Á của Anh. Đó là lý do tại Potsdam, người Anh cứ khẳng khẳng đòi thủ cho bằng được vai trò tham gia công tác Đông Dương. Với Miến Điện và Ấn Độ ở sát nách Đông Dương, người Anh không thể để cho dân bản xứ ở đây gây quá nhiều lộn xộn – kéo chẳng may có tên thứ dân hèn mọn nào đó tại các xứ thuộc địa của họ bắt đầu tiếm nhiệm “các ý

tuồng bảy bạ” ấy thì sao!

Trung úy Hawke thở hắt như bày tỏ ý kiến rằng cá nhân mình ghê tởm cách riêng người Anh. Thấy anh bắt đầu mở đai lưng bộ đồ trận, thiếu tá chỉ huy trường giờ tay chặn lại:

- Để yên nó đó trung úy, công tác hôm nay của anh đã xong đâu! Tôi cam đoan rằng đại úy Sherman thế nào cũng muốn anh tháp tùng anh ta cho một chuyến đi ngắn, tới Nhà thờ Chánh toà Sài Gòn.

Joseph nhìn cấp chỉ huy, thắc mắc:

- Thưa thiếu tá, tại sao tôi lại muốn đi Nhà thờ Đức Bà?

Thiếu tá mở túi trên áo sơ-mi, rút ra một bì thư nhàu nát:

- Cách đây một giờ, có một người Việt Nam bí hiểm đưa tới đây mảnh giấy này. Trong đó ghi: “Xin vui lòng ra lệnh cho đại úy Sherman có mặt ở nhà thờ chánh toà tối nay, lúc chín giờ, nơi mấy dãy ghế đằng sau, phía nam.”

Thiếu tá đưa Joseph mảnh giấy học trò có kẻ ô vuông, viết nguệch ngoạc bằng tiếng Anh, chính tả sai be bét:

- Mảnh giấy ký tên “Ngô Văn Lộc”. Đại úy quen ai có cái tên đó không?

Joseph tự mình đọc mảnh giấy rồi với vế mặt kinh ngạc, anh ngược nhìn sĩ quan cấp trên:

- Thưa tôi có biết. Lộc là người tôi từng gặp ở đây lâu lắm rồi.

- Và có phải hẳn đang dính líu tới các hoạt động chính trị tại đây?

Joseph trả lời dứt khoát:

- Tôi nghĩ có thể nói chính xác là như vậy.

- Tốt, thế thì anh đi gặp hẳn. Có thể chúng ta sẽ tìm thấy điều gì đó về những cái đang diễn ra lòng vòng ở đây mà chúng ta hiện vẫn không biết rõ. Trung úy Hawke đi theo anh và sẵn sàng nổ súng trong trường hợp người ta có ý định bắt cóc một người Mỹ làm con tin.

Nửa giờ sau, lúc Joseph và Hawke xuống tới Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn sắp vào giờ giới nghiêm và đường phố vắng vẻ từ lâu. Khi cho xe díp đậu lại, cả hai nghe tiếng súng nổ đi đùng từ hướng bên cảng bờ sông. Vài giây sau, một chiếc xe tải chở đầy lính Nepal rú ga qua Công viên Bá-đa-lộc im lìm, chạy về phía có tiếng đùng đùng.

Bên trong Nhà thờ Chánh toà, khung cảnh ảm đạm với bớt phần nào nhờ ánh sáng duy nhất của hàng nến dâng cúng trên bàn thờ và ngọn đèn nhỏ bên trên cung thánh, trước nhà tạm thánh thể trên cao. Mấy dây ghế dài ở sát vách phía nam chìm sâu trong bóng tối, rõ ràng là chẳng có ai đang quì hoặc ngồi. Nhưng Joseph trước khi ngồi xuống đợi vẫn ra lệnh cho Hawke đứng canh chừng đằng sau chiếc cột gần đó, tay đặt sẵn trên báng khẩu súng lục đạn đã lên nòng.

Vài phút sau, khi Ngô Văn Lộc âm thầm xuất

hiện sát một bên, Joseph không nhận ra anh ta. Người dân quê lần đầu tiên anh gặp gỡ năm 1925, còn là người “bồi” trại sản hèn mọn, lúc này đang trong lớp vỏ cải trang: mình mặc áo the đen, đầu đội khăn đóng theo kiểu người Việt Nam khá giả và dưới cằm gắn một chòm râu giả. Nhưng liền đó, Joseph để ý thấy cánh tay phải bại liệt của Lộc vốn bị dập nát vì trận dội bom của Pháp tại Vinh vẫn mắc lủng lẳng một bên người. Và khi Lộc liếc về phía Joseph, đôi mắt tối sầm, đầy nghi kỵ và cảnh giác ấy làm Joseph nhớ lại lần gặp nhau chín năm trước trong nhà lồng tối thui chợ Bến Thành.

Để hợp điệu với bộ quần áo cải trang của mình, Lộc quì một lúc như thể đang cầu nguyện rồi ngồi lên, vói tay cầm cuốn sách lễ trên hàng ghế trước mặt và bắt đầu lật vài trang. Anh vừa lật vừa nói thật nhỏ bằng tiếng Pháp, giả bộ như đang đọc sách kinh:

- Đại úy Sherman, rốt cuộc anh trở lại Sài Gòn làm một tay quân báo. Có phải từ lần ghé lại trước đây của anh tới nay Sài Gòn đã biến đổi quá nhiều?

Joseph hỏi lại bằng giọng thì thầm tới độ chính anh cũng ngạc nhiên:

- Làm sao anh biết tôi có mặt ở đây?

- Chúng tôi nhận được tin từ Hà Nội điện vào cho biết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân báo cho chúng tôi rằng anh và các quân nhân

Mỹ trong toán OSS đều có thiện cảm với chính nghĩa của chúng tôi.

- Có phải anh là cán bộ cao cấp của Mặt Trận Việt Minh?

Lộc gật đầu, mắt vẫn tiếp tục nhìn xuống cuốn sách lễ:

- Tôi là ủy viên trong Ủy ban Hành chánh Nam bộ.

- Tại sao anh lại muốn thảo luận với OSS? Thật sự, chúng tôi chẳng có vai trò nào ở đây.

- Thằng đại tá Pháp Cédile vừa nhảy dù xuống và lúc này tự xưng “Cao Ủy”, là một thằng ngang bướng và ngoan cố. Thằng tướng Anh Gracey cực kỳ ngạo mạn trong việc điều đình với chúng tôi. Hắn giả vờ tiến hành việc thương thuyết với chúng tôi trong đôi ba ngày nhưng thực tế, hắn đang âm mưu ép buộc chúng tôi đầu hàng.

Lộc tuôn ra một tràng bằng giọng khàn khàn giận dữ. Joseph phải nghiêng đầu thật sát mới nghe ra những gì Lộc nói:

- Cả hai thằng đó chẳng có thằng nào nhận ra những nguy cơ đang nằm ngay trước mặt chúng. Anh đã ở Bắc bộ và anh đã từng chứng kiến nhân dân nhiệt liệt ủng hộ cuộc cách mạng dân tộc của chúng tôi như thế nào. Tại Nam bộ này, chúng tôi thành lập khắp nơi các ủy ban cách mạng để thay thế các hội đồng hương chính và quan lại thối nát. Nhưng bọn Anh

không hiểu điều đó và không chịu nghe chúng tôi nói. Chúng sửa soạn phục hồi nền đô hộ của thực dân Pháp – chúng tôi biết rằng các đoàn tàu chở lính Pháp đã rời Marseille với Calcutta, và đang trên đường tới đây...

Lộc đưa cho Joseph một tờ giấy in nhòe nhoẹt và nói:

- Đây, ngay cả cựu hoàng hậu Nam Phương, là vợ của Vĩnh Thụy hiện làm cố vấn tối cao cho chủ tịch Hồ Chí Minh, và là con cháu của những đứa mầy đời hợp tác với thực dân Pháp. Bà ấy cũng viết thư gửi các chính phủ phương tây, trình bày rằng Pháp đã thật sự mất chủ quyền ở Việt Nam từ tháng Ba năm nay. Bà ấy yêu cầu quốc tế can thiệp dùng để lực lượng Anh tiếp tay cho thực dân Pháp tìm cách đô hộ trở lại chúng tôi, làm máu tiếp tục chảy, hao tổn thêm sinh mạng của cải của người Việt và gây đau khổ thêm nữa cho đàn bà trẻ con Việt Nam.

Lộc ngừng nói khi phía trước bàn thờ xuất hiện hình dáng một linh mục Pháp trong chiếc áo chùng thâm. Anh dán mắt nhìn theo cho tới khi linh mục biến mất vào hậu liêu. Joseph xếp bản sao lá thư, cho vào túi quần và nhất quyết hỏi:

- Nhưng tại sao anh lại cố tình nói cho tôi nghe việc đó?

Lộc trả lời sôi nổi:

- Chúng tôi cần sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Anh

phải báo cáo cho chính phủ của anh biết về chúng tôi! Các nhà lãnh đạo chính trị của nước anh phải gây áp lực lên bọn Anh và bọn Pháp để chúng nó phải công nhận Việt Minh là chính quyền hợp pháp trên đất nước của chúng tôi.

Joseph nói trầm tĩnh:

- Chẳng quan trọng gì việc cá nhân tôi có thiện cảm tới mấy đi nữa với các nguyên có của Việt Minh. Phân bộ OSS ở đây, tại Sài Gòn này, không thể đứng về một phía nào đó trong sinh hoạt chính trị nội bộ của quý vị. Ngay cả những tranh luận giữa các tổ chức lực lượng ở đây cũng là chuyện của quý vị.

Lộc quay sang ngó Joseph, giọng nóng nảy:

- Ngay sau hôm bọn Nhật đầu hàng, nhân dân Nam bộ đã móc nối và giao phó cho Trần Văn Giàu, người của Việt Minh, quyền đại diện họ để tiếp xúc với Đồng Minh, rồi sau đó, thành lập Lâm Ủy Hành Chánh. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm cũng đã bàn giao chính quyền cho Lâm ủy Hành chánh mà Việt Minh là chủ chốt. Sau đó, mọi phe nhóm đã đoàn kết với nhau trong Ủy ban Hành Chánh Nam Bộ mà chủ động là Việt Minh. Hiện nay, dân chúng đang tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh Nam Bộ. Việt Minh giúp Đồng Minh đánh bại Nhật trong khi bọn Pháp, bọn quốc gia, bọn giáo phái hợp tác với bại chúng, bộ việc đó không đáng kể chút nào sao? Bộ bọn

Pháp và bọn Việt gian đó xứng đáng cho quý vị ủng hộ sao?

Joseph nhún vai bất lực:

- Tôi xin nhắc lại là OSS tại đây không có nhiệm vụ đi sâu vào những vấn đề chính trị nội bộ của quý vị. Có một thực tế khác rằng Pháp và Anh là đồng minh của chúng tôi. Có quá nhiều xung khắc quyền lợi, đặc biệt tại châu Âu, khiến chính quyền Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phải cân nhắc.

- Anh có ý nói rằng Việt Nam không có tầm quan trọng đáng kể nào sao? Và sẽ chẳng ai màng tới nếu có xảy ra chiến tranh ở cái xứ sở nhỏ bé và tầm thường như thế này sao?

Lộc vừa nói vừa dò xét vẻ mặt của Joseph trong một lúc rồi tự mình gạt đầu lệ làng như để tự xác nhận những nghi hoặc của mình.

Joseph nói chậm chậm:

- Một vấn đề chủ yếu là, trong thực tế chẳng ai hiểu rõ Việt Minh có phải là một tổ chức tiên phong và bí mật của cộng sản hay không. Trong Ủy Ban của anh có bao nhiêu ủy viên là cộng sản? Lộc lừa các trang sách lễ bằng cử chỉ hấp tấp và nóng nảy:

- Nay đại úy, hơn bất cứ người nào khác, lý ra anh hiểu rất rõ rằng không phải chỉ có cộng sản mới biết căm thù những gì bọn Pháp đã làm ở đây. Ủy Ban của chúng tôi có mười bốn ủy viên, trong đó những kẻ các anh gọi là “cộng

sản” chỉ có ba bốn người. Nhưng điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là Việt Minh muốn điều đình với Pháp. Các lãnh tụ của chúng tôi ở Hà Nội đã nói cho anh biết điều đó. Chúng tôi biết xứ sở của chúng tôi nghèo, chúng tôi cần ổn định, chúng tôi cần hòa bình, chúng tôi cần những đầu tư thương mại của Pháp để giúp chúng tôi phát triển. Chính những phe nhóm quốc gia khác bên ngoài Việt Minh đang hối thúc Ủy Ban chúng tôi đánh nhau với Pháp. Và bằng việc từ chối điều đình với chúng tôi, bọn Anh và bọn Pháp đang nhất quyết gây chiến. Đại úy ạ, chúng tôi muốn có các cuộc điều đình nhưng nếu thực dân Pháp cứ ngoan cố trở lại đây mà không chịu điều đình thì sẽ đổ rất nhiều máu – chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ nền độc lập chúng tôi vừa giành được.

- Anh Lộc ạ, có thể những nghi ngại của quý vị là quá đáng. Ở miền Bắc, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tôn trọng chính phủ Việt Minh. Quân Anh tới Đông Dương chỉ để tổ chức việc hồi hương lính Nhật và tiếp nhận sự đầu hàng chính thức của Nhật. Họ chỉ nhận mệnh lệnh có thể thôi.

Lộc khề một tiếng điên tiết và gấp cuốn sách thật mạnh:

- Bọn Anh đã đóng cửa các tờ báo của chúng tôi. Mỗi giờ trôi qua chúng càng hợp tác công khai thêm với bọn Pháp. Hôm nay, các mặt báo

viên của chúng tôi phát giác ra thành tướng Gracey đang hạ lệnh in các bích chương tuyên bố thiết quân luật. Chỉ nội một hai ngày nữa thôi, chúng tôi sẽ bị tước bỏ toàn bộ tự do chính trị ngay trên chính xứ sở của mình! Bước kế tiếp là một nỗ lực dứt khoát nhằm phục hồi nền đô hộ của bọn Pháp.

Joseph xem xét dáng mặt nghiêng nghiêng của người Việt Nam bên cạnh mình. Bộ mặt xương xẩu hốc hác và bị tàn phá bởi tù đầy và gian khổ thể xác nhưng hể nhắc tới người Pháp là đôi mắt ấy long lên sòng sọc và ngùn ngụt lửa. Sau cùng, Joseph nói:

- Anh Lộc ạ, ngay sau khi chúng ta gặp nhau lần trước, con trai anh bị bắt tại Huế vì mưu sát Monsieur Jacques Devraux. Rồi sau đó một hai tuần, Monsieur Devraux bị hạ sát trong giường ngủ. Phải chăng anh có trách nhiệm về cái chết của ông ấy?

Trong vài ba giây người Việt Nam nhìn chằm chằm vào mặt của Joseph rồi nói:

- Đại úy, đó là vấn đề cá nhân. Tôi tới đây không phải để thảo luận chuyện đó. Tôi yêu cầu nói chuyện với anh vì hơn bất cứ ai, anh biết rằng ở đây, lòng đồng bào chúng tôi căm thù bọn Pháp sâu xa tới độ nào. Chúng cướp đi vợ tôi, con trai tôi. Và vì sự tàn bạo của bọn Pháp, có hàng ngàn hàng vạn gia đình mất người thân yêu của họ, giống hệt tôi đã mất. Đó là lý do

chúng tôi chiến đấu tới chết để giành độc lập tự do.

Không một lời báo trước, người Việt Nam đứng bật dậy:

- Hãy nói cho các đồng minh của quý vị biết như thế – trước khi quá trễ.

Lộc biến mình vào bóng tối, cũng âm thầm không kém khi anh xuất hiện. Joseph ngồi lại, đắm đắm nhìn những mẫu còn sót của hàng trăm ngọn nến trông cây được thắp lên suốt ngày bởi những tây thuộc địa và gia đình đang run rẩy của họ. Từng đuôi chân nến rồi từng đuôi chân nến tàn lụi và ánh sáng hiu hắt càng lúc càng le lói giữa khung cảnh ảm đạm bên trong nhà thờ. Cảm thấy có ai đó tới sát bên mình, Joseph quay qua và thấy David Hawke đứng kế bên, đang nhét khẩu súng lục vào bao và bấm nút lại. Người thanh niên Boston hỏi với giọng điềm tĩnh:

- Thừa đại úy, có phải hẳn nói cho chúng ta biết điều gì đó đáng quan tâm?

Joseph chậm chậm gạt đầu và đứng dậy:

- Đúng vậy. Tốt nhất là tôi quay về bộ chỉ huy ngay, viết bản tường thuật và thông báo cho người Anh biết. Tôi không nghĩ nó sẽ gây được tác dụng tốt nhưng Việt Minh nói rằng nếu Pháp không điều đình, họ sẽ không cản nổi những kẻ mạnh động đang muốn khai chiến.

Khi cả hai bước ra khỏi cửa mé tây nhà thờ,

những ngọn nến dâng cúng cuối cùng chảy hết sáp và tắt lịm, để lại sau lưng họ nội thất nhà thờ chánh toà gần như chìm trọn vẹn trong bóng tối. Bên ngoài, những vì sao lung linh chiếu sáng trên vòm trời đêm nhưng khắp các đường phố tràn ngập một sự im ắng gượng gạo, như thể toàn bộ thành phố đang nín thở chờ đợi những tin tức chẳng đáng đón chào chút nào.

- 16 -

Tối xế chiều hôm sau, ngày 22 tháng Chín, trong khi cho xe chạy dọc con đường trước đây mang tên Đại lộ Catinat, Joseph thấy lính Nhật đang dán một dãy các bích chương in sẵn lên vách ngoài của Khách sạn Continental Palace. Dừng xe dịp sát lề đường, anh lật đặt bước lên vỉa hè, nhìn qua vai người lính. Đó là một cáo thị có đầu đề “Thông Cáo Số 1”, in chữ đen và đậm bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh. Sau khi đọc lướt nội dung cáo thị, Joseph cảm thấy mất tinh thần. Đúng như Ngô Văn Lộc báo trước, nó rất cuộc là để tuyên bố tình trạng thiết quân luật.

Tờ thông cáo công bố rằng tướng Douglas Gracey, hiện xử lý với danh nghĩa Quan Tổng Tư Lệnh Lục Quân Đồng Minh Đứng Ở Miền Nam Đông Dương, là kẻ duy nhất đảm trách hết thảy các lực lượng quân sự, các toán vũ trang và các đơn vị cảnh sát tại phía nam Đông Dương thuộc Pháp từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống.

Quan Tổng Tư Lệnh cảnh báo cho dân chúng biết rằng trong tương lai, những kẻ cướp bóc, phá hoại và những kẻ có hành động sai trái đều bị bắn hạ tại chỗ mà không cần thông qua những thủ tục cần thiết và rằng kể từ lúc này về sau, mọi cuộc biểu tình, tuần hành và hội họp của công chúng đều bị nghiêm cấm. Kể từ thời điểm niêm yết sắc lệnh này, cấm hết thảy mọi người mang vũ khí bất kỳ là thứ nào, cho đến, gậy, giáo, tầm vông vọt nhọn, vân vân... ngoại trừ các binh sĩ Anh và Đồng Minh.

Khi bước về lại xe díp Joseph đưa mắt nhìn dọc theo đại lộ. Thông thường vào giờ này những vỉa hè râm mát dưới các hàng me rộn rịp người qua kẻ lại nhưng lúc này gần như vắng tanh. Người dân Việt Nam sống trong thành phố cảm giác được cuộc khủng hoảng sắp tới nên càng lúc càng nuồm nợp kéo nhau sơ tán về vùng quê. Một số tây thuộc địa người Pháp không còn dám mạo hiểm ra khỏi nhà.

Hôm nay, trong mấy chuyến tuần thám thường lệ với trung úy Hawke, Joseph chỉ gặp lẻ tẻ các toán tuần tiểu Nhật đi bộ và thỉnh thoảng một chiếc xe tải chở lính Népal thuộc quân đội Anh di chuyển trên đường phố. Từ lúc trời tờ mờ sáng tới chạng vạng tối, không thấy xuất hiện các nhóm võ trang của Cao Đài, Hoà Hảo và Bình Xuyên. Lúc này, cuộc đình công của Việt Minh đã đạt kết quả. Chợ búa đóng cửa

toàn bộ. Quân Anh phải bắt đầu không vận đồ tiếp liệu và nhu yếu phẩm tới Sài Gòn.

Suốt hai ngày qua, cùng với đường phố mỗi lúc một thêm căng thẳng thấy rõ, Joseph cũng từng giờ từng phút vật vã với lương tâm mình. Việc biết ra Lan đang ở đâu đó trong thành phố và không muốn anh liên lạc với nàng khiến anh khổ sở tới độ nhiều lúc hầu như không chịu đựng nổi.

Joseph không thể xua khỏi tâm trí mình về mặt kết án của mẹ nàng khi bà đứng từ bên trên thềm nhà nói xuống với anh. Anh lại càng cảm thấy bức xúc hơn nữa khi biết rằng vợ của sĩ quan Pháp được điều trị, gần như chắc chắn, trong Quân Y Viện trung ương Đồn Đất ở đường La Grandière.

Một đôi lần, trong khi lái xe ngang bệnh viện ấy – một khu gồm mấy dãy nhà hai tầng cao, bốn phía có hàng hiên uể oải phơ mình trong nắng – Joseph định dừng xe và đi vào nhưng sự có mặt của David Hawke bên cạnh luôn luôn làm anh chùn chân. Tuy thế, trong buổi chiều đang xế này, khi một mình lái xe ra khỏi bộ chỉ huy, Joseph cảm thấy lòng mình bứt rứt lạ thường và mỗi giờ một thêm bức xúc, theo với tình hình và nhịp điệu căng thẳng càng lúc càng tăng cao trên đường phố.

Sau khi đọc tờ thông cáo của người Anh, Joseph ngối thờ người đằng sau tay lái chỉ một

chốc, rồi cuối cùng anh quyết định dứt khoát. Việc đột nhiên phủ nhận mọi quyền chính trị của người Việt Nam vừa giành được độc lập tự do sẽ đưa tới một loại bùng nổ nào đó không tránh khỏi. Và như thế, lòng lo lắng cho Lan đánh tan tành quyết tâm trước đây của anh là sẽ cố hết sức thuận theo ý của mẹ nàng.

Khi lái xe ngang Toà Thị chính cũ, Joseph thấy dân quân Việt Minh vẫn đứng canh gác, tay nắm chặt vũ khí với vẻ mặt thách thức lệnh thiết quân luật. Anh đạp chân ga thật gấp. Và tại Quân Y Viện, chỉ cần liếc sơ phù hiệu sĩ quan Hoa Kỳ của Joseph, các bác sĩ nhạy cảm người Pháp không chút ngần ngại, lập tức trả lời những gì anh muốn biết.

Sau khi xác định số phòng Lan đang nằm điều dưỡng, họ đồng ý để Joseph tới thăm nàng ngay. Người nữ y tá coi sóc khu bệnh của Lan giải thích rằng hiện nay nàng gần như hoàn toàn bình phục, không còn bị kích động và có thể xuất viện trong vòng một hoặc hai ngày tới. Bà tế nhị nói rằng lúc này Lan chỉ vừa mới chớp mắt, và rồi nhớ lại ánh mắt đầy ý nghĩa của bác sĩ trưởng khoa nhìn mình lúc nãy, bà liền mời Joseph cứ tự nhiên vào tận giường bệnh, chờ cho tới khi nàng thức dậy.

Tới trước cửa phòng Lan, Joseph lại cảm thấy tần ngần. Anh tự hỏi không biết vào khoảnh khắc tối hậu này mình có nên cưỡng

lại cơn dồn ép phi lý đang cuốn hút mình tới đây không. Anh nghĩ đến Paul giờ này mỗi mòn ngóng đợi trong một xà lim tối tăm nào đó cách nơi này không xa. Anh băn khoăn không biết khi Paul và anh gặp lại nhau, anh sẽ giải thích thế nào về hành động này. Joseph tự nhủ tới khi đó anh sẽ chỉ nói rằng mình đến đây để xem thử có giúp được gì cho vợ của một người bạn cố cựu không. Thế nhưng toan tính dối trá ấy lại khiến Joseph nhắm mắt, lắc đầu và cảm thấy lòng thêm áy náy. Tuy vậy, trạng thái hoang mang bứt rứt tới hậu đó chỉ kéo dài trong mấy chớp mắt ngắn ngủi. Khi bước qua ngưỡng cửa, Joseph quên tất cả, và mắt lập tức mở lớn tìm kiếm chỗ Lan nằm.

Mái tóc dài óng mượt toả rộng trên nền gối trắng tinh vẽ thành những làn mây khói đậm đà. Trong giấc ngủ yên lành, vẻ đẹp mong manh trên khuôn mặt trái xoan trông vô cùng gợi cảm. Joseph đứng sững người trước những đường nét đơn sơ như trong tranh thủy mặc, và con tim anh dường như bỗng chao đảo trong lồng ngực. Đôi lông mày thanh tú, đôi mắt khép với hai hàng mi lá râm, đôi môi như đang nhe nhẹ hé cười. Mọi đường nét ấy tạo cho Lan dáng vẻ một bức tượng thần nữ Á Đông với ánh mắt nhìn xuống đắm đắm và e lệ, như đang xác nhận một nỗi yêu niềm kính thiết tha vượt quá bên kia những am hiểu của chính mình. Bàn

tay đặt lên mặt khăn phủ giường, nhỏ nhắn như tay một nữ sinh, khiến Joseph phải cầm mình lại vì chợt cảm thấy lòng trào dâng nổi thôi thúc thềm được đắm thắm ấp ủ bàn tay ấy trong hai tay mình. Lan không tỏ dấu hiệu nào cho thấy nàng đã thức hay đang ngủ. Và sau cùng, Joseph nhắc chiếc mũ lưỡi trai nhà binh xuống, ngồi im lặng trên chiếc ghế đặt cuối chân giường. Suốt mười lăm phút, Joseph chỉ ngồi yên lặng ngắm Lan. Nàng nằm đầu kê cao trên gối, nhẹ nhẹ trở mình, và anh có thể thấy mạch máu nhỏ một bên cổ nàng đang đập mạnh. Joseph miên man thầm nói với mình: nàng thật tuyệt vời đúng như trong trí tưởng của tôi – có lẽ còn tuyệt vời hơn thế nữa. Nàng quá mộc mạc và rất đổi bình yên, sao tâm tư tôi dám nuôi dưỡng ý tưởng nghi hoặc những tình tự xưa là huyền mộng trong trí tưởng hay hiện thực giữa đời. Nàng có thật và nàng đang trước mặt tôi, như vừa bước ra từ cảnh tượng tiền đưa dưới giàn hoa ti gôn tôi từng đào sâu chôn kín tận đáy tiềm thức suốt chín năm nay. Lắng nghe tiếng nàng thở diu diu, Joseph cảm thấy trong lòng lại rộn ràng niềm thương yêu chan chứa và bùng lên nỗi đam mê ngất ngây của những ngày bên nhau ở Huế. Và bỗng dưng Joseph biết ra, dù sai trái mặc lòng, rằng anh đã và sẽ chẳng bao giờ yêu Tempe với một tình yêu mãnh liệt như thế này. Tim anh thất lại với cảm

giác khắc khoải khi Lan bắt đầu tỉnh giấc. Và cuối cùng, mắt nàng hé mở, đầu xoay về hướng có anh, mặt không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào.

Nàng nói thật êm bằng tiếng Pháp:

- Joseph ạ, lý ra anh đừng đến.

Nghe gọi tên mình, tim Joseph chơi vơi. Chúi đầu về phía nàng, anh nói:

- Lan ạ, anh biết. Anh xin lỗi đã không tôn trọng nguyện vọng của mẹ em. Nhưng anh phải nhìn thấy em thêm một lần nữa. Em có quả thật đang bình phục hẳn?

Lan lẳng đàng gật đầu và mắt còn chớp chờn ngái ngủ:

- Joseph ạ, chúng ta chẳng còn gì nói với nhau. Phải để mọi sự đã qua ở yên trong quá khứ.

- Nhưng mẹ em nói rằng anh làm cho em ra bất hạnh. Anh không hiểu mẹ em nói như vậy là có ý gì.

Dần dà lấy lại đầy đủ tỉnh táo, đôi mắt Lan mở lớn với vẻ e dè:

- Hôm qua mẹ có nói với em là anh vừa trở lại Sài Gòn. Em biết mẹ cấm anh tới thăm em. Không hiểu sao vừa rồi, trước lúc tỉnh giấc, em mơ thấy anh đến đây.

- Nhưng Lan ạ, mẹ em nói vậy là có ý gì? Làm sao anh lại gây bất hạnh cho em?

- Mẹ nghĩ là anh hiểu. Mẹ tưởng rằng sau khi anh rời Sài Gòn em có viết thư kể cho anh nghe.

Joseph thắc mắc nhìn nàng chằm chặp:

- Kể cho anh cái gì?

Ánh mắt Lan hạ xuống, dăm chiêu. Các đầu ngón tay nàng bắt đầu mơ hồ xoắn nhẹ khăn trải giường. Sau một lúc, Joseph thấy khoe miệng nàng run rẩy. Anh dịu dàng thúc giục:

- Lan, em nói đi. Kể cho anh nghe về cái gì?

- Kể rằng em có con với anh.

Joseph dội ngược, sừng người. Trong một phút, anh nhìn Lan chăm chặp, không mở nổi miệng. Kể đó anh rướn mình tới, đầu ngón tay anh chạm dịu dàng lên lưng bàn tay nàng.

- Lan ạ, giá như lúc đó em viết cho anh biết...

Nàng vội vàng lắc đầu thật nhanh, không nhìn Joseph:

- Lúc đó, nếu anh biết, hẳn mọi sự còn tệ hại thêm.

Trong một chốc, Joseph nhắm mắt lại:

- Nó là trai hay gái?

- Một bé gái rất xinh. Em đặt tên nó là Tuyết.

Nói xong lời đó, Lan ngược nhìn Joseph, đôi mắt ướn sùng:

- Không ai biết nó chào đời. Ngày đó, em đi khỏi nhà. Một năm sau, em thành hôn với Paul Devraux để làm vừa lòng cha. Paul và em có một con trai.

- Nhưng lúc này Tuyết ở đâu?

- Nó được một người giúp việc của mẹ em nuôi như con - đó là chị người làm từng đưa anh ra cửa hôm anh chào về Mỹ.

Joseph nồn nóng hỏi:

- Như vậy nó ở đây, tại Sài Gòn này sao?

Lan lẹ làng lắc đầu và nhìn ra khung cửa sổ:

- Không. Mẹ nhất định không cho chị ấy và Tuyết ở trong nhà. Cả hai về sống tại làng chánh quán của mẹ em ở mạn bắc Trung kỳ. Về sau chị ấy lập gia đình và rồi cũng có mấy đứa con.

Joseph đứng lên, bồi hồi đi tới đi lui trong không gian chật chội của căn phòng điều dưỡng nhỏ bé, lòng quặn quai vì biết được chuyện oan nghiệt ấy. Rồi anh dừng bước, ngồi xuống ghế:

- Từ lúc sinh Tuyết tới nay em có gặp nó không?

Lan cắn môi, gật đầu:

- Có. Mẹ em chấp nhận lời em xin, mỗi năm đi với em về quê một lần. Ban đầu thì với lý do về thăm viếng nơi sinh thành của ông bà bên ngoại. Mẹ đi mà miễn cưỡng. Chính em là người có ý kiến nên giữ Tuyết ở quê ngoại để em dễ liên lạc và có thể theo dõi việc nuôi dưỡng nó. Nhưng mỗi lần em đi, chỉ gặp được nó một hai ngày.

- Hiện nay con bé vẫn sống ở ngoài đó?

Lan có vẻ đau đớn:

- Em không chắc. Suốt năm năm nay, kể từ khi người Nhật tới đây, em không đi ra ngoài đó được nữa.

- Tuyết...

Joseph nhắc lại với mình cái tên đó với tiếng

thì thâm rối loạn và đưa mắt ngơ ngẩn nhìn Lan. Rồi như trong lòng có con sóng dịu dàng và thương yêu vỗ tràn bờ, anh rướn mình tới, nắm bàn tay nàng:

- Lan ạ, anh quả thật có lỗi với em. Nếu biết được sự thật như thế, anh đã trở lại Sài Gòn ngay lúc đó. Em biết mà, lúc đó, anh rất ao ước được lấy em làm vợ. Anh có nằm mơ cũng không tưởng tượng nổi chuyện lại xảy ra như thế này.

Trong một lúc Lan để yên bàn tay mình trong lòng tay nắm chặt của Joseph. Nước mắt nàng trào ra, chảy xuống má:

- Nếu em không vừa nằm mơ thấy anh em đã không kể cho anh nghe.

- Nhưng Lan ạ, theo em, lúc này mình có thể làm được gì?

Lan rút tay về, đưa lên má chấm nước mắt:

- Joseph, chúng ta chẳng làm được gì cả. Cũng chẳng có gì để nói thêm. Anh phải đi ngay và đừng tính tới chuyện ghé thăm em nữa.

Joseph bắt đầu tuyệt vọng:

- Nhưng Lan ạ, chúng ta chẳng thể làm như chưa hề xảy ra chuyện gì...

Anh ngưng bật và rút mình lại khi nghe có tiếng chân bước rất vội ngoài hành lang. Chỉ mấy giây sau, một người Âu cao lớn, quần áo xác xơ, ào vô phòng. Phải mất một hai giây Joseph mới nhận ra người đó là Paul Devraux. Trên người Paul chỉ còn đồ trần bạc thếch bị

buộc phải mặc trong suốt sáu tháng làm tù binh; người Nhật đã lột hết cầu vai đeo cấp bậc và mọi phù hiệu. Mặt Paul xám xanh, hốc hác và phờ phạc. Joseph lập tức đứng dậy, tránh ra xa giường. Chưa kịp nhìn về phía Joseph, người sĩ quan Pháp vội vàng quì xuống nắm lấy tay vợ:

- Lan ơi, em không sao chứ?

Paul vừa nhìn chăm chặp về mặt của vợ vừa sôi nổi nâng bàn tay nàng lên áp môi mình:

- Anh vừa về tới nhà, được cha mẹ nói cho biết em bị thương hôm biểu tình bạo loạn.

- Em bị không nặng lắm, nay gần như khỏi hẳn rồi. Lan nói, giọng thì trầm hầu như không nghe nổi. Rõ ràng nàng đang thu mình lại.

Paul đưa tay chạm vào má vợ, cử chỉ âu yếm và đầy thương cảm. Về mặt bờ phờ của Paul dịu lại thành một nụ cười tươi tắn. Anh vẫn quì, nhìn nàng rất ân cần:

- Anh vui lắm. Vừa rồi anh lo cho em quá.

Đau nhói trước cảnh Paul và Lan đoàn tụ, đồng thời cảm thấy sự có mặt của mình chỉ làm Lan bứt rứt khó xử, Joseph rón rén nhắc chân tính đi thật êm ra khỏi phòng. Nhưng thỉnh linh, Paul đứng bật dậy, lẹ làng xoay người lại, toét miệng ra cười tới tận mang tai:

- Đứng lại, anh bạn Joseph! Mẹ của Lan có kể với tôi rằng “Người Mỹ đa tình” đã trở lại Sài Gòn, làm đại úy OSS.

Joseph chưa kịp chia tay, Paul đã nồng nhiệt chụp hai vai của bạn, rồi xúc động mừng rỡ dang hai tay ôm chầm bạn và cười lớn:

- Nhưng bà ấy không nói cho tôi biết rằng trong khi tôi ở trong tù thì ở đây, anh đang tính cuỗm vợ của tôi!

Joseph bàng hoàng ngó sừng Paul nhưng người Pháp vui sướng quá vì mới được sống lại đời tự do, nói oang oang với Joseph câu đùa giỡn sống sượng và đầy tổn thương ấy. Anh mở miệng, tránh ánh mắt Paul:

- Tôi tới đây để xem thử mình có giúp được gì không. Mọi sự ở Sài Gòn có vẻ khá tệ hại.

Paul hào hứng vỗ vai người Mỹ lần nữa:

- Đừng lo, Joseph. Rồi mọi sự sẽ đâu vào đó ngay! Người Anh vừa thả trung đoàn của tôi ra. Giữa anh với tôi, tôi nói thật, rồi anh thấy chúng tôi sẽ đặt mọi sự trong tầm kiểm soát của mình mà chẳng mất bao nhiêu thời gian.

Nhìn kỹ bộ mặt vô tư và hớn hờ của bạn, Joseph lại cảm thấy ngoài tình bằng hữu rất rào, lòng anh còn cảm phục viên sĩ quan Pháp kiên cường này, kẻ rõ ràng đã chịu rất nhiều khổ đốn dưới bàn tay của người Nhật trong thời gian bị họ giam giữ. Nhưng giờ đây, tâm trí của Joseph vẫn đang thẩm thía và vật vã quần quai với sự thật kinh khủng Lan vừa tiết lộ, nên phải mất mấy giây anh mới hiểu thấu những gì Paul có ý nói:

- Có phải anh vừa nói rằng các anh và người Anh sắp sửa đập tan chính quyền Việt Minh bằng sức mạnh vũ khí?

Paul gật đầu:

- Joseph ạ, thật quá đáng khi gọi cái đó là chính quyền.

Người Mỹ nói một cách nghiêm chỉnh:

- Nhưng dân chúng ủng hộ Việt Minh. Tôi đã ở miền Bắc chung với các lãnh tụ của họ. Nếu anh từng chứng kiến những gì tôi đã chứng kiến, hẳn anh sẽ cảm thấy cách khác. Họ muốn điều đình – nhưng họ sẽ chống cự bằng tất cả mọi thứ họ có nếu các anh tấn công họ.

Paul ngồi xuống bên Lan, trên giường bệnh, và lại nắm tay vợ:

- Joseph này, ở đây chúng ta không có thì giờ tranh luận chính trị. Tôi nghĩ anh biết rất rõ cảm nghĩ của tôi đối với xứ sở này. Theo như tôi thấy cho tới nay, Ủy ban Việt Minh Nam bộ hầu hết là đảng viên cộng sản trung thành với Mát-cơ-va. Tôi cũng như anh, chúng ta đều rất muốn cho dân chúng ở đây một ngày nào đó có độc lập – nhưng không phải tiến hành theo cách như thế này.

- Paul, tôi xin lỗi, bỏ qua cho tôi! Chuyện đó tôi thấy mình đường đột quá. Tôi rất vui vì những ngày gian nan của anh đã chấm dứt và anh đã vượt qua với tinh thần cực kỳ phấn chấn. Joseph nồng nhiệt bắt tay viên sĩ quan Pháp thêm lần nữa và mỉm cười rất nhanh với Lan:

- Hãy cứ hy vọng hết thảy chúng ta sẽ có lúc quây quần bên nhau khi mọi sự đã trở nên tốt lành.

Trở lại đằng sau tay lái xe díp, Joseph cho xe chạy với tâm thần choáng váng mê mụ. Thoạt đầu, anh không còn lòng dạ để ý tới các nhóm tù binh Pháp của Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một vừa được phóng thích, đang lang thang trên đường phố trong giờ giới nghiêm.

Sự kiện gặp lại Lan sau những năm tháng dài dang dặc và việc biết ra nàng đã sinh cho mình một đứa con, khiến lòng Joseph thoát đầu vui sướng ngây ngất như điên như dại. Nhưng kể đó, hình ảnh Paul bắt ngờ đi vào, xơ xác trong bộ đồ tù bạc théch làm anh choáng váng. Tình trạng gian khổ đánh rành mà người sĩ quan Pháp ấy đã chịu khi bị giam cầm làm Joseph càng lúc càng cảm thấy mình thật tồi tệ vì giấu không nói cho Paul biết sự thật. Suốt một lúc, tâm trí anh tràn ngập những cảm giác trái ngược nhau tới độ anh không thể nghĩ tới điều gì khác.

Trong mấy phút đồng hồ, Joseph lái xe lang thang vô định qua những con đường trung tâm thành phố, cho tới khi anh bắt đầu để ý cách riêng tới các quân nhân Pháp vừa ra khỏi trại giam. Cũng giống như Paul, quân phục họ tả tơi, không cấp bậc, chẳng phù hiệu với bộ đồ trận ngày trước đã biến thành bộ đồ tù suốt mấy tháng vừa qua.

Joseph nhìn theo hướng có tiếng ẩu đả và thấy một nhóm người đứng lúp xúp, mang súng trường .303 mới toanh của Anh. Thoạt nhìn, đám lính ấy có vẻ như đang chuyện trò lớn tiếng và rất hào hứng, nhưng kể đó, anh sùng sốt khi thấy ngay chính giữa bọn họ có một người Việt Nam nằm quần quai. Và anh nhận ra rằng bọn họ đang tấn công bất cứ người Việt Nam nào tình cờ đi ngang.

Joseph đột nhiên nhớ ra rằng suốt hơn một tháng nay, kể từ lúc quân Nhật đầu hàng, hầu hết tù nhân Pháp đều do các cai tù Việt Minh giám thị. Lúc này, trong khoảnh khắc đầu tiên say máu tự do, họ sẵn sàng đâm đá vô tội vạ bất cứ người nào có diện mạo giống những kẻ vừa mới hành hạ họ.

Tại đại lộ Catinat, Joseph thấy sáu lính Pháp đập tan tành tấm bảng ghi tên đường “Công Xã Paris” rồi dùng cột cắm bảng tên làm gậy đánh gục một thanh niên Việt Nam đang hốt hoảng. Trên đường về bộ chỉ huy OSS, anh thấy có hơn một chục thường dân Việt Nam bị lính Pháp mới ra tù dùng báng súng nện tàn bạo.

Rồi khi bóng đêm phủ khắp thành phố, thường dân Pháp lại dò dẫm bước ra đường và chính bản thân họ, được giải toả sau nhiều tuần lễ hoảng sợ, bắt đầu tiếp tay với lính tráng để hành hạ người Việt Nam nào chẳng may bị họ tóm được trên đường họ đi.

- 17 -

Trong khi trời chưa rạng sáng ngày Chúa nhật 23 tháng Chín năm 1945, thiếu tá Paul Devraux thì thầm ra lệnh cho binh sĩ trong phân đội khẩn trương xuất phát theo mình, rồi anh bắt đầu nhắm hướng đông, lom khom chạy dọc các bồn cây long nảo trên lễ Đại lộ Lura. Trong tình trạng sẵn sàng đụng độ, các quân nhân chạy đằng sau Paul hoàn toàn giống hệt cấp chỉ huy của mình: y phục rần rện và mặt người nào cũng bôi lem luốc mấy vệt sơn đen. Tay phải nắm chặt khẩu súng lục đạn đã lên nòng, chốt an toàn bật sẵn, và trong tư thế cúi mình, Paul im lặng di chuyển, khai thác tối đa lợi thế bóng tối còn đặc bên dưới các vòm cây. Mục tiêu tấn công là Hôtel de Ville - Toà Thị chính cũ - trụ sở của Ủy ban Hành chánh Nam bộ. Cùng thời điểm ấy, khắp Sài Gòn, các phân đội khác tổng cộng một ngàn năm trăm binh sĩ Pháp mới được vội vã tập hợp đêm qua, cũng bắt đầu xuất phát, nhằm chiếm lĩnh nhanh gọn các đồn cảnh sát, trạm bưu chính, kho tàng, và bản doanh trước đây của Sở Liêm Phóng.

Lực lượng Pháp được đặt dưới quyền tổng chỉ huy của đại tá Jean Cédile - “Cao Ủy” của tướng De Gaulle - kẻ vừa nhảy dù xuống một thửa ruộng lấy lợi bên ngoài Sài Gòn vào cuối tháng Tám. Mục đích tối hậu của Pháp là lấy lại quyền kiểm soát Nam Việt Nam từ trong tay

Việt Minh, bằng một cú đảo chánh quân sự lẹ như chớp.

Trong số các chiến sĩ âm thầm chạy lúp xúp đằng sau Paul có một trăm lính dù thiện chiến cùng nhảy xuống một lượt với Cédile. Lúc cánh dù vừa chạm đất, hết thảy đều bị lính Nhật vây bắt tại chỗ. Nhưng sau cùng, họ được quân Anh phóng thích cách đây mười hai tiếng đồng hồ, cùng một lượt với một ngàn bốn trăm quân nhân thuộc Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một.

Paul hiểu rất rõ rằng vì bị nhốt trong chuồng trại suốt sáu tháng nay và bị đối xử như súc vật – ban đầu bởi lính Nhật rồi tiếp đó bởi giám thị Việt Minh – nên các binh sĩ Pháp lúc này cực kỳ khích động và đều nổi máu hiếu sát. Cũng như Joseph, tối qua, Paul kinh hoàng trước cảnh tượng binh lính và thường dân Pháp tập kích những người Việt Nam vô tội trên đường phố. Vì thế, sáng nay, tại điểm tập trung dưới chân tường pháo đài cũ Vauban trong thành phố, anh nghiêm khắc ra lệnh và giải thích rành mạch cho binh lính thuộc quyền mình phải tránh mọi hành động trả thù đẫm máu. Nhưng dù hăm dọa toàn thể đơn vị rằng sẽ đưa ra toà án binh bất cứ kẻ nào vi phạm lệnh ấy, Paul có cảm tưởng lính chỉ miễn cưỡng nghe anh nói; lòng họ vẫn chưa nguôi buốt nhói bởi những sỉ nhục phải chịu suốt những ngày dài tù ngục.

Tới ngã tư Đường La Grandière và Đại lộ Lure, Paul ra lệnh cho lính dừng lại, nép vào mé tường cao trong khi anh dò xét con đường trước mặt để bảo đảm không có chương ngại vật. Paul đưa mắt liếc thật lẹ Quân Y Viện Đồn Đất. Quang cảnh khu bệnh viện với mấy dãy nhà có hàng hiên bao quanh làm anh bất chợt thoáng tự hỏi không biết nơi căn phòng điều dưỡng ở trong ấy giờ này vợ mình còn ngủ hay đã thức. Hít vào một hơi, Paul vẫy người của mình vọt thật lẹ qua đại lộ, tiếp tục chạy tới. Ngay lúc đó, anh bỗng nhận ra rằng trong giờ vào trận, đối mặt với những cạm bẫy vô lường, sao mình lại quá đổi dao động với những cảm xúc riêng tư.

Đúng khoảnh khắc sắp chạm trán với dân quân Việt Minh, lòng tự tin quả quyết hôm qua của Paul giờ đây bị vây bủa bởi bứt rứt và nghi ngại. Anh nhớ lại vẻ mặt trang trọng của Joseph khi người bạn Mỹ nói tới những cuộc biểu tình rầm rộ của dân chúng ở phương bắc từng bùng ủng hộ Việt Minh, diễn ra ngay trước mắt anh ta. Và Paul tự hỏi biết đâu lúc này, có thể mình đang phản bội những thiên hướng trước đây của mình.

Thuở niên thiếu, việc chứng kiến những cách thức đối xử của thế hệ cha ông đã làm cay đắng mối liên hệ giữa nước Pháp của mình với người An Nam trong bao nhiêu năm trời, khiến Paul quyết định rất sớm rằng mình sẽ không bao giờ lặp lại các lỗi lầm ấy. Rồi sau đó, những xúc

động trước cái chết thảm khốc của cha trong bàn tay những kẻ sát nhân người An Nam lại làm căng thẳng mối quan hệ giữa anh với người bản xứ. Còn một điều nữa anh không dám chắc vì cảm thấy nó quá hụt hẫng. Biết đâu chính nỗi khắc khoải muốn đền bù cho sự vô tình của thế hệ cha ông ấy lại, một cách vô thức, đóng vai trò trong việc anh quyết định kết hôn với Lan.

Dù yêu thương vô hạn Lan cùng đưa con trai của hai người, Paul vẫn nhận ra Lan dường như lúc nào cũng giữ vẻ dè dặt đối với anh. Mối quan hệ vợ chồng thỉnh thoảng bị chững lại ở một điểm tinh tế nào đó, dù anh có cảm tưởng đôi bên đều cố gắng khắc phục nhưng cả anh lẫn Lan chỉ có thể lướt qua nó, không thể làm tan biến nó. Cứ thế, thỉnh thoảng anh lục lại cội lòng mình và cay đắng tự hỏi phải chăng mình đã lập một quyết định không thể nào thực hiện. Lúc này, với hậu quả cuộc thế chiến, dân chúng An Nam đã ra khỏi tình trạng bi thảm và lần đầu tiên từ gần một thế kỷ nay, họ nắm quyền kiểm soát vận mệnh của mình. Còn chính anh lại là người sắp đập gãy vòng tay mong manh ôm bọc lập tự do của họ và đẩy họ thêm lần nữa trở lại làm người dân của một xứ sở nô lệ cho đám tây thực dân. Phải chăng hành động này của anh đang làm cho những gì anh từng tin tưởng trong quá khứ trở thành vô nghĩa trong hiện tại?

Xa xa, đằng cuối Đại lộ Charner, mặt tiền Toà Thị chính với hàng cột nổi chống thẳng lên tận mái hiện lơ mờ trong tầm nhìn. Khi ánh mắt Paul bắt gặp các dân quân Việt Minh áo quần xộc xệch đang đứng gác bên ngoài những khung cửa sổ sáng ánh điện, lòng anh se lại. Chắc chắn đây không đúng cách thức lý ra phải xảy tới! Phải chăng vì chủ trương của nhiều người An Nam muốn để huê với Pháp lẫn lợi ích của những người trung thành với Pháp khiến những người Pháp có danh dự phải gánh vác nhiệm vụ trao cho xứ sở chậm tiến này một điểm khởi hành tốt hơn điểm xuất phát hiện nay của Việt Minh. Để từ đó, dân chúng An Nam được bảo hộ, bước từng bước hòa bình và ổn định trên con đường dẫn đến một nền tự do dân chủ chân chính? Phải chăng, dưới sự kiểm soát của Việt Minh, nền bảo hộ của Pháp sẽ bị thay thế bằng một cái gì đó sắt máu và tệ hại hơn, đó là sự khống chế của Mát-cơ-va qua Cộng sản Quốc tế Đệ tam? Câu hỏi ấy làm Paul đột nhiên và nhanh chóng lấy lại lòng tự tin rằng mình đang chọn lựa đúng. Anh đưa tay vẫy binh sĩ tiến vào con hẻm nhỏ cặp bên hông trụ sở của Việt Minh. Tâm trí Paul lại tập trung vào việc điều động sao cho thuộc cấp áp sát mục tiêu mà không bị phát hiện.

Lực lượng đột kích của Pháp không biết rằng hầu hết các ủy viên của Ủy ban Hành

chánh Nam bộ đã rời Tòa Thị chính. Lúc mới chấp chánh, họ dùng Dinh Toàn quyền Đông Dương làm trụ sở cho guồng máy chính quyền cách mạng mới thành lập; sau đó, tướng Gracey buộc họ phải dời qua Tòa Thị chính. Công tác ngày càng nhiều và tình hình khẩn trương hiện nay khiến họ có mặt suốt ngày đêm tại đây, gần như không thiếu người nào. Nhưng tối hôm qua, dự tính tiến công bằng quân sự của Pháp không lọt khỏi tai mắt mạng lưới đặc vụ cảnh báo của người Việt Nam. Để bảo toàn lực lượng, các ủy viên – trừ một người – đều nương theo bóng đêm thoát về nhà mình. Ngô Văn Lộc tình nguyện làm người ở lại vì anh không có bà con ruột thịt nào ở Sài Gòn, nhưng động cơ chính là ngừa trước việc người Pháp có thể viện cớ rằng sự kiện không một ủy viên nào có mặt tại Tòa Thị chính chứng tỏ Ủy ban Nam bộ đã bỏ phế guồng máy hành chính, có nghĩa là từ bỏ quyền cai trị Sài Gòn.

Trời sắp rạng sáng. Lộc nằm lơ mơ ngủ trong chiếc giường bố trên rầm thượng vắng vẻ, ngay dưới tháp chuông đồng hồ dùng làm chóp đỉnh của toà nhà thị chính già gần trăm tuổi; mặt tiền được trang trí bằng hàng chục phù điêu lấy sự tích từ thần thoại Hy Lạp và La Mã. Sát bên giường, trên sàn nhà, anh để sẵn một khẩu tiểu liên tự động báng ngắn, lấy cấp của quân Nhật. Trên chiếc ghế cạnh cửa ra vào, một dân quân

Việt Minh trẻ tuổi, cận vệ của Lộc, ngồi ngủ gà ngủ gật, trên đùi gác khẩu súng cùng loại.

Cả ông thấy lẫn đệ tử đều giật mình choàng tỉnh khi nghe có tiếng súng nổ ròn ở đường phố bên dưới. Tiếng thét báo động chưa kịp thoát khỏi thanh quán, cả bốn dân quân Việt Minh gác mặt tiền đã bị lính dù đốn gọn bằng súng tự động. Vài giây sau, thầy trò Lộc nghe tiếng súng nổ thật gần và tiếng chân chạy rầm rập lên các tầng trên. Lẳng tai chốc lát, Lộc ra lệnh cho cận vệ vào núp bên trong chiếc tủ lớn đựng ly tách kê ở cuối phòng. Kế đó, Lộc kiểm tra cửa rầm thượng. Hơi an tâm vì cửa tuy mỏng nhưng được khoá chặt, Lộc quay vào đứng trước mặt tủ, hờm sẵn súng thủ thế. Chầm chậm, tiếng động của lính Pháp rõ dần khi họ đi lên theo ngả cầu thang. Lộc nghe loáng thoáng một mấy câu chửi thề bằng tiếng Pháp khi thấy trong toà nhà gần như không một bóng cán bộ Việt Minh. Tiếng lục lọi các tủ hồ sơ rồi tiếng đập đổ loảng xoảng vang tới tai Lộc. Kế đó, anh nghe tiếng bước chân hối hả chạy ngoài hành lang dẫn lên rầm thượng.

Cửa bị đá tung. Hai lính dù xuất hiện, đồng loạt khai hỏa, dù chưa thấy rõ trong phòng. Lộc nhào người xuống sàn nhà tránh loạt đạn quét đường, đồng thời anh buông súng. Một lính dù đưa chân giữ yên cánh cửa rồi cả hai bước hẳn vào phòng, hè nhau chia súng lên người Lộc.

Cùng với viên thiếu tá đi theo họ, những bệt sơn trên mặt lem luốc như nhọ nổi tạo cho cả ba cái vẻ quái đản trong khung cảnh râm thượng tranh tối tranh sáng.

Gã lính dù đứng gần nhất tung giày, đá một cú ác liệt nhắm thẳng mặt Lộc. Anh vạy người cố né nhưng không kịp. Mũi giày quất thẳng giữa trán làm Lộc choáng váng mặt mày. Trong mơ hồ, anh nghe tiếng Paul Devraux giận dữ, quát lính lui ra.

Vừa quì xuống một bên Lộc, Paul nhận ra ngay người “bồi” trại săn của cha mình thuở nào. Anh nói thật lẹ:

- Lộc ơi, tôi đây, Paul đây!

Cúi mình và luồn tay dưới hai vai còm còi của Lộc, Paul nâng anh ngồi lên rồi lớn tiếng gọi quân y. Lính cứu thương vừa từ cầu thang vọt lên còn thở hổn hển, Paul liền chụp xác cứu thương, lấy miếng băng cấp cứu tẩm sẵn thuốc khử trùng ấn thật chặt lên lần nứt dài và sâu đang ứa máu trên trán Lộc, chỗ mũi giày chọc trúng. Máu tạm cầm, Paul để miếng băng qua một bên và thở ra, nói như nghẹn:

- Anh Lộc, tôi xin lỗi đã xảy ra chuyện như thế này.

Lộc quắc mắt nhìn Paul, không nói một tiếng. Da mặt Lộc tím lại thành chiếc mặt nạ đắp bằng hận thù và kinh tởm. Lộc hít vào một hơi thật sâu, có vẻ như đang gom hết sức lực để

mở miệng nói một câu gì đó. Nhưng đột nhiên anh đổi ý, nhổ toẹt một bãi nước bọt bay thẳng vào chính giữa mặt Paul. Viên sĩ quan Pháp đội người lui, đưa tay áo lên chấm chậm quệt má. Anh nhún vai và nói, giọng rầu rĩ:

- Lộc ạ, anh đừng nên qui lỗi cho hết thầy người Pháp vì hành vi của một thiếu số. Tới một ngày nào đó, các anh sẽ được trao trả độc lập – nhưng cái đó đòi hỏi thời gian.

Diên tiết trợn con mắt đầy gân máu nhìn quanh rồi ngó trùng trùng gã lính dù vẫn đứng kèm súng tiểu liên chia thẳng vào đầu mình, Lộc xoay người lại quát thẳng vào mặt Paul:

- Lão khoét. Nhân dân tao căm thù bọn Tây chúng mày vô hạn. Mày sẽ thấy. Tụi tao quyết chiến đấu giành độc lập tự do cho tới hơi thở cuối cùng.

Kinh hoàng bởi hận thù ngàn ngút trong hai con mắt của người Việt Nam, Paul đứng lên chậm chậm, cảm thấy tức ngực và tuyệt vọng. Anh quay lưng sắp bỏ đi bỗng nghe từ dưới sàn vang lên tiếng thét ra lệnh bằng tiếng bản xứ:

- Giết! Giết thằng quan tư! Ngoài mắt lui, Paul thấy cửa tủ ly tách nơi cuối phòng bật tung. Trong chớp mắt, khẩu tiểu liên báng ngắn của người dân quân trẻ khạc lửa. Paul cảm thấy đầu đạn trúng lỗ chỗ trên lưng mình, sức dội làm người anh xoáy vòng rồi hất anh văng tới đằng kia phòng. Loạt đạn ấy chưa dứt tiếng nổ, hai

lính dù đã khai hỏa. Thân thể gầy gò của người thanh niên Việt Nam bị hơn một chục đầu đạn cắm phập vào. Kể đó, lính dù quay mũi súng sang Lộc, bắn và tiếp tục bắn vào ngực vào đầu anh cho tới khi hai chân hai tay của Lộc không còn co giật, và anh nằm lịm chết trong vũng lai láng máu của chính mình.

- 18 -

Trung úy David Hawke quành tay lái chiếc díp OSS sang phải rồi quặt trái, phóng xe chạy ngoằn ngoèo qua một ô phố đổ nát trên Đại lộ Catinat. Tiếng đạn súng cối nghe như giả gạo cùng tiếng đại liên đột ngột vang lên tạch tạch cách con đường chiếc xe vừa lao ra năm chục thước, báo cho Joseph và Hawke biết cả hai hầu như đang lọt vào khu vực đạn độ giữa một trung đội thuộc Đệ nhất Khinh binh đoàn Népal và một lực lượng đông đảo dân quân Việt Nam.

Những binh lính Népal nhỏ thó, da ngăm ngăm đen, đang ra sức đánh chiếm Đại lộ Galliéni, một đường phố ngang qua ga xe lửa gần chợ Bến Thành, chạy thẳng hướng nam vào Chợ Lớn. Nhưng dân quân vừa bị xua khỏi khu vực này liền lẹ làng xuất hiện và tức khắc lập nút chặn ở khu vực khác. Joseph nghe xa xa có tiếng nổ ầm ỹ của đại bác bắn đạn nặng hai mươi lăm cân Anh. Thình thoảng anh thấy có mấy chiếc máy bay một động cơ loại Spitfire

và Mosquito mang quân huy đỏ, trắng và xanh của Không lực Hoàng gia Anh, găm rú lướt thật thấp, xạ kích một ổ đề kháng của Việt Nam.

Hôm đó 27 tháng Chín. Những cuộc tiến công điên cuồng và phóng ra từ khắp hướng của dân quân Việt Nam ở chính giữa trung tâm Sài Gòn đã sang ngày thứ tư. Các toán dân quân nguy trang xâm nhập những cơ sở trọng yếu nội thành, ra sức gia tăng những cuộc tập kích chớp nhoáng vào các bộ chỉ huy quân Anh và quân Pháp. Ba ngàn lính Anh chịu sức ép nặng nề phải cùng với đám lính Nhật bị lừa ra tham chiến, cố sức chặn đứng cuộc tiến công của Việt Nam. Phía bên kia, các dân quân chúng tỏ cho thấy họ là đối thủ rất khéo xoay xở và rất giỏi lẩn tránh. Giờ đây, họ không chỉ là những thanh niên mới gia nhập hàng ngũ Việt Minh và tập đoàn Bình Xuyên nữa, mà còn đông đảo gấp bội. Họ gồm các các toán quân tự lập và tự lực của lực lượng vũ trang của các giáo phái, các đảng phái chính trị dân tộc chủ nghĩa, cùng Việt Minh mặc nhiên liên thủ với nhau.

Thấy một loạt đạn bắn ra từ một toán quân du kích núp đầu đó nổ ran, phá vỡ rỗ bức tường của một toà nhà cách mười thước trước mặt, Joseph kéo sụp mũ sắt xuống ngang mi mắt, miệng lăm bầm chửi thề và hụp người xuống phía dưới bùng chấn bùm. Quành xe vọt ra khỏi tuyến lửa và phóng thẳng tới công viên trước mặt nhà ga, Hawke lăm bầm giận dữ:

- Qui cắt ma theo hai hòn của lão Gracey đem mà làm thịt nướng! Lão nghĩ lão là thứ người gì chớ? “Chỉ có xe limousine của sĩ quan chỉ huy Anh mới được quyền cấm cò”! Nếu lá cò Sao Sọc được phép cấm trên chiếc xe díp khốn nạn này chắc chắn bọn bản xứ hung hăng sẽ thổi nổ súng vào chúng ta. Tôi có nên kiếm một lá cò Mỹ không đại úy?

Tiếp tục giữ mắt nhìn dè chừng con đường trước mặt, Joseph trả lời:

- Không thì tốt hơn. Lúc này người Anh đủ điên tiết để đưa chúng ta ra toà án binh vì tội bất phục tùng nếu chúng ta không làm đúng theo mệnh lệnh của họ.

Hawke miễn cưỡng gật đầu đồng ý. Suốt bốn ngày qua kể từ cú đảo chánh của người Pháp, cả hai quan sát với cảm giác giận dữ và thất vọng càng lúc càng tăng vì thành phố Sài Gòn bị nhận chìm trong các cuộc đụng độ. Sáng sớm Chúa Nhật, sau khi bị đánh thức bởi tiếng súng nổ liên tục, Joseph và Hawke lái xe vào trung tâm thành phố và thấy cờ tam tài của Pháp bay phất phới trên cột cờ Toà Thị chính, Dinh Toàn quyền cùng tất cả các công thự khác.

Rồi suốt hôm đó, cả hai chứng kiến những hoạt cảnh kinh tởm, y hệt họ đã thấy trong đêm trước đó, nhưng với mức độ rộng lớn hơn nhiều. Thấy Toà Thị chính vắng vẻ, lính Pháp bắt đầu lùng sục hết nhà này sang nhà khác. Vô số người Việt Nam bị đánh đập tàn nhẫn trên

đường phố hoặc bị bắt giải bộ tới nhà giam, hai tay trói chặt, trong khi đó, lòng uất hận lâu ngày của binh lính và thường dân Pháp bùng nổ thành cơn thèm khát trả thù điên dại.

Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, người Việt Nam bị sỉ nhục lập tức trả đũa. Họ tuyên bố đình công bãi thị toàn diện và chĩa mũi dùi tiến công rất kiến hiệu của mình vào nhà máy điện và nhà máy nước. Những ngôi chợ chính trong trung tâm thành phố rực cháy. Khắp các đường phố dựng đầy chướng ngại vật. Chỉ nội một đêm, Sài Gòn trở thành một khu đất cô lập, không điện và không nước.

Trong tình trạng hoang mang và hỗn loạn đó, đồ đảng Bình Xuyên tung ra một cuộc tàn sát ghê rợn các viên chức dân sự Pháp cùng gia đình họ, tại một khu vực Sài Gòn đang được giao cho lính Nhật canh gác. Đêm ấy tàn bạo và man rợ tới cùng. Gần hai trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em bị đâm chém tới chết và bị hành hạ ngay trên giường ngủ. Hai trăm người khác bị bắt đem đi làm con tin. Sáng hôm sau, Joseph và Hawke chứng kiến hàng ngàn thường dân Pháp ào vào khách sạn Continental, lúc này trở thành một pháo đài cứ điểm. Tại đó, các tây thuộc địa và gia đình sống lẫn lộn trên sàn hành lang và các phòng sinh hoạt công cộng trong khi chung quanh họ, trên các đường phố bên ngoài, chiến cuộc mỗi giờ một dữ dội.

Kinh hoàng vì sự xoay chuyển của các biến cố, chỉ hai mươi bốn giờ sau khi phóng thích các quân nhân Pháp, tướng Gracey ra lệnh phong tỏa họ lại trong doanh trại, đồng thời bắt giữ Bá tước Thống chế Terauchi, tư lệnh quân Nhật. Sau khi hăm dọa truy tố Bá tước như một tội phạm chiến tranh, Gracey ra lệnh cho vị tư lệnh quân Nhật ấy phải lập tức lùa binh lính của mình ra chiến tuyến đánh nhau với người Việt Nam. Từ đó, mắt của Joseph và của Hawke nhanh chóng làm quen với cảnh tượng quân Nhật võ trang đầy đủ nhào vào chiến đấu bên cạnh lính Népal của quân Anh. Trong mấy ngày đùng độ đầu tiên, lính Nhật tiếp tay giết được hơn một trăm người Việt Nam. Và Joseph choáng váng khi nghe các sĩ quan Anh ca ngợi tinh thần kỷ luật cùng khả năng tác chiến của quân Nhật, những kẻ lúc này đứng mũi chịu sào các tai biến.

Bên ngoài nhà ga, một đại đội Quân đội Thiên Hoàng Nhật đang leo lên xe tải dưới quyền điều động của một sĩ quan Anh. Thấy cảnh tượng đó, Joseph buột miệng kêu lên với vẻ mặt nhòm nòm:

- Khốn nạn! Làm sao họ có thể sống với bụng dạ yên ổn khi dùng kẻ thù để đánh lại bạn hữu của mình? Những dân sơn cước Népal nhỏ thó và gan dạ kia từng đánh chặn quân Nhật ở Miến Điện, nay cảm thấy ra sao khi khấp chung quanh

họ đẩy dầy những kẻ cách đây mới hai tháng đã giết các đồng đội thân thiết nhất của họ?

Mim miệng cười ác liệt, Hawke trả lời:

- Có lẽ tối nay đại úy sẽ có dịp hỏi họ. Cả thiếu tá, ông và tôi đều được mời dùng bữa tối với các sĩ quan của họ. Chắc chúng ta phải ngồi đưa tay lên bịt mồm bịt miệng mình lại, chứ ăn với uống cái nổi gì!

Joseph lắc đầu không tin nổi. Chàng thanh niên Boston nói thêm, phát âm nhại giọng Anh:

- Đại úy không biết sao, phải có cái gì đó lớn hơn cuộc chiến tranh thuộc địa nhỏ xíu này mới có thể làm cho người Anh thôi giữ thói phong nhã trong tập quán tiệc tùng và những bữa ăn tối tập thể.

Joseph gật đầu, cảm thấy sôi giận thêm vì sự bất lực của mình. Làm khán giả khoanh tay nhìn thành phố Sài Gòn rơi vào tình trạng hỗn độn quả là một kinh nghiệm chua xót – không chỉ vì những xúc động quá chằng chịt và rất ràng buộc của bản thân anh đối với cuộc rối loạn này. Lòng buồn thấm thía vì chứng kiến thái độ tàn bạo và đáng hổ thẹn của người Pháp, suốt mấy đêm qua anh để nguyên quân phục đi ngủ, và chỉ chập chờn từng giấc ngắn.

Bên cạnh đó, kể từ lúc gặp lại Lan, Joseph cảm thấy lòng mỗi ngày một thêm xao xuyến. Con choáng váng khi nghe nàng nói cả hai có chung một đứa con gái tám tuổi hiện sống nơi

làng quê heo hút phương bắc vẫn triển miên dày vò tâm trí anh cả ngày lẫn đêm. Joseph khắc khoải thêm ghé thăm Lan lần nữa để được nghe nàng nói thêm về Tuyết, đứa con gái bé dại và cô cút, nhưng viễn ảnh thêm lần nữa lừa dối Paul khiến lòng anh đầy mặc cảm phạm tội. Càng chứng kiến cuộc đụng độ lan rộng, Joseph thấy mình càng có thêm thiện cảm sâu xa đối với người sĩ quan Pháp ấy, kẻ để cho cuộc đời mình bị buộc chặt vào người An Nam vì những lý do vị tha.

Trong một lần ghé qua bộ tư lệnh của đại tá Cédile hồi đầu tuần, anh quần trí khi biết tin Paul bị thương ngay trong giờ phát khởi cú đảo chánh và được máy bay chở lên điều trị tại quân y viện trên Đà Lạt. Việc biết ra rằng cuộc đụng độ này đang gây nhiều tác hại sâu rộng và làm Paul bị thương trầm trọng khiến Joseph cảm thấy thêm xót xa và vừa oán ghét vừa kính tởm cung cách người Anh giải quyết cuộc khủng hoảng.

Tâm trí Joseph vảng vất những ý nghĩ đó khi anh ngồi xuống dùng bữa ăn tối tập thể với các sĩ quan Anh cao cấp bên bàn ăn cấp trung đoàn có những bộ đồ ăn bằng bạc lấp lánh, những ly tách bóng loáng và khăn trải bàn trắng tinh dẹt bằng vải lanh. Trong bữa ăn, bên vành ly rượu vang Tây Ban Nha màu nâu sóng sánh, các sĩ quan Anh rôm rả và hóm hỉnh bàn luận về

những khó khăn trong việc lần theo dấu vết của quân du kích khi họ rút lui và lẩn vào các làng mạc trong rừng bên kia ngoại biên thành phố.

Tới khi người ta mang ra món xúp đựng trong liễn có khắc phiên hiệu Sư đoàn Mười hai Ấn độ, một thiếu tá phốp pháp nêu vấn đề ấy ra lần nữa. Giọng anh ta sang sảng:

- Tôi nói với người của tôi rằng nếu thấy khó phân biệt bạn và thù thì cứ việc sử dụng tối đa lực lượng có sẵn để bảo đảm quét sạch không còn một móng địch quân nào – luôn luôn sử dụng lực lượng tối đa!

Uốn lưỡi nhắc lại mấy tiếng cuối đó với vẻ mặt khoái trá, anh ta tiếp:

- Nếu ta dùng quân số tối thiểu, chắc gì còn sống để mà kể chuyện – nhưng nếu ta dùng rất nhiều lính thì chẳng tổn thất gì lớn. Tôi nói như thế, thưa quý vị, có đúng không ạ?

Hỏi xong, anh ta cười khúc khích, nâng ly rượu chát lên nhấp một cách thú vị rồi nhìn lòng vòng chờ lời tán thưởng của mọi người. Quanh bàn ăn râm ran tiếng thăm thì nho nhỏ. Một đại tá mặt hồng hào và ngạo nghễ, đưa khăn ăn lên chấm hai bên mép bộ ria quặp màu hung:

- Hoàn toàn chính xác. Tôi còn viết cái đó vô nhật lệnh. Tôi bảo các chàng trai của tôi rằng thật hoàn toàn hợp pháp khi ta xử như kẻ thù đối với tất cả các dân địa phương mà ta tìm thấy ở bất cứ nơi nào gần hiện trường có nổ súng –

vậy đó, toàn là thứ dân cực kỳ xảo trá. Tôi phải nói rằng cái lệnh thứ hai này cũng gặt hái kết quả đúng với yêu cầu.

Viên sĩ quan ngồi bên phải của Joseph, Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis, người đối tác tình báo với anh, nhượng đôi lông mày thú vị về phía Joseph. Ông ta nói phớt tỉnh:

- Đại úy ạ, có vẻ mấy ông bạn Việt Minh thân thiết của đại úy đạt được nhiều hơn cái mà họ muốn mặc cả, đúng không? Theo như bản tường trình của anh chuyển cho chúng tôi thì họ làm ồn ào cái chuyện muốn điều đình. Nhưng với cách đọc của tôi, tôi thấy thật ra họ chỉ muốn bấm cò súng cho bùng nổ một cuộc chiến tranh kiểu cổ điển. Được thế, nó sẽ làm nổi bật vai trò của họ hơn và sẽ biến cuộc cách mạng hạng bét của họ thành có vẻ rất hiện thực. Từ giữa tháng Tám tới nay, mới vốn vẹn hơn năm tuần lễ, Việt Minh ở đây từ chỗ không ai biết đã độc chiếm sân khấu chính trị. Nhờ thế, họ chiêu dụ được nhiều thanh niên ra trận và cắt cổ mổ họng hằng trăm địch thủ người Việt của họ. Đại tá Cédile bảo đảm với tôi rằng đại đa số người An Nam ủng hộ Pháp và muốn thấy nền cai trị ổn định của người Pháp được phục hồi.

Joseph đâm đâm ngó Boyce-Lewis, không tin nổi mắt mình:

- Thưa đại tá, ông chẳng thể nào lầm lẫn hơn được nữa. Tất cả dân Việt Nam, dù có đứng

chung hàng ngũ với Việt Minh hay không, đều căm thù Pháp vì họ có lý do chính đáng, trừ một thiểu số hết sức nhỏ. Họ bị tổn thương sâu xa vì người Anh đã tiếp tay lấy đi cái mùi vị độc lập tự do mà từ một trăm năm qua, nay là lần đầu tiên họ có được. Nhưng Việt Minh là những người có đầu óc thực tế – tôi biết như vậy vì tại miền bắc tôi đã đàm đạo với Hồ Chí Minh. Ông ấy là một lãnh tụ kiên cường và ông ấy biết người Việt Nam vẫn cần tới người Pháp. Việt Minh rất muốn, cực kỳ muốn được ngồi xuống điều đình sao đó với Pháp để Pháp công nhận chủ quyền tối thượng của họ.

Boyce-Lewis mỉm cười thương hại:

- Anh bạn đồng nghiệp thân mến của tôi ơi, công nhận chính quyền Việt Minh là việc của chính trị. Anh nhớ cho rằng chúng ta chỉ là quân nhân. Như anh hẳn biết, trong cuốn thủ bản lệ luật quân đội có ghi rõ rằng “người chỉ huy đạo quân chiếm đóng xứ sở nào thì phải ra sức tuân giữ luật lệ hiện hành của xứ sở đó”. Chúng tôi có mặt ở đây là để duy trì trật tự. Cuộc cách mạng nhỏ nhít của Việt Minh gây xáo trộn cái trật tự tốt lành cũ. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đang theo khá sát cuốn thủ bản nhà binh đó. Pháp là chủ quyền tối thượng, mọi luật lệ là Pháp, thế thôi, chẳng có gì đơn giản hơn. Trả lại quyền lực cho Pháp tức là phục hồi nguyên trạng. Việt Minh của anh không do ai bỏ phiếu bầu lên cả.

Joseph hỏi lại, giọng càng lúc càng uất ức:

- Vậy dân chúng xứ sở này có bỏ phiếu bầu người Pháp lên cai trị họ không? Dù có mở hết trí tưởng tượng ra tới mấy đi nữa, cũng phải thấy rằng kể từ năm 1941, Pháp đã mất chủ quyền tối thượng ở đây. Nếu người Anh tính chuyện đi khắp thế giới để phục hồi cái thứ nguyên trạng đó thì có xoe tay ra đếm hết cả mười ngón cũng không xuể.

Boyce-Lewis cúi đầu ngó muống xúp của mình, vẩy vẩy bàn tay còn lại như tỏ ý bác bỏ lời nói của Joseph:

- Ở miệt dưới của xứ An Nam này, Việt Minh chỉ là một phong trào rất thiểu số gồm những gã bôn sê-vich hung hăng và quá khích – còn những gã khác có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa thì bị đều khích động xúi giục bởi bọn Nhật là bọn chỉ muốn gây khó khăn cho chúng tôi thôi. Đó là lý do khiến bọn lùn lấy vũ khí đem cho những gã thuộc loại như Cao Đài và Hoà Hảo.

Đột nhiên giọng điệu khinh mạn của viên đại tá Anh làm bùng sôi mọi cảm xúc bị dồn nén bấy lâu nay trong lòng Joseph. Anh đứng bật dậy, làm chiếc ghế lật ngửa, đánh sầm xuống sàn nhà. Mắt ngó xuống Boyce-Lewis, Joseph nói sôi nổi:

- Ông có nhớ Hiến chương Đại Tây Dương năm 1941 không, thưa đại tá? Không phải Churchill và Roosevelt đều đã đồng ý rằng chúng ta tôn

trọng quyền của mọi dân tộc được chọn thể chế chính trị của họ sao? Ông được phái tới đây để giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận - nhưng thay vì làm việc đó, ông lại để cho lính Nhật tiếp tục giữ nguyên vũ khí để đập tan một quốc gia nhỏ bé vì dân chúng của nó chỉ có cái tội duy nhất là muốn được độc lập tự do.

Một sự im lặng choáng váng phủ khắp các bàn tiệc. Vài sĩ quan Anh há hốc miệng, chằm chằm nhìn Joseph trong khi anh nói tiếp:

- Quý vị có từng thấy lựu đạn tay của họ làm từ vỏ đồ hộp cũ không? Quý vị có từng nhìn các mũi tên tẩm độc và gây tẩm vòng vạt nhọn của họ không? Những vũ khí đó thô sơ quá, đúng không? Nhưng chúng chứng tỏ rằng trong lòng họ, việc vứt bỏ các chủ nhân ông ngoại quốc là một cảm xúc hết sức sâu xa. Chúng ta cứ tưởng mình tham dự cuộc chiến tranh này là để bảo vệ tự do dân chủ - nhưng tất cả những gì chúng ta đang thực hiện ở đây chỉ là đặt lại cây roi chần bầy nô lệ vào lòng bàn tay của người Pháp. Đó không phải là cái quý vị nên lấy làm tự hào - trong thực tế, đó chỉ là một sự phản bội khốn kiếp hết thảy những gì nền dân chủ phương tây có hoài bão bênh vực.

Mặt tái nhợt, Joseph xoay mình bước một mạch tới cửa ra, để lại trung úy Hawke và viên thiếu tá OSS ngồi bối rối lẫn lộn giữa các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy người Anh. Trong một lúc,

khắp phòng ăn im lặng, rồi Boyce-Lewis liếc nhanh về phía viên sĩ quan cao cấp nhất hiện có mặt, một thiếu tướng gầy gò, mặt cau có:

- Trình thiếu tướng, tôi đề nghị một cách tốt nhất để ứng xử với viên đại úy trẻ tuổi và nóng giận kia. Có lẽ ta nên tuyên bố anh ta là persona non grata – người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận – và lập tức gọi anh ta lên tàu về Calcutta, ông có đồng ý không ạ? Thiếu tướng chậm chậm gật đầu rồi cầm lên ly rượu vang, trầm ngâm xoay xoay giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ:

- Tôi sẽ làm y như vậy, đại tá. Tôi sẽ làm y như vậy.

- 19 -

Sáng hôm sau, khi Joseph và Hawke tới gần Bến Thành, chợ trung tâm của Sài Gòn, cả hai thấy từ vòm mái cong bị cháy nám trên khu nhà lồng chợ khói đen còn tuôn mù mịt. Chợ bắt đầu bị đốt và bốc cháy cách đây bốn ngày nhưng vì tình trạng đùng độ xảy ra từng chập trên các đường phố chung quanh chợ nên không ai dám tính đến chuyện chữa lửa. Hawke cho xe chạy chậm chậm trên con đường hẹp bên hông ngôi chợ đang cháy và lắc đầu ngao ngán:

- Nếu chợ cứ đóng cửa mãi thế này và quân du kích tiếp tục chặn không cho đem thực phẩm vào thành phố, tôi đoán chẳng bao lâu

nữa chúng ta bắt đầu chứng kiến tình trạng đói kém ở đây, ngay tại phương nam này...

Hawke đang nói bỗng có một thằng bé người Việt mặc quần áo cũ sờn, từ đầu một con hẻm lừng thừng đi ra giữa đường, làm anh phải đạp thắng thật gấp. Viên trung úy lật đật nhảy xuống xe, vói tay chụp thằng bé và nhấc bổng lên. Nó chỉ khoảng ba bốn tuổi. Đột nhiên Joseph rướn thẳng người lên trên ghế, ngó chăm chăm thằng bé. Chỉ mấy giây sau, một người đàn bà, hình như là mẹ nó, từ một căn phố trong hẻm hốt hoảng lao ra. Bà giật thằng bé trong hai bàn tay đang lắc lắc hí hửng của chàng thanh niên Boston. Hawke cười toe toét bước trở lại xe díp và bắt gặp Joseph đang đăm đăm nhìn mình bằng tia mắt kỳ lạ, vẻ mặt rúm rỏ như đang chịu một cơn đau dữ dội. Anh lo lắng hỏi:

- Đại úy, chuyện gì vậy?

Joseph trả lời, giọng thì thào thê thảm:

- Nạn đói! Trời ơi trời, tại sao tôi lại quên lòng nạn đói!

Mặt Joseph trắng bệch, không chút sắc máu. Anh ngó không chớp mắt khoảng không trên đầu Hawke như thể viên trung úy không có ở đó. Hawke lại hỏi, phân vân:

- Đại úy có ý nói gì vậy?

- Nạn đói ở phương bắc.

Joseph nhắm mắt lại một lúc. Trong tình trạng hoang mang mấy ngày vừa qua, trí óc

anh triển miên nhớ tường và muông tượng nét mặt của đứa con gái tám tuổi anh chưa bao giờ gặp. Nhưng mãi tới lúc này, anh mới nghĩ đến cái làng quê vô danh nào đó ở phương bắc, nơi đứa bé con của anh được gởi cho người ta nuôi dưỡng. Và anh chợt nhớ rằng nó đang nằm trong khu vực có nạn chết đói hải hùng tràn lan khắp vùng châu thổ Bắc kỳ và mạn bắc Trung kỳ. Hiểu sai ý của Joseph, Hawke cười nhạo, giấy nẩy:

- Tôi không đi theo đại úy đâu!

- Lên xe ngay – lẹ lên!

Joseph vội vàng chuyển người qua ngỗi đằng sau tay lái, mặt hần nét quả quyết. Hawke ngỗi chưa ngay chỗ, anh đã nhấn ga như điên, phóng hết tốc lực về phía Nhà thương Đồn Đất. Tới trước sân bệnh viện, Joseph kềm chân thắng, bánh xe nghiêng ken két rồi chững lại. Nhảy xuống, để mặc Hawke lo liệu thủ tục trình báo, anh vượt qua mấy người gác làm họ hoảng hốt dạt qua một bên.

Joseph chạy tất tưởi theo hành lang dẫn lên phòng của Lan. Vừa tới cửa, anh thở hỗn hển, lướt qua người nữ y tá đang trực bệnh, không một lời giải thích tại sao mình có mặt. Rồi anh hốt hải thất vọng trước chiếc giường trống cùng căn phòng đã được dọn dẹp tươm tất, và vô hồn, không ánh lên chút dấu hiệu nào chứng tỏ Lan từng nằm ở đó.

Từ cửa phòng, giọng người nữ y tá vang lên nghe rõ từng tiếng:

- Thưa đại úy, bà ấy đã xuất viện ba hôm trước. Bà nói là để cùng với cả nhà kịp thời rời Sài Gòn.

Joseph chạy thẳng một mạch trở lại xe díp. Thêm lần nữa anh chụp tay lái. Với vẻ gay cấn và khẩn trương không kém lúc lái xe tới nhà thương, anh phóng xe thẳng tới cư sở của quan sứ thần. Ở đó, Joseph thấy cánh cổng sơn son hình trăng rằm bị tung khỏi bản lề, nằm trơ vơ xiêu lệch. Tim chùng xuống, anh lê chân qua mấy mảnh ván.

Chưa vô tới hiên nhà, mắt Joseph đã bắt gặp đồ đạc vất ngổn ngang trên mấy bậc thềm, chứng tỏ nhà vừa bị cướp phá. Bên trong, bàn thờ gia tiên đổ nghiêng xiêu vẹo, lư hương sơn son và những bức tượng thiếp vàng biến mất. Bộ bàn ghế kiểu đời Louis XIV nằm bẽ nát như gỗ vụn. Các bức tranh thủy mặc Tàu và An Nam cùng hoành phi đối xứng bị giật tung khỏi vách. Và ở phòng kế bên, chiếc giường lâu đời bằng gỗ cẩm lai kiểu nhà quan giờ đây âm khói, đen kịt một đầu.

Tại một phòng ngủ khác, Joseph tìm thấy vài chiếc áo dài lụa của Lan vẫn máng trên mắc áo trong một chiếc tủ sơn mài. Lòng anh bất chợt se lại với cảm giác tuyệt vọng mịt mù. Những y trang vẫn như mây này còn thoang

thoảng mùi hương nàng. Đưa tay nâng nhẹ một tà áo, Joseph cúi người vùi mặt mình trong đó. Phải mấy phút sau anh mới cất nổi chân ra khỏi phòng rồi chậm chậm, anh thất thểu bước ra đường.

- Chuyện gì diễn ra ghê gớm vậy đại úy?

Bộ mặt Hawke nhú lại với nụ cười hoang mang. Joseph để ý thấy anh ta đã ngồi ngay ngắn đằng sau tay lái xe díp. Khi Joseph đi vòng qua cửa xe bên kia, viên trung úy trẻ đưa hai tay lên trời, làm ra vẻ kinh hoàng:

- Nếu đại úy muốn, tôi sẽ đưa ông về. Dây thần kinh của tôi banh từng khúc rồi. Lúc này, tôi chỉ muốn chúng ta về tới bộ chỉ huy với thân thể còn nguyên vẹn.

Gật đầu lẳng đàng, Joseph ngồi phịch xuống bên cạnh ghế tài xế. Cả hai im lặng cho xe chạy trong vài phút, dọc theo đường Paul Blanchy, hướng về bộ chỉ huy OSS ở sân cù Phú Nhuận. Hawke lái xe với vẻ cố ý tỏ cho mọi người thấy anh đang rất thận trọng. Khi xe tới gần ụ chương ngại vật đầu tiên là một đồng cây gỗ dùng làm trụ điện, loại được người Việt Nam chặt khắp các giao lộ dẫn vào thành phố để chặn xe hơi và bao vây lương thực, Hawke giảm tốc độ xuống dưới mười lăm cây số một giờ.

Từ ngày nổ ra cú đảo chánh tới nay, nhân viên OSS đã quen lái xe ngoằn ngoèo với vận tốc của người đi bộ, lách qua các ụ chương ngại

vật bố trí theo hình chữ chi gần bán doanh của mình. Người Việt Nam lúc nào cũng vậy cho họ đi qua và rõ ràng họ biết kẻ ngồi trên xe đó là người Mỹ. Khi xe tới gần chuồng ngựa vật cuối cùng, cách toà nhà OSS đặt bán doanh chưa đầy năm trăm thước, Hawke sau cùng hết chịu nổi cơn tò mò. Anh cười nheo miệng và nói:

- Đại úy ạ, ông đã liều cái mạng ngàn vàng của ông, liều luôn cả cái mạng khốn nạn của tôi, để tới cho bằng được hai chỗ đó. Vậy ông có phiền không nếu tôi hỏi rằng ông tìm cái gì trong nhà thương và trong cái nhà bị cướp phá tan hoang ấy?

Joseph thở ra một hơi dài:

- David ạ, tại Sài Gòn này, có một người từng một thời có ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với tôi... Anh dừng lại khi Hawke thêm lần nữa giảm tốc lực xe để bắt đầu dò dẫm vượt qua lớp chuồng ngựa vật trước mắt làm bằng một đồng cành lá rậm rạp và kín mít như một bụi rậm. Không giống các ụ chuồng ngựa vật khác, ụ này chẳng thấy có bóng dáng dân quân nào. Mắt không rời con đường, Hawke gạt đầu và rộng miệng cười tươi tắn, mặt sáng rõ:

- Lúc này thì rõ rồi – một vấn đề của con tim, có phải không đại úy?

- Tôi gặp lại cô ấy lần thứ nhất hôm Thứ Bảy vừa rồi – trong nhà thương...

Joseph vừa nói vừa đưa mắt trông chừng một

ụ cành cây khác chất lua thừa nơi nương nước bên vệ đường. Nó cùng loại với các bụi cây già, dùng làm nút chặn, nhưng đột nhiên anh nhận thấy nó nhúc nhích.

Cùng khoảnh khắc ấy, Hawke cũng thoáng bất gặp chuyển động đó, anh quay đầu nhìn kỹ hơn. Chiếc xe díp đang chạy rất chậm theo tốc độ người đi bộ, và rồi đã quá trễ, cả hai nhận ra mình đang là mục tiêu ngồi tại chỗ.

“Chúng tôi người Mỹ! Chúng tôi người Mỹ!” Hawke thất thanh hét lớn bằng tiếng Việt khi bụi cây ấy lật qua một bên nhưng không còn kịp. Tiếng hét của viên trung úy trẻ không chặn nổi khẩu súng trung liên nguy trang khắc đạn thẳng vào anh và Joseph, ở một cự ly rất gần.

Loạt đạn thứ nhất ghim hết vào đầu Hawke, không sót một viên, thổi bay hàm dưới và làm sọ anh vỡ nát. Máu từ các vết thương khủng khiếp ấy vọt ra bốn phía, bắn tung toé lên kính chắn gió. Chiếc xe díp sau khi húc trúng một ụ chướng ngại, chầm chậm lật nghiêng qua phía đường nương bên kia.

Joseph rơi sấp mình xuống mặt đất ẩm ướt, nằm chờ người, kinh hãi lắng nghe đầu đạn súng máy quét trúng gầm xe kêu lộp độp. Khi xoay ngựa người, anh thấy thân hình của Hawke mắc nơi bánh lái, treo lơ lửng phía trên. Bộ mặt không còn hình thù. Rõ ràng viên trung úy chết ngay lúc bị trúng đạn. Ngóc đầu lên khỏi

mép đường nương, Joseph thấy có ba người Việt Nam bước ra khỏi chỗ núp và bắt đầu đi về hướng anh, cầm súng ơ hờ trên tay. Anh đoán có lẽ họ cho rằng cả anh cũng đã chết.

Theo lệ thường, mỗi toán hai người OSS khi đi tuần thám đều mang theo một cặp súng Colt .45 và một cặp súng trường Garand M-1. Joseph vớ khẩu súng trường và súng lục của mình rồi từ bên dưới xe díp anh bò ra, phóng mình vô rừng tre bên mép sân cù. Ba người Việt Nam đang băng ngang đường lập tức nổ súng. Joseph cảm thấy đạn vãi trúng vòm lá trên đầu mình kêu sần sật. Qua tới mé bên kia rừng tre, anh nhào người nằm rạp xuống đất, bắn đại về hướng những kẻ đuổi theo mình và ngạc nhiên nghe có tiếng người thét lên trước khi gục ngã. Hai người kia lập tức quay mình chạy trở lại nơi mai phục ổ súng trung liên. Thấy họ chạy, Joseph nhắm theo kỹ hơn nhưng súng bị hóc; anh chửi thề, liệng đi.

Trong khoảnh khắc tạm lắng tiếp liền đó, Joseph kiểm thấy mình có ba gắp đạn súng Colt .45, tất cả chỉ có 21 viên. Anh lật đặt nạp đạn. Một phút sau, anh hoảng hồn thấy có hơn chục người Việt Nam khác thận trọng ló mình ra khỏi vị trí núp quanh một ụ chướng ngại vật, bắt đầu bò về phía anh. Liếc mắt về hướng đông, anh thấy mình ở cách chỗ an toàn là toà nhà của OSS chừng năm trăm thước. Từ đây

tới chỗ đó, các rặng tre chỉ che được một nửa khoảng cách, và như thế toán người Việt Nam có thể bắn trúng khi anh đang chạy. Nhưng anh thấy nếu tiếp tục trụ lại đây, mình không có cơ may sống sót. Hít một hơi thật sâu, Joseph bắt người dây, phóng mình chạy thật lẹ theo mép sân cù. Thấy ra anh, từ trong đám cỏ, toán du kích quân đồng loạt đứng bật lên, rượt theo, vừa chạy vừa bắn.

Chạy tới cuối rặng tre che chở mình, Joseph dừng lại. Anh nhận ra với khoảng cách còn lại quá trống trải hầu như chắc chắn mình sẽ bị trúng đạn của dân quân nếu anh không làm cho họ chậm lại. Anh gay cấn nhìn quanh rồi phóng mình xuống nương nước. Khi mấy người chạy đầu chỉ còn cách chừng mười lăm thước Joseph nhô đầu lên, cầm súng bằng cả hai tay, trút hết gắp đạn Colt .45 về phía họ. Thêm hai du kích quân bị trúng đạn ngã quỵ. Những kẻ còn lại lập tức nhào người nằm rạp xuống đất. Sử dụng chiến thuật bắn di động học được trong khóa huấn luyện ngắn ngủi của OSS ở Côn Minh, Joseph an toàn tới được cuối rặng tre rồi nhanh như chớp, lao mình ra khoảng đất trống. Quân du kích bắn theo, hết loạt này tới loạt khác trong cự ly bảy mươi thước. Nhưng Joseph chạy dích-dắc và một phút sau, anh tới được cổng trụ sở OSS, trên tay chỉ còn vòn vẹn hai viên đạn.

Khi chỉ huy trưởng Phân đội 404 OSS lao

mình xuống bậc thêm đỡ anh vô nhà, Joseph thở hển hển: - Hawke bị giết rồi. Tôi nghĩ họ tưởng mình là người Pháp.

Viên thiếu tá vội vàng đặt lính canh trên mái nhà và gọi thêm lính Nhật ở một pháo đài gần đó tới gác. Khi hơi thở của Joseph điều hòa trở lại, sĩ quan cấp trên của anh nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh:

- Đại úy ạ, nói cho anh biết lúc này thật không đúng thời điểm chút nào nhưng bộ tư lệnh quân Anh vừa thông báo với tôi rằng họ tuyên bố anh là người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận. Họ không ưa quan điểm của anh – hoặc cách thức anh bày tỏ quan điểm tới qua. Anh phải bay về Calcutta trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tới.

Vẫn còn choáng váng ngẩn ngật vì cái chết của Hawke và trận đánh tự cứu mạng vừa rồi, trong đó có thể anh đã giết tới ba người Việt Nam. Joseph dăm dăm ngó lại thượng cấp và chưa thật sự nắm được những gì anh ta vừa nói.

Viên thiếu tá kéo Joseph đi về phía phòng đợi bên trong một cửa lớn:

- Còn một việc nữa. Ở đây có một người Việt Nam muốn gặp anh. Anh ta chờ đã mấy tiếng đồng hồ. Anh ta cứ nằng nặc đòi chỉ nói chuyện riêng với anh thôi và không chịu nói cho bất cứ ai khác biết anh ta muốn cái gì.

Khi Joseph vào phòng đợi, Trần Văn Tâm

đang ngồi. Thấy Joseph, anh ta lạng quạng đứng lên. Quanh đầu Tâm quấn một vòng băng khô máu. Quấn áo nhàu nát dơ bẩn và thái độ không có chút dấu hiệu thù nghịch nào như từng biểu lộ tại nhà của cha mẹ anh ta hồi tuần trước. Tâm nói, lấp bắp:

- Đại úy Sherman ạ, tôi tới đây với lời nhắn của em gái tôi. Lan nó muốn gặp anh, rất gấp. Nếu anh đi lúc này, tôi sẽ đem anh tới chỗ nó ở.

- 20 -

Con đường ven biển dài hơn ngàn dặm và lộng gió từ Sài Gòn ra Hà Nội mà bước chân đầu tiên dẫm lên là của những trạm phu chạy công văn triều đình vào trước buổi bình minh của công nguyên, suốt hai ngàn năm nay lúc nào cũng khiến cho khách du có cảm giác thấp thỏm rằng mình đang gian nan đi qua một vùng đất đầy tai ương và thù nghịch.

Suốt hầu hết chiều dài của nó, Con Đường Cái Quan không chỉ bị đe dọa bởi rừng thẳm mịt mù thường mọc lan ra tận mép đường mà còn bởi hai kẻ thù thiên nhiên vĩ đại khác. Một từ mé tây, dãy Trường Sơn thỉnh thoảng chuỗi những tảng đá khổng lồ xuống chặn đường. Một từ mé đông, biển Đông thường xuyên tràn nước lên xuyên qua nhiều kẽ nứt của bờ biển Việt Nam rạt rào gió, làm con đường nhào nhoẹt và trơn trượt.

Vào đầu tháng Mười năm 1945, con đường này còn rất hẹp với chỉ một làn xe chạy và tuy vô số hố lún đã được vá lại hoặc lấp bằng, mặt đường vẫn lổm đổm ổ gà, chỗ lồi nhỏ chỗ lõm to vì những trận oanh tạc dữ dội của Đồng Minh trong mấy tháng trước ngày kết thúc cuộc thế chiến. Con Đường Cái Quan cổ sơ ấy lúc này mang chiếc xe díp của đại úy Joseph Sherman an toàn chạy ra mạn bắc, vượt qua bàn chân xoải ra của núi và lướt trên những ngón tay búa chặt của biển, như nó từng mang vô vàn xe bò dân giả và kiệu cang vương giả trong rất nhiều thế kỷ trước đây.

Tới ngày thứ ba của cuộc hành trình, con đường đưa Joseph mất đồ ăn mệt mỏi vào vùng đất thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, nơi không khí hăm dọa mơ hồ của mấy ngày vừa qua được thay thế bằng sự hoang tàn có thật và hãi hùng. Từ bầu trời thấp và nặng như chì, mưa ào ạt rơi trên những cánh đồng mệnh mông hoang lạnh mới bị lũ lụt vì các cơn bão tràn tới ập lui suốt tháng Tám. Bốn bánh xe díp xoắn qua một biển bùn xám bất tận và không khí ẩm ướt buốt giá làm Lan đang ngồi trên chiếc ghế bên cạnh tài xế phải siết chặt vào mình hơn chiếc áo chùng thâm với mũ lúp trùm đầu.

Cả Joseph lẫn Lan đều sững người khi thấy ngôi làng đầu tiên bị tàn phá: cột nhà cháy thành than và vách đất sạm đen vì khói là tất

cả những gì sót lại của mấy xóm nhà mà Lan nhớ từng có thời là một làng trù phú. Xa đường kia, một người nhà quê hốc hác đang ngồi chồm hổm và hờ hững bên vệ đường. Ông nói cho cả hai biết dân làng đã tháo nhà ra từng mảnh để làm củi sưởi ấm và trước đó, họ đã bán sạch mọi vật dụng của mình để mua gạo nấu cháo. Ông nói nhiều dân làng đã chết và người nào còn chút hơi sức đã phiêu bạt đi nơi khác để kiếm cái ăn. Trong khi ông nói, chiếc chiếu cuộn tròn nằm trên mặt bùn cạnh người ông, mà bên trong có vẻ đang chứa chút của cải còn sót lại của ông, bỗng nhúc nhích. Nghe tiếng rên rỉ yếu ớt, Joseph tưởng đó là tiếng kêu của một con chó. Nhưng khi Lan hỏi trong đó có cái gì, ông mắt vẫn lơ quờ nhìn cánh đồng ngập nước bên đường, mở miệng nói rằng ông quán trong chiếu đưa con trai hai tuổi. Và cũng với giọng đều đều ấy, ông nói mình đang chờ nó chết hẳn để đem chôn.

Joseph nhảy xuống xe díp, mở một suất lương khô nhà binh, lựa ra những món để ăn và dúi vào tay người nhà quê. Ông gan lì từ chối, thậm chí không thèm ngó tới đồ ăn. Thay vào đó, với bộ điệu hăm dọa, ông xua tay đuổi Joseph tránh xa chiếc chiếu. Ông nói với giọng buồng binh:

- Tui tui có lạ chi cái cảnh đói khổ mặt rệp như ri. Mụ vợ tui chết với ba đứa con rồi. Chừ

mà hai cha con tui được chết quách theo mẹ vợ với mấy đứa tê thì không chi tốt bằng mô.

Khi Joseph lên xe đi thẳng, người nhà quê đang chết đói ấy vẫn ngồi ôm đầu gối cạnh cuộn chiếu bên lề đường và nhìn mưa, mắt vô hồn. Các gói đồ ăn mở sẵn được Joseph nhất quyết để lại, vẫn nằm bất động trước mặt ông, trên mặt đất sũng nước. Sau tiếng rên yếu ớt phát ra từ cuộn chiếu, họ không còn nghe thêm âm thanh nào nữa.

Rồi cả Joseph lẫn Lan đỡ đỡ, xây xẩm mặt mày, khi bắt gặp cảnh tượng chiếc xe bò thứ nhất chở hơn chục xác người chất thành một đống cao, mắc mứu vào nhau. Từ trong đống lộn xộn đó thò ra những cánh tay những cẳng chân không một tí thịt, đông đũa lắt léo trong khi con vật ị ạch kéo chiếc xe khủng khiếp và nặng nề ấy đi về phía họ, băng ngang con đường lầy lội của một làng mạc khác cũng hoang tàn không kém. Con vật chùn chân vì chính nó cũng đang chết đói, bước đi chậm chạp mặc kẻ đánh xe bò là người hối thúc và thỉnh thoảng vung roi tre lên quát xuống bộ sườn còm cõi trơ xương của nó. Chiếc xe bò dừng lại, tránh đường cho xe díp chạy qua. Và Joseph xanh mặt khi thấy trong đống xác đó có một đầu người, tóc dài quyen bết bết bùn và nước mưa, thỉnh thoảng giật. Anh liếc Lan thật lẹ, thấy nàng nhắm mắt, quay đầu qua chỗ khác.

Joseph phanh xe, nhảy xuống và chạy lui lại dưới cơn mưa. Anh túm vai người đánh xe bò lắc mạnh, hốt hải chỉ cho anh ta thấy cái hình nhân vừa nhúc nhích. Vừa ra hiệu vừa nói bằng tiếng Pháp pha với tí tiếng Việt học lóm được của Hawke, anh cố hết sức làm cho anh ta hiểu rằng có một trong các “xác chết” ấy còn sống. Nhưng cũng giống như người nhà quê sắp chết ngồi bên lề đường lúc nãy, người đánh xe bỗng dừng nổi con giận dữ. Anh ta quát lên, lớn tiếng mắng chửi và chỉ vô hình nhân đó, lúc này nằm bất động như những xác chết khác. Rồi anh ta quay phắt người ngó về phía miếng đất thổ mộ gần đó, còn Joseph bước chầm chậm trở lại xe díp, cố nuốt xuống cảm giác buồn nôn.

Chẳng bao lâu, Joseph và Lan bắt đầu quen với những sườn nhà cháy thành than, những cảnh tượng ngổn ngang tan hoang và âm đạm dọc đường quốc lộ. Thịnh thoảng vài gia đình sống sót, chống đỡ mái nhà làm chỗ trú ngụ. Họ đi đứng lom khom như những con vật ngoan ngoãn trong một góc nhà vách còn tạm vững. Cả hai cũng thấy những chiếc xe bò chở xác khác, có vài đóng lên tới hai ba chục tử thi. Có lần Joseph thấy thi thể vợ không ai đoái hoài của một phụ nữ nhà quê còn trẻ, gục chết dưới một gốc cây trơ trụi và nám đen như thể bị sét đánh. Xác người ấy ở trần và chiếc quần tả tơi của chị bùn bê bết từng bết, gần như không

phân biệt nổi hình người với mặt đất bùn sinh nơi chị gục chết. Trên ngực chị, nằm co quắp một hài nhi khảng khiu chỉ chừng mấy tháng tuổi, trơ mắt ngó mẹ. Đứa bé sắp chết thều thào khan giọng khóc oe oe trong đôi cánh tay của người đàn bà đã chết. Và đôi môi khát sữa của nó day hoài day mãi núm vú mẹ teo tóp. Trong khi Joseph nhìn không rời mắt, xuất hiện một người đàn bà choắt cheo. Bà ta giật lấy đứa bé rồi biến mình trong màn mưa mờ mịt. Joseph và Lan còn thấy những đồng xác người khác bên vệ đường, nằm như những cuộn giẻ rách xoắn vào nhau. Và người đang sống vật vờ đi như kẻ mộng du, cố giữ cho mắt mình ngó qua chỗ khác.

Sau một lần toan tính phân phát các suất khẩu phần hành quân cho một đám trẻ con chống gậy đứng ăn xin bên lề đường, Joseph không còn dám mơ tưởng tới việc mình có thể làm một cái gì đó để giúp đỡ những con người khốn khổ ấy nữa. Những bàn tay trẻ con chia ra và những đôi mắt thơ ngây tuyệt vọng khiến anh dừng xe. Và hình ảnh chiếc xe lôi cuốn những trẻ em bụng ỏng khác ủa nhau khắp khểnh chạy ra từ những con đường mòn lộng gió len lỏi qua lũy tre rậm rạp bọc quanh và che khuất làng. Joseph phát chưa xong hai gói đồ ăn nhỏ bé, bọn trẻ đã bắt đầu đánh nhau túi bụi. Đứa này cào sứt mặt đứa kia, khiến gói lương khô rách toạc, các thức ăn quý báu văng tứ tung trên

mặt đất đầy bùn. Tiếng la hét của trẻ con lôi cuốn những người lớn mất trung sâu từ trong các bụi rậm chạy ra. Lan hoảng hồn kêu Joseph quay lại, nhảy lên xe phóng đi thật lẹ trước khi những người dân quê tuyệt vọng không cưỡng nổi cơn cám dỗ, tấn công hai người và cướp phá xe. Dù đang đói kiệt sức, trẻ con lẫn người lớn tuổi cố rượt theo xe, vừa chạy vừa gào rú. Xe đã chạy cách một quãng rất xa nhưng trong tai Joseph còn nghe lũng lừng những tiếng hú đáng thương ấy.

Mặc dầu xe của Joseph và Lan đã trở lại con đường quốc lộ trống trải, mùi của những kẻ tử toi đang chết đói vẫn còn quện theo, ám mãi con người họ. Có vẻ nạn đói tạo ra một mùi vị ngòn ngọt tởm lợm của sinh vật thối rữa và ám khói, như thể cơn đói tự nó đốt cháy và làm ung thối lớp thịt tươi trên bộ xương thoi thóp của thân thể người ta. Dù Joseph không biết chắc điều đó có thật hay chỉ là tưởng tượng, nhưng cái mùi vị đó như bám riết lấy xe díp trong khi xe tiếp tục chạy. Thậm chí hình như nó thấm thấu vào tận tâm trí của Joseph và anh cảm thấy mình càng lúc càng tuyệt vọng thắm thía: giữa những hải hùng chắt ngất cả hai đang chứng kiến, không biết anh có còn cơ hội tìm thấy ở phương bắc còn sống đứa con gái cô cút, đứa con Lan đã sinh cho anh chín năm trước, khi anh hoàn toàn không hay biết.

Trong những lần về quê thăm con trước đây, Lan và mẹ nàng đều dùng xe lửa; chỉ lần này đi bằng đường xe hơi. Càng tới gần vùng quê mình Lan càng không thể nhận ra đường sá vì các bảng chỉ đường đã bị đập vỡ và lấy làm củi đốt. Kết quả, nàng và Joseph phải lùng sục khổ sở hết làng này sang làng nọ ở phía bắc Đồng Hới, trong khu vực sát bờ biển.

Đột nhiên Lan cất tiếng. Giọng nàng thảng thốt như ma ám trong khi mắt ngó qua kính chắn gió, đắm đắm nhìn đồng ruộng hoang tàn hiu quạnh dưới cơn mưa lê thê, lạnh lẽo và mờ xám:

- Lần nào em đi qua đây, lúa trên cánh đồng này không xanh mượt thì cũng vàng rục. Vào độ này, lý ra người ta đang chuẩn bị vào vụ chiêm cho mùa gặt tháng năm sang năm. Bây giờ, không chỉ chẳng có vụ nào cho mùa gặt tháng mười năm nay, mà cũng chẳng có thứ gì cho năm tới.

Joseph để ý thấy Lan ngồi bất động trong lòng ghế như tượng đá và anh sợ nếu kéo dài tình trạng này, chẳng mấy chốc nữa nàng sẽ nổi cơn mê sảng. Bầu trời đang xuống thấp, càng lúc càng tối sẫm. Anh thấy điều quan trọng nhất lúc này là tìm một chỗ trú tạm qua đêm còn hơn cứ tiếp tục lùng sục những làng mạc hiu quạnh trong khi đêm sắp giăng lưới.

Từ khi lên xe ở Sài Gòn và gần như suốt dọc đường, Lan ngồi yên với vẻ cam chịu và xa vắng.

Cả nàng lẫn Joseph hầu như chẳng chuyện trò với nhau khi họ ra khỏi thành phố, nhắm hướng đông bắc, qua Thủ Đức - Biên Hoà rồi đi vào vùng đất bạt ngàn những đồn điền cao su kế tiếp nhau như những đồn quân biệt lập.

Tâm trí Joseph cũng đang lang thang chốn nào đó, mơ hồ và hiu hắt. Anh cảm thấy dường như óc não mình đang quay về các chuyến đi đầu tiên đầy phiền muộn trên Con Đường Cái Quan với mẹ năm 1925. Lần đầu tiên anh đi theo hướng bắc ra Huế trong trạng thái u uất thơ dại, rồi sau đó quay về Sài Gòn, sưng sờ mê lịm khi nhận được tin Chuck tử nạn. Lúc xe díp lướt qua những hàng cây cao su và tiếp tục chạy vào các khu rừng nhiệt đới, nơi thuở nào Joseph cùng đi săn với cha và Chuck, anh lại bị ám ảnh dằng dặc bởi những hồi ức về gia đình bi thảm của Ngô Văn Lộc.

Cả hai lên đường từ lúc trời chưa rạng sáng rồi vất vả lái xe suốt một ngày. Tới lúc trời sẩm tối họ vượt được khoảng bốn trăm bốn chục cây số ra tới Nha Trang. Ở đó, họ ngủ mỗi người một phòng nơi nhà trọ trước đây do người Pháp quản lý để phục vụ khách hoả xa khi tuyến xe lửa nam bắc đậu qua đêm tại đây. Họ chỗi dậy lúc bốn giờ sáng. Lại vất vả cho xe chạy suốt ngày kể đó trước khi dừng lại, ngủ lơ mơ vài giờ cũng tại một nhà trọ hoả xa tại Tourane, một hải cảng về sau được lấy lại tên Đà Nẵng.

Trước đó, khi xe chạy ngang Phan Rang, nơi có một ngã ba đường rẽ lên vùng cao nguyên Đà Lạt và khi xe chạy qua một rừng dừa trên cao, ngó xuống hải cảng thiên nhiên bao la ở Vịnh Cam Ranh, tâm trạng của Lan bỗng tươi lên. Nàng bắt đầu nói sôi nổi về thuở học trò binh dị ở trường Couvent des Oiseaux tại Đà Lạt.

Với ánh mắt tưởng tiếc, Lan tả lại cảnh sương mù hư ảo mỗi sáng buông màn tơ khói lướt thướt triển dốc, những hàng thông đưa hương ngan ngát, không khí núi đồi dịu dàng lằng lằng và vẻ đẹp vô ngần của tia nắng sớm mai soi mặt hồ lóng lánh:

- Ngày nào em cũng cùng với các bạn lang thang trong rừng quanh hồ, đọc thật lớn những câu thơ tuyệt vời. Lamartine... Apollinaire... Châteaubriand... Chúng em hái lan rừng và hát - sáng nào cũng hát bài *Les feuilles sont mortes* - Những chiếc lá chết - trong không khí tĩnh mịch bên hồ, và tiếng chúng em hát có thể lan theo mặt nước qua tới bờ bên kia hồ. Joseph ạ, lúc ấy dễ thương quá, lãng mạn quá.

Mắt nàng long lanh niềm sáng khoái khi nhớ lại:

- Thuở đó, em cứ tin trọn đời mình lúc nào cũng đầy hoa với mộng.

Joseph cảm động thắm thía bởi vẻ đẹp mộc mạc trong những lời được nàng nói lên một cách hồn nhiên, không vương chút dấu vết u

buồn. Nghe Lan tâm sự, anh bỗng cảm thấy mình cùng nàng đang đứng trên con đường dẫn vào cảnh giới nào đó mới mẻ, đầy cảm thông và rất gần gũi. Nhưng chỉ chút sau, nàng lại rơi lệ làng vào cõi im lặng không cất nghĩa nổi.

Thái độ của Lan bí ẩn và bất định y như lúc Tâm đưa Joseph tới gặp nàng vào hôm Hawke chết. Khi anh bước vào ngôi nhà Lan chung sống với Paul kể từ ngày hai người thành hôn, trông nàng có vẻ khắc khoải và bối rối. Nàng kể với Joseph rằng đứa con trai của nàng đã theo ông bà ngoại về một trang trại ở vùng quê yên ổn. Tâm bị mấy người Pháp say rượu đả thương trong những giờ hoảng loạn ngay sau cú đảo chánh. Cay cú và thù hận, Tâm dao động lập trường và bị lôi kéo vào một phong trào “kháng chiến quốc gia” không cộng sản như hầu hết những người Việt Nam ôn hòa thân Pháp thời đó.

Lan thú thật nàng cảm thấy sợ. Với tình hình chiến trận và cướp phá ngày càng tồi tệ, việc Paul bị thương nặng phải nằm viện dài ngày, người thân yêu đua nhau tản cư, có vẻ như chung quanh nàng, toàn bộ thế giới đang sụp đổ, không còn ngõ ngách an toàn nào cho nàng ẩn tránh. Thêm nữa, nàng cảm thấy bế tắc trước sự dằn vặt của lương tâm. Để hoàn toàn đoạn tuyệt với Joseph, nàng buộc lòng phải làm một việc nàng không có quyền làm, đó là giấu

anh tung tích của Tuyết. Nhưng Tuyết đâu chỉ là con gái của riêng nàng. Joseph có quyền biết, nếu anh đòi được biết, tên ngôi làng con gái anh được gởi ra nuôi dưỡng ở đó. Lan hiện lâm vào hoàn cảnh không thể chăm sóc Tuyết đầy đủ như trước trong khi Joseph có triển vọng làm một người cha tốt.

Chỉ một thoáng, Joseph quyết định ngay. Anh cầm tay Lan và nói:

- Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm Tuyết. Em phải chỉ cho anh nơi con mình đang ở. Anh sẽ săn sóc và bảo vệ mẹ con em!

Lan ngẩn ngại, không đồng ý ngay, nhưng Joseph thuyết phục nàng hãy chờ cho tới khi anh quay lại sáng sớm hôm sau. Rồi anh hứa sẽ đem nàng tới bất cứ nơi nào nàng quyết định đi.

Tại bộ chỉ huy OSS, Joseph âm thầm chất các can xăng lên xe díp, tối đa hết sức chở của nó, và tổng vào xe bốn thùng suất ăn hành quân. Chấp nhận cái hành động có nguy cơ về sau sẽ bị kết tội đào ngũ, anh quay lại nhà nàng vào rạng sáng ngày lý ra anh bị trục xuất về Calcutta.

Rồi Joseph khoan khoái thấy Lan tỏ ý thuận đi với anh, tuy nàng không nói thành lời. Các sự vụ lệnh giả do anh tự cấp cho mình - với sự giúp đỡ của một nhân viên đánh máy OSS - ghi rằng anh đi thanh tra tài sản của các nhà truyền giáo người Mỹ tại Đà Lạt và Huế, có vẻ thuyết phục

nổi các toán tuần tiểu của Anh và Việt Minh mấy lần chặn anh lại trên đường quốc lộ bên ngoài Sài Gòn. Và anh mang Lan đi qua xuôi thuận trong chiếc áo chùng thâm như một nữ tu Công giáo đang trên đường trở về khu vực truyền giáo của nhà dòng.

Trong khi ngồi sau tay lái xe díp ra khỏi Sài Gòn, Joseph nhớ lại lời tán gẫu anh nghe được tối qua tại trụ sở OSS rằng song song với cuộc kháng chiến chống lại quân Anh, Việt Minh cũng đang lùng và diệt không chùn tay các đối thủ của nó mà nó gọi là “Việt gian”. Tuy có để ý xem bên ngoài Sài Gòn dân quê theo làn sóng cách mạng khủng bố có đang giết các địa chủ giàu có và các hương chức tham ô không, nhưng khi Joseph lái xe qua phần đất Nam kỳ còn lại, anh thấy cảnh sắc bên ngoài hình như chỉ thay đổi đôi chút so với những lần anh ghé lại trước đây. Mãi tới sau ngày kết thúc chuyến đi phương bắc này, ngồi yên ổn đọc lại báo chí, Joseph mới biết được kích thước rộng lớn và mức độ man rợ của cuộc tàn sát ghê gớm ấy.

Từ lúc rút khỏi Sài Gòn vào cuối tháng Chín để bắt đầu cuộc kháng chiến, Việt Minh đã sát hại các đối thủ chính trị của nó và những trí thức Sài Gòn và các tỉnh không đứng chung hàng ngũ với nó, bị nó tìm thấy và bắt được. Đối tượng là nhân sĩ trí thức, đảng viên các đảng phái dân tộc, lãnh tụ hay chức sắc của giáo phái

Cao Đài và Hòa Hảo, đặc biệt các đảng viên cộng sản Quốc tế Đệ tứ trong đó gồm hầu hết các tay bút của báo La Lutte. Và thậm chí người đã hợp thức hóa Việt Minh như Nguyễn Văn Sâm hoặc mời Việt Minh hợp tác như Hồ Văn Ngà. Họ bị hạ sát bằng đủ mọi hình thức: đâm chém, bắn chết, thắt cổ, chôn sống, đập đầu, v.v. Số lượng người bị Việt Minh sát hại theo Trần Văn Giàu khi y chạy lánh nạn sang Bangkok vào năm 1946 thì trong khoảng thời gian ấy, đặc biệt tại Sài Gòn, là khoảng 2.500 người. Hậu quả trước mắt là nhờ thế, Việt Minh trở nên độc quyền trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hậu quả lâu dài là về sau, Sài Gòn và Nam bộ bị khô cạn sinh lực trí thức và tiềm năng lãnh đạo.

Lúc này, mặt trời nhiệt đới toả ánh nắng chói lọi, đồng ruộng mạn nam Trung Kỳ phơn phớt xanh với mạ đang mơn mớn và đường sá tấp nập dân quê đi từng hàng, thông dong và quen thuộc, gánh vác thực phẩm hoặc gia súc tới các chợ nhà quê đông đúc.

Dù đường rầy xe lửa nằm song song với quốc lộ vẫn còn nguyên nhiều chỗ tả tơi manh mún vì bom của Đồng Minh nhưng những chiếc phà cổ lỗ nổi liền con đường thiên lý chở khách qua sông qua lạch vẫn hoạt động đều đặn. Chủ phà đưa xe díp lên phà không một lời thắc mắc. Người chống phà ẩn mình đâu đó, như có mặt sẵn ở đó từ bao thế kỷ nay, vẫn nghe ra tiếng

người gọi phà bằng chiếc tù và sừng trâu mắc vào thân cây hoặc treo lơ lửng trên một cành cây bên bờ.

Nhưng dần dà, xe càng chạy ra phương bắc, khí hậu càng tối tệ. Tới rạng sáng ngày thứ ba, khi cả hai tiếp tục men theo bờ biển, đi tới và qua khỏi Huế, xe của họ đi vào vòng đai mưa lạnh cực bắc. Lính Trung Hoa ở trạm gác vĩ tuyến mười sáu tỏ ra lễ độ và tôn trọng lá cờ Mỹ nhỏ xíu bay phất phơ đầu mũi xe díp. Họ không tỏ vẻ tò mò khi Joseph chỉ mở miệng nói rằng anh đang cùng vợ đi ra bắc, tới Hà Nội, để trở về đơn vị cũ dưới quyền tư lệnh của tướng Wedemeyer.

Khi xe chạy vào tỉnh Quảng Trị, nơi dãy Trường Sơn cao sừng sững chỉ vươn mình thêm vài cây số là ra tới biển, họ bắt đầu để ý tới những biểu lộ đầu tiên của nạn đói. Nương rẫy bên triền núi bỏ hoang, nằm trơ trụi. Qua vài người dân quê luống tuổi còn ở lại, Joseph và Lan biết ra rằng dân chúng đã tìm đường về phương nam. Dấu hiệu hoang tàn càng tăng thêm khi họ tiếp tục ra bắc, cho tới cuối cùng, quang cảnh thôn dã êm đềm biến thành một vùng đất thê lương hiu quạnh.

Tối đêm thứ ba, trong bóng tối đặc quánh, đưa mắt nhìn qua kính chắn gió đầm đìa nước mưa, lòng Joseph rung động. Suốt quãng đường dài hơn mười cây số không tìm thấy dấu hiệu

có quán trọ nào. Anh cảm thấy lạnh xương sống khi nghĩ tới việc phải ngủ lại tại một ngôi nhà đổ nát nào đó trong những làng mạc đầy tử khí này.

Cách phía nam thị trấn Rào Nậy vài cây số, xe lăn bánh xuống đồi, tới một bến phà bên bờ sông Gianh. Ánh đèn pha xe díp chiếu loang loáng mặt nước của một con sông mệnh mông đang nổi bong bóng trong cơn mưa ào ạt. Bước xuống xe, Joseph thấy bờ sông vắng vẻ và phà đã hết giờ hoạt động. Rõ ràng cả hai phải kẹt lại đây cho tới sáng hôm sau. Có vẻ anh và Lan chỉ còn một chọn lựa duy nhất là phải qua đêm trong lòng xe díp chật hẹp và bất tiện.

Nhưng rồi Joseph để ý thấy có vệt bóng lò mờ của một ngôi nhà khá lớn trông giống kiểu nhà trệt châu Âu, có lẽ từng là một quán trọ khiêm tốn dành cho khách du lịch. Tường tróc sơn. Cửa sổ và cửa ra vào gài then bên trong. Chủ nhân người Pháp rõ ràng đã tản cư từ lâu. Sau khi rọi đèn pin xem xét, Joseph dùng cái nạy bánh xe díp cạy cửa sổ, leo vào nhà.

Bên trong trống trải và bốc mùi ẩm mốc vì đã lâu không người ở. Joseph may mắn tìm thấy một ít củi. Anh nhóm lửa nơi lò sưởi bằng đá trong nhà bếp kín mít còn phảng phất mùi rượu vang, mùi pho mát lâu ngày, quện với mùi rác. Rồi anh ra xe diu Lan đang run lấy bối vào và dịu dàng đặt nàng ngồi xuống chiếc ghế cạnh đống lửa.

Joseph lại trở ra xe, mang vào ngọn đèn dầu, bếp cồn nhỏ, rồi đặt bếp trước lò sưởi, anh đun sôi một ít nước. Anh tìm được trong tủ ly tách một nửa chai napoléon còn sót lại. Dùng ca nhà binh, anh hoà một lượng rượu nhỏ vào nước sôi và đưa cho Lan. Trong khi nàng nâng chiếc ca bốc khói lên hấp vài ngụm, anh bày hai suất lương khô ra, trên một tấm ván bên đồng lửa – vài khúc xúc xích nhỏ, ít trái cây, mấy miếng pho mát. Nhưng khi anh thúc giục Lan ăn, nàng lắc đầu, quay mặt nhìn ngọn lửa.

Trong gần một giờ, cả hai ngồi lặng im bên đồng lửa bập bùng trong nhà bếp bụi bặm. Những kinh hoàng hôm đó hình như làm lịm chết giác quan, khiến họ không mở nổi miệng. Dù cái lạnh đang ăm lên, cái ướt át chầm chậm khô dần, sự tê điếng hải hùng từ quang cảnh thê lương mấy ngày vừa qua họ chứng kiến tận mắt dường như lúc này làm thành một quyết định thúc đẩy số phận của họ phải mãi mãi ở bên nhau.

Không ai biết mình tới khoảnh khắc đó như thế nào khi cả Joseph lẫn Lan bỗng níu lấy nhau bằng đôi tay bắn loạn của người đang bơi và sắp chết đuối. Cả hai mù lòa ôm chặt nhau. Chỉ biết rằng kẻ kia làm cho mình cảm thấy yên tâm rằng mình còn sống, còn nguyên vẹn. Và hai cơ thể run rẩy thành một với nỗi sợ hãi vô vọng rằng mình đã nhiều lần cận kề cái chết ở mức

độ phi lý nhất và kỳ quặc nhất. Cả hai thu mình lại trước các hình ảnh không chịu đựng nổi được tạo thành bởi những xác chết nhào nhoẹt tả tơi. Và vì chẳng thể nào nuốt nổi chút lương thực nhỏ nhoi đang bày trước mặt, cả hai chỉ còn biết đem mình ra nuôi dưỡng nhau, người này bằng sự gần gũi của người kia.

Nỗi kinh khiếp khi nhìn những cái chết trần truồng lan chầm chậm khắp vùng đồng quê lạnh giá và ngập nước cũng làm những giọt nước mắt đông cứng lại bên trong mình khiến cả hai không khóc nổi. Sự kết liên điên cuồng của hai cơ thể cuối cùng thành một con bay bổng, thoát lên khỏi những ưu phiền và thống khổ tuy không diễn tả nổi thành lời nhưng dường như đủ sâu thẳm để hủy diệt Joseph và Lan nếu mỗi người ngồi tách rời nhau, trầm ngâm nghĩ ngợi về thảm kịch hãi hùng đang diễn ra bốn bề chung quanh trong đó đang lạc loài đứa con gái của tình họ yêu nhau.

Sau đó, cả Joseph lẫn Lan ngủ thật say trong vòng tay nhau, quần mình trong chăn trên sàn ngôi nhà hoang. Suốt lương khô đạm bạc chưa ai ăn vẫn còn bày trên tấm ván trước than hồng và lửa đỏ. Họ không chạm tay vào nó cho tới khi trong ánh bình minh chói lòa, cả hai không ai nói với ai lời nào, cùng thức dậy để tiếp tục cuộc tìm kiếm nhói buốt của mình. Rồi Joseph và Lan ăn một cách máy móc, không mùi không

vị, trước khi lật đặt bước ra ngoài để thêm lần nữa đi vào màn mưa lạnh cóng.

- 21 -

Hôm sau, khi trời chưa hừng sáng được bao lâu, Joseph và Lan tìm được làng bên ngoài của nàng ở ven biển. Cũng như hầu hết vùng nông thôn ở mạn bắc, bao quanh làng là một lũy tre dày đặc được trồng từ hàng trăm năm trước để bảo vệ an ninh và chặn đứng những đe dọa kinh niên của các toán giặc cướp lưu động và các dòng tộc thù nghịch nhau.

Dọc bờ biển ven làng mọc đầy những rặng dừa lá ngọn và những hàng cau quanh thân quấn quít dây trầu. Trước khi cả hai tới nơi, Lan có kể với Joseph rằng quê nàng là một làng trù phú trong vùng với những ngôi nhà ba gian thoáng mát được cất lên gần các ao sen xinh xắn, và vườn tược quanh nhà mọc đầy ổi và vả. Lúc còn nhỏ, trong những lần về quê, Lan thường chơi trò trốn tìm loanh quanh những con đường làng lổm đổm vệt nắng, chạy ngoằn ngoèo qua những lùm tre rậm rạp, trong tiếng gió thổi rì rào.

Thế nhưng sau cùng, khi quang cảnh làng ấy hiện lên trong tầm mắt, họ thấy nó chỉ có vẻ hơi giống với những điều Lan vừa tả. Gió lạnh buốt từ biển thốc lên và mưa từng cơn xối xả làm mờ các đỉnh núi sừng sững ở hướng tây.

Trên cánh đồng ban mai và trên con đường quê dẫn vào làng, cả hai không bắt gặp bóng dáng con người. Càng tới gần làng càng thấy không khí im lìm quanh quẽ. Chỉ có tiếng mưa rơi ào ạt trên quang cảnh đìu hiu kỳ dị. Chưa bước qua lũy tre dày đặc và ướt sũng, Joseph đã biết trước những gì mình sẽ chứng kiến.

Trong ao sen chính giữa làng, thi thể trương sinh của một người đàn ông thè lưỡi, nửa thân mình trôi lên mặt nước. Bộ mặt không sắc máu của anh ta trương phồng nứt nẻ, chung một màu với bùn sinh xám xịt. Khi cả hai đi ngang, Lan khóc tím tấc. Một nửa số nhà tranh trong làng tro cột kèo và rui mè gỗ đã cháy thành than và vô chủ. Một nửa số nhà còn lại chỉ là những đồng tro sền sệt. Ngôi nhà chủ tịch hội đồng hương chính, thường gọi là lý trưởng, một chức vụ từng có thời được ông ngoại của Lan đảm trách, nay khoá kín cửa và trống trơn. Không mở nổi miệng, Lan chỉ đưa tay run rẩy chỉ tới một trong mấy ngôi nhà tranh cột còn đứng khá vững, cách bờ ao không xa. Một phần của ngôi nhà đã cháy xém nhưng gian cuối còn nguyên. Joseph ra hiệu bảo Lan đứng yên tại chỗ trong khi anh bước tới hiên nhà để nhìn vào bên trong. Vừa lê chân qua lớp bùn non dưới lùm cây héo úa anh vừa cảm thấy tim mình chao đảo trong lồng ngực. Mùi thối thối rửa xông lên tởm lợm, nồng nặc trong không khí, và Joseph biết chắc chắn mình sẽ thấy chẳng người nào sống sót.

Tuy ánh sáng mờ xám xuyên qua màn mưa như trút nước không xua nổi bóng tối trong nhà nhưng khi ghé mắt nhìn qua cửa trước, Joseph vẫn bắt gặp một khuôn mặt phảng phất vài nét quen thuộc - bộ mặt của chị giúp việc người An Nam anh từng thấy lần cuối tại Sài Gòn lúc chị mở cánh cổng trắng rậm sơn son cho anh vào và sau đó đưa anh đi ra. Chị nằm ngửa trên cái võng mắc giữa hai cột nhà. Chiếc đầu không còn sự sống của chị cao ngang tầm mắt của Joseph. Hai môi chị săn lại trông thật gớm ghiếc, để lộ hai hàm răng nhe ra như thể đang thét không thành tiếng.

Vừa đặt chân vào nhà, Joseph bỗng nghe có tiếng động đập riu rít rối loạn. Anh không thấy, chỉ nghe có tiếng lũ chuột nhai ngấu nghiến rồi đua nhau nhảy tòm xuống nền nhà và lon ton chạy vào bóng tối. Sau cùng, khi Joseph bấm đèn pin và đưa lên soi quanh gian nhà, anh nổi cơn nôn oẹ. Dọc bức vách gần đó, một người đàn ông trạc tuổi chị, có lẽ chồng chị, nằm chết trên bộ ván trải rơm và không khác gì vợ, thi thể anh bị chuột gặm khoét tới hải hùng.

Joseph loạng choạng bước ra ngoài và kiệt sức, dựa lưng vào một thân cây khô. Đứng đầu trần, anh ngước mặt lên để những giọt mưa lạnh rơi đầm đìa hai má cho tới khi không còn cảm giác buồn mưa. Khi Joseph quay về bên Lan, nàng đưa mắt khốn quẩn dò xét vẻ mặt

anh trong một chốc rồi nàng tuyệt vọng cắn môi và quay mặt đi, không nói.

Một hai phút sau, có hình dáng lỏng lẻo của một ông lão Việt Nam lưng còng râu thưa, tay cầm chiếc dù bằng vải dầu, chân đi bước cao bước thấp, từ chốn mù sương nhô ra và tới gần hai người. Chiếc áo dài sờn mòn và bèo nhèo cho thấy có vẻ ông là lý trưởng nhưng bên dưới vành khăn đóng của người chức việc, bộ mặt của ông choắt cheo vì đói. Ông cúi đầu trịnh trọng chào Lan rồi nói:

- Gia đình mà cô tìm đó chết hết cả nhà rồi, không khác chi dân làng Bến Thượng đây. Trong lịch sử của làng chúng tôi cũng như của xứ này, xưa nay chưa từng có người nào biết tới cái thảm họa hãi hùng như thế này.

Ông nói bằng tiếng Pháp nhưng giọng ông như hụt hơi gió, đọng lại trong cổ họng. Trong khi nói, ông cúi đầu cố che giấu sự hổ thẹn về những gì mình phải nói:

- Nhiều người lũ lượt kéo nhau sơ tán về vùng quê này để tránh bom đạn. Chúng tôi đã phân phối hết sức dè sẻn lương thực tích trữ trong làng. Tới khi hết gạo, người ta ăn cám, ăn hạt tre. Chúng tôi phát hạt giống và cây giống ngũ cốc cho người ta trồng. Người ta nuốt hạt và chỉ trồng cuống trống rỗng. Rồi bẻ cọng ăn luôn. Người ta ăn dây khoai lá khoai, ăn luôn cả lúa giống dành cho năm tới. Người ta ăn rau má

mọc ngoài đồng, ngoài sinh - còn ăn tới cả cọng môn củ chuối. Khi mọi thứ hết sạch sành sanh, người ta đi mua bánh làm bằng đất sét ở ngoài chợ, dồn vô đầy bụng cho ruột gan bớt cồn cào.

Ông lão ngừng nói, che miệng thở gấp như lên cơn suyễn. Chân đứng không vững, ông tì người lên đầu chiếc gậy trúc được ông búi chặt bằng bàn tay năm ngón tro xương như năm cái vuốt. Ông nói với Lan theo kiểu như thể ông có biết nàng dù ông không công khai thừa nhận. Khi ông ngẩng lên ngó Joseph, người Mỹ thấy hai hốc mắt kèm nhèm của ông long lanh nước mắt:

- Monsieur ạ, đang có vô vàn khổ đau và rất vô ích. Có những người cha người mẹ phải quyết định hoặc chính mình nhin đói cho con cái sống sót - hoặc giữ đưng cho con cái thấy trong nhà có đồ ăn và đành lòng nhìn lũ con thơ đại chết ngay trước mắt mình. Một số trời con cháu vô cớ nhà để giữ cho chúng đưng ăn cắp những thứ còn ăn được ở trong nhà.

Nói tới đó ông nhún vai tuyệt vọng:

- Những người đó mong cho mình sống đủ lâu để lại bắt đầu một gia đình mới... Cuối cùng cũng chẳng ai còn sống. Hôm nay, tôi là người duy nhất trong làng này còn sống và rồi chỉ mai một thôi, tôi sẽ chết.

Lan thêm lần nữa chỉ tới ngôi nhà gần bờ ao:

- Thưa ông, mấy đứa con của Nguyễn Thị Thao chết hết rồi phải không?

Ông lão lơ quờ xoay người ngó ngôi nhà rồi nói với giọng thật thấp, không nhìn lui:

- Ba đứa con chết hai tuần trước. Tuần vừa rồi chết cả cha lẫn mẹ. Cả nhà đó là những người chết sau cùng ở trong làng. Người chồng rớt cuộc chịu không thấu, nổi điên, cào lũng cả hai con mất. Không còn ai sống để chôn cất họ.

Lan chóng mặt lão đảo. Joseph lệ làng choàng tay đỡ vai nàng. Khi tỉnh người, Lan thì thầm:

- Nhưng mà họ có tới bốn đứa con! Ông lão chậm chậm gật đầu:

- Đứa thứ tư, đứa con gái da trắng như tuyết, sáu tháng trước đây họ gởi nó tới làng của chị cô Thao - ở Đồng Sanh, nơi phía nam, cách làng này sáu cây số. Họ cho là hoàn cảnh ở chỗ đó khá hơn ở đây.

Joseph khắc khoải hỏi:

- Người ta ở chỗ đó ra sao? Ở chỗ đó người ta có còn sống không?

Ông lão không trả lời ngay. Ông nhắm mắt lại hồi lâu như thể gom hết hơi sức cạn kiệt:

- Người ta chết khắp nơi. Chẳng ai muốn biết, cũng chẳng ai thèm để ý tới làng bên cạnh đang xảy ra chuyện gì.

Joseph tặng ông lão lương khô anh mang theo trong xe díp nhưng ông không chịu lấy thứ gì của họ. Khi cả hai đi ra khỏi làng, ông lão vẫn đứng dưới trời mưa ngay tại chỗ ông vừa trò chuyện với Joseph và Lan. Trước khi họ khuất

tầm mắt, ông đưa dù lên vẩy một lần, như một lời chào vĩnh biệt thống thiết.

Phải mất một tiếng đồng hồ sau Joseph và Lan mới tới được Đồng Sanh vì đường quê ngập nước và quá xấu. Suốt chuyến đi, không ai nói với ai lời nào. Giữa quang cảnh quạnh hiu và hải hùng này mà còn biểu lộ chút hi vọng nào đó thì có vẻ như chộc cho nanh vuốt của số phận thêm sắc bén. Nhưng lúc tới nơi, cả hai cảm thấy lòng dịu lại vì dân làng này vẫn đang vật lộn để sống còn.

Khi họ vừa đặt chân vào làng, mưa ngừng rơi. Từ suốt mấy ngày nay lần đầu tiên trời thôi mưa. Những đám đông người Việt Nam nhỏ thó, rách rưới, chân cẳng khẳng khiu, bước ra khỏi nhà, xúm xít quanh cái chợ họp tạm, nơi có mấy người bán đồ ăn đang bày những chiếc đĩa trệt đựng cháo gạo nấu loãng. Những kẻ không tiền bu quanh đưa mắt thèm thuồng ngó trong khi những kẻ khác phải trả mấy đồng xu để được trút thứ nước hồ lóng bóng đang bốc khói đó vô cổ họng mình.

Từng đám con nít ăn xin, mình quần chiếu hoặc mấy bó cỏ tranh khô buộc bằng dây chuối, lang thang lờ đờ giữa chỗ chẳng mấy người mua và quá nhiều kẻ bán các bàn thờ tổ tiên, cột nhà cháy hết một nửa và luôn cả cái áo tả tơi đang mặc trên người để lấy tiền mua chút gì ăn được.

Thỉnh thoảng Joseph và Lan thấy bên lề

đường một hình nhân bất động cuốn trong chiếu, đang hấp hối hay đã chết. Thân xác nào người ta thấy rõ không còn sinh khí thì được đắp vội bằng tàu lá chuối theo lệnh của một tuần phu đang chống gậy tre lộp cộp lão đảo đi tới đi lui giữa đám đông.

Cả hai nhanh chóng tìm ra ngôi nhà xơ xác nơi người chị của Nguyễn Thị Thao sinh sống nhưng lúc này nó đã trở thành nhà hoang. Một bà lão hàng xóm yếu ớt, gượng ngóc đầu lên trên tấm phản để nói cho Lan biết cả cha lẫn mẹ của gia đình ấy đã chết mười ngày trước. Bà lão gần như nói chẳng ra hơi nhưng khi Joseph thúc giục Lan gắng hỏi nữa, bà mới thều thào nói thêm rằng có thể mấy đứa trẻ con nhà đó còn sống. Bà nói, có thể chúng đang lang thang bụi đời đâu đó ở trong làng với lũ trẻ bị nạn đói làm cho mồ côi.

Joseph và Lan quày quả trở lại khu chợ. Ở đó, từng đoàn trẻ con đói ăn mắt mũi kèm nhèm vẫn đứng như bù nhìn giữ ruộng, giữa nơi ngổn ngang các đồ thờ tự sơn son thiếp vàng và vật dụng linh tinh, bày biện trên những manh chiếu ướt sũng. Mỗi lần cả hai tới gần một bé gái, Joseph nhìn chăm chú vẻ mặt Lan, với tiếng tim đập thình thịch trong lồng ngực mình. Nhưng lần nào anh thấy đầu nàng cũng lắc. Một giờ sau, tim nhúc buốt hết chịu đựng nổi, họ đành quay trở ra xe díp.

Khi cả hai sắp sửa bỏ cuộc và chuẩn bị cho xe chạy thẳng, chính Joseph là người để ý thấy có một hình dáng nhỏ nhoi đang quì một mình nơi tầng cấp dưới bến ao làng đầy bùn. Lòng không dám trông mong, anh chạm nhẹ cánh tay Lan. Cả hai thêm lần nữa xuống xe, thỉnh lạng đi ngược trở lại bờ ao. Nhìn từ xa, mái tóc con bé bết bùn đặc, rối từng lọn cuốn vào nhau và rủ xuống vai. Nó gầy còm, trơ xương tới độ chẳng thể nào gầy hơn. Y phục độc nhất trên người là manh chiếu rách, ngang hông buộc một sợi dây lưng kết bằng cọng lá chuối. Con bé ngồi đầu rụt trong hai vai. Tới gần hơn, Joseph và Lan thấy nó đang lơ đãng nhìn mặt nước ao sên sệt.

Cách con bé vài bước, Lan dừng lại, ngó chăm chặp nhưng khi ngược mắt lên nhìn Joseph lần nữa, nàng cần môi, và anh thấy khoảng thời gian năm năm xa cách cùng những tàn phá của nạn đói đã làm nàng trở nên bất định. Con bé quay đầu lại. Joseph bất giác bước tới phía nó rồi khụy chân quì xuống. Anh gọi bằng tiếng Việt, giọng rất nhẹ:

- Tuyết, Tuyết... con đừng sợ! Nghe tiếng gọi tên đó, hình dáng nhỏ nhoi thảm hại ấy căng ra. Và đúng khoảnh khắc con bé quay người về phía Joseph, anh biết rằng cuối cùng, cuộc tìm kiếm của họ đã hoàn tất.

Dù thân thể còm cõi với hai con mắt rất to và bùng sốt rừng rực trên bộ mặt hốc hác, Joseph thấy vẻ mặt của nó rõ ràng có thừa hưởng nhan

sắc của Lan. Quì gần bên nó, anh có thể thấy dưới lớp bùn bụi cát ghét, da con bé nhợt nhạt hơn những đứa trẻ khác và độ nghiêng của mắt chỉ hơi xệch chứng tỏ cho thấy nó là một hòa trộn của dòng máu anh và dòng máu Lan. Đột nhiên hai bên thái dương của Joseph đập rộn ràng khi cơn khắc khoải dịu xuống. Anh dang hai tay trong một giáng điệu khẩn nài.

Con bé, rõ ràng hoảng hồn khi thấy bộ mặt trắng phau của người Mỹ, thụt lùi và gần như tuột khỏi bến nước, sắp ngã xuống ao. Nhưng Joseph chép miệng trấn an thật dịu dàng. Chậm chậm và kiên nhẫn, anh vươn người tới. Con bé mắc kẹt vì lưng sát mặt nước và nó quá yếu, không đủ sức chống chọi thêm nữa. Nó cúi đầu, để mặc Joseph đưa hai tay kéo lên. Bên trong manh chiếu, tấm thân gầy như que diêm của nó lấy bấy lạnh run, và trong bàn tay to lớn của anh, nó hình như không có chút sức nặng nào.

Joseph điên cuồng gục mặt áp sát vào vai vào cổ của con gái. Hơi đất từ manh chiếu thổi rửa cùng với mùi vị ngòn ngọt thơm lợm của nạn đói thấm đẫm làn da miền đất xứ này nhận chìm giác quan của anh. Rồi sau cùng, khi anh đưa thẳng hai cánh tay nhắc bổng con bé lên ngang mặt mình, đôi mắt to thao láo và bùng bùng sốt của nó ngậy ngó ngó lại anh. Nó cũng nhìn chăm chặp với, vẻ chẳng thể nào hiểu nổi, những giọt nước mắt, không chút ngưng ngừng, bắt đầu chảy đầm đìa xuống má Joseph.

